PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI
(Chủ biên)

65 năm TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946 - 2011)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

65 năm
TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN
(1946-2011)

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC

GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

9(V)2

——— 354 - 2011

QĐND-2011

PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI
(Chủ biên)

65 năm
TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN
(1946-2011)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2011

Sưu tầm và biên soạn:

- PGS, TS VŨ NHƯ KHÔI (Chủ biên)
- Tiến sĩ TRẦN THANH CHUYỀN
- Tiến sĩ TRẦN ĐÌNH THẮNG
- Thạc sĩ ĐẬU XUÂN LUẬN
- Thạc sĩ NGUYỄN VĂN LƯỢNG
- Cử nhân HOÀNG LAN ANH
- Cử nhân GIANG TUYẾT MINH

LỜI NÓI ĐẦU

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền thuộc về nhân dân, ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập", khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời đã phải đương đầu với nhiều khó khăn và kẻ thù nguy hiểm. Ở miền Bắc với danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân đội Nhật, 20 vạn quân Tưởng đã kéo vào nước ta, dã tâm của chúng là lật đổ chính quyền cách mạng, đưa bọn phản động tay sai Việt quốc, Việt cách lên nắm quyền. Ở miền Nam, ngày 6 tháng 9 năm 1945, quân đội Anh đến Sài Gòn với danh nghĩa là giải giáp quân Nhật nhưng thực chất là giúp cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp được quân Anh yểm trợ nổ súng đánh chiếm Sài Gòn mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Lợi dụng cơ hội này bọn phản cách mạng ở trong nước cũng lộ mặt làm tay sai cho đế quốc, chống lại Tổ quốc, chống lại đồng bào.

Cách mạng mới thành công, chính quyền nhà nước còn non trẻ, lực lượng vũ trang cách mạng đang trong quá trình xây dựng, tổ chức và trang bị còn thô sơ; nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu bị kiệt quệ, tiêu điều bởi hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Tình hình đó đã đặt vận mệnh đất nước đứng trước thử thách vô cùng nghiêm trọng "ngàn cân treo sợi tóc". Vấn đề cơ bản nhất được đặt ra cho Đảng và nhân dân ta lúc này là phải giữ vững chính quyền cách mạng trước sự tiến công điên cuồng của những kẻ thù lớn mạnh, độc ác và nguy hiểm.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945 (chưa đầy một tháng sau khi nhân dân ta giành được chính quyền), thực dân Pháp được Anh giúp đỡ đã gây chiến ở Nam Bộ. Chúng mưu toan đánh chiếm Nam Bộ trong vòng 4 tuần lễ, lấy đó làm bàn đạp đánh chiếm ba nước Đông Dương. Giữ vững lời thề độc lập, nhân dân Nam Bộ đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Để tranh thủ thời gian, chuẩn bị lực lượng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện một số chính sách đối ngoại có nhân nhượng, để phân hóa kẻ thù, tập trung vào kẻ thù nguy hiểm nhất là thực dân Pháp.

Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Ngày 19 tháng 12 năm 1946, quân đội Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam phải tước vũ khí của các lực lượng tự vệ, thả hết bọn Việt gian bị bắt, trao quyền kiểm soát giữ trật tự, trị an ở Hà Nội cho chúng.

Đã đến lúc nhân dân ta phải đứng lên chiến đấu chống xâm lược để bảo vệ quyền thiêng liêng được sống trong độc lập, tự do. 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ. Đáp lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam triệu người như một, nhất tề đứng lên kháng chiến cứu nước.

Sau 65 năm mở đầu Toàn quốc kháng chiến, những chủ trương lãnh đạo kháng chiến, những đối sách trong quan hệ ngoại giao của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như tinh thần chiến đấu anh dũng, kiên cường của quân và dân cả nước đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị thiết thực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tìm hiểu của bạn đọc về tình hình đất nước trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản cuốn sách ***"65 năm Toàn quốc kháng chiến (1946-2011)"****.*

Cuốn sách làm rõ bối cảnh đất nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945; quan điểm, đường lối lãnh đạo của Đảng ta trong đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng; diễn biến toàn quốc kháng chiến ở các tỉnh thành; các văn kiện của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo toàn quốc kháng chiến; đặc biệt, Ban biên soạn có đăng một số bài viết của các vị tướng lĩnh, các nhà khoa học về toàn quốc kháng chiến, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức; các nhà khoa học đã nhiệt tình giúp đỡ để cuốn sách được xuất bản.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(Ngày 2 tháng 9 năm 1945)

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời nói bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1789 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng: mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập lên chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam; tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh

chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

HỒ CHÍ MINH

Phần thứ nhất

ĐẤU TRANH
BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ THỰC LỰC SẴN SÀNG KHÁNG CHIẾN

I.
TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU NGÀY GIÀNH ĐỘC LẬP (9-1945 - 12-1946)

1. Tình hình thế giới

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong bối cảnh tình hình thế giới có những thay đổi lớn lao mà sự kiện lịch sử nổi bật nhất, có ý nghĩa quyết định xu hướng phát triển tất yếu của toàn nhân loại và cách mạng Việt Nam là thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (7 tháng 11 năm 1917), với chiến công vĩ đại đã góp phần cứu loài người khỏi thảm họa phát xít; thiết lập được Nhà nước Xô-viết đầu tiên trên thế giới với chế độ kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa do nhân dân lao động làm chủ, không có áp bức bóc lột, Liên Xô có uy tín và ảnh hưởng sâu rộng trên vũ đài chính trị quốc tế. Hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu trở thành trụ cột cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và bảo vệ hoà bình thế giới. Thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự ra đời Nhà nước Xô-viết thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở nước Nga đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Phong trào giải phóng dân tộc phát triển với quy mô rộng lớn và khí thế ngày càng mạnh mẽ, làm lung lay hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc: Cùng với chiến thắng của các lực lượng đồng minh dân chủ, đứng đầu là Liên Xô, đối với chủ nghĩa phát xít thế giới và trong những điều kiện lịch sử cụ thể ở mỗi nước, nhân dân các dân tộc thuộc địa, đặc biệt là ở châu Á, sau những năm tháng đấu tranh gian khổ, đã giành được độc lập ở những mức độ khác nhau.

Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân làm chủ phần lớn nông thôn vùng Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Đông. Còn Hoa Nam, sát với nước ta, vẫn do Tưởng kiểm soát.

Trên bán đảo Triều Tiên, cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật của các lực lượng yêu nước đã làm suy yếu lực lượng phát xít Nhật chiếm đóng, góp phần dẫn tới thất bại của phát xít Nhật trên bán đảo Triều Tiên. Quân du kích Triều Tiên, dưới sự lãnh đạo của Kim Nhật Thành, đã hoạt động mạnh mẽ ở nhiều vùng trong nước, sát cánh với Quân giải phóng Trung Quốc.

Ở các nước Đông Nam Á, đã diễn ra cuộc đấu tranh mạnh mẽ chống lại sự xâm lược và âm mưu thiết lập "trật tự mới" của phát xít Nhật (thiết lập từ năm 1940) nhằm thủ tiêu hoàn toàn nền độc lập của các dân tộc. Trong cuộc đấu tranh này, các lực lượng yêu nước chống phát xít đã tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất để hòa nhập vào phong trào dân chủ chống phát xít trên thế giới. Đồng thời, các lực lượng vũ trang cũng được thành lập ở những thời điểm khác nhau và góp phần vào việc giải phóng đất nước, tiêu diệt phát xít Nhật.

Sự thất bại của chủ nghĩa phát xít, thời điểm phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh là thời cơ "có một không hai", tạo ra tình thế hết sức thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á. Chớp lấy thời cơ đó, các dân tộc ở Đông Nam Á đã vùng dậy tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho đất nước. Tháng 8 năm 1945, cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi. Ngày 23 tháng 8, nhân dân Lào nổi dậy thành lập chính quyền cách mạng ở nhiều nơi. Ngày 12 tháng 10 năm 1945, ở Lào, nhân dân Thủ đô Viêng Chăn khởi nghĩa giành chính quyền. Ở Inđônêxia, ngay sau khi Nhật đầu hàng, ngày 17 tháng 8 năm 1945, Tuyên ngôn độc lập được công bố, nước Cộng hòa Inđônêxia được thành lập.

Những chuyển biến cách mạng dồn dập trên thế giới sau đại chiến thế giới lần thứ hai, đặc biệt là sự hùng mạnh của Liên Xô và sự ra đời của nhiều nước dân chủ nhân dân, đã thúc đẩy công nhân và quần chúng lao động trong các nước tư bản tăng cường đấu tranh với giới chủ và chính quyền tư sản đòi thực hiện dân chủ, cải thiện dân sinh, tăng lương, giảm giờ làm, chấm dứt sa thải công nhân và tệ phân biệt chủng tộc, ngăn chặn chạy đua vũ trang và gây chiến tranh xâm lược. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động ở các nước tư bản đã trực tiếp làm cho nhiều nước Tây Âu thêm khó khăn về phục hồi kinh tế sau chiến tranh và kìm hãm tốc độ phát triển của chủ nghĩa tư bản nói chung, gây mất ổn định ở ngay dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc. Tại một số nước đế quốc như Pháp và Ý, Đảng Cộng sản có uy tín lớn, có vị trí quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước. Các nước phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại, các đại diện cho chủ nghĩa thực dân kiểu cũ như Anh, Pháp

suy yếu. Riêng Mỹ lợi dụng chiến tranh đã trở thành đế quốc lớn nhất, chi phối hệ thống đế quốc và đang trở thành sen đầm quốc tế. Trước tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ phải tìm cách dàn xếp, hòa hoãn với nhau, tập hợp lực lượng, ngăn chặn phong trào cách mạng trên thế giới. Chúng vừa có sự phối hợp hành động chung, vừa có sự phân chia quyền lợi và chia sẻ "trách nhiệm" trên từng khu vực.

Đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế giai đoạn này là ba trào lưu cách mạng thế giới: chủ nghĩa xã hội, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân ở các nước tư bản ngày càng phát triển thế tiến công chiến lược toàn diện vào chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bốn mâu thuẫn cơ bản[1] của thế giới vẫn tồn tại. Trong đó mâu thuẫn chủ yếu diễn ra giữa một bên là các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, các lực lượng đấu tranh vì dân chủ, hoà bình với một bên là phe đế quốc và lực lượng phản cách mạng.

Cuộc đấu tranh giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng, giữa phong trào giải phóng dân tộc chống ách thực dân, là nội dung chính của tiến trình lịch sử thế giới kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Tình hình đó tác động sâu sắc đến Nhà nước Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám.

Về mặt quốc tế, cách mạng Việt Nam lúc đó ở vào một tình thế vừa có thuận lợi vừa có khó khăn. Thuận lợi cơ bản về sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng toàn thế giới đã đặt nước ta không bị cô lập mà giành được sự đồng tình ủng hộ. Khó khăn lớn nhất là sự chống phá quyết liệt của các thế lực đế quốc, phản động do Mỹ đứng đầu. Việt Nam nằm trong phạm vi tiếp quản của các nước đế quốc mang danh nghĩa Đồng minh. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa mới hình thành và ở xa. Cách mạng Trung Quốc chưa giành được thắng lợi hoàn toàn. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khác xung quanh Việt Nam chưa phát triển mạnh. Đông Dương trở thành nơi tranh chấp của bọn đế quốc và các thế lực phản động.

2. Âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động

Tháng 8 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 2 tháng 9

---

1. Bốn mâu thuẫn cơ bản của thế giới: mâu thuẫn giữa Liên Xô và các nước đế quốc; mâu thuẫn giữa vô sản và tư bản; mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa thực dân; mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau.

năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập", khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ đây nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ vận mệnh của mình và đó cũng là điều kiện thuận lợi căn bản nhất để bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng xã hội mới. Tuy nhiên vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đứng trước những khó khăn chồng chất, những thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Nghiêm trọng nhất là trên đất nước ta, cùng lúc có gần 30 vạn quân của nhiều nước đế quốc rải ra đóng quân ở hầu khắp các vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, các thành phố, thị xã và các tuyến giao thông huyết mạch. Chúng lại có danh nghĩa Đồng minh vào nước ta một cách hợp pháp. Chưa bao giờ trên đất nước ta cùng lúc lại có nhiều kẻ thù ngoại xâm đến như vậy. Cùng với bọn đế quốc, các tổ chức phản động tay sai nhân cơ hội ấy, cũng ra sức hoạt động chống phá cách mạng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một nhân chứng lịch sử lúc đó đã viết:

"Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa, chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ"[1].

Việt Nam là một nước nằm ở địa bàn quan trọng bậc nhất Đông Nam Á, đã từng là "đoá hoa đẹp nhất" trong vườn hoa thuộc địa của đế quốc Pháp; là địa bàn chiếm đóng của phát xít Nhật và là đối tượng nhòm ngó của nhiều đế quốc khác. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Với tính chất triệt để chống đế quốc và tay sai, với vị trí đi đầu trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân tại khu vực, lúc đó, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, bằng sức mạnh của chính mình, vừa tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thành công, đã giành được chính quyền, lập nên nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trong khu vực, nêu cao tấm gương cho các dân tộc thuộc địa noi theo. Vì thế nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trở thành đối tượng chống phá quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc.

Đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, các nước đế quốc lớn như Mỹ, Anh, Pháp, Trung Hoa dân quốc hoặc đưa quân vào xâm lược, can thiệp, hoặc đứng ngoài gây sức ép, đều có mục tiêu chung là tiêu diệt chính quyền non trẻ của ta. Tuy nhiên, với từng tên đế quốc lại có ý đồ, mục tiêu khác nhau. Chúng mặc cả tranh giành quyền lợi, chà đạp lên quyền độc lập thống

---

1. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, H. 1977, tr. 253.

nhất của dân tộc ta. Đế quốc Mỹ để cho Pháp trở lại chiếm Đông Dương nhằm để Pháp nhường cho quyền lợi ở nơi khác; kéo Pháp, Anh cùng chống Liên Xô đồng thời cài thế hất cẳng Pháp và Anh ở Đông Dương và Đông Nam Á sau này. Đế quốc Anh tiếp tay cho Pháp chiếm lại Đông Dương để Pháp nhường cho những quyền lợi ở Trung Cận Đông và châu Phi, đồng thời ngăn chặn ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực đang có nhiều thuộc địa của Anh. Chính phủ Trung Hoa dân quốc do Tưởng Giới Thạch cầm đầu là tay sai của Mỹ, khả năng có hạn lại đang bị áp lực của cách mạng trong nước, nên cố vớt vát một số quyền lợi rồi trước sau cũng phải theo lệnh Mỹ để Pháp trở lại chiếm Đông Dương. Trong số quân đội đế quốc tràn vào nước ta thì đông nhất và gây cho ta những khó khăn nghiêm trọng là quân Tàu Tưởng. Năm 1943, tại Cairô (Ai Cập - 1943), Tổng thống Mỹ - Rudơven, Thủ tướng Anh - Sớcsin, Chủ tịch Trung Hoa dân quốc Tưởng Giới Thạch đã ký hiệp định quy định về việc quân Anh sẽ thay thế quân Nhật ở Nam Đông Dương. Quân Trung Hoa sẽ thay quân Nhật ở Bắc Đông Dương. Từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 2 tháng 8 năm 1945, tại Pốtxđam (Đức) diễn ra Hội nghị các vị đứng đầu ba nước Mỹ, Liên Xô, Anh: Tơruman, Xtalin, Sớcsin (Atli thay Sớcsin sau ngày 28 tháng 7). Hội nghị thông qua các nghị quyết nhằm giải quyết các vấn đề kết thúc chiến tranh. Tại hội nghị, Mỹ, Anh bàn riêng với nhau về vấn đề Viễn Đông rồi ra tuyên bố, trong đó xác nhận điều khoản Hiệp định Cairô: quân Anh sẽ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam Đông Dương, quân Trung Hoa sẽ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc Đông Dương. Như vậy, trước sau các thế lực, các nước đế quốc dù có tranh giành, khống chế nhau, nhưng chúng đều đặt Việt Nam, Đông Dương dưới sự khống chế trực tiếp của chúng để ngăn chặn phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương.

Ngày 9 tháng 8 năm 1945, Chính phủ Tưởng Giới Thạch ra tuyên bố rằng quân đội Trung Hoa chịu trách nhiệm về sự đầu hàng của Nhật Bản tại Bắc Đông Dương. Nhà cầm quyền Trung Quốc ở Trùng Khánh tuy mang nặng đầu óc bành trướng, nhưng do tình hình trong nước khó khăn và phải thực hiện chiến lược chung của chủ nghĩa đế quốc, trực tiếp theo sự điều khiển của Mỹ, nên vừa muốn can thiệp vào Đông Dương vừa muốn mặc cả với Pháp, đòi Pháp một số quyền lợi để cho Pháp chiếm lại Đông Dương. Ngày 10 tháng 10 năm 1944, tại Trùng Khánh, Tưởng Giới Thạch đã bí mật tiếp kiến Đại sứ Pếchcôp, đại diện Chính phủ Đờ Gôn và khẳng định: *"Tôi xin khẳng định lại một lần nữa với ngài rằng, đối với Đông Dương hay lãnh thổ của Đông Dương, chúng tôi đều không có bất cứ ý đồ gì. Về vấn đề này,*

chủ trương của tôi là không thay đổi". Nhưng đó chỉ là sự hứa hẹn, là điều kiện để Tưởng đòi Pháp nhiều quyền lợi khác. Thực tế, Chính phủ Tưởng Giới Thạch đưa quân vào Việt Nam và Lào là muốn can thiệp vào tình hình chính trị các nước và còn muốn nhân dịp này để thanh toán những tên quân phiệt cứng đầu có xu hướng cát cứ ở Hoa Nam. Tại Hội nghị quân sự toàn quốc do Tưởng Giới Thạch triệu tập và Tổng tư lệnh lục quân Hà Ứng Khâm chủ trì ngày 20 tháng 8 năm 1945, Đại tướng Lư Hán được đề bạt làm Tư lệnh Đệ nhất phương diện quân có nhiệm vụ đưa quân đi tiếp nhận sự đầu hàng và giải giáp quân đội Nhật ở Bắc Đông Dương. Trung tướng Tiêu Văn - Chủ nhiệm chính trị Đệ tứ chiến khu, người đã theo dõi tình hình Việt Nam từ lâu, lại giữ vai trò chủ chốt trong cái gọi là "Việt Nam cách mạng chỉ đạo nhất" do Trương Phát Khuê lập ra, được cử sang Việt Nam làm Trưởng ban chính trị của quân đội Tưởng. Giới quân phiệt Lưỡng Quảng và Vân Nam luôn có xu hướng cát cứ, muốn phát triển thế lực ở phía nam, nhân dịp này càng muốn kéo dài thời hạn đóng quân ở Việt Nam, can thiệp sâu vào tình hình Việt Nam, tạo ra chỗ dựa chính trị và vơ vét của cải làm giàu.

Dù là ý đồ của Chính phủ Tưởng và bọn tướng lĩnh chỉ huy quân Tưởng vào Việt Nam có điểm khác nhau, nhưng mục tiêu chung của chúng vẫn là tiêu diệt cách mạng Việt Nam, tránh được mối lo nằm trong gọng kìm của hai lực lượng cộng sản phía bắc và phía nam, đồng thời gây ảnh hưởng của Trung Hoa dân quốc ở Đông Dương, tạo ra tình thế có lợi để mặc cả đòi Pháp nhường cho một số quyền lợi.

Ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Hà Ứng Khâm đã thúc Lư Hán đưa quân vào Việt Nam thật nhanh. Kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" đã chuẩn bị từ lâu, giờ được thực hiện. Đầu tháng 9 năm 1945, Đại tá Sùng Kỳ dẫn đầu đoàn tiền trạm gồm 13 sĩ quan đáp máy bay đến Hà Nội. Trong vòng tháng 9 năm 1945, khoảng 20 vạn quân Tưởng do tướng Lư Hán làm tổng chỉ huy đã kéo vào nước ta, chúng đóng ở hầu khắp các vị trí xung yếu từ biên giới Việt - Trung đến Bắc vĩ tuyến 16. Ngày 28 tháng 9 năm 1945, Lư Hán tiếp nhận sự đầu hàng của quân đội Nhật Bản ở Bắc Đông Dương. Trước đó, ngày 24 tháng 8 năm 1945, Tưởng Giới Thạch tuyên bố: *"Trung Quốc không hề có tham vọng lãnh thổ Việt Nam"*, *"dân tộc Việt Nam sẽ từng bước đi đến hoàn toàn độc lập đúng theo tinh thần của Hiến chương Đại Tây Dương"*. Nhưng kỳ thực, Tưởng Giới Thạch dùng đạo "Hoa quân nhập Việt" gần 20 vạn tên này thực hiện ba mục tiêu trực tiếp: tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho

chúng. Đây là âm mưu rất thâm độc của Tưởng nhằm tiêu diệt lực lượng lãnh đạo, phá vỡ khối đoàn kết toàn dân, thủ tiêu thành quả quan trọng nhất của cách mạng, công cụ chủ yếu để tổ chức, điều hành công cuộc xây dựng xã hội mới.

Quân Tưởng vào, ban đầu không thừa nhận Chính phủ ta. Tưởng Giới Thạch ra văn bản Mười bốn nguyên tắc chiếm đóng các cơ sở quân sự và hành chính Việt Nam, trong đó, chỉ nói quan hệ với Pháp, tước vũ khí quân Nhật, không đếm xỉa đến chính quyền ta. Chúng ngang nhiên tuyên bố thời gian ở Việt Nam là không hạn định, tự khẳng định quyền giữ trật tự, trị an ở Hà Nội, cấm mọi người dân mang vũ khí, đòi ta báo cáo quân số và tổ chức quân đội. Mặt khác, chúng lại đòi ta phải cung cấp lương thực, thực phẩm, nhà ở, phương tiện vận tải, thông tin... Ngày 3 tháng 10 năm 1945, Hà Ứng Khâm tuyên bố: *"Nếu không có đầy đủ những nhu cầu kể trên, quân đội Trung Hoa buộc phải thi hành những phương pháp cần thiết về việc cung cấp đó"*[1]. Bọn Tưởng còn yêu sách ta mỗi tháng phải đổi cho chúng 2 tỷ đồng Đông Dương. Ta không đáp ứng được, chúng tung tiền "Quan kim", "Quốc tệ" mất giá ra, tự định giá cả để vơ vét tiền, hàng hoá, gây rối loạn thị trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, tài chính, tiền tệ của nước ta. 20 vạn quân Tưởng vào chiếm đóng là một gánh nặng đối với nền kinh tế nghèo nàn của nước ta sau Cách mạng Tháng Tám.

Về chính trị, quân sự, quân Tưởng còn gây ra những khó khăn, nguy hiểm hơn nhiều. Ở những nơi đóng quân, chúng thường xuyên gây sức ép để đẩy chính quyền ta ra xa, hoặc vô hiệu hoá hoạt động của chính quyền. Chúng gây ra những vụ khiêu khích, đòi triệt thoái lực lượng vũ trang ta ra khỏi các thị xã, thị trấn và dọc đường giao thông. Binh lính Tưởng thường đi cướp phá các vùng xung quanh. Nhân dân và lực lượng vũ trang ta ngăn chặn, xảy ra những vụ xung đột rắc rối, thì bọn tướng lĩnh lấy cớ sinh sự, yêu sách Chính phủ ta nhiều điều ngang ngược như đòi đưa ra xét xử cán bộ, chiến sĩ ta có liên quan, đòi nắm quyền giữ gìn trật tự trị an, đòi Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chức...

Quân Tưởng thường phối hợp lực lượng hoặc đứng sau hỗ trợ, giật dây bọn tay sai chống phá ta quyết liệt. Vào Việt Nam, quân Tưởng mang theo hai tổ chức phản động do chúng lập ra và nuôi dưỡng là Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt Cách), trong

---

1. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập III, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 240.

đó phần đông là bọn phản động người Việt sống lưu vong ở Trung Quốc. Trên đường tiến quân vào nước ta, quân Tưởng đã giúp cho bọn Việt Quốc chiếm Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Việt Trì, Bạch Hạc, Phúc Yên, Vĩnh Yên...; giúp bọn Việt Cách chiếm Móng Cái, Tiên Yên, Đầm Hà, Đình Lập, Quảng Yên, Hồng Gai...

Ở những nơi Việt Quốc, Việt Cách chiếm đóng, chúng dựa vào lực lượng quân Tưởng chống phá ta quyết liệt. Đặc biệt ở Thủ đô Hà Nội, trung tâm chính trị, quân sự của cả nước, nơi có Trung ương Đảng, Chính phủ, lãnh tụ Hồ Chí Minh, cũng là nơi đặt trụ sở Trung ương Việt Quốc, Việt Cách, quân Tưởng và bọn tay sai chống phá quyết liệt nhất, gây cho ta những khó khăn nghiêm trọng. Bọn Việt Quốc, Việt Cách về bắt tay cùng bọn phản động trong nước như bọn Đại Việt thân Nhật thất thế, bọn tay sai cũ của Pháp... tập hợp trong cái gọi là: "Mặt trận quốc gia chống Pháp", dựa vào quân Tưởng, cùng nhau ra sức chống lại nhân dân, chống lại cách mạng.

Việt Cách lập trụ sở ở số 80 đường Quán Thánh, Việt Quốc lập trụ sở ở phố Đỗ Hữu Vị (nay là Cửa Bắc)... Ngoài ra, các tổ chức phản động trên còn có sào huyệt ngầm ở phố Đuyvinhô (nay là Bùi Thị Xuân), phố Ôn Như Hầu (nay là Nguyễn Gia Thiều), phố Lò Đúc, Hàng Đẫy, Chợ Đuổi... Ở những trụ sở đó, chúng treo cờ, xuất bản báo chí như tờ *Việt Nam, Đồng minh, Chính nghĩa, Liên hiệp, Thiết thực...*, dùng loa phóng thanh công kích Chính phủ. Chúng tổ chức in truyền đơn, bạc giả, tổ chức mít tinh, biểu tình chống Chính phủ, kích động bãi công, bãi thị, bãi khoá, lôi kéo Tổng hội sinh viên ra khỏi Mặt trận Việt Minh. Chúng lập ra các lực lượng khủng bố "Thiết huyết đoàn", "Thần lôi đoàn", "Bàn tay máu", "Đội hùm xám"... để tống tiền những nhà giàu có, bắt cóc, ám sát nhân viên chính phủ và nhiều người yêu nước tiến bộ. Liều lĩnh hơn, ngày 10 tháng 11 năm 1945, bọn phản cách mạng giả danh quân Tưởng đột nhập Sở Liêm phóng Bắc Bộ giải thoát cho Nguyễn Thế Nghiệp, một trong những tên phản động đầu sỏ của Việt Quốc đang bị giam giữ. Thậm chí bọn phản động còn đòi giải tán Mặt trận Việt Minh, đòi định lại Quốc kỳ, phản đối Tổng tuyển cử, đòi Chính phủ Hồ Chí Minh từ chức để Vĩnh Thụy lập chính phủ mới. Bọn Việt Quốc còn tổ chức bảy chiến khu tính từ Phú Yên trở ra, âm mưu dùng lực lượng quân sự chống phá ta lâu dài. Ngay ở giữa Hà Nội, chúng khống chế vùng Ngũ Xã, lập thành "Khu tự trị" chống lại chính quyền.

Trước sức mạnh của cách mạng, trước uy tín của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, uy tín của lãnh tụ Hồ Chí Minh và cuộc đấu tranh vừa kiên quyết, vừa kiên trì mềm dẻo của ta, quân Tưởng tự thấy không thể

dùng vũ lực lật đổ chính quyền cách mạng. Chúng buộc phải chấp nhận hoà hoãn với ta. Mục đích không thay đổi, nhưng chúng định dùng biện pháp khác là bằng thủ đoạn chính trị, ngoại giao làm suy yếu chính quyền ta, phát triển thế lực bọn Việt Quốc, Việt Cách, tiến tới lật đổ chính quyền cách mạng, dựng lên chính quyền phản động, tay sai cho Tưởng. Từ chỗ phản đối Tổng tuyển cử, chống Chính phủ ta, đến chỗ chấp nhận Tổng tuyển cử, nhưng đòi nhường cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không thông qua bầu cử và đòi chia ghế trong Chính phủ liên hiệp. Âm mưu và hành động phá hoại của quân Tưởng cùng bọn tay sai ở miền Bắc Việt Nam đặt trong bối cảnh chung cả nước vào cuối năm 1945, đầu năm 1946 trước những nguy cơ nghiêm trọng. Quân Tưởng và bọn tay sai đã gây cho cách mạng nước ta, nhân dân ta những khó khăn phức tạp về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, những tổn thất về người, về của và những hậu quả lâu dài.

Ở miền Nam, quân đội Anh gồm hơn một vạn quân của Sư đoàn 20 Hoàng gia Anh đa số là người Ấn Độ vào giải giáp quân Nhật. Ngày 5 tháng 9 năm 1945, Phái bộ Anh đến Sài Gòn. Ngày 6 tháng 9, 2.500 quân của Lữ đoàn Goóckha, đơn vị đầu tiên của quân Anh đến Sài Gòn. Tướng Graxây - Tư lệnh Sư đoàn 20 Hoàng gia Anh, Trưởng Phái bộ Anh, tuyên bố công khai rằng:

"Những đạo binh của quân đội Anh chỉ có mục đích duy nhất là kiểm soát các lực lượng quân đội Nhật Bản ở đây, trông nom việc quân đội Nhật Bản phải yên ổn và tuân theo lệnh tước khí giới và rút lui, và sau nữa để cho các kiều dân các nước Đồng minh bị giam trong thời kỳ chiến tranh được về xứ sở. Sau đó quân Anh sẽ rời Sài Gòn. Người Anh không có ý định gì về thời cuộc ở Đông Dương hết"[1].

Nhưng thâm ý của Anh là muốn giúp Pháp chiếm lại Đông Dương, để ngăn chặn phong trào cách mạng thế giới nói chung và ở khu vực có nhiều thuộc địa của Anh nói riêng, để ngăn chặn âm mưu mở rộng thế lực ở Đông Nam Á của Mỹ, và để Pháp nhường cho những quyền lợi ở Trung Cận Đông và châu Phi. Vả lại, Anh không dám để bị lôi kéo vào những vấn đề quân sự tại Đông Dương, diễn biến ở Ấn Độ thu hút sự chú ý của Anh hơn. Với ý đồ trên, ngày 24 tháng 8 năm 1945, Anh đã ký một thoả hiệp với Pháp về nguyên tắc và cách thức khôi phục lại quyền hành của Pháp tại Đông Dương. Vừa đến Sài Gòn, Graxây đã ra lệnh cho quân Nhật làm nhiệm vụ canh gác trong thành phố và ra thông cáo khẳng định quyền duy trì trật tự

---

1. Nguyễn Kiên Giang, *Nước Việt Nam, năm đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám*, Nxb Sự thật, H. 1961, tr. 96.

của quân đội Anh, đòi giải giáp quân đội Việt Nam, ra lệnh cấm mọi người dân mang vũ khí, chiếm các trại giam thả những tên Pháp bị ta bắt giữ sau ngày khởi nghĩa khi chúng nhảy dù xuống Nam Bộ, thả 1.500 lính Pháp thuộc Binh đoàn bộ binh thuộc địa số 11 (11^{e}RIC) bị Nhật giam giữ, đồng thời vũ trang cho chúng. Ngày 12 tháng 9, Anh còn cho một đại đội của Pháp thuộc Binh đoàn thuộc địa thứ 5 (5^{e}RIC) đổ bộ lên Sài Gòn làm nhiệm vụ tiền trạm. Cùng ngày hôm đó, Anh dùng vũ lực chiếm đóng trụ sở ủy ban nhân dân Nam Bộ, hạ cờ Việt Nam, treo cờ Pháp. Từ ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Anh dùng lực lượng của mình và sử dụng quân Nhật, hỗ trợ cho thực dân Pháp gây cuộc chiến tranh ở Nam Bộ.

Nhưng cuộc chiến không tiến triển thuận lợi như Anh - Pháp dự tính ban đầu. Sợ sa lầy vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương và trước làn sóng đấu tranh của nhân dân ta và của cả nhân dân nước Anh phản đối hành động can thiệp của quân Anh vào tình hình Đông Dương, đế quốc Anh phải rút quân. Từ ngày 28 tháng 1 năm 1946, quân Anh bắt đầu rút khỏi nước ta, đến ngày 5 tháng 8 năm 1946 thì rút hết. Quân Anh trước khi rời Sài Gòn đã trao lại quyền hành và khi rút đã để lại phần lớn vũ khí, quân nhu cho quân Pháp.

Trong số các kẻ thù xâm lược nước ta lúc này, kẻ thù nguy hiểm nhất chính là thực dân Pháp xâm lược. Đông Dương mà chủ yếu là Việt Nam, vốn là thuộc địa có vị trí quan trọng bậc nhất của đế quốc Pháp. Với gần 30 triệu dân, chiếm một phần ba dân số thuộc địa và là xứ đông dân nhất trong các thuộc địa của Pháp, trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Đông Dương phải góp mười vạn lính và trong chiến tranh thế giới thứ hai cũng góp 7 vạn. Vào những năm ba mươi của thế kỷ XX, Đông Dương có nguồn xuất khẩu lớn: Năm 1936 xuất 1.711.776 tấn gạo, là một trong những nơi xuất khẩu nhiều gạo và đứng đầu thế giới về xuất khẩu cao su với 6 vạn tấn. Cũng nhờ có Đông Dương mà Pháp có một hành lang trên Thái Bình Dương. Ngoài ra, Đông Dương còn có 4 vạn người Pháp làm ăn sinh sống. Vì thế đế quốc Pháp không thể rời bỏ Đông Dương cho bất cứ một thế lực nào. Khi Nhật vào chiếm đóng Đông Dương năm 1940, Pháp tìm mọi cách để khôi phục quyền thống trị của mình. Đờ Gôn đứng đầu chính phủ lâm thời lưu vong Pháp đã tuyên bố "sẽ giải phóng Đông Dương". Sau khi Nhật đảo chính, ngày 24 tháng 3 năm 1945, Đờ Gôn ra tuyên bố về lập trường của Pháp đối với Đông Dương:

"Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm 5 xứ khác nhau (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên, Ai Lao). Liên bang Đông Dương sẽ

cùng với nước Pháp xây dựng khối Liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại sẽ do Pháp đại diện", "Đông Dương sẽ có một Chính phủ Liên bang, đứng đầu là người trọng tài gồm năm xứ. Bên cạnh viên Toàn quyền, có một Hội đồng Nhà nước, trong đó người Đông Dương chiếm nhiều nhất là 50% số ghế. Một Quốc hội được bầu ra phải phản ánh quyền lợi của nước Pháp"[1].

Rõ ràng lập trường thực dân của Chính phủ Pháp không thay đổi: Đờ Gôn và giới tư bản độc quyền Pháp tìm mọi cách giành lại Đông Dương và duy trì ách thống trị cổ truyền của chúng.

Sau khi nước Pháp được giải phóng, trước tình hình phong trào cách mạng Việt Nam sôi động, quân Tưởng lại sắp vào Đông Dương, đế quốc Pháp hối hả xúc tiến việc trở lại Đông Dương. Ngày 17 tháng 8 năm 1945, Ủy ban Quốc phòng Pháp lập lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông (FEFEO), sau đổi là đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông (CEFEO), đưa sang Đông Dương. Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương thành lập cuối năm 1944, nay cải tổ thành Ủy ban Đông Dương do Đờ Gôn trực tiếp làm Chủ tịch, có Bộ trưởng Quốc phòng và Bộ trưởng Thuộc địa tham gia. Lúc này ở Việt Nam, lực lượng quân sự Pháp có khoảng gần hai vạn tên. Ngoài ra 3 sư đoàn quân viễn chinh theo lệnh Đại tướng Lơcléc - Tổng chỉ huy lục quân Pháp ở Viễn Đông - đang trên đường sang Việt Nam.

Đêm 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp có quân Anh giúp sức đã trắng trợn gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Lợi dụng tình hình lúc quân Pháp đánh ta, bọn Đại Việt, bọn Tờrốtkít, bọn phản động trong các giáo phái, trong các dân tộc ít người... nhảy ra làm tay sai cho Pháp chống phá ta. Bọn tay sai cũ của Pháp như Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Ty, Lê Văn Hoạch, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Tâm... ngóc đầu dậy đón chủ cũ. Chúng lập ra "Đảng Đông Dương tự trị", "Đảng Nam Kỳ", nặn ra cái gọi là "Nam Kỳ quốc" chống lại sự thống nhất quốc gia dân tộc Việt Nam. Các tổ chức chính trị thân Nhật cũ do Trần Trọng Kim, Ngô Đình Diệm... cầm đầu, cũng trở lại hoạt động chống cách mạng. Bọn Đại Việt Dương Văn Giáo, Phạm Cao Hùng, Phan Huy Lễ... thành lập "Chính phủ Việt Nam dân quốc lâm thời". Nhóm Tờrốtkít khoác áo mácxít hoạt động chống phá Đảng Cộng sản, chống phá chính quyền cách mạng ở Nam Bộ. Chúng ra báo "Tranh đấu" gieo rắc tư tưởng hoài nghi kích động quần

---

1. *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược*, Nxb Sự thật, H. 1986, tr. 19.

chúng đòi tăng lương ngay cho công nhân, đòi chia ruộng đất ngay cho dân cày, đề xướng ra cái gọi là "Mặt trận công nông" "liên kết thợ thuyền và dân cày đấu tranh chống tư sản và địa chủ" để chia rẽ Mặt trận dân tộc thống nhất, ly gián quần chúng với Đảng, Chính phủ. Chúng đòi "võ trang quần chúng" diệt hết tất cả quân Pháp, Anh, Ấn, Nhật để phá hoại sách lược phân hoá kẻ thù. Ở ngoài Bắc, chúng định kéo quần chúng ra đường biểu tình chống Chính phủ, chúng đòi "võ trang thanh niên", "bắt nhốt những người Pháp lại"... gây rối loạn chính trị, tạo cớ cho bọn đế quốc lật đổ Chính phủ ta[1].

Một số kẻ phản động lợi dụng đạo Cao Đài, Hoà Hảo gây chia rẽ, từ bỏ Mặt trận dân tộc thống nhất, quay lại đầu hàng giặc Pháp, chống lại chính quyền. Bọn phản động với 3.000 quân Cao Đài lập căn cứ Châu Đốc - Long Xuyên chống cách mạng.

Lê Hữu Từ, giám mục đạo Thiên chúa ở Phát Diệm (Ninh Bình) được ta đưa vào Ban Cố vấn Chính phủ, nay cũng nhiều lần phản đối chủ trương chính sách của Chính phủ.

Bọn tay sai giặc Pháp lại kích động một số người thuộc dân tộc Khơ Me ở Nam Bộ nổi lên chống lại chính quyền, gây cho ta những tổn thất và để lại hậu quả kéo dài.

Cùng lúc đó, trên đất nước ta còn khoảng sáu vạn quân Nhật vũ khí đầy đủ, sẵn sàng theo lệnh quân Anh, quân Tưởng chống lại ta, và trên thực tế, quân Nhật đã đi cùng mở đường cho quân Pháp đánh ta. Ở Nam Trung Bộ đã xảy ra xung đột giữa lực lượng vũ trang ta với quân Nhật.

3. Tình hình Việt Nam

Trong khi phải chống lại kẻ thù đế quốc và các thế lực phản động đông và mạnh, với những âm mưu thủ đoạn chống phá điên cuồng như vậy thì về phía cách mạng lại đang gặp phải những khó khăn khác chồng chất. Cuộc cách mạng vừa thành công, chính quyền còn non trẻ, chưa được củng cố. Bộ máy hành chính từ Trung ương đến các làng bản còn đơn giản, hầu hết cán bộ chưa có kinh nghiệm quản lý Nhà nước. Mặt trận dân tộc thống nhất tuy phát triển rộng rãi, nhưng cũng chưa được củng cố vững chắc.

---

1. Báo Cờ giải phóng ngày 7 tháng 10 năm 1945.

Chính quyền nhân dân non trẻ lúc này gặp khó khăn chồng chất. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chưa được một nước nào trên thế giới công nhận, khó khăn lớn được thể hiện trên các mặt.

- *Về nông nghiệp:* Ngay trước khi giành được chính quyền, nạn lụt lại xảy ra làm vỡ đê nhiều tỉnh thuộc Bắc Bộ, 35 vạn hécta ruộng bị ngập lụt. Chín tỉnh Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình bị mất mùa nặng. Ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh mất mùa tới 50%. Sau nạn lụt lại đến hạn hán, 50% ruộng đất ở Bắc Bộ bị bỏ hoang. Diện tích cấy trồng và sản lượng đều giảm sút. Ở 15 tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, diện tích cấy trồng lúa vụ mùa năm 1945 chỉ đạt 540.000 hécta (vụ mùa năm 1944 là 967.000 hécta). Số ruộng bị bỏ hoang không cày cấy được vì ngập lụt, thiếu nhân công, thiếu giống khoảng 265.000 hécta. Vụ mùa năm 1944, miền Bắc thu được 832.000 tấn thóc, cả năm 1945 chỉ thu được 500.000 tấn.

- *Về văn hóa giáo dục:* Hậu quả của chính sách ngu dân của thực dân Pháp làm cho 95% dân số Việt Nam mù chữ. Số người được đi học các bậc học tiểu học, trung học và cao đẳng rất ít ỏi. Theo "Đông Dương thống kê niên giám" thì năm 1936 - 1937, cả ba kỳ bình quân 3 làng có một lớp sơ học và chỉ có 2% dân số đến trường. Đó là bậc học phát triển nhất dưới chế độ thực dân Pháp. Bậc tiểu học, toàn quốc có 638 trường (kể cả trường tư) bình quân 34 làng và 29.239 người mới có một trường, và chỉ có 0,4% dân cư theo học ở bậc tiểu học. Bậc cao đẳng tiểu học, bình quân cứ 1.170.000 người dân mới có một trường và chỉ có 0,05% dân số đến học ở các trường này. Còn ở bậc trung học số người Việt Nam theo học chỉ chiếm tỷ lệ 0,009% so với dân số.

Chế độ cũ để lại những tệ nạn rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, đĩ điếm, mê tín dị đoan, bệnh tật gây nhiều khó khăn trở ngại cho việc bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng xã hội mới.

- *Về kinh tế tài chính:* Những khó khăn do chế độ cũ để lại đó là ách áp bức phong kiến cùng chính sách vơ vét tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật khiến nền kinh tế quốc dân lâm vào tình trạng suy sụp thảm hại. Nhân dân vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, chỉ trong vòng ba tháng giữa năm 1945, hơn hai triệu đồng bào (tức là gần 1/10 dân số nước ta) đã chết vì đói và dịch bệnh.

Công thương nghiệp hoàn toàn đình đốn, ngoại thương bị đình trệ, thủ công nghiệp phá sản. Hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng, giá cả tăng vọt. Hàng vạn công nhân không có việc làm. Nền tài chính quốc gia vô cùng quẫn

bách, kho bạc cạn kiệt. Cách mạng thành công, ta tiếp quản kho bạc chỉ vẻn vẹn có 1.230.720 đồng tiền giấy, kể cả 586.000 đồng là tiền hào rách nát không tiêu được. Đó là chưa kể đến 564.367.522 đồng tiền nợ của chế độ cũ. Trong khi đó Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp, nguồn thu ngân sách chưa có gì đáng kể.

- *Về quân sự:* Lực lượng vũ trang khi cách mạng mới thành công chỉ có 50.000 quân giải phóng và vài vạn tự vệ, trình độ chiến thuật, kỹ thuật, kinh nghiệm chiến đấu còn non yếu, vũ khí, trang bị còn thô sơ.

Trong quan hệ quốc tế thì nước ta đang còn bị đế quốc bao vây bốn phía. Bọn đế quốc tuy nhiều mâu thuẫn, nhưng đã đạt được hoà hoãn, cùng nhau chống phá hòng tiêu diệt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Còn Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân và phong trào cách mạng thế giới chưa có điều kiện hiểu biết đầy đủ cuộc cách mạng nước ta và chưa thể trực tiếp giúp đỡ cách mạng Việt Nam.

Tình hình cách mạng Việt Nam khi mới giành được chính quyền đã phải đương đầu với những khó khăn chồng chất. Cuộc cách mạng nào mới thành công cũng đều gặp phải những khó khăn to lớn. Nhưng những khó khăn thử thách mà chúng ta phải đương đầu thật đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó chính quyền mới thành lập, chưa có điều kiện phát huy những thuận lợi cơ bản lâu dài, cũng chưa thể ngay một lúc khắc phục được những khó khăn chồng chất, nặng nề về mọi mặt, cùng một lúc Đảng ta, nhân dân ta phải đương đầu với ba loại giặc: "Giặc đói", "Giặc dốt", "Giặc ngoại xâm". Tương quan lực lượng bất lợi cho cách mạng Việt Nam. Sự mất còn của cách mạng, của nền độc lập thống nhất quốc gia đặt ra một cách trực tiếp. Vận mệnh của đất nước như "ngàn cân treo sợi tóc".

II.
CHIẾN LƯỢC VÀ SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG TA TRONG ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP

Trước tình thế hiểm nghèo của đất nước, Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt đánh giá tình hình, xác định mục tiêu chiến lược, các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, tìm ra đối sách đúng đắn, kịp thời với từng kẻ thù, vượt qua khó khăn, thử thách, đưa cách mạng vững bước đi lên. Khẩu hiệu hành động được đưa ra lúc này là: "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết", phải tập trung lực lượng đối phó với kẻ thù chính, nguy hiểm nhất là thực dân Pháp xâm lược.

1. Chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc

Ngay từ trước cách mạng, Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương (ngày 14, 15 tháng 8 năm 1945) đã dự báo tình hình: "Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị của chúng ở Đông Dương" và xác định "chính sách của chúng ta là phải tránh cái trường hợp: một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Trung Quốc, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta"... Sau Cách mạng Tháng Tám, tình hình nước ta đúng như những nhận định cơ bản trên, nhưng diễn biến cụ thể phức tạp hơn.

Ngày 10 và 11 tháng 9, Ban Thường vụ Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị ra Nghị quyết đánh giá sâu sắc tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, Nghị quyết xác định rõ nhiệm vụ chính lúc này là: "Củng cố chính quyền, dùng chính trị, ngoại giao, vũ khí cần thiết đến dùng quân sự để giữ vững nền độc lập.

Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng để chống mọi sự xâm lăng".

Về vấn đề chính quyền, nghị quyết cũng xác định:

"*Về mặt chính trị*

1. Huy động các hạng nhân tài và chính trị phạm ra giúp việc.

2. Cấp tốc tổ chức các ủy ban nhân dân các làng các phố, việc tổ chức các ủy ban công sở hay nhà máy của Chính phủ nên kéo hết thảy những tầng lớp ở trong đó tham gia, nên chú ý tránh sự đụng chạm đến những vấn đề chuyên môn của những người có trách nhiệm. Tổ chức các ủy ban công nhân ở các sở hay các nhà máy của tư nhân...

3. Việc thi hành chung trong chương trình Việt Minh phải cho thống nhất và do Chính phủ định đoạt... Cố giữ ngân quỹ hàng tỉnh cho thăng bằng trong khi chờ mỗi một thứ thuế công bằng và nhẹ.

4. Việc tiễu trừ Việt và Pháp gian phải căn cứ vào hành động chính trị phá hoại nền độc lập mới gọi là Việt gian và Pháp gian, còn những phần tử từ trước tới nay thường áp bức bóc lột dân chúng thì không phải Việt gian hay Pháp gian. Đối với bọn lãnh tụ Việt gian thì phải bắt và nghiêm trị, đối với bọn làm theo thì phải thuyết phục...

5. Việc tịch thu của Việt hay Pháp gian (tài sản) phải thi hành cho đúng đắn, những nhà cửa đồ đạc khi tịch thu phải niêm phong để bán đấu giá rồi bỏ tiền vào quỹ của Ủy ban nhân dân địa phương hoặc dùng vào trong công việc chung...

6. Đối với sự kiện tụng trong địa phương phải đặt một ban tư pháp xét xử những việc lặt vặt, còn những việc quan hệ thì tư lên Ủy ban nhân dân tỉnh. Hơn hết trong lúc này những việc kiện tụng nên dàn xếp cho qua đi và chú ý vào vấn đề chính quyền.

Về vấn đề quân sự

Phải đặc biệt tổ chức các đội tự vệ chiến đấu các làng.

Mỗi làng phải cử ít nhất một người lên tỉnh học trường quân sự thường thức để về huấn luyện cho đội viên tự vệ.

Mỗi phủ huyện ít nhất phải có một trung đội canh gác... Đối với bảo an binh (binh lính và sĩ quan) chọn lọc và sa thải những phần tử hủ hoại rồi sáp nhập với giải phóng quân. Và cấp tốc mở lớp huấn luyện nâng cao trình độ chính trị của họ trong một thời gian ngắn.

Các bộ đội mới, cũ đều phải có chính trị chỉ đạo viên, sẽ có những sách nghiên cứu về chiến thuật du kích và chiến sự trong bộ đội.

Phải xoá bỏ hàng rào chia rẽ giữa giải phóng quân và bảo an binh, giữa sĩ quan và chính trị viên.

Phải thống nhất chỉ huy quân sự đến Bắc Bộ.

Phải có Ủy ban thay người trông nom việc mua và cho võ khí cũng như các đoàn thể sẽ tổ chức những đoàn đi thăm và úy lạo quân giải phóng.

Phải làm cho dân chúng và quân đội có sự liên lạc và hợp tác chặt chẽ với nhau bằng cách tổ chức những đoàn thể thâm nhập vào dân chúng, tuyên truyền và giúp đỡ dân chúng.

Thực hiện hoàn toàn khẩu hiệu quân dân nhất trí.

Phải dùng các hình thức tuyên truyền vận động để nâng cao trình độ tinh thần của quân đội về mọi phương diện. Mở lớp huấn luyện tại chỗ về quân sự và chính trị, lập câu lạc bộ cho quân đội ở mỗi tỉnh.

Vấn đề kinh tế và tài chính

... Các tỉnh phải lo lấy nền kinh tế riêng tỉnh mình nghĩa là phải tự tạo lấy một nền kinh tế độc lập tự cung... Khuyến khích sự chăn nuôi trồng trọt...

Vấn đề xã hội

Đặc biệt tổ chức cứu tế nạn lụt...

Về việc chống nạn mù chữ, mở lớp dạy chữ quốc ngữ ở các làng, các địa phương.

Vấn đề văn hoá

Lập hội văn hoá cứu quốc ở các tỉnh...

Vận động các giới

Mở cuộc vận động các giới thật rộng rãi, đặc biệt chú ý những giới công nhân, thanh niên, phụ nữ...

Vấn đề nội bộ

Vấn đề tuyên truyền chúng ta phải nhằm mấy khẩu hiệu chính trong lúc này là:

Thống nhất đoàn kết

Chống xâm lược Pháp

Việt Nam hoàn toàn độc lập

Ủng hộ Chính phủ Dân chủ Cộng hoà...

Tổ chức

Ta phải đi vào tổ chức bề sâu của phong trào nghĩa là hệ thống ngang dọc của các hội cứu quốc, phải thật chu đáo, ăn khớp với nhau, quy luật của tổ chức phải chặt chẽ, nghĩa là phải thống nhất lên đến cơ quan toàn kỳ Việt Minh..."[1].

Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 26 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn đồng bào về việc đối xử với những tù binh người Pháp: "... ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước"[2]. Những lời căn dặn của Bác chính là tư tưởng chỉ đạo về chính sách tù, hàng binh của Đảng ta, thể hiện truyền thống nhân văn, nhân đạo cao cả của dân tộc Việt Nam đối với kẻ thù xâm lược, làm cho thế giới trước hết là nhân dân Pháp hiểu rõ hơn về nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam là đấu tranh vì "Độc lập - Tự do", từ đó ra sức lên án những hành động xâm lược, đàn áp trắng trợn, dã man của thực dân Pháp, đồng thời ủng hộ tích cực cuộc đấu tranh chính nghĩa chống ách thực dân của nhân dân ta.

Nhằm kịp thời lãnh đạo cách mạng, củng cố giữ vững chính quyền, ổn định đời sống nhân dân, tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến cứu nước chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*. Từ đánh giá sâu sắc tình hình thế giới và trong nước sau chiến tranh thế giới thứ hai, yêu cầu khách quan và mục tiêu của cách mạng, chỉ ra những mâu thuẫn giữa các thế lực đế quốc và âm mưu của chúng đối với cách mạng Việt Nam, Trung ương Đảng chủ trương: "Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước chưa được hoàn toàn độc lập.

Nhiệm vụ *cứu nước* của giai cấp vô sản chưa xong. Giai cấp vô sản vẫn phải hăng hái, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy. Khẩu hiệu vẫn là: *"Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết"*.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 7-13.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 27-28.

Kẻ thù chính của ta lúc này là *thực dân Pháp xâm lược,* phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

Chiến thuật của ta lúc này là *lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*. Mở rộng Việt Minh cho nó bao gồm mọi tầng lớp nhân dân (chú trọng: kéo địa chủ, phong kiến và đồng bào Công giáo, v.v...).

Thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp xâm lược. Kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc dân tộc. Độc lập về chính trị, thực hiện chế độ dân chủ cộng hoà; cải thiện đời sống cho nhân dân"[1].

Từ chủ trương trên, chỉ thị xác định nhiệm vụ chung của giai cấp vô sản thế giới là tranh đấu để thực hiện triệt để Hiến chương Liên Hợp quốc, ủng hộ Liên Xô, xây dựng hoà bình thế giới, mở rộng chế độ dân chủ nhân dân ra các nước, giải phóng các nước thuộc địa.

Nhiệm vụ "cần kíp" trong nước lúc này là "... phải củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân"[2]. Trong bốn nhiệm vụ đó, nhiệm vụ trung tâm là giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng. Chính quyền cách mạng là thành quả lớn nhất, tập trung nhất của nhân dân ta qua quá trình đấu tranh cách mạng. Chỉ có giữ vững và củng cố chính quyền mới có điều kiện để giữ vững nền độc lập thống nhất quốc gia, mới thực hiện được các nhiệm vụ cách mạng khác. Trong hoàn cảnh lúc đó, phải căn cứ vào âm mưu, thủ đoạn, lực lượng và khả năng của từng kẻ thù đế quốc phản động, cũng như phải xuất phát từ hiện trạng kinh tế - xã hội nước ta để có các chủ trương, biện pháp kháng chiến kiến quốc phù hợp. Những văn kiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng, tập trung nhất là Chỉ thị *kháng chiến kiến quốc* đã vạch ra các nhiệm vụ và biện pháp toàn diện, cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu cách mạng.

- Về chính trị: Lãnh đạo thành công cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội vào ngày 6 tháng 1 năm 1946. Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Quốc hội khoá I họp kỳ đầu tiên, trao quyền cho Chủ tịch Hồ Chí Minh lập Chính phủ chính thức, thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ở các địa phương trên cả nước, nhân dân đã bầu ra Hội đồng nhân dân các cấp; ủy ban nhân dân chính thức ra đời thay thế các ủy ban nhân dân lâm thời trước đây.

1, 2 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 26, 27.

Chủ trương mở rộng khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở phát triển mạnh mẽ các đoàn thể cứu quốc trong mặt trận Việt Minh, tổ chức thêm những đoàn thể cứu quốc mới. Thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt).

Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật nhằm "lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn". Về công khai, Đảng đã tổ chức ra "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, giữ vững và mở rộng mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Lãnh đạo chính quyền các cấp khắc phục những khuyết điểm trong bộ máy nhà nước. Chính quyền cách mạng đã nhanh chóng xoá bỏ bộ máy cai trị của chính quyền cũ. Chính phủ ra sắc lệnh giải tán hai Đảng phản động "Đại Việt Quốc gia xã hội Đảng" và "Đại Việt Quốc dân Đảng"; ra sắc lệnh quản thúc an trí những phần tử nguy hiểm cho nền Dân chủ Cộng hoà Việt Nam, lập toà án quân sự để xét xử bọn phản động.

Về quân sự: "Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác đến triệt để"[1].

Chỉ đạo phát triển lực lượng vũ trang, tăng cường sức mạnh quân sự, động viên toàn dân tham gia bảo vệ nền độc lập. Khi thực dân Pháp nổ súng xâm chiếm Nam Bộ, Đảng phát động nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thành lập các ủy ban kháng chiến, củng cố lực lượng trừ gian, xây dựng lực lượng bí mật vùng địch tạm chiếm. Ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chính phủ ra sắc lệnh chuyển *Vệ quốc đoàn* thành *Quân đội Quốc gia Việt Nam*.

Cùng với việc xây dựng quân đội thường trực, Đảng chủ trương xây dựng dân quân, tự vệ ở khắp nông thôn và thành phố.

Về ngoại giao: Giữ vững nguyên tắc *"bình đẳng tương trợ"* trong quan hệ ngoại giao với các nước. Những điều cần đặc biệt chú ý: *Một là làm cho nước mình ít kẻ thù hơn hết và nhiều bạn đồng minh hơn hết.* Cụ thể với từng đế quốc: đối với quân Nhật, giữ thái độ ôn hoà, tránh tất cả những sự xô xát vô ích, bất lợi cho cả đôi bên. Đối với Tàu Tưởng vẫn chủ trương *Hoa - Việt thân thiện*, coi Hoa kiều như dân tối huệ quốc. Đối với Pháp có sự đồng lõa của Anh thì chủ trương độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 27.

Hai là muốn ngoại giao thắng lợi phải biểu dương lực lượng, vì dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh. Công cuộc ngoại giao lúc này là một mặt trận đấu tranh quan trọng và rất phức tạp, trong tình thế nhiều kẻ thù đang trực tiếp xâm lược, can thiệp mà nước ta còn bị bao vây bốn phía, tương quan lực lượng không có lợi cho cách mạng. Vì thế phải triệt để phân hóa kẻ thù, có chính sách ngoại giao linh hoạt khôn khéo phù hợp với từng kẻ thù, từng hoàn cảnh cụ thể để cùng với các mặt đấu tranh khác giữ vững nền độc lập, thống nhất của đất nước.

Về tuyên truyền: Kêu gọi sự đoàn kết, thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược nhưng chống sự thống nhất vô nguyên tắc với bọn phản quốc; khêu gợi chí căm thù đối với thực dân Pháp và đề cao sự tin tưởng của quốc dân vào thắng lợi cuối cùng; đồng thời phải làm cho đồng bào phân biệt rõ giữa bọn thực dân Pháp xâm lược với nước Pháp và nhân dân Pháp, đặt riêng bọn thực dân Pháp xâm lược ra một bên mà đánh, đừng bỏ cả Pháp, Anh, Ấn (binh lính Anh người thuộc địa Ấn Độ) vào một bị và đừng coi họ là kẻ thù ngang nhau; đừng công kích nước Pháp và dân Pháp.

Về kinh tế tài chính: Đề ra chính sách và lãnh đạo tổ chức thực hiện các chính sách ổn định và cải thiện đời sống nhân dân như: khôi phục sản xuất công nghiệp, khuyến khích các giới công thương mở hợp tác xã, mở các hội cổ phần tham gia kiến thiết lại đất nước; khuyến khích phát triển nông nghiệp, sửa chữa đê điều, tăng gia sản xuất; thực hành tiết kiệm, giúp đỡ nhau chống nạn đói, tổ chức "Tuần lễ vàng", xây dựng "Quỹ độc lập", lập Ngân hàng quốc gia, ngân quỹ và phát hành tiền Việt Nam.

Về văn hoá: Tổ chức bình dân học vụ, bài trừ nạn mù chữ; mở mang giáo dục các cấp, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ; xây dựng nền văn hoá mới theo ba nguyên tắc: dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá.

Về Đảng: Phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, kết nạp thêm đảng viên, đặc biệt chú trọng gây cơ sở của Đảng cho thật rộng, làm cho sự phát triển của Đảng theo kịp sự phát triển của phong trào công nhân cứu quốc. Tránh cả hai khuynh hướng: chỗ thì tổ chức đảng hẹp quá, chậm quá, chưa bỏ được bệnh hẹp hòi của thời kỳ hoàn toàn bí mật; chỗ thì tổ chức đảng rộng quá, nhanh quá để cho các phần tử cơ hội, phản động lọt vào trong Đảng. Phải tổ chức ra các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Mác, bao gồm tất cả những người có khuynh hướng cộng sản, cảm tình cộng sản do người cộng sản lãnh đạo, ngăn ngừa không để đảng viên tiêm nhiễm

những thói tiểu tư sản..., duy trì nghiêm chế độ sinh hoạt Đảng; tổ chức các chi bộ trong các cơ quan hành chính hay trong các hội hợp pháp, thành lập chi bộ trong quân đội; phối hợp hoạt động bí mật với công khai, đặc biệt coi trọng hoạt động bí mật, không để hai cơ quan, hai hoạt động này xung đột hay đối lập nhau; cơ quan Đảng các cấp duy trì thường xuyên chế độ thông báo, báo cáo tình hình về chủ trương chung của Đảng và chỉ thị công tác cho cấp dưới; phát hành những tài liệu tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ trương, đường lối của Đảng.

Về Mặt trận Việt Minh: Ra sức phát triển các tổ chức cứu quốc sẵn có và thống nhất các tổ chức ấy trong toàn kỳ, toàn quốc, sửa lại điều lệ các đoàn thể cứu quốc cho thích hợp với hoàn cảnh mới; lập thêm những đoàn thể cứu quốc mới vào Mặt trận Việt Minh. Giúp cho "Việt Nam Dân chủ Đảng" thống nhất và phát triển để thu hút vào mặt trận những tầng lớp tư sản, địa chủ yêu nước và tiến bộ. Giúp "Việt Nam nông gia cứu quốc hội" phát triển và mở rộng ảnh hưởng. San phẳng những xung đột xích mích giữa các đoàn thể trong mặt trận, những mâu thuẫn, cạnh tranh giữa ủy ban nhân dân và Ủy ban Việt Minh. Chấn chỉnh lại Tổng bộ Việt Minh để Tổng bộ sinh hoạt đều và tăng cường chỉ đạo các đoàn thể trong mặt trận. Chỉ thị quy định những người cộng sản bắt buộc phải vào các đoàn thể cứu quốc để sinh hoạt và vận động quần chúng. Khẩn trương củng cố các đảng đoàn trong các đoàn thể mặt trận để *duy trì và củng cố quyền lãnh đạo mặt trận*.

Về Chính phủ: Chấn chỉnh lại các bộ, cải cách chính quyền nhân dân ở địa phương, nếu vì lý do cần thiết thống nhất dân tộc và xúc tiến ngoại giao thì có thể cải tổ Chính phủ trước ngày họp Quốc hội. Chính phủ cải tổ ấy vẫn là Chính phủ lâm thời; thanh trừng những phần tử xấu trong ủy ban nhân dân địa phương và cải tiến cách làm việc của những ủy ban ấy; ban hành những sắc lệnh mang lại ngay quyền tự do và hạnh phúc thực tế cho nhân dân trong điều kiện cụ thể và hoàn cảnh cho phép. Giải quyết một cách hợp lý vấn đề ruộng đất và thuế khoá. Trừng trị bọn phản quốc, bọn chia rẽ, bọn đầu cơ tích trữ và bọn lạm quyền nhiễu dân. Trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và Trung Bộ. Cải cách chính quyền nhân dân ở địa phương, cải thiện cách làm việc của các ủy ban ấy.

Đặc biệt về việc kháng chiến, Chỉ thị kháng chiến kiến quốc nêu rất cụ thể: "Hiện nay ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, giặc Pháp chiếm được nhiều tỉnh lỵ, nhưng ta vẫn làm chủ ở thôn quê. Trái lại ở Lào, những thành phố lớn như Viêng Chăn, Thà Khẹt, Sa Vẳn, Xiêng Khoảng, Sầm Nưa,

Sê Pôn, v.v... vẫn do quân Lào, có quân Việt Nam giúp sức làm chủ. Còn ở thôn quê, quân Pháp vẫn có thể hoành hành. Ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, quân ta bao vây quân Pháp tại các thành thị, trái lại ở Lào, quân Pháp thỉnh thoảng lại bao vây quân ta tại các thành thị.

Vậy chiến thuật của ta ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ là cắt đứt liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong toả những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiễu loạn về quân sự. Còn ở Lào, thì nhiệm vụ chiến thuật là phải *"tăng cường võ trang tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân Lào ở thôn quê"* làm cho Mặt trận thống nhất kháng Pháp của Lào - Việt lan rộng và chiến tranh du kích phát triển ở thôn quê, đặng bao vây lại quân Pháp ở những nơi sào huyệt của chúng và quét sạch chúng ra khỏi đất Lào. Còn ở Miên thì phải thành lập ngay liên quân Miên - Việt và làm cho chiến thuật du kích lan rộng trên đất Miên".

Phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để và cổ động nhân dân thi hành chính sách ở các thành thị quân địch làm chủ và thi hành "nhà không đồng vắng" nếu quân Pháp tràn về quê. Điều cốt tử là phải giữ vững liên lạc giữa các chiến khu để thống nhất chỉ huy, nơi nào rút khỏi thành thị thì quân ta phải chiếm đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Các vùng chiến tranh chưa lan đến cũng phải chuẩn bị đối phó khi tiến khi lui; kế hoạch tiến công cũng như kế hoạch rút lui cũng phải hết sức chu đáo (phòng đủ mọi việc, địa điểm, cán bộ, lương thực, thuốc men, quần áo, võ khí, v.v...).

Về chống nạn đói: Công việc cứu đói cũng cần như việc đánh giặc, phải tích cực chống đói hiện giờ và đề phòng nạn đói thời gian tới; phải khuyến nông *làm cho tá điền và địa chủ nhân nhượng nhau* để tiếp tục cày cấy như thường, thực hành khẩu hiệu "không bỏ một thước đất hoang"; tổ chức tiếp tế, ngăn cấm đầu cơ tích trữ, tổ chức cứu tế, thực hành khẩu hiệu "nhường cơm sẻ áo" của Hồ Chủ tịch; nhập cảng ngũ cốc.

Về việc Tổng tuyển cử sắp tới: Phải xúc tiến việc sửa soạn Tổng tuyển cử. Nguyên tắc giới thiệu ứng cử là: số đảng viên một phần ba, số người của các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh một phần ba và số người ngoài mặt trận một phần ba; các ứng cử viên đều đứng trên danh nghĩa công dân. Phải đưa những người đã ở trong ủy ban nhân dân có năng lực hành chính ra ứng cử, còn những người bất lực và thiếu tư cách thì cho nghỉ để làm việc khác. Cần giới thiệu những vị thân hào có tài, có đức ra ứng cử, và cùng đứng chung một sổ quốc gia liên hiệp với những người ứng cử của

Việt Minh (chỗ nào không có lực lượng phản động tranh giành thì không cần giới thiệu sổ riêng).

Đó là những biện pháp toàn diện để kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công. Tuy có nhiều công việc khác nhau, những việc này có quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau nhưng đều nằm trong nhiệm vụ chiến lược là kháng chiến kiến quốc. Nhiệm vụ xây dựng đất nước vừa là yêu cầu trước mắt, vừa là yêu cầu cơ bản lâu dài, có vị trí hết sức to lớn. Nhưng trong hoàn cảnh nước ta lúc đó mới giành được chính quyền; lại phải ổn định đời sống nhân dân, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang đến gần. Vì vậy vấn đề hàng đầu đặt ra lúc này là phải củng cố giữ vững chính quyền cách mạng, có giữ vững được chính quyền mới tập hợp, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối *"Kháng chiến kiến quốc"* của Đảng đã đề ra.

Đường lối *kháng chiến kiến quốc* phản ánh đúng đắn tình thế và yêu cầu của cách mạng nước ta từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946 khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ, vạch rõ mục tiêu phương hướng tiến lên của cách mạng, định ra những yêu cầu cụ thể cho từng nhiệm vụ. Đây là đường lối chung của Đảng lãnh đạo toàn dân, toàn quân ta vượt qua thử thách hiểm nghèo, đưa cách mạng đi tiếp con đường giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ mới.

2. Biện pháp nhằm xây dựng, củng cố, giữ vững chính quyền và những kết quả đạt được

a) Biện pháp xây dựng, củng cố chính quyền

Ngày 3 tháng 9 năm 1945, một ngày sau Lễ Tuyên ngôn độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra sáu việc cấp bách cần làm ngay, Người nêu rõ: "*Một là, nhân dân đang đói* - Ngoài những kho chứa thóc mà Pháp, Nhật vơ vét của nhân dân, bọn Nhật, Pháp còn bắt đồng bào chúng ta giảm bớt diện tích cấy lúa để trồng thầu dầu, đay và những thứ cây khác cần thiết cho cuộc chiến tranh của chúng. Hơn nữa, chúng ta còn tìm thấy hai kế hoạch của bọn cầm quyền Pháp với mục đích gây nạn đói, để ngăn trở phong trào yêu nước và bắt buộc đồng bào chúng ta phải làm việc như nô lệ.

Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này. Vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho

tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống.

Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất.

Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Vấn đề thứ hai, nạn dốt - Là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ.

Nhưng chỉ cần ba tháng là đủ để học đọc, học viết tiếng nước ta theo vần quốc ngữ. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba - Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v...

Vấn đề thứ tư - Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian giảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: cần, kiệm, liêm, chính.

Vấn đề thứ năm - Thuế thân, thuế chợ, thuế đò, là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy. Cuối cùng tôi đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu - Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết"[1].

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 7-9.

Sau đó, Người đã nêu ra ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Về kinh tế - văn hóa - xã hội: Thực hiện nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, từ Trung ương đến các địa phương, đã phát động chiến dịch cứu đói. Do chính sách bóc lột, vơ vét tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật để phục vụ chiến tranh, cùng với thiên tai hoành hành mà chính quyền thống trị không hề chăm lo việc phòng bị, dẫn đến nạn đói khủng khiếp làm chết hơn hai triệu người vào cuối năm 1944 đến giữa năm 1945 ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Ngay từ thời Tiền khởi nghĩa, Đảng đã quan tâm đến việc giải quyết nạn đói cho nhân dân. Mặt trận Việt Minh các địa phương đã hô hào nhân dân vùng lên phá kho thóc dự trữ của Nhật cứu đói cho dân nghèo.

Cách mạng thành công, nhiệm vụ trọng tâm số một của chính quyền cách mạng là giải quyết nạn đói. Chính quyền đã sớm thể hiện vai trò quản lý xã hội của mình bằng việc lập Bộ Cứu tế xã hội và thực hiện các biện pháp hành chính, pháp luật. Ngày 5 tháng 9 năm 1945, Chính phủ ra sắc lệnh thủ tiêu những luật lệ của chính quyền cũ hạn chế việc lưu thông lương thực, giữa các vùng trong cả nước. Đồng thời tổ chức việc vận chuyển thóc gạo từ Nam Bộ ra Bắc. Chính phủ cũng nghiêm trị những kẻ đầu cơ tích trữ lương thực, thành lập ủy ban tối cao tiếp tế và cứu tế, Hội cứu đói các cấp...

Đồng thời Chính phủ kêu gọi đồng bào "lá lành đùm lá rách", cứu giúp lẫn nhau. *Báo Cứu quốc,* số 53 ngày 28 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng bài *Sẻ cơm nhường áo*.

"Hỡi đồng bào yêu quý,

Từ tháng giêng đến tháng bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói.

Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ.

Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng.

Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước:

Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo.

Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói.

Tôi chắc rằng đồng bào ta ai cũng sẵn lòng cứu khổ cứu nạn, mà hăng hái hưởng ứng lời đề nghị nói trên.

Tôi xin thay mặt dân nghèo mà cảm ơn các đồng bào"[1].

Biện pháp cơ bản lâu dài giải quyết nạn đói là phải tăng gia sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!".

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ và Mặt trận Việt Minh, đồng bào cả nước ra sức sản xuất, tiết kiệm lương thực, cứu giúp lẫn nhau. Bác Hồ cũng gương mẫu thực hiện 10 ngày nhịn ăn một bữa, lấy gạo giúp dân nghèo. Nhiều cơ quan đoàn thể cũng thực hiện theo Người. Nhiều làng, nhiều gia đình tự nguyện bỏ hủ tục ăn uống lãng phí, tạm ngừng sản xuất cốm, bánh ngọt để tiết kiệm thóc gạo, giúp đỡ người nghèo. Nhiều gia đình giàu có tự nguyện ủng hộ hàng chục tấn thóc để cứu đói. Phong trào cứu đói đã lan rộng khắp cả nước. Cả phạm nhân trong nhà tù, có nơi cũng tự nguyện xin nhịn ăn 10 ngày một bữa để cứu người đói. Hoa kiều, Ấn kiều cũng góp tiền, gạo giúp dân nghèo Việt Nam.

Phong trào tăng gia sản xuất, "tấc đất tấc vàng" cũng được thực hiện sôi nổi. Các vị quan chức Chính phủ, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, học sinh, sinh viên và toàn dân, tuỳ điều kiện, hoàn cảnh đều góp phần sản xuất ra lương thực. Nhà nước còn thành lập ban khuyến nông từ Trung ương đến địa phương, chăm lo tu bổ đê điều...

Những biện pháp tích cực, kịp thời trên đã đem lại kết quả to lớn. Đến cuối năm 1945, đầu năm 1946, nạn đói đã bị đẩy lùi, sản xuất nông nghiệp được khôi phục. Vụ mùa năm 1946 lại được mùa lớn, diện tích trồng cấy và sản lượng lương thực đều vượt chỉ số của năm 1939 là năm kinh tế phát triển nhất trước chiến tranh.

Thắng lợi trên mặt trận cứu đói có ý nghĩa lớn đối với việc xây dựng bảo vệ chế độ mới, củng cố được lực lượng của cách mạng, xây dựng được niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, vào tính ưu việt của chế độ mới và càng gắn bó mật thiết với cách mạng.

Cùng với việc giải quyết nạn đói, Chính phủ cũng dựa vào dân, phát động lòng yêu nước, tinh thần làm chủ xã hội mới để giải quyết nạn kiệt quệ nền tài chính quốc gia do chế độ cũ để lại. Ngày 4 tháng 9 năm 1945, Chính

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 31.

phủ ra sắc lệnh xây dựng Quỹ độc lập và từ 17 đến 24 tháng 9 tổ chức *Tuần lễ vàng*, động viên nhân dân ủng hộ tiền, vàng phục vụ việc quốc phòng bảo vệ nền độc lập. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân cả nước đã góp được 370kg vàng và 20 triệu đồng Đông Dương. Ngoài ra nhân dân còn đóng góp hàng chục triệu đồng *đảm phụ quốc phòng*. Ngày 23 tháng 11 năm 1946, Quốc hội cho lưu hành tiền Việt Nam trong toàn quốc thay thế tiền Ngân hàng Đông Dương.

Được nhân dân ủng hộ và việc quản lý tài chính chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu, nền tài chính quốc gia đã được cải thiện rõ rệt. Thắng lợi trên mặt trận tài chính góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Một nhiệm vụ cấp bách khác của chính quyền cách mạng là chống giặc dốt. Chính quyền thực dân phong kiến thực hiện chính sách ngu dân, để lại hậu quả nặng nề là hơn 90% số dân Việt Nam bị mù chữ. Tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh đã được thể hiện trong một luận điểm nổi tiếng: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Ngay sau cách mạng thành công, Người nói:

"Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ"[1].

Người đề nghị Chính phủ phát động một chiến dịch chống nạn mù chữ. Ngày 8 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh "Bắt buộc học chữ quốc ngữ và không mất tiền". Cùng ngày, Nha bình dân học vụ được thành lập để phụ trách việc chống nạn mù chữ. Toàn dân tham gia chiến dịch bình dân học vụ. Người chưa biết chữ thì đi học, bất kể già trẻ, trai gái, người biết chữ thì làm "chiến sĩ diệt giặc dốt", dạy người mù chữ... Chỉ sau một năm đã có khoảng 2 triệu rưỡi người thoát nạn mù chữ. Hệ thống giáo dục phổ thông và đại học cũng được xây dựng và từng bước phát triển với nội dung và phương pháp tiến bộ.

Ngày 10 tháng 8 năm 1946, Chính phủ ra sắc lệnh, quy định những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới: "Nền giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nền giáo dục duy nhất, đặt trên ba nguyên tắc căn bản: đại chúng hóa, dân tộc hóa, khoa học hóa và theo tôn chỉ phụng sự lý

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 36.

tưởng quốc gia và dân chủ"[1]. Chính phủ cũng quy định tất cả các cấp học đều dùng tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức.

Chỉ mới là năm học đầu tiên của chế độ mới nhưng các trường, lớp học các cấp đã được mở lại và tăng thêm. Trừ Nam Bộ đang còn chiến tranh, riêng Bắc Bộ và Trung Bộ đã mở được 5.654 trường tiểu học với trên 20 vạn học sinh; bậc trung học mở được 25 trường, với 7.514 học sinh. Ngày 15 tháng 11 năm 1945, trường Đại học Việt Nam khai giảng.

Nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên chế độ Dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho "các em học sinh". Người viết: "Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà... từ giờ phút này giở đi các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam... Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em... Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"[2].

Thắng lợi của mặt trận chống giặc dốt có ý nghĩa lớn, đông đảo nhân dân phấn khởi, tự hào thoát khỏi cảnh u mê về tri thức, bắt đầu ý thức được vai trò chủ nhân chân chính của chế độ mới.

Cùng với nhiệm vụ chống giặc dốt, cuộc vận động đời sống mới, giáo dục tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, xây đạo đức mới "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", bài trừ thói hư tật xấu, phong tục tập quán lạc hậu cũng được đẩy mạnh. Bình đẳng giàu nghèo, bình quyền nam nữ, tự do hôn nhân, tiết kiệm giản dị trong cưới xin, ma chay, xoá bỏ nạn cờ bạc, nghiện hút, đĩ điếm... đó là những nét nổi bật trong đời sống văn hoá mới.

Công tác y tế chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, vệ sinh phòng bệnh cũng được chính quyền quan tâm và nhân dân hưởng ứng.

Những nhiệm vụ về kinh tế, văn hoá, xã hội trên vừa là những vấn đề cấp bách vừa là những vấn đề cơ bản, lâu dài của cách mạng. Đó vừa là mục

---

1. *Việt Nam Dân quốc Công báo*, số ra ngày 24 tháng 8 năm 1946. Lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 32-33.

tiêu vừa là động lực của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc, phải làm dần dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song ngay từ bước đầu, chúng ta phải theo đúng phương châm"[1]. Những thành tựu đó là cơ sở vững chắc để cách mạng xây dựng những thành tố của hệ thống chính trị mới, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và xây dựng lực lượng vũ trang.

Về nhiệm vụ xây dựng Đảng

Đảng là người đề xướng đường lối, chủ trương cách mạng, lãnh đạo quần chúng nhân dân thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng, trong đó cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng lại là những chiến sĩ tiên phong. Xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

Chỉ với 5.000 đảng viên, Đảng đã lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công. Bước sang lãnh đạo công cuộc kháng chiến kiến quốc là một công việc hoàn toàn mới mẻ, lại gặp lúc khó khăn chồng chất, kẻ thù chống phá quyết liệt, nhiệm vụ xây dựng Đảng thật là phức tạp. Trung ương Đảng, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, sắc sảo, ứng phó với mọi tình huống, tiếp tục củng cố, phát triển Đảng, tiếp tục lãnh đạo cách mạng vượt qua thác ghềnh, vững bước đi lên.

Để tránh "sự tuyên truyền xuyên tạc và sức ép của kẻ thù", để vẫn tiếp tục tồn tại và lãnh đạo cách mạng một cách kín đáo, ngày 11 tháng 11 năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán:

"1- Căn cứ vào điều kiện lịch sử, tình hình thế giới và hoàn cảnh trong nước, nhận rằng lúc này chính là cơ hội nghìn năm có một cho nước Việt Nam giành quyền hoàn toàn độc lập;

2- Xét rằng: muốn hoàn thành nhiệm vụ dân tộc giải phóng vĩ đại ấy, sự đoàn kết nhất trí của toàn dân không phân biệt giai cấp, đảng phái là một điều kiện cốt yếu;

3- Để tỏ rằng: những đảng viên cộng sản là những chiến sĩ tiền phong của dân tộc, bao giờ cũng hy sinh tận tụy vì sự nghiệp giải phóng của toàn dân, sẵn sàng đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi của giai cấp, hy sinh quyền lợi riêng của đảng phái cho quyền lợi chung của dân tộc;

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 56.

4- Để phá tan tất cả những điều hiểu lầm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho tiền đồ giải phóng của nước nhà.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ngày 11 tháng 11 năm 1945, nghị quyết tự động giải tán *Đảng Cộng sản Đông Dương*"[1].

Những tín đồ của chủ nghĩa cộng sản muốn tiến hành việc nghiên cứu chủ nghĩa sẽ gia nhập "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương". Thực sự, Đảng vẫn giữ vững hệ thống tổ chức của Đảng và chuyển vào hoạt động bí mật. Đảng tổ chức ra "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương" là hình thức công khai của Đảng để tuyên truyền đường lối, chính sách, giữ vững và mở rộng mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.

Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Trung ương Đảng ngày 25 tháng 11 năm 1945 đã đánh giá đúng đắn tình hình thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai và tình hình trong nước sau Cách mạng Tháng Tám; đánh giá âm mưu thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam; xác định tính chất nhiệm vụ cách mạng Việt Nam; vạch ra nhiệm vụ cơ bản, nhiệm vụ trước mắt và từng mặt của cách mạng; và khẳng định "muốn thực hành những nhiệm vụ trên đây, Đảng và Mặt trận Việt Minh phải được củng cố và phát triển". Đặc biệt, chỉ thị nêu những nhiệm vụ chính để củng cố Đảng trong tình hình mới: Duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng; phát triển đảng viên, phát triển tổ chức đảng trong các cơ quan hành chính, các hội hợp pháp, chú trọng trong các xí nghiệp, thành lập chi bộ trong quân đội; giữ vững sinh hoạt Đảng; phối hợp hoạt động bí mật và công khai, coi công tác bí mật là gốc; tuyên truyền giác ngộ chủ nghĩa Mác cho quần chúng; chống những khuynh hướng sai lầm trong Đảng.

Chỉ thị "Tình hình và chủ trương" ngày 3 tháng 3 năm 1946, "Hoà để tiến" ngày 9 tháng 3 năm 1946 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng là chủ trương đường lối cụ thể trong tình hình biến chuyển mới, vào lúc Hiệp định Sơ bộ được ký kết.

Từ ngày 31 tháng 7 đến ngày 1 tháng 8 năm 1946, Hội nghị cán bộ Trung ương họp ra nghị quyết về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng và củng cố phát triển Đảng, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong tình hình mới.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 19-20.

Khả năng chiến tranh đến gần, tháng 10 năm 1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng ra nghị quyết về lãnh đạo quân sự. Khi khả năng hoà hoãn không còn, thực dân Pháp áp đặt cuộc chiến tranh cho chúng ta, Trung ương Đảng kịp thời phát động cuộc kháng chiến.

Những nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lời kêu gọi của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác, của những người mácxít Đông Dương, những bài báo của các đồng chí lãnh đạo của Đảng đăng trên báo *Sự thật*... thể hiện sự lãnh đạo của Đảng thông qua chủ trương đường lối trên các mặt hoạt động và trong mọi tình thế của cách mạng.

Trong hoàn cảnh đất nước gặp muôn vàn khó khăn, kẻ thù chống phá quyết liệt, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ không thể một lúc được tất cả mọi người thông hiểu. Một số đảng viên, cán bộ và nhân dân có những diễn biến tư tưởng phức tạp. Cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng và trong quần chúng để đạt tới thống nhất nhận thức, nhất là về sách lược nhân nhượng hoà hoãn với kẻ thù, không đơn giản. Có xu hướng đòi thẳng tay trừng trị mọi hành động khiêu khích phá hoại của quân Tưởng, đòi đánh Pháp ngay, không cho chúng ra miền Bắc. Xu hướng này có thể xuất phát từ lòng yêu nước, nhưng dễ dẫn đến hành động vô nguyên tắc, làm khó dễ cho công cuộc ngoại giao của Chính phủ. Có xu hướng cho rằng Hiệp định Sơ bộ chẳng có kết quả gì, "ta ký với Pháp là vì không đủ điều kiện đánh nên phải hàng Pháp", dẫn đến bi quan, giảm sút lòng tin vào Đảng và Chính phủ. Trái lại có xu hướng ngây thơ tưởng rằng Hiệp định Sơ bộ được ký kết, cuộc xung đột Pháp - Việt đã được giải quyết xong xuôi, dẫn đến chủ quan không chăm lo chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Đảng chủ trương một mặt cương quyết đấu tranh khắc phục tư tưởng sai lầm trên, mặt khác kịp thời thay đổi những khẩu hiệu tuyên truyền cổ động phục vụ cho việc thực hiện sách lược hoà hoãn, thay đổi hình thức và tổ chức đấu tranh cho phù hợp.

Cùng với việc xây dựng củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức nội bộ Đảng cũng được coi trọng. Ban Chấp hành Trung ương được bổ sung và kiện toàn, sự lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương với các địa phương có lúc do chiến tranh, bị gián đoạn, đã được chấp nối lại và duy trì chặt chẽ. Đặc biệt trong hoàn cảnh phức tạp khẩn trương lúc đó, nhiều quyết sách quan trọng phải nhanh chóng kịp thời thì sự tập trung thống nhất lãnh đạo vào Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Trung ương, vào lãnh tụ Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết. Đó chính là một bài học về xây dựng Đảng thời kỳ này. Các tổ chức đảng được củng cố bảo đảm nội bộ thống nhất, trong sạch. Đảng bộ Nam Bộ được cải tổ lại, chấm dứt hiện tượng

chia rẽ, bè phái của một số đảng viên; xây dựng tổ chức đảng trong quân đội từ Trung ương Quân ủy đến các chi bộ và hệ thống cơ quan chính trị trong các đơn vị quân đội; mở rộng sự hoạt động của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương để tuyên truyền giác ngộ chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng. Công tác phát triển Đảng được đặc biệt coi trọng. Đến cuối năm 1946, số đảng viên đã lên tới trên 20.000. Những khuyết điểm trong nội bộ Đảng như hẹp hòi, tả khuynh, bè phái, kỷ luật không nghiêm... dần dần được khắc phục. Trung ương Đảng còn chỉ thị đấu tranh chống ảnh hưởng của "Chủ nghĩa Các Mác cải lương" và chủ nghĩa cơ hội. Các đảng viên cộng sản tuy số lượng còn ít, trình độ lý luận, kinh nghiệm công tác trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền còn hạn chế, nhưng đều thể hiện vai trò tiền phong gương mẫu, lãnh đạo quần chúng nhân dân thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng. Nhiều đồng chí tự nguyện rút khỏi cương vị trong chính quyền Nhà nước, nhường cho những người đối lập để thực hiện sách lược hoà hoãn của Đảng.

Tuy không hoạt động công khai và trong nhiệm vụ lãnh đạo mới đầy khó khăn gian khổ, nhưng Đảng ta đã xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh thời kỳ 1945 - 1946.

Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về sự kiện này: "Việc Đảng tuyên bố tự giải tán, sự thật là Đảng rút vào bí mật... Và dù là bí mật, Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân"[1].

Về xây dựng chính quyền

Giành chính quyền là vấn đề cơ bản và chủ yếu nhất của cách mạng. Lênin đã dạy: "Vấn đề chính quyền nhà nước nhất định là vấn đề chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng, giai cấp nào giữ chính quyền? Điều đó quyết định tất cả"[2].

Từ khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh liên tục qua ba cao trào cách mạng, nhằm mục tiêu cao nhất là giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, nhân dân ta đã giành được chính quyền trong cả nước. Vấn đề xây dựng chính quyền mới được đặt ra cấp bách, là vấn đề trung tâm của công cuộc xây dựng chế độ mới.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001, tr. 22.

2. Lênin, *Toàn tập*, tập 34, Nxb Tiến bộ, M. 1976, tr. 268.

Sau khi chính quyền thực dân phong kiến bị giải thể, chính quyền cách mạng được thành lập từ Trung ương đến các làng bản. *Ủy ban dân tộc giải phóng* được cải tổ thành *Chính phủ lâm thời* do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Các thành viên Chính phủ phần lớn là các chiến sĩ cách mạng, có bổ sung thêm một số nhà yêu nước và một ít người cần tranh thủ. Ví dụ: cụ Nguyễn Văn Tố là một trí thức yêu nước, được cử làm Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, ông Nguyễn Mạnh Hà, một tư sản dân tộc được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế, Cựu hoàng Bảo Đại được cử làm Cố vấn cho Chủ tịch Chính phủ. Ở các địa phương, chính quyền chủ yếu là người của Mặt trận Việt Minh, cũng có mở rộng đưa một số người tuy không tham gia cách mạng trước đây, nhưng có tinh thần chống đế quốc, phong kiến, có uy tín với nhân dân vào chính quyền.

Tuy chính quyền còn non trẻ, bộ máy tổ chức chưa hoàn chỉnh, cán bộ chưa có kinh nghiệm, điều kiện hoạt động vô cùng hạn chế, nhưng với tinh thần cách mạng, ý thức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, chính quyền lâm thời dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh được Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc ủng hộ; đã hoạt động khẩn trương, tích cực có hiệu quả, thể hiện sức thanh xuân của chế độ mới.

Để có một bộ máy nhà nước chính thức, hợp pháp, quan hệ quốc tế thuận lợi hơn và dễ dàng huy động sức mạnh toàn dân tộc vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, dù bận trăm công ngàn việc, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tích cực chuẩn bị để Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chính phủ lâm thời đã ban hành các sắc lệnh về lập Ủy ban dự thảo thể lệ cuộc Tổng tuyển cử, định rõ ngày Tổng tuyển cử, thể lệ cuộc Tổng tuyển cử.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, công dân cả nước đã nồng nhiệt tham gia cuộc Tổng tuyển cử tự do, bình đẳng. Mặc dù các thế lực phản động ra sức chống phá, kể cả dùng vũ lực, nhưng nhân dân ta với tinh thần làm chủ đất nước, được lực lượng vũ trang hỗ trợ đã đánh bại mọi âm mưu hành động của địch, cuộc bầu cử giành thắng lợi lớn. Tỷ lệ cử tri cả nước đi bầu cử là 85%. Kết quả đã bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên. Thành phần trong Quốc hội đã chứng tỏ đây là cơ quan quyền lực đại biểu cho toàn dân, người các đảng phái 57%, không đảng phái 43%, trí thức 61%, nông dân 22%, công nhân 6%, thương gia 5%[1].

---

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 6 tháng 3 năm 1946.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp kỳ thứ nhất. Quốc hội đã tuyên dương công lao của Chính phủ lâm thời trong những ngày đầu xây dựng và bảo vệ đất nước. Quốc hội trao quyền cho Chủ tịch Hồ Chí Minh lập Chính phủ chính thức. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu thành phần Chính phủ chính thức, Quốc hội đã nhất trí thông qua. Quốc hội đã cử ra Ban Thường vụ Quốc hội, cử Cố vấn đoàn và kháng chiến ủy viên hội. Trong kỳ họp này, Quốc hội còn truy nhận 70 đại biểu của Việt Quốc, Việt Cách không thông qua bầu cử. Quốc hội đã quyết định thủ tiêu mọi chế độ lập pháp cũ và thành lập *Ủy ban dự thảo hiến pháp* do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban.

Kỳ họp thứ hai của Quốc hội từ ngày 28 tháng 10 đến ngày 9 tháng 11 năm 1946, đã thông qua bản Hiến pháp chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Do điều kiện chiến tranh và bộ máy chính quyền nhà nước chưa hoàn chỉnh, quy chế hành chính còn sơ sài, hệ thống pháp luật mới xây dựng bước đầu nên vai trò của Quốc hội còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, đó đã thực sự là Quốc hội của nhân dân. Trừ một số ít đại biểu Việt Quốc, Việt Cách vì quyền lợi riêng của đảng phái và cá nhân chỉ hoạt động phá hoại, còn đại đa số đại biểu Quốc hội đã đem hết sức lực và tài năng thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Vì lợi nước, quên lợi nhà, vì lợi chung, quên lợi riêng". Chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua ngày 2 tháng 3 năm 1946 lấy tên là *Chính phủ liên hiệp kháng chiến*.

Trong phiên họp đầu tiên ngày 4 tháng 3 năm 1946, Chính phủ đã quyết định về chính sách đối nội và đối ngoại:

"Về nội trị:

1 - Các đảng phải đoàn kết chặt chẽ, ngôn luận hành động phải nhất trí để phụng sự quốc gia.

2 - Sinh mệnh và tài sản của tất cả nông dân Việt Nam và kiều dân ngoại quốc được hoàn toàn bảo đảm.

3 - Hành chính và quân đội phải thống nhất về tài chính, kinh tế tập trung.

4 - Mọi lực lượng của quốc dân được huy động để dùng trong việc kháng chiến kiến quốc và toàn thể nhân dân, nhất là những người làm việc công phải tuân theo kỷ luật.

Về ngoại giao:

1 - Đối với các nước Đồng minh, nước Việt Nam bao giờ cũng chủ trương thân thiện, nhất là đối với Trung Hoa.

2 - Đối với các nước nhược tiểu đang đấu tranh giành độc lập thì dân tộc Việt Nam rất đồng tình.

3 - Đối với nhân dân Pháp, dân Việt Nam không thù hằn, song cực lực phản đối chế độ thực dân và cương quyết giữ quyền độc lập. Chính phủ Việt Nam chỉ nhận điều đình với Chính phủ Pháp theo nguyên tắc: "Dân tộc tự quyết" của Hiến chương Đại Tây Dương"[1].

Chính phủ Liên hiệp kháng chiến tồn tại đến tháng 11 năm 1946. Các thành viên Chính phủ thuộc Việt Quốc và Việt Cách không những không lo công việc của Chính phủ, trái lại còn hoạt động phá hoại chính sách của Chính phủ. Họ bị nhân dân chán ghét và phải chạy ra nước ngoài. Thực tế, Chính phủ vẫn do những đại biểu Việt Minh làm nòng cốt và ra sức hoạt động vì lợi ích của cách mạng, của nhân dân. Đúng như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1 - Làm cho dân có ăn.

2 - Làm cho dân có mặc.

3 - Làm cho dân có chỗ ở.

4 - Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập"[2].

Đó là việc xây dựng chính quyền Nhà nước ở Trung ương. Ở các địa phương, chính quyền cũng được thành lập ngay sau Cách mạng Tháng Tám nhưng cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan và ở các địa phương chưa thống nhất.

---

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 5 tháng 3 năm 1946.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2004, tr. 152.

Cuối năm 1945, Chính phủ ban hành nhiều sắc lệnh quy định thống nhất về cơ cấu tổ chức, chức năng quyền hạn, cách thức tổ chức chính quyền các địa phương.

Hội đồng nhân dân chỉ tổ chức ở cấp tỉnh, thành phố, xã và thị xã, do phổ thông đầu phiếu và trực tiếp bầu ra. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Hội đồng nhân dân bầu ra Ủy ban hành chính.

Ủy ban hành chính được tổ chức ở tất cả các cấp từ kỳ đến xã: Ủy ban hành chính ở cấp nào do Hội đồng nhân dân cấp đó bầu ra. Cấp nào không tổ chức Hội đồng nhân dân thì do các ủy viên Hội đồng nhân dân cấp dưới kề cấp đó bầu ra. Người ứng cử vào Ủy ban hành chính cấp nào phải là ủy viên Hội đồng nhân dân cấp đó. Nếu cấp nào không có Hội đồng nhân dân thì tất cả cử tri đều có quyền ứng cử. Đến cuối năm 1946, hầu hết các tỉnh ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã bầu được Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính từ cấp xã đến cấp tỉnh.

Để củng cố và giữ vững chính quyền những ngày mới thành lập, ngoài việc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược và bọn phản động, tay sai, tổ chức bộ máy chính quyền, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn rất coi trọng tới việc xây dựng bản chất, giữ vững sự trong sạch của bộ máy chính quyền nhân dân. Đó là chính quyền của dân, phục vụ nhân dân. Trong "Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng", tháng 10 năm 1945, Bác đã căn dặn: "... các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân... chứ không phải để đè đầu dân...

Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[1].

Người còn nêu ra những biểu hiện tiêu cực của một số cá nhân trong bộ máy chính quyền của ta là: "Trái phép: vì tư thù tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm cho dân oán thán", "Cậy thế: cậy thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng... không nghĩ đến dân", "Hủ hoá: lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức", "Tư túng: kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ", "Chia rẽ: bênh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 17.

lớp nhân nhượng lẫn nhau", "Kiêu ngạo: tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian". Từ đó Người yêu cầu mỗi người phải giữ vững sự trong sạch về phẩm chất, đạo đức, lối sống, tích cực tu dưỡng rèn luyện tiến bộ; trong công tác phải "công bình, chính trực", tránh phạm sai lầm, những người đã phạm lỗi trên thì phải thẳng thắn nhận ra và ra sức sửa chữa, nếu không tự sửa chữa thì "Chính phủ sẽ không khoan dung".

Từ sau Cách mạng Tháng Tám đến Toàn quốc kháng chiến, chỉ hơn một năm, trong tình thế hết sức khó khăn, chính quyền cách mạng đã được xây dựng và hoạt động có hiệu quả. Những tư liệu còn lưu giữ được đến nay như các biên bản họp Quốc hội, Chính phủ, các sắc lệnh, nghị định của Chính phủ, của các Bộ... cho thấy Hội đồng Chính phủ và các Bộ hoạt động khá bài bản, nền nếp. Chính quyền địa phương tuy còn những lúng túng, bất cập, có những sai sót, nhưng tinh thần phục vụ nhân dân là rất tốt và chỉ đạo thực tiễn có kết quả.

Xây dựng lực lượng vũ trang

Công cuộc chống ngoại xâm bảo vệ độc lập, thống nhất dân tộc đòi hỏi đất nước phải có lực lượng quân sự ngày càng mạnh, làm nòng cốt cho cuộc kháng chiến toàn dân, Đảng ta hết sức coi trọng xây dựng lực lượng vũ trang. Ngay từ Hội nghị toàn quốc của Đảng giữa tháng 8 năm 1945, Đảng đã nêu chủ trương "vũ trang toàn dân", "mở rộng Quân giải phóng Việt Nam". Sau Cách mạng Tháng Tám, phong trào vũ trang toàn dân hết sức sôi nổi. Già trẻ, gái trai các làng xã đều tự sắm sửa vũ khí, luyện tập quân sự hàng ngày. Các đoàn thể cứu quốc đều quân sự hoá. Các đội tự vệ, vốn là lực lượng xung kích cùng nhân dân nổi dậy giành chính quyền, nay được củng cố, phát triển, trở thành *Tự vệ cứu quốc*. Đến cuối năm 1945, hầu hết các thôn xã, đường phố, nhà máy trên cả nước đều có tổ chức tự vệ. Lực lượng dân quân tự vệ từ vài vạn lúc Tổng khởi nghĩa, đến cuối năm 1946 đã phát triển tới gần một triệu.

Cùng với phong trào vũ trang toàn dân và sự phát triển các đội tự vệ, bộ đội tập trung cũng được củng cố và phát triển vượt bậc. Tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị phải nhanh chóng chấn chỉnh, mở rộng giải phóng quân và đổi tên là *Vệ quốc đoàn*. Tuy còn mang tên là *Vệ quốc đoàn* để che giấu lực lượng với quân Tưởng, nhưng thực sự, từ đây Vệ quốc đoàn đã trở thành quân đội của Nhà nước ta. Đến ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chính phủ ra Sắc lệnh 71/SL, Vệ quốc đoàn chính thức trở thành *Quân đội*

Quốc gia, biên chế chính thức theo từng trung đoàn, tiểu đoàn và đại đội. Ở các tỉnh có chi đội (tiểu đoàn) Vệ quốc quân, các huyện có chi đội hay phân đội (đại đội) Vệ quốc quân. Cuối năm 1946, bộ đội chủ lực lên đến 8 vạn. Hình thức tổ chức lực lượng vũ trang ba thứ quân đã hình thành. Một số binh chủng hoả lực, kỹ thuật cũng ra đời cùng với sự phát triển của bộ đội tập trung. Ngày 29 tháng 6 năm 1946, đơn vị pháo binh đầu tiên ra đời tại Hà Nội. Tháng 9 năm 1946, đơn vị thông tin quân sự đầu tiên được thành lập.

Đi đôi với sự phát triển về số lượng, chất lượng lực lượng vũ trang được coi trọng và không ngừng nâng cao. Việc huấn luyện quân sự cho các lực lượng vũ trang được tiến hành khẩn trương. Các trường huấn luyện, đào tạo cán bộ chỉ huy quân đội được thành lập. *Trường Quân chính kháng Nhật* trước, nay được mở rộng và đổi tên là *Trường Cán bộ Việt Nam,* cấp tốc đào tạo cán bộ cho quân đội. Tháng 3 năm 1946, Trung ương Đảng mở Trường Quân chính Bắc Sơn. Tháng 5 năm 1946, Bộ Quốc phòng khai giảng *Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn.* Các địa phương cũng mở nhiều trường quân sự đào tạo cán bộ cho bộ đội địa phương và tự vệ. Tính đến cuối năm 1946, hàng nghìn cán bộ quân sự được đào tạo, kịp thời đáp ứng nhu cầu về cán bộ chỉ huy cho các đơn vị. Nhiều cán bộ của Đảng đã rèn luyện qua các thời kỳ cách mạng được cử vào phụ trách quân đội, nhiều cán bộ Việt Minh được đưa sang làm cán bộ quân sự. Hệ thống tổ chức đảng trong quân đội ngày càng được kiện toàn. Tháng 1 năm 1946, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Trung ương Quân ủy - cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong quân đội (gồm 7 đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Trần Tử Bình, Văn Tiến Dũng, Lê Liêm, Hoàng Văn Thái, Chu Văn Tấn, Nguyễn Sơn. Đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư, đồng chí Trần Tử Bình làm Phó Bí thư) có nhiệm vụ: Giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng trực tiếp nắm hoạt động của lực lượng vũ trang, xây dựng bản chất cách mạng của quân đội, bảo đảm cho quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và với nhân dân trong mọi thử thách quyết liệt. Cơ quan giúp việc Trung ương Quân ủy có Ủy ban quân sự, Ủy ban chính trị, Ủy ban Đảng vụ. Kể từ đó, hệ thống tổ chức đảng trong quân đội được hình thành ở các cấp, xuống tới đơn vị cơ sở là chi bộ. Chế độ lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với quân đội ra đời từ đây. Chế độ chính trị viên cùng đội trưởng phụ trách đơn vị được thực hiện trong toàn quốc. Sau khi thành lập *Chính phủ Liên hiệp quốc dân* thay cho *Chính phủ Liên hiệp kháng chiến,* tháng 11 năm 1946, Kháng chiến ủy

viên hội (hay Quân sự ủy viên hội) thống nhất với Bộ Quốc phòng thành Bộ Quốc phòng để tập trung lãnh đạo, chỉ huy quân đội và dân quân toàn quốc.

Để thống nhất lãnh đạo, chỉ huy đối với Quân đội Quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh chấp thuận đề xuất của Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất (19-10-1946) và ngày 30 tháng 11 năm 1946, ra Sắc lệnh số 230/SL, bổ nhiệm đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Chỉ huy quân đội.

Từ tháng 1 năm 1946 là thời điểm thành lập, đến cuối năm 1946, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, được sự phối hợp của đảng bộ các địa phương, được đồng bào cả nước thương yêu chăm sóc, Trung ương Quân ủy và các tổ chức lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong quân đội đã lãnh đạo, tổ chức toàn quân vừa chiến đấu, công tác, vừa trưởng thành vượt bậc, cùng với toàn dân đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các lực lượng đế quốc và tay sai, giữ vững chính quyền cách mạng, xây dựng được "lực lượng căn bản" để chủ động bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

Cùng với việc xây dựng lực lượng quân sự, *lực lượng công an* cũng được xây dựng, mở đầu từ cuộc khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945. Ngày 21 tháng 2 năm 1946, Chính phủ ban hành Sắc lệnh lập *"Việt Nam Công an vụ"*. Ngày 18 tháng 4 năm 1946, Bộ Nội vụ ra nghị định quy định cơ cấu tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan công an từ cấp Trung ương đến các tỉnh và sự liên lạc giữa các cơ quan công an với các cơ quan của Ủy ban hành chính. Tuy mới thành lập, số lượng chưa nhiều, trình độ nghiệp vụ và phương tiện kỹ thuật còn hạn chế, nhưng lực lượng công an đã có đóng góp quan trọng trong việc bảo vệ chính quyền, bảo vệ trật tự trị an, trừng trị bọn phản cách mạng.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

Trước những hành động xâm lược và phá hoại của tay sai, nhân dân ta từ Nam chí Bắc, từ miền ngược đến miền xuôi càng thêm đoàn kết chặt chẽ xung quanh Chính phủ Cụ Hồ, hăng hái tham gia Mặt trận Việt Minh - mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi do Đảng lãnh đạo, các hội cứu quốc trong mặt trận như công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, nhi đồng cứu quốc... phát triển mạnh mẽ. Khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, nền tảng của mặt trận được phát triển và củng cố vững chắc. Đây thực sự là khối quần chúng cách mạng, khối đoàn kết toàn dân được tổ chức chặt chẽ, là lực lượng chính trị hùng hậu phát triển rộng khắp trong và sau ngày Tổng khởi nghĩa.

Lực lượng chính trị hùng hậu ấy đã giữ vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ chủ quyền quốc gia, chủ quyền dân tộc. Đây là cơ sở vững chắc để xây dựng, phát triển lực lượng mọi mặt của cách mạng, là nền tảng để thực hiện vũ trang toàn dân, hình thành phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Đây cũng chính là cơ sở vững chắc nhất để xây dựng hậu phương kháng chiến.

Nhân dân chỉ có thể phát huy sức mạnh to lớn của mình khi được tổ chức và có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Nhiều cán bộ của Đảng, của Mặt trận Việt Minh, của các đoàn thể cứu quốc được cử đến những vùng rừng núi xa xôi hẻo lánh ở Tây Bắc, Tây Nguyên để làm công tác tuyên truyền vận động và tổ chức nhân dân. Các đoàn thể cứu quốc được xây dựng rộng khắp: hội công nhân cứu quốc ở các nhà máy, công xưởng; các hội nông dân, thanh niên, phụ nữ, phụ lão, nhi đồng cứu quốc ở khu phố thôn xã; hội học sinh, sinh viên cứu quốc ở trường học; hội viên chức cứu quốc ở các công sở. Trong các tôn giáo có Hội Phật giáo cứu quốc, Hội Công giáo cứu quốc. Để mở rộng hơn nữa mặt trận dân tộc thống nhất do giai cấp công nhân lãnh đạo, Đảng ta đã chú ý tranh thủ những nhân sĩ yêu nước thuộc tầng lớp trên. Đảng còn cố gắng lôi kéo tranh thủ cả những người cầm đầu tầng lớp thống trị cũ (trong đó có Bảo Đại), những người có ảnh hưởng lớn trong các dân tộc, các tôn giáo (như vua Mông là Vương Chí Sình, linh mục Thiên chúa giáo là Lê Hữu Từ...). Điều đó càng nói lên chủ trương đoàn kết rộng rãi của Đảng vì quyền lợi chung của Tổ quốc, đồng thời có tác dụng cô lập triệt để bọn đế quốc xâm lược, ngăn chặn hạn chế các hoạt động chia rẽ, phá hoại của bọn phản cách mạng, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, tạo sự ổn định vững chắc về chính trị, chuẩn bị hậu phương cho sự nghiệp kháng chiến.

Với tư cách người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Nhà nước còn yêu cầu chính quyền các cấp và nhân dân toàn quốc phát hiện, tiến cử những người tài đức, không phân biệt tuổi tác và thành phần giai cấp ra giúp dân giúp nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khối đoàn kết toàn dân làm hậu thuẫn vững chắc cho chính quyền nhân dân, mặt khác ta thành lập thêm nhiều tổ chức quần chúng mới, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Đồng thời tăng cường đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí, động viên nhân lực, tài lực, mở rộng *Đảng Xã hội Việt Nam* nhằm đoàn kết rộng rãi những người trí thức yêu nước, đập tan âm mưu của thực dân Pháp cùng bè lũ tay sai định lập lại chi nhánh

đảng xã hội Pháp ở Việt Nam hòng lôi kéo trí thức và công chức chống lại Việt Minh. Ngày 20 tháng 10 năm 1946, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam ra đời đoàn kết các tầng lớp phụ nữ yêu nước, ủng hộ chính, quân, nhân dân, chống thực dân Pháp xâm lược.

Đặc biệt, ngày 19 tháng 4 năm 1946, *Hội nghị các dân tộc thiểu số miền Nam Việt Nam* được triệu tập ở Plây Cu, ngày 3 tháng 12 năm 1946, *Hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam* được tổ chức ở Hà Nội, nhằm đoàn kết các dân tộc trong nước, chống âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp.

Nhiệm vụ chính trị của giai đoạn mới là chống âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta của thực dân Pháp và xây dựng đất nước, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến sắp tới, nó đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, làm hậu thuẫn vững chắc cho chính quyền nhân dân, mặt khác thành lập thêm nhiều tổ chức quần chúng mới, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Đồng thời tăng cường đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí, động viên nhân lực, tài lực, mở rộng đoàn kết với hai dân tộc Lào và Campuchia, với nhân dân Pháp, với các nước châu Á và các dân tộc bị áp bức, các dân tộc yêu chuộng hòa bình dân chủ trên thế giới, củng cố chế độ cộng hòa dân chủ.

Mặt trận Việt Minh được mở rộng với sự phát triển của các đoàn thể cứu quốc sẵn có và tổ chức thêm các đoàn thể cứu quốc mới. Tổng số hội viên của Việt Minh đã có khoảng 5 triệu người. Đảng Dân chủ càng được Mặt trận Việt Minh giúp đỡ phát triển, thu hút tầng lớp tư sản, địa chủ yêu nước, tiến bộ. Mặt trận Việt Minh, tuy là mặt trận thống nhất rộng rãi, có uy tín lớn, song, thành phần tham gia chủ yếu là các tầng lớp cơ bản của xã hội, đa số là công nhân và nông dân. Trong tình hình mới, có những nhân sĩ, trí thức, những điền chủ và công thương gia, những chức sắc tôn giáo, nhiều tổ chức và cá nhân có xu hướng chính trị khác nhau chưa tham gia Việt Minh, nay họ muốn tham gia một tổ chức mặt trận thích hợp để có điều kiện phấn đấu cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương vận động thành lập *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam*.

Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) thành lập ngày 29 tháng 5 năm 1946. Cụ Hồ Chí Minh được cử làm Hội trưởng danh dự. Cụ Huỳnh Thúc Kháng - một nhân sĩ trí thức được cử làm Hội trưởng. Chương

trình của Hội Liên Việt nêu rõ: *"Mục đích đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và các đồng bào yêu nước vô đảng phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc, để làm cho nước Việt Nam: độc lập - thống nhất - dân chủ - phú cường"*[1].

Như thế thành phần của Hội Liên Việt rộng rãi hơn, ngoài Việt Minh là một thành viên tích cực, còn có nhiều tổ chức và cá nhân khác, kể cả người của Việt Quốc, Việt Cách. Đây chính là thực hiện phương châm "thêm bạn, bớt thù" để mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng ta. Sau đó, *Đảng Xã hội Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn Báo chí Việt Nam* cũng được thành lập và gia nhập Hội Liên Việt.

Chủ trương mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ này là sự sáng tạo đặc sắc, phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của tình hình mới, một thời kỳ vô cùng khó khăn, phức tạp. Nhờ chủ trương đúng đắn đó mà Mặt trận dân tộc thống nhất có bước phát triển mới, bạn ngày càng đông, thù ngày càng ít, khối đại đoàn kết dân tộc được mở rộng ra và được củng cố chưa từng có.

b) Sách lược hoà hoãn với kẻ thù để giữ vững chính quyền

Ở miền Bắc, Tưởng Giới Thạch đưa gần 20 vạn quân cùng bọn tay sai vào nước ta không phải chỉ để tước vũ khí ba vạn binh lính Nhật, mà còn có ý định ngay lập tức "diệt Cộng cầm Hồ", lập Chính phủ bù nhìn tay sai, thực hiện một lúc nhiều mục tiêu: tiêu diệt một Chính phủ cộng sản ở phía Nam, trong khi đang bị cách mạng Trung Quốc uy hiếp từ phía Bắc; xác lập ảnh hưởng của Trung Hoa Dân quốc càng lớn càng tốt để thực hiện dã tâm bành trướng sau này; gây sức ép mặc cả quyền lợi với Pháp. Từ khi thấy Pháp nổ súng đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Tưởng Giới Thạch càng muốn nhanh chóng thực hiện ý đồ trên, trước khi Pháp có thể mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta. Nhưng quân Tưởng sang Việt Nam, thấy chính quyền ta đã được thành lập từ Trung ương xuống các địa phương và được toàn dân ủng hộ, khí thế của cách mạng rất lớn mạnh. Trong khi đó, bọn tay sai không có lực lượng và sự ủng hộ nào đáng kể như chúng báo cáo trước đây. Quân Tưởng nhất là các quân đoàn Vân Nam vốn là đạo quân ô hợp, đói rách (bao gồm cả gia đình binh sĩ đi theo), rất khó khăn về tiếp tế, hậu cần, nên buộc phải giao thiệp với Chính phủ ta, trước hết là lấy cái ăn,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 69.

chốn ở, sau là thăm dò tình hình, tìm một phương sách thích hợp chống phá ta.

Hà Ứng Khâm cùng Mắc Lơrơ - Tư lệnh lục quân Mỹ ở Trung Quốc sang nước ta kiểm tra tình hình và quyết định hành động của quân Tưởng. Sau khi nắm tình hình, ngày 3 tháng 10 Hà Ứng Khâm tuyên bố lời lẽ cứng rắn, đe dọa ta rằng: Quân đội Trung Hoa ngoài việc giải giáp quân đội Nhật, "còn giữ gìn không xảy ra những việc gì có hại cho trị an và trật tự ở đó. Nếu kẻ nào làm rối trị an và trật tự sẽ bị ngăn ngừa, trừng trị một cách rất công bằng không có thiên lệch, dù đối với người nào hay về phương diện nào cũng vậy"[1] nhưng thực tế Hà Ứng Khâm và Mắc Lơrơ đã phải ra lệnh cho bọn tướng lĩnh dưới quyền không được dùng vũ lực lật đổ chính quyền ta, mà phải chống phá bằng các thủ đoạn chính trị, ngoại giao, có sự răn đe, hậu thuẫn của lực lượng quân sự. Thủ đoạn mới của quân Tưởng là yêu sách ta nhiều điều ngang ngược, gây khó khăn cho ta, dùng bọn tay sai xâm nhập chính quyền cách mạng để chống phá mọi chính sách của Chính phủ, làm suy yếu tiến tới lật đổ chính quyền cách mạng, thay thế bằng chính quyền tay sai. Như thế không dùng hành động vũ lực phiêu lưu, nhưng vẫn đạt được mục đích. Tuy nhiên, nếu điều kiện cho phép, chúng cũng không loại trừ khả năng dùng vũ lực. Mặt khác, Tưởng cũng muốn để ta đánh Pháp, ngăn chặn Pháp đánh chiếm cả nước. Hoà hoãn với ta, Tưởng coi ta như một lực lượng Đồng minh, tạo thế trong cuộc mặc cả với Pháp.

Xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc, vừa phải chống thực dân Pháp xâm lược, vừa phải nỗ lực từng bước xây dựng đất nước, mặc dù biết rõ âm mưu thủ đoạn của quân Tưởng, Đảng ta vẫn chủ trương hoà hoãn với quân Tưởng. Lúc này với giặc ngoại xâm, ta chưa đủ sức dùng lực lượng quân sự chống cả hai kẻ thù cùng một lúc. Nếu không biết lợi dụng và khoét sâu mâu thuẫn giữa Pháp và Tưởng, phân hoá chúng, hoà hoãn với một kẻ thù, thì nước ta sẽ rơi vào một hoàn cảnh Pháp đánh trong Nam, Tưởng dùng vũ lực lật đổ chính quyền ngoài Bắc. Tình thế ấy, chúng ta khó có thể chống đỡ nổi. Thông cáo ngoại giao của Chính phủ lâm thời ngày 4 tháng 10 năm 1945 viết:

"Nước Việt Nam còn đương ở giai đoạn đấu tranh kịch liệt, các chính sách ngoại giao phải có mục đích cốt yếu là giúp cho sự tranh đấu ấy được thắng lợi bằng một phương pháp êm dịu hay cương quyết tuỳ theo thái độ của các liệt quốc". Trong các liệt quốc ấy, Đảng ta xác định: *"Kẻ thù chính*

---

1. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1993, tr. 240.

của ta hiện nay là thực dân Pháp xâm lược. Kẻ thù phụ của chúng ta hiện nay là những lực lượng giúp thực dân Pháp đặt lại quyền thống trị trên đất nước ta. Cố nhiên bọn Việt gian thân Pháp là một trong những lực lượng phản động ấy. Phải chĩa tất cả các mũi nhọn của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vào kẻ thù chính; đồng thời phải cô lập những kẻ thù phụ"[1].

Để thực hiện chủ trương lợi dụng mâu thuẫn giữa hai phe Đồng minh Anh - Pháp và Mỹ - Tưởng, tập trung ngọn lửa đấu tranh vào thực dân Pháp xâm lược, Đảng ta thực hiện sách lược "Hoa - Việt thân thiện", hoà hoãn với quân Tưởng để hạn chế sự chống phá trắng trợn điên cuồng của chúng, giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng kháng chiến chống Pháp. Đương nhiên, hoà hoãn với quân Tưởng, ta phải chấp nhận những khó khăn phức tạp. Tất cả những âm mưu thủ đoạn của quân Tưởng và bọn tay sai không phải chúng ta không đánh giá hết. Những hành động chống phá của chúng không phải không gây ra những khó khăn nghiêm trọng cho ta. Tuy nhiên, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cân nhắc kỹ lợi hại, chọn giải pháp ít nguy hại hơn. Những khó khăn do quân Tưởng gây ra trong hoà hoãn, chúng ta có thể đối phó và vượt qua.

Quân Tưởng phải hoà hoãn với ta, nhưng chúng đòi những điều kiện nhất định. Để đạt được hoà hoãn, chúng ta phải mềm dẻo và nhân nhượng. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định phương châm đối phó với quân Tưởng:

"Chính sách của ta hiện nay phải là chính sách Câu Tiễn. Nhưng nhẫn nhục không phải là khuất phục"[2].

Trong cuộc họp với các Bí thư Tỉnh ủy cuối năm 1945, Người phân tích:

"Quân đội Tưởng Giới Thạch sang đây không phải để chúng giúp ta độc lập, chúng có mưu đồ riêng của chúng. Nhưng về sách lược bên ngoài ta vẫn phải nói cám ơn, ta phải dùng sách lược của Việt Vương Câu Tiễn mới được... Phải "dĩ nhu chế cương"[3].

Sách lược nhân nhượng, hoà hoãn được Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta thực hiện trên nhiều lĩnh vực: ngoại giao, kinh tế, chính trị, quân sự...

Chủ tịch Hồ Chí Minh biết rất rõ Mỹ là kẻ quyết định chính sách của Tưởng. Từ cuối năm 1945 đến đầu năm 1946, Người đã gửi nhiều bức thư

---

1. Báo *Sự thật*, ngày 30 tháng 12 năm 1945.

2. Nguyễn Lương Bằng, *Bác Hồ*, Nxb Văn hoá, H. 1960, tr. 78.

3. Hồi ký của đồng chí Đặng Việt Châu, TL Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Vĩnh Phú, tr. 9.

tranh thủ Tổng thống và các quan chức ngoại giao Mỹ và tranh thủ những sĩ quan Mỹ ở Hà Nội lúc đó, như thiếu tá Tômát, thiếu tá Pátti...

Với Tưởng Giới Thạch và bọn tướng lĩnh Hoa Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức tạo ra mối quan hệ giao hảo, ngăn chặn, hạn chế những mặt xấu của họ. Trong thư chúc tết đồng bào, chiến sĩ cả nước nhân dịp Tết Bính Tuất (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

"Nhờ có anh em Trung Hoa mà miền Bắc nước ta tránh được họa binh đao, đồng bào ta được làm ăn yên ổn, do đó mà có thể giúp đỡ đồng bào miền Nam, tinh thần thân thiện đó, chúng ta phải biết và phải nhớ luôn luôn.

Vậy nên nhân dịp tết này, tôi kính thay mặt toàn quốc đồng bào mà chào mừng toàn thể anh em Trung Hoa ở đây và ở Trung Quốc muôn sự tốt lành.

Chúng ta cùng hô to:

Năm mới Hoa - Việt thân thiện muôn năm,

Việt Nam kháng chiến thắng lợi!

Việt Nam độc lập muôn năm!"[1].

Ngày 16 tháng 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử phái đoàn Chính phủ do Cố vấn Vĩnh Thụy dẫn đầu đáp máy bay đi Trùng Khánh thăm Tưởng Giới Thạch.

Với Lư Hán, ngày 11 tháng 9 năm 1945 đến Hà Nội, thì hôm sau Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm, nói rõ chủ trương Hoa - Việt thân thiện của ta. Với Tiêu Văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ nhiều lần để thuyết phục giải quyết những sự việc rắc rối do quân Tưởng gây ra. Với cả đạo quân Tưởng đông đảo và ô hợp, chính quyền và nhân dân Việt Nam đã phải đón tiếp chúng một cách hữu nghị như những người cùng trong phe Đồng minh. Ta bảo đảm cung cấp những nhu cầu sinh hoạt như nhà ở, lương thực, thực phẩm, nhận cho lưu hành đồng tiền mất giá Quan kim và Quốc tệ. Trước những hành động quấy phá, khiêu khích của chúng, ta chủ trương dùng đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý dàn xếp cho ổn thỏa, tránh đối đầu về quân sự.

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ:

"Phải hết sức tránh khiêu khích, không để xảy ra xung đột với quân Tưởng. Nếu đã xảy ra xung đột thì phải biến xung đột lớn thành xung đột nhỏ, biến xung đột nhỏ thành không có xung đột"[2].

---

1. Báo *Cứu quốc*, số Tết Bính Tuất.

2. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, H. 1977, tr. 299.

Ở nhiều nơi như Hà Nội, Vĩnh Yên, Phú Thọ ta rút hoặc giãn lực lượng vũ trang ra ngoài để bớt không khí đối đầu căng thẳng và tránh va chạm. Nhiều nơi khác, ta tạm rút cơ quan chính quyền ra ngoài thị xã, thị trấn chỉ để lại bộ phận nhỏ thường trực để tránh quân Tưởng và bọn tay sai gây rối loạn có thể bất ngờ tiến công cơ quan chính quyền ta. Ở Thái Nguyên, cơ quan chính quyền đoàn thể tạm rút về Phú Lương, cơ quan tỉnh Phú Thọ rút về Hưng Hoá, cơ quan tỉnh Thái Nguyên rút về Đạm Xuyên, cơ quan thị trấn Việt Trì rút về làng An Lão... Ta thoả thuận với quân Tưởng thành lập Ban liên lạc Trung - Việt ở Hà Nội, Ban liên kiểm ở thị xã Phúc Yên, Biện sự sứ ở thị xã Phú Thọ... gồm đại diện chính quyền ta, đại diện quân đội Tưởng và có nơi, gồm cả đại diện Việt Quốc, để giao thiệp hàng ngày và giải quyết những vụ rắc rối giữa hai bên.

Chúng ta vừa nhân nhượng, vừa đấu tranh, và trong tương quan lực lượng cụ thể, Tưởng phải hòa hoãn với ta. Nhưng trước ý đồ lật đổ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, âm mưu của chúng vẫn không thay đổi, chỉ có cách thức tiến hành thì có sự điều chỉnh. Nếu như ý định lúc đầu của chúng là dùng vũ lực trực tiếp lật đổ chính quyền cách mạng nhưng không thực hiện được, thì nay chúng giật dây và phối hợp cùng bọn Việt Quốc, Việt Cách gây sức ép, đưa bọn tay sai xâm nhập vào bộ máy chính quyền, chia sẻ quyền lãnh đạo, phá hoại từ bên trong, làm suy yếu thế lực cách mạng, tiến tới lật đổ chính quyền cách mạng, lập chính quyền bù nhìn tay sai. Ph. Gioayô, tác giả cuốn *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất* có nhận xét rất đúng rằng:

"Ngày 24 tháng 8 năm 1945, Tưởng Giới Thạch nhắc lại:

"Trung Quốc không hề có tham vọng lãnh thổ Việt Nam".

Nhưng mối nguy cơ lớn là ở chỗ quân đội Trung Hoa áp đặt ở Hà Nội một Chính phủ của Việt Nam Quốc dân đảng - Đồng minh hội là những tổ chức trung thành với họ"[1].

Những nhân nhượng về kinh tế, tài chính, về quan hệ ngoại giao... cũng là những nhân nhượng lớn và có gây cho ta nhiều khó khăn. Nhưng nhân nhượng quan trọng hơn là những nhân nhượng về chính trị. Đó là việc Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán và việc chấp nhận bọn Việt Quốc, Việt Cách vào Quốc hội và Chính phủ Liên hiệp.

---

1. Ph. Gioayô, *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất*, Nxb Thông tin lý luận, H. 1981, tr. 70.

Lúc bấy giờ, một vấn đề chính trị rất gay go là bọn đế quốc và tay sai lấy cớ Chủ tịch Hồ Chí Minh là Cộng sản, Việt Minh là Cộng sản, Cộng sản giữ chính quyền, đàn áp các đảng phái khác... để đòi Chủ tịch Hồ Chí Minh phải từ chức, đòi loại các Bộ trưởng Cộng sản khỏi Chính phủ, đòi để cho Việt Quốc, Việt Cách nắm chính quyền... tình thế rất bức bách. Xem xét tình hình chung và chủ động giải quyết vấn đề chính trị phức tạp này, ngày 11 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý giải tán. Bản thông cáo nêu rõ: *"Lúc này chính là cơ hội nghìn năm có một cho nước Việt Nam giành quyền hoàn toàn độc lập"*. Để tăng cường sự đoàn kết nhất trí của toàn dân không phân biệt giai cấp, đảng phái vì nhiệm vụ giải phóng dân tộc, để chứng tỏ những đảng viên Cộng sản là những chiến sĩ tiên phong đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi riêng của đảng phái, để phá tan những điều hiểu lầm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho sự nghiệp giải phóng nước nhà, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra "Nghị quyết tự động giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương".

Báo *Cứu quốc* ngày 13 tháng 11 năm 1945 bình luận về sự kiện này: *"Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý giải tán có thể đánh tan những sự hiểu lầm trước công chúng và làm cứng họng những kẻ vu cáo hèn nhát, có thể làm cho Mặt trận kết nạp thêm được lực lượng toàn dân kháng chiến ủng hộ Chính phủ lâm thời mau chóng tranh thủ nền độc lập hoàn toàn của dân tộc"*.

Như vậy Đảng Cộng sản Đông Dương ra thông cáo tự động giải tán do hoàn cảnh thế giới và trong nước đang có nhiều khó khăn, bất lợi cho sự sống còn của Đảng, cho sự tồn tại của chính quyền cách mạng, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong đó trực tiếp và nguy hiểm nhất là sức ép của kẻ thù. Đối với quân Tưởng, đây là một nhân nhượng lớn của ta. Nhiều đồng chí và đồng bào không hiểu rõ nên hoang mang thắc mắc. Đảng phải rút vào hoạt động bí mật cũng gặp nhiều trở ngại, hạn chế việc lãnh đạo các cơ quan chính quyền đoàn thể và việc củng cố tổ chức đảng, phát triển đảng viên. Nhưng thực sự đây là một sách lược nhân nhượng mềm dẻo, nhằm đạt được mục tiêu căn bản của cách mạng là giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững chính quyền để đi tới giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về chủ trương này:

"Đứng trước tình hình gay go và cấp bách ấy, Đảng phải dùng mọi cách để sống còn, hoạt động và phát triển, để lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả

hơn, và để có thời giờ củng cố dần dần lực lượng của chính quyền nhân dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.

Lúc đó, Đảng không thể do dự. Do dự là hỏng hết. Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp - dù là những phương pháp đau đớn - để cứu vãn tình thế"[1].

Nhân nhượng lớn thứ hai và cũng là điểm nút đạt tới hòa hoãn là việc ta chấp nhận Việt Quốc, Việt Cách tham gia Quốc hội và Chính phủ Liên hiệp. Cuộc đấu tranh với quân Tưởng và bọn tay sai để đi tới hòa hoãn cũng trải qua một quá trình phức tạp. Chính quyền Tưởng Giới Thạch và bọn chỉ huy quân Tưởng ở Việt Nam do phải theo lệnh Mỹ, do những khó khăn hạn chế của chúng và do đấu tranh của ta, buộc phải hòa hoãn. Nhưng bọn tay sai, do bản chất và ý đồ phản động, lại không muốn hòa hoãn với ta. Chúng muốn thông qua mũi súng quân Tưởng để lật đổ chính quyền cách mạng, thỏa mãn tham vọng từ lâu là giành lấy chính quyền. Hòa hoãn với ta chúng sẽ thất thế vì không có lực lượng bản thân, không có cơ sở chính trị, người cầm đầu không có uy tín. Chúng tự biết không xứng đáng là đối thủ của Đảng ta, của Mặt trận Việt Minh. Đó cũng là mâu thuẫn giữa bọn tay sai với quan thầy của chúng. Ta chủ trương hòa hoãn cũng là lợi dụng mâu thuẫn ấy. Dù sao bọn tay sai cũng phải theo lệnh Tưởng thương lượng hòa hoãn với ta. Mục đích của chúng là dùng thủ đoạn chính trị chống phá ta. Chúng ta nêu khẩu hiệu đoàn kết các đảng phái, đoàn kết toàn dân để chống Pháp xâm lược. Với khẩu hiệu này, ta buộc chúng dù không muốn cũng không thể công khai phản đối, buộc chúng không được trắng trợn phá hoại các chính sách kháng chiến kiến quốc của Chính phủ.

Việt Cách là một tổ chức phản động tay sai của Tưởng, nhưng trong Hội có sự tham gia của nhiều lực lượng khác nhau, nên có những xu hướng chính trị khác nhau, trong đó có nhiều người yêu nước, cảm tình và đi theo cách mạng. Thế lực của Việt Cách lại yếu, thường bị Việt Quốc coi thường, chèn ép, nên có mâu thuẫn nhất định với Việt Quốc và sự chống phá cách mạng không nguy hiểm bằng Việt Quốc. Qua nhiều cuộc trao đổi trực tiếp và qua báo chí, Việt Minh và Việt Cách đã ra được bản Tuyên ngôn đoàn kết, trong đó kêu gọi đoàn kết, thừa nhận và ủng hộ Chính phủ lâm thời, nguyện cùng nhau đem hết lực lượng chống thực dân Pháp, giữ vững nền tự do độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 21.

Việt Quốc là tổ chức phản động tay sai đắc lực của quân Tưởng, phần lớn đảng viên là những phần tử phản động. Đặc biệt, bọn cầm đầu là những tên ngoan cố, có thủ đoạn thâm độc. So với Việt Cách, Việt Quốc có tổ chức chặt chẽ hơn và có lực lượng vì sáp nhập cùng Đại Việt, nên chống phá ta nguy hiểm hơn. Ngay từ ngày 18 tháng 9 năm 1945, Trung ương Đảng bộ Việt Nam Quốc dân Đảng đã gửi Mặt trận Việt Minh một bản đề nghị, trong đó có nhiều lời lẽ bịp bợm, nhưng không che giấu được những yêu cầu ngang ngược như đòi giải tán Việt Minh, thay đổi Chính phủ, định lại Quốc kỳ, Việt Quốc đứng làm trung tâm điều đình đoàn kết các đảng phái chính trị... Sau đó, báo Việt Nam của Việt Quốc đăng bài "Các đảng phái hãy đoàn kết", công khai trước dư luận những đòi hỏi cho cuộc thương lượng: các tổ chức Cứu quốc bỏ danh từ Mặt trận Việt Minh, Việt Minh gia nhập Mặt trận Quốc gia chống Pháp do chúng lập ra. Mặt trận Quốc gia chống Pháp thành lập Chính phủ, định lại Quốc kỳ, đặt lại Quốc ca, đình hoãn Tổng tuyển cử...".

Ngày 12 tháng 12 năm 1945, Việt Minh ra lời kêu gọi Việt Quốc chấm dứt mọi hành động chia rẽ phá hoại cùng nhau hợp tác.

Báo *Sự thật* ngày 5 tháng 12 năm 1945 đăng *Bức thư ngỏ cùng anh em Việt Nam Quốc dân Đảng* trong nhóm Việt Nam của những người mácxít Đông Dương. Về tình hình cấp bách của đất nước, bức thư nêu:

"Thực dân Pháp tiến công Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Chúng lăm le đem quân vào Bắc Bộ. Tổ quốc lâm nguy. Toàn dân phải đoàn kết, ngăn cản quân xâm lược. Chia rẽ là chết, đoàn kết thì sống. Những câu ấy chúng ta nhắc đi nhắc lại đã nhiều rồi. Giờ đây phải làm cho nó thành sự thật...".

Ba nguyên tắc hợp tác giữa các đảng phái yêu nước do những người mácxít Đông Dương đề ra là:

"1. Đoàn kết, hợp tác giữa tất cả các đoàn thể chân chính yêu nước, nhưng không đoàn kết vô nguyên tắc với bọn phản quốc.

2. Sự đoàn kết thành thực giữa các đảng phái cách mạng chỉ có thể đặt lên trên nền tảng hành động chung.

3. Cấm chỉ mọi hành động có hại cho nước, có lợi cho địch, nhất là việc gièm pha cuộc kháng chiến và mạt sát Chính phủ kháng chiến".

Với những lãnh tụ các đảng đối lập ta thường một mặt tranh thủ, mặt khác hạn chế tối đa hành động phá hoại của họ.

Tình thế chung buộc kẻ thù phải chấp nhận hoà hoãn. Sau Tuyên ngôn đoàn kết của Hội nghị Liên tịch Việt Minh, Việt Cách, ngày 19 tháng 11

năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh ký văn bản Nguyên tắc chung tối cao của cuộc hợp tác giữa Việt Minh, Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân Đảng gồm bảy điểm, quy định thể thức thành lập Chính phủ đoàn kết rộng rãi, thống nhất Quân đội Quốc gia chống Pháp, ngày 24 tháng 11 lại ký văn bản Chân thành đoàn kết. Ở một số địa phương cũng có những cuộc thương lượng hoà giải giữa chính quyền ta với các lực lượng đối lập như ở Vĩnh Yên, Phú Thọ...

Cuộc đấu tranh giữa ta với quân Tưởng và tay sai về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và lập Chính phủ Liên hiệp là vấn đề phức tạp nổi bật. Bọn phản động biết rằng chúng không có một chút hy vọng trúng cử trong cuộc bầu cử bình đẳng, dân chủ sắp tới, nên lúc đầu Việt Quốc, Việt Cách phản đối Tổng tuyển cử và lập Chính phủ Liên hiệp. Do ta đấu tranh, do sức ép của dư luận, cuối cùng chúng phải đồng ý Tổng tuyển cử và lập Chính phủ Liên hiệp. Nhưng Việt Quốc đòi:

Một phần ba đại biểu Quốc hội là của Việt Quốc.

Một phần ba là những người không thuộc đảng phái nào.

Trong Chính phủ Liên hiệp, chúng đòi nắm bảy Bộ trưởng: Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính, Giáo dục, Kinh tế, Thanh niên, Kiều vụ và hai chức vụ Tổng lý nội các, Tham mưu trưởng Quân đội Quốc gia. Sau nhiều cuộc điều đình, ngày 23 tháng 12 năm 1945, đại diện Việt Minh, Việt Cách, Việt Quốc là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh cùng ký văn bản Biện pháp hợp tác gồm mười bốn điều khoản chính và phụ khoản bốn điều, thoả thuận về việc lập Chính phủ Liên hiệp lâm thời và tổ chức thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng ý cải tổ Chính phủ lâm thời trước khi bầu cử Quốc hội để đưa người của Việt Quốc, Việt Cách tham gia Chính phủ và chấp nhận dành cho Việt Quốc 50 ghế, Việt Cách 20 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử. Ngày 24 tháng 12, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh ký tiếp văn bản đoàn kết gồm ba điều quy định dùng biện pháp thương lượng hoà bình để giải quyết những mắc mớ, xung khắc giữa các đảng phái, và đã thoả thuận những điều kiện hợp tác:

- Bắt đầu từ ngày 25 tháng 12 năm 1945, hai bên không công kích nhau trên mặt báo nữa.

- Chính phủ sẽ đặt thêm hai chức Bộ trưởng để nhường cho Việt Nam Quốc dân Đảng.

- Ông Nguyễn Hải Thần sẽ làm Phó Chủ tịch.

- Hôm 1 tháng 1 năm 1946, ông Nguyễn Hải Thần và hai ông Bộ trưởng mới sẽ tuyên thệ nhậm chức.

- Chính phủ sẽ mời 50 người Việt Quốc và 20 người trong Việt Cách vào Quốc hội.

Ngày 25 tháng 12 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Công Truyền đại diện Mặt trận Việt Minh, Đỗ Đức Dục, Hoàng Văn Đức đại biểu Đảng Dân chủ, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Thức đại biểu Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam đại biểu Việt Nam Quốc dân Đảng ký văn bản quy định thể thức thành lập Chính phủ chính thức sau khi bầu cử Quốc hội.

Ngày 1 tháng 1 năm 1946, Chính phủ lâm thời cải tổ thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời ra mắt và ra Tuyên ngôn đối nội và đối ngoại. Trong Chính phủ lâm thời lập sau Cách mạng Tháng Tám, ta đã đưa một số người không phải là đảng viên cộng sản vào, như cụ Nguyễn Văn Tố là nhân sĩ không đảng phái, Vũ Đình Hoè đảng viên Đảng Dân chủ, Nguyễn Mạnh Hà một nhân sĩ công giáo. Ngày 10 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh cử Vĩnh Thụy làm Cố vấn Chính phủ. Người còn đề nghị Hội đồng Chính phủ cử một Ban Cố vấn cho Chủ tịch gồm: Bác sĩ Nguyễn Văn Luyện, Giám mục Lê Hữu Từ, các ông Bùi Bằng Đoàn, Ngô Tử Hạ, Bùi Kỷ... Trong Chính phủ liên hiệp lâm thời lập ngày 1 tháng 1 năm 1946, ta đã đưa vào ba thành viên của phái đối lập là Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch Chính phủ, Nguyễn Tường Long - Bộ trưởng Quốc dân kinh tế và Trương Đình Tri - Bộ trưởng Y tế. Nhiệm vụ của Chính phủ mới là tổ chức Tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang và sẽ từ chức khi Quốc hội cử Chính phủ chính thức.

Mặc dù có sự thoả thuận như vậy, nhưng bọn Tưởng và tay sai vẫn hoạt động phá hoại Tổng tuyển cử. Chúng tuyên truyền nói xấu các đại biểu được Mặt trận Việt Minh giới thiệu, ngăn chặn cử tri đi bầu cử, có nơi chúng còn gây rối ngay nơi bầu cử... Nhưng cuộc Tổng tuyển cử ngày 6 tháng 1 năm 1946 đã thành công tốt đẹp. Các đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đều thắng cử với số phiếu cao. Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng cử ở Thủ đô Hà Nội đã trúng cử với 98,4% số phiếu. Một số người thuộc tổ chức Việt Cách cũng được giới thiệu ứng cử và đã trúng cử. Trương Trung Phục trúng cử ở Hải Phòng, Bồ Xuân Luật trúng cử ở Hưng Yên. Vĩnh Thụy tức Cựu hoàng Bảo Đại được giới thiệu ứng cử ở Thanh Hoá và đã trúng cử.

Ngày 25 tháng 2 năm 1946, Hội nghị liên tịch các chính đảng ra nghị quyết thành lập chính phủ liên hiệp kháng chiến.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đề nghị Quốc hội mở rộng thêm 50 đại biểu do Việt Quốc và 20 đại biểu do Việt Cách chỉ định. Quốc hội nhất trí đề nghị này. Quốc hội trịnh trọng cảm ơn "Chính phủ lâm thời đã làm được nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc trong tình thế nghiêm trọng của nước nhà" và tuyên bố Chủ tịch Hồ Chí Minh "xứng đáng với Tổ quốc". Quốc hội đã bầu Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch Chính phủ và giao cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch thành lập Chính phủ mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, Cố vấn đoàn và Kháng chiến ủy viên hội để Quốc hội công nhận.

Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được thành lập theo nguyên tắc đã được thoả thuận trước gồm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần và mười Bộ trưởng. Trong đó người của Việt Minh và Đảng Dân chủ làm Bộ trưởng bốn Bộ: Tài chính, Giáo dục, Tư pháp và Giao thông công chính. Người của Việt Quốc, Việt Cách làm Bộ trưởng bốn Bộ: Ngoại giao, Kinh tế, Cứu tế xã hội và Canh nông. Bộ Nội vụ do cụ Huỳnh Thúc Kháng và Bộ Quốc phòng do ông Phan Anh là hai người không đảng phái làm Bộ trưởng.

Cố vấn đoàn do Vĩnh Thụy đứng đầu.

Kháng chiến ủy viên hội (sau đổi thành Quân sự ủy viên hội, thường gọi tắt là Quân ủy hội) gồm chín người, có trách nhiệm thống nhất quân đội, điều khiển kháng chiến, do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch. Các Bộ và các cơ quan cứ người của Việt Minh và Đảng Dân chủ làm trưởng thì người của Việt Quốc, Việt Cách làm phó và ngược lại.

Quốc hội bầu Ban Thường trực Quốc hội gồm 15 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết do cụ Nguyễn Văn Tố làm Trưởng ban, trong đó có Cung Đình Quỳ là Phó Trưởng ban và các ủy viên Dương Văn Dư, Đàm Quang Thiện, Trịnh Quốc Quang là người phía đối lập.

Như vậy trong Quốc hội có 70 đại biểu của hai tổ chức chính trị đối lập trong tổng số 403 đại biểu. Đáng chú ý là trong 20 đại biểu của Việt Cách, có một số người yêu nước và cách mạng như Đinh Chương Dương, Lý Đào. Với một thành phần đại biểu như vậy, dù một số đại biểu đối lập phản động có tìm mọi cách phá hoại, nhưng tính chất của Quốc hội vẫn không thay đổi. Quốc hội vẫn là cơ quan quyền lực của nhân dân, vẫn là Quốc hội cách mạng. Trong *Chính phủ lâm thời* sau Cách mạng Tháng Tám, thành phần

hầu hết là người của Mặt trận Việt Minh, chỉ có số ít vị là người yêu nước không đảng phái. Trong *Chính phủ liên hiệp* lâm thời (ngày 1 tháng 1 năm 1946) chỉ có 3 người thuộc phái đối lập. Đến *Chính phủ Liên hiệp kháng chiến* thì thành phần hai phía đối lập là ngang nhau. Bọn Tưởng và tay sai những tưởng rằng đây là thời cơ chúng có thể từ đó mà chiếm chính quyền không cần dùng vũ lực, hoặc ít nhất cũng không để chính quyền hoạt động theo chủ trương, đường lối của Cộng sản, của Việt Minh.

Âm mưu của kẻ thù hoàn toàn thất bại, Nguyễn Hải Thần được làm Phó Chủ tịch Chính phủ, nhưng là một người không có năng lực, bọn phản động cùng bè phái cũng coi thường, chỉ do được coi là "lão thành" mà Tưởng đưa lên đứng đầu Việt Cách. Khi Nguyễn Hải Thần mới theo quân Tưởng về nước, một số tên thực dân Pháp đã đến móc nối định hợp tác chống cách mạng. Nhưng khi tiếp xúc, các đại biểu Pháp mới thấy rằng đó chỉ là một nhân vật bù nhìn đã rệu rạo và tướng Tiêu Văn đang giật dây một cách vất vả. Bản thân Nguyễn Hải Thần như vậy, lại ở cương vị Phó Chủ tịch không có quyền lực cụ thể, nên trên thực tế không gây tác hại lớn cho cách mạng. Vũ Hồng Khanh, người cầm đầu Việt Quốc là một người có âm mưu, thủ đoạn nguy hiểm, có uy tín trong Việt Quốc và trong tay có một số lực lượng. Với cương vị Phó Chủ tịch Quân ủy hội, Vũ Hồng Khanh định dò la tình hình lực lượng vũ trang ta, chống phá công cuộc kháng chiến và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhưng lúc đó, các đơn vị bộ đội đóng quân phân tán, thông tin liên lạc khó khăn, trên cơ quan thì cán bộ, nhân viên là người của cách mạng nên Vũ Hồng Khanh cũng không thể thực hiện được ý định. Với các chức vụ do Việt Quốc, Việt Cách nắm, trên thực tế hoạt động chỉ đạo các ngành rất hạn chế, chủ yếu làm sự vụ hành chính. Chủ trương thì phải thống nhất theo chủ trương của Chính phủ. Hoạt động thực tiễn thì chủ yếu ở địa phương trực tiếp làm, tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể. Nguyễn Tường Tam là Bộ trưởng Ngoại giao, Chu Bá Phượng làm Bộ trưởng Cứu tế xã hội, hoạt động rất hạn chế và không phá hoại được chủ trương, chính sách của ta. Bồ Xuân Luật làm Bộ trưởng Canh nông, vốn là người tốt, được Chủ tịch Hồ Chí Minh cảm hoá và đi theo đường lối của cách mạng.

Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng do hai người không đảng phái làm Bộ trưởng. Nhưng cụ Huỳnh Thúc Kháng và ông Phan Anh là hai người yêu nước, tiến bộ, hoàn toàn tin theo Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên thực tế quyền chỉ huy quân đội và quốc phòng do Chủ tịch Kháng chiến ủy viên hội Võ Nguyên Giáp và Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái nắm. Công tác an ninh rất quan trọng do Nha Công an nắm. Nằm trong Bộ Nội vụ, nhưng Nha

Công an hoạt động nghiệp vụ độc lập. Ở Nha Công an, Nguyễn Dương là người không đảng phái làm Tổng Giám đốc, nhưng chỉ một thời gian ngắn, phần lớn thời gian do đồng chí Lê Giản làm Tổng Giám đốc và cán bộ trong Nha đều là người của ta nên công tác an ninh nói chung vẫn do cách mạng nắm. Nghiêm Kế Tổ trong Việt Cách, lúc đó làm Thứ trưởng trong Chính phủ liên hiệp đã nhận xét:

"Nhìn qua Chính phủ cải tổ, hình thức hoàn toàn đoàn kết, nhưng bên trong khác hẳn. Cụ Nguyễn Hải Thần già yếu, nhu nhược giữ ghế Phó Chủ tịch làm vì. Địa vị Bộ trưởng của Nguyễn Tường Tam nào có ngoại giao gì đâu. Ngoại giao với Pháp thì đường lối chính Việt Minh đã vạch sẵn mất rồi, chỉ có ngoại giao với Trung Hoa thì cái thế "anh em nhà" của Nguyễn Ngoại trưởng với Lư Hán, Tiêu Văn lại là một điều có lợi cho Việt Minh quá"[1].

Đó là trên Chính phủ Trung ương, còn ở các địa phương, từ tỉnh xuống đến xã, vẫn là chính quyền cách mạng. Báo cáo của Việt Minh đoàn Chính phủ viết:

"Bộ máy chính quyền ở Trung ương có thay đổi, nhưng ở địa phương thì vẫn y nguyên như trước. Nếu có sự thay đổi là do chủ trương của ta. Thành phần ủy viên các ủy ban hành chính các cấp hầu hết là người các đoàn thể cách mạng chân chính và những người có cảm tình với mặt trận, với chính quyền mới". Báo cáo còn khẳng định: Thời kỳ Chính phủ lâm thời, Việt Minh đoàn Chính phủ (gồm các Bộ, Thứ trưởng người của Mặt trận Việt Minh tham gia Chính phủ) có 11 trong 16 vị trong Chính phủ. Thời kỳ Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Chính phủ có 24 vị thì Việt Minh đoàn Chính phủ chỉ có 8, trung lập 8, đối lập 8, "thời kỳ này là thời kỳ Việt Minh đoàn Chính phủ phải đấu tranh gay go nhất trong Chính phủ. Tuy vậy Việt Minh đoàn Chính phủ vẫn nắm phần chủ động và vẫn giữ vững được tình thế"[2].

Nhân nhượng của ta về vấn đề chính quyền là một nhân nhượng lớn: thành lập một Chính phủ liên hiệp nhiều thành phần, trong đó có phái phản động đối lập. Nhưng đây là một yêu cầu bắt buộc, một điều kiện tiên quyết để đạt tới hoà hoãn. Tuy điều đó có gây cho chúng ta những khó khăn nhất định trong hoạt động của Chính phủ, nhưng ta đã chuyển được sức ép nguy hiểm của các hoạt động trắng trợn điên cuồng, kể cả bằng vũ lực của quân Tưởng và tay sai thành cuộc đấu tranh hoà bình thương lượng trong Chính

---

1. Nghiêm Kế Tổ, *Việt Nam máu lửa*, Mai Lĩnh xuất bản, Sài Gòn, 1954, tr. 91.

2. Tài liệu tham khảo về lịch sử Đảng 1945 - 1946, Viện Lịch sử Đảng, tr. 13,14.

phủ. Rõ ràng mối đe dọa mất chính quyền, mất nền độc lập đã được giải toả một phần. Điều đáng ngại trong tình hình mới là sự đe dọa tính chất của chính quyền bị biến dạng. Thành phần trong Chính phủ là liên hiệp, nhưng đường lối, chính sách của Chính phủ vẫn nhất quán, đó là chính quyền nhân dân, động viên tổ chức sức mạnh đoàn kết toàn dân để kháng chiến chống ngoại xâm, giữ vững nền độc lập tự do vừa giành được trong Cách mạng Tháng Tám và xây dựng đất nước. Chính quyền vẫn hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc triển khai thực hiện đường lối "Kháng chiến kiến quốc", thông qua các hoạt động của đảng viên, các tổ chức quần chúng và đặc biệt qua bàn tay chèo lái của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tính chất của chính quyền cách mạng không thay đổi.

Tổng tuyển cử và thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến là một thành công lớn của ta, đánh một đòn nặng vào âm mưu lật đổ chính quyền của Tưởng và tay sai, cũng góp phần khoét sâu mâu thuẫn giữ Pháp và Tưởng, giữa bọn Tưởng và tay sai, giữa bọn tay sai với nhau. Lúc đó, có người hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chúng ta như lửa, bọn chúng như nước, lửa nước xung khắc, vì sao ta cho chúng vào Quốc hội. Người giải thích: Đúng, chúng ta là lửa, chúng là nước. Lửa với nước xung khắc nhau, nhưng chúng ta biết để nước trên lửa thì nước sôi uống lành.

Mặc dù ta có những nhân nhượng lớn, trong đấu tranh chính trị, ngoại giao với quân Tưởng và tay sai rất mềm dẻo, nhưng mặt khác, ta lại đấu tranh rất kiên quyết giữ vững nguyên tắc cách mạng. Với những hành động chống phá trắng trợn, nguy hại đến an ninh quốc gia, xâm phạm đến tính mạng tài sản của nhân dân, thì ở những nơi và khi tình hình cho phép, chúng ta kiên quyết bằng pháp luật, bằng lực lượng vũ trang trừng trị, chặn bàn tay của chúng. Ở Hà Đông, Sơn Tây, bọn Đại Việt Quốc gia liên minh trước đây đã bị ta trừng trị, khi quân Tưởng sang, lại ngóc đầu dậy liên lạc với Việt Quốc, phục hồi cơ sở, hoạt động chống lại chính quyền. Ta đưa ra toà án xét xử công khai, tuyên án tử hình bốn tên, xử tù từ 15 đến 20 tên. Số còn lại tan rã không dám hoạt động nữa. Lực lượng trinh sát cũng bắt giữ nhiều tên quan trọng của Việt Quốc hoạt động phản quốc như Hoàng Ngọc Bách, Lê Khanh, Lê Thận...

Để đạt được hoà hoãn với quân Tưởng và tay sai, chúng ta phải vừa đấu tranh vừa nhân nhượng, đấu tranh vừa kiên quyết, lại vừa mềm dẻo. Những nhân nhượng là lớn, có gây ra một số khó khăn cho chính quyền và nhân dân ta, nhưng âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh, lật đổ

chính quyền cách mạng của chúng không thực hiện được. Ta vẫn giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, giữ vững quyền làm chủ của nhân dân. Trong khi đó, việc hoà hoãn lại tạo điều kiện hạn chế đến mức thấp nhất mọi hoạt động chống phá trắng trợn của quân Tưởng và tay sai, đặc biệt là nguy cơ chúng dùng lực lượng quân sự lật đổ chính quyền ta. Tranh thủ điều kiện hòa hoãn, Đảng, chính quyền và nhân dân ta nỗ lực phát triển lực lượng mọi mặt và tập trung lực lượng chặn bàn tay xâm lược của thực dân Pháp.

Sách lược "Hòa để tiến", hòa hoãn với Pháp.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cục diện chính trị thế giới có nhiều chuyển biến to lớn, ảnh hưởng đến tình hình nước ta. Đế quốc Mỹ phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu. Mỹ cũng nhận ra rằng không thể kéo cách mạng Việt Nam vào vòng ảnh hưởng của mình. Mỹ muốn Tưởng tập trung lực lượng đối phó với cách mạng Trung Quốc, muốn lôi kéo Anh - Pháp lập mặt trận chung bao vây Liên Xô ở phía châu Âu, muốn dùng Pháp ngăn chặn làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cho nên Mỹ đã thoả thuận cho Pháp chiếm lại Đông Dương. Mắc Lơrơ đã không cho những sĩ quan OSS - Cục nghiên cứu chiến lược Mỹ ở Nam Trung Quốc - cộng tác với ta nữa và đưa về nước những người Mỹ biểu thị cảm tình với cách mạng Việt Nam.

Ngày 22 tháng 8 năm 1945, Đờ Gôn đến Oasinhtơn hội đàm với Truman, trong đó đáng chú ý nhất là Hoa Kỳ chính thức thừa nhận bằng văn bản chủ quyền của Pháp trên đất Đông Dương.

Với Anh, ngày 24 tháng 8 năm 1945, một thỏa hiệp Pháp - Anh về nguyên tắc và cách thức khôi phục chủ quyền của Pháp tại Đông Dương được ký kết.

Nhận được sự thoả thuận của Mỹ và Anh, đó là sự cổ vũ lớn với Pháp. Tiếp theo, Pháp phải tính đến trở lực là quân Tưởng hiện đang chiếm đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. Cuối tháng 12 năm 1945, Xanhtơny gửi thư về Pari: "Năm tháng ở Côn Minh phụ trách một vị trí quan sát đặc biệt và năm tháng ở Hà Nội từ ngày 22 tháng 8 đến nay đã cho phép tôi khẳng định rằng việc đặt Bắc Kỳ trở lại dưới quyền của nước Pháp chỉ có thể thực hiện được với sự thoả thuận của Trung Hoa". Xanhtơny phân tích: Nếu dùng vũ lực với những phương tiện cực kỳ lớn mạnh thì không có gì chứng tỏ có những phương tiện ấy và thấy không có quyết tâm. Nếu có làm cho Trung Hoa lùi bước thì rồi họ sẽ ủng hộ lực lượng cách mạng Việt Nam qua đường biên giới sau này. Đó là khó khăn tốn kém. Nếu dùng biện pháp ngoại giao thì dẫn đến kết quả:

1 - Chúng ta sẽ đến được Bắc Kỳ mà không phải đổ máu.

2 - Làm cho Bắc Kỳ trở về với chúng ta nhanh hơn cách dùng vũ lực.

3 - Cho phép chúng ta ngay từ bây giờ khai khẩn lại một xứ đang hàng ngày trượt tới một trạng thái cực kỳ hỗn loạn.

4 - Xây dựng bước đầu sự xê dịch tiếp cận về kinh tế với Trung Hoa.

Về phía Tưởng Giới Thạch, trước sức mạnh của cách mạng Việt Nam và sự bất lực của bọn tay sai, trước những khó khăn ở ngay trong nước và phải theo lệnh Mỹ, buộc phải rút quân khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, Tưởng còn đòi Pháp một số quyền lợi, và muốn trước khi rút quân dựng lên ở Việt Nam một chính quyền tay sai để ép Pháp và giữ được ảnh hưởng nhất định để chuẩn bị cho ý đồ bành trướng sau này khi có điều kiện. Cuộc mặc cả quyền lợi giữa Tưởng và Pháp diễn ra từ cuối tháng 8 năm 1945. Trong hồi ký của mình, Đờ Gôn viết rằng từ tháng 10 năm 1945, ông ta đã được tướng Péchcốp (đại diện Pháp ở Trùng Khánh) cho biết: "Tưởng Giới Thạch hứa sẽ giúp Pháp lập lại chủ quyền ở Đông Dương khi thời cơ đến". Một năm sau, thông qua Tống Tử Văn, Trùng Khánh lại khẳng định với Đờ Gôn điều đó..., bản thân Đờ Gôn đã hội đàm với T.V.Soong - Chủ tịch Viện Hành pháp Trung Hoa - vào cuối tháng 8 năm 1945 ở Oasinhtơn và giữa tháng 9 năm 1945 ở Pari. Hai bên đã đạt được những thoả thuận. Đến ngày 7 tháng 2 năm 1946 thì cuộc đàm phán chính thức tại Trùng Khánh bắt đầu. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết giữa Bộ trưởng Ngoại giao Vương Thế Kiệt và Đại sứ Pháp tại Trung Hoa Giắc Maye. Những điều khoản chính của Hiệp ước là:

1 - Pháp phải bỏ hết các trị ngoại pháp quyền của Pháp trên đất Trung Quốc, trao trả cho Tưởng các tô giới ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Đông, đất thuê Quảng Châu Loan.

2 - Pháp nhường cho Tưởng một khu đặc biệt ở cảng Hải Phòng. Ở đó, Tưởng được tự do nhập hàng và có quyền kiểm soát hải quan.

3 - Pháp bán lại cho Tưởng đoạn đường sắt nằm trên đất Trung Quốc của con đường Hà Nội - Vân Nam.

4 - Tưởng không bắt Pháp phải chịu tiền phí tổn và việc quân đội Trung Quốc đóng ở miền Bắc Đông Dương.

5 - Những Hoa Kiều ở Đông Dương sẽ được hưởng nhiều quyền lợi đặc biệt hơn trước.

Hiệp ước Trùng Khánh không có điều khoản nào nói về Chính phủ Trung Hoa thuận cho quân Pháp vào thay quân đội Trung Hoa ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Trong đàm phán, phía Tưởng chỉ hứa hẹn sẽ cho quân Pháp vào thay thế. Quá trình đàm phán sau đó mới đi đến một bản thoả ước về quân sự giữa Bộ Tổng tham mưu Tưởng và Tổng chỉ huy quân Pháp công bố ngày 13 tháng 3 khẳng định điều này. Thoả ước quy định thời hạn quân Tưởng rút là từ ngày 15 tháng 3 đến 31 tháng 3 năm 1946.

Với Hiệp ước Hoa - Pháp, mâu thuẫn giữa hai tập đoàn đế quốc Anh - Pháp và Mỹ - Tưởng tạm hòa hoãn. Nhưng những mâu thuẫn mới giữa Tưởng và Pháp lại nảy sinh. Pháp muốn nhanh chóng đẩy quân Tưởng ra, đưa quân Pháp vào miền Bắc trót lọt. Tưởng lại muốn kéo dài thời hạn rút quân để đòi Pháp thêm quyền lợi. Nhất là bọn tướng lĩnh chỉ huy quân Tưởng ở Việt Nam, muốn tiếp tục ở lại để thực hiện mưu đồ cát cứ, nếu buộc phải rút cũng nấn ná vơ vét thêm của cải. Đến giữa tháng 5 quân Tưởng mới bắt đầu rút khỏi Thanh Hóa, giữa tháng 6 mới rời Hà Nội và đến tháng 9 năm 1946 quân Tưởng mới rút hết khỏi nước ta.

Tuy nhiên, Tưởng và Pháp cũng có điểm giống nhau là đều muốn dàn xếp với ta, để ta chấp nhận Hiệp ước Hoa - Pháp.

Hiệp ước Hoa - Pháp không phải là điều bất ngờ với Đảng ta. Đó chỉ là biểu hiện cụ thể của sự phát triển tình hình Đảng ta đã dự kiến từ trước. Chỉ mấy ngày sau khi Hiệp ước được ký kết chính thức, ngày 3 tháng 3, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Tình hình và chủ trương". Bản chỉ thị phân tích âm mưu của bọn đế quốc và chỉ rõ:

"Hiệp ước Hoa - Pháp không phải là chuyện riêng của Tàu Tưởng và Pháp. Nó là chuyện chung của phe đế quốc và bọn tay sai của chúng ở thuộc địa. Dù nhân dân Đông Dương muốn hay không muốn, nhất định chúng cũng thi hành Hiệp ước ấy". Nhưng, "Từ chỗ Hiệp ước đó được ký kết đến chỗ Hiệp ước đó được thi hành còn có dân tộc Việt Nam hiện đang chiến đấu". Vậy chủ trương của ta nên đánh hay nên hòa khi quân Pháp vào miền Bắc? Trong nhân dân ta lúc bấy giờ, tinh thần chống Pháp xâm lược rất sôi sục. Phong trào Nam tiến, luyện tập quân sự chuẩn bị sôi nổi từ thành thị đến thôn quê. Mọi tầng lớp nhân dân đều hăm hở sẵn sàng đánh Pháp. Nhưng với trọng trách trước vận mệnh đất nước, trước sự sống còn của cách mạng, Đảng phải sáng suốt, cân nhắc lợi hại của mỗi chủ trương, không thể thuận theo tình cảm bộc phát của quần chúng. Chỉ thị của Trung ương chỉ rõ:

"Vấn đề lúc này, không phải là muốn đánh hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình, biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng".

Hiện tại, chúng ta đang gặp nhiều khó khăn. Bên trong, bọn phản động hoạt động chia rẽ. Bọn Việt Quốc, Việt Cách lúc này trước tình cảnh bị Tưởng bỏ rơi, một mặt cầu xin quân Tưởng ở lại, một mặt cố phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp. Chúng kêu gào "Không điều đình với ai hết", "Đánh đến cùng", "Thắng hay là chết". Chúng vu cáo Chính phủ ta là "Việt gian thân Pháp" và hô hào thành lập Chính phủ mới dưới sự lãnh đạo của Vĩnh Thụy... Chúng định lợi dụng lúc ta đánh Pháp, bọn đế quốc sẽ vu cáo ta là chống Hiệp ước của Đồng minh, là phiến loạn chống lại hoà bình, cô lập ta, và lập Chính phủ bù nhìn. Bọn Tờrốtkít cũng tuyên truyền vu cáo ta là bán nước. Trong khi đó, Pháp đã mở rộng chiếm đóng và có thêm viện binh, lại được Anh, Mỹ giúp sức làm cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ gặp nhiều khó khăn. Bản huấn lệnh của Bộ Tổng chỉ huy về phương châm quân sự Nam Bộ chỉ rõ: Quân địch đã áp dụng chiến lược tốc quyết tiến công dồn dập chiếm lĩnh các đô thị và các đường giao thông quan trọng, rồi lan tràn ra khắp thôn quê. Quân ta sau một thời gian chiến đấu anh dũng tại Sài Gòn, Chợ Lớn và vùng phụ cận, trước cuộc tiến công mãnh liệt của địch, bị tan vỡ hầu khắp các mặt trận. Việc sản xuất lương thực còn nhiều khó khăn. Lực lượng vũ trang còn yếu kém về nhiều mặt, nhất là trang bị vũ khí, trình độ chỉ huy chiến đấu.

Trong tình hình ấy, nếu ta đánh Pháp khi chúng ra Bắc, lực lượng sẽ tiêu hao, chính trị bị cô lập, tạo thời cơ cho bọn phản động cướp chính quyền, bán nước cho đế quốc. Hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng. Chủ trương hoà cũng có điều nguy hiểm là thực dân Pháp lợi dụng để đưa quân vào miền Bắc, sau đó phát triển lực lượng và bội ước đánh ta, bọn phản động lợi dụng việc ta hoà với Pháp để vu cáo ta là "bán nước"... trong hai điều phải lựa chọn một ấy, hoà hoãn với Pháp vẫn là điều đúng đắn. Hoà với Pháp, ta sẽ phá tan được dã tâm của Tưởng và tay sai, và loại bỏ được kẻ thù nguy hiểm này. Đối với Pháp, nếu cuộc chiến đấu phải nổ ra thì ta cũng dành được thời gian để chuẩn bị thêm lực lượng.

Đảng ta vạch ra những nguyên tắc căn bản cho việc đàm phán giữa ta với Pháp là độc lập và hợp tác với Pháp trên cơ sở bình đẳng.

Trong quá trình đấu tranh ngoại giao với Pháp, không bao giờ ta xa rời mục tiêu độc lập, thống nhất. Nhưng trong tình thế bất lợi và để đạt được hoà hoãn ta phải nhân nhượng mềm dẻo, có thể nhân nhượng quyền lợi kinh tế, văn hóa với Pháp, có thể nền độc lập thống nhất lúc đầu chưa được toàn vẹn. Lập trường của phía Việt Nam là mềm dẻo và thiện chí. Phía Pháp chấp nhận thì có hoà hoãn, Pháp bác bỏ, áp đặt chế độ thực dân thì hoà hoãn bế tắc và tan vỡ.

Ngày 5 tháng 3 năm 1946, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở làng Canh (nay thuộc xã Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội) quyết định hoà hoãn với Pháp.

Về phía thực dân Pháp, sau chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình nước Pháp gặp rất nhiều khó khăn. Hơn 3 triệu người chết, bị thương và bị bắt, nửa triệu nhà cửa, công trình kiến trúc bị phá hủy hoàn toàn, một triệu rưỡi công trình khác bị thiệt hại nặng, hàng triệu hécta đất bị bỏ hoang, ngân sách năm 1945 thiếu hụt 55%, đồng Frăng mất giá, 6 triệu người không có nhà ở, 40 vạn người thất nghiệp hoàn toàn. Theo báo cáo của Đờ Gôn đọc trước Quốc hội ngày 2 tháng 3 năm 1945, tổng quân số Pháp có 1,2 triệu, phần lớn gồm những đơn vị mới tan rã, hầu hết là sĩ quan và binh lính mới thoát khỏi các trại tù binh của Đức vừa tập hợp, trang bị thiếu thốn.

C. Pelát, tác giả cuốn *Hai mươi năm xâu xé nước Pháp* nhận xét: "Sau giờ phút phấn khởi khi cuộc chiến tranh kết thúc, người dân Pháp cảm thấy lòng đầy chua xót. Không những người ta thấy rất rõ đất nước đã suy đồi mà ai nấy đều đang chứng kiến một đường lối chính trị rối ren, chẳng có gì hứa hẹn một tương lai thanh bình sáng sủa"[1]. Thực trạng của nước Pháp như vậy đã hạn chế sức mạnh và khả năng quân Pháp ở Việt Nam, buộc chúng phải tính toán kỹ phương sách nào khả dĩ có thể thực thi trong việc chiếm lại Bắc Kỳ.

Trong lúc còn đang thương lượng với Trung Hoa, Bộ Tham mưu Pháp đã vạch kế hoạch xâm nhập miền Bắc nước ta bằng quân sự: một mặt, cho quân đổ bộ Hải Phòng, đồng thời nhảy dù xuống Hà Nội phối hợp với bọn thực dân Pháp có mặt ở đây, rồi sau đó hai bên đánh thông với nhau, mặt khác, cho

---

1. Trần Trọng Trung, *Lịch sử một cuộc chiến tranh bẩn thỉu*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1979, tr. 29.

người liên lạc với bọn Việt gian, dùng bọn này nội ứng cho việc xâm nhập của chúng vào miền Bắc. Nhưng tướng Lơcléc, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương nhận định: Kế hoạch dùng quân sự xâm nhập vào miền Bắc không thể nào thực hiện được, vì khó khăn nhất là quân số. Lơcléc thú nhận cần phải có 10 vạn quân mới "bình định" được Nam Bộ và Nam Trung Bộ, trong khi chúng chỉ có ba vạn rưỡi. Thế mà lại phải đánh ra miền Bắc nữa thì càng thiếu quân nghiêm trọng. Lơcléc đề đạt với Chính phủ Pháp ba mục tiêu cần đạt được:

"Thứ nhất là phải đặt chân lên một số các thành phố quan trọng để tạo cho Chính phủ Pháp một ưu thế trong việc điều đình và đặt điều kiện.

Thứ nhì tìm cách để cho các Pháp kiều kể cả quân sự lẫn dân sự được trả lại tự do.

Thứ ba tìm cách làm cho quân đội Tàu rút khỏi xứ này".

Để đạt được những mục tiêu đó, chỉ có thể bằng con đường thương thuyết với Việt Nam. Ủy viên cộng hoà Pháp ở Đông Dương Xanhtơny cũng có cách đánh giá tình hình và chủ trương tương tự Lơcléc: Không thể đặt vấn đề đổ bộ vào Bắc Kỳ bằng vũ lực theo kiểu thực dân cũ. Vì như thế quân đội Pháp không những sẽ vấp phải cuộc kháng chiến của người Việt Nam, mà còn phải đương đầu với 24 vạn quân Trung Hoa với ý đồ bám chắc vào đất này càng lâu càng hay. Ngoài ra Pháp còn lo ngại sự chống lại của ba vạn quân đội Nhật và sự sống còn của ba mươi ngàn người Pháp đang sống ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ.

Nhưng Cao ủy Pháp tại Đông Dương Đácgiăngliơ là một phần tử hiếu chiến, lại không tán thành đàm phán thương lượng, vì đàm phán với Chính phủ Việt Nam tức là "hợp pháp hoá và công nhận" Chính phủ ấy. Chính phủ Đờ Gôn cùng quan điểm này, vẫn tiếp tục kéo dài cuộc xâm lược bằng quân sự. Chính vì thế, Chính phủ Đờ Gôn càng mất tín nhiệm trước nhân dân trong nước và thế giới. Chính phủ này đổ, trong đó có lý do không giải quyết được vấn đề Đông Dương. Chính phủ Phêlích Goanh lên thay. Đây là Chính phủ liên hiệp giữa ba đảng: Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội và phong trào cộng hoà bình dân. Lập trường về vấn đề thuộc địa nói chung và vấn đề Đông Dương nói riêng về căn bản không thay đổi. Nhưng do bế tắc của hoạt động quân sự và trước sức ép của dư luận, Chính phủ Goanh phải chấp thuận kế hoạch đàm phán của Lơcléc.

Cuộc tiếp xúc, đàm phán giữa ta và Pháp kéo dài. Phía Pháp, sau khi ký hiệp ước với Tưởng, đã huy động toàn bộ Binh đoàn bộ binh thuộc địa số 9, một phần Binh đoàn bộ binh thuộc địa số 3, Binh đoàn cơ động thiết giáp, nhiều máy bay theo hàng không mẫu hạm Bêác (Bearn) cùng nhiều chiến hạm tiến ra Bắc Bộ và ngày 2 tháng 3 năm 1946 tới Vịnh Hạ Long. Quân Pháp vào cảng Hải Phòng lúc 7 giờ 45 phút ngày 6 tháng 3. Pháp yêu cầu cho đổ bộ quân lên. Quân Tưởng lấy cớ không có hiệp ước Pháp - Việt, sợ để quân Pháp vào, người Việt Nam căm tức trả thù Hoa Kiều, và cũng chưa nhận được lệnh cấp trên, nên không chấp nhận. Tiêu Văn thấy tình hình căng thẳng, sợ ta đánh Pháp thì Tưởng mất mặt vì Hiệp ước Trùng Khánh mất hiệu lực và chiến tranh nổ ra, chúng sẽ mất hết của cải nên giục ta ký kết hiệp định. Với Lơcléc và Valuy - Tư lệnh quân đội Pháp ở miền Bắc Đông Dương - thấy rằng không ký với ta thì không thể đưa quân vào Hải Phòng. 11 giờ 45 phút, Lơcléc gọi điện cho Xanhtơny đang đàm phán với Chính phủ ta, giục ký kết. Ph. Đờvile lúc đó là sĩ quan tham mưu dưới quyền Lơcléc kể lại:

"Những cuộc bàn cãi với những người Trung Hoa ở Hà Nội đều vất vả và khó khăn và không đưa đến kết quả gì. Trong đêm 4 rạng ngày 5 tháng 3, trong suốt bảy tiếng đồng hồ, tướng Xalăng, các đại tá Rơpitông và Lơcôngtơ đều vấp phải một sự từ chối lễ độ và kiên quyết của người Trung Hoa... một cảm giác bất hạnh bao trùm lấy ngày 5 tháng 3. Buổi sáng hôm ấy, Bộ tham mưu quân đội Trung Hoa ở Hà Nội sắp nhượng bộ thì nhận được điện của Hà Ứng Khâm ra lệnh phải phản đối cuộc đổ bộ của chúng ta. Thế cho nên lúc ấy nhất thiết phải đi đến một thoả thuận với ông Hồ Chí Minh".

Vào 16 giờ 30 phút ngày 6 tháng 3 năm 1946, Hiệp ước Sơ bộ Pháp - Việt được ký kết tại ngôi nhà số 38 phố Lý Thái Tổ (nay là Cung thiếu nhi Hà Nội) giữa đại diện Chính phủ cộng hoà Pháp Xanhtơny và đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Chủ tịch Hồ Chí Minh và đặc ủy viên của Hội đồng các Bộ trưởng Vũ Hồng Khanh. Hiệp định gồm 3 khoản chính và 4 phụ khoản đính theo. Cũng trong dịp này, hai bên đã ra tuyên bố chung Lơcléc - Hồ Chí Minh về việc quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Hoa để giải giáp quân đội Nhật từ phía Bắc vĩ tuyến 16.

Những văn bản trên đây thể hiện sự nhân nhượng của hai bên: "Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự

do, có chính phủ của mình, tài chính của mình và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp".

Về việc thống nhất 3 kỳ của nước Việt Nam, Chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận những quyết định của nhân dân trực tiếp phán quyết.

Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng thân thiện tiếp đón quân đội Pháp vào thay thế quân đội Trung Hoa.

Hai Chính phủ thoả thuận lực lượng thay thế quân đội Trung Hoa gồm có:

10.000 quân Việt Nam thuộc quyền các nhà chức trách quân sự Việt Nam.

15.000 quân Pháp (kể cả số lính Pháp hiện đã đóng ở miền Bắc Việt Nam). Số quân Pháp này sẽ rút khỏi Việt Nam trong vòng 5 năm, mỗi năm một phần năm quân số.

Sau đó, ngày 3 tháng 4 năm 1946, Hội nghị tham mưu họp theo quy định của Phụ khoản đính theo Hiệp định Sơ bộ. Phía Việt Nam do Võ Nguyên Giáp và Vũ Hồng Khanh, phía Pháp do Xalăng - Phó Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương và Valuy - Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương dẫn đầu. Hai bên ký kết Hiệp định tạm thời quy định cụ thể những địa điểm đóng quân của các lực lượng Pháp và Việt Nam làm nhiệm vụ tiếp phòng quân Tưởng.

Các địa điểm đóng quân của Pháp:

Hà Nội (gồm cả 1.000 lính ở sân bay): 5.000 binh sĩ.

Hải Phòng: 1.750 binh sĩ.

Nam Định: 825 binh sĩ.

Đà Nẵng: 225 binh sĩ.

Hải Dương: 650 binh sĩ.

Điện Biên Phủ: 850 binh sĩ.

Các vùng biên giới: 2.775 binh sĩ.

Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ làm một số người do lòng yêu nước bồng bột mà không bằng lòng. Họ sẵn sàng hy sinh đánh Pháp, quyết không cho Pháp trở lại. Ngày 7 tháng 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói chuyện với hàng chục

vạn đồng bào Thủ đô trong cuộc mít tinh nghe giải thích Hiệp định Sơ bộ. Chủ tịch kết thúc bằng những lời cảm động:

"Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc.

Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước".

Ngày 9 tháng 3 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương ra chỉ thị "Hoà để tiến" nêu rõ thắng lợi bước đầu của ta và vạch ra ta cần phải hoà với Pháp để:

"1 - Tránh tình thế bất lợi: phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động... trong khi các lực lượng hòa bình, tự do và tiến bộ trên thế giới (như Liên Xô, phong trào cộng sản ở Tàu và Pháp, cách mạng thuộc địa) chưa thể trực tiếp giúp ta được.

2 - Bảo toàn thực lực giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào. Tóm lại để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới"[1].

Chỉ thị cũng phê phán những sai lầm "tả", không muốn hòa hoãn với Pháp, khuynh hướng "hữu" chưa đánh giá thật đầy đủ bản chất phản động của đế quốc Pháp dễ lơ là mất cảnh giác. Chỉ thị vạch rõ chủ trương mới của ta với Pháp là giữ thái độ bình tĩnh, nhã nhặn với binh lính Pháp, nhưng phải đấu tranh buộc Pháp thi hành Hiệp định và "phải tiếp tục chuẩn bị những việc kháng chiến lâu dài". Chỉ thị còn dự kiến diễn biến tình hình phức tạp sau Hiệp định và vạch ra những biện pháp đề phòng:

"Hiện nay bọn Nguyễn Hải Thần cùng phái Tàu trắng phản động nhất ở Việt Nam, âm mưu một cuộc phân biệt chia cắt đất nước Việt Nam hay "đảo chính". Phải đề phòng hành động của chúng và bóc trần thủ đoạn hại nước của chúng cho nhân dân hiểu.

Còn bọn Việt gian thân Pháp thì có thể nhân cơ hội ta hòa với Pháp để ngóc đầu dậy, hành động bán nước cho thực dân Pháp, ngấm ngầm giúp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 49.

thực dân Pháp phá cách mạng, trì hoãn cuộc giành độc lập hoàn toàn của ta, chúng ta phải tìm cách ngăn ngừa chúng làm hại cách mạng.

Đối với các phái thân Tàu Tưởng, phải nhân lúc chúng hoang mang vì cảm thấy sắp bị Tàu Tưởng bỏ rơi và lập trường của chúng lung lay sau khi bản Hiệp định Việt - Pháp đã ký mà chia rẽ nội bộ chúng, kéo lấy những phần tử trung thực nhầm theo chúng về phe ta, chỉ cho quần chúng thấy bọn lãnh tụ "Việt Nam Quốc dân Đảng" chẳng qua chỉ là một bọn cơ hội đê hèn, vì chúng chỉ biết vâng lệnh nước ngoài và đặt quyền lợi riêng lên trên quyền lợi dân tộc".

Ngày 11 tháng 3 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi các Chính phủ và nhân dân thế giới cùng đồng bào cả nước. Lời kêu gọi có đoạn:

"Nay vì tình hình quốc tế, vì muốn tỏ lòng tin vào nước Pháp mới, và sự thành thực của những người đại diện cho Chính phủ Pháp, vì tin vào sự hoàn toàn độc lập tương lai của nước nhà, tôi cùng Chính phủ đã ký bản Hiệp định Sơ bộ với Chính phủ Pháp...

Tôi cũng thiết tha kêu gọi nhân dân và Chính phủ cả thế giới, nhất là nhân dân Pháp, hãy ủng hộ chính nghĩa làm sao cho bên phía Pháp thi hành đúng bản Hiệp định Sơ bộ, để đi đến kết quả hoà hảo cho hai dân tộc và bảo vệ nền hoà bình thế giới".

Ký Hiệp định Sơ bộ, ta đuổi được quân Tưởng về nước. Bọn tay sai cũng rút chạy theo quân Tưởng và tan rã, quân Anh, quân Nhật cùng rút về nước. Bọn ngụy quân, ngụy quyền tay sai Pháp hoang mang. Quân Pháp phải điều ra Bắc Binh đoàn bộ binh thuộc địa số 9, Binh đoàn cơ động thiết giáp và một số bộ phận khác, lực lượng bị phân tán. Ở miền Nam chỉ còn Binh đoàn bộ binh thuộc địa số 3 thiếu và yếu. Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, quân dân ta đã lợi dụng được tình thế tạm hòa hoãn và lực lượng Pháp bị dàn mỏng mà phát triển lực lượng, củng cố sự tin tưởng trong dân chúng.

Ngày 18 tháng 3, 1.200 quân Pháp được phép đến Hà Nội thay thế quân Tưởng. Khi quân Pháp vào, chúng ta thực hiện chủ trương đấu tranh bảo vệ chủ quyền của ta theo đúng Hiệp định, nhưng không khiêu khích quân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban bố một bản nghiêm lệnh: "Tuyệt đối cấm chỉ mọi sự khiêu khích đối với kiều dân và quân đội Pháp". Lần lượt

15.000 quân Pháp vào miền Bắc một cách hoà bình trước thái độ bình tĩnh, cảnh giác và bất hợp tác của nhân dân ta.

Tuy buộc phải ký kết, nhưng quân Pháp vẫn khiêu khích phá hoại việc thi hành Hiệp định. Ta phải kiên trì đấu tranh để duy trì hòa hoãn. Cao ủy Đácgiăngliơ không bằng lòng với việc ký Hiệp định. Ngày 8 tháng 3, khi Valuy nhân danh tướng Lơcléc đến thông báo về bản Hiệp định Sơ bộ, Đácgiăngliơ nói: *"Tôi ngạc nhiên, thực vậy tướng quân ạ! Tôi ngạc nhiên là nước Pháp có một đội quân viễn chinh đẹp dường kia mà những vị chỉ huy chỉ thích điều đình không muốn đánh", "Anh nói lại Đại tướng Lơcléc, coi chừng ông ấy đang đi tới một cuộc đầu hàng kiểu Munich"*[1].

Tuy nhiên, theo thoả thuận trước đó của Lơcléc với ta, Đácgiăngliơ vẫn tổ chức cuộc gặp với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Vịnh Hạ Long ngày 24 tháng 3. Trong cuộc gặp này, Cao ủy bày ra nhiều việc để trì hoãn Hội nghị Pháp - Việt chính thức, như việc họp Hội nghị trù bị Đà Lạt, phái đoàn Quốc hội ta sang thăm Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh biết rõ âm mưu của y, nhưng để giữ không khí hòa hoãn, tiến tới Hội nghị chính thức, Người cũng đồng ý với Pháp:

1 - Vào trung tuần tháng 4, một phái đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam sẽ đi Pháp để tỏ tình thân thiện của Quốc hội và nhân dân Việt Nam với Quốc hội và nhân dân Pháp.

2 - Cùng trong thời gian đó, một phái đoàn gồm độ mười người từ Pháp qua Việt Nam để sửa soạn những tài liệu cần thiết.

3 - Hai bên sẽ mở Hội nghị trù bị ở Đà Lạt để trao đổi ý kiến trước khi mở Hội nghị chính thức.

Sau đó, nhằm mục đích hạ thấp vị trí Hội nghị chính thức Pháp - Việt và để bưng bít dư luận, Pháp cử một phái đoàn gồm đại biểu các Bộ Kinh tế, Tài chính, Hải ngoại và Quốc phòng do Đácgiăngliơ làm trưởng đoàn sang Việt Nam đàm phán với Chính phủ ta. Ta đấu tranh đòi Hội nghị chính thức họp ở Pari. Lập trường của ta được dư luận nhân dân Pháp đồng tình. Bọn phản động bị cô lập. Cuối cùng Chính phủ Pháp phải nhận mở Hội nghị trù bị ở Đà Lạt và sau đó tiến tới mở Hội nghị chính thức ở Pari.

---

1. Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hoà, Sài Gòn, 1972, tr. 22.

Ngày 16 tháng 4 năm 1946, phái đoàn Quốc hội ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu lên đường sang thăm nước Pháp.

Ngày 19 tháng 4, tại Trường Trung học Yécxanh ở Đà Lạt, Hội nghị trù bị cho Hội nghị Việt - Pháp chính thức khai mạc. Phái đoàn Việt Nam gồm 13 người do Nguyễn Tường Tam làm Trưởng đoàn, Võ Nguyên Giáp làm Phó Trưởng đoàn. Nhưng thực tế, phái đoàn do Võ Nguyên Giáp lãnh đạo. Phái đoàn Pháp gồm 12 người do Đácgiăngliơ làm Trưởng đoàn và Mác Ăngđrê làm Phó Trưởng đoàn. Bọn này hầu hết là những tên thực dân kỳ cựu ở Đông Dương, những tên tướng, hoặc những tên có chân trong tập đoàn tư bản tài chính của Ngân hàng Đông Dương nên chúng quyết tâm phá Hội nghị. Hội nghị Đà Lạt với tính chất là Hội nghị trù bị nên có nhiệm vụ trao đổi ý kiến về mọi vấn đề phải giải quyết trong cuộc đàm phán chính thức. Đó là các vấn đề: chế độ chính trị của Việt Nam, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước ngoài, vấn đề Nam Bộ, quan hệ kinh tế văn hoá giữa ta và Pháp, vấn đề quân sự..., các vấn đề trên đều diễn ra đấu tranh gay gắt trong Hội nghị.

Về chính trị, lập trường có tính nguyên tắc của ta là: nước Việt Nam là một nước tự do. Liên bang Đông Dương chỉ mang tính chất kinh tế, không được phương hại đến những quyền cơ bản của Việt Nam. Về nguyên tắc ngoại giao giữa Việt Nam với nước ngoài, ta chủ trương Việt Nam phải có quyền đặt quan hệ ngoại giao. Pháp đòi quyền ngoại giao của ta do Liên hiệp Pháp đảm nhiệm, thực chất là tước quyền ngoại giao độc lập của ta.

Về kinh tế, ta chủ trương giữ vững những quyền lợi kinh tế cơ bản, bảo đảm điều kiện cho kinh tế Việt Nam phát triển, đồng thời có những nhân nhượng nhất định đối với quyền lợi kinh tế Pháp ở Đông Dương.

Về vấn đề Nam Bộ, ta nêu rõ mục đích bỏ phiếu trưng cầu ý dân không phải là để đòi chủ quyền Nam Bộ thuộc về đâu, vì lãnh thổ Việt Nam gồm đủ ba kỳ. Cuộc đầu phiếu chỉ nhằm hỏi ý kiến nhân dân Nam Bộ có muốn giữ giới hạn "Kỳ" trong khuôn khổ nước Việt Nam thống nhất hay không. Pháp chủ trương bỏ phiếu trưng cầu ý dân để hỏi chủ quyền Nam Bộ thuộc về đâu. Mục đích của Pháp là tổ chức cuộc đầu phiếu ở vùng chúng kiểm soát, chúng sẽ dùng lê, dùng súng bắt mọi người bỏ phiếu theo ý chúng, để tách Nam Bộ khỏi nước Việt Nam.

Các vấn đề thảo luận, chỉ riêng về quan hệ văn hoá giữa ta và Pháp là đạt được một số thoả thuận. Còn tất cả các vấn đề khác đều bất đồng và được kết luận "hãy ghi lại sự bất đồng ý ấy".

Ngày 10 tháng 5, Hội nghị thất bại.

Ngày 31 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang thăm Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp với tư cách là thượng khách của nước Pháp. Phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đi dự cuộc đàm phán chính thức tại Pháp cùng đi trong chuyến này. Không khí chính trị ở nước Pháp đang nóng bỏng. Cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các đảng phái chính trị đang diễn ra gay gắt. Ngày 2 tháng 6 năm 1946, trong cuộc bầu cử Quốc hội lập hiến, Đảng Xã hội do không hưởng ứng lời kêu gọi liên minh của Đảng Cộng sản để chống phái hữu nên đã bị mất nhiều phiếu so với lần tuyển cử trước. Phong trào cộng hoà bình dân của các giới tư bản tài phiệt phản động giành được thêm nhiều ghế: Phong trào Cộng hoà bình dân của Đờ Gôn chiếm 166 ghế, Đảng Cộng sản 150 ghế, Đảng Xã hội 125 ghế. Ngày 24 tháng 6, Chính phủ mới được thành lập do Biđôn, lãnh tụ phong trào cộng hoà bình dân làm Thủ tướng. Trong Chính phủ, phong trào cộng hoà bình dân chiếm 9 ghế, Đảng Cộng sản 7 ghế, Đảng Xã hội 6 ghế. Tuy Đảng Cộng sản còn giữ được vị trí trong Quốc hội và trong Chính phủ như trước, nhưng Chính phủ mới này đã ngày càng ngả sang phái hữu, tìm cách phá hoại Hiệp định Sơ bộ, phá hoại cuộc đàm phán Pháp - Việt.

Ngày 12 tháng 6 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nước Pháp. Vì Chính phủ Pháp lúc này chưa thành lập nên Người còn ở tạm Biarít. Ngày 24 tháng 6, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Pari, mở đầu cuộc đi thăm chính thức nước Pháp. Trong diễn văn đọc ngày 2 tháng 7 nhân buổi chiêu đãi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Biđôn nói:

"Chúng ta sẽ làm việc với nhau một cách thành thật dựa vào sự hiểu biết lẫn nhau và những lý tưởng nhân đạo. Ở đây, Khổng giáo và triết học Tây phương sẽ gặp nhau để tạo nên một quan niệm mới mẻ về những quan hệ giữa những người tự do và có liên quan với nhau trong sự theo đuổi lẽ tiến hoá của loài người".

Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời:

"Nước Pháp tuy có nhiều tỉnh khác nhau nhưng vẫn là nước thống nhất và không thể chia sẻ được... Chúng ta đều được kích thích bởi một tinh thần.

Triết lý đạo Khổng, và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: *"Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân"*[1].

Trước sự đấu tranh mềm dẻo, kiên quyết của ta, trước áp lực của dư luận nhân dân Pháp và dư luận quốc tế, Chính phủ Pháp buộc phải mở Hội nghị đàm phán chính thức với ta. Nhưng chúng cố tình đặt địa điểm hội nghị ở lâu đài Phôngtennơblô cách Pari 60km và cử Trưởng đoàn ở cấp thấp làm giảm tầm quan trọng của cuộc đàm phán.

Vào 10 giờ 30 phút ngày 6 tháng 7 năm 1946, Hội nghị Phôngtennơblô khai mạc. Đoàn đại biểu Việt Nam gồm 12 thành viên: Đồng chí Phạm Văn Đồng - Trưởng đoàn, các ông Phan Anh, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Văn Huyên, Bửu Hội, Trịnh Văn Bính, Đặng Phúc Thông, Dương Bạch Mai, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Mạnh Hà, Chu Bá Thượng, Huỳnh Thiện Lộc. Đoàn Pháp gồm 12 thành viên do Mác Ăngđrê nguyên Phó trưởng đoàn đàm phán ở Đà Lạt làm Trưởng đoàn. Hầu hết các thành viên vẫn là các thành viên trong Hội nghị Đà Lạt như Buốcgoanh, Xalăng, Métsme, Pinhông, Đắcsi... Để hạn chế sự chỉ trích của dư luận, Chính phủ Pháp đưa vào đoàn đại biểu 3 nghị sĩ của 3 chính Đảng là Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội và phong trào cộng hoà bình dân. Đại biểu cho Đảng Xã hội là giáo sư Pôn Rivê, một người có tư tưởng tiến bộ. Nhưng Pôn Rivê sau khi dự buổi trao đổi riêng của đoàn Pháp trước hôm khai mạc Hội nghị đã rút lui. Ông nói là không muốn trở thành đồng lõa với những kẻ phản bội các điều khoản của Hiệp định ngày 6 tháng 3. Đoàn Pháp chỉ còn 11 thành viên. Việc cử Mác Ăngđrê, một người có chân trong tập đoàn tư bản tài chính của Ngân hàng Đông Dương làm Trưởng đoàn và những đoàn viên là những tên thực dân kỳ cựu ở Đông Dương, những tên tướng chỉ huy cuộc chiến tranh xâm lược, cũng đã chứng tỏ phía Pháp không có ý định đưa cuộc đàm phán đến kết quả thực sự.

Những vấn đề đưa ra thảo luận trong Hội nghị là:

1 - Vấn đề Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp và những quan hệ của nó với nước ngoài.

2 - Tổ chức Liên bang Đông Dương.

3 - Vấn đề thống nhất 3 kỳ và trưng cầu ý dân ở Nam Bộ.

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 266-267.

4 - Các vấn đề kinh tế, quân sự, văn hoá.

5 - Thảo một dự án hiệp ước.

Ngày 12 tháng 7, trong cuộc họp báo tại Pari, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ 6 điểm trong lập trường đàm phán của ta như sau:

1 - Việt Nam đòi quyền độc lập nhưng không phải hoàn toàn tuyệt giao với Pháp mà ở trong Liên hiệp Pháp, vì như thế, có lợi cho cả hai nước về mặt kinh tế và văn hoá, Việt Nam vui lòng cộng tác với Pháp.

2 - Việt Nam quyết không chịu có một Chính phủ Liên bang.

3 - Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia rẽ.

4 - Việt Nam sẽ bảo hộ tài sản của người Pháp. Nhưng người Pháp phải tuân theo Luật lao động của Việt Nam và Việt Nam giữ quyền mua lại những tài sản có quan hệ đến quốc phòng.

5 - Nếu cần đến cố vấn, Việt Nam sẽ dùng người Pháp trước.

6 - Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước.

Người kết luận chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác thật thà, bình đẳng thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước.

Lập trường đúng đắn của ta được dư luận tiến bộ Pháp và các nước hoan nghênh. Trái lại, lập trường của Pháp hết sức ngoan cố phản động. Chúng vẫn chủ trương thông qua cơ cấu Liên bang Đông Dương để giữ Việt Nam trong khuôn khổ phụ thuộc vào Pháp. Chúng vẫn tách Nam Bộ khỏi nước Việt Nam thống nhất, coi Nam Bộ là đất nước của chúng. Hội nghị bế tắc, ngày 1 tháng 8, thay mặt đoàn đại biểu ta, Trưởng đoàn Phạm Văn Đồng tuyên bố đình chỉ cuộc họp. Trong suốt tháng 8, Hội nghị không họp lại được do lập trường hai bên không thay đổi. Các giới chính trị đại biểu quyền lợi tư bản phản động Pháp coi việc công nhận quyền độc lập thống nhất của Việt Nam là một thảm họa đối với chúng, nhưng chúng tuyên bố đánh tráo là "một thảm họa đối với nước Pháp, chúng ta sẽ làm mọi việc để tránh cho được thảm họa đó". Lợi dụng tình hình nước Pháp chưa có Chính phủ chính thức, bọn thực dân phản động Pháp thực hiện chính sách vừa đàm phán, vừa lấn dần về chính trị, quân sự ở Đông Dương. Chúng tính nước sẽ thắng trong cuộc Tổng tuyển cử ở Pháp vào cuối năm 1946 để

thẳng tay thi hành chính sách phản động ở thuộc địa. Ngày 12 tháng 9 năm 1946, Hội nghị Phôngtennơblô tan vỡ. Hôm sau, phái đoàn ta rời Pháp về nước.

Cánh cửa hoà bình như đã đóng chặt. Quan hệ hai nước rất căng thẳng. Cuộc chiến tranh lớn có thể nổ ra một sớm một chiều. Để cứu vãn tình thế, dành thêm một thời gian nữa để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh sắp tới, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy đã hết thời hạn ở thăm nước Pháp với cương vị thượng khách, Người vẫn ở lại Pháp trong một gia đình quen biết từ trước, để tiếp tục vận động cho một số giải pháp hoà bình, dù là tạm thời và mỏng manh. Điều đó đã đạt được. Ngày 14 tháng 9 năm 1946, tại nhà riêng Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Mutê, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Mutê - đại diện Chính phủ Pháp một bản Tạm ước có 11 khoản gồm một số nội dung chính sau:

Đảm bảo quyền lợi kinh tế, văn hóa của Pháp ở Việt Nam và quyền lợi kiều dân Pháp.

Đình chỉ mọi hành động xung đột về võ lực giữa hai bên.

Phóng thích tù binh và tù nhân chính trị.

Vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam sẽ do một ủy ban chung Việt - Pháp ấn định.

Ghi nhận cuộc thương thuyết vẫn còn được tiếp tục và hiện trạng chưa bị phá vỡ hoàn toàn. Các cuộc đàm phán sẽ tiếp tục càng sớm càng hay và chậm nhất là vào tháng 1 năm 1947.

Chiều 15 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp báo ở Pari, Người nói:

"Sau 3 tháng ở Pháp đã đem lại cho tôi một bản Tạm ước. Bản Tạm ước này đối với tôi có phải đã thoả mãn không? Có và không. Được rất ít nhưng có còn hơn không. Ký Tạm ước này, chúng tôi muốn tỏ cho nhân dân Pháp biết chúng tôi mong muốn một tinh thần rộng mở trong sự hoà giải. Chúng tôi sẽ thi hành Tạm ước nghiêm chỉnh và sẽ tìm ra khả năng để vượt qua những thoả thuận riêng và địa phương sau khi làm thuận lợi cho việc trở lại cuộc thương thuyết ở Hội nghị Phôngtennơblô. Chúng tôi hy vọng phía Pháp cũng thi hành nghiêm chỉnh Tạm ước đã ký như chúng tôi"[1].

---

1. Nguyễn Thành, *Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp*, Tạp chí Thông tin lý luận, H. 1998, tr. 204.

Báo *Sự thật* ngày 20 tháng 9 năm 1946 viết về Tạm ước này:

"Ý chí của Hồ Chí Minh trong khi ký bản Thoả hiệp tạm thời là nhất quyết làm cho cuộc bang giao Việt - Pháp tiến bộ hơn ngày 6 tháng 3, tình giao hảo giữa hai dân tộc dân chủ thân mật hơn và để thực hiện điều khoản của bản Thoả hiệp tạm thời có thể hòa hoãn những gay go giữa Việt - Pháp và giành thêm thời gian để bồi bổ thực lực và đón lấy một tình thế tốt hơn, để tỏ cho nhân dân Pháp thấy rằng dân tộc ta rất muốn thoả thuận với nhân dân Pháp (Hội nghị Phôngtennơblô bỏ dở là lỗi tại bọn tài phiệt Ngân hàng Đông Dương và tay sai của chúng, chứ không phải tại ta) và do đó tăng thêm cảm tình của dân Pháp và các dân tộc tự do khác đối với nước ta".

Ngày 18 tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời nước Pháp, ngày 20 tháng 10, Người về đến Hà Nội. Trong lời tuyên bố với quốc dân ngày 23 tháng 10, Người nói:

"Tôi qua Pháp đáp lại thịnh tình của Chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung Nam Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời của nước Pháp mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt Nam nhất định độc lập, Trung Nam Bắc nhất định thống nhất"[1].

Rõ ràng là khi ký Hiệp định Sơ bộ ta còn đặt hai khả năng: có thể giải quyết quan hệ Pháp - Việt bằng biện pháp hòa bình, hoặc cũng có thể chiến tranh sẽ nổ ra. Nhưng khi ký Tạm ước 14 tháng 9 thì tinh thần lại khác: khả năng hoà bình hầu như không còn, đây chỉ là phương sách làm chậm nổ ra cuộc chiến tranh không tránh khỏi. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương, một mặt ta thi hành đầy đủ những điều khoản đã ký kết, tránh khiêu khích quân Pháp, kiên quyết đấu tranh chống quân Pháp vi phạm Hiệp định, mặt khác tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Đứng trước nhiều kẻ thù mạnh, chúng ta lại có vô vàn khó khăn, sức mạnh vật chất còn nhiều hạn chế, nhưng Đảng ta đã phát huy được sức mạnh vật chất, sức mạnh chính trị tinh thần vào công cuộc kháng chiến kiến quốc cũng như trong đấu tranh ngoại giao. Đến cuối năm 1946, chỉ mới hơn một năm xây dựng lực lượng trong bối cảnh đầy rẫy khó khăn, vừa xây dựng

---

1. Nguyễn Thành, *Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp*, Tạp chí Thông tin lý luận, H. 1988, tr. 204.

vừa chiến đấu, nhưng chúng ta đã có được lực lượng chính trị hùng hậu của toàn dân, có một chính quyền hợp pháp được củng cố từ Trung ương xuống đến làng xã, có một cơ sở kinh tế văn hoá nhất định, có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân đông đảo rộng khắp, với một Đảng Cộng sản được củng cố phát triển ngày càng trưởng thành lãnh đạo. Chúng ta lại có sự ủng hộ quốc tế ngày càng rộng rãi. Đó là sức mạnh tổng hợp của đất nước ta, của dân tộc ta và của cả thời đại. Đó là "lực lượng căn bản" đưa cách mạng nước ta giành những thắng lợi to lớn trong thời kỳ 1945 - 1946 và chủ động bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phần thứ hai
TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

I.
NAM BỘ MỞ ĐẦU CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Âm mưu tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp đã được hoạch định ngay từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm và càng ráo riết thực hiện khi quân Đồng minh thắng trận. Ngày 14 tháng 3 năm 1945, Đờgôn - lãnh tụ kháng chiến lưu vong, đã ra tuyên bố lộ rõ ý đồ đen tối: "Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm năm xứ (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên, Ai Lao), liên bang Đông Dương cùng với nước Pháp xây dựng thành khối liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại sẽ do Pháp đại diện".

Ngay trước Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp đã mở đầu kế hoạch tái chiếm Đông Dương bằng những cuộc nhảy dù biệt kích đưa bọn sĩ quan cai trị đến Việt Nam.

Mười ngày sau cuộc nhảy dù đầu tiên xuống phía Bắc, đêm 22 tháng 8 năm 1945, máy bay không quân Hoàng gia Anh đã thả một tốp người xuống vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, trong đó có đại tá Xêđi đã được Đờgôn trao chức Ủy viên Cộng hoà tại Nam Kỳ.

Trong khi toàn dân đang gấp rút chuẩn bị kháng chiến thì bọn thủ lĩnh của nhiều đảng phái ở trong nước chẳng những không hề nghĩ đến việc hợp sức với toàn dân, bảo vệ độc lập mà còn lợi dụng cơ hội ra sức phá hoại, gây rối, hòng tranh giành quyền lực, thậm chí tiếp tay cho giặc.

Ở Nam Bộ, nhóm Tờrốtkít đứng đầu trong các hoạt động phá hoại. Đi đôi với các hành động khiêu khích, gây chia rẽ mặt trận đoàn kết, bọn này ra công khai báo "Thợ thuyền", "Tranh đấu" vừa gieo rắc bi quan hoài nghi, vừa hò hét "Vũ trang toàn dân", "Tiêu diệt hết người da trắng"..., để tạo cơ hội nắm lực lượng vũ trang.

Ngày 21 tháng 8 năm 1945, ở Sài Gòn, bọn cầm đầu thân Nhật trong lực lượng Cao Đài đã tập hợp hai vạn tín đồ nhằm biểu dương lực lượng, tính chuyện lâu dài.

Ngay trong những ngày Cách mạng Tháng Tám, bọn Quốc dân Đảng trong người Hoa tích cực hoạt động, hạ cờ đỏ sao vàng, treo cờ Quốc dân Đảng Trung Hoa để "đón đại quân của Tưởng".

Song song với những cuộc tiếp xúc của Chính phủ ta với Xanhtơny ở Hà Nội, tại Sài Gòn, Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ tổ chức tiếp xúc với Xêđi. Tuy bị choáng váng trước khí thế cách mạng đang sôi sục ở Sài Gòn, Xêđi vẫn ngoan cố bám giữ lập trường thực dân của Đờgôn ngày 24 tháng 3 năm 1945.

Các cuộc tiếp xúc trên đều không đi đến kết quả, nhưng qua đó ta tỏ rõ thiện chí và quyết tâm không gì lay chuyển nổi của nhân dân ta. Độc lập là nguyên tắc tối cao cho mọi chủ trương, chính sách và hành động của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi giành chính quyền, Mặt trận Việt Minh ở Nam Bộ phát triển rất mạnh. Các hội cứu quốc của công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ được tổ chức thống nhất trên toàn quốc. Nhiều hội cứu quốc khác được thành lập đã thu hút nhiều thành phần trước kia còn đứng ngoài mặt trận, trong đó có Hội Phật giáo, Đoàn hướng đạo...

Trong xây dựng lực lượng vũ trang, ta đã kế thừa một bộ phận lớn quần chúng vũ trang trong tổng khởi nghĩa, nghèo vũ khí nhưng tinh thần rất hăng hái, kiên quyết bảo vệ độc lập.

Tại Gia Định - một tỉnh ven Sài Gòn, các lực lượng, trong đó phần lớn là công nhân và thanh niên tiền phong đã tham gia giành chính quyền, đứng đầu là các đồng chí Phạm Văn Khung, Nguyễn Văn Công (Gò Vấp), Thái Văn Lung, Đào Sơn Tây, Trần Thắng Minh (Gò Vấp, Dĩ An), Vũ Văn Mỹ (Thủ Đức)... đã được phát triển cả về số lượng và chất lượng sau khi giành chính quyền.

Ở các tỉnh khác thuộc miền Đông Nam Bộ, từ tỉnh đến xã, lực lượng vũ trang được hình thành từ Cách mạng Tháng Tám dưới hình thức tự vệ, dân quân... sau đó là Cộng hoà vệ binh và những phân đội tập trung, nhưng không có chỉ huy chung.

Ở Thủ Dầu Một, ngoài lực lượng vũ trang của công nhân cao su còn có lực lượng của đồng bào các dân tộc ở rừng núi. Ở Biên Hoà, ngoài lực lượng tự vệ, về sau có lực lượng của Ủy ban kháng chiến miền Đông, nhưng chỉ

huy lại là Lương Văn Tương (Ủy viên trưởng Ủy ban kháng chiến miền Đông), một phần tử thân Nhật. Ở Long Thành, Châu Thành có "bộ đội" riêng. Tây Ninh là một trong những tỉnh có lực lượng vũ trang khá mạnh, bao gồm các lực lượng vũ trang của công nhân cao su, lực lượng của thị xã và các huyện. Bà Rịa là nơi lực lượng vũ trang tập trung có nhiều vũ khí hơn các tỉnh khác của miền Đông (chỉ sau Sài Gòn) - có khoảng 300 khẩu "mút" của Pháp, Nhật lấy ở Trường Thiếu sinh quân Vũng Tàu.

Về lực lượng tập trung, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ công nhận một đơn vị lớn mang tên đệ nhất sư đoàn và gọi là Cộng hoà vệ binh, thành phần gốc là 3 lữ đoàn bảo an binh sau đó thu thêm thanh niên, công nhân, nông dân, học sinh, cựu binh sĩ, một số đảng viên cộng sản, có khoảng 10.000 người, 400 súng. Cộng hoà vệ binh có hệ thống xuống các tỉnh là những đơn vị bảo an binh cải tổ (trừ bốn tỉnh: Sa Đéc, Hà Tiên, Rạch Giá, Biên Hoà).

Chỉ huy Cộng hoà vệ binh ban đầu là Kiều Công Cung sau đó là Trương Văn Giàu. Tuy nhiên, thành phần nòng cốt cũng như hệ thống chỉ huy trong lực lượng chưa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

Sự tổn thất của Xứ ủy và bất đồng trong Đảng ở Nam Kỳ trước Cách mạng Tháng Tám (giữa hai nhóm "Tiền phong" và "Giải phóng") có ảnh hưởng đến việc xây dựng lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trong buổi đầu kháng chiến, nhất là sự thiếu hoàn chỉnh về chính trị, tổ chức ở nhiều đơn vị. Trong lực lượng vũ trang không chỉ có những chiến sĩ du kích Nam Bộ, lực lượng vũ trang quần chúng, tự vệ, công đoàn xung phong, Cộng hoà vệ binh, mà còn có những bộ phận vũ trang lớn do các phần tử cơ hội, cát cứ cầm đầu.

Trong các nhóm vũ trang tự lập, trừ những phần tử cơ hội và phản động thường ở cấp chỉ huy, phần lớn binh sĩ và số chỉ huy còn lại vốn sẵn tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc đã được dòng xoáy cách mạng cuốn hút theo tiếng gọi độc lập tự do mà chưa kịp nhìn ra kẻ giả, người thật. Gần gũi cách mạng nhất có lực lượng vũ trang Bình Xuyên, một lực lượng sẵn sàng sống chết với quân thù, nhưng còn nặng tính giang hồ, thiếu kỷ luật.

Trước tình hình quân Anh - Pháp sắp gây hấn, Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ chủ trương thừa nhận các lực lượng tự lập thành 4 sư đoàn "dân quân cách mạng" và tổ chức lễ tuyên thệ trung thành với Chính phủ.

Cuối tháng 8 năm 1945, với danh nghĩa Đồng minh vào Đông Dương tước khí giới quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn xuống phía bắc vĩ tuyến 16, mang theo cả kế hoạch tập hợp các phần tử, các đảng phái phản động để thành lập chính quyền tay sai, thực hiện âm mưu chiếm đóng lâu

dài; trong khi đó, cũng với danh nghĩa trên, sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh kéo theo quân Pháp chuẩn bị vào phía nam vĩ tuyến 16, giúp Pháp tái chiếm Đông Dương lập lại thuộc địa cũ.

Trong tình thế phức tạp, khó khăn đó, Đảng ta kịp thời chủ trương lợi dụng mâu thuẫn giữa các loại kẻ thù, hòa hoãn trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền và điều cơ bản là "ta có mạnh họ mới đếm xỉa đến", "chỉ có thực lực của ta mới quyết định sự thắng lợi giữa ta với Đồng minh".

Tướng Đaglớt Grêxi (Douglas D.Gracey), Tư lệnh sư đoàn 20 quân đội Hoàng gia Anh, người trực tiếp thực hành việc giúp Pháp trở lại Đông Dương, muốn bóp chết chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng ngay trong trứng nước. Grêxi đã vu cáo ta không giữ được trật tự và lệnh cho chỉ huy phương diện quân Nam của Nhật (thống chế bá tước Nhật Tơruchi) tăng cường lực lượng tại Sài Gòn (lúc này quân Nhật chưa bị giải giáp đang được quân Anh sử dụng với những mưu đồ đen tối). Ngày 4 tháng 9, các tiểu đoàn Nhật từ các tỉnh Nam Bộ kéo về Sài Gòn - Chợ Lớn. Việc đầu tiên của lực lượng này là đòi Ủy ban hành chính địa phương tước khí giới và giải tán các lực lượng vũ trang cách mạng. Hành động hỗn xược đó gây công phẫn trong mọi tầng lớp nhân dân. 22 giờ đêm, công nhân Sài Gòn kéo đến trụ sở Tổng công đoàn Nam Bộ, lập bàn thờ Tổ quốc, họp mít tinh, biểu dương lực lượng và tuyên thệ: "Là chiến sĩ xung phong công đoàn xin thề trước bàn thờ Tổ quốc quyết cùng anh em lao động không nản chí trước khó khăn, không lùi bước trước nguy hiểm để cùng đồng bào bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn non sông".

Ngày 6 tháng 9 năm 1945, một đại đội gồm 120 lính Pháp của trung đoàn thuộc địa số 5 mặc quân phục Anh trà trộn cùng một đơn vị quân Anh đầu tiên đến Sài Gòn.

Pháp kiều, trong đó số đông công chức, mật thám cũ, chủ nhà băng, chủ đồn điền... kéo nhau ra đón đoàn quân Pháp mặc quân phục Anh, cuồng nhiệt reo hò "nước Pháp đã trở lại xứ Đông Pháp". Dựa vào quân Anh, được quân Nhật hỗ trợ và có thêm lực lượng, quân Pháp tiếp tục gây ra hàng loạt vụ khiêu khích. Bọn Tờrốtkít, bọn lưu manh thừa cơ tụ tập gây ra những vụ kích động điển hình như vụ tàn sát người Pháp ở khu Hêrôn - Tân Định. Lấy cớ đó, Bộ tư lệnh Anh ra lệnh cho Tổng hành dinh quân Nhật buộc chính quyền ta phải giải tán dân quân, cấm biểu tình, cấm thường dân mang vũ khí, kể cả dao gậy. Quân Nhật được lệnh làm cảnh sát giữ trật tự trong thành phố.

Tin quân Pháp trở lại và hành động tráo trở của quân Anh, quân Nhật làm sôi sục lòng dân từ Sài Gòn ra khắp Nam Bộ và cả nước.

Ngày 8 tháng 9 năm 1945, hai ngày sau khi quân Anh vào Sài Gòn, từ Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi:

"Nhân dân Việt Nam hoan nghênh quân Đồng minh kéo vào Việt Nam để tước khí giới quân Nhật, nhưng cương quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam, vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa.

Hỡi đồng bào!

Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu"[1].

Bên cạnh các vấn đề đối ngoại phức tạp buộc nhân dân ta phải tạm "dằn lòng" đợi lệnh trong hoàn cảnh thực tế đất nước đang cần thời gian để chuẩn bị thực lực.

Trong lúc toàn dân đang ráo riết chuẩn bị sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu thì ở Sài Gòn bọn phản quốc, bọn đầu cơ chính trị như Nguyễn Văn Thinh, Lê Văn Hoạch, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Tâm... lại rậm rịch ngóc đầu dậy chuẩn bị đón chủ cũ. Nguyễn Tấn Cường, một tên mật thám cũ, đứng ra lập "đảng Nam kỳ", Nguyễn Văn Tỵ lập "đảng Đông Dương tự trị", thực hiện âm mưu của thực dân Pháp tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, lập xứ "Nam kỳ quốc". Các tổ chức thân Nhật như Đại Việt Cách mạng Đảng, Đại Việt Quốc dân Đảng, Đại Việt Duy tân Đảng, Thanh niên Ái quốc đoàn, Việt Nam Phục quốc, Việt Nam Dân xã Đảng... do Trần Trọng Kim, Ngô Đình Diệm... cầm đầu, lúc này cũng ráo riết hoạt động.

Ngày 10 tháng 9, đại diện phái bộ Anh ngang ngược đòi chiếm Nam Bộ phủ (Dinh Toàn quyền cũ).

Liên tiếp từ ngày 11 đến ngày 12 tháng 9 năm 1945, Grêxi cùng một lữ đoàn thuộc sư đoàn 20 Hoàng gia Anh và 2 đại đội còn lại của tiểu đoàn biệt kích thuộc trung đoàn thuộc địa số 5 của Pháp đổ bộ xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Sau đó một tiểu đoàn lính thuộc địa Anh Gốckha đến Sài Gòn. Grêxi cho quân chiếm luôn sân bay Biên Hoà.

Trước tình thế phức tạp, Ủy ban nhân dân Nam Bộ phải nhượng bộ, dời trụ sở của mình về dinh đốc lý, giao Nam Bộ phủ cho quân Anh, bọn phản

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 11.

động gồm Đại Việt và Tờrốtkít lại có dịp "kết tội" Chính phủ, tung ra khẩu hiệu đả kích Ủy ban nhân dân và Kỳ bộ Việt Minh thiếu kiên quyết bảo vệ chủ quyền.

Phản bội lời hứa chỉ dùng Dinh Toàn quyền cũ cho phái bộ Đồng minh, Grêxi đã trao ngay Nam Bộ phủ cho đại tá Pháp Xêđi. Người Pháp không bỏ lỡ cơ hội biểu dương uy thế đã lỗi thời. Ngày 13 tháng 9 năm 1945, khi Sài Gòn đang âm ỉ bùng nổ một cuộc chiến tranh mới, thì một lá cờ ba sắc đột ngột xuất hiện trước Dinh Toàn quyền cũ. Bên trong, một đại đội lính Pháp bồng súng chào. Bên ngoài, nhiều người Pháp đứng nghiêm hát "Mácxâye". Đó là buổi lễ chào cờ đầu tiên của người Pháp ở Sài Gòn sau đêm Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945) và chỉ mới hơn mười ngày sau ngày lễ độc lập của nhân dân ta. Sự việc xảy ra ở ngay Dinh Toàn quyền cũ gợi lên hình ảnh một tên toàn quyền thực dân đang sống lại đầy thách thức. Đối với người Việt Nam, đó là điều không thể chấp nhận được. Đồng bào kéo đến trước Dinh Toàn quyền cũ mỗi lúc một đông. Bên trong hàng rào, quân lính Pháp đã sẵn sàng nổ súng. Trước nguy cơ đổ máu có thể xảy ra, có bốn thanh niên ở trần, mặc quần cụt vào xin đại diện Chính phủ ta cho trèo vào Dinh Toàn quyền cũ hạ cờ Tây. Được cấp báo tình thế nguy hiểm, Grêxi tức tốc điện cho Xêđi phải ra lệnh hạ cờ Pháp.

Lá cờ ba sắc ở Dinh Toàn quyền cũ đã buộc phải hạ xuống, nhưng tình thế đã hết sức khẩn trương. Chính trong ngày đó (ngày 13-9), lệnh tản cư chuẩn bị chiến đấu của Ủy ban nhân dân Nam Bộ được ban hành. Trong lời kêu gọi tản cư có đoạn: "... Ai không có phận sự gì; ai có thể về tỉnh thì mau tản cư, thứ nhất là đàn bà, trẻ em và người già... Ta cố tránh sự xung đột có thể xảy ra, nhưng nếu người Pháp cố sức đem lại chế độ thực dân thì khi ấy, toàn thể quốc dân không còn chịu được nữa".

Tiếp theo lệnh tản cư, Ủy ban nhân dân Nam Bộ ban hành những quy định cụ thể về lệnh bất hợp tác với người Pháp trong các vấn đề làm công, dẫn đường, đi lính, bán hàng... đồng thời kêu gọi đồng bào trước khi "dùng vũ lực chống lại lựu đạn Pháp", "quyết lập cho Đại hội mặt trận tinh thần và mặt trận kinh tế đặng cho quân địch phải kinh hoàng về sự đồng tâm đoàn kết của nhân dân Việt Nam".

Trong không đầy một tuần lễ tiếp sau lệnh tản cư, bầu không khí chiến tranh bao trùm cả Sài Gòn và sáu tỉnh do hàng loạt sự kiện liên tiếp xảy ra: ngày 14 tháng 9, Grêxi ra thông báo cấm nhân dân mang vũ khí và biểu tình; kế đó từ ngày 17 đến 20 ban hành lệnh giới nghiêm ban đêm; đình bản

tất cả báo chí ở Nam Bộ. Sau khi nhận chức thống đốc Nam Kỳ, ngày 19 tháng 9 Xêđi họp báo trắng trợn tuyên bố: "Việt Minh không đại diện cho nhân dân Việt Nam, Việt Minh bất lực, Pháp có nhiệm vụ lập lại trật tự, sau đó sẽ thành lập chính phủ phù hợp với tuyên bố ngày 24 tháng 3...".

Bất chấp lệnh cấm ngang ngược của Anh, những trạm tuyển quân của chính quyền cách mạng mọc lên ở nhiều địa điểm. Thanh niên nô nức ghi tên nhập ngũ. Bộ đội Cộng hoà vệ binh vẫn mặc quân phục canh gác công sở, tuần tra đường phố. Đang lúc hăng hái muốn ra trận, nhiều người không biết rằng, ngoài những địa điểm tuyển quân do cách mạng tổ chức, còn có những trạm do bọn phản động, bọn đội lốt tôn giáo tổ chức để mộ người vào đơn vị vũ trang của chúng, hòng gây thế lực, tính chuyện về sau. Do đó, một số người yêu nước đứng vào đội quân của chúng.

Ngay trong ngày Xêđi họp báo (ngày 19-9), Ủy ban nhân dân Nam Bộ ra hịch truyền đi toàn Nam Bộ. Tờ hịch nêu rõ: "Nếu họ đem quân đội đánh cướp lấy xứ ta, toàn dân sẽ triệt để tổng bãi công; triệt để bất hợp tác với Pháp, kháng chiến đến toàn thắng".

Thực tế, trước đó nhân dân Sài Gòn đã tỏ rõ thái độ bất hợp tác với quân đội chiếm đóng. Ngày 17 tháng 9 đã diễn ra cảnh "tuy là chủ nhật, nhưng khu chợ vắng tanh, tàu điện đứng chết trên đường, vắng hẳn xe kéo, những người bồi cũng không thấy đâu, các cửa hàng đóng khoá, không có thư tín và cũng không có điện...".

Ngày 20 tháng 9, tiếp theo lệnh cấm báo chí ở Nam Bộ, phái bộ Anh tuyên bố giữ quyền kiểm soát Sài Gòn, đòi thả những người Pháp đang bị giam giữ, buộc quân ta rút khỏi thành phố, đòi đặt lực lượng quốc gia tự vệ cuộc (lực lượng cảnh sát ở Nam Bộ) dưới quyền chỉ huy của chúng.

Ngày 21 tháng 9, Grêxi ra lệnh thiết quân luật và thoả thuận với Xêđi về việc "lập trật tự ở Sài Gòn". Hành động đầu tiên sau thoả thuận này là việc kiểm soát khám lớn Sài Gòn. Ngày 22 tháng 9, quân Anh lặng lẽ thay thế quân Nhật tiếp quản khám lớn, thả tù binh Pháp.

Ngày 22 tháng 3, tại trại lính trung đoàn thuộc địa số 11 (11^{e} RIC) bị Nhật chiếm từ đêm 9 tháng 3 năm 1945 và làm nơi giam giữ lính Pháp, 1.500 tù binh Pháp khoẻ mạnh được tuyển chọn, phân phát khí giới, biên chế thành đơn vị, toả ra các địa điểm hiểm yếu ở trung tâm thành phố. Số còn lại được giữ tại trại để chờ lệnh.

Chiều ngày 22 tháng 9, quân Pháp lại lặng lẽ thay thế quân Nhật, chiếm giữ nhiều đồn cảnh sát ở Sài Gòn.

Cuộc chiến tranh sắp bùng nổ trong tình thế so sánh lực lượng không có lợi về phía quân và dân ta. Tính đến đêm 22 tháng 9 năm 1945, số quân địch ở Sài Gòn đã lên đến 10.000 gồm tiểu đoàn biệt kích thuộc 5ᵉ RIC (600 tên), tù binh của 11ᵉ RIC tái vũ trang (1.500 tên), "thường dân" Pháp có vũ trang (500 tên), một lữ đoàn quân Anh (2.500 tên) và khoảng 7 tiểu đoàn quân Nhật (5.000 tên). Thực dân Pháp còn có sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 (9ᵉ RIC) đang trên đường sang Đông Dương. Lực lượng hải quân, không quân sẵn sàng chi viện.

Phía ta, tại Sài Gòn, sau khi lực lượng vũ trang tập trung rút ra ngoại ô ngày 20 tháng 9, ta chỉ còn trong nội thành ngoài một số Cộng hoà vệ binh tuần tra, canh gác công sở, khoảng 6.000 tự vệ xung phong công đoàn, 2.000 thanh niên xung phong và công an xung phong, được chọn và tổ chức thành 320 đội xung phong với 120 súng các loại, 3.000 lựu đạn, còn lại là gậy tầm vông, giáo mác...

Tuy nhiên, trước giờ Tổ quốc lâm nguy, quân dân ta có một ưu thế tuyệt đối không gì so sánh được. Đó là ý chí độc lập tự do của toàn dân.

Đoán đúng âm mưu của giặc "mời" Chủ tịch Ủy ban nhân dân Nam Bộ đến gặp để bàn bạc, thực chất là bắt giữ làm con tin để đánh úp trụ sở - Ủy ban nhân dân Nam Bộ nhận lời mời của chúng để đánh lạc hướng, nhưng đã khẩn trương dời toàn bộ cơ quan ra khỏi dinh đốc lý cũ.

3 giờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp được quân Anh trợ lực tổ chức đánh úp Sài Gòn mở màn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Hàng loạt mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế chủ yếu của ta trong thành phố bị tiến công: Sở Cảnh sát, nhà Mật thám, kho Bạc, nhà Đèn... Các lực lượng bảo vệ của ta dũng cảm chống trả, nhưng vì lực lượng địch đông gấp bội, các trận địa trên đều lần lượt rơi vào tay địch.

Được thể, sáng ngày 23 quân Pháp chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Chiến sĩ gác cổng hy sinh ngay từ đầu, lực lượng bảo vệ chiến đấu ngoan cường, phần lớn hy sinh, số còn lại bị bắt, Nam Bộ phủ mới rơi vào tay địch. Một trong những trận đánh lớn đầu tiên xảy ra ở cầu Mácmahông. Sau khi chiếm cầu, quân Pháp tiếp tục đánh chiếm các cầu trọng yếu trong thành phố như cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Khánh Hội... quân giặc bắn giết rất dã man; nơi nào có lính Pháp chết, nơi đó chúng tìm bắt, đánh đập hoặc bắn tại chỗ bất kỳ người Việt Nam nào, bất kể đàn ông, đàn bà, người già, trẻ em.

Trong lúc đó, ngay sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, tại căn cứ ở đường Cây Mai, Chợ Lớn, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ xúc tiến một cuộc họp quan trọng để đi đến quyết định hành động có tính chất sống còn trước diễn biến nghiêm trọng của tình hình. Tham dự cuộc họp, có đồng chí Hoàng Quốc Việt đại diện Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh. Đêm trước (ngày 22-9-1945), Trung ương có điện gửi đồng chí Hoàng Quốc Việt và Xứ ủy nhắc nhở hết sức tránh đụng chạm với quân Đồng minh.

Hội nghị có hai ý kiến, một bên muốn "đánh ngay", một bên muốn "chỉ nên đình công, bãi thị, bất hợp tác" để chờ. Địch đang lấn tới, lòng dân đang sôi sục đã đến mức không kìm lại được; tuy nhiên về thực lực, yếu tố chính trị, tinh thần, lực lượng vũ trang và cơ sở vật chất ta chưa đủ sức cho một cuộc đụng đầu quyết liệt. Khả năng hoà hoãn để chuẩn bị kháng chiến còn hay không là câu hỏi lớn đặt ra và lời giải đáp đúng sẽ là cơ sở cho một quyết định chính xác trong giờ phút lịch sử này. Cũng có ý kiến đề nghị tổ chức một cuộc biểu tình lớn với hàng triệu người tham gia, bất chấp súng đạn của địch để tỏ rõ cho chúng biết: ta thà hy sinh tất cả chứ không để mất tự do, độc lập.

Hầu hết các đồng chí lãnh đạo Nam Bộ đứng về phía muốn phát động ngay cuộc kháng chiến toàn dân, kịp thời trừng trị quân cướp nước. Với trách nhiệm lớn trước Trung ương Đảng, trước nhân dân và lịch sử, đồng chí Hoàng Quốc Việt là người quyết định ý kiến cuối cùng. Nhiệm vụ được giao cho phái đoàn Trung ương trước khi ra đi là cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng ở Nam Bộ tiến hành tổng khởi nghĩa và xây dựng chính quyền cách mạng, nhưng giờ đây mới giành chính quyền được 28 ngày rưỡi, kẻ thù đã dồn nhân dân ta vào tình thế không còn con đường nào khác là cương quyết đứng lên, cầm vũ khí chiến đấu. Sau hai giờ bàn bạc căng thẳng, ý kiến ngã ngũ là đánh ngay nhưng phải lập tức báo cáo lên Trung ương. Đường dây liên lạc ra Hà Nội lại bị hỏng. Quyết định cuối cùng của Hội nghị: một mặt tìm cách điện báo gấp ra Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một mặt Xứ ủy, Ủy ban nhân dân ra ngay lệnh kháng chiến. Cần tập trung chống bọn xâm lược Pháp, đồng thời vạch trần thái độ xấu xa của thực dân Anh. Cuộc họp bế mạc lúc 10 giờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945.

Chiều ngày 23 tháng 9, bản "Tuyên cáo quốc dân", cũng chính là hịch kháng chiến được ban hành:

"Đồng bào Nam Bộ!

Vì coi quân đội Anh là đại biểu của Đồng minh tới đất nước chúng ta giải giáp quân Nhật để đem lại hoà bình cho dân chúng Đông Dương nên chúng tôi - Ủy ban nhân dân Nam Bộ - luôn giúp cho quân đội Anh làm nhiệm vụ được dễ dàng. Mặc dù có nhiều điều bất mãn, đã nhiều lần chúng tôi kêu gọi quốc dân nén lòng căm giận để chờ đợi cuộc vận động ngoại giao với Đồng minh trên trường quốc tế, nhưng do sự nhân nhượng và dung túng của quân Anh, bọn thực dân Pháp đã làm nhiều điều quá đáng.

... Không lẽ chịu nhục hoài, vì danh dự của dân tộc, chúng ta phải coi trọng quyền lợi quốc gia, nên chúng tôi phải đánh điện ra Chính phủ Trung ương xin cho phép kháng chiến. Chúng tôi đã:

1. Lập Ủy ban kháng chiến để lo việc quân sự.

2. Hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với người Pháp.

3. Truyền đi lục tỉnh thi hành kế hoạch phá hoại đường giao thông tiếp tế để bao vây quân địch.

4. Kêu gọi đồng bào tố cáo Việt gian nguy hiểm...

Đồng bào thân mến!

Cương quyết phấn đấu, toàn dân hãy đoàn kết để bảo vệ quốc gia".

Đi liền với quyết định kháng chiến là việc tổ chức bộ máy kháng chiến: Ủy ban nhân dân đổi thành Ủy ban kháng chiến, phân công một số đồng chí cùng với Thành ủy Sài Gòn và Ban chấp hành công đoàn lãnh đạo kháng chiến trong thành phố; nội thành được chia thành 16 khu vực tác chiến để đảm bảo việc chỉ huy và phục vụ chiến đấu nhanh chóng, thuận tiện, tiến hành tiêu thổ kháng chiến triệt để, đốt phá hết các nhà máy, kho tàng, không cho địch sử dụng.

Ủy ban kháng chiến Sài Gòn - Chợ Lớn đầu tiên gồm các đồng chí Nguyễn Văn Tư, Huỳnh Đình Hai, Từ Văn Ri...

Tình thế hết sức khẩn trương nhưng việc chuẩn bị kháng chiến còn nhiều mặt lúng túng: phương thức tác chiến chưa cụ thể; chưa kịp thời xử trí bọn tay sai phản động; việc tổ chức nhân dân tản cư còn chậm, kho bạc không đưa được ra ngoài.

Tại Hà Nội, khi nhận được điện báo cáo về quyết định tại Hội nghị Cây Mai, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thường vụ Trung ương Đảng họp khẩn cấp, nhất trí với quyết tâm của Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ, Hội nghị hạ quyết tâm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ độc lập, tự do và kêu gọi nhân dân cả nước chi viện sức người, sức của cho

nhân dân Nam Bộ. Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập những đơn vị Nam tiến chi viện cho chiến trường Nam Bộ.

Ngày 24 tháng 9, Chính phủ lâm thời gửi mệnh lệnh kháng chiến cho quân dân Nam Bộ.

Trong lời hiệu triệu gửi đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ, Tổng bộ Việt Minh kêu gọi: Ai có dao dùng dao, ai có mác dùng mác, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi thước đất là một chiến hào... tất cả hãy xông ra bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc mới phôi thai...

Ngày 26 tháng 9, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư đến đồng bào Nam Bộ. Trong thư, Bác viết: "... Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ"..., "Thà chết tự do hơn sống nô lệ"...,

"Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng"[1].

Trong khi Sài Gòn đang sôi sục không khí chuẩn bị kháng chiến, ngày 22 tháng 9 năm 1945, một trong những chiếc thuyền đưa các chiến sĩ cách mạng bị địch giam giữ ở Côn Đảo về đất liền đã cập bến miền Tây Nam Bộ, trong đó có nhiều cán bộ quan trọng của Đảng như các đồng chí Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng...

Đối với Xứ ủy Nam Bộ, vấn đề lãnh đạo và tổ chức nhân dân đánh giặc đang là vấn đề rất mới mẻ. Việc các đồng chí ở Côn Đảo, trong đó có nhiều đồng chí lãnh đạo và cán bộ cốt cán của Đảng trở về không chỉ là nguồn tiếp sức vô cùng quý giá mà còn có ý nghĩa rất lớn trong vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo ở Nam Bộ trong suốt quá trình chiến tranh.

Cho đến chiều ngày 23, quân Anh, Pháp đã chiếm được các mục tiêu trọng yếu ở hầu khắp thành phố, nhưng chỉ kiểm soát được từng khu vực. Đặc biệt, về đêm lực lượng cách mạng lại làm chủ hầu khắp thành phố.

Mục tiêu của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ lúc bấy giờ là kiềm giữ quân địch một thời gian tương đối dài, không cho chúng ra khỏi thành phố, nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan lãnh đạo, các cơ sở kháng chiến di chuyển về nông thôn và chuẩn bị triển khai kháng chiến ở các tỉnh.

Trước tình hình nghiêm trọng, ngày 23 tháng 9, các tỉnh miền Đông và hầu khắp Nam Bộ khẩn trương tổ chức lực lượng chi viện cho mặt trận

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 27.

Sài Gòn. Khắp các ngả quốc lộ 1, 13, 4... có những đoàn quân tiến về mặt trận Sài Gòn. Những cây tầm vông vạt nhọn xuất hiện khắp đường đi, xóm làng, phố chợ... Đó là thứ vũ khí phổ biến nhất của quân dân Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến. Ngọn tầm vông, chiếc nóp đi vào lịch sử như một biểu tượng về tinh thần quyết chiến của nhân dân Nam Bộ trước hoạ xâm lăng. "Nóp với giáp mang ngang vai", "chân đi không" lên đường với lời "thề giết hết quân xâm lăng". Những bài hát hào hùng ra đời đã thôi thúc hàng triệu người ra trận.

Có biết bao cuộc cắt máu ăn thề. Ở mặt trận Chợ Đệm có một nhóm chiến sĩ góp máu cắt từ ngón tay mình vào ly nước chung, chuyền nhau uống, thề "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Có biết bao cuộc chia tay mà người ta không lường được là 30 năm sau mới gặp lại nhau. Trong thành phố, mọi thứ vật dụng từ bàn ghế, cột điện, cây cối... xe bò, xe kéo, xe thổ mộ đều được dùng lập chiến tuyến, chướng ngại ở các ngã ba, ngã tư. Trong các trận quyết tử nổi lên trận bảo vệ cột cờ Thủ Ngữ, sáng ngày 23 tháng 9, một đại đội quân Anh kéo đến cột cờ Thủ Ngữ định hạ lá cờ đỏ sao vàng, thay lá cờ ba sắc, đã đụng lực lượng bảo vệ cờ. Anh em chỉ có một tiểu đội, trang bị súng săn, dao găm, lựu đạn, chống chọi với một đại đội quân Anh có đầy đủ súng ống cho đến khi người cuối cùng ngã gục. Trước khi thay cờ, viên chỉ huy Anh đã phải tập hợp đại đội, bồng súng chào những người anh hùng của đối phương. Các chiến sĩ anh hùng ấy không để lại một di vật nào để từ đó có thể tìm ra tên tuổi. Họ trở thành những chiến sĩ vô danh mà sống mãi trong lòng dân.

Sau trận cầu Mácmahông, cuộc phản công của quân dân Khánh Hội đêm 23 tháng 9 sau khi bốt cảnh sát Thương Khẩu ở đường Giăng Êđen (nay là đường Nguyễn Tất Thành) thất thủ, được coi là một trong những trận lớn nhất mở màn cuộc phản công của quân dân Sài Gòn.

Ở khu chợ Bến Thành, các chị mua gánh bán bưng, các em nhỏ lăm lăm dao kiếm, gậy tầm vông, đòn gánh, hễ thấy một tên Pháp đi lẻ là lập tức xông tới.

Ở Sở chữa lửa, một tiểu đội tự vệ công nhân chiến đấu cắm cờ trên tháp cao, người trước ngã, người sau tiến, quyết cắm bằng được. Bốn đội viên hy sinh anh dũng. Dưới chân cột cờ ở khu cầu Tháp Nước có thi thể của những em bé hy sinh, trong tay còn cầm gậy tầm vông.

Ngày 25 có tin truyền: "Giặc chiếm khám lớn, bắt giam nhiều nhân viên Chính phủ". Lòng người sôi sục. Ở khu gần khám lớn đồng bào mài dao, búa,

vót tầm vông chất thành đống. Ngay đêm 25, diễn ra cuộc tiến công khám lớn. Búa tạ của các chiến sĩ dân quân đập tan cánh cửa khám. Hầu hết thanh niên và tù chính trị ở đây kịp tung cửa chạy ra.

Trước hành động xâm lược trắng trợn, tàn bạo của thực dân Pháp, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước đồng lòng, dốc sức chi viện cho cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam: "Phải trút toàn lực vào đó, hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam".

Từ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, cả nước đã theo dõi từng giờ, từng ngày những diễn biến và cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn, nhân dân Nam Bộ. Những cuộc mít tinh, biểu tình diễn ra sôi sục trên cả nước, biểu thị lòng phẫn nộ và quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do của nhân dân. Khẩu hiệu đả đảo thực dân Pháp xâm lược, "Nước Việt Nam của người Việt Nam", "Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến"... giương cao khắp thành thị, nông thôn. Bên cạnh việc cổ động, xung phong vào các đoàn quân Nam tiến, các nơi còn tổ chức "tuần lễ ủng hộ Nam Bộ" bằng cả tinh thần và vật chất. Chùa chiền, nhà thờ cũng đánh chuông "làm lễ cầu nguyện cho chiến sĩ Sài Gòn, Nam Bộ, cầu siêu hương hồn liệt sĩ hy sinh vì độc lập, tự do". Lời ca *"Tiếng súng vang sông núi miền Nam. Ầm đất nước Việt Nam... Ta muốn băng mình tới phương Nam xé xác quân hung tàn..."*, ngày đêm thôi thúc, giục giã hàng triệu người xông lên cứu nước.

Hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ lập "phòng Nam Bộ", ghi tên những người tình nguyện vào đoàn quân Nam tiến. Danh sách tình nguyện có cả già, trẻ, gái, trai, công nhân, nông dân, thợ thủ công, học sinh, sinh viên, thầy thuốc, kỹ sư, nhà văn, nhà giáo, viên chức, Việt kiều, cựu binh sĩ... Một số nhà sư cũng tình nguyện cởi áo cà sa, lên đường giết giặc. Ba ngày sau khi quân Pháp khởi hấn ở Sài Gòn đã có đơn vị Nam tiến đầu tiên rời ga xe lửa Hàng Cỏ - Hà Nội. Từ đó, không ngày nào không có những toa tàu chở quân Nam tiến hối hả băng về phương Nam. Trong lực lượng Nam tiến đợt đầu có nhiều đơn vị thuộc các chi đội giải phóng quân từ Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Chiến khu Đông Triều, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, đội du kích Ba Tơ...

Suốt dọc đường Nam tiến, nhân dân mang cờ, băng khẩu hiệu, bánh trái chờ đón bộ đội. Nam tiến trở thành hình ảnh cả nước ra trận và nói lên ý chí "Nước Việt Nam là một".

Chỉ một thời gian ngắn, các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đều tổ chức mỗi tỉnh một đến hai chi bộ Nam tiến. Riêng Quảng Ngãi xin gửi ra mặt trận 10 chi đội.

Đơn vị Nam tiến đầu tiên vào đến Sài Gòn kịp lúc ở đây đã hình thành các mặt trận tiền tuyến, một bộ phận đã chiến đấu trên mặt trận Thị Nghè, cầu Bông... Các lực lượng kế tiếp vào lúc quân Pháp đang mở rộng chiến tranh, phần lớn chiến đấu ở cực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Lực lượng Nam tiến vào chiến trường đã góp phần làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu của quân dân miền Nam.

Đêm 26 tháng 9, ta chiếm lại được cầu Bông. Ngày 28 tháng 9, lực lượng Gò Vấp phục kích tại ngã ba Chú Ia bắn cháy một xe Jeép từ sân bay Tân Sơn Nhất chạy ra, giết chết viên đại tá Đơvai, đại diện cơ quan tình báo chiến lược Mỹ (CSS). Trong những ngày cuối tháng 9, các trận tiến công của quân ta thường diễn ra trên các trục giao thông ven Sài Gòn như các trận ở khu vực cầu Bình Lợi, cầu Chữ Y... Đặc biệt ngày 30 tháng 9, các đồng chí Trần Đình Xu, Hứa Văn Yến chỉ huy lực lượng Trường Quân chính Gia Định tiến công chiếm kho gạo, vải, thu 10 súng. Cho đến ngày 30 tháng 9, quân Pháp mới làm chủ được một dải hẹp từ bờ rạch Bến Nghé qua chợ Bến Thành đến chợ Tân Định.

Những ngày vây hãm địch trong thành phố, lối đánh bất ngờ, đánh nhanh, rút nhanh, "xuất quỷ nhập thần" đã ra đời từ những đội cảm tử, những phân đội tự vệ, công đoàn xung phong.

Cuối tháng 9, theo một cuộc họp ở Chợ Đệm do đồng chí Trần Văn Giàu chủ trì, ngoài mặt trận nội đô, Sài Gòn thành lập thêm ba mặt trận "tiền tuyến vòng ngoài" nhằm tiếp tục trong đánh ngoài vây, ngăn chặn bước tiến của quân Anh, Pháp ra khỏi thành phố.

Mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định còn gọi là mặt trận phía Bắc. Trận tuyến phía trước từ ngã ba sông Thị Nghè đến cầu Bông; giới tuyến bên trái dọc sông Sài Gòn, quốc lộ 13 từ ngã ba Thị Nghè, ngã ba Hàng Xanh, cầu Bình Triệu, giới tuyến bên phải từ cầu Kiệu ra ngã tư Phú Nhuận, ngã ba Chú Ia, ngã năm Chuồng Chó đến An Nhơn đi Lái Thiêu. Hàng ngàn đồng bào đã tham gia xây dựng chiến tuyến thành nhiều tầng, nhiều lớp có chiều sâu. Các lực lượng thay nhau chốt chặn các cửa ngõ, chiều sâu dựa trên ba trục: trục đường 13 (từ Thị Nghè, Hàng Xanh đến cầu Bình Triệu, trục cầu Bông, Bà Chiểu, cầu Hang - Gò Vấp đến cầu Bến Phân, trục cầu Kiệu, xóm Thôn, ngã ba Chú Ia ra An Nhơn). Mặt trận này có lực lượng Nam tiến và các lực lượng vũ trang địa phương.

Mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Chợ Lớn, còn gọi là chiến tuyến phía Nam, hay mặt trận số 4, có lực lượng Nhà Bè, Tân Thuận, lực lượng vũ trang

Bình Xuyên, bộ đội Ba Bang, bộ đội Bảy Trân. Trận tuyến kéo dài từ xóm Kinh Tẻ đến đầu cầu Chữ Y (Bình Đông) lực lượng được bố trí từ ngã ba Kinh Tẻ đến bến đò Tân Quy, từ cầu Chữ Y đến cầu Hiệp An.

Mặt trận tiền tuyến phía tây, Phú Lâm, Chợ Đệm án ngữ cửa ngõ ra quốc lộ Đông Dương về đồng bằng sông Cửu Long.

Thực tế qua diễn biến, Sài Gòn có thêm mặt trận tiền tuyến phía tây bắc, trận tuyến từ cầu Tham Lương án ngữ cửa ngõ ra quốc lộ 1 lên Tây Ninh và Campuchia. Các trận đánh diễn ra quyết liệt ở khu vực cầu Tham Lương nên cũng gọi là mặt trận Tham Lương. Lực lượng của các đồng chí Huỳnh Tấn Chùa, Phạm Văn Ngói đánh địch cả phía trước, phía sau. Huyện ủy Hóc Môn tổ chức phong trào nhân dân tự vũ trang, lực lượng phát triển đều khắp, trang bị đủ các loại vũ khí, súng, gươm, gậy tầm vông, súng tự tạo. Từng nhóm lực lượng của các đảng viên "giải phóng" có từ 3 đến 5 khẩu súng: lực lượng Bảy Sanh, Sáu Sai, Hai Chiểu, Ba Tô Ký, Hai Bứa, anh Phầu, chị Năm Bi ở An Phú Xã; lực lượng Tư Luốc, Sáu Bằng ở Hóc Môn; lực lượng Nam Bồi, Tám Đào, Tám Dọn, Năm Thượt, Hai Chùa, Bảy Cứng ở khu vực Bà Điểm, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hoà, Bà Quẹo... Đây là lực lượng tiền thân của giải phóng quân liên quận sau này.

Các mặt trận tiền tuyến không chỉ chốt chặn mà còn thực hiện thọc sâu phối hợp với lực lượng nội thành tiến công nhiều mục tiêu bên trong.

Trong tuần lễ đầu sau ngày 23 tháng 9, ta đã phá hỏng, phá hủy 160 nhà kho, xí nghiệp, 80 tàu xuồng, 200 xe hơi, 20 đầu máy xe lửa.

Những cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn không phải chỉ bằng gươm, súng. Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban nhân dân, hưởng ứng lời hiệu triệu của Tổng công đoàn Nam Bộ, nhân dân thực hiện triệt để bao vây, triệt để vườn không nhà trống, triệt để mọi phương tiện sinh hoạt và nguồn lương thực, thực phẩm, triệt để bất hợp tác với quân xâm lược...

Chỉ qua một đêm 23 tháng 9, Sài Gòn trở thành một thành phố chết: không điện, thiếu nước, thiếu lương thực, thực phẩm, không có hoạt động sản xuất, mua bán... Mặt trận này đã gây nỗi kinh hoàng đối với quân xâm lược. Chính một người Pháp trong cuộc đã phải than thở: "... Sống trong cảnh tối om, chúng tôi mỗi người đều tự hỏi điều gì đã xảy ra, ngày mai ra sao, bao nhiêu vấn đề đang thôi thúc...". Một nhà báo Anh thừa nhận: "Chúng tôi ở Sài Gòn rất nguy ngập về lương thực vì trên đất thì quân dân Việt Nam phong toả, mà trên mặt biển thì trước kia quân Nhật đã thả nhiều thủy lôi. Các kho gạo của Nhật trước đây đều bị người Việt Nam phá hoại

bằng cách đốt cháy hết trận này đến trận khác... Càng ngày càng khó kiếm miếng ăn. Và nước, rất nhiều người khổ sở vì nạn khát, nếu không nhờ thỉnh thoảng có một trận mưa".

Chỉ sau một tuần lễ bị vây hãm, đã có những người Pháp tại Sài Gòn oán trách Xêđi sai lầm vì đã gây hấn với Việt Nam.

Đầu tháng 10, Ủy ban nhân dân Nam Bộ huy động lực lượng các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá, theo quốc lộ Đông Dương đánh vào Phú Lâm. Do nắm địch không chắc, chuẩn bị chưa kỹ, lực lượng có hạn nên trận đánh không đạt kết quả.

Trong khi quân viễn chinh Pháp chưa đến, thực dân Pháp không còn cách nào hơn là phải nhờ Grêxi làm trung gian xin điều đình với Ủy ban nhân dân Nam Bộ.

Biết dã tâm của địch là hoà hoãn để chờ viện binh nhưng để biểu thị lập trường chính nghĩa, đồng thời tranh thủ thời gian đưa nhân dân tản cư khỏi thành phố, củng cố lực lượng, chấp hành chỉ thị của Chính phủ lâm thời, Ủy ban nhân dân Nam Bộ đồng ý thoả thuận với Pháp ngừng bắn một tuần lễ để điều đình. Hai bên gặp nhau vào các ngày 6 và 8 tháng 10. Đồng chí Phạm Văn Bạch - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ và đồng chí Phạm Ngọc Thạch thay mặt chính quyền cách mạng, đòi Pháp công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đình chỉ xung đột và rút quân về các vị trí trước ngày 23 tháng 9. Chỉ cốt chờ viện binh, Pháp dựng ra hàng loạt vụ việc để vu khống cách mạng, lập luận ngang ngược, khăng khăng đòi ta chấp nhận bản tuyên bố ngày 24 tháng 3 của Đờgôn.

Trong lúc đó, ngày 3 tháng 10, một tiểu đoàn thuộc trung đoàn bộ binh số 5 (5^{e} RIC) đổ bộ lên Sài Gòn. Cùng ngày, bất chấp điều khoản ngừng bắn, quân Pháp vẫn tung lực lượng ra chiếm cầu Bông nhưng bị lực lượng của mặt trận phía đông chặn đánh, phải co lại. Ngày 5 tháng 10 tướng Lơcléc - Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất lập tổng hành dinh trong vòng rào của quân Anh. Trong những ngày ngừng bắn, bọn đầu cơ chính trị ra mặt, tuyên bố thành lập "chính phủ quốc gia liên hiệp" với lập trường thân Pháp. Chúng bị thanh niên xung phong lùng bắt tại Chợ Lớn.

Sau ba lần tiếp xúc không kết quả, Pháp lại đề nghị kéo dài thời gian ngừng bắn thêm 48 giờ.

Tranh thủ thời gian, ta tiếp tục tổ chức nhân dân tản cư, dời cơ quan, kho tàng, chuyển máy móc ra ngoài, nhanh chóng bổ sung và điều chỉnh lực lượng. Nhân dân Sài Gòn vẫn tiếp tục đình công, bãi chợ, bao vây kinh tế đối với địch.

Trong thời gian ngừng bắn, lữ đoàn cuối cùng của sư đoàn 20 Hoàng gia Anh đến Sài Gòn. Tương quan lực lượng lại thay đổi lớn có lợi cho địch.

Chiều ngày 10 tháng 10, thời gian ngừng bắn đã hết, quân dân ta mở đợt chiến đấu mới. Một trận tập kích diễn ra cách Sài Gòn 3km về phía tây - bắc, ta diệt một số địch trong đó có hai sĩ quan. Đêm đến, quân dân xóm Chiếu vượt cầu qua quận Nhì cùng với quân cảm tử đánh bót cảnh sát ở đường Bôrétxơ. Trong lúc đó, quân ta tràn qua cầu Bông, cầu Kiệu, tiến công các điểm đồn trú của Pháp ở khu vực Đa Kao. 11 giờ đêm, chiếc tàu Aléc của Pháp tại cảng Sài Gòn bị đốt cháy.

Do lực lượng có hạn, ta không thể bao vây Sài Gòn dài ngày. Có quân tăng viện, lại được 2 lữ đoàn thuộc sư đoàn 20 Anh và quân Nhật tiếp sức, Pháp bắt đầu đánh nống ra phía bắc và đông bắc Sài Gòn.

Từ ngày 10 tháng 10, quân Anh lấy danh nghĩa Đồng minh đưa quân đi tước vũ khí quân Nhật ở các thị xã thuộc miền Đông Nam Bộ nhằm giúp Pháp mở rộng chiếm đóng các tỉnh xung quanh Sài Gòn.

Ngày 12 tháng 10, Pháp chọc thủng tuyến phòng thủ phía bắc Sài Gòn, chiếm khu vực quanh sân bay Tân Sơn Nhất, Phú Mỹ, quân Anh chiếm Gò Vấp, Gia Định. Lực lượng vũ trang chặn và bám địch, diệt một số tên.

Ngày 15 tháng 10, quân ta bao vây và tiến công sân bay Tân Sơn Nhất. Lực lượng Anh đóng giữ sân bay phải huy động hai đại đội thiết giáp ra ngăn chặn. Trận đánh kéo dài suốt ba ngày liền. Trước sức phản công mạnh, ta tạm lui, đến đêm lại tiếp tục bao vây sân bay và tiến công mạnh vào các chốt của đội tuần tra Anh.

Lúc 5 giờ sáng ngày 16 tháng 10, quân ta lọt vào Sài Gòn, cùng một lúc tiến công nhiều mục tiêu, đốt cháy kho chứa vỏ ruột xe và xăng dầu của quân Anh, lửa cháy từ sáng tới chiều. Kho lương thực của Pháp và hãng sơn Khánh Hội bị đốt cháy. Nhà máy điện, nước vừa khôi phục bị thiêu hủy.

Ở hướng nam Sài Gòn, từ 21 giờ đêm ngày 16 đến 17 tháng 10, lực lượng vũ trang Bình Xuyên phối hợp du kích đánh địch ở xóm Dầu, tiếp tục đánh thẳng xuống bốt cảnh sát đường Galiêni (nay là đường Trần Hưng Đạo).

Cùng ngày quân Pháp tiến công An Nhơn để phá vòng vây, bị quân ta chặn đánh diệt 7 xe thiết giáp và 3 xe khác. Trong ngày 16 tháng 10, mặt trận phía đông bị phá vỡ, quân Pháp chiếm cầu Bông, Bà Chiểu. Vòng vây Sài Gòn bị vỡ một mảng lớn, quân ta rút về củng cố trận địa ở Gò Vấp, trục đường từ ngã ba Chú Ia đến An Phú Đông. Ngày 16 tháng 10, tại cầu Hang, một cánh quân Anh - Pháp bị đánh thiệt hại nặng, ta thu 2 xe thiết giáp.

Cố phá vòng vây, ngày 17 tháng 10, quân Anh lại dùng 8 xe chở lính, có thiết giáp yểm trợ, đánh lên Hóc Môn, khi đến cách Gò Vấp 5km, lọt vào trận địa phục kích của du kích do một lão đồng chí 60 tuổi chỉ huy. Hai bên giáp chiến dữ dội, quân Anh tháo chạy, bỏ lại 5 xe và một số xác chết. Đợt phá vòng vây của địch lên Hóc Môn bị bẻ gãy.

Sau quá trình thăm dò, lân la làm quen với lính Âu Phi ở kho Thị Nghè, đêm 17 tháng 10, một đội viên thiếu niên cảm tử Sài Gòn đã lừa được bọn lính gác và lọt vào trong kho. Với một chai xăng, một bao diêm, em chạy thẳng vào khu xung yếu tưới xăng, châm lửa. Một tiếng nổ dữ dội, tiếp theo loạt nổ kéo dài, liên tục. Toàn bộ khu kho hoàn toàn bị phá hủy. Đại đội Âu Phi bị tiêu diệt. Đài phát thanh bị sập một mảng lớn. Em bé cảm tử hy sinh. Em tên là Lê Văn Tám. Lịch sử thành phố Sài Gòn gọi em là "Em bé đuốc sống".

Ở mặt trận Thị Nghè, quân Anh - Pháp đã nhiều lần giải toả nhưng đều bị đánh lui. Mặt trận này có lực lượng Nam tiến phối hợp với 50 tay súng và thanh niên vũ trang địa phương tổ chức phòng thủ theo lối trận địa chiến. Quân ta bố trí thành ba chiến luỹ, có con sông Thị Nghè chắn ngang phía trước. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 18 tháng 10, địch đã huy động tàu chiến, xe tăng, có pháo binh yểm trợ tiến đánh Thị Nghè. Nhân dân và lực lượng vũ trang do đồng chí Nguyễn Văn Bản chỉ huy đã chống giữ rất anh dũng. Hai đơn vị của đồng chí Hồ và Bảy Trường chiến đấu hy sinh đến người cuối cùng. Quân địch nhờ xe tăng và hoả lực mạnh chiếm được một phần trận địa. Nhưng tiếp sau, ta bẻ gãy nhiều đợt tiến công và đánh bật quân Pháp ra khỏi Thị Nghè, giặc rút chạy tán loạn. Trận địa Thị Nghè được giữ vững, nhiều tên giặc bị diệt. Báo Cứu quốc ngày 19 tháng 10 ở Hà Nội bình luận: "Trận Thị Nghè sẽ ghi vào chiến sử Việt Nam". Các phóng viên nước ngoài tại Sài Gòn thừa nhận quân cách mạng đạt một chiến thắng lớn.

Ngày 19 tháng 10, lực lượng vũ trang Sài Gòn tiến công quân Pháp ở ga Năngxi. Từ 20 đến 23 tháng 10, tự vệ và thanh niên xung phong liên tiếp tiến công ở đường Galiêni, khách sạn Côngtităngtan và nhiều điểm khác trong nội thành. Cho đến cuối tháng 10 năm 1945, nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn căng thẳng. Ban ngày quân Pháp phải huy động từng đại đội đi lục khám từng nhà dân, đêm lại co về vị trí, cuộc tiến công ban đêm của quân dân Sài Gòn vẫn tiếp diễn.

Ở phía bắc, ta vừa tập hợp và xây dựng lực lượng giải phóng quân, xây dựng dân quân du kích xã, ấp, vừa liên tiếp chặn đánh ở cầu Tham Lương, cầu Bến Phân.

Ngày 23 tháng 10, binh đoàn thiết giáp Mátxuy đến miền Nam. Có thêm quân, Lơcléc chủ trương phá vòng vây xung quanh Sài Gòn, đánh chiếm một số thị xã miền Trung Nam Bộ, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Lực lượng huy động gồm một phần binh đoàn Mátxuy, trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5^e RIC), một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ. Từ cuối tháng 10 cuộc chiến đấu của quân dân Nam Bộ bắt đầu chuyển sang giai đoạn mới.

Ròng rã hơn một tháng, với tinh thần "ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi tấc đất là một chiến hào", quân dân Sài Gòn đã giam chân địch trong thành phố. Quân Pháp bị dồn vào tình cảnh khó khăn, khốn đốn.

Bất chấp sự chênh lệch về lực lượng, vũ khí, quân và dân ta đã bám địch cả ngày lẫn đêm, lúc tập kích, lúc phục kích, tiến công quân sự kết hợp với triệt nguồn tiếp tế, diệt quân viễn chinh xâm lược đồng thời trừng trị bọn tay sai. Hoạt động của các chiến sĩ cảm tử, tự vệ, công đoàn xung phong Sài Gòn đã đặt nền móng cho sự phát triển các hình thức hoạt động biệt động ở thành phố trong suốt cuộc chiến tranh ba mươi năm. Thắng lợi của hơn một tháng đầu kháng chiến biểu thị tinh thần kháng chiến để giữ vững nền độc lập dân tộc, nêu lên tấm gương sáng chói về tinh thần chiến đấu hy sinh của đồng bào thành phố Sài Gòn, tinh thần đoàn kết thống nhất và đồng cam cộng khổ chiến đấu của toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đồng bào trên địa bàn miền Đông Nam Bộ và cả nước.

Cuối tháng 10 năm 1945, quân Anh - Pháp phá vỡ được vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn và tiếp tục đánh chiếm toàn Nam Bộ. Nhiệm vụ chiến đấu của quân dân Nam Bộ chuyển từ kìm chân địch trong thành phố sang làm

chậm bước tiến quân xâm lược và tiếp tục chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Đêm 26 rạng 27 tháng 10 năm 1945, tàu chiến Pháp đổ quân lên Cầu Nổi (Gò Công), mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược ra các tỉnh Tây Nam Bộ. Quân dân các tỉnh Tây Nam Bộ đã từng sát cánh với các tỉnh miền Đông đánh Pháp, nay lại trực tiếp chặn bước tiến của địch. Tuy lực lượng quân sự nhỏ bé nhưng nhờ có cuộc chiến đấu của toàn dân nên đã làm thất bại chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Cuối tháng 10 năm 1945, Sa Đéc đã lập được Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời do đồng chí Phạm Hữu Lầu làm Bí thư. Châu Đốc cũng lập được Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Phạm Thành Dân làm Bí thư. Long Xuyên cũng lập được Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Trần Văn Hiểu làm Bí thư. Ở Mỹ Tho đã mở hội nghị thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Dân Tôn Tử làm Chủ tịch...

Hầu hết các tỉnh Nam Bộ đều lập được các công binh xưởng. Tỉnh Mỹ Tho, các huyện đều có công binh xưởng, liên xã có tổ sửa chữa và sản xuất vũ khí.

Ngày 15 tháng 10 năm 1945, Xứ ủy triệu tập cuộc họp tại nhà ông Phước ở Cầu Vĩ ngoại vi thị xã Mỹ Tho để bàn về xây dựng Đảng, củng cố tổ chức Việt Minh và các tổ chức quần chúng cách mạng. Tham dự cuộc họp có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Kỉnh, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Nguyễn... Hội nghị quyết định giải thể cả hai Xứ ủy Tiền Phong và Giải Phóng, thành lập một Xứ ủy thống nhất gồm 11 đồng chí trong đó có các đồng chí ở hai Xứ ủy cũ và các đồng chí ở Côn Đảo về. Hội nghị cũng đã chỉ định một số bí thư tỉnh ủy và quyết định thống nhất các tỉnh ủy ở những nơi có hai tỉnh ủy. Tổ chức Việt Minh cũng được kiện toàn thống nhất.

Ngày 29 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ. Người xác định: "Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ nền độc lập Việt Nam".

Tình hình mới đang đòi hỏi cấp bách thống nhất, củng cố và phát triển lực lượng. Ngày 25 tháng 10 năm 1945, Xứ ủy Nam Bộ mở hội nghị đại biểu các tỉnh, thành gần chợ Thiên Hộ (xã Hậu Mỹ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho). Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đây là cuộc hội nghị đại biểu Đảng đông đủ nhất của Đảng bộ Nam Bộ kháng chiến. Dự hội nghị có đồng

chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn và nhiều đồng chí khác vừa ở nhà tù Côn Đảo về.

Hội nghị nhận định tình hình, rút kinh nghiệm chỉ đạo cuộc kháng chiến Nam Bộ sau Hội nghị Cây Mai (ngày 23 tháng 9 năm 1945) biểu dương tinh thần chiến đấu anh dũng của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Các đại biểu đã chỉ ra những non yếu, lệch lạc trong việc xây dựng lực lượng vũ trang sau tổng khởi nghĩa, dự kiến sự phân hoá, tan rã tất yếu của những "sư đoàn dân quân cách mạng". Hội nghị nhấn mạnh nguyên tắc Đảng phải xây dựng và nắm lực lượng vũ trang và đề ra hàng loạt biện pháp cấp thiết nhằm củng cố lực lượng vũ trang: đưa đảng viên ưu tú cầm súng đi đầu và làm nòng cốt cho các lực lượng vũ trang, tranh thủ những người tốt trong các "sư đoàn dân quân cách mạng", tìm cách hạn chế những tác hại do tổ chức lực lượng vũ trang tập trung còn phức tạp gây nên. Hội nghị quyết định gấp rút xây dựng lực lượng, lấy du kích chiến là chính, làm vườn không nhà trống, đẩy mạnh công tác trừ gian, xây dựng cơ sở bí mật trong các thành phố, thị xã bị địch chiếm, khôi phục chính quyền ở những nơi bị tan vỡ.

Để tăng cường lực lượng lãnh đạo, Trung ương Đảng quyết định phần lớn những đồng chí vừa ra tù ở lại Nam Bộ. Đồng chí Tôn Đức Thắng là người đầu tiên được phân công phụ trách Ủy ban kháng chiến chỉ huy các lực lượng vũ trang Nam Bộ. Nhiều đảng viên, cán bộ, trong đó có khoảng 1.000 đồng chí vừa ở tù Côn Đảo về được phái đi các địa phương, đơn vị vũ trang làm nòng cốt cho phong trào kháng chiến.

Hội nghị vừa họp xong, địch đã đánh tới, các mặt trận không liên lạc được với nhau một cách kịp thời, chỉ huy phân tán, việc triển khai quyết định Hội nghị Thiên Hộ phải tiến hành trong điều kiện kháng chiến Nam Bộ được chuyển sang một giai đoạn quyết liệt. Nhưng những quyết định của Trung ương và của Hội nghị Thiên Hộ, đặc biệt quan trọng là Đảng phải nắm chắc lực lượng vũ trang, đảng viên ưu tú phải đi đầu trong chiến đấu dần dần thấm đến cơ sở, tạo điều kiện cho Nam Bộ phát triển lực lượng một cách vững chắc, đáp ứng yêu cầu cuộc kháng chiến lâu dài.

Sau khi binh đoàn thiết giáp Mátxuy đến Sài Gòn, lực lượng Pháp ở Nam Bộ đã lên tới 6.000, bên cạnh có 20.000 quân Anh, 40.000 quân Nhật. Lơcléc hoạch định chương trình "đánh nhanh, thắng nhanh" theo ba giai đoạn: đánh chiếm vùng trọng yếu (trước hết là Sài Gòn - Chợ Lớn như đã thực hiện); mở rộng chiếm đóng toàn bộ Nam Bộ, Nam Trung Bộ; tiến hành bình định.

Kế hoạch chuyển tiếp sau khi phá vỡ được vòng vây Sài Gòn là:

- Quân Anh lấy danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân Nhật sẽ chiếm thị xã Biên Hoà, Thủ Dầu Một để Pháp tập trung lực lượng chiếm đồng bằng sông Cửu Long, vùng cao su Tây Ninh, Thủ Dầu Một và các mục tiêu quan trọng.

- Tập trung bộ binh, thiết giáp, hải quân, đặc biệt là dùng sức mạnh đột kích của xe bọc thép nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu chính của miền Tây Nam Bộ.

- Sử dụng sư đoàn thuộc địa số 9 (9^{e} DIC) càn quét lực lượng đối phương trên vành đai Sài Gòn.

Trong hai ngày 24 và 25 tháng 10, quân Anh đã thực hiện được kế hoạch chiếm lần lượt các thị xã Biên Hoà, Thủ Dầu Một.

Cuộc hành quân về đồng bằng sông Cửu Long của quân Pháp, có hải quân Anh hỗ trợ, chọn mục tiêu hợp điểm đầu tiên là Mỹ Tho (cách Sài Gòn 71km). Lực lượng chủ yếu gồm đoàn bộ binh cơ giới, có xe tăng, xe bọc thép, chia làm nhiều mũi: một mũi theo quốc lộ Đông Dương sẽ hợp điểm với mũi tiến công theo đường sông Tiền tại thị xã Mỹ Tho; một mũi theo liên tỉnh lộ 5 Sài Gòn - Cần Giuộc - Cần Đước, sẽ hợp điểm với mũi tiến công theo đường sông Soài Rạp - Vàm Cỏ ở khu vực Cần Giuộc - Cần Đước.

Phán đoán địch mở rộng đánh chiếm về hướng tây Sài Gòn, các tỉnh Chợ Lớn - Tân An huy động nhân dân làm chướng ngại vật và các lực lượng vũ trang "dàn trận" đánh tiêu hao, làm chậm bước tiến của địch. Hàng ngàn người vác dao cuốc, xẻng ra quốc lộ Đông Dương, liên tỉnh lộ 5 chặt ngả cây, đào đường, đắp mô. Trên các kênh Nước Mặn và Rạch Cát có trên 50 ghe chài chở đất làm cản; từng đoàn xuồng, ghe ken dày trên sông rạch, kết lại bằng dây cáp sắt chặn ngang sông để chặn tàu giặc. Trạm tù, cầu Bình Điền và các trạm mõ dọc quốc lộ, tỉnh lộ làm nhiệm vụ báo tin tình hình tiến quân của địch.

Các thị xã Tân An, Mỹ Tho thực hiện tản cư dân, chỉ để lại Hoa Kiều và người ngoại quốc, không "tiêu thổ kháng chiến" nhưng triệt phá những gì mà quân Pháp cần như điện, nước.

Sau khi từ Sài Gòn - Chợ Lớn các mũi tiến công đã xuất phát, đêm 23 rạng 24 tháng 10 năm 1945 tại Cần Giờ, hàng chục tàu chiến Pháp trong đó có hai chiến hạm lớn Richelieu và Triomphant bắt đầu rời bến.

Trên quốc lộ Đông Dương, mặt trận Chợ Đệm nổ súng khi địch vượt qua cầu Bình Điền. Bộ đội, du kích dàn trận đánh địch, tuy có uy hiếp tinh thần và làm chậm bước tiến của chúng nhưng súng nhỏ, gậy tầm vông không chặn nổi xe tăng. Quân Pháp cho quân Nhật đi trước dọn đường nhưng một ngày rưỡi đầu chỉ tiến được trên 20km. Giặc sục vào các làng mạc hai bên đường cướp phá, đốt nhà, khói lửa ngùn ngụt hai bên quốc lộ. Lính Pháp mặc quân phục Anh sục vào từng nhà lôi người, đẩy đi sửa cầu đường.

Ở cánh đường sông hai chiến hạm Richelieu và Triomphant tiến vào sông Soài Rạp, tung quân ra đánh chiếm khu vực Gò Công, Chợ Gạo, Cần Đước, Cần Giuộc. Trận đầu chạm súng tại cầu Nổi, các lực lượng tự vệ, Cộng hoà vệ binh Gò Công, Cộng hoà vệ binh Nam Bộ, sau ba giờ địch mới đổ bộ được. Một chiến thuyền chìm, bốn lính Pháp chết. Thiệt hại của địch nặng nhất ở Gò Công bị diệt gần 100 tên, trong ba ngày mới chiếm được thị xã Gò Công, trong lúc đó một đoàn tàu chiến khác theo sông Tiền đã đổ bộ chiếm trước thị xã Mỹ Tho vào chiều 24 tháng 10 năm 1945.

Cánh quân bộ theo quốc lộ 4 cũng đến thị xã Tân An sau khi chúng đã chiếm thị xã Mỹ Tho.

Ở khu vực Cần Đước - Cần Giuộc, ta dàn trận đánh chặn địch cả trên bộ, dưới sông. Địch ít bị tiêu hao nhưng mất gần một tuần chúng mới ổn định, chiếm đóng được.

Sau khi hai cánh quân thủy bộ hội điểm tại thị xã Mỹ Tho, địch tiếp tục theo hướng đường sông tiến chiếm Vĩnh Long (ngày 29 tháng 10), Cần Thơ (ngày 30 tháng 10), Cái Răng (ngày 2 tháng 11). Từ các vị trí vừa chiếm được, chúng tiếp tục tổ chức hành quân theo đường sông Cửu Long lên Campuchia.

Ở vùng ven Sài Gòn, sư đoàn thuộc địa số 9 (9^e DIC) chà đi xát lại vô cùng ác liệt, hòng làm tan rã lực lượng vũ trang của ta. Các trung đoàn thuộc địa số 21, 23 án ngữ phía bắc và tây bắc Sài Gòn.

Khó khăn mới tăng lên. Đồng bào tản cư trong những ngày bao vây địch trong Sài Gòn, bây giờ cần phải trở lại để chuẩn bị đấu tranh lâu dài ngay trong vùng bị địch tạm chiếm, đảng viên, cán bộ, tự vệ nội thành một phần ra bưng biền, chiến khu, một phần ở lại cùng nhân dân nội thành xây dựng cơ sở kháng chiến. Qua tổ chức Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, ta tập hợp quần chúng từ cơ sở đường phố, xí nghiệp, liên hộ, quận, các nhân sĩ, trí thức có uy tín được mời tham gia Mặt trận Việt Minh, Thành ủy, Ủy ban kháng chiến Sài Gòn được thành lập lại. Tờ báo "Cảm tử" của công

đoàn Nam Bộ, "Chống xâm lăng" của Mặt trận Việt Minh ra đời cổ vũ kháng chiến lâu dài và lòng tin tất thắng.

Trước thử thách mới, bên cạnh tinh thần quyết chiến rất cao của toàn dân, toàn quân, phong trào cách mạng vẫn còn những nhược điểm: có bề rộng, bề nổi nhưng chưa chắc bề sâu; sự thống nhất về quan điểm nhất là trong xây dựng lực lượng trong hai nhóm đảng viên, đang còn là quá trình, chưa phải đã được giải quyết toàn bộ, tính phức tạp trong các đơn vị vô chính phủ càng bộc lộ mạnh mẽ khi giặc phá được vòng vây Sài Gòn... Các lực lượng đệ nhị, đệ tam, đệ tứ sư đoàn, bộ đội HT29... không chỉ phân hoá, chạy dài tan rã mà còn trở thành một tai họa cho nhân dân, trở ngại lớn cho kháng chiến.

Ở phía nam thành phố, mặt trận số 4, lực lượng chiến đấu gồm nhiều đơn vị mang tên khác nhau. Bộ đội Cần Giuộc do đồng chí Trương Văn Bang - Tỉnh ủy viên Chợ Lớn chỉ huy, bộ đội Bảy Trân do đồng chí Nguyễn Văn Trân - Chủ tịch huyện Cần Giuộc chỉ huy, bộ đội Nhà Bè, Tân Thuận, Tân Quy, bộ đội số 2 do các đồng chí Nguyễn Văn Mạnh và Mai Văn Vĩnh chỉ huy... Một lực lượng lớn với vũ khí mạnh là lực lượng Bình Xuyên - gồm các đơn vị của Dương Văn Dương, Tư Oanh, Mai Văn Vĩnh...

Đã qua một thời xưng hùng, xưng bá của những giang hồ, hảo hán, dòng xoáy cách mạng đã cuốn hút lực lượng Bình Xuyên và đang chuyển hoá, phát triển thành những đơn vị Vệ quốc đoàn. Nhiều thủ lĩnh Bình Xuyên như Dương Văn Dương, Huỳnh Văn Trí, Mai Văn Vĩnh, Dương Văn Hà... là những người có uy tín, chân thành học hỏi các chiến sĩ cách mạng và quyết tâm phục vụ đất nước. Dương Văn Dương kêu gọi binh sĩ Bình Xuyên "hãy tỏ rõ mình là chiến sĩ cách mạng", tước khí giới những nhóm giang hồ nào chưa chịu từ bỏ giang hồ, đặt hình phạt đối với những người rượu chè, bê tha, ức hiếp dân chúng.

Sau khi mặt trận số 4 bị vỡ, lực lượng Bình Xuyên không chạy như đệ nhị, đệ tam, đệ tứ sư đoàn mà lần lượt lui xuống Rừng Sác lập căn cứ kháng chiến.

Lực lượng Cộng hoà vệ binh (đệ nhất sư đoàn) do lãnh đạo, nòng cốt không đủ mạnh, bị phân hoá trước thử thách mới, một phần ra bưng biền hoặc về các tỉnh gia nhập các đơn vị vũ trang kháng chiến, một phần trở lại hàng ngũ ngụy binh.

Trong khi phần lớn các lực lượng tự lập chạy dài, tan rã thì các lực lượng công đoàn, những đơn vị vũ trang tập trung, bán vũ trang, lực lượng nhân

dân du kích do các đồng chí đảng viên xây dựng, chỉ huy vừa đánh địch vừa lôi kéo, thanh toán các đơn vị vũ trang vô chính phủ.

Khi vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn bị vỡ, các lực lượng này phần lớn phải phân tán để bảo toàn lực lượng chuẩn bị đánh lâu dài. Do đó nội thành có yên tĩnh nhất thời, nhưng sang tháng 11 năm 1945, lúc mà địch đang dàn mỏng quân trên chiến trường, thì du kích lại trở vào hoạt động. Mục tiêu tiến công của du kích lúc bấy giờ là các công thự Pháp, quân Pháp đi lẻ, bọn tay sai của chúng. Tình hình căng thẳng đến mức chỉ huy Pháp đã phải ra lệnh cho binh lính và thường dân Pháp không được vào mua bán ở Chợ Lớn.

Ngày 8 tháng 11, quân ta tiến công Tổng hành dinh Cao ủy Pháp (phòng thương mại cũ) khiến quân Anh, Nhật tại các tỉnh phải khẩn cấp về Sài Gòn để cứu vãn tình hình.

Ngày 21 tháng 11 năm 1945, các vị trí quân Pháp ở Sài Gòn lại bị tiến công. Quân ta thu 15 đại liên, 72.000 viên đạn, quân Pháp phải dùng 5 xe tải chở xác chết và lính bị thương.

Đặc biệt ngày 8 tháng 12, lúc 21 giờ, lực lượng vũ trang mở trận tiến công lớn vào trại lính Pháp ở Đơruê (nay là đường Hùng Vương). Bị đánh bất ngờ, hàng ngàn quân Pháp trong trại không kịp trở tay, chỉ còn cách nằm tại chỗ bắn vung vãi. Quân ta phóng lửa đốt trại, lửa bốc cháy hai giờ liền, trại lính Pháp bị thiêu hủy. Giặc chết hàng trăm tên, số bị thương nằm chật các bệnh viện Sài Gòn. Thông báo của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ nhận định là "trận tiến công lớn lao nhất chưa từng xảy ra ở Nam Bộ".

Lực lượng vũ trang trụ cột ở nội thành gồm các đơn vị vũ trang và bán vũ trang của các xí nghiệp, các quận, hộ, các khu lao động. Khi Pháp mở rộng lấn chiếm, ở nội thành các đội "Cảm tử quân" đã có trước, hàng loạt tổ chức khác được thành lập: Ban trinh sát, ban hành động, ban quân báo, ban công tác, ban trừ gian, ban ám sát. Tiếp sau đó tổ chức tự vệ thành lần lượt ra đời. Cán bộ, chiến sĩ các tổ chức này ngoài công nhân, dân nghèo thành thị còn có học sinh, trí thức, các tầng lớp thanh niên nam, nữ. Thời kỳ đầu, toàn bộ đặt dưới sự chỉ huy của Ban quân sự thành, khẩu hiệu hoạt động là "diệt địch ngay trong tim gan chúng", đối tượng trừng trị và phá hoại nhằm vào ác ôn, đầu sỏ, các cơ sở hậu cần của địch. Các căn cứ lõm bên trong dựa thế lòng dân, ngõ hẻm, đường phố, kết hợp với căn cứ bàn đạp bên ngoài có thế dân, thế đất bao quanh thành phố, bảo đảm tiếp tế, chỉ đạo, hậu cần bao gồm đường dây vũ khí lấy được của địch từ nội thành ra chiến khu.

Hoạt động nội thành tiếp tục phát triển, thực sự trở thành một cuộc chiến tranh nhân dân ngay trong lòng địch. Thành phố địch đã chiếm đóng trở thành tiền phương, cũng là hậu phương của kháng chiến. Sài Gòn - cái nôi sinh ra các đội cảm tử, cũng là "quê hương biệt động". Quân cảm tử, chiến sĩ biệt động tồn tại suốt chiến tranh ba mươi năm. Quá trình hoạt động của các lực lượng nội thành xây dựng thành "phương thức tác chiến biệt động" độc đáo của Sài Gòn, kết quả của sự kế thừa và phát triển truyền thống đấu tranh của thành phố mà kẻ thù đã ưu tiên tập trung xây dựng thành một trung tâm đầu não cai trị thuộc địa và điều khiển chiến tranh xâm lược.

Để thống nhất các lực lượng vũ trang Hóc Môn, Bà Điểm, Đức Hoà, tháng 10 năm 1954 một cuộc hội nghị đã được triệu tập tại đình Mỹ Hạnh (Đức Hoà), có mặt nhiều đồng chí trong Xứ ủy và Tỉnh ủy giải phóng Gia Định, các đồng chí đảng viên thời Nam Kỳ khởi nghĩa như: Hoàng Dư Khương, Trần Văn Trà, Tô Ký, Cao Đức Luốc, Ba Súng, Năm Râu, Phan Văn Voi, Phan Đức, Sáu Ngói, Hoàng Tường, Ba Nhỏ (đại diện của Huỳnh Văn Một, chỉ huy trưởng lực lượng Đức Hoà gồm 3 đại đội)... Hội nghị phân tích yêu cầu phải có sức mạnh đối phó với việc mở rộng chiến tranh của quân Anh, Pháp, với diễn biến xấu của các lực lượng vô chính phủ, lực lượng vũ trang cách mạng phải được Đảng nắm chắc và thống nhất chỉ huy. Trước mắt, trên vùng ven tây bắc Sài Gòn, lực lượng vũ trang thống nhất lấy tên là giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà. Ngoài nhiệm vụ chiến đấu, lực lượng này còn được giao nhiệm vụ làm nòng cốt thống nhất các lực lượng vũ trang.

Bộ tham mưu (thực tế là Bộ chỉ huy) giải phóng quân gồm các đồng chí Tô Ký - Tư lệnh, Hoàng Dư Khương sau đó là Trần Văn Trà - Chính trị viên. Bốn chỉ huy phó là Cao Đức Luốc, Văn Một, Huỳnh Tấn Chùa, Hoàng Tế Thế; Nguyễn Đức Huy là Ủy viên tuyên truyền. Ủy viên tiếp tế là Phạm Văn Voi. Các ban trực thuộc có: quân giới, vận chuyển, y tế, trinh sát tình báo. Theo chủ trương của Xứ ủy, Bộ tham mưu về đóng ở Mỹ Hạnh (Đức Hoà). Ngày 1 tháng 11 năm 1945, giải phóng quân làm lễ ra mắt tại xã Mỹ Hạnh trong không khí vui mừng phấn khởi của nhân dân.

Các lực lượng du kích, tự vệ, các nhóm vũ trang vùng tây bắc Sài Gòn gồm cả Trảng Bàng, nơi có nhóm "Thanh niên Rừng Rong", được thông báo giải phóng quân liên quận ra đời, đã lần lượt kéo về xin gia nhập. Trong lúc lực lượng vô chính phủ đang trở thành tai họa, bản chất "bộ đội nhân dân"

của lực lượng vũ trang giải phóng càng sáng tỏ và sớm gây được lòng tin của nhân dân, được nhân dân ủng hộ, nuôi dưỡng.

Trước và sau khi thành lập, lực lượng giải phóng quân liên quận được các đồng chí Trung ương, Xứ ủy quan tâm chỉ đạo sát sao những yêu cầu về xây dựng chiến đấu và công tác. Công tác đảng, công tác chính trị ngày càng đi vào nền nếp. Từ cấp trung đội trở lên có chính trị viên. Tại Gia Định, các lực lượng vũ trang tham gia chiến đấu ở mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định luân phiên nhau đánh địch ở cầu Kiệu, cầu Bông, Dĩ An, Thủ Đức, chốt chặn ở Bình Triệu. Ngày 20 tháng 10, địch chiếm Gò Vấp, ta lập phòng tuyến từ ngã ba Chú Ia tới An Lập, Lái Thiêu gọi là chiến tuyến Tam thôn, chiến đấu với địch ròng rã hai tháng. Tham gia đánh địch ở đây có lực lượng Nguyễn Đình Thâu, Triệu Hải, lực lượng công đoàn. Khi mặt trận vỡ, phần lớn lực lượng về chiến khu Lạc An. Số còn lại thuộc lực lượng Gia Định, chủ yếu là Gò Vấp ở lại xây dựng và bảo vệ căn cứ Tỉnh ủy An Phú Đông. An Phú Đông, Thạch Lợi - một mảnh đất nhỏ chỉ cách trung tâm Sài Gòn khoảng 4km theo đường chim bay, có kênh rạch như bàn cờ, vườn tược xanh tươi trở thành căn cứ Tỉnh ủy Gia Định (cũng là nơi ra đời chi đội 6 sau này).

Từ tháng 11 năm 1945, ở Gia Định, đồng chí Khung - thợ Ba Son, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chiêu - Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Dũng và Công cũng là công nhân Sài Gòn - Chủ tịch và Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến đã đưa các cơ quan quân, dân, chính, Đảng về cù lao Hạnh Phú thuộc xã An Phú Đông. Cũng tại nơi đây, Lý Chiến Thắng - thư ký liên hiệp công đoàn Sài Gòn - lập trạm đón tiếp công nhân từ thành phố ra và in báo "Cảm tử". Hạnh Phú cũng là nơi xuất phát những đội du kích Lý Thường Kiệt, Ký Con, Trần Cao Vân, Quang Trung, Nguyễn An Ninh... ra đời trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến và hoạt động ở vùng Gò Vấp, Bà Chiểu, Phú Nhuận, Tân Định. An Phú Đông đang đứng trước kế hoạch tấn công lớn của quân Pháp.

Cuối tháng 11 năm 1945, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Gia Định quyết định tổ chức các đoàn thanh niên cứu quốc vũ trang thành các đơn vị chiến đấu. Ở Gò Vấp có 3 phân đội lấy phiên hiệu từ A16 đến A23, mỗi phân đội có 40 đến 50 người, có 25 đến 30 súng, về sau thống nhất lấy tên bộ đội Gò Vấp do Hứa Văn Yến làm chỉ huy trưởng. Ở Thủ Đức, luật sư Thái Văn Lung được giao nhiệm vụ chỉ huy trưởng lực lượng thanh niên vũ trang sau được tổ chức thành 3 đơn vị gọi là bộ đội 44, bộ đội 45, bộ đội 46. Một bộ phận ở Tân Bình rút lên nhập với Thủ Đức gọi là bộ đội 43. Ở Dĩ An, lực

lượng thanh niên cứu quốc vũ trang của Đào Sơn Tây và Trần Thắng Minh về sau thống nhất lại gọi là bộ đội Dĩ An do Trần Thắng Minh chỉ huy.

Ngày 8 tháng 11, đoàn xe Anh - Pháp 204 chiếc, trong đó có 16 xe tăng, xe bọc thép, tiến chiếm thị xã Tây Ninh. Nông dân Trảng Bàng đã đào hào chống tăng, đắp ụ chiến đấu, sau 12 ngày đêm đã chuẩn bị xong công sự, trận địa ở một khu vực gọi là "mặt trận Suối Sâu". Tuy nhiên, ngoài mô ụ, chướng ngại, mặt trận chỉ có một ít lựu đạn, súng hai nòng, chai xăng và mủ cao su. Mặt trận Suối Sâu đã nổ phát súng đầu gây khói lửa uy hiếp tinh thần địch. Đoàn xe địch bắn xối xả hai bên đường rồi phóng qua trận địa. Phối hợp với quân đội từ Sài Gòn lên, địch tiến chiếm thị trấn Gò Dầu, lên thị xã Tây Ninh. 10 giờ trong ngày, trên quốc lộ 22, cách nam thị xã 10km, quân Pháp đã lọt vào trận địa phục kích của một bộ phận lực lượng vũ trang Tây Ninh, trong đó có nhiều chiến sĩ là công nhân cao su, do Nguyễn Văn Đẩu (Tư Đẩu), Trần Minh Ngọc, Nguyễn Đức Minh chỉ huy. Ta đã diệt gần 100 tên giặc và một số xe. Đến 16 giờ, địch vào được thánh thất Cao Đài (Long Hoa).

Chiếm xong các thị xã Tây Ninh và Thủ Dầu Một, quân Pháp thực hiện ngay kế hoạch chiếm vùng cao su miền Đông. Bộ binh cơ giới địch tiến từ thị xã Tây Ninh sang phía đông và từ Thủ Dầu Một theo quốc lộ 13 lên phía bắc. Trên quốc lộ 13, địch phải tạm dừng để củng cố vì liên tiếp đụng phải chướng ngại và trận địa phục kích. Lực lượng công nhân cao su chỉ có một ít súng và vũ khí thô sơ, nhưng có hàng trăm người tham gia phục kích. Tuy nhiên, với trang bị thô sơ, trận địa chiến của ta chỉ có thể làm chậm bước tiến của địch chứ không ngăn được chúng. Từ ngày 12 đến ngày 13 tháng 11, quân Pháp lần lượt chiếm Quản Lợi, Lộc Ninh, Bù Đốp (nay thuộc Sông Bé).

Đến cuối tháng 11, địch đã kiểm soát được các trục giao thông chính, thị xã và các thị trấn của Tây Ninh, bắt đầu tổ chức hệ thống ngụy quyền địa phương. Một số tên cơ hội phản động chui được vào chính quyền cách mạng trước đây bây giờ trốn ra làm tay sai cho giặc gây nhiều khó khăn cho cách mạng, trong đó có tên Ba Phu, nguyên chủ tịch Ủy ban hành chính Tây Ninh; Huỳnh Hà, Lê Phẩm Ba, ủy viên nhân dân huyện Trảng Bàng; Cò Nam, cảnh sát trưởng. Đặc biệt có tên Henri Lực, ủy viên tài chính ra hàng giặc đã trở thành cảnh sát trưởng ác ôn khét tiếng. Chính quyền cách mạng tạm thời bị tê liệt. Một số cán bộ trở về nhà làm ăn.

Để bảo vệ lực lượng kháng chiến lâu dài, các cơ quan tỉnh, quân tự vệ cuộc, lực lượng vũ trang rút về Bàu Đồn, Suối Nhánh, Bến Cầu, Thanh Điền.

Quân Pháp bung ra Thanh Điền bị lực lượng của Nguyễn Văn Đẩu chặn đánh trên đường số 7, diệt 2 xe, thu một số súng và nhiều đạn dược. Tuy chiến công chưa lớn nhưng trận đánh có sức cổ vũ mạnh.

Các lực lượng tập trung khác của Tây Ninh lúc bấy giờ có mặt ở mặt trận Trẫm Vàng, mặt trận Cầu Quận, huyện Trảng Bàng, huyện Châu Thành. Sau trận Suối Sâu, lực lượng Trảng Bàng lập căn cứ Rừng Rong, đưa một trung đội đi nhập giải phóng quân liên quận. Bộ phận ở lại hoạt động binh vận thành lập một trung đội chiến đấu tại huyện Trảng Bàng. Ngoài ra còn có các bộ phận vũ trang lẻ tẻ được củng cố, bám tại chỗ chống càn quét, diệt trừ Việt gian, vũ trang tuyên truyền.

Lực lượng thị xã Tây Ninh và huyện Châu Thành gồm có lực lượng tại chỗ của anh Nguyễn Văn Đẩu hai đại đội, 70 súng và lực lượng Sài Gòn lên có hai tiểu đội Cộng hoà vệ binh và lực lượng cảm tử thuộc công an Sài Gòn do anh Sĩ chỉ huy đến 400 người, có 40 súng. Cuối tháng 11 năm 1945, lực lượng của anh Đẩu và Năm Bằng (hai tiểu đội chi viện mặt trận Tham Lương về) rút về xây dựng căn cứ ở Bến Cầu.

Trong thời kỳ đầu chống Pháp ở Tây Ninh, ngoài nạn đệ tam, đệ tứ sư đoàn, bộ đội HT29 còn có chi đội 8 Cao Đài. Nhiều cán bộ bị bọn này thủ tiêu, trong đó có Lê Thanh Vân và Phạm Đình Mỹ, chủ tịch và phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh. Các lực lượng cách mạng vừa phải đánh Pháp, diệt bọn phản động, vừa phải đối phó với các lực lượng vô chính phủ và nạn "cáp duồng" của lính ngụy Khơme do Pháp kích động chia rẽ Việt Nam - Campuchia.

Sau các trận Suối Đá, Cây Cau (xóm Phan), các lực lượng bám trụ bàn nhau thống nhất lực lượng do anh Năm Bằng chỉ huy kéo về xây dựng căn cứ Rừng Nhum - Cây Chò sát biên giới Việt Nam - Campuchia. Qua nhiều trận chiến đấu với ngụy Khơme bảo vệ căn cứ và tài sản, tính mạng của nhân dân, Rừng Nhum - Cây Chò trở thành căn cứ lâu dài. Đó là căn cứ đầu tiên của lực lượng vũ trang tỉnh. Về sau các cơ quan tỉnh lần lượt về đây.

Trên mặt trận phía tây Sài Gòn từ giữa tháng 11 năm 1945, quân Pháp đánh rộng ra các vùng nông thôn, đặc biệt đánh mạnh vào các vùng Đức Hoà, Trung Quận, Cần Giuộc, Cần Đước, Bến Lức. Ta vừa tổ chức các khu căn cứ, vừa cho dân tản cư về nhà cũ để ổn định thế kháng chiến lâu dài, kiên quyết chống lập hội tề, bảo vệ chính quyền cách mạng ở nông thôn. Một bộ phận giải phóng quân liên quận đã gây thiệt hại nặng cuộc hành quân có

gần một trăm xe tăng của Pháp. Quân Pháp phải tiến công lại mới chiếm được thị trấn Đức Hoà.

Trước ngày 23 tháng 11 năm 1945 (ngày giặc chiếm thị xã Thủ Dầu Một), đồng chí Nguyễn Bình, một cán bộ quân sự cao cấp được Bộ Tổng tư lệnh phái vào Nam đã tới thị xã Thủ Dầu Một. Đồng chí Nguyễn Bình vào trong tình thế chiến trường đang hết sức khó khăn, giặc Pháp đang mở rộng chiến tranh, các lực lượng vũ trang tập trung mới bước đầu thống nhất từng bộ phận, từng khu vực, đang tan rã và phân hoá những bộ phận Đảng không nắm được, đang thổ phỉ hoá những lực lượng cơ hội. Đòi hỏi cấp bách trước nhất bây giờ là nắm lại và tập hợp lực lượng thống nhất chỉ huy.

Sau khi đề xuất chương trình hành động và được sự giúp đỡ của tỉnh Thủ Dầu Một, tại An Phú Xã, đồng chí Nguyễn Bình đã triệu tập một cuộc họp gọi là Hội nghị quân sự Nam Bộ (thực ra chỉ có đại biểu các đơn vị miền Đông Nam Bộ).

Hội nghị bàn việc thống nhất lực lượng, thống nhất chỉ huy, vạch chương trình chống Pháp, phân chia khu vực hoạt động của các đơn vị vũ trang, chuẩn bị phát động chiến tranh du kích. Hội nghị nhất trí cử đồng chí Nguyễn Bình làm Tổng tư lệnh giải phóng quân Nam Bộ; Vũ Đức (Hoàng Đình Dong) làm Chính ủy; biên chế lực lượng vũ trang thành các chi đội. Trước mắt thành lập chi đội 1 ở Thủ Dầu Một. Tuy chưa thực sự thống nhất được các lực lượng vũ trang cả về tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, chưa ngăn chặn được sự tan rã, thổ phỉ hoá hoặc hàng giặc của các "sư đoàn dân quân cách mạng" nhưng Hội nghị An Phú Xã có tác dụng lớn: bước đầu thống nhất các lực lượng vũ trang trên danh nghĩa, động viên tinh thần kháng chiến chống Pháp xâm lược, củng cố niềm tin của cán bộ và quần chúng với Trung ương.

Cho tới cuối tháng 11 năm 1945, giặc Pháp đã mở thông được các đường số 20 Sài Gòn - Đà Lạt, đường số 13 Sài Gòn - Lộc Ninh và đoạn đường số 14 Bù Đốp, đường số 1 và số 22 Sài Gòn - Tây Ninh, đường số 16A Sài Gòn - Mỹ Tho - Vĩnh Long - Cần Thơ. Chiến tranh đã lan tới các tỉnh cực Nam Trung Bộ.

Trước tình hình khó khăn, phức tạp mới, ngày 25 tháng 11 năm 1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc". Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ là phong toả những thành phố đã lọt vào tay địch về kinh tế, chính trị, kết hợp tiến công quân sự, áp dụng chiến tranh triệt để, vận động nhân dân thực hiện vườn không nhà trống khi địch

tới. Trung ương quyết định chia nước ta ra làm 9 chiến khu, trong đó Nam Bộ có 3 chiến khu là Khu 7, Khu 8 và Khu 9.

Nhận được chỉ thị của Trung ương, Xứ ủy triệu tập hội nghị Xứ ủy mở rộng vào ngày 10 tháng 12 năm 1945 tại một xã bên bờ sông Vàm Cỏ Đông quyết định giải thể Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch. Hội nghị cũng chỉ định lại Khu bộ, bàn biện pháp thống nhất các lực lượng vũ trang, xây dựng chiến khu Lạc An, Đồng Tháp, U Minh thành các chiến khu lớn, chỉ định cấp chỉ huy Khu 7 do các đồng chí Nguyễn Bình - Khu bộ trưởng, Trần Xuân Độ - Chủ nhiệm chính trị bộ, Dương Văn Dương - Khu bộ phó.

Sau khi dự Hội nghị Vàm Cỏ Đông, đồng chí Nguyễn Bình ra thông báo bỏ chức tổng tư lệnh giải phóng quân Nam Bộ, thi hành Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy mở rộng ở Đức Hoà về việc thành lập Khu 7, đổi tên Tổng hành dinh thành Khu bộ. Chiến khu 7 gồm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Tây Ninh, Gia Định.

Ngày 15 tháng 12 năm 1945, quân Pháp tiến công xã Mỹ Hạnh, lực lượng giải phóng quân liên quận tổ chức chống trả, nhưng Pháp chiếm được Mỹ Hạnh. Sau đó giải phóng quân liên quận tổ chức thành 6 đại đội, 3 đại đội ở lại Đức Hoà, 3 đại đội còn lại ở Hóc Môn - Bà Điểm.

Ngày 1 tháng 12 năm 1945, đơn vị của đồng chí Tô Ký được điều lên chiến khu Lạc An phối hợp với lực lượng Biên Hoà, Thủ Dầu Một.

Thủ Dầu Một, một tỉnh nằm ở bắc Sài Gòn, rộng 5.600 kilômét vuông, đứng thứ hai về diện tích ở miền Đông (sau Biên Hoà), đứng thứ ba về số dân (sau Chợ Lớn, Gia Định), đứng đầu về diện tích cao su. Sau khi có quyết định thống nhất lực lượng vũ trang, Thủ Dầu Một là một tỉnh đầu tiên thành lập chi đội (tháng 11 năm 1945) gọi là chi đội 1 gồm có bộ đội Lái Thiêu, Bến Cát, Bình Lý. Chi đội trưởng đầu tiên là Huỳnh Kim Trương. Về sau chi đội được bổ sung lực lượng và tăng cường thành phần Đảng trong ban chỉ huy. Đồng chí Lê Đức Anh, người đã xây dựng lực lượng vũ trang Lộc Ninh được Tỉnh ủy cử làm Chính trị viên chi đội.

Suốt tháng 12 năm 1945, trung đoàn thuộc địa số 9 vẫn không phá nổi "vành đai đỏ" vây quanh Sài Gòn, lại mất một phần ba quân (một phần do bệnh tật). Trên vành đai Sài Gòn, các đội du kích Chợ Đệm, Cần Giuộc, Hóc Môn, Gò Vấp là những đơn vị lập được nhiều chiến công xuất sắc.

Ngày 15 tháng 12 năm 1945, trận quyết chiến cũng là thử thách đầu lớn nhất đã xảy ra đối với chiến khu An Phú Đông.

Quân Pháp và quân Anh huy động cả bộ binh, pháo, máy bay, tàu chiến thực hiện cuộc bao vây ấp Hạnh Phú. Lực lượng bảo vệ căn cứ anh dũng chiến đấu nhưng vì thiếu súng đạn, địch đổ bộ được lên cù lao, phá cơ quan, bắt được một số cán bộ, đốt nhà dân. Vấn đề bám lại hay rời căn cứ An Phú Đông đặt ra gay gắt. Hội nghị cán bộ tại Vườn Cau Đỏ (xã Thạnh Lộc) quyết định chỉ đưa một số ít quân đi huấn luyện, còn số lớn bám lại An Phú Đông, Thạnh Lộc dựa vào Quới Xuân, Tân Thới Hiệp, lấy Tân Mỹ, Bình Lý, An Phú Xã làm hậu vệ, An Nhơn, Hiệp Bình và Bình Lộc làm tiền vệ, bám dân mà ở, bám địch mà đánh. Các đội cảm tử tiếp tục ra đời. Khi đứng lại lực lượng ta chỉ có 50 súng, số người cứ tăng mà không có súng.

Từ đầu tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương điện vào Nam Bộ cử đồng chí Lê Duẩn tham gia ban lãnh đạo Ủy ban kháng chiến miền Nam.

Ngày 1 tháng 6 năm 1946, theo Sắc lệnh của Chính phủ lâm thời về bầu cử trong cả nước, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam được đi bầu đại biểu Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong những khu vực có chiến sự, vùng địch tạm chiếm, cuộc bỏ phiếu vẫn được tiến hành. Ngay trong thành phố Sài Gòn, dưới ách kìm kẹp nghiêm ngặt của giặc, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội vẫn đạt tới 40.000 phiếu. 42 cán bộ đã hy sinh trong khi vận động bầu cử. Trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Tư - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Sài Gòn. Nhân dân miền Nam vui mừng được tin 333 đại biểu đã được bầu vào Quốc hội đầu tiên, trong đó, tại Hà Nội, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng cử, Người đã trúng với số phiếu cao nhất (98,4%). Các tỉnh Nam Bộ có số đại biểu trúng cử như sau: Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn 5; Chợ Lớn 5; Gia Định 6; Bà Rịa 1; Biên Hoà 4; Thủ Dầu Một 3; Tân An 2; Mỹ Tho 4; Bến Tre 5; Trà Vinh 3; Vĩnh Long 3; Sa Đéc 4; Châu Đốc 3; Hà Tiên 1; Long Xuyên 4; Cần Thơ 6; Sóc Trăng 3; Gò Công 2; Rạch Giá 4; Bạc Liêu 3[1]. Ngay trong những ngày gian khổ, ác liệt của buổi đầu kháng chiến, Quốc hội khoá đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đề nghị đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên Hoà lúc bấy giờ là một tỉnh lớn nhất miền Đông về diện tích (11.300 kilômét vuông), nằm trên hành lang chiến lược Bắc - Nam, một đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng ở phía đông Sài Gòn, rừng núi chiếm ba phần tư diện tích, hợp với rừng Thủ Dầu Một tạo thành một vùng chiến khu rộng lớn. Thị xã Biên Hoà chính là một đỉnh của tam giác Sài Gòn - Thủ Dầu Một -

1. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1994, tr. 364-368.

Biên Hoà, mà Lơclec đã có ý định đánh chiếm đầu tiên để tạo thế đứng trong kế hoạch lấn chiếm toàn Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Khi quân Anh mượn danh nghĩa giải giáp quân Nhật chiếm Biên Hoà, lực lượng miền Đông do Lương Văn Tương chỉ huy không tổ chức đánh địch mà chạy về Xuân Lộc, Ủy ban kháng chiến tỉnh do đó cũng tan tác. Tháng 12 năm 1945, quân Pháp chiếm Tân Uyên, Long Thành. Trước tình hình đó, những người yêu nước đứng ra tập hợp lại lực lượng trên từng khu vực, tổ chức kháng chiến. Huỳnh Văn Nghệ, một người của Ủy ban kháng chiến miền Đông tập hợp được trên 30 người, có 30 súng rút về quê hương xã Tân Tịch (huyện Tân Uyên, lúc bấy giờ thuộc Biên Hoà). Ở đây có tiểu đội Tân Uyên, lực lượng Nguyễn Văn Quỳ (Chín Quỳ), một bộ phận lưu lại sau Nam Kỳ khởi nghĩa. Các bộ phận này nhập lại lấy tên Vệ quốc đoàn Biên Hoà, lập trụ sở kháng chiến ở Tân Tịch, nơi khởi đầu và từ đó hình thành Chiến khu Đ nổi tiếng trong lịch sử. Vùng hoạt động ban đầu của Vệ quốc đoàn Biên Hoà thực tế chỉ có Tân Uyên và Châu Thành.

Ở quận Long Thành có lực lượng Lương Văn Tho, Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Văn Lung, tổng cộng khoảng 30 súng. Quận Châu Thành có 4 tiểu đội, 30 súng do Lê Văn Ngọc chỉ huy.

Về sau, anh em từ thị xã Biên Hoà, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn về cộng tác với Huỳnh Văn Nghệ ngày càng nhiều và phần lớn sau này trở thành những cán bộ nòng cốt trong lực lượng vũ trang miền Đông.

Các mặt chiến đấu, xây dựng lực lượng, căn cứ, kho tàng, xưởng công binh, xưởng tiếp tế, quân y, diệt tề, trừ gian, vận động tòng quân được chú ý. Vấn đề gay gắt đặt ra là bộ đội phát triển nhanh, nhân dân sẵn sàng nhường cơm sẻ áo, nhưng vùng căn cứ nghèo, ít dân nên gặp rất nhiều khó khăn. Khắc phục tình trạng đó, ta tổ chức đường dây tiếp tế, mua bán từ vùng địch ra căn cứ, tổ chức thu thuế các nhà tư sản ngay tại Sài Gòn, thị xã Biên Hoà, các chủ khai thác gỗ, đồng thời vận động nhân dân vùng địch tạm chiếm ủng hộ bộ đội. Ngoài ủng hộ vật chất, rất nhiều người cho bộ đội mượn tiền với chỉ một cái giấy "Độc lập trả".

Các lực lượng vũ trang Long Thành và Châu Thành lúc này vẫn hoạt động độc lập.

Trong tháng 11 năm 1946, lực lượng Bình Xuyên thành lập các chi đội 2, 3, 4, 7, 9, 21, 25. Chi đội 2, 3 do Khu bộ phó Dương Văn Dương chỉ huy.

Chi đội 4 do Huỳnh Văn Trí (Mười Trí) chỉ huy trưởng, thành lập tháng 2 năm 1946 ở Bà Quẹo khoảng 100 người.

Chi đội 7 của Nguyễn Văn Mạnh (Tham mưu trưởng) Mai Văn Vĩnh (Chỉ huy trưởng) ở Bà Trau (Cù Lao, Long Sơn, Bà Rịa).

Đầu tháng 1 năm 1946, ta tổ chức tấn công địch ở thị xã Biên Hoà. Lực lượng tham gia trận đánh gồm 10 phân đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương, các phân đội thuộc các lực lượng Huỳnh Văn Nghệ, Tô Ký, Đào Sơn Tây, Huỳnh Kim Trương. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy toàn trận. Đêm 1 tháng 1 năm 1946, quân ta tiến công các mục tiêu công sở, nhà lao, trạm gác của địch. Ta diệt được một số địch, bắn cháy nhiều đồn địch, khói lửa ngùn ngụt tới sáng, địch hoảng sợ báo động cả Sài Gòn và các tỉnh. Do lực lượng có hạn, ta không đạt được mục tiêu là chiếm thị xã Biên Hoà để gây thanh thế lực lượng kháng chiến, tuy nhiên cũng gây được tiếng vang. Đồng bào, đặc biệt là đồng bào đô thị rất phấn khởi.

Trên vùng Chiến khu Đ, ngày 22 tháng 1, Pháp huy động hàng nghìn quân, có xe tăng, thiết giáp, máy bay chi viện theo đường bộ tiến vào căn cứ Tân Uyên nhằm diệt cơ quan chỉ huy và lực lượng vũ trang Khu 7. Các đơn vị vũ trang ở đây mới được tổ chức lại, nhưng chiến đấu ngoan cường, vận dụng lối đánh phục kích, tập kích, loại trên 200 tên giặc, phá hủy 6 xe, bắn hỏng 1 tàu chiến. Địch buộc phải bỏ dở cuộc hành quân. Ý đồ chiếm Tân Uyên của quân Pháp đã lộ rõ. Khu bộ Khu 7 chủ trương thực hiện vườn không nhà trống khu vực thị trấn. Cơ quan Khu 7 từ thị trấn Tân Uyên về Mỹ Lợi. Các đơn vị phòng vệ được bố trí ở nhiều khu vực để ngăn chặn địch từ xa. Các đội vũ trang tiếp tục củng cố công sự chờ địch đến.

Ngày 24 tháng 1, quân Pháp mở đợt tấn công lớn vào Tân Uyên bằng cả đường sông và đường bộ. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Chiều ngày 24, quân Pháp dàn quân vây thị trấn, dùng pháo và máy bay hủy diệt thị trấn và bộ binh xung phong đánh bật ta ra ngoài. Tiến công chiếm thị trấn Tân Uyên quân Pháp đã mất 220 tên, 6 xe tải, 2 xuồng.

Cơ quan Khu bộ rời Mỹ Lợi vào đóng ở Giáp Lạc, Bưng Kè, Lạc An. Ngày 20 tháng 2 năm 1946, Khu bộ Khu 7 họp bất thường tại Lạc An, quyết định bác bỏ các văn phòng và vũ phòng, lập ra bộ tham mưu, văn phòng Khu bộ và phòng chính trị khu đặt dưới sự chỉ huy của khu bộ trưởng và chủ nhiệm chính trị bộ. Hội nghị cũng đã quyết định những vấn đề quan trọng nhằm củng cố bộ đội, phát động du kích chiến tranh, đặc biệt ở vùng đô thị và vùng cao su, tăng cường cán bộ và xây dựng căn cứ, tổ chức phòng thủ.

Chương trình hành động cụ thể là:

Củng cố bộ đội.

Tiêu diệt phản động.

Nắm vững dân chúng.

Phát động du kích.

Phát động du kích hoạt động trong Sài Gòn - Chợ Lớn.

Phá hoại cao su.

Phát triển miền Trung Giang (Trung Nam Bộ).

Liên lạc với Ítxarắc (Campuchia).

Thành lập các ban ám sát (hoạt động ở thành phố).

Bà Rịa - Vũng Tàu trước kia Pháp tách làm hai tỉnh, trong tổ chức hành chính của ta là một tỉnh. Tam giác Sài Gòn - Bà Rịa - Biên Hoà có vị trí chiến lược là khu vực cửa ngõ quan trọng nhất thông ra biển của Nam Bộ; Bà Rịa là tỉnh Pháp chiếm sau cùng ở miền Đông.

Sau khi giành chính quyền, về tổ chức ở đây rất phức tạp. Tên Lê Văn Huề tay sai của Pháp len vào hàng ngũ cách mạng leo lên đến chức chủ tịch tỉnh, tiếp tục ngấm ngầm làm tay sai cho Pháp. Khi Pháp mở rộng chiếm đóng, hai tên Tân, Hiền vốn là thân binh của Pháp, trước kia đang chỉ huy trung đội Cộng hoà vệ binh Nam Bộ chạy về Bà Rịa gây nhiều phiền nhiễu cho chính quyền và nhân dân. Tỉnh Bà Rịa sau ngày Nam Bộ kháng chiến chỉ còn một số đồng chí du kích vừa tập hợp để bảo vệ cơ quan.

Quân Pháp chiếm Bà Rịa, lập lại các chi khu. Tên Huề mang hết vàng bạc quyên góp được trong "Tuần lễ vàng" ở Bà Rịa ra hàng Pháp. Trong khi đó ở Bà Rịa, ngoài lực lượng Nam tiến của đồng chí Nguyễn Minh Châu (Năm Ngà), Vĩnh từ mặt trận Thị Nghè và lực lượng nhỏ tại chỗ đang lần lượt rút ra Bình Thuận, thì chỉ có lực lượng Tân, Hiền là lớn nhất. Lực lượng Tân, Hiền cũng rút ra Bình Tuy, bị Ủy ban kháng chiến miền Nam tước vũ khí và tan rã. Hai tên Tân, Hiền trở về Sài Gòn hàng giặc.

Tình hình đó đòi hỏi phải ổn định, xây dựng tổ chức lãnh đạo ở Bà Rịa. Cuối tháng 3 năm 1946, tại xã Long Mỹ, nơi hội tụ những người yêu nước thoát ly đi kháng chiến của Bà Rịa, đồng chí Trần Xuân Độ, một đảng viên thoát ly đi kháng chiến nay về triệu tập cuộc hội nghị nhằm ổn định tình hình, xây dựng tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng. Tuy chưa lập được tỉnh ủy, đồng chí Độ được hội nghị giao nhiệm vụ đứng đầu về lãnh đạo ở tỉnh. Sau hội nghị, song song với việc thành lập hệ thống Mặt trận Việt Minh, các lực lượng vũ trang bắt đầu được tổ chức lại gồm các đội du kích (như đội du kích Quang Trung), các đội tuyên truyền xung phong làm nhiệm

vụ vũ trang tuyên truyền, diệt tề, trừ gian. Đó là các bộ phận tiền thân của chi đội 16 này (thành lập tháng 10 năm 1946).

Trước tình hình khó khăn, quyết liệt mới, ngày 22 tháng 2 năm 1946, một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời hiệu triệu động viên quân và dân miền Nam giữ vững và đẩy mạnh kháng chiến. Người chỉ rõ, kháng chiến của ta là phải toàn diện, lâu dài, triệt để vận dụng cách đánh du kích, đánh khắp nơi, "còn một tấc đất, còn một người dân thì còn chiến đấu".

Cũng trong tháng 2 năm 1946, trong thư gửi đồng bào Nam Bộ, Người thay mặt đồng bào cả nước tặng quân và dân Nam Bộ danh hiệu: "Thành đồng Tổ quốc".

Ở các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Hà Tiên, Trà Vinh... tuy bị giặc Pháp chiếm mất các thị xã, thị trấn và đường giao thông chính nhưng vẫn củng cố được lực lượng lãnh đạo kháng chiến, phát triển lực lượng vũ trang, đưa cán bộ trở về bám trụ trong thị xã, tổ chức diệt tề, trừ gian, tập kích, phục kích, đánh phá giao thông của địch.

Ngày 5 tháng 2 năm 1946, trong cuộc họp báo, tướng Lơcléc tuyên bố: "Công cuộc bình định Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ đã hoàn thành". Sự thật là, sau 5 tháng (tháng 9 năm 1945 đến tháng 2 năm 1946), quân dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ đã chiến đấu hết sức anh dũng, làm thất bại kế hoạch "lấy Nam Kỳ trong 18 ngày" của Lơcléc và gây tổn thất cho địch đến mức độ chỉ huy Pháp phải thừa nhận sau 2 tháng số chết, bị thương, ốm đau đã mất một phần ba quân số, quân viễn chinh đã phải đương đầu với một cuộc chiến tranh "kỳ lạ".

Một thực tế không thể tránh khỏi là cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã gặp những khó khăn buổi đầu vô cùng gay gắt. Với lực lượng vũ trang còn non yếu, ta không ngăn được sức tiến công của một đội quân nhà nghề trang bị đầy đủ. Quân xâm lược chiếm đóng được tất cả các thành phố, thị xã, đường giao thông quan trọng ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ và bắt đầu càn quét "bình định" vùng nông thôn Nam Bộ rộng lớn. Chính quyền và đoàn thể ở nhiều nơi tan vỡ. Bộ đội ta và lực lượng kháng chiến đang đứng trước tình hình hết sức khó khăn: vũ khí, gạo, quần áo, thuốc men đều thiếu gay gắt, nhất là ở miền Đông, có nơi phải ăn cháo, ăn củ rừng, giải phẫu phải dùng cưa thợ mộc... Thậm chí có nơi thanh niên tình nguyện tòng quân quá đông, vật chất không đủ đảm bảo buộc phải để anh em về nhà.

Tất cả những điều đó chỉ nói lên tính chất gay go ác liệt của một thời kỳ lịch sử, bản chất của tình hình chính là ở chỗ cuộc kháng chiến lâu dài và tất

thắng đã được đặt nền móng vững chắc. Chính trong những ngày gay go ác liệt này, các lực lượng vũ trang Nam Bộ đã xác định được phương hướng xây dựng, thống nhất củng cố và phát triển để trở thành một bộ phận quân đội nhân dân có đủ sức chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, lực lượng chiến tranh nhân dân bắt đầu hình thành, bước đầu củng cố, phát triển để kháng chiến lâu dài. Cũng có địa phương chủ trương lánh xa để bảo toàn lực lượng nhưng thực tế phần lớn lực lượng vũ trang vẫn đứng lại được.

Một hệ thống căn cứ kháng chiến đã hình thành. Có những khu áp sát đô thị và xen giữa vùng dân cư như: An Phú Đông (Gò Vấp), Phước Long Thôn, Dĩ An (Thủ Đức), Vườn Thơm (Trung Quận), Bình Mỹ (Hóc Môn), Rừng Sác (Nhà Bè,) Long Mỹ (Bà Rịa), Rừng Rong (Trảng Bàng)... Trong lúc đó các chiến khu lớn có khả năng tập trung lực lượng kháng chiến và làm căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo tỉnh, khu, miền như Lạc An (phát triển thành Chiến khu Đ). Các khu rừng Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, vùng núi ven biển Bà Rịa, Đồng Tháp Mười.

Ngày 6 tháng 3 năm 1946, Hiệp định Sơ bộ giữa Pháp và Việt Nam được ký kết. Hiệp định thể hiện chủ trương "hoà để tiến" - một trong những chủ trương sáng suốt, đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng trong hoàn cảnh cách mạng Việt Nam đang ở tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", hoà hoãn với Pháp để đuổi Tưởng, gạt bớt kẻ thù, tạo điều kiện cho ta chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam Bộ ngày 11 tháng 3 năm 1946, Người chỉ rõ quân và dân miền Nam phải biết lợi dụng điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Sơ bộ để tăng cường lực lượng, đẩy mạnh kháng chiến. Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng vào cuối tháng 5 năm 1946, có cán bộ từ chiến trường Nam Bộ ra dự đã phân tích âm mưu mở rộng chiến tranh của địch và nhấn mạnh "phải thống nhất chỉ huy", "giữ quyền chủ động tác chiến", "phát triển vũ trang tuyên truyền", "quấy rối ở các thành phố".

Đến tháng 3 năm 1946, quân Pháp chiếm đóng gần như toàn bộ Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ, tỉnh Lai Châu và một phần Sơn La, chiếm hầu hết Campuchia, khống chế vùng giao thông rộng lớn ở Lào. Mặc dù hiệp định đã được chính phủ Pháp phê chuẩn nhưng bọn chủ chiến trong chính giới Pháp vẫn tìm cách phủ nhận và dựng lên cái gọi là "vấn đề Nam Bộ" thực hiện âm mưu "chia để trị". Chúng tuyên bố "bản Hiệp định Sơ bộ không hề ràng buộc Nam Bộ" và tách Nam Bộ thành một "xứ tự trị"... Do đó Nam Bộ (và cả nam

vĩ tuyến 16), Pháp vẫn tiếp tục thực hiện có hệ thống vừa dùng biện pháp quân sự tàn bạo để "bình định" nông thôn, tiêu diệt các lực lượng kháng chiến, vừa thi hành thủ đoạn chính trị nham hiểm tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam. Chúng mua chuộc lôi kéo bọn tay sai lập "hội đồng tư vấn" chính phủ bù nhìn, tập hợp các đảng phái phản động, như Mặt trận quốc gia liên hiệp, Mặt trận toàn quốc, Việt Nam cách mạng Dân chủ xã hội đảng, Liên minh Dân chủ đảng... đưa bọn mật thám vào lũng đoạn lực lượng Bình Xuyên, nắm giáo phái, gây hằn thù giữa Việt Nam - Campuchia. Nguyễn Tấn Cương, Lê Văn Hoạch, Trần Văn Tỵ, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Tâm... đều được Pháp sử dụng để lập ra "Đảng Đông Dương tự trị", "Đảng Nam Kỳ", dựng lên cái gọi là "Nam Kỳ quốc".

Trong tình thế khó khăn, phức tạp đó, quân và dân Nam Bộ vẫn tỏ rõ ý chí là một nước thống nhất, tranh thủ khẩn trương chấn chỉnh tổ chức, củng cố lực lượng, kịp thời nắm thời cơ đẩy mạnh phá tề, trừ gian, khôi phục chính quyền cách mạng, tiến hành chiến tranh du kích rộng khắp và đẩy mạnh phong trào đô thị.

Từ cuối tháng 3 năm 1946, các tỉnh Nam Bộ tiếp tục đưa hàng loạt cán bộ vào nội thành, xây dựng lại cơ sở, đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền. Các xưởng công binh của khu, tỉnh, của nhiều đơn vị được hình thành. Các cấp ủy đảng đặc biệt quan tâm đẩy nhanh việc thống nhất lực lượng vũ trang. Sau khi chi đội 1 ở Thủ Dầu Một được thành lập, nhiều chi đội mới tiếp tục ra đời. Khu 7 đã xây dựng được 17 chi đội trong số 25 chi đội toàn Nam Bộ.

Chấp hành quyết định của Bộ tư lệnh Khu 7, ngày 1 tháng 3 năm 1946, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến tỉnh Gia Định triệu tập Hội nghị An Phú Đông, thống nhất lực lượng vũ trang Gò Vấp - Dĩ An - Thủ Đức thành chi đội 6. Chi đội trưởng là Nguyễn Văn Dung, chính trị viên là Phạm Văn Khung (Bí thư Tỉnh ủy Gia Định). Ngay sau khi được thành lập chi đội đã tham gia trận An Phú Đông diệt hơn 100 tên Pháp. Đại đội trưởng đại đội 15 thuộc chi đội 6 là Thái Văn Lung, một trí thức tiến bộ, một tín đồ công giáo kính chúa yêu nước, có uy tín đối với giới trí thức và đồng bào Sài Gòn, người chỉ huy dũng cảm, đã trực tiếp chỉ huy lực lượng vũ trang Thủ Đức đánh nhiều trận ác liệt khi quân Anh - Pháp tiến chiếm Thủ Đức. Rơi vào tay giặc, anh giữ vững khí tiết trước mọi thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, tra tấn dã man của kẻ thù. Cuối cùng, địch thắt cổ anh chết trong khám đường rồi phao tin anh tự tử.

Chi đội 6 có cơ sở hậu cần mạnh ở nội thành Sài Gòn, tổ chức "Hội ủng hộ chiến sĩ" có đến hàng trăm cơ sở.

Chi đội 13, lực lượng công đoàn Sài Gòn, đa số là anh em công nhân đã tham gia chiến đấu ở nội thành ngay từ đầu kháng chiến và Mặt trận tiền tuyến miền Đông, thành lập vào tháng 3 năm 1946, (sau này chi đội trưởng là đồng chí Nguyễn Văn Thìn tức Mười Thìn).

Tháng 3 năm 1946, trước tình hình các lực lượng vũ trang tập trung ở miền Tây, miền Trung Nam Bộ bị phân tán, theo ý kiến của đồng chí Lê Duẩn, từ Quân khu 7, một số cán bộ do đồng chí Trần Văn Trà dẫn đầu về củng cố, tình hình Khu 8 đang gặp rất nhiều khó khăn trước sức tiến công của quân Pháp. Sau một chuyến đi nghiên cứu tình hình trước, đồng chí Trần Văn Trà lên dẫn 2 trung đội giải phóng quân liên quận trở xuống. Ở Khu 8 đồng chí Trần Văn Trà tổ chức xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười, Khu bộ đóng ở Bắc Chan (Mộc Hoá), tập hợp lực lượng đầu tiên xây dựng chi đội 14 có 2 trung đội do đồng chí Trần Văn Trà dẫn về cùng các lực lượng Nguyễn Văn Vịnh, Lê Chí Giảng (Mỹ Tho), Bảy Siêu (Trung Quận - Chợ Lớn), Lê Văn Tường (Thủ Thừa - Tân An) ra quân lần đầu đánh thắng ở ngã tư Lagorange.

Ngày 10 tháng 3 năm 1946, giải phóng quân liên quận trừ bộ đội Đức Hoà, thành lập chi đội 12 do đồng chí Tô Ký làm chi đội trưởng, Hoàng Tế Thế chính trị viên. Giải phóng quân Đức Hoà có tiểu đoàn 924 Vũ Văn Tần, tiểu đoàn 922 Nguyễn An Ninh giải phóng Cần Giuộc (Trương Văn Bang tiểu đoàn trưởng, Lưu Quang Tuyến chính trị viên). Tiểu đoàn 923 Nguyễn Văn Tiếp, giải phóng quân Trung Quận (tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Chuyên, chính trị viên Lê Văn Ơn), thành lập chi đội 15, chi đội trưởng Huỳnh Văn Một, chính trị viên Nguyễn Văn Hượt, chi đội 15 còn 7 biệt động, mỗi đội khoảng một tiểu đội.

Ban chỉ huy chi đội 15 thành lập ban vận động ủng hộ kháng chiến lên đến 18.000 người, sau đổi là "Hội ủng hộ Vệ quốc đoàn", trung bình mỗi tháng ủng hộ 20.000 đồng.

Chi đội 11 thành phố chủ yếu là lực lượng vũ trang Tây Ninh, một bộ phận do Ủy ban kháng chiến Nam Bộ đưa lên tăng cường gồm một trung đội Cộng hoà vệ binh và một đội cảm tử quân Sài Gòn, thành lập ngày 4 tháng 4 năm 1946 tại xã An Điền huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một, chi đội trưởng đầu tiên là Trịnh Khánh Vàng (về sau đầu hàng Pháp), sau đó là Nguyễn Văn Dùng, chi đội phó là Trần Văn Đẩu.

Lực lượng Bình Xuyên của Lê Văn Viễn (Bảy Viễn trước có "đại bản doanh" ở Phú Thọ) sau khi ra ngoại thành, tháng 1 năm 1946 thành lập chi đội 9. Lúc này Bảy Viễn làm Khu bộ phó, kiêm Chi đội trưởng. Văn phòng "đại bản doanh" bị hai tên phòng nhì (Tài, Sang) lũng đoạn.

Lực lượng Bình Xuyên do đồng chí Bảy Trân nắm ở Chợ Lớn, có tham gia mặt trận số 4, sau xuống xóm Tiều (xóm người Triều Châu) ở Rừng Sác, thành lập chi đội 21, Nguyễn Văn Cạnh làm chi đội trưởng.

Chi đội 25 thành lập ở Đức Hoà, đứng chân ở Trảng Bàng, thành phần chỉ huy phức tạp, sau khi bị tước khí giới, bộ phận còn lại chạy về Long Thành sáp nhập với bộ phận của Lê Văn Viễn (Bảy Viễn đang làm Khu bộ phó).

Bộ đội Hoàng Thọ hình thành vào đầu kháng chiến (chỉ huy là Hoàng Thọ), khoảng một đại đội, vẫn chống Pháp nhưng không chịu thống nhất lực lượng, lưu động khắp chiến trường. Ngoài ra, có chi đội 5 của Phạm Hữu Đức.

Ta chủ trương xây dựng lực lượng Cao Đài, thành lập chi đội 8, nhưng bọn phản động Đại Việt đã nắm chỉ huy, ngấm ngầm hoạt động chống phá cách mạng. Ta không nắm được chi đội 8 nhưng công nhận về danh nghĩa để tranh thủ lôi kéo.

Các chi đội tỉnh như chi đội 11 (Tây Ninh), chi đội 16 (Bà Rịa), chi đội 1 (Thủ Dầu Một) đang trong quá trình tiếp tục củng cố nội bộ. Về sau, Đảng tăng cường các chính trị viên và điều đồng chí Nguyễn Ngọc Dung thay Trịnh Khánh Vàng. Ở Thủ Dầu Một, Dàng Man Thao về thay Huỳnh Lim Trương làm chi đội trưởng chi đội 1, đồng chí Lê Đức Anh tiếp tục làm chính trị viên. Ở Bà Rịa, đồng chí Trần Xuân Độ về làm chính trị viên chi đội 16...

Bọn phòng nhì Pháp tìm mọi cách lũng đoạn nội bộ lực lượng Bình Xuyên, nhưng được sự quan tâm của Đảng và đóng góp của nhiều đảng viên như các đồng chí Bảy Trân, Trương Văn Bang, Nguyễn Văn Mạnh, Từ Văn Ri, Nguyễn Văn Tư, Lê Ngọc Hiền... nên gần như toàn bộ lực lượng Bình Xuyên được chuyển hoá.

Lòng tin tuyệt đối của quân dân Nam Bộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, sự chi viện của lực lượng lãnh đạo từ Côn Đảo về, những chủ trương đúng đắn của Hội nghị Thiên Hộ và đặc biệt là thời cơ do Hiệp định Sơ bộ tạo ra... là nhân tố hết sức quý báu tạo nên bước phát triển mới của kháng chiến Nam Bộ - đặc biệt là lực lượng vũ trang. Nét nổi bật trong toàn bộ phong trào cũng như trong xây dựng lực lượng vũ trang là ta

từng bước đã xác lập được sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng. Đảng đã huy động được lực lượng cơ bản, lực lượng chủ lực của cuộc kháng chiến là công nhân và nông dân, đồng thời tập hợp mọi thành phần yêu nước khác nhất là trong đấu tranh chính trị, vũ trang ở đô thị, vùng tạm chiếm.

Trên chiến trường miền Đông, sư đoàn bộ binh số 3 (3ᵉ DIC) đã thay sư đoàn bộ binh số 9 (9ᵉ DIC). Lúc này phần lớn lực lượng Âu Phi bị điều ra phía bắc, lực lượng còn lại phải dàn mỏng trên "một chiến trường không trận tuyến". Chính sách "đốt sạch, phá sạch, giết sạch" của Pháp chẳng những không làm cho lực lượng kháng chiến tan rã mà trái lại càng được củng cố và phát triển.

Đi đôi với xây dựng căn cứ và phát triển lực lượng thoát ly, ta đặc biệt chú ý xây dựng lực lượng nội thành và đẩy mạnh hoạt động sau lưng địch. Hoạt động này bao gồm vũ trang tuyên truyền, gây dựng cơ sở cách mạng, diệt đầu sỏ, phản động, gián điệp, ác ôn, đánh phá kho tàng địch...

Ngày 23 tháng 3 năm 1946, lực lượng công an xung phong bắn chết tên Trần Văn Phát, một trong những tên cầm đầu cổ động thuyết "Nam Kỳ tự trị". Trong tháng 4 năm 1946, nhiều tên sĩ quan bị trừng trị ngay tại sào huyệt của chúng.

Trước chợ Bến Thành, chị Nguyễn Thị Lan (tức Lan Mê Linh) bắn gục tên Hiền Sĩ, chủ nhiệm tờ báo Phục Hưng, một tờ báo phản động tuyên truyền chia rẽ Bắc - Nam và cổ động thuyết "Nam Kỳ tự trị" của Pháp. Lan bị rơi vào vòng vây một trung đội Âu Phi và bị bắt. Người thiếu nữ 16 tuổi ấy vừa qua lớp huấn luyện quân sự "Võ Nguyên Giáp" của Trường Quân sự Quân khu 7. Tuy bị bắt, tiếng súng trừng trị Việt gian và hành động dũng cảm của Lan đã cổ động mạnh mẽ người Sài Gòn và tác động mạnh đến tinh thần bọn tay sai thực dân. Tiếp theo Nguyễn Đình Chính thuộc ban công tác số 1 cùng một chiến sĩ cải trang đột nhập vào nhà tên Hiền - một tên đầu hàng giặc, phản bội cách mạng và dùng dao găm đâm chết. Cùng thời gian này, quân cảm tử đã tiến công kho đạn của địch ở Sài Gòn. Đây là một kho đạn lớn nhất của chúng ở nam Đông Dương. Kho đạn này đầy ắp súng đạn Nhật để lại và của Pháp mới chở sang. 10 giờ 30 sáng ngày 8 tháng 4, cảm tử quân tấn công kho. Đạn nổ liên hồi kéo dài đến chập tối ngày 11 tháng 4 mới dứt. 6.000 tấn đạn và thuốc nổ biến thành tro bụi. Nhiều lính Âu Phi chết.

Tháng 4 năm 1946, có hơn 60 cán bộ Trường Quân chính Khu 7 được phái vào Sài Gòn để xây dựng tự vệ thành 13 đại đội và 30 trung đội. Mỗi trung đội phụ trách một khu lao động hoặc một xí nghiệp. Lực lượng này đặt

dưới sự chỉ huy của Ban quân sự thành phố do đồng chí Xuân Diệu phụ trách. Cơ quan đóng tại Vĩnh Hội. Khu 7 còn tổ chức khoa tình báo, các chi đội có ban trinh sát, ban hành động, ban thông tin Nam Bộ cũng được thành lập.

Ở ngoại vi Sài Gòn, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân đánh phá căn cứ và bị giáng trả nhiều đòn đau.

Trên vùng căn cứ Phước An, Phước Thọ, Phước Long (Long Thành) các chi đội 2, 3, 7 Bình Xuyên bẻ gãy cuộc hành quân trên 1.000 quân Pháp - ngụy và hàng trăm xe cơ giới có pháo binh, không quân yểm trợ, 7 tên lê dương bị bắt sống. Thời gian này, đại đội 10 chi đội 6 có các đồng chí Trần Thắng Minh, Đào Sơn Tây chỉ huy, lập trận địa phục kích đánh thiệt hại nặng lực lượng địch trong cuộc hành quân cấp trung đoàn vào Chiến khu C (bắc Thủ Đức). Lực lượng vũ trang Cần Đước phục kích đánh đoàn vận tải hậu cần của địch trên sông (gồm có tàu kéo, xà lan, ghe chài), thu nhiều súng đạn, diệt 17 tên địch.

Đầu tháng 4 năm 1946, tại khu vực Gò Dầu, chỉ ba ngày sau khi thành lập, chi đội 11 đánh một trận vận động phục kích xuất sắc. Hàng trăm lính Âu Phi, ngụy Khơme chia thành ba mũi tiến công bằng bộ binh xe cơ giới, tàu đổ bộ đều bị đánh tan tác tại các khu vực xóm Mới (xã Lộc Thuận), Bàu Gò, Sóc Khuất, Bến Đình. Đặc biệt tại Sóc Khuất, Bến Đình, trong tình thế bị địch bất ngờ thọc sau lưng, một số cán bộ, chiến sĩ bị bắt; lực lượng của các đồng chí Tư Đấu, Nam Bằng được đại đội 3 chi viện và nhân dân phối hợp, đã linh hoạt, khẩn cấp vận động xoay ngược tình thế, giành chủ động, bao vây địch. Bốn phía quân ta ép vào, cùng với nhân dân bịt hết các lối ra. Cánh quân địch bị tiêu diệt gần hết. Cán bộ, chiến sĩ ta vừa bị bắt được giải thoát. Địch bỏ xác tại chỗ hơn 100 tên. Ta thu 21 súng (có một trung liên), nhiều đạn và lựu đạn.

Trận đánh đã cho một bài học sinh động về sự linh hoạt vận động, hiệp đồng chặt chẽ, đặc biệt là sự phối hợp quân dân trong chiến đấu. Ở các khu vực Xóm Mới, Sóc Khuất, Bến Đình, bà con trẻ già đã cầm dao xông ra cùng bộ đội vây ép và truy kích địch.

Cuối tháng 4 năm 1946, nhằm biểu dương lực lượng, động viên khí thế đồng bào tạm bị chiếm, hạ uy thế địch, chi đội 11 lại huy động cả ba đại đội tổ chức tập kích đồng loạt nhiều mục tiêu trong thị xã Tây Ninh, gây cho địch nhiều tổn thất, gây thanh thế Vệ quốc đoàn. Đáng tiếc, do chỉ đạo chưa

chặt chẽ, một số đơn vị trong khi đánh địch ở xóm Chàm đã phạm khuyết điểm đốt một số nhà đồng bào Chăm, gây ảnh hưởng không tốt về chính trị.

Cũng trong tháng 4 năm 1946, địch tập trung lực lượng mở cuộc hành quân lớn đánh vào Chiến khu Lạc An (Chiến khu Đ) căn cứ Bộ tư lệnh Khu 7. Nắm được tin đó ta có kế hoạch nghi binh chuyển trước toàn bộ cơ quan về Giồng Đình, công binh xưởng khu giao lại cho chi đội 10 và chỉ bố trí đánh lẻ tẻ. Địch khép chặt vòng vây vào chỗ không người.

Khu bộ Khu 7 lập Chiến khu Đông Thành ở khu vực Giồng Đình (lúc bấy giờ thuộc huyện Đức Hoà Thành, Tân An - nay thuộc Long An).

Cuối tháng 4 năm 1946, Hội nghị cán bộ tỉnh Biên Hoà được triệu tập tại Cù Lao Vịt do đồng chí Nguyễn Đức Thuận chủ trì. Hội nghị phân tích tình hình, vạch rõ những âm mưu của địch, kiểm điểm việc thống nhất các lực lượng vũ trang... Đồng chí Trần Minh Trí được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hoà. Hội nghị đề ra các công việc về xây dựng Đảng, nâng cao sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, nhất là đối với lực lượng vũ trang, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ được cử làm Ủy viên quân sự tỉnh Biên Hoà.

Sau Hội nghị Cù Lao Vịt tháng 5 năm 1946, tại xóm Đèn (một ấp thuộc xã Tân Hoà), Hội nghị quân sự tỉnh Biên Hoà được triệu tập, hội nghị quyết định hai việc lớn:

1. Nhập Vệ quốc đoàn huyện Châu Thành (60 người, 30 súng trường), du kích Sở Tiêu (40 người, 13 súng) với Vệ quốc Biên Hoà thành lực lượng thống nhất của tỉnh lấy tên là Vệ quốc đoàn Biên Hoà.

2. Xây dựng căn cứ Chiến khu Đ thành căn cứ chính thức của tỉnh Biên Hoà.

Tháng 5 và tháng 6 năm 1946, liên tiếp hai lần nữa Pháp lại mở cuộc hành quân lớn, mỗi lần trên 1.000 quân vào Chiến khu Đ. Chi đội 10 tổ chức đánh địch giết chết tên thiếu tá Bicoócđiê, diệt 2 tiểu đội lê dương, bắn rơi một máy bay, bắn cháy một xe quân sự.

Được tăng cường lực lượng, Vệ quốc đoàn Biên Hoà biên chế thành 3 phân đội. Trước tình hình khó khăn về cung cấp, Ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hoà tổ chức lại thành "quận quân sự": toàn tỉnh có chín quận, mỗi quận có từ một đến hai đội vũ trang phụ trách một số xã vừa làm nhiệm vụ của chính quyền vừa làm nhiệm vụ xây dựng dân quân du kích, thu thuế, vận động nhân dân ủng hộ bộ đội. Tại Chiến khu Đ, quận quân sự 1 được thành lập với năm xã căn cứ: Tân Hoà, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang, Lạc An.

Tháng 6 năm 1946, Bộ chỉ huy Khu 7 mở hội nghị bàn việc thống nhất và chỉ huy các lực lượng vũ trang trong toàn khu, tiếp tục tổ chức các chi đội trên từng tỉnh. Ngay trong tháng 6, Vệ quốc đoàn Biên Hoà và Vệ quốc đoàn huyện Long Thành thống nhất lại thành lập chi đội 10, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm chi đội trưởng, lực lượng lên tới 1.100 người, 380 súng trường, 13 súng máy, 25 tiểu liên, một súng cối, được chia thành 3 đại đội A, B, C. Đến tháng 10 năm 1946, Vệ quốc đoàn Biên Hoà chi viện lực lượng cho Bà Rịa - Vũng Tàu để thành lập chi đội 16, chi đội trưởng là Nguyễn Văn Đạo.

Trước tình trạng vẫn còn những ý kiến chưa thống nhất giữa hai nhóm đảng viên Tiền phong và Giải phóng, ngày 30 tháng 5 năm 1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị cải tổ Đảng bộ Nam Bộ. Trong thư gửi các đảng viên Nam Bộ, Thường vụ Trung ương Đảng nghiêm khắc phê phán những biểu hiện sai lầm, những xung đột giữa "Việt Minh cũ", "Việt Minh mới", việc kết nạp theo lối "tự do ghi tên"... Những hiện tượng đó làm cho Đảng rời rạc, gây ảnh hưởng xấu cho Đảng, cho chủ nghĩa cộng sản, tạo điều kiện cho bọn cơ hội, bọn khiêu khích chui vào Đảng, phá hoại.

Sau khi quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra toàn Nam Bộ, Xứ ủy hợp nhất ngày 15 tháng 10 năm 1945 lại bị phân tán, không còn sự lãnh đạo tập trung. Khoảng giữa năm 1946, sau khi củng cố các tỉnh ủy, tại kinh Năm Ngàn (Đồng Tháp Mười) đã diễn ra cuộc hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời do đồng chí Ung Văn Khiêm làm Bí thư. Sau đó Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ được củng cố, đồng chí Phạm Ngọc Thuần - Phó chủ tịch quyền Chủ tịch thay Chủ tịch Phạm Văn Bạch ra Bắc công tác. Sự lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ xứ đến tỉnh, huyện, xã trở lại thông suốt. Trước thái độ kiên quyết của ta và đòi hỏi của dư luận tiến bộ trên thế giới, đặc biệt là dư luận tiến bộ Pháp, phía Pháp buộc phải thực hiện quy định của Hiệp định Sơ bộ và mở cuộc đàm phán chính thức Việt - Pháp tại Pari. Tuy vậy, nhà cầm quyền Pháp vẫn cố trì hoãn bằng cách bày chuyện tổ chức hội nghị trù bị suốt ba tuần lễ từ ngày 19 tháng 4 tại Đà Lạt, nhưng không đạt kết quả vì Pháp vẫn giữ lập trường chia cắt nước Việt Nam, lập liên bang Đông Dương, không chịu ngừng bắn, không chịu tổ chức trưng cầu ý dân ở Nam Bộ, âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Trước khi lên đường sang thăm Pháp vào ngày 31 tháng 5 năm 1946, theo lời mời của Chính phủ cộng hoà Pháp, với tư cách thượng khách, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào Nam Bộ. Người khẳng định: "Đồng

bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi".

Trong khi buộc phải thừa nhận đàm phán, nhà cầm quyền Pháp vẫn tiếp tục ra sức phá hoại hiệp định. Ngày 1 tháng 6 chỉ một ngày sau khi phái đoàn Chính phủ ta lên đường, Đácgiăngliơ đổi "chính phủ Nam Kỳ tự trị" thành "Chính phủ cộng hoà Nam Kỳ tự trị". Ngày 3 tháng 6, thủ tướng chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh cam kết bảo vệ quyền lợi của Pháp ở Nam Bộ.

Do lập trường hiếu chiến xâm lược của Pháp, trong đó có vấn đề Nam Kỳ, cuộc đàm phán chính thức Việt - Pháp tại Phôngtennơblô (ngày 6 tháng 7 đến ngày 13 tháng 9 năm 1946) lại tan vỡ. Tuy nhiên để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng kháng chiến và làm cho nhân dân Pháp, nhân dân thế giới hiểu rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp bản Tạm ước ngày 14 tháng 9, trong đó có điều khoản hai bên đình chỉ xung đột, Pháp phải cam kết thi hành các quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ...

Tuy chưa giải quyết được vấn đề chủ yếu quan hệ đến vận mệnh Tổ quốc, nhưng Tạm ước 14 tháng 9 là một thắng lợi về sách lược đấu tranh ngoại giao của Đảng và Chính phủ ta.

Sau việc cải tổ Đảng ở Nam Bộ, chính quyền nhân dân, các đoàn thể cứu quốc được khôi phục ở hầu hết nông thôn Nam Bộ, có 1.000 xã trong tổng số 1.230 xã đã thành lập và khôi phục Ủy ban kháng chiến và các tổ chức quần chúng. Tự vệ và du kích ấp, xã được xây dựng lại. Nhân dân và lực lượng vũ trang các nơi kết hợp tác chiến, địch vận với nổi dậy, phá từng mảng hội tề, nhổ hàng loạt đồn bốt. Nhiều nơi có đội du kích khá mạnh như ấp 4 xã Vĩnh Lộc, Phú Thọ (Gia Định), Hoà Lam, Thanh Tuyền, Thới Hoà (Thủ Dầu Một).

Phong trào đô thị, đặc biệt là ở Sài Gòn phát triển khá mạnh. Hàng ngàn người tham gia các ban công tác, đội tự vệ thành.

Ngày 14 tháng 7, cờ đỏ sao vàng và ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện ở Phủ Toàn quyền cũ. Truyền đơn và khẩu hiệu chống Pháp xuất hiện ở nhiều nơi, đến mức địch phải ra lệnh giới nghiêm. Ngày 3 tháng 8, nhân dân Sài Gòn bãi công, bãi chợ, phản đối thực dân Pháp triệu tập Hội nghị liên bang Đông Dương ở Đà Lạt. Báo chí cũng công khai đưa ra các khẩu hiệu "Thống nhất Tổ quốc", "Phản đối chính phủ tự trị". Ngày 19 tháng 8, kỷ

niệm ngày tổng khởi nghĩa tại Sài Gòn, lại nổ ra cuộc đình công lớn, nhân dân bày tỏ thái độ kiên quyết không hợp tác với Pháp.

Từ đêm 18 rạng ngày 19 tháng 8, du kích lọt vào Sài Gòn, chiến đấu với quân Pháp. Suốt dọc đường từ Chợ Lớn đến cầu Ông Lãnh, nhân dân chen chúc nghe các chiến sĩ xung phong diễn thuyết dưới cờ đỏ sao vàng. Trước khí thế áp đảo của quần chúng, quân Pháp đến không dám làm gì lại trở về bót.

Nhân dân ở các vùng tạm chiếm đưa con em ra bưng biền, gửi tiền bạc, quần áo, thuốc men ra chiến khu. Phong trào ủng hộ kháng chiến, chống âm mưu "tự trị" của giặc Pháp lan rộng trong các tầng lớp nhân dân, cả tư sản, công chức. Đối phó với tình hình đó, giặc Pháp giở trò khủng bố trắng xung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn. Ngày 13 tháng 7 trong khi triệt hạ một làng ở Gò Vấp, bọn sĩ quan Pháp tuyên bố: "Ở đây không cần lập hội tề, chỉ cần bắn phá và chiếm đất". Trong thời gian Pháp ban bố Tạm ước 14 tháng 9, khu trưởng Nguyễn Bình chủ trương chấn chỉnh lần nữa các lực lượng vũ trang nội thành, phân chia khu vực hoạt động ở nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của Ban quân sự thành. Đến cuối năm 1946, các ban công tác 7, 8, 9 sáp nhập và rút lực lượng tự vệ ra thành lập thêm ba ban công tác. Ngoài ra còn có ban 145 thuộc khoa tình báo Khu 7 và ban công tác 12 do Hồ Thị Bi chỉ huy, hoạt động ở vùng Hóc Môn, Bà Điểm, trực thuộc chi đội 12.

Sáu tháng cuối năm 1946, các chi đội Vệ quốc đoàn vừa tác chiến vừa củng cố, xây dựng lực lượng, bổ sung quân tăng cường huấn luyện. Các chi đội đều tổ chức xưởng quân giới, chủ yếu là chế tạo đạn, sửa chữa súng. Trường Quân chính Khu 7 tiếp tục mở các lớp đào tạo cán bộ trung đội, đại đội. Riêng chi đội 6 có Trường Võ bị, vốn là của tỉnh Gia Định, làm nhiệm vụ huấn luyện bồi dưỡng cán bộ của chi đội.

Trong thời gian này, Pháp tung 500 quân càn vào ấp 4, xã Vĩnh Lộc, chi đội 12 bí mật rút ra ngoài, chờ địch lọt vào ấp rồi trở lại vây đánh. Bị thiệt hại nặng, địch bỏ chạy. Sau đó biết chủ lực ta đã di chuyển, giặc Pháp lại càn vào Vĩnh Lộc bắn chết 380 đồng bào ta. Đó là vụ thảm sát lớn nhất của giặc Pháp ở Nam Bộ từ đầu kháng chiến đến nay.

Tháng 7 năm 1946, không có nhiều trận đánh lớn nhưng chiến trường vẫn sôi động từ nội thành đến biên giới. Nổi bật là các trận đánh ở suối Đá, xóm

Vịnh (Tây Ninh), Tuy An, Lộc Ninh, Bình Chánh (Thủ Dầu Một), Đức Hoà (Chợ Lớn),... Quân Pháp liên tiếp bị tiêu hao từ 5, 7 tên đến hàng trăm tên như trận đánh giao thông trên đoạn Bình Ức - Lái Thiêu, cả đoàn xe tải Pháp có một xe bọc thép yểm trợ bị bộ đội và du kích tiêu diệt chỉ còn một lái xe sống sót.

Tại Đức Hoà (Chợ Lớn), ngày 23 tháng 7 quân Pháp huy động 1.000 tên có hải quân và không quân yểm trợ từ ba ngả Lương Hoà, Cầu Xáng, Đức Hoà kéo tới bao vây chi đội 4. Bộ đội ta vừa bố trí bảo vệ dân, vừa tổ chức chiến đấu phá gọng kìm bao vây của địch. Từ sáng đến 14 giờ, cuộc chiến diễn ra dữ dội, ta hy sinh 2, diệt trên 150 tên lính Pháp. Quân Pháp tiếp tục cho viện binh tới, nhưng bộ đội đã rút khỏi vòng vây an toàn.

Tháng 7 năm 1946, lợi dụng những ngày mưa to nước lớn. Quân Pháp hành quân chiếm Mộc Hoá.

Khu bộ Khu 8 dời căn cứ về kênh Dương Văn Dương. Mặc dù địch chiếm Mộc Hoá, trên một khu vực lớn của Đồng Tháp Mười không còn bóng quân Pháp. Chiến khu Tháp Mười đã ổn định về thế và lực. Tháng 8, địch đánh vào đây, bỏ xác trên 70 tên. Cũng vào tháng 8, theo quyết định của Trung ương, Khu bộ Khu 8 được thành lập lại. Đồng chí Trần Văn Trà được chỉ định là Khu bộ trưởng, Nguyễn Văn Vịnh - Chính ủy, Trương Văn Giàu và Nguyễn Văn Quang - Khu bộ phó, Nguyễn Văn Trí - Phó chính ủy.

Ngày 26 tháng 9 năm 1946, Pháp tập trung 2.000 quân đánh vào Đức Hoà, Tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Chi đội 15 tổ chức phản kích trong một ngày diệt 25 xe vận tải, 1 xe tăng, 1 máy bay. Cuối năm 1946, trên chiến trường Tây Ninh diễn ra nhiều trận đánh tốt như trận đánh giao thông ngày 2 tháng 10 trên đường Bàu Đồn - Truông Mít, bộ đội ta diệt gọn 5 xe địch, thu toàn bộ vũ khí. Trận đánh ở đông bắc Gò Dầu, đại đội C chi đội 11 diệt 50 tên, thu 20 súng (tháng 11 năm 1946). Đặc biệt trong tháng 11 năm 1946, đại đội C chi đội 11 đã đánh địch chạy tan tác trong trận càn vào ấp Xóm Mới xã An Tịnh (Trảng Bàng) có xe bọc thép gắn đại bác 20 ly yểm trợ. Toàn bộ xe bọc thép bị diệt trên cánh đồng trước bìa Xóm Mới. Địch bỏ xác 50 tên, ta thu 1 trung liên, 10 súng trường, phá hủy 5 đại bác 20 ly. Trận đánh nổi lên tấm gương của Trần Minh Ngọc, một người chỉ huy giỏi, cũng là xạ thủ đại liên xuất sắc, đã lần lượt bắn chết 5 xạ thủ địch trên 5 xe bọc thép.

Đồng bào An Tịnh phấn khởi, khao bộ đội ba con trâu. Từ đó khu vực trận địa này được nhân dân đặt tên mới là Rừng Năm Xe.

Tháng 11 năm 1946, Hội nghị quân sự Khu 8 tại Gò Luỹ - Ấp Bắc, có mặt Bộ tư lệnh và các cơ quan Khu bộ Khu 8 và đại biểu quân sự các tỉnh. Hội nghị ra quyết định phát động chiến tranh nhân dân toàn khu, thống nhất các lực lượng vũ trang Khu 8. Đến đây Khu 8 đã hoàn chỉnh về hệ thống lãnh đạo, chỉ huy, thống nhất lực lượng. Toàn khu có 5 chi đội (3.307 người).

Ở các tỉnh khác, nhiều trận tập kích, chống càn cũng thắng lớn: trận Cầu Móng (Gò Công) diệt gọn 1 trung đội địch (tháng 4 năm 1946); trận tập kích chiếm thị trấn Cái Bè hơn 2 giờ (ngày 20 tháng 10 năm 1946); trận chống càn ở xã Tân Bình Điền (Gò Công) tiêu diệt hơn 150 tên lính Pháp (tháng 10 năm 1946).

Trong buổi đầu kháng chiến do ấu trĩ, ta cũng có những vấp váp đáng tiếc. Trong việc phá tề, trừ gian, có địa phương vi phạm chính sách tôn giáo. Lợi dụng sai sót này, địch đã tuyên truyền kích động một số người theo đạo Hoà Hảo, Cao Đài chống lại kháng chiến. Thường vụ Trung ương Đảng và Xứ ủy chỉ thị phải cấp bách và kiên quyết sửa chữa sai lầm trên, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ.

Công việc sửa sai và vận động đồng bào các tôn giáo được khẩn trương tiến hành, mạnh nhất là ở các vùng Hoà Hảo, Cao Đài. Đây là quá trình đấu tranh quyết liệt với những âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch.

Thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng, Bộ tư lệnh Khu 7 và Tỉnh ủy Tây Ninh chủ trương mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc, sẵn sàng kết nạp vào Mặt trận Việt Minh hoặc giao các chức vụ trong hệ thống tổ chức kháng chiến, hành chính đối với những người có đạo, yêu nước. Nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hoà Hảo và nhiều vị có chức sắc trong các tôn giáo dần dần hiểu rõ chính sách của Chính phủ, hăng hái tham gia kháng chiến. Ngày 12 tháng 10 năm 1946, ông Cao Triều Phát - Chủ tịch 12 phái Cao Đài tuyên thệ: "Trung thành với Chính phủ Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh cho nền độc lập và thống nhất Tổ quốc". Khối đoàn kết toàn dân chống thực dân Pháp xâm lược ngày càng được mở rộng và củng cố.

Sau 1 năm 2 tháng 27 ngày chiến đấu, nhân dân Nam Bộ đã hoàn thành sứ mệnh "đi trước" mà lịch sử đã giao cho.

Từ khi nổ súng xâm lược, thực dân Pháp đã phải sử dụng cả lực lượng mà theo dự kiến ban đầu là để đánh chiếm toàn Đông Dương, nhưng vẫn không lập được xứ "Nam Kỳ tự trị", không đè bẹp được tinh thần kháng chiến anh dũng, bất khuất của Nam Bộ, thành đồng của Tổ quốc. Thắng lợi của quân và dân Nam Bộ trong hơn một năm đầu chống Pháp chẳng những đã góp phần làm xáo trộn cả kế hoạch chiến lược của Pháp mà còn tạo điều kiện chuẩn bị

mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài trên cả nước. Vượt qua những khó khăn bỡ ngỡ ban đầu, dưới sự lãnh đạo đúng đắn và kịp thời của Đảng, quân và dân ta đã nhanh chóng khắc phục những mặt sai, yếu, ấu trĩ, từng bước tôi luyện trưởng thành. Các đơn vị vũ trang và toàn thể nhân dân Nam Bộ được chuẩn bị sẵn sàng cùng cả nước tiếp tục tiến lên thực hiện nhiệm vụ ngày càng nặng nề hơn trong cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc[1].

1. *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*, Tư liệu Viện Lịch sử Đảng.

II.
NAM TRUNG BỘ KHÁNG CHIẾN NGĂN CHẶN BƯỚC TIẾN QUÂN CỦA THỰC DÂN PHÁP

Nam Trung Bộ bao gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng (nay là Lâm Đồng). Về tổng thể, địa hình Nam Trung Bộ chia thành hai phần: vùng núi rừng Tây Nguyên trùng điệp, địa thế hiểm trở và vùng đồng bằng ven biển dài, hẹp. Miền núi cao nguyên phía tây là khu vực có vị trí địa lý - quân sự quan trọng. Nơi đây được coi là "mái nhà" của chiến trường Nam Đông Dương. Đồng bào Tây Nguyên đoàn kết mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống lại thiên tai và giặc dã để bảo tồn, phát triển. Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung là địa bàn chiến lược quan trọng. Thế nên, khi trở lại xâm lược nước ta, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp lập ngay kế hoạch đánh chiếm vùng này, mà trước hết là các tỉnh Nam Trung Bộ và cao nguyên miền Tây.

Về phía ta, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Trung ương chỉ đạo thành lập *Xứ ủy Trung Bộ,* cử đồng chí Nguyễn Chí Thanh làm bí thư. Tiếp đó, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Trung Bộ được thành lập, đồng chí Trần Hữu Dực được cử giữ chức chủ tịch, đồng chí Nguyễn Duy Trinh là phó chủ tịch, đồng chí Nguyễn Chánh làm ủy trưởng quốc phòng. Cũng trong thời gian này, *Ủy ban Việt Minh Trung Bộ* ra đời. Các tổ chức trên đã lãnh đạo nhân dân Nam Trung Bộ xây dựng chế độ mới, xây dựng chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến.

Các tầng lớp nhân dân Nam Trung Bộ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp khẩn trương ổn định tình hình, xây dựng cuộc sống mới, chế độ mới, tích cực chống "giặc đói", "giặc dốt", "giặc ngoại xâm". Khắp các địa phương đều dấy lên phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm, cứu đói; thôn xóm tổ chức các đội khai hoang phục hóa diện tích canh tác. Cũng như các địa phương khác trên khắp cả nước, hưởng ứng lời

kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cứ mười ngày, đồng bào Nam Trung Bộ lại nhịn ăn một bữa góp vào hũ gạo cứu đói. Phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân và bằng những biện pháp tích cực nên các địa phương Nam Trung Bộ từng bước vượt qua khó khăn của những ngày vừa giành được chính quyền. Chỉ trong thời gian ngắn, diện tích canh tác sớm được khôi phục, đồng bào không những tự túc được lương thực mà còn góp thóc gạo nuôi bộ đội và dân quân. Điều này càng có ý nghĩa khi đồng bào Nam Trung Bộ trực tiếp cung cấp hậu cần cho hàng nghìn quân Nam tiến lúc bấy giờ đang hành quân qua hoặc dừng lại trực tiếp chiến đấu trên địa bàn quê hương. Nhân dân khắp nơi sôi nổi hưởng ứng *Tuần lễ vàng*. Nhiều phụ nữ tự nguyện góp đôi hoa tai độc nhất của mình, có gia đình góp hai ba lượng vàng cho Tổ quốc. Bà Thềm ở Bình Thuận đã tự nguyện hiến một số đồ gia bảo bằng vàng. Kết thúc *Tuần lễ vàng,* nhân dân tỉnh Quảng Nam quyên góp được 20kg vàng, Quảng Ngãi: 42kg, Bình Định: 25kg, Phú Yên: 8kg, Khánh Hòa: 10kg, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng: 10kg. Đồng bào miền Trung một nắng hai sương, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, lo đủ ăn đã khó, nhưng họ đã sẵn sàng hiến cho cách mạng và kháng chiến những tài sản quý giá nhất mà phải vất vả lắm họ mới dành dụm được.

Tiếp theo *"Tuần lễ vàng"* là *"Tuần lễ đồng"*. Những tài sản quý giá như mâm thau, nồi đồng và cả đồ thờ cúng cũng được quyên góp để rèn đúc vũ khí. Lượng đồng mỗi tỉnh góp được lên tới hàng chục tấn, đó là nguồn nguyên liệu hết sức quý báu cho các công binh xưởng.

Trong hoàn cảnh chính quyền cách mạng vừa mới được thành lập, chưa có nguồn thu cụ thể, việc nhân dân hăng hái đóng góp tiền của, công sức chẳng những là điều kiện để đảm bảo cho nhiệm vụ chiến đấu chống quân xâm lược mà còn góp phần ổn định tình hình xã hội, củng cố chính quyền cách mạng. Lúc này, công tác xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền đặt ra rất cấp bách. Hưởng ứng Sắc lệnh bầu cử Quốc hội, các tầng lớp nhân dân Nam Trung Bộ nô nức thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi công dân. Ngày 6 tháng 1 năm 1946, mặc dù bị kẻ địch sử dụng cả máy bay và biệt kích phá hoại và cản trở, nhưng 90% số cử tri Nam Trung Bộ đã đi bỏ phiếu. Ở Đồng Nai, Lâm Viên, Đắc Lắc trong điều kiện một số đơn vị quân Nhật quay trở lại lấn chiếm, cử tri Kinh, Thượng vẫn hăng hái, nhộn nhịp đi bầu cử. Các tỉnh Nam Trung Bộ đã bầu 52 đại biểu của mình (9 đại biểu dân tộc ít người, 2 đại biểu là tín đồ đạo Thiên Chúa, 1 đại biểu nữ) trong tổng số 333 đại biểu Quốc hội khóa I.

Tháng 2 năm 1946, nhiều địa phương xúc tiến hợp nhất một số làng, thành lập xã, xóa bỏ cấp tổng, cấp phủ. Các tỉnh tổ chức bầu *Hội đồng nhân dân tỉnh* với số lượng từ 25 đến 30 đại biểu và cấp xã từ 19 đến 25 đại biểu. Hội đồng nhân dân ngay sau đó đã bầu *ủy ban hành chính* cấp tỉnh với các ủy viên là trí thức, nhân sĩ, công chức, quan lại cũ, chức sắc các tôn giáo nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ đảng viên từ 1/4 đến 1/3 trong thành phần; ủy ban hành chính cấp xã phần lớn là trung nông, có một số phú nông, tiểu tư sản, hào lý tiến bộ nhưng đều đảm bảo có từ một đến hai đảng viên.

Mặt trận Việt Minh tiếp tục được củng cố, mở rộng thành phần bằng việc thu hút thêm nhiều nhân sĩ trí thức, đại biểu của các dân tộc thiểu số, các tôn giáo. Đảng bộ các cấp thông qua ủy ban Việt Minh đã động viên, tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào các phong trào cách mạng và kháng chiến ở địa phương, xây dựng chế độ mới. Ở vùng địch chiếm đóng, vai trò của Mặt trận Việt Minh tiếp tục được phát huy. Trên thực tế, từ trong phong trào Việt Minh đã xuất hiện nhiều cán bộ cốt cán có năng lực, về sau trở thành những cán bộ của Đảng.

Là địa bàn có nhiều dân tộc anh em sinh sống từ bao đời nay, trong hoạt động thực tiễn của mình, đảng bộ và chính quyền các địa phương Nam Trung Bộ luôn chăm lo công tác vận động, xây dựng phong trào cách mạng ở các vùng dân tộc ít người. Tháng 10 năm 1945, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Đắc Lắc tổ chức hội chợ, liên hoan văn hóa giữa các dân tộc trong tỉnh. Cuộc liên hoan biểu thị ý chí đoàn kết của các dân tộc quyết tâm bảo vệ độc lập tự do của đất nước. Ở nhiều địa phương khác, mặc dù phải bắt tay vào nhiều nhiệm vụ cấp bách, nóng bỏng, nhưng cán bộ, đảng viên vẫn chú trọng công tác vận động quần chúng, đặc biệt là ở vùng dân tộc ít người, vùng có đồng bào theo đạo. Nhờ vậy, chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Trung ương Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh thấm sâu vào lòng người, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đứng vào đội ngũ kháng chiến, cô lập kẻ thù, tạo nên sức mạnh to lớn.

Tháng 11 năm 1945, khi Đảng ta tuyên bố tự giải tán, mà thực chất là rút lui vào hoạt động bí mật, các đảng bộ ở Nam Trung Bộ một mặt khẩn trương và nghiêm túc thực hiện quyết định này, mặt khác vẫn hết sức chăm lo công tác xây dựng cơ sở, tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng trong nhân dân, tích cực phát triển đảng viên, xây dựng các tổ chức đảng, kiên quyết giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Các tỉnh ủy lần lượt được kiện toàn một bước, nơi số lượng đảng viên còn ít được bổ sung thêm, những đồng chí có năng lực, phẩm chất tốt được phân công phụ trách các địa bàn

trọng yếu. Các cấp ủy xây dựng nền nếp chỉ đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Từ đầu năm 1946, các tỉnh ủy quy định sinh hoạt của các cấp ủy, phân công cụ thể cán bộ chuyên trách từng công việc. Riêng hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum do chưa có tỉnh ủy nên Xứ ủy đã cử cán bộ tăng cường, cùng các đảng viên tại chỗ hình thành chi bộ Đảng tạm thời. Bằng nhiều biện pháp tích cực, đến tháng 12 năm 1945, Tỉnh ủy lâm thời Gia Lai được thành lập. Tiếp theo đó, tháng 2 năm 1946, Tỉnh ủy lâm thời Plây Cu bắt đầu hình thành.

Công tác phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ được các cấp ủy coi trọng. Các huyện ủy và tỉnh ủy phân công các đồng chí chuyên lo công tác xây dựng Đảng, tập huấn cho đảng viên những kiến thức về tuyên truyền, tuyển chọn và kết nạp đảng viên mới. Những nơi số lượng đảng viên ít thì lập các chi bộ ghép, đồng thời tăng cường bồi dưỡng giáo dục quần chúng qua các phong trào để kết nạp họ vào Đảng. Nhờ vậy, số lượng đảng viên tăng nhanh, nhiều chi bộ mới được hình thành, các tỉnh đều thành lập được các huyện ủy lâm thời, trong lực lượng vũ trang có nhiều đại đội có chi bộ Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, lực lượng vũ trang các địa phương cả ở đồng bằng và miền núi được tăng cường thêm hiệu lực.

Trước tình hình thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược, cuối tháng 9 năm 1945, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Trung Bộ mở Hội nghị quân sự. Hội nghị tập trung bàn kế hoạch đối phó với địch khi chúng mở rộng chiến tranh ra Nam Trung Bộ. Nhằm đảm bảo sự chỉ huy chiến đấu tập trung, Hội nghị nhất trí lập *Ủy ban quân chính Nam phần Trung Bộ* để chỉ huy và hiệp đồng tác chiến trên địa bàn các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng. Đồng chí Phạm Kiệt giữ chức trưởng ban, đồng chí Nguyễn Đôn, phó ban, đồng chí Trương Quang Giao là chính trị ủy viên. Hội nghị xác định nhiệm vụ của Nam Trung Bộ là: đảm bảo giao thông thông suốt để chi viện cho Nam Bộ kháng chiến, huy động nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược, điều động lực lượng từ các tỉnh Bắc và Trung Trung Bộ vào chi viện cho Nam Trung Bộ.

Tháng 10 năm 1945, Chính phủ quyết định thành lập các chiến khu trong cả nước, theo đó, Nam Trung Bộ được chia thành hai chiến khu 5 và 6. *Chiến khu 5* bao gồm các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum; *Chiến khu 6* bao gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, Đắc Lắc. Tháng 12 năm 1945, Chính phủ quyết định thành lập *Ủy ban kháng chiến miền Nam*

Việt Nam, cử đồng chí Nguyễn Sơn làm chủ tịch. Trên thực tế, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam *chỉ đạo trực tiếp công tác kháng chiến của Nam Trung Bộ*, còn Nam Bộ do Xứ ủy trực tiếp phụ trách. Như vậy, bước vào cuộc kháng chiến, Nam Trung Bộ có bộ máy chỉ đạo khá chặt chẽ từ cấp miền, cấp khu, cấp tỉnh đến cấp huyện.

Để động viên khí thế quần chúng, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu đang đến gần, ở nhiều địa phương, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân phát động nhân dân biểu tình, mít tinh lên án thực dân Pháp xâm lược. Tại các cuộc mít tinh này, những người tham dự đã giương cao khẩu hiệu "Hy sinh hết thảy vì Nam Bộ kháng chiến"; "Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam". Lúc bấy giờ, thanh niên nam nữ hăng hái luyện tập quân sự, tích cực tham gia dân quân tự vệ, xung phong vào Vệ quốc đoàn. Nhân dân quyên góp tiền mua sắm thêm vũ khí, rèn gươm, đúc súng. Các tỉnh đều thành lập lực lượng vũ trang của mình. Tỉnh Quảng Nam có Chi đội Trần Cao Vân. Tỉnh Quảng Ngãi có Chi đội Lê Trung Đình. Tỉnh Bình Định có Chi đội Phan Đình Phùng và Đội hải thuyền Bạch Đằng. Tỉnh Phú Yên có Chi đội 4. Tỉnh Khánh Hòa có Chi đội 3. Tỉnh Ninh Thuận thành lập Chi đội 2. Bình Thuận có Chi đội 1. Tỉnh Gia Lai - Kon Tum có Chi đội Tây Sơn. Tỉnh Đắc Lắc có Chi đội N'trang Lơng. Tỉnh Lâm Viên có Phân đội Đa Thành, La Ba. Biên chế quân số mỗi chi đội tương đương một tiểu đoàn, trung đội tương đương một đại đội, phân đội tương đương trung đội. Tuy được biên chế quân số như trên nhưng trang bị của các đơn vị rất thiếu. Mỗi trung đội chỉ được trang bị trên dưới 15 khẩu súng các loại, đa phần là súng sản xuất đã lâu. Lúc này, bên cạnh lực lượng tại chỗ, Nam Trung Bộ còn được tăng cường các đơn vị Nam tiến. Sau khi mặt trận Sài Gòn bị vỡ và địch bắt đầu tấn công vào Nam Trung Bộ, các đơn vị Nam tiến đang trên đường hành quân đều dừng lại chiến đấu trên chiến trường Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên... Riêng ở Khánh Hòa đã có tới 8 chi đội Nam tiến trực tiếp tham gia chiến đấu. Ngày 10 tháng 11 năm 1945, dưới sự chủ trì của đồng chí Hà Huy Giáp, các đồng chí Lương Văn Khâm, Nam Long (chỉ huy Chi đội 3 Nam tiến); Nguyễn Sắc Kim (Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận); Lê Tự Nhiên (Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận) và đồng chí Cao Thanh Trà (đại diện cho chỉ huy Chiến khu 6) đã tiến hành cuộc họp liên tịch tại Bình Lâm (Hàm Thuận - Bình Thuận), nhằm thực hiện chỉ thị của Trung ương về việc tổ chức hai chi đội Giải phóng quân cho hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Sau cuộc họp, Chi đội 1 (Bình Thuận) và Chi đội 2 (Ninh Thuận) được thành lập. Chi đội 1 do đồng chí Lương Văn Khâm giữ chức chi đội trưởng, ngoài ra một số đồng

chí trong Chi đội 3 Nam tiến tham gia ban chỉ huy. Ban chỉ huy Chi đội 2 là những cán bộ địa phương. Sau khi hai chi đội Giải phóng quân của hai tỉnh được xây dựng, Chi đội 3 Giải phóng quân Nam tiến tiếp tục trở ra chi viện cho mặt trận Nha Trang.

Ngoài lực lượng tập trung, các tỉnh Nam Trung Bộ còn phát triển lực lượng dân quân du kích rộng khắp. Mỗi làng đều có một trung đội dân quân tập trung, làng ít dân cũng tổ chức được một tiểu đội.

Chuẩn bị cho kháng chiến, nhân dân Nam Trung Bộ đồng thời phải đối phó với âm mưu và các hoạt động chống phá của kẻ thù. Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, ở Nam Trung Bộ còn hơn 9.000 lính Nhật, trang bị đủ vũ khí, đang chiếm giữ các vị trí xung yếu trong các đô thị. Đầu tháng 9 năm 1945, hơn 3.000 quân thuộc Quân đoàn 60 của Tưởng Giới Thạch trên danh nghĩa vào làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, nhưng thực chất chúng lại tiến hành các hoạt động phá hoại, gây áp lực đối với các cấp chính quyền ở các tỉnh thuộc Trung Trung Bộ, móc nối với bọn phản động chống phá cách mạng. Mặt khác, thực dân Pháp cho gián điệp nhảy dù xuống Quảng Nam, Bình Thuận. Bọn phản động tay sai ở một số nơi rục rịch hoạt động trở lại, thậm chí chúng công khai tuyên truyền, xuyên tạc chính sách của Việt Minh, phá cầu, dỡ đường sắt để ngăn các đoàn tàu chở quân Nam tiến. Trước tình hình đó, đối với binh lính Nhật đang chờ giải giáp vũ khí, chuẩn bị hồi hương, ta chủ trương giải thích chính sách cách mạng, vận động họ không theo lệnh quân Anh, Pháp tấn công ta. Nhờ có chủ trương trên, ta đã cảm hóa được nhiều binh lính Nhật, giúp họ hiểu rõ chính nghĩa của cách mạng Việt Nam, một số trong đó đã tự nguyện đứng vào hàng ngũ kháng chiến. Những người lính Nhật này được gọi thân mật là những "chiến sĩ Việt Nam mới", họ đóng góp công sức cho cuộc kháng chiến bằng những khả năng của mình như huấn luyện chiến thuật cho bộ đội, sửa chữa và chế tạo vũ khí, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và bộ đội. Tuy nhiên, một số đơn vị lính Nhật ở Khánh Hòa, Phú Yên, Lâm Viên đã ngang ngược bắt một số cán bộ cách mạng của các huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa, Tuy Hòa; bắn vào đoàn biểu tình ủng hộ Nam Bộ kháng chiến của nhân dân Đà Lạt trong ngày 3 tháng 10 năm 1945. Với những đơn vị quân Nhật này, một mặt ta đánh trả, và mặt khác bao vây, cắt tiếp tế, điện, nước... yêu cầu chúng dừng ngay những hành động phá hoại. Đối với bọn phản động Quốc dân đảng, ta vừa tỏ rõ thái độ, mong muốn họ cùng hợp tác, vừa ra sức tuyên truyền để nhân dân hiểu và đề cao cảnh giác đối với âm mưu và hành động phá hoại của chúng.

Đến tháng 10 năm 1945, sau khi phá vỡ vòng vây quanh Sài Gòn, bước đầu chiếm được những thị xã quan trọng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, quân Pháp tập trung lực lượng chuẩn bị tấn công Nam Trung Bộ theo hướng quốc lộ 1 và quốc lộ 14, kết hợp đổ quân theo đường biển.

Lực lượng của ta trên chiến trường Nam Trung Bộ tuy khá đông về số lượng nhưng hạn chế về kinh nghiệm tổ chức tác chiến, về vũ khí, trang bị. Chiến trường Nam Trung Bộ lại trải dài, nhiều sông, suối, đường đèo men sát biển nên rất dễ bị chia cắt, địch có thể vừa từ ngoài đánh vào vừa kết hợp lực lượng quân Nhật còn đóng tại chỗ để phá vỡ hệ thống phòng thủ của ta. Vấn đề đặt ra cho quân dân Nam Trung Bộ lúc này là phải bằng mọi biện pháp cản bước tiến của quân thù, không để cho chúng nhanh chóng đưa quân đến vĩ tuyến 16 trong thời gian ngắn. Bởi thế, Ủy ban quân chính Nam phần Trung Bộ chủ trương:

- Tích cực chặn đánh tiêu hao, ngăn chặn địch từng bước.

- Bảo tồn lực lượng ta.

- Cố giữ cho được một số vùng tự do lấy đó để xây dựng thành căn cứ kháng chiến lâu dài.

Thực hiện chủ trương này, Tỉnh ủy hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận đã chỉ đạo lực lượng vũ trang phá hoại một số cầu trên quốc lộ 1, xây dựng trận địa ở khu vực Rừng Lá, sẵn sàng đánh địch từ Xuân Lộc ra đồng thời bố trí sẵn các trận địa ở Rạng, Mũi Né, Tuy Phong... là những nơi, theo dự kiến của ta, địch sẽ đổ quân từ biển vào. Trên tuyến đường 20, lợi dụng địa hình hiểm trở, quân ta lập phòng tuyến chặn địch ở B'lao, Liên Khương, Prem... Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Viên. Đồng Nai Thượng một mặt chỉ huy nhân dân dựng chướng ngại vật trên đường 20 và đường 11, mặt khác tổ chức sơ tán kho tàng, người già và trẻ em vào các căn cứ ở trong rừng. Ủy ban quân chính Nam phần Trung Bộ cử cán bộ tới khu vực đường 14, cùng với các đơn vị Nam tiến đang tập trung tại đồn điền Phú Riềng bàn bạc phương án phối hợp chiến đấu và xây dựng các trận địa giáp ranh giữa hai tỉnh Khánh Hòa và Đắc Lắc.

Ngày 6 và ngày 12 tháng 10 năm 1945, chiếm hạm Risơliơ của Pháp chở gần 1.000 quân đổ bộ lên bến Hòn Cau, phối hợp với quân Nhật đánh chiếm nhiều vị trí quan trọng ở Nha Trang và Cam Ranh, tấn công vào trụ sở Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Khánh Hòa. Cùng thời gian, địch tung các toán biệt kích xuống móc nối với các nhóm phản động ở Tánh Linh (Bình Thuận), Mỹ Sơn (Quảng Nam)...

Trong âm mưu đánh chiếm Nam Trung Bộ, vị trí quan trọng mà thực dân Pháp lập kế hoạch đánh chiếm đầu tiên là Nha Trang.

Nắm được âm mưu đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Ủy ban quân sự tỉnh Khánh Hòa chủ trương: chủ động tiến công đồng loạt quân Pháp và quân Nhật ở Nha Trang trước khi chúng hành động, kiên quyết chiến đấu tiêu hao từng bộ phận sinh lực địch, ngăn chặn bước tiến của chúng, vây chặt quân địch trong thị xã, đồng thời chú trọng bảo tồn lực lượng ta, chuẩn bị điều kiện xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài.

Thực hiện chủ trương đó, *Ban chỉ huy mặt trận Nha Trang* được thành lập: đại đội tự vệ Nha Trang và các đội tự vệ của một số địa phương xung quanh Nha Trang gấp rút được chấn chỉnh, tăng cường; các lớp huấn luyện quân sự ở Đồng Đế, Dục Mỹ rút gọn chương trình, đưa cán bộ, chiến sĩ về đơn vị nhận nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Từ ngày 1 tháng 10 năm 1945, các cơ quan, các công binh xưởng dần chuyển ra khỏi thị xã, nhân dân tản cư về nông thôn, thanh niên ở lại tham gia chiến đấu. Công nhân tháo dỡ, vận chuyển dụng cụ, đồ nghề về Đồng Trăng, lập xưởng quân giới sửa chữa, rèn đúc súng đạn. Bệnh viện tỉnh chuyển thành quân y viện, đưa về nông thôn, bổ sung thêm y tá cứu thương, lập các trạm quân y tiền phương. Đơn vị Nam tiến Lê Trung Đình đã chuyển khẩu pháo 75 ly lên đồi La San ở trong thị xã. Các đơn vị Nam tiến của Nghệ An, Hà Tĩnh, Thuận Hóa (Thừa Thiên). Chi đội Bắc Bắc và một số phân đội từ Nam Bộ ra đã triển khai lực lượng ở các vị trí trong nội thị và ngoại vi Nha Trang, xây dựng công sự, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị Vệ quốc quân và tự vệ hình thành thế trận bao vây thị xã Nha Trang gồm hai tuyến nội thị và ngoại vi. Ở tuyến nội thị, hầm hào chiến lũy được dựng ngay trên đường phố. Ở ngoại vi các đơn vị bố trí dọc theo bờ sông Cái, chiếm giữ các điểm cao, hình thành vòng cung bao vây phía bắc và phía tây thị xã Nha Trang.

Ngày 19 tháng 10 năm 1945, tàu chiến Pháp xuất hiện ngoài khơi. Sáng ngày 20 tháng 10, chúng cập bờ, hai trung đội đổ bộ lên bến Hòn Cau. Phối hợp với quân Nhật, sáng ngày 22 tháng 10, chúng nổ súng tấn công Nha Trang.

Dựa vào thế trận đã lập sẵn, quân và dân Nha Trang bình tĩnh đón đánh, chặn bước tiến của quân địch.

Chiều ngày 22 tháng 10 năm 1945, một trung đội lính Nhật hành quân lên Phước Hải đánh vào trận địa của ta ở khu vực này. Đơn vị Nam tiến Thuận Hóa nổ súng đánh trả chặn đứng nhiều cuộc tiến công của quân Nhật.

Cùng ngày, quân Nhật còn đánh nống ra phía đồi Trại Thủy, hướng quốc lộ 1 và Miếu Sinh Trung. Ban chỉ huy mặt trận Nha Trang nhận định đây là bước thăm dò ban đầu của địch nên quyết định triển khai tấn công đánh địch theo kế hoạch.

Mờ sáng ngày 23 tháng 10, từ trận địa ở chân chùa Trăm Bậc, các khẩu cối 81 ly của ta đã nã đạn vào khu vực Mả Vòng, nhà ga xe lửa và khách sạn Bô Rivagiơ (Beau Rivage). Nhiều khu vực trong thị xã Nha Trang đồng loạt nổ súng tiến công quân địch.

Đại đội tự vệ Nha Trang dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Văn Ký tiến đánh ga xe lửa, một mục tiêu quan trọng do quân Nhật chiếm giữ. Nấp trong nhà ga, địch dùng lựu đạn ném tới tấp, khiến các chiến sĩ ta không tiếp cận được mục tiêu và buộc phải dừng lại giữa sân ga trống trải. Đại đội trưởng Võ Văn Ký từ phía sau băng lên, bị trúng đạn hy sinh. Sôi sục căm thù, cả đại đội tự vệ đồng loạt xông lên đánh bật quân Nhật, chiếm nhà ga, giải thoát cho hàng chục thanh niên bị giam giữ, thu nhiều vũ khí và hàng chục xe đạp.

Tại khu vực nhà đèn, lực lượng trinh sát do đồng chí Trần Việt Châu chỉ huy, phối hợp với đơn vị Nam tiến Lê Trung Đình bí mật áp sát diệt lính canh rồi bất ngờ xông lên đánh chiếm mục tiêu. Bọn lính Nhật tại đây hoảng sợ tháo chạy. Được tin báo, bọn Nhật đóng ở kho bạc cho quân sang ứng cứu nhưng lại bị ta đánh chặn tại ngã tư Yécxanh (Yersin) - Hoàng Hoa Thám.

Tại Viện Paxtơ, lực lượng vũ trang ta chiến đấu quyết liệt, ghìm chân địch tạo điều kiện, thời gian để anh chị em cán bộ, công nhân viên và các chiến sĩ tự vệ vận chuyển dụng cụ y tế và thuốc men ra ngoài.

Ở khu vực Xóm Mới, ta tổ chức nhiều đợt tấn công vào vị trí đóng quân của địch. Đến gần trưa hôm sau, Pháp giải cho quân tới giải vây, quân ta rút lên khu vực Mý Nước phối hợp cùng đơn vị Thuận Hóa tiếp tục chiến đấu.

Tại khu vực Bình Tân, quân ta dùng súng máy bắn mạnh, yểm trợ cho lực lượng xung kích vào chiếm kho đạn. Bọn Nhật cũng tập trung hỏa lực chống trả quyết liệt. Do không thực hiện được yếu tố bất ngờ, nên các đợt xung phong của ta đều không thành công. Trận đánh kéo dài đến chiều ngày 23 tháng 10, viện binh địch đến, ta phải rút lui về Đồng Bò.

Ở nhiều khu vực khác, mặc dù đông gấp hàng chục lần lại được trang bị mạnh, có pháo từ chiến hạm bắn yểm trợ, nhưng địch cũng chỉ đánh bật quân ta ra khỏi khu vực Miếu Sinh Trung và đồi Trại Thủy. Đêm ngày 23

tháng 10, các đơn vị vũ trang ta chủ động rút khỏi thị xã để bảo toàn lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Thực hiện chủ trương tiêu hao, ngăn chặn bước tiến và kìm chân địch tại địa bàn Nha Trang, Ban chỉ huy Mặt trận Nha Trang do các đồng chí Trần Công Khanh, chỉ huy trưởng; Nguyễn Thế Lâm, chỉ huy phó; Hà Văn Lâu, tham mưu trưởng; Nguyễn Mô, chính trị viên, đã chỉ đạo việc lập trận địa vòng ngoài bao vây thị xã, sử dụng các đội nhỏ lẻ luồn sâu vào thị xã quấy rối tiêu hao địch. Đơn vị Nam tiến Lê Trung Đình rút về hướng bắc thị xã, chiếm lĩnh các điểm cao Cù Lao, tháp Pônaga, đồi Lasan, Núi Sạn, tạo thành phòng tuyến bờ bắc sông Cái, bịt chặt cầu Xóm Bóng. Nhận thấy đây là khu vực địa hình án ngữ đường ra các huyện phía bắc Khánh Hòa nên Ban chỉ huy Mặt trận tăng cường đơn vị Nam tiến Thuận Hóa ra làm nhiệm vụ chốt chặn tại Núi Sạn. Trận địa pháo trên đồi Lasan với hai khẩu 75 ly và 20 ly có nhiệm vụ khống chế bờ biển từ cửa sông Cái cho đến cảng Cầu Đá và sân bay Nha Trang. Ở phía tây thị xã, các đại đội tự vệ của Nha Trang được tổ chức thành tiểu đoàn do đồng chí Hà Văn Lâu chỉ huy, rút ra đóng tại Vĩnh Điềm, Ngọc Hội, Kim Bồng, Chợ Mới, hình thành phòng tuyến Chợ Mới - Bơrôten[1]. Tham gia phòng tuyến này còn có Chi đội Nam tiến của Nghệ An và Hà Tĩnh. Đại đội Thuận Hóa, sau khi rút qua sông Phường Củi đã trụ bám lại khu vực Thái Thông, Thủy Tú sau đó rút ra khu vực Phú Vinh, chặn đánh địch đánh nống ra khu vực đường sắt và quốc lộ 1.

Quyết không để địch được yên ổn chuẩn bị lực lượng nống ra tấn công ta, Ban chỉ huy Mặt trận Nha Trang chủ trương đưa đội cảm tử, công an xung phong luồn sâu đánh địch ngay trong lòng thị xã. Dựa vào sự che chở của nhân dân, các chiến sĩ đã bất thần tấn công vào các vị trí đóng quân của chúng trong thị xã Nha Trang.

Ngày 26 tháng 10, trận địa pháo của ta trên đồi Lasan nã đạn vào hai chiếc tàu chở hàng tiếp tế đang đậu ở cảng Cầu Đá, một chiếc trúng đạn bị chìm, chiếc còn lại hoảng hốt bỏ chạy ra khơi. Phát huy thắng lợi trận đánh tàu tiếp viện, ngày hôm sau, pháo ta chuyển hướng nã đạn vào khu vực Bà Nghè, Lư Cấm, phá hủy công sự và tiêu hao một số sinh lực địch. Do hoạt động của trận địa pháo trên đồi Lasan nên quân Pháp không dám sử dụng sân bay Nha Trang, và điều này càng khiến cho bọn địch trong thị xã càng thêm khốn đốn.

---

1. Bơrôten, tiếng Pháp có nghĩa là cái dây đeo quần, ở đây chỉ khu vực ngã ba đường sắt Bắc - Nam, trước khi vòng vào Nha Trang.

Đầu tháng 11 năm 1945, quân Pháp ở miền Nam được tăng viện thêm sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 và trung đoàn bộ binh Marốc. Nhận định có quân tăng viện địch sẽ mở các cuộc tấn công lớn ra Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để giải vây cho đồng bọn ở Nha Trang. Ban chỉ huy Mặt trận quyết định tập trung chấn chỉnh công sự, hoàn chỉnh phương án hiệp đồng đánh địch giữa các phòng tuyến, động viên khí thế chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ, huy động sự đóng góp vật chất của nhân dân... Cũng trong thời gian này, những chuyến tàu chở hàng ủng hộ của đồng bào miền Bắc ra tới Nha Trang góp phần khắc phục khó khăn về đảm bảo hậu cần cho bộ đội, đồng thời cũng là nguồn động viên lớn cho các chiến sĩ đang trực tiếp cầm súng trên mặt trận Nha Trang. Để ngăn chặn bước hành quân của địch, ủy ban quân chính Nam phần Trung Bộ lệnh cho các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng gấp rút công tác phá hoại đường và cầu trên các tuyến quốc lộ nối miền Đông Nam Bộ với Nam Trung Bộ.

Ngày 19 tháng 11 năm 1945, quân Pháp tổ chức đoàn xe 60 chiếc, có quân Nhật đi đầu mở đường, tiến ra Nam Trung Bộ. Do cầu đường bị phá nên chúng phải quay về. Cùng ngày, chiếm hạm của Pháp ở ngoài khơi nã đạn vào bờ, yểm trợ cho một tiểu đoàn thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5è RIC) đổ bộ lên Nha Trang, đưa số quân của Pháp có mặt tại đây lên đến 6 tiểu đoàn, chưa kể quân Anh và quân Nhật. Có thêm lực lượng, địch ráo riết chuẩn bị đợt tấn công vào các phòng tuyến của ta.

Phán đoán địch sẽ tập trung đột kích trên hướng quốc lộ 1 đoạn từ Nha Trang - Thành, nên sau vài trận chiến đấu, các đơn vị Nam tiến chuyển quân về lập trận địa mới ở Phú Vinh, khu vực án ngữ tuyến đường sắt và quốc lộ 1.

Sau một tháng bị bao vây trong thị xã Nha Trang, 6 giờ sáng ngày 22 tháng 11 năm 1945, quân Pháp sử dụng đại bác từ trong nội thị và pháo từ ngoài chiến hạm cùng máy bay bắn phá, ném bom dữ dội các phòng tuyến của ta xung quanh thị xã. Nhiều đoạn trên phòng tuyến bị bom đạn phá sập, một số cán bộ, chiến sĩ bị thương, hàng trăm ngôi nhà, ruộng vườn của nhân dân vùng ven thị xã bị tàn phá nặng nề. Bấy giờ đang là mùa mưa, làng mạc, ruộng đồng, chiến hào nước ngập trắng xóa, nhưng bộ đội ta vẫn trụ bám kiên cường, thậm chí ngâm mình trong nước để đánh địch.

Đêm ngày 22 tháng 11 năm 1945, Ban chỉ huy Mặt trận lệnh cho một bộ phận lực lượng trên phòng tuyến rút về Phú Vinh, bộ phận khác rút qua cầu

Bà Vệ, củng cố lực lượng, lập phòng tuyến mới chặn địch ở chùa Bà Nghè. Trưa ngày 23 tháng 11, quân Pháp tập trung lực lượng tấn công vào phòng tuyến này. Dựa vào hệ thống công sự vừa được nhân dân góp công đào đắp, bộ đội ta đã chặn được nhiều đợt xung phong của địch, buộc chúng phải gọi pháo bắn yểm trợ. Chiều ngày 23 tháng 11, bộ đội ta phải rời bỏ phòng tuyến Bà Nghè, rút lên Phú Kiến, lập phòng tuyến Cây Đa - Quán Giếng ở bờ phải dòng sông Cái.

Ở hướng Phú Vinh, ngay trong đêm ngày 23 tháng 11, khi phát hiện quân Pháp tấn công lên, các chiến sĩ Nam tiến Thuận Hóa kịp thời nổ súng đánh phủ đầu, nhiều tên trúng đạn, ngã gục ngay trước chiến hào của ta. Bọn chúng dừng lại củng cố đội hình tiến công, gọi pháo sáng và dùng súng máy bắn như vãi đạn vào trận tuyến của ta, yểm trợ cho quân địch xung phong. Cán bộ, chiến sĩ trong phòng tuyến Phú Vinh bình tĩnh bẻ gãy các đợt xung phong của địch, nhiều nơi bộ đội ta phải đánh giáp lá cà. Sau hai giờ tấn công, bọn địch phải bỏ lại phòng tuyến Phú Vinh hàng chục xác hết, số còn lại rút chạy về Nha Trang.

Kiên quyết bao vây địch, giữ vững tuyến giao thông Bắc - Nam, bảo đảm cho Nam Bộ kháng chiến, Ban chỉ huy Mặt trận Nha Trang tiếp tục tổ chức lực lượng xây dựng phòng tuyến Cây Đa - Quán Giếng. Trên phòng tuyến này, ngoài các đơn vị vũ trang của địa phương, và các đơn vị Nam tiến có mặt từ trước, vào thời điểm này, còn có Chi đội Thu Sơn từ miền Bắc mới vào và Chi đội Nam Long từ mặt trận Sài Gòn ra.

Ở phía bắc Nha Trang địch đã nống ra đến khu vực đầu cầu Xóm Bóng. Tuy vậy, ta vẫn còn kiểm soát được cầu và hầm xe lửa số 1. Tàu từ phía bắc vào vẫn tới được ga Lương Sơn, vận chuyển vũ khí, lương thực và các đơn vị Nam tiến chi viện cho chiến trường miền Nam.

Sở chỉ huy Mặt trận Nha Trang dời về thành Diên Khánh, các cơ quan lãnh đạo của tỉnh cũng về đóng ở đây. Sau thất bại ở Phú Vinh, quân Pháp chỉ cố thủ trong thị xã, không dám mở các trận tiến công vào phòng tuyến của ta. Lúc này, địch chủ yếu dùng pháo cối bắn ra vùng ngoại ô, tổ chức các toán quân đi tuần, phục kích vùng ven thị xã. Về phía ta, để đối phó với âm mưu và thủ đoạn mới của địch, các đội vũ trang, công an đẩy mạnh hoạt động trong khu vực nội thị. Các đội tự vệ và biệt động liên tiếp tổ chức các trận tập kích vào vị trí đóng quân của địch trong thị xã, phục kích tiêu diệt các toán tuần tiễu của chúng, bắt một số tên, trong đó có cả sĩ quan Pháp.

Trong lúc đó, pháo ta trên đồi Lasan nhiều lần bắn vào khu vực cảng Cầu Đá và các vị trí của địch trong nội thị, gây cho địch một số thiệt hại…

Sau hơn một tháng bao vây, đánh địch, quân dân Nha Trang - Khánh Hòa đã phát huy cao tinh thần chiến đấu anh dũng, buộc quân địch phải bỏ dở kế hoạch nhanh chóng chiếm Nha Trang để làm vị trí đầu cầu đánh rộng ra toàn Nam Trung Bộ. Thành công của một tháng bao vây quân địch trong thị xã Nha Trang đã tạo điều kiện cho quân và dân Nam Trung Bộ có thêm thời gian để củng cố chính quyền và lực lượng vũ trang, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ.

Trong thời gian quân Pháp còn bị bao vây ở Nha Trang, ngày 11 tháng 11 năm 1945, theo lệnh của quân Anh, quân Nhật đã dùng 40 chiếc xe chở khoảng 300 tên, hành quân theo đường 20 đánh chiếm B'lao, Di Linh và Đà Lạt. Quân dân Đồng Nai Thượng tổ chức chặn đánh địch tại Đèo Chuối (cách B'lao 20km về phía tây nam), loại khỏi vòng chiến đấu 30 tên. Nhưng do lực lượng ít, vũ khí lại thiếu nên ta phải vừa chiến đấu, vừa rút về sau để bảo toàn lực lượng. Vượt qua khỏi Đèo Chuối, địch tràn vào thị xã Di Linh và thành phố Đà Lạt. Cả hai nơi này nhân dân đều triệt để thực hiện vườn không nhà trống; công sở, kho tàng được di chuyển ra vùng nông thôn. Địch chiếm các nhà máy, nhà kho, công sở làm nơi trú quân, lùng bắt nhân dân và những cán bộ chưa kịp sơ tán, thả toàn bộ lính Pháp đang còn bị giam giữ và vũ trang lại cho bọn này. Sau khi rút khỏi Đèo Chuối, lực lượng vũ trang ta về xây dựng các trận địa xung phong Di Linh và Đà Lạt, lập trận địa chặn địch ở Trại Mát, khu vực án ngữ quốc lộ 11 và ở ngã ba Phi Nôm, nằm phía đông nam Đà Lạt.

Ngày 19 tháng 11 năm 1945, cùng với cánh quân xuất phát ở Xuân Lộc theo quốc lộ 1 đánh Phan Thiết, từ Bù Đốp (Bình Phước), khoảng 200 tên lính Pháp dùng cơ giới theo đường 14 tiến đánh Buôn Ma Thuột. Trên đường hành quân, chúng vấp phải trận địa phòng ngự của ta ở khu vực giáp ranh giữa Bình Phước và Đắc Lắc. Tại đây, lực lượng ta chừng một đại đội chặn đánh, buộc quân Pháp phải trở lại Bù Đốp. Phải tới mười ngày sau, địch mới lại tiến đánh Buôn Ma Thuột lần thứ hai. Sáng sớm ngày 30 tháng 11, chúng sử dụng một bộ phận lực lượng tấn công chính diện tuyến phòng ngự của ta. Một cánh quân xuyên rừng đánh vào phía sau. Do lực lượng ít, lại bị đánh thọc sườn bất ngờ, nên trận địa của ta bị vỡ, liên lạc bị đứt, không báo được về phía sau. Cơ giới địch theo quốc lộ 14 thọc thẳng về Buôn Ma Thuột.

Cũng trong ngày 30, một đoàn xe của quân Pháp từ Căngrôlăng (Đông Bắc Campuchia) tiến vào vùng giáp ranh ba biên giới ở phía đông nam tỉnh Đắc Lắc. Chúng xuyên rừng đánh vào trận địa của ba đại đội ta bố trí tại đây. Do thiếu cảnh giác, bị địch tấn công bất ngờ, nên ban chỉ huy chỉ kịp ra lệnh phá kho đạn rồi rút lui. Quân Pháp vượt qua biên giới, tiến đánh Đắc Min, Cầu 14, qua sông Sêrêpốc. Chúng dừng đội hình, dùng xe cắm cờ đỏ sao vàng chạy trước để nghi binh. Đến đầu giờ chiều ngày 1 tháng 12, đoàn xe của địch tới Buôn Ma Thuột, khi chúng ập vào thị xã, mọi sinh hoạt của nhân dân đang diễn ra bình thường. Quân Pháp tràn vào chợ Lạc Giao, tàn sát nhiều đồng bào, trong đó đa số là phụ nữ và trẻ em.

Tuy bị địch tấn công bất ngờ, nhưng quân và dân Buôn Ma Thuột vẫn kiên cường đánh trả bằng tất cả những vũ khí có trong tay. Nhiều trận đánh không cân sức đã diễn ra ở khu vực Ngã Sáu - trung tâm thị xã, ở chợ Buôn Ma Thuột, khu vực Sở Căn cước,... Nhiều chiến sĩ ta đã quần lộn với địch đến hơi thở cuối cùng. Chiến sĩ Hoàng Trọng Nhuận bấy giờ đang gác trước cửa doanh trại thì địch ập đến, đã bắn đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh. Trung đội 2 quyết tử của đại đội Phan Đình Phùng và một số cán bộ Nam tiến đang ở trong doanh trại, bị địch bao vây, đã bình tĩnh chiến đấu, hy sinh đến người cuối cùng.

Trước sự đánh trả quyết liệt của ta, quân Pháp không dám chiếm đóng trong thị xã. Ngày 2 tháng 12, chúng rút quân ra ngoài.

Tranh thủ thời gian địch rút, Ban chỉ huy Mặt trận tổ chức cho nhân dân tản cư, di chuyển cơ quan, kho tàng, chuẩn bị lực lượng chiến đấu. Về phía địch, sau khi củng cố lại lực lượng, có thêm đơn vị cơ giới từ Bù Đốp lên tăng cường, ngày 4 tháng 12 chúng mới cho quân vào chiếm đóng trong thị xã. Chiến sĩ ta bám trận địa đánh địch trên đường phố, sau đó rút ra cùng các đơn vị Nam tiến tổ chức chặn địch ở ngoại vi. Các đội vũ trang nhỏ mở một số trận tập kích trong thị xã.

Đại đội Nam tiến Nghệ An do đồng chí Lê Thanh chỉ huy, được điều đến tăng viện cho mặt trận Buôn Ma Thuột đã khẩn trương lập phòng tuyến chặn địch trên đường 14 đi Buôn Hồ. Trên hướng đường 21 (nay là quốc lộ 26 xuất phát từ Ninh Hòa (Khánh Hòa) lên Buôn Ma Thuột), 2 trung đội Nam tiến của Nghệ An cùng 2 trung đội của đại đội Thuận Hóa và 2 phân đội của

Thanh Hóa lập phòng tuyến chặn địch tại đèo Phượng Hoàng[1]. Sau khi tổ chức trận địa, các đơn vị ở đây cùng tiểu đoàn Nam tiến Hùng Việt vừa được tăng cường, chuẩn bị tập kích vào thị xã Buôn Ma Thuột.

Ngay đêm ngày 4 tháng 12, quân ta tổ chức đánh chiếm lại sân bay, trụ sở Việt Minh, trụ sở ủy ban nhân dân tỉnh, doanh trại Quân giải phóng (đồn bảo an cũ) và một số khu phố. Bị tấn công, quân Pháp phải co về cố thủ ở khu vực Boonggalô, xung quanh nhà tên công sứ và các khu phố phía tây thị xã. Chờ đến sáng, địch bắt đầu phản kích. Sau khi chiếm các vị trí, tiêu diệt một số tên địch, phá hỏng các tòa nhà, đốt cháy nhà kho trong sân bay, bộ đội ta lần lượt rút ra ngoài.

Các đêm tiếp theo, quân ta lại tập kích vào các mục tiêu trong thị xã như nhà công sứ, nhà máy nước, trạm điện. Đồng chí Lê Thanh tổ chức lực lượng trinh sát và tìm cách phá nhà máy thủy điện ở buôn Cô Xia, đây là nhà máy cung cấp điện cho thị xã Buôn Ma Thuột, nằm cách thị xã khoảng 12km về phía tây nam. Lực lượng chia thành hai bộ phận: một bộ phận do đồng chí Lê Thanh chỉ huy, trực tiếp đánh phá nhà máy thủy điện trên suối Ea Nao, buôn Cô Xia; bộ phận còn lại do đồng chí Đặng Quân Thụy chỉ huy, vượt suối, tổ chức phục kích địch. Trận đánh thành công. Nhà máy bị phá, nguồn điện mất. Địch cho quân ra ứng cứu, khi xe chở quân từ đường 14 rẽ vào buôn Cô Xia liền bị bộ phận phục kích nổ súng, 20 tên địch bị tiêu diệt, số còn lại hoảng hốt chạy về Buôn Ma Thuột.

Những trận tập kích, phục kích của ta ngay sau khi địch chiếm lại Buôn Ma Thuột gây cho chúng nhiều tổn thất, khiến chúng không tập trung ổn định được lực lượng, buộc phải ngừng tiến quân để đối phó. Tình hình đó đã tạo điều kiện tốt để các đơn vị phía sau của ta củng cố lực lượng và trận địa, chuẩn bị cho những trận chiến đấu tiếp theo.

Sau khi rút về căn cứ Ca Đa, Tỉnh ủy, ủy ban và Mặt trận Việt Minh tỉnh Đắc Lắc cùng với Ban chỉ huy Mặt trận đường 21 họp, xác định tình hình và quyết định: huy động nhân dân phối hợp cùng với bộ đội khẩn trương xây dựng trận địa, tổ chức chặn địch trên đường 14 và đường 21, hạn chế địch mở rộng phạm vi chiếm đóng một cách nhanh chóng, mục tiêu quan trọng là ngăn không cho địch xuống Ninh Hòa (Khánh Hòa); đưa một số đội công tác trở lại Min, Lắc là vùng địch vừa chiếm để nắm lại quần chúng, xây

1. Hay còn gọi là đèo Mađrắc.

dựng chính quyền, phát động nhân dân tổ chức chiến tranh du kích, đánh địch lâu dài.

Củng cố được các vị trí chiếm đóng, giữa tháng 12 năm 1945, một bộ phận của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 tiến theo đường 21 đánh chiếm Ninh Hòa. Quân ta chặn địch ngay trên đường 21, cách Buôn Ma Thuột 3km, sau đó vừa rút vừa đánh địch. Ở kilômét 13, tận dụng địa hình nơi có con suối chảy qua, lực lượng ta đã tổ chức trận địa trụ lại chặn địch, tiêu diệt một số tên. Sau đó, ta rút về phòng tuyến Mađrắc, cùng phối hợp chiến đấu với các đơn vị Nam tiến có mặt tại đây từ trước. Tại phòng tuyến này, Chi đội 3 Nam tiến cùng Chi đội Bắc Sơn, hai đại đội đồng bào Thượng và đại đội Nha Trang đã chiến đấu quyết liệt, gây cho địch nhiều thương vong, buộc chúng phải dừng lại trước phòng tuyến Mađrắc, bỏ dở ý định đánh chiếm Ninh Hòa.

Trong khi quân Pháp đang tập trung lực lượng đánh chiếm Nha Trang và Nam Tây Nguyên, ở các tỉnh Cực Nam Trung Bộ quân Nhật dưới sự bảo trợ của quân Anh đã nổ súng đánh chiếm các tỉnh lỵ. Tại Bình Thuận, khoảng 400 tên Nhật từ biển đổ bộ vào, đánh chiếm đồn Thương Chánh, lấy đó làm bàn đạp tấn công chiếm lại thị xã Phan Thiết, chuẩn bị địa bàn cho quân Pháp. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời cử đồng chí Nguyễn Chúc gặp đại diện quân Nhật để thương lượng, nhưng không có kết quả. Ngày 11 tháng 11 năm 1945, từ đồn Thương Chánh, quân Nhật chia thành nhiều cánh quân tấn công vào trụ sở Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh[1] và sau đó dồn sức tấn công vào ngã ba Nhà Thương, chiếm lại đồn G1[2]. Quân dân Phan Thiết tổ chức đánh trả, không cho chúng tiến quân nhanh, nhưng lực lượng hai bên quá chênh lệch nên Ban chỉ huy quân sự tỉnh đã quyết định chuyển sang đánh du kích để tiêu hao sinh lực địch. Các đơn vị chủ lực được lệnh rút ra khỏi thị xã, vận động nhân dân thực hiện phương châm ba không (không tiếp tế lương thực, không tiếp tế nước uống, không đưa tin chỉ đường cho địch). Thực hiện những chủ trương trên, nhân dân Phan Thiết đã làm cho quân Nhật gặp nhiều khó khăn, bởi lúc này mọi nguồn tiếp tế cho bọn chúng gần như bị cắt đứt. Nhiều lần quân Nhật tổ chức phá vây, nhưng đều bị ta chặn đứng. Bị vây chặt trong thị xã Phan Thiết, thiếu thốn lương thực và nước uống, nên sau gần một tháng chiếm đóng; ngày 12 tháng 12 năm 1945, hơn 400 lính Nhật bí mật xuống tàu, rút chạy ra biển. Quân ta trở lại làm chủ thị xã Phan Thiết.

---

1. Vị trí Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ngày nay.

2. Nay là địa điểm Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận.

Tại thị xã Phan Rang, khoảng 140 tên lính Nhật vào đóng thành hai địa điểm trong thị xã và nêu yêu sách đòi ta cung cấp lương thực, thực phẩm. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, thị xã bác bỏ yêu sách phi lý đó và yêu cầu quân Nhật đi đâu phải báo, nếu không sẽ không đảm bảo an ninh. Do lập trường kiên quyết của ta nên quân Nhật co cụm lại tại một điểm trong thị xã, không dám đi lại, phá phách. Nhận thấy tình hình căng thẳng ở Bình Thuận, Khánh Hòa và nhận định quân Nhật có ý định tấn công ta, 4 giờ sáng ngày 10 tháng 11 năm 1945, Ban chỉ huy quân sự tỉnh đã ra lệnh tấn công vào vị trí chiếm đóng của quân Nhật. Do có sự đề phòng trước nên quân Nhật phản ứng rất nhanh, chặn đánh các mũi tiến công của ta, gây cho ta nhiều tổn thất và buộc phải rút ra ngoài. Sau khi rút kinh nghiệm, tổ chức lại lực lượng và được chi viện của Chi đội 3 Giải phóng quân Nam tiến, ta tổ chức vây chặt quân Nhật trong vị trí; đến rạng sáng ngày 18 tháng 11, chúng phải để lại những tên bị thương, quân dụng và vũ khí nặng, rồi chia thành hai cánh rút chạy. Một cánh rút theo đường biển, cánh còn lại chạy theo đường bộ, đến Ninh Hải đã bị ta bắt toàn bộ.

Thắng lợi trên đây của quân dân hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận góp phần đập tan âm mưu của thực dân Pháp định dùng hai cánh quân thủy bộ có quân Nhật tiếp ứng, tạo thành hai gọng kìm đánh chiếm Nam Trung Bộ một cách nhanh nhất.

Sau khi quân Nhật rút chạy, ngày 13 tháng 1 năm 1946, đại diện Việt Minh và Ủy ban kháng chiến bốn tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Viên cùng đại diện các đơn vị chủ lực, chỉ huy các đơn vị Nam tiến họp tại Phan Rang. Tại cuộc họp, các đại biểu đều thống nhất nhận định quân Pháp sẽ tiến hành đánh chiếm Nam Trung Bộ với quy mô lớn hơn. Do vậy, ngoài việc tích cực chủ động và khẩn trương xây dựng tăng cường lực lượng, sẵn sàng đánh địch, các tỉnh cần xúc tiến ngay công tác sơ tán dân cư chuẩn bị sẵn phương án tác chiến đánh địch lâu dài... Hội nghị đề ra một số biện pháp nhằm tăng cường sự thống nhất và phối hợp hành động chống lại âm mưu và thủ đoạn mới của thực dân Pháp.

Cho đến đầu năm 1946, cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân Nam Trung Bộ đã trải qua 4 tháng. Sau 4 tháng tấn công, quân Pháp chỉ mới đến được ba tỉnh. Tuy nhiên, ngay tại các tỉnh này, chúng cũng chỉ mới kiểm soát được một số vị trí trong thị xã, thị trấn và một số tuyến giao thông quan trọng. Ý đồ nhanh chóng đánh chiếm đến vĩ tuyến 16 của quân địch đã bị thất bại ngay từ đầu.

Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày ngày vẫn quan tâm theo dõi cuộc chiến đấu của quân dân Nam Trung Bộ. Tháng 12 năm 1945, khi được cử làm đặc phái viên của Chính phủ, đồng chí Lê Văn Hiến đã chuyển thư thăm hỏi của Người tới đồng bào ở đây. Trong thư Bác viết: "Từ ba tháng nay, các anh chị em đã đem xương máu ra để giữ lấy từng tấc đất của Tổ quốc.

Tôi và tất cả đồng bào ở Bắc Bộ và phía Bắc Trung Bộ, đã bao nhiêu lần tức giận khi nghe bọn thực dân Pháp đạp lên lãnh thổ của ông cha ta, giết hại nòi giống ta..., đã bao nhiêu lần hồi hộp, cảm động trước những gương hy sinh vô cùng dũng cảm của những người con yêu của Tổ quốc.

Do đó, tôi càng tin chắc rằng: với một nước đã có những người con hy sinh như thế, anh hùng như thế, đã có một khối toàn dân đoàn kết như thế, nước ta nhất định không bị mất lại một lần nữa.

Để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải chiến đấu nhiều. Chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở lực, khó khăn, chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc. Các bạn ở tiền tuyến không bao giờ cô độc, vì đã có cả một khối toàn dân đoàn kết làm hậu thuẫn cho mình. Thắng lợi nhất định thuộc về ta"[1].

Tháng 1 năm 1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng đồng chí Nguyễn Sơn, chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam đi kiểm tra tình hình mặt trận Nha Trang và Tây Nguyên. Qua đợt nắm tình hình thực tế, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã chỉ rõ: "Từ thực tiễn mặt trận Nha Trang có thể rút ra những bài học bổ ích. Rõ ràng khi địch tiến công ào ạt, lực lượng chúng ta còn hạn chế, việc lập phòng tuyến vừa đánh, vừa chặn địch với quyết tâm cao là tốt. Song, sắp tới thực dân Pháp sẽ tăng viện, mở cuộc tấn công mới, ta cần thấy trước để điều chỉnh ngay sự bố trí và cách tác chiến, *không thể giữ mãi các phòng tuyến hiện nay mà phải chủ động rút ra một bộ phận chủ lực, để một bộ phận nhỏ bám sát địch, sẽ tổ chức những đơn vị cơ động đánh địch bằng hình thức tập kích, phục kích, tiêu hao sinh lực, cho biệt động hoặc du kích thâm nhập đánh phá, toàn dân đánh giặc, mọi vùng, mọi làng đều thành làng xã chiến đấu*"[2].

---

1. "Gửi các chiến sĩ Nam Bộ và Nam phần Trung Bộ" (tháng 12 năm 1945). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 134.

2. "Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa năm ấy", Hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trong tập *Bác Hồ trong lòng dân Khánh Hòa*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa, 1990, tr. 22-23.

Những lời thăm hỏi động viên thân tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những ý kiến chỉ đạo sát sao của đồng chí Võ Nguyên Giáp là nguồn cổ vũ to lớn, tiếp thêm sức mạnh cho quân và dân Nam Trung Bộ đang chiến đấu quyết liệt với quân thù.

Đầu tháng 1 năm 1946, sau khi có quân tăng viện và đã căn bản chiếm được hầu hết các tỉnh Nam Bộ, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp tập trung binh lực mở cuộc hành quân Gô (Gaur) do Lơcléc chỉ huy nhằm tiếp tục kế hoạch đánh chiếm các tỉnh Nam Trung Bộ. Lực lượng địch được tung vào cuộc hành quân này lên tới hơn 15.000 quân, chia thành nhiều hướng, nhưng tập trung vào hai hướng chính:

- Hướng thứ nhất, xuất phát từ Biên Hòa, đánh lên Di Linh, Đà Lạt, sau đó tiến đánh xuống Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết.

- Hướng thứ hai, xuất phát từ Buôn Ma Thuột, theo quốc lộ 21 đánh chiếm Ninh Hòa, phối hợp với quân từ Phan Rang ra giải vây cho Nha Trang. Sau đó, hợp thành lực lượng tấn công Vạn Giã, vượt đèo Cả đánh chiếm Phú Yên.

Để phối hợp với hai cánh quân trên, Lơcléc còn tổ chức một cánh quân thứ yếu, từ Đông Bắc Campuchia, theo đường 19 đánh chiếm Plây Cu.

Ngày 25 tháng 1 năm 1946, từ Biên Hòa, cánh quân thứ nhất của địch có khoảng 140 xe các loại chở đầy lính bắt đầu hành quân lên và trong hai ngày 26, 27, chúng đã đánh chiếm Di Linh, Đà Lạt. Ngay sau đó, địch tập trung lực lượng đánh mạnh vào phòng tuyến Trại Mát - Phi Nôm.

Do tương quan lực lượng và trang bị bất lợi nên tại phòng tuyến này, quân ta vừa đánh vừa rút lui về lập phòng tuyến chặn địch tại đèo Ngoạn Mục. Từ đèo Ngoạn Mục, bộ đội lần lượt rút về các căn cứ đã chuẩn bị sẵn ở trong rừng. Riêng ở phòng tuyến kilômét số 42 trên quốc lộ 8, trước sự đánh trả quyết liệt của ta, địch không vượt qua được nên đành trở lại Di Linh, bỏ ý định theo đường 8 đánh chiếm Phan Thiết.

Sau khi chiếm Trại Mát và Phi Nôm, ngày 28 tháng 1 địch tiến quân thẳng xuống thị xã Phan Rang. Do công tác tiêu thổ kháng chiến của ta ở nhiều khu vực không triệt để nên địch tiến quân một cách dễ dàng. Chúng còn cho xe cắm cờ đỏ sao vàng để đánh lừa ta và do mất cảnh giác nên ta đã để cho quân Pháp tràn vào thị xã Phan Rang một cách nhanh chóng.

Ngày 29 tháng 11, địch điều chỉnh lại lực lượng, chia quân thành hai hướng đánh chiếm Phan Thiết và Nha Trang.

Sáng sớm ngày 30 tháng 11, địch sử dụng xe tăng và xe cơ giới tấn công về phía Phan Thiết. Khi xe địch tới cầu Phú Quý, bộ đội chủ lực Phan Rang dùng mìn tự tạo, phục kích, đánh hỏng một xe, tiêu diệt một tiểu đội lính Pháp. Quân Pháp tiến đến Cà Ná, lọt vào trận địa phục kích của đơn vị Vệ quốc đoàn và du kích Ninh Thuận do đồng chí Trương Văn Ly chỉ huy. Lợi dụng địa hình một bên núi, một bên biển, quân ta tiêu diệt một số tên địch. Tại các trận địa khác như Vĩnh Hảo, Hồi Long... dựa vào công sự, trận địa chuẩn bị sẵn, ta cũng đã tổ chức chặn địch. Ở khu vực Hồi Long, bộ đội và du kích chỉ với những khẩu súng trường cũ và giáo mác nhưng chặn đánh địch suốt cả buổi sáng ngày 31 tháng 1. Mười một chiến sĩ hy sinh anh dũng trong trận chiến đấu này. Địch tiến quân đến cầu Phú Long (xã Hàm Nhơn - Hàm Thuận) bị một phân đội của đại đội 4 thuộc Chi đội 1 Giải phóng quân Bình Thuận chặn đánh, đốt cháy 1 xe quân sự và tiêu diệt 1 tiểu đội quân Pháp. Bị thua đau ở Phú Long, quân Pháp tức tối tràn vào làng xóm hai bên đường, đốt nhà, giết hại 30 đồng bào ta, đúng vào ngày Tết Nguyên đán. 14 giờ ngày 31 tháng 1 năm 1946, quân Pháp tràn vào thị xã Phan Thiết. Đại đội 1 của Chi đội 1 Giải phóng quân Bình Thuận chặn đánh địch tại khu vực ga xe lửa, kho bạc, nhà thương rồi chủ động rút ra ngoài. Lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc đánh địch ở cầu Quan, tiêu diệt một số tên địch rồi rút về khu Tam Giác. Sau khi chiếm Phan Thiết, ngày 2 tháng 2 địch đánh chiếm Ma Lâm, ngày 3 tháng 2 đánh chiếm Hàm Tân.

Sau khi chiếm tỉnh lỵ Bình Thuận, thực dân Pháp đưa viên công sứ Môn và viên giám binh Dốt Clép trở lại cai trị, thiết lập lại bộ máy hành chính cũ. Trong tháng 2 năm 1946, quân Pháp tiếp tục đánh chiếm rộng ra các nơi khác.

Trước ngày địch tấn công Bình Thuận, ta đã kịp tổ chức cho nhân dân sơ tán, di chuyển cơ quan, công sở lên vùng căn cứ. Nhưng do thiếu cảnh giác, nên ngày 8 tháng 2 năm 1946 (mùng 7 tết Bính Tuất) ta bị quân Pháp từ Phan Thiết, Phú Hồi, Mương Mán bất ngờ tấn công vào căn cứ ở vùng Tam Giác, nơi nhân dân sơ tán đang dần ổn định cuộc sống, tàn sát 70 dân thường, phá hoại nhiều lán trại, đồ đạc...

Từ Phan Rang, quân địch theo quốc lộ 1 tấn công ra phía bắc. Trên hướng này, 12 phân đội của Chi đội 2 Giải phóng quân Ninh Thuận bố trí chặn đánh địch từ đồn điền Hiệp Mỹ đến Ba Ngòi, dọc theo quốc lộ 1. Khi địch tiến quân, đơn vị vũ trang ta tại Hiệp Mỹ đã kịp điện báo, nên một số phân đội nhanh chóng chuyển về Hòn Rồng, tránh được địch đánh từ sau lưng. Địch vừa hành quân vừa dùng pháo từ biển bắn vào yểm trợ. Khi chúng đến Hòn Rồng, các đơn vị bố trí sẵn ở đây nổ súng chặn đánh ghìm

chân địch, tạo điều kiện cho bộ phận lớn lực lượng tại Ba Ngòi rút theo đường núi.

Chiếm được Ba Ngòi, một lực lượng quân Pháp cùng quân Nhật với sự yểm trợ của xe bọc thép, tiến đánh Nha Trang. Bộ đội ta do đồng chí Cao Thanh Trà chỉ huy, tổ chức đánh địch tại Hòa Tân, Suối Dầu, chặn bước tiến của chúng. Đến tối ngày 29 tháng 1, địch mới đến được khu vực Suối Cấm.

Để chặn đoàn xe cơ giới chở quân của địch, ta dùng mìn đánh sập cầu Lùng, cầu Đôi. Sáng ngày 30 tháng 1, khi đoàn xe cơ giới địch ra đến Cống Ba, bộ đội ta dựa vào công sự chặn đánh quyết liệt. Ở khu vực bắc cầu Lùng, lực lượng ta chặn đánh diệt 20 tên, phá hỏng một số xe của địch. Nhưng được sự yểm trợ hỏa lực của máy bay, chúng nhanh chóng cho quân sửa chữa cầu và ồ ạt tấn công vào trận địa của ta. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Hàng chục tên địch phải bỏ mạng. Đến chiều tối, quân Pháp cho xe cắm cờ trắng, giả vờ đầu hàng. Các chiến sĩ ở cầu Lùng mất cảnh giác, chần chừ không nổ súng. Ngay lập tức, bọn địch trên xe bắn xối xả vào trận địa ta, quân ta xông vào đánh giáp lá cà với địch, nhiều chiến sĩ anh dũng hy sinh.

Trong lúc đó, cánh quân của địch theo đường 21 khi đến đèo Mađrắc bị Chi đội 3 Giải phóng quân Nam tiến và các đơn vị khác bố trí ở đây chặn đánh. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt cả ngày 26 tháng 1. Các chiến sĩ ta sau khi tiêu diệt một số tên địch, làm chậm bước tiến quân của chúng đã chủ động rút xuống Khánh Hòa. Quân Pháp chiếm Mađrắc, rồi thốc tới đánh chiếm Ninh Hòa. Chiều ngày 29 tháng 1, từ Ninh Hòa chúng chia quân thành hai cánh, một bộ phận gồm 20 xe cơ giới tiến đánh Vạn Giã. Quân dân huyện Vạn Ninh (Khánh Hòa) cùng các đơn vị từ phòng tuyến Mađrắc rút về chiến đấu dũng cảm, không cho chúng tiến quân, buộc địch phải dừng lại ở Vạn Giã, tạo điều kiện cho quân ta vượt đèo Cả ra Phú Yên. Cánh quân còn lại, theo quốc lộ 1 tấn công vào Nha Trang, nhưng đã bị bộ đội chặn đánh tại đèo Rù Rì. Phải đến hôm sau, ngày 30 tháng 1, chúng mới vượt qua được quãng đèo này, tiến quân vào Nha Trang.

Ở phía Nam, sau khi vượt qua được Cầu Lùng, ngày 31 tháng 1, địch tập trung quân tấn công vào phòng tuyến Cây Đa - Quán Giếng và thành Diên Khánh từ hai hướng cầu Lùng ra và Nha Trang lên. Do lực lượng quá chênh lệch, nên sáng ngày 1 tháng 2 năm 1946, Ban chỉ huy mặt trận lệnh cho các đơn vị ở phòng tuyến Cây Đa - Quán Giếng, Bình Cang, cầu Ông Bố rút ra bắc sông Cái về thôn Đại Điền để bảo toàn lực lượng. Ở khu vực thành Diên Khánh, các trận địa ta bố trí ở phía đông thành bị địch đánh cả ở trước mặt

và sau lưng nên quân ta phải lần lượt rút lui. Chiều ngày 1 tháng 2 năm 1946, quân Pháp chiếm thành Diên Khánh, Ban chỉ huy mặt trận và các cơ quan tỉnh đóng ở trong thành rút lên Đồng Trăng.

Sáng ngày 2 tháng 2 năm 1946, từ thành Diên Khánh, địch mở cuộc tấn công quy mô lên căn cứ Đồng Trăng và các phòng tuyến bờ bắc sông Cái. Chúng dùng pháo bắn từ ngoài biển và máy bay ném bom để yểm trợ cho bộ binh tấn công. Dưới trời mưa tầm tã, các chiến sĩ của Chi đội Nam tiến Bắc Bắc ngâm mình trong chiến hào ngập nước, bình tĩnh đánh lui các đợt tấn công của địch, diệt hơn 60 tên, buộc bọn chúng phải lui về thành.

Trải qua 101 ngày đêm chiến đấu hết sức kiên cường anh dũng (từ ngày 23 tháng 10 năm 1945 đến ngày 1 tháng 2 năm 1946), dân quân Nam Trung Bộ,... đặc biệt là quân dân Nha Trang - Khánh Hòa, đã hoàn thành nhiệm vụ, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, tiến nhanh của thực dân Pháp. Trong điều kiện khi vừa mới giành được chính quyền, chưa có nhiều thời gian chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược có đội quân nhà nghề, dạn dày kinh nghiệm lại được trang bị hiện đại và có một bộ phận quân Nhật đóng tại chỗ tiếp tay... thắng lợi to lớn của quân dân Nam Trung Bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thắng lợi đó góp phần buộc quân Pháp phải điều đình với ta. Trong "Thư gửi đồng bào Nam Bộ, chiến sĩ ở tiền tuyến và Ủy ban hành chính Nam Bộ" sau khi ký Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "sự ký kết đó có một kết quả hay là nước Pháp đã thừa nhận nước Việt Nam là một nước tự chủ"[1]. Người khẳng định: "Ấy cũng là nhờ ở sự tranh đấu anh dũng của tất cả đồng bào toàn quốc, nhất là đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ và của hết thảy anh em chiến sĩ khắp các mặt trận trong sáu tháng nay"[2].

1, 2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Sđd, tr. 199.

III.
HÀ NỘI, 60 NGÀY ĐÊM CHIẾN ĐẤU OANH LIỆT MỞ ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Đúng 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, Đài tiếng nói Việt Nam phát đi mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng như sau:

"Tổ quốc lâm nguy!

Giờ chiến đấu đã đến!

Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân danh Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, tôi ra lệnh cho bộ đội Vệ quốc quân, dân quân tự vệ Trung, Nam, Bắc phải nhất tề đứng dậy!

Phải xông tới mặt trận giết giặc cứu nước.

Tiêu diệt thực dân Pháp.

Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm!".

20 giờ 3 phút, theo đúng lệnh do các đồng chí Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Trân, Vương Thừa Vũ, Trần Độ giao cho tổ công nhân xung phong gồm 2 đảng viên cộng sản: đồng chí Nguyễn Giang (tức Quý) và đồng chí Dũng đã cho nổ mìn phá máy phát điện, đèn toàn thành phố tắt. Pháo đài Láng bắn những phát đạn đầu tiên, tiếp đó là các pháo đài khác cùng bắn.

Quân và dân Hà Nội nổ súng đánh địch mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Cuộc hội chiến Hà Nội kéo dài từ 20 giờ 3 phút ngày 19 tháng 12 năm 1946 đến 24 giờ ngày 17 tháng 2 năm 1947, khi trung đoàn Thủ đô rút hết quân khỏi Liên khu 1, cộng tất cả 60 ngày đêm.

1. Đánh địch trong thành phố (19-12-1946 - 23-12-1946)

a) Đồng loạt tiến công, đánh phủ đầu địch ở nhiều vị trí.

Sau khi đèn tắt và pháo bắn, các lực lượng vũ trang Hà Nội bắt đầu tiến công địch. Các trận tiến công được tiến hành theo kế hoạch đã đề ra, đâu tự động đánh đấy vì cấp trên chưa đủ phương tiện thông tin để chỉ huy trực tiếp.

Ở Liên khu 1, Vệ quốc quân và tự vệ công nhân diệt gọn tiểu đội địch gác chung ở nhà đèn Bờ Hồ, diệt địch đóng ở nhà in IDEO, ở Nhà máy gạch SATIC - nơi địch sửa chữa xe cộ quân sự, ở nhà thuyền Hồ Tây, ở cơ quan tình báo Ngọc Hà và một số ổ chiến đấu độc lập, đánh bật địch khỏi nhà bia Hômen, nhà máy nước, tiêu diệt được một bộ phận ở nhà máy điện. Số địch tại nhà máy bia co lại ở trên gác nhà phái bộ Anh. Số địch ở nhà máy nước cùng số còn lại ở nhà máy điện cũng co lại trên gác nhà máy điện cố thủ, ta không đánh lên được.

Ở Trường Bưởi, ta từ đường Thủ Khoa Huân (nay là đường Thụy Khuê) đánh vào, đồng thời một bộ phận vượt thuyền qua Hồ Tây đánh xuống. Địch co lên gác ta không lên được phải rút.

Trung đội Vệ quốc đoàn gác chung ở đầu tây cầu Long Biên tiến công địch, diệt được một số. Vì địch có hỏa lực mạnh chống trả, ta rút về khu Đồng Xuân.

Trung đội gác ở Bãi Giữa cùng tự vệ đốt thuốc nổ phá cầu Long Biên tại trụ cầu số 4 nhưng chỉ làm tung một quãng ván, không đủ sức phá trụ cầu. Bọn địch gác chung lúc đầu hoảng hốt chạy tản ra, nhưng sau chúng trụ lại. Quân ta rút lên Bãi Giữa.

Trung đội gác chung ở đầu đông cầu chưa nhận được lệnh, bị địch đánh trước phải rút và nhập vào bộ đội Gia Lâm.

Như vậy là kế hoạch diệt địch, phá cầu Long Biên không thực hiện được; ta chỉ phá tung được một quãng ván, địch nhanh chóng chữa được.

Ở Bắc Bộ phủ, vì việc đào đường hầm không thực hiện được, ta không đặt được bom dưới khách sạn Mêtơrôpôn. Vệ quốc đoàn xung phong sang bị hỏa lực địch chặn lại.

Trận tiến công vào nhà Moóclie ở Hồ Gươm cũng không thành công, bọn địch xuống công sự chống lại.

Ở phía đông Liên khu 1, sau khi chiếm nhà Sôva (không có địch), ta chiếm tiếp nhà máy nước đá, địch đánh sang cửa hàng Misô nhưng không vượt được tường và rào.

Ở Liên khu 2 cũng đánh nhiều điểm.

Từ Hỏa Lò và Quân Y viện (nay là Bệnh viện C), ta tiến sang tiêu diệt địch ở Viện Radium (nay là Bệnh viện K).

Từ trại Vệ quốc đoàn Trung ương, ta tiến công liên tiếp Rạp chiếu bóng Magiéttíc trong ngày 20 nhưng không diệt được địch. Gần sáng ngày 21, sau

khi được tăng cường một khẩu đại liên, ta bắn khá trúng rồi xung phong diệt được khoảng một tiểu đội địch.

Một bộ phận tiểu đoàn 77 cùng tự vệ đánh vào nhà đại tá Lami (nay là Đại sứ quán Pháp). Địch sắp ăn tiệc, Xanhtơny cũng đến dự. Địch phải cho xe tăng, thiết giáp đến đón Xanhtơny. Dọc đường về, Xanhtơny bị thương. Ta làm chủ khu nhà này.

Một tiểu đội của tiểu đoàn 212 cùng tự vệ chiến đấu của Liên khu 2 tiến công địch ở Nha Khí tượng thủy văn. Vì địch tăng cường từ một tiểu đội lên một trung đội lại có xe tăng, thiết giáp đến đánh tập hậu, ta đánh trả quyết liệt, đại bộ phận đã anh dũng hy sinh.

Trung đội Vệ quốc đoàn gác chung ở Ty Liên kiểm Việt - Pháp ở số 21 phố Mai Hắc Đế (nay là Bà Triệu), có hai tiểu đội đang ngồi xe đi tuần với Pháp. Địch định cho xe chở ta vào thành. Qua cầu chui Cửa Đông một số chiến sĩ ta đã kịp bám vào cầu và nhảy xuống. Số còn lại bị xe địch đưa vào thành. Bộ phận còn lại ở Ty Liên kiểm không được lệnh, bị địch tiến công trước đã chống trả quyết liệt, 4 đồng chí hy sinh, 9 đồng chí rút được sang trại Vệ quốc đoàn.

Một đại đội của tiểu đoàn 212 cùng một đại đội của tiểu đoàn 77 tiến công địch ở Đồn Thủy từ 20 giờ 30 phút, nhưng địch mạnh, có tường rào vây quanh, ta không vào được, đến 2 giờ sáng ngày 20 tháng 12 phải rút. Ta tiến công xưởng sửa chữa ô tô Pho cũng không thành công. Một bộ phận của tiểu đoàn 212 cùng tự vệ chiếm được Viện Paxtơ diệt khoảng một tiểu đội địch, phá 2 súng máy. Một bộ phận khác của tiểu đoàn cùng tự vệ Lò Đúc chiếm được khu Phà Đen. Trung đội lính thủy đánh bộ của địch rút về 33 Phạm Ngũ Lão.

Một điểm đáng chú ý của Liên khu 2 là tiến công nhà tên đại tá pháo binh Lơmét, một vị trí hiểm yếu ở ngã năm Cửa Nam. Lúc đầu trong kế hoạch chưa có lực lượng đánh vị trí này. Một ngày trước khi nổ súng, theo đề nghị của Liên khu 2, Bộ chỉ huy mặt trận điều trung đội tự vệ chiến đấu Tô Hiệu đến. Tuy chuẩn bị gấp, địch có cổng sắt đóng chặt, nhưng cuối cùng ta cũng đột nhập được vào tầng dưới, địch co lên gác, ta không đánh được, đến 21 giờ phải rút.

Liên khu 3 cũng tiến công nhiều điểm.

Một trung đội của đại đội 29, tiểu đoàn 523 cùng một trung đội tự vệ tiến công địch ở nhà Đờlơvô (nay là số nhà 9 phố Cát Linh). Địch co lên gác ngoan cố chống cự. Ta đặt bom không nổ, đại đội trưởng Lưu Vân cùng một số

chiến sĩ leo lên mái nhà dỡ ngói thả lựu đạn diệt được vài tên và gọi được một số ra hàng. Địch đưa xe cơ giới đến cứu viện. Khẩu badôca của mặt trận cơ động đến kịp bắn hủy được 1 xe. Ngày 25, địch ở nhà Đờlơvô lên xe chạy thoát. Vì xe cắm cờ hồng thập tự, ta không bắn.

Ở ga Hàng Cỏ và nhà dầu Sen đầu phố Khâm Thiên, quân ta ở đây tuy đã nhận được lệnh nhưng chưa kịp nổ súng, bị địch đánh trước buộc phải rút.

Theo lệnh của mặt trận, Liên khu 3 dùng một đại đội của tiểu đoàn 523 đang ở khu vực Ngã Tư Sở, Bạch Mai lên phòng thủ trục đường Khâm Thiên và được lệnh trước hết ngay trong đêm 19 tháng 12 năm 1946 phải tiêu diệt địch ở nhà Ga và nhà dầu Sen. Tuy chưa nắm được địch và địa hình địa vật, chưa có chuẩn bị, bộ đội vẫn tích cực đi đánh.

Ở nhà Ga, liên lạc được với tự vệ đường sắt đang vây địch, bộ đội nghe đâu có tiếng địch là đánh vào. Địch có hỏa lực mạnh lại chiếm vị trí cao bắn xuống, ta không tiến được, sau hơn một giờ phải chuyển sang bao vây.

Ở nhà dầu Sen, đơn vị cũng liên lạc được với tự vệ rồi triển khai đội hình áp sát địch, ném lựu đạn. Địch bố trí hỏa lực ở nhà gác, đóng cửa sắt chặn đường. Ta không tiến được. Sau khoảng nửa giờ, địch cho xe cơ giới đến tăng viện, ta phải rút về đường Khâm Thiên.

Việc diệt các ổ chiến đấu độc lập của địch được tiến hành tích cực ở cả 3 liên khu, nhất là ở Liên khu 2 và Liên khu 3.

Một phần bộ đội và tự vệ chiến đấu, chủ yếu là tự vệ thành đã bí mật bất ngờ đột nhập vào rất nhiều ổ này. Ở nhiều nơi địch chống trả quyết liệt, có nơi chiến đấu kéo dài cả một ngày. Ta đã diệt được nhiều ổ, diệt 25 tên, bắt sống 389 tên.

Nói chung ta không diệt được nhiều ổ trong khu phố Tây và có thiếu sót không chú ý đến các ổ chiến đấu độc lập người Hoa. Chúng là bọn cơ sở của Tưởng cài lại hoặc bọn người Hoa làm tay sai cho Pháp. Tuy ngoài cửa treo cờ Thanh Thiên Bạch Nhật, nhưng chúng bắn lén những người làm nhiệm vụ giao thông liên lạc, tiếp tế và dân tản cư, chỉ điểm cho Pháp tiến quân, bắn pháo, ném bom. Vì thế ta phải sử dụng lực lượng trong mấy ngày liền để quét bọn này khá vất vả.

Sân bay Gia Lâm lúc này chưa nằm trong Chiến khu 11 mà thuộc tỉnh Bắc Ninh. Bộ Tổng tham mưu sử dụng một bộ phận trinh sát đặc biệt cùng bộ đội Bắc Ninh định bí mật luồn vào phá một số máy bay, nhưng bị lộ không thực hiện được.

Như vậy là, trong đợt tiến công này, trừ hai nơi chưa kịp nhận lệnh, còn ở tất cả các nơi khác quân ta đều chủ động tiến công địch, buộc chúng phải lâm vào thế bị động đối phó, ở đâu cũng bị đánh, ở đâu cũng kêu cứu.

Chúng ta mới diệt hoặc đánh bật được một số vị trí nhỏ. Nếu bom đạn ít bị thối, nếu kế hoạch được chu đáo hơn, thì kết quả còn khá hơn. Ta chưa biết cách đánh khi địch co lên gác. Việc chưa đánh được địch ở những nơi chúng tập trung quân lớn là khó tránh, vì trình độ quân ta còn kém. Việc chưa phá được cầu Long Biên cũng tất yếu, vì với 10kg thuốc nổ làm thế nào có thể phá một trụ cầu to lớn và vững chắc?

Tuy nhiên, tổ chức được một đợt tiến công phủ đầu, bất ngờ, chỉ mấy giờ trước khi địch mở cuộc tiến công để đảo chính, là một đòn đánh có tính chất phản chuẩn bị như cách nói hiện nay, một thành công to lớn về nghệ thuật quân sự Việt Nam khi mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, và ta đã buộc địch phải bị động đối phó về chiến lược.

b) Toàn dân Hà Nội đứng lên kháng chiến.

Đi đôi với việc tiến công địch, Vệ quốc đoàn, tự vệ cùng đông đảo nhân dân đã khẩn trương tiến hành việc đắp chiến lũy, đào hầm hố, đào giao thông hào, ngả cây, ngả cột điện, khiêng bàn ghế, sập, tủ, giường ra đường làm chướng ngại. Đục tường thông từ nhà nọ sang nhà kia. Nồi niêu, xoong chảo, xô, chậu, rổ rá... được úp xuống đường phố để nghi binh giả là mìn chống tăng.

Tất cả các đường phố đi vào khu vực cố thủ của Liên khu 1 và các trục đường đi ra ngoại ô đều được chặn lại bằng nhiều tầng chiến lũy, hầm hố chống tăng. Nhiều đường phố khác cũng được làm như vậy. Việc đắp chiến lũy này đã tạo điều kiện phòng ngự, ngăn chặn địch dài ngày.

Nhiều cây cối, cột điện được ngả ngang đường. Nhưng một số nơi, do chưa có kinh nghiệm đặt thuốc nổ, nên cây chỉ toác ra mà không đổ, hoặc đổ nhưng không chặn ngang đường. Một số nơi đường rộng, thưa dân nên việc đắp ụ, ngả cây làm kém, như ở các đường Tràng Thi, Tràng Tiền, Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Quán Sứ, đường Hàng Bài...

Việc phá hoại cũng được gấp rút tiến hành. Sau khi đã chuyển được phần lớn các máy móc nguyên liệu ra hậu phương, công nhân một số nhà máy đã phá tiếp các bộ phận không thể chuyển đi được. Ở Đài phát thanh Bạch Mai, ta đã chuyển máy móc lần thứ nhất, sau khi nổ súng, còn tiếp tục chuyển thêm một số máy móc nguyên liệu và phá ngay những thứ không thể chuyển được, không cho địch sử dụng.

Việc tản cư được đôn đốc mạnh mẽ. Ban tản cư các cấp, các đoàn thể cứu quốc đến từng nhà hướng dẫn nhân dân đi tản cư. Thanh niên giúp đỡ người già cả, cháu con vận động cha mẹ, ông bà. Chỉ trong mấy ngày mấy chục vạn người được đưa ra khỏi thành phố.

Nhân dân các làng xã cùng lực lượng tự vệ ngoại thành tích cực giúp dân nội thành tản cư, cùng dân nội thành đào hào giao thông, hầm hố chiến đấu, tổ chức lực lượng vận tải, tiếp tế, cứu thương và đơn vị vũ trang để sẵn sàng vào nội thành đánh địch, chuẩn bị lương thực, thực phẩm để cung cấp cho các lực lượng vũ trang và giúp dân nội thành tản cư.

Chỉ trong một đêm 19 tháng 12 năm 1946, toàn quân, toàn dân Hà Nội đã đứng dậy. Cả Hà Nội đã biến thành một chiến trường. Nhiều người trước đây chưa từng tham gia một đoàn thể nào, nay tự nguyện xin làm cứu thương, liên lạc hoặc tự vệ. Đồng bào đã ủng hộ hàng chục tấn gạo, thực phẩm. Nhiều gia đình tản cư đã viết giấy giao lương thực, thực phẩm cho các lực lượng vũ trang. Nhiều người tổ chức việc nấu ăn cho bộ đội. Các nghệ sĩ đi đắp chiến lũy, nhiều nhà văn, nhà giáo xin gia nhập bộ đội. Các cụ già chưa kịp tản cư cũng hăng hái tham gia công tác tuyên truyền, cổ động kháng chiến, hoặc khiêng bàn ghế, tủ, giường ra đường. Các chị em vũ nữ, cô đầu tham gia đoàn thể cứu quốc cũng phấn khởi đi tiếp tế, cứu thương hoặc trực tiếp cầm vũ khí trong đội tự vệ.

Cuộc kháng chiến toàn dân đã được hình thành trên đất Thủ đô.

c) Quân dân Hà Nội chặn đánh địch tiến công nhiều mục tiêu hiểm yếu trong nội thành.

Đi đôi với việc tiến công địch và tiến hành các công việc kháng chiến nói trên, ngay trong đêm 19, quân dân Hà Nội đã đánh trả hết sức anh dũng và quyết liệt quân địch tiến công ta.

Vì đã có sẵn kế hoạch đảo chính vào sáng ngày 20 nên sau khi ta nổ súng, địch lập tức hình thành bốn cánh quân lần lượt từ trong thành tiến ra đánh chiếm một số mục tiêu.

Chỉ mười lăm phút sau, cánh thứ nhất gồm khoảng ba chục xe chở quân, có xe tăng, xe háptơrắc dẫn đầu từ Cửa Bắc (có tư liệu nói Cửa Đông) theo đường Phan Đình Phùng để ra chiếm cầu Long Biên kết hợp với một mũi từ Gia Lâm trốn sang. Trên quãng đường khoảng 300m từ Tháp nước tròn đến cầu Long Biên đã diễn ra một số trận chiến đấu quyết liệt.

Do có chuẩn bị chu đáo nên khi địch tiến quân đến, Vệ quốc đoàn, tự vệ chiến đấu, tự vệ xí nghiệp, tự vệ thành, công an xung phong phục sẵn đã

chặn đánh kiên quyết. Bom mìn chôn sẵn đã phá hủy xe tăng, thiết giáp địch. Quân ta từ công sự trong các ngôi nhà đã bắn chết nhiều địch. Tuy chỉ còn 200m, nhưng địch không thể tiếp tục tiến lên được.

Cánh quân thứ hai gồm 10 xe tăng, xe bọc thép cùng một số xe vận tải từ Cửa Bắc tiến ra giải vây cho bọn ở nhà máy điện vạ một số vị trí trong khu Trúc Bạch, địch tiến ra chiếm Yên Phụ. Nhưng trước tình thế đồng bọn ở Hàng Đậu bị chặn lại, cánh này phải theo đường đê tiến về cầu Long Biên, triển khai lực lượng ở đầu cầu hiệp lực với cánh quân từ Hàng Đậu đánh thông quãng đường này. Địch phải mất 3 giờ mới tiến được 300m đến cầu Long Biên, bị thiệt hại 2 xe bọc thép và 1 xe tăng, 1 xe zíp, bị thương vong hàng chục tên.

Trận đánh ở Hàng Đậu là trận đánh đầu tiên đạt kết quả tương đối tốt.

6 giờ ngày 20, địch ở Hàng Đậu theo đê và từ Trường Bưởi theo đường Cổ Ngư tiến chiếm Yên Phụ. Tự vệ và bộ đội dựa vào chiến hào, hầm hố, chướng ngại chặn đánh tiêu hao một số địch. Đến 10 giờ, chúng chiếm được cửa ô này, khống chế được khu Trúc Bạch. Việc liên lạc của Liên khu 1 với ngoài trở nên khó khăn.

Cánh quân thứ ba lớn nhất gồm 18 xe tăng, xe bọc thép và một số xe vận tải chở khoảng 300 quân lê dương xuất phát lúc 21 giờ từ Cửa Nam của thành theo đường Cột Cờ, Tràng Thi để tiến đánh Bắc Bộ phủ.

Ta phán đoán địch sẽ tiến theo đường này, vì đây là nơi tiếp giáp giữa Liên khu 1 và Liên khu 2, không có liên khu nào bố trí bộ đội ở đây.

Trước khi nổ súng ít thời gian, mặt trận điều hai trung đội tự vệ chiến đấu Tô Hiệu, Trần Quốc Toản đến. Trung đội Tô Hiệu vừa đánh nhà Lơmét không thành công và rút lúc 21 giờ. Trung đội Trần Quốc Toản tăng cường một tiểu đội cho Nhà Hát Lớn.

Chỉ có lực lượng tự vệ thành và 2 tiểu đội tự vệ chiến đấu cùng công an xung phong đánh địch trên đường Tràng Thi. Hơn nữa trên trục đường này, ta chưa thiết lập được nhiều baricát, nhiều chướng ngại, cho nên khi tiến quân, địch không gặp sự ngăn chặn đáng kể.

Tự vệ lợi dụng nhà cao bắn súng và ném lựu đạn diệt một số địch. Có 2 xe háptơrắc và 1 xe tăng từ Tràng Thi quay lại. Tự vệ chiến đấu kịp giật bom chôn ở trước hiệu thuốc của bà Hoàng Xuân Hãn (ở đầu phố Tràng Thi) làm nổ tung một xe tăng.

Địch tập trung quân tiến công đồn Hàng Trống. Trung đội công an xung phong ở đây đã chiến đấu quyết liệt, diệt khoảng 20 tên, rồi rút.

Địch tiến đánh Nhà Hát Lớn. Hai tiểu đội của tiểu đoàn 101 Liên khu 1 cùng một tiểu đội tự vệ chiến đấu của trung đội Trần Quốc Toản dũng cảm chống lại sự tiến công của một đại đội lê dương có nhiều xe tăng và xe bọc thép mở đường và pháo chi viện. Quân ta rút lên tầng 2 chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Cuối cùng còn lại một tiểu đội bị địch bắt sống, địch dụ hàng không được, đem bắn hết, chỉ một đồng chí bị thương giả chết sau chạy thoát.

Đồng thời với trận đánh Nhà Hát Lớn, địch tập trung quân từ thành ra cùng với 200 tên ở khách sạn Mêtơrôpôn tiến công Bắc Bộ phủ. Trong quyết tâm của Bộ chỉ huy Hà Nội, ta định đánh một trận quyết liệt ở đây không để địch chiếm dễ dàng. Đại đội 1 tiểu đoàn 101 Liên khu 1 tổ chức phòng thủ ở khu vực này bao gồm cả phòng thương mại, nhà Bưu Điện, khách sạn Gà Trống Vàng, Rạp chiếu bóng Êđen. Riêng ở Bắc Bộ phủ, 2 trung đội Vệ quốc đoàn quê ở Việt Bắc đã thề sống chết đánh địch tiến công vào nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đây là trận đánh ác liệt nhất, kéo dài nhất (gần 20 giờ). Địch tổ chức tất cả 6 đợt xung phong, đợt nào cũng có hỏa lực chuẩn bị rất mãnh liệt và đều bị ta đánh lui. Đợt đầu địch đánh vòng ngoài. Đợt hai địch dùng tăng bắn phá rồi dẫn bộ binh xung phong. Một chiến sĩ ta đâm bom ba càng phá một tăng, đồng chí hy sinh anh dũng. Đây là quả bom ba càng phá tăng đầu tiên. Một chiến sĩ khác đánh quả thứ hai không nổ, địch khiếp đảm lui quân. Đợt ba, 4 xe tăng, 8 thiết giáp xông vào hàng rào, bị hỏa lực tập trung diệt bộ binh, địch phải lui. Đợt bốn, 2 xe tăng dẫn 2 trung đội bộ binh xung phong. Cả hai xe tăng đều bị bom ba càng diệt, bộ binh ta phản kích đánh lui địch. Đợt năm, địch hướng tiến công từ vườn hoa Chí Linh vào sườn Bắc Bộ phủ và nhà Bưu Điện Bờ Hồ. Bộ đội chặn đánh quyết liệt. Nam nữ nhân viên bưu điện anh dũng tham gia đánh địch. Sau 2 giờ chiến đấu ta đánh lui địch, giữ vững vị trí.

Đến đợt sáu, đạn dược ta gần hết. Ban chỉ huy Liên khu cho bộ đội rút. Nhưng một bộ phận còn trụ lại. Địch tiến vào sâu. Ta giật một quả bom giết một số địch và chặn được chúng. Địch lại chấn chỉnh lực lượng cho xe tăng dẫn đầu, xung phong tiếp. Ta giật quả bom thứ hai không nổ. Lập tức đồng chí Lê Gia Định, chính trị viên đại đội trực tiếp chỉ huy trận đánh Bắc Bộ phủ đã xông lên để đập kíp bom. Quân địch trông thấy khiếp sợ, cả xe tăng

và bộ binh đều tháo chạy. Chưa kịp dập kíp bom, đồng chí đã trúng đạn địch. Người đảng viên cộng sản Lê Gia Định, quê xã Trúc Lâm, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, làm thợ giấy từ nhỏ ở Hà Nội đã hy sinh anh dũng.

Địch không dám tiếp tục tiến, cho máy bay đến oanh tạc bắn phá dữ dội đến tối, khi quân ta đã rút lui.

Chiếm được Bắc Bộ phủ, địch đã phải trả một giá rất đắt: 122 lính lê dương bị diệt, 4 xe tăng và thiết giáp, 1 xe gíp, 3 xe vận tải bị phá. Bên ta 45 đồng chí hy sinh.

Trận đánh oanh liệt ở Bắc Bộ phủ là trận đánh phòng ngự điển hình. Tấm gương hy sinh lẫm liệt của 45 đồng chí mà tiêu biểu là đồng chí Lê Gia Định mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm của nhân dân Thủ đô.

Trong ngày 20, tại Liên khu 1, địch cho máy bay thả xăng đốt cháy cả khu Long Biên ở ven bờ sông. Ủy ban khu, các đội cứu thương, tiếp tế phải xông ra cứu dân, di dân vào trong đê, sau đó tổ chức cho dân tản cư.

Ở phía tây Liên khu, từ sáng sớm, xe tăng thiết giáp cùng bộ binh địch tiến chiếm các phố Hà Trung, Ngõ Trạm, Nguyễn Trãi (nay là phố Nguyễn Văn Tố), nhà thờ Tin lành rồi tiếp theo là Hàng Điếu, Hàng Gà, chiếm nhà buôn Nhật Simômura, chùa Thái Cam. Địch tiến công rạp Ôlanhpia (nay là rạp Hồng Hà), bị ta đẩy lùi diệt 30 tên.

Khống chế được đường Hàng Đậu ở phía bắc và đường Tràng Thi, Hàng Khay, Tràng Tiền ở phía nam, Hàng Điếu, Hàng Gà ở phía tây địch bắt đầu hình thành thế bao vây Liên khu 1.

Cánh quân thứ tư cũng từ Cửa Nam theo đường Cột Cờ tiến công chủ yếu trong phạm vi Liên khu 2. Chúng định tiến theo đường Hàng Lọng (nay là đường Lê Duẩn) xuống để cứu viện cho bọn chúng ở nhà Ga và nhà dầu Sen. Đến ngã ba Hàng Lọng bị tự vệ chặn đánh. Công nhân xe lửa đã dùng toa tàu chở đá chặn ngang đường sắt. Không tiến được, địch phải theo đường Tràng Thi rồi rẽ sang đường Quán Sứ, chiếm Viện Radium, Hỏa Lò, Tòa án và đến gần sáng ngày 20, chiếm Sở hỏa xa Việt Điền (nay là trụ sở Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) rồi tiến công Nha Công an.

Sáng ngày 20, địch đánh thông đường Hàng Lọng, cùng bộ phận từ nhà dầu Sen tiến lên giải vây bộ phận ở ga. Tiếp đó địch tiến công Nha Công an (nay là trụ sở Bộ Nội vụ) và trụ sở tự vệ chiến đấu ở 107 Trần Hưng Đạo. 140 công an xung phong dũng cảm đánh trả quyết liệt diệt khoảng một trăm

địch, phá một xe, ta bị thương vong 30 người rồi rút sang khu Đấu Xảo cùng tự vệ chiến đấu giữ khu Đấu Xảo.

Ở 107 Trần Hưng Đạo, ta chỉ có một tổ nhỏ đánh một lúc rồi rút. Tối 20 ta cũng rút khỏi Đấu Xảo, đem theo nhiều dân. Qua đường Nguyễn Du thì bị hỏa điểm bắn vào dân. Đây là ổ chiến đấu độc lập của địch còn sót lại ta chưa diệt được. Bộ đội, tự vệ chiến đấu phải tìm cách bắn bịt hỏa điểm địch, bảo vệ dân rút.

Cũng sáng ngày 20, ở Liên khu 2, địch ở Đồn Thủy ra chiếm lại Lò Đúc, Viện Paxtơ, nhà Staiquai (Phà Đen). Trong mấy ngày liền ta giành đi giật lại Staiquai. Cuối cùng địch có lực lượng mạnh, ta phải rút. Con đường rút xuống phía nam của ta bị khống chế.

Từ Đồn Thuỷ địch còn cho xe bọc thép cùng bộ binh ra giải vây cho rạp Magiéttic nhưng bị ta chặn lại ở trường Hàm Long không tiến được. Trận đánh ở trường Hàm Long kéo dài cả một ngày và đã đánh lui được quân địch.

Ở Liên khu 3, ngày 20, địch ở Phủ Toàn quyền nống ra phố Ngọc Hà và phố Đội Cấn hòng đẩy quân ta ra xa nhưng bị ta đẩy lùi.

Qua một ngày đêm chiến đấu đầu tiên, quân dân Hà Nội đánh trên 30 trận, diệt 300 địch, làm bị thương nhiều tên khác, bắt khoảng 400 tên, 2 xe zíp, 7 xe vận tải, phá hỏng 5 xe tăng, 5 xe bọc thép, tiêu diệt và đánh bật một số vị trí nhỏ và nhiều ổ chiến đấu độc lập.

Dù sao, trong điều kiện so sánh lực lượng quá chênh lệch, quân ta ở Hà Nội còn ấu trĩ, lần đầu tiên mới trực tiếp đánh địch, việc đạt được thành tích như vậy là rất tốt.

Bị đánh phủ đầu bất ngờ, địch rất lúng túng. Kế hoạch làm đảo chính chiếm Hà Nội trong một thời gian gần nhất bị phá sản hoàn toàn. Các trận đánh oanh liệt của ta ở Hàng Đậu, ở Nhà Hát Lớn, ở Bắc Bộ phủ, ở Nha Công an đã làm địch không còn hung hăng coi thường ta như trước. Chúng trở nên khiếp sợ, sợ bom ba càng, sợ mìn, sợ lựu đạn, sợ tinh thần dũng cảm của ta.

Theo thông báo của Bộ, trong đêm 19 tháng 12, địch ở nhiều thành phố, thị xã khác cũng bị đánh. Do nhận được lệnh muộn, Nam Định nổ súng lúc 0 giờ 30 phút ngày 20, Huế lúc 2 giờ 30, Hải Dương lúc 3 giờ, Bắc Giang, Bắc Ninh lúc 3 giờ, Vinh lúc 3 giờ.

Nhờ gần Trung ương, lại chuẩn bị tốt nên Hà Nội chấp hành mệnh lệnh đúng giờ quy định, có vinh dự nổ súng mở đầu kháng chiến toàn quốc.

Toàn bộ lực lượng địch ở Hà Nội đã phải tung ra để đối phó và tiến công ta. Bộ chỉ huy địch ở Bắc Bộ và Bộ Tổng chỉ huy địch không còn lực lượng dự bị, trong lúc mọi nơi xin tăng viện, xin tiếp tế.

Trước tình thế đó, Bộ chỉ huy địch ở miền Bắc đã lệnh cho quân ở Hải Phòng phải gấp rút đánh thông đường 5 đưa lực lượng tăng viện cho Hà Nội, đồng thời rút tiểu đoàn ở Bắc Ninh, Bắc Giang về để góp phần từ Gia Lâm đánh xuống mở thông đường 5. Valuy đã kêu gọi binh lính: "Hãy nghiến răng chịu đựng trước cuộc xung đột đang diễn ra ác liệt chẳng bao lâu nữa, các bạn sẽ được tăng viện và tiếp tế". Ông ta cố giật gấu vá vai để đưa quân từ miền Nam ra và điện về Pari xin viện binh sang gấp.

Về phía ta, một ngày đêm thử lửa đã làm vững tâm cán bộ, chiến sĩ Thủ đô. Hiện tượng bỡ ngỡ, lo lắng của tất cả và sợ hãi, dao động của một số người đã qua đi. Anh em thấy rõ dù địch có ưu thế to lớn về binh khí kỹ thuật, dù bom đạn ác liệt, dù hỏa lực địch rất mạnh nhưng địch vẫn có nhiều điểm yếu, ta có thể đánh và trụ lại nhiều ngày. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đài phát thanh truyền đi và được đăng tải trên các báo Thủ đô là lời hịch thiêng liêng của non sông đất nước nhắc nhở toàn dân Hà Nội và toàn quốc phải kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Sau khi đi thăm mặt trận Hà Nội ở phố Khâm Thiên vào sáng ngày 20, đồng chí Tổng chỉ huy chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu điều của Chiến khu 2 tăng cường cho Hà Nội một tiểu đoàn và đề nghị Bác và Thường vụ cho sáp nhập Chiến khu 11 vào Chiến khu 2 để mặt trận có một hậu phương rộng rãi làm chỗ dựa.

Ủy ban kháng chiến Hà Nội cũng quyết định sáp nhập 2 khu Trúc Bạch và Lãng Bạc thành Liên khu Trúc Lãng để tiện việc chỉ huy tác chiến và tiếp tế cho Liên khu 1.

Về phía địch, ngày 21 chúng đánh chiếm trụ sở Bộ Quốc phòng (nay là Trường Trưng Vương, 28 Hàng Bài) và trại Vệ quốc đoàn Trung ương (40 Hàng Bài), ngày 22 chúng đánh chiếm Tòa Thị chính (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).

Tại trụ sở Bộ Quốc phòng thuộc phạm vi Liên khu 2, ta có chuẩn bị tốt nên chặn được các mũi tiến công của địch. Chúng phải cho máy bay oanh tạc

dữ dội. Quân ta đánh trả quyết liệt gây cho địch nhiều thương vong. Ở trại Vệ quốc đoàn Trung ương, vừa diệt xong bọn địch ở Magiéttíc quân ta phải chống lại cuộc tiến công của địch từ 2 mặt đông tây đánh tới, xe tăng thọc vào giữa sân, ta phải rút sang nhà Vĩnh Thụy (51 Trần Hưng Đạo).

Trận đánh Tòa Thị chính thuộc Liên khu 1 diễn ra trong 15 giờ liền. Đây là một vị trí quan trọng ta không để địch chiếm một cách dễ dàng, Liên khu 1 điều trung đội Vệ quốc đoàn vốn là giải phóng quân ở Việt Bắc làm nhiệm vụ gác nhà ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang tăng cường để giữ Tòa Thị chính.

Vì đã vấp phải sự kháng cự kiên quyết của quân ta ở Bắc Bộ phủ, trong trận này địch thận trọng hơn. Sáng ngày 22, chúng bắt đầu tiến công. Sau khi hỏa lực phi cơ, pháo binh chuẩn bị dữ dội, chúng cho 3 xe tăng và 5 xe bọc thép dẫn bộ binh xung phong. Quân ta chờ địch tiến gần mới bắn, đánh lui 3 đợt xung phong của địch. Trong suốt ngày 22, địch không đột phá được. Để bảo toàn lực lượng, tối ngày 22 ta chủ trương rút lui sau khi đã diệt khoảng 30 địch, thu được 10 súng trường và 2 tiểu liên. Sáng ngày 23 địch mới chiếm được Tòa Thị chính.

Ngày 23, để dồn hẹp phạm vi của ta ở nam Liên khu 1, quân Pháp từ Tràng Thi theo các đường Cửa Nam, Quán Sứ, Phủ Doãn, Lý Quốc Sư tiến đánh Hàng Bông. Các đội tự vệ chặn đánh quyết liệt nhưng vì hỏa lực địch mạnh nên tự vệ dồn về phía Hàng Da, Hàng Nón. Do đó nhiều chỗ bị trống.

Liên khu 1 kịp thời đưa một tiểu đội Vệ quốc đoàn đến phòng thủ, nhất là để cố giữ cho được khách sạn Asia. Địch tập trung cố gắng đánh chiếm khách sạn, dùng pháo trên xe tăng bắn trúng các cửa ngõ. Nhưng bộ binh xung phong đều bị ta đánh bật. Một xe tăng địch húc tường chui vào tầng dưới bị chai xăng crếp của ta đốt cháy. Địch phải cố tìm cách kéo xe ra, vì nhà cháy ta phải rút, địch cũng không chiếm được khách sạn. Cuộc tiến công Hàng Bông lần thứ nhất của địch cơ bản bị thất bại.

Trong thời gian này, địch đã có ý định nống ra khu vực nam và cửa ô thuộc Liên khu 2.

Ngày 22, địch từ Đồn Thủy đánh ra Lò Lợn định đánh xuống Ô Đống Mác nhưng bị tự vệ khu Lò Đúc đánh vào sườn. Bị nhiều tổn thất, chúng phải cụm lại ở nhà Đúc tiền.

Cùng ngày, một mũi từ Lò Đúc theo đường Nguyễn Công Trứ định tiến sang phố Duy Tân bị tự vệ Lò Đúc và đại đội của tiểu đoàn 56 (tăng cường cho tiểu đoàn 77) đánh chặn[1].

Cùng ngày, địch theo đường Lê Văn Hưu tiến sang đường Nguyễn Du đánh trụ sở Bộ Tổng tham mưu (nay là trụ sở Tổng cục Bưu điện). Cơ quan Bộ đã rút đi từ tháng 11 năm 1946. Trung đội vệ binh còn lại cùng tự vệ khu chợ Hôm, tự vệ khu Bảy Mẫu chiến đấu quyết liệt đánh lui 5 đợt xung phong của địch. Hai chiến sĩ ôm bom ba càng xông lên bị đạn địch bắn trúng. Trung đội trưởng vệ binh của Bộ Tổng tham mưu là Trần Thành xông lên ôm bom ba càng đâm nổ tung một xe tăng, đồng chí bị thương, bọn địch xông lại định bắt nhưng anh đã cho nổ 2 quả lựu đạn diệt địch và hy sinh vô cùng anh dũng. Đến 20 giờ quân ta rút sau khi đã diệt được 45 tên địch, phá 1 xe tăng. Ta hy sinh 30 chiến sĩ Vệ quốc đoàn, 18 tự vệ.

Ngày 23, địch tiến công Ô Đống Mác lần thứ hai. Đến trưa chúng tiến đến baricát, phá baricát rồi chiếm chùa Thanh Lương. Buổi chiều, nhân lúc địch sơ hở, ta phản kích, đồng loạt ném lựu đạn, địch hốt hoảng bỏ chạy, ta truy kích buộc chúng phải bỏ Ô Đống Mác, Thanh Lương rút về nhà thương (nay là cơ quan Bộ Lâm nghiệp). Ta cũng lui về giữ Ô Đống Mác.

Ngày 23, chúng dùng 6 xe tăng và xe bọc thép cùng một số xe chi viện bộ binh theo hai hướng: một từ ngã năm Hàng Kèn theo đường Bà Triệu, Huyền Trân Công Chúa; một theo đường Duy Tân để đánh chiếm chợ Hôm Đức Viên. Vệ quốc đoàn và tự vệ lợi dụng đường đục qua tường nhà, cơ động lực lượng, dùng bom ba càng, dùng bộ binh đánh vào sườn địch phá được 2 tăng, diệt 30 tên, đánh lui được địch. Chúng không thực hiện được ý định đánh chiếm chợ Hôm.

Về phía ta, từ ngày 20, đi đôi với việc chặn đánh các đợt tiến công của địch, liên tiếp trong các tối, ta dùng lực lượng nhỏ tập kích quấy rối, tiêu hao nhỏ làm địch mất ăn mất ngủ, tiêu phí đạn dược. Ngày 21, ta tập kích trại Ngọc Hà. Trong các tối 21, 22, 23, ta liên tiếp quấy rối địch từ Yên Phụ đến cầu Long Biên. Tự vệ và bộ đội các khu đều có bộ phận nhỏ đánh du kích.

---

1. Đại đội này được gọi là đại đội hải ngoại, vì gồm các binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp trước đây đóng ở Thượng Hải (tô giới của Pháp ở Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch). Khi được tin nước nhà đã giành được độc lập, anh em đấu tranh đòi về nước. Pháp phải nhượng bộ, đưa về Hải Phòng. Đại đội này chiến đấu rất dũng cảm, bắn rất giỏi.

Trong ngày 22, bằng cách bắn ngắm trực tiếp, pháo đài Láng đã bắn rơi một máy bay địch. Đây là chiếc máy bay bị rơi đầu tiên ở Hà Nội từ khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tối 23, Bộ chỉ huy mặt trận giao nhiệm vụ cho tất cả các đơn vị phải mở một đợt đánh du kích, quấy rối đồng loạt nhiều vị trí địch.

Các liên khu đã tích cực chấp hành mệnh lệnh. Địch bị đánh ở nhiều nơi. Riêng Liên khu 3 chủ trương tiến công một lần nữa để tiêu diệt địch ở nhà dầu Sen và nhà Ga nhưng đều bị chặn lại.

Sau ba ngày chiến đấu, đến ngày 23 tháng 12, Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội quyết định điều chỉnh lại lực lượng theo thế trận đã xác định từ trước. Các lực lượng Liên khu 1 co về khu vực cố thủ để đánh dài ngày. Liên khu 2 và Liên khu 3 bố trí lại lực lượng để đánh địch tiến công trên các trục đường ra cửa ô.

Các liên khu tiếp tục tăng cường chiến lũy, công sự, hầm hố, giao thông hào, chướng ngại, tiến hành mạnh mẽ công tác chính trị, nắm vững bộ đội, tránh hoang mang dao động đi đến tan rã, tiếp tục tản cư dân, bổ sung đạn dược, lương thực.

Khi các lực lượng vũ trang Liên khu 1 co về khu cố thủ, nói chung cán bộ, bộ đội có tinh thần vững vàng, nhưng Liên khu ủy phát hiện một số ít cán bộ, thậm chí cán bộ cấp tiểu đoàn sợ chiến đấu trong vòng vây, bàn tán với nhau cách phá vây. Liên khu ủy đã kịp thời lãnh đạo để toàn thể cán bộ, chiến sĩ kiên trì chiến đấu dài ngày trong vòng vây vì đây là một cách đánh mà trên đã xác định.

Theo chỉ thị của Bác và Thường vụ, tối 23 tháng 12, đồng chí Trần Quốc Hoàn, đặc phái viên của Trung ương, đồng chí Lê Quang Đạo - Phó bí thư Thành ủy Hà Nội, đồng chí Trần Việt Hùng - Khu phó Chiến khu 11, bí mật luồn vào Liên khu 1 nắm tình hình và nhận thấy ta có khả năng đánh dài ngày. Các đồng chí đồng ý báo cáo lên Thường vụ và Đảng ủy mặt trận cho rút ra ngoài vài ba cán bộ dao động. Sau đó việc này đã được thực hiện.

Sự quan tâm sâu sắc của Trung ương đã động viên cổ vũ cán bộ, chiến sĩ Liên khu 1 kiên quyết chấp hành nhiệm vụ đánh sau lưng địch và làm cho sự lãnh đạo và chỉ huy của liên khu càng vững mạnh kiên định hơn.

Do lực lượng có hạn, địch không có khả năng đẩy ta ra ngoài cửa ô nhanh chóng mà chỉ nống ra một ít và chủ yếu cố siết chặt vòng vây Liên khu 1.

Ngày 24, địch tiến công rạp Philácmôníc (nay là rạp múa rối nước, phố Đinh Tiên Hoàng) định đánh Hàng Dầu thì bị ta chặn lại. Ngày 27, chúng chiếm khu vực Hàng Hành, Bảo Khánh, Hàng Trống ở phía nam Liên khu 1.

Sau khi chiếm được khu vực này, địch tiến công Hàng Gai và đánh chiếm Hàng Bông lần thứ hai. Ở Hàng Gai, Ban chỉ huy Liên khu 1 đã tăng cường 5 tiểu đội Vệ quốc đoàn, một đơn vị hỗn hợp tự vệ, tự vệ chiến đấu và công an xung phong. Địch cố chiếm hiệu thuốc Noócman, đình Hàng Gai. Ta giành giật từng gian nhà với địch, đưa lực lượng đến phản kích.

Điều đáng tiếc là trong khi ta đang đánh địch quyết liệt ở Hàng Gai thì ở Hàng Bông ta bị đánh bất ngờ, ứng cứu không kịp, phải bỏ hết các vị trí bên dãy số lẻ sang giữ dãy số chẵn. Việc này ảnh hưởng đến việc chiến đấu phòng thủ ở Hàng Gai. Đến 18 giờ, địch cũng chiếm được dãy số lẻ trong đó có nhà Noócman và nhà Chí Lợi. Ta cũng buộc phải chuyển sang giữ bên số chẵn.

Cũng trong 2 ngày trên, địch chiếm Sở Thủy Lâm, Sở Giao thông công chính, Tòa án Hàng Tre ở phía đông liên khu.

2. Chặn đánh địch ra các cửa ô, trụ bám Liên khu 1 để đánh trong lòng địch (24-12-1946 - 14-1-1947)

Ở Liên khu 3, ngày 24 địch từ nhà Gianđa (nay là Bảo tàng Mỹ thuật) định đánh xuống Ô Chợ Dừa theo đường Hàng Bột nhưng bị quân ta ở khu Văn Miếu chặn đánh quyết liệt nên phải rút lui.

Ở Liên khu 2, sau hai lần đánh Ô Đống Mác bị ta đánh lui, ngày 24 tháng 12 địch tập trung lực lượng quyết đánh chiếm Ô Đống Mác. Để bảo toàn lực lượng, ta chặn đánh một thời gian ngắn rồi rút về Thanh Lương, tổ chức phòng thủ ở chiến lũy Ba Hàng.

Ngày 25, bộ binh và cơ giới địch theo đường Lê Đại Hành cho một mũi định đánh thông đường Đại Cồ Việt nhưng bị quân ta đánh lui; một mũi tiến qua Vân Hồ định đánh ra Kim Liên để mở thông đường La Thành nhưng không tiến được, cũng buộc phải rút.

Chấp hành lệnh của Tổng chỉ huy, Tổng tham mưu trưởng đã điều tiểu đoàn 56 của trung đoàn 13 Hà Đông (Chiến khu 2) tăng cường cho Hà Nội. Bộ chỉ huy Chiến khu 11 đã giao tiểu đoàn này cho Liên khu 2 để có thêm lực lượng ở vùng cửa ô. Tiểu đoàn đã được bố trí ở khu vực Ô Đống Mác, Thanh Lương để đánh địch.

Đồng chí Phùng Thế Tài, trung đoàn trưởng trung đoàn 13 đã được Bộ chỉ huy mặt trận giao nhiệm vụ chỉ huy cả 3 tiểu đoàn 77, 212 và 56. Ba tiểu đoàn này theo quyết định của Bộ chỉ huy mặt trận đã rút ra phòng thủ tuyến nam đường La Thành, đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khát Chân.

Cũng trong ngày 25, Thường vụ Trung ương đã quyết định sáp nhập Chiến khu 11 vào Chiến khu 2 để Hà Nội có thêm một hậu phương vững chắc, rộng rãi. Đồng chí Vương Thừa Vũ làm Khu phó Chiến khu 2, đồng thời trực tiếp là chỉ huy trưởng mặt trận Hà Nội. Đồng chí Trần Độ làm Phó chính ủy Chiến khu 2.

Ngày 26, địch tiến công Ô Cầu Dền để đánh thông đường La Thành. Ở đây ta đắp một chiến lũy rất vững chắc. Đồng chí Phùng Thế Tài đã chỉ đạo xây một hỏa điểm đại liên trên nóc baricát. Chờ địch đến gần, ta phát huy hỏa lực đại liên diệt trên một chục tên địch. Sau ba lần xung phong bị đánh lui, địch phải rút quân.

Cũng trong ngày 26, địch theo đường Trần Khánh Dư và đường Ô Đống Mác, đê Thanh Lương định đánh xuống Vĩnh Tuy. Ta diệt nhiều tên buộc chúng phải rút lui.

Ngày 28 địch tiến công Ô Cầu Dền lần thứ hai, lần này có xe tăng dẫn đường. Do phán đoán trước nên ta đã bố trí sẵn lực lượng. Khẩu badôca cơ động của mặt trận được điều đến; ngoài ra, trên đường còn úp nồi niêu, xoong chảo để nghi binh. Xe tăng địch phải chạy chậm và cho bộ binh đi dò mìn trước. Ta bắn các tên dò mìn và bọn ngồi trên xe, còn badôca do một chiến sĩ người Nhật sử dụng đã bắn cháy một xe tăng. Thấy ta có badôca, địch khiếp sợ buộc phải tháo chạy, ý định chiếm Ô Cầu Dền bị thất bại. Thừa thắng, ta thọc lên đến trường Duy Tân diệt một số địch rồi rút về Ô Cầu Dền.

Ở Ô Cầu Dền dựa vào chiến lũy khá kiên cố, ta giữ được vị trí khá lâu. Đồng thời, ở nam đê Bành Lao, ta đào một chiến hào bố trí lực lượng để chặn địch. Đồng chí Vương Thừa Vũ đã trực tiếp đến đây để rút kinh nghiệm việc đắp ụ chiến lũy Cầu Dền và động viên bộ đội. Trong một thời gian khoảng 20 ngày địch không đột phá nổi.

Cũng trong ngày 28, địch lại theo hai hướng Trần Khánh Dư, Đống Mác, Thanh Lương tiến đánh Vĩnh Tuy lần thứ hai, có phi pháo chi viện mãnh liệt, có xe tăng dẫn đầu. Quân ta dựa vào chiến lũy Ba Hàng, dùng đại liên diệt nhiều tên, đánh lui địch. Riêng ở làng Thanh Lương lực lượng ta rút ra ngoài nhử địch vào rồi từ hai mặt phản kích, địch hốt hoảng tháo chạy, ta

truy kích đến Đống Mác. Trận này ta diệt 50 tên địch, ta thương vong 16. Đây là một trận đánh dũng cảm, mưu trí, sáng tạo.

Một điểm đáng chú ý là khi tiến công, địch bắt dân đi trước, chúng cũng mặc áo dân tiến sau. Ta phải bắn chỉ thiên cho dân tản ra để đánh địch.

Ngoài ra, địch phái bọn Việt gian, thổ phỉ ăn mặc giống ta trà trộn để bắn lén, chỉ điểm cho phi pháo. Các liên khu phải tổ chức bộ phận đặc nhiệm để quét bọn này.

Về phía ta, sau đợt quấy rối tập kích đêm 23, Bộ chỉ huy mặt trận lại lệnh cho các liên khu phải tiếp tục đánh du kích, đồng thời chuẩn bị để đánh địch tiến công ra các cửa ô khác.

Trong các đêm 24, 25, 26 cho đến 29, tự vệ Trúc Lãng quấy rối địch từ Yên Phụ đến cầu Long Biên.

Đêm 24, tự vệ Liên khu 1 quấy rối địch ở Hàng Đậu. Tự vệ khu Hoàn Kiếm và 1 tổ Vệ quốc đoàn tập kích nhà Moóclie, treo quốc kỳ ở Tháp Rùa.

Đêm 25, một trung đội của tiểu đoàn 145 tập kích nhà Tiền diệt một số địch. Một bộ phận khác của tiểu đoàn tập kích địch ở chùa Một Cột, phá một xe gíp.

Một đơn vị tự vệ Liên khu 3 tập kích vào nhà Gianđa phá được 2 xe tăng. Cũng trong đêm 25, tiểu đoàn 523 Liên khu 3 lại đánh nhà Ga và nhà dầu Sen lần thứ ba. Riêng đơn vị đánh nhà dầu Sen được tăng cường một khẩu 37 ly với 6 viên đạn và một khẩu 12,7 ly với 175 viên đạn.

Ở nhà Ga, ta đột nhập được vào sâu, ném một số lựu đạn, bị hỏa lực địch chặn không tiến lên được. Khi rút, ta ném lựu đạn phá được một xe thiết giáp.

Ở nhà dầu Sen và quán cơm Hỏa Xa, lần này ta áp sát diệt được một ụ súng rồi bị hỏa lực địch chặn lại không vào được cổng. Mũi chiến đấu vào theo đường Khâm Thiên diệt được ụ súng thứ hai. Ta phát hiện một xe bọc thép đang bắn. Lập tức đồng chí Nguyễn Vũ Giáp, quân khí viên và các đồng chí Triệu, Quảng ném lựu đạn lên xe rồi chiếm xe, dùng khẩu 12,7 ly trên xe bắn vào các hỏa điểm ở tầng cao, lái xe ra bắn vào địch ở nhà chè Phú Xuân và vào ga. Cuối cùng bắn hết đạn vào nhà dầu Sen, các anh phá xe rồi rút. Anh em định tháo khẩu 12,7 ly nhưng không biết tháo.

Đây là một trận đánh đạt kết quả khá, dũng cảm mưu trí diệt được 2 ụ súng, chiếm được 1 xe thiết giáp.

Đồng chí Nguyễn Văn Trân và đồng chí Trần Độ đã đến đơn vị trực tiếp biểu dương bộ đội đánh tốt và trao tặng phẩm cho anh em.

Liên khu 2 cũng cho 1 đại đội của tiểu đoàn 56 chia thành ba bộ phận vào tập kích địch ở các phố Mai Hắc Đế, Huyền Trân Công Chúa, nhà Diêm... Một tổ tự vệ chiến đấu phục kích ở phố Hàm Long diệt một ít địch.

Liên khu 1 đã đánh du kích rộng rãi, nhiều tổ bắn tỉa săn Tây được hình thành, diệt và làm bị thương nhiều tên địch làm chúng rất khiếp sợ.

Về phía địch, đến ngày 27 chúng đánh thông đường số 5 và đưa vào một bộ phận lực lượng đến tăng cường cho Hà Nội.

Ngày 28 tháng 12, Ủy ban kháng chiến và Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội họp kiểm điểm tình hình tác chiến trong 10 ngày qua. Tổng chỉ huy và Tổng tham mưu trưởng cũng đến tham dự cuộc họp.

Cuộc họp đánh giá, tuy ta có nhiều nhược điểm, nhiều thiếu sót nhưng trong 10 ngày đánh địch được như vậy là một thành tích lớn. Ta có thể đánh dài ngày hơn.

Có thêm lực lượng, địch sẽ lần lượt đánh ra chiếm các cửa ô còn lại của Liên khu 2 và 3 để giảm bớt thế "nghẹt thở" - một từ mà đài phát thanh của chúng đã dùng, sau đó mới tập trung lực lượng đánh Liên khu 1.

Các Liên khu 2 và 3 đã bố trí lại lực lượng, tăng cường công sự để sẵn sàng đánh trả. Còn Liên khu 1 phải tích cực đánh du kích, cố giữ vững khu cố thủ không cho địch dồn ép.

Các tiểu đoàn lấy thêm tự vệ để bổ sung, đắp thêm chiến lũy, đào thêm công sự sẵn sàng đánh địch.

Phòng chính trị mặt trận đã hướng dẫn các liên khu, các tiểu đoàn tiến hành công tác chính trị mạnh mẽ, chú ý biểu dương các gương chiến đấu dũng cảm kiên cường, nắm vững đơn vị, tránh tình trạng chạy dài, dẫn đến tan rã hàng ngũ, chú ý bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao tác dụng gương mẫu của đảng viên, kết nạp những cán bộ, chiến sĩ ưu tú vào Đảng, tăng cường công tác địch vận bằng gọi loa, kẻ khẩu hiệu, tung truyền đơn vào vị trí địch.

Phòng quân nhu, phòng quân giới cũng kịp thời bổ sung lương thực, thực phẩm và đạn dược. Cái khó nhất vẫn là đạn dược, bom mìn thiếu thốn.

Nhân dân các khu ngoại thành tận tình cung cấp lương thực, rau xanh, làm tiếp tế cứu thương, giúp dân nội thành tản cư và tiếp tục đào hầm hố, công sự để sẵn sàng đánh địch, sẵn sàng làm vườn không nhà trống khi địch

tiến đến. Ngày 30 và 31 tháng 12 năm 1946 địch mở cuộc tiến công để chiếm Ô Chợ Dừa (thuộc Liên khu 3) và khu vực Kim Liên (giáp ranh giữa hai Liên khu 2 và 3).

Ngày 30, địch huy động 600 quân có 30 xe vừa tăng, thiết giáp và vận tải từ hai hướng: một hướng từ nhà Gianđa theo đường Hàng Bột, một hướng từ nhà dầu Sen theo đường Khâm Thiên cùng tiến đánh Ô Chợ Dừa.

Theo quyết định của Ủy ban kháng chiến Liên khu 3, tiểu đoàn 523 bố trí 1 đại đội ở đường Hàng Bột và xóm Văn Chương, 1 đại đội dọc đường Khâm Thiên và xóm Thổ Quan, còn 1 đại đội chia ra 1 trung đội ở Kim Liên, 1 trung đội ở Ô Chợ Dừa và 1 trung đội ở Thịnh Hào.

Từ 25 tháng 12 năm 1946, Valuy chỉ thị: "Đừng ngần ngại gì mà không đánh mạnh bằng bom và pháo... phải sớm kết thúc, phải làm cho kẻ thù hiểu rõ ưu thế áp đảo của các phương tiện của ta".

Từ 5 giờ sáng, địch thực hành hỏa lực chuẩn bị rất lâu, có cả máy bay oanh tạc. Bom nổ trúng vào sở chỉ huy của Ủy ban kháng chiến và tiểu đoàn 528 ở nhà máy Tóc. Đồng chí Đỗ Trình, Chủ tịch Ủy ban bị sức ép của bom. Sở chỉ huy chuyển về Thái Hà ấp.

Tiếp đó, 300 bộ binh có 4 tăng, 2 thiết giáp mở đường tiến vào Hàng Bột. Ta không có pháo hay cối đánh vào đội hình địch, bộ đội cùng tự vệ dựa vào chiến lũy và công sự đào ở các nhà hai bên đường, dùng súng trường và lựu đạn chặn đánh. Địch dùng xe ủi phá các baricát. Đến 10 giờ chúng vẫn chưa tiến được đến ụ baricát thứ hai, nên cho một bộ phận có xe tăng dẫn đầu, từ nhà Tiền (nay là nhà in Tiến Bộ) tiến xuống xóm Thịnh Hào ở phía tây Hàng Bột. Ở đây, làng mạc, ao hồ nhiều, ta không chuẩn bị đánh tăng. Do đó, chỉ đánh được khoảng 20 phút và buộc phải rút. Địch từ Thịnh Hào thọc ngang ra đường Hàng Bột, bộ binh địch tiến theo sát các dãy nhà hai bên đường phố ném lựu đạn vào các công sự của ta. Ta rút về phía Nam Đồng.

Trên đường Khâm Thiên, bộ đội, tự vệ, công nhân đường sắt dựa vào chiến lũy ngoan cường chặn địch. Chúng không tiến được. Địch lại cho một bộ phận từ Sinh Từ, sân thể thao Séptô tiến qua xóm Văn Chương xuống cắt ngang đường Khâm Thiên liên lạc với địch ở Ô Chợ Dừa tiến sang.

Chiếm được Ô Chợ Dừa, quân địch bị diệt 30 tên trong điều kiện chiến đấu ác liệt, ta hy sinh 35 đồng chí, bị thương 20 người.

Để chiếm Kim Liên, địch đã tiến công nhiều lần nhưng đều bị đánh lui. Ngày 31, địch sử dụng 2 xe tăng, 4 thiết giáp dẫn 200 quân từ đầu phố Khâm Thiên tiến xuống và từ đường Đại Cồ Việt tiến sang.

Một đơn vị của tiểu đoàn 523 cùng tự vệ dựa vào chiến lũy, công sự, giao thông hào chặn địch, chúng bị thiệt hại khá nhiều. Địch cho một số xe lội nước chở quân vượt hồ Bảy Mẫu đánh vào cách Kim Liên 600m. Ta rút lui, thương vong khoảng 40 người, trong đó có 1 cán bộ đại đội, 3 cán bộ trung đội, phần lớn do bị máy bay oanh tạc.

Sau đợt đánh chiếm Ô Chợ Dừa và Kim Liên, ngày 3 tháng 1 năm 1947, tức 3 ngày sau, địch sử dụng 700 quân có 7 tăng, 10 xe thiết giáp, 70 xe vận tải chở quân theo 3 trục: Đội Cấn, Hoàng Hoa Thám, Thủ Khoa Huân đánh về phía tây của thành phố.

Việc đánh địch trên đường Đội Cấn diễn ra quyết liệt nhất. Một đồng chí ôm bom ba càng xông ra đâm vào xe tăng, bom không nổ, đồng chí hy sinh, một đồng chí khác lại ôm quả khác xông lên phá được tăng địch. Ta trụ bám từng nhà, dựa vào chiến lũy, công sự hoặc từ gác cao ném lựu đạn, dùng súng trường bắn địch. Địch không tiến được. Cuối cùng chúng cho một mũi từ phố Sơn Tây tiến qua làng Vạn Phúc đánh vào Liễu Giai vu hồi vào phía sau, ta rút quân.

Trên đường Hoàng Hoa Thám, địch từ vườn Bách Thú tiến đánh Hữu Tiệp rồi nhà bia Hômen có xe tăng dẫn đầu. Ta chặn đánh diệt một số rồi rút.

Trên đường Thủ Khoa Huân, xe tăng cùng bộ binh địch đánh nhà Xe điện. Tổ quyết tử đánh bom ba càng không nổ bị hy sinh. Địch tiến tiếp đến nhà máy giặt, ta lui về dốc Tam Đa.

Trên cả ba mũi, nhất là trên đường Đội Cấn, địch bị tổn thất rất nặng, chết 116 tên, ta phá hủy 1 tăng, 2 xe vận tải, phá hỏng một thiết giáp. Ta hy sinh 30, bị thương 25.

Chiều ngày 5 tháng 1, địch dùng 200 quân, 2 tăng, 4 thiết giáp tiến công tiếp Tam Đa. Ta chặn đánh trong 2 giờ rồi rút về Vĩnh Phúc.

Đồng thời với việc tiến công trên 3 trục đường phía tây, ở Liên khu 2, trong ngày 3 tháng 1, địch còn cho 1 đại đội 2 xe tăng, 3 thiết giáp cùng một số xe vận tải tiến công chiến lũy Ba Hàng và đê Thanh Lương ở hướng đông nam Lò Lợn. Đồng chí Vương Thừa Vũ có mặt ở đây đã trực tiếp điều động các phân đội đánh địch, chỉ huy cối 60 ly bắn hỏng một xe thiết giáp, dùng đại liên bắn địch, rồi cho bộ đội phản kích đuổi địch đến Lò Lợn. Trận này ta

diệt 50 tên địch, bắn hỏng một thiết giáp. Ta hy sinh 12 người trong đó có 1 đại đội trưởng.

Một trận đánh đáng chú ý là trận địch tập kích quân ta ngày 6 tháng 1 năm 1947 ở Giảng Võ. Một đại đội của tiểu đoàn 56 được điều đến làng này, tuy có phán đoán địch sẽ tiến công nhưng vì canh gác không cẩn mật bị địch đánh bất ngờ. Chúng bao vây làng rồi dùng pháo bắn mãnh liệt, đột phá vào làng. Đại đội trưởng Vũ Công Định tổ chức lực lượng, anh dũng chống cự quyết liệt gây cho địch nhiều tổn thất. Tuy bị thương nặng, đồng chí Định vẫn chỉ huy bộ đội đánh địch quyết liệt. Cuối cùng ta buộc phải đánh mạnh phá vây đưa một bộ phận lực lượng rút sang khu Thành Công. Kết quả ta hy sinh 40 người, trong đó có đồng chí Vũ Công Định, bị thương 10 người, mất 15 súng trường. Địch chết 30 tên.

Tấm gương hy sinh anh dũng của Vũ Công Định đã được đăng trên báo chí và phổ biến cho các đơn vị học tập. Một khóa Trường Quân chính Hà Nội đã lấy tên là khóa Vũ Công Định.

Cũng trong ngày 6 tháng 1, địch tiến công rạp Philácmôníc ở nam Liên khu 1. Tự vệ chiến đấu chống trả quyết liệt đánh lui địch, sau đó rút quân.

Sau đợt đánh chiếm các cửa ô, lực lượng địch càng bị phân tán ra chiếm đóng nên không còn lực lượng để tiến công tiếp.

Bộ Tổng tham mưu biết Chính phủ Pháp đã cử Mariux Mutê, bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại và Đại tướng Lơcléc, Tổng thanh tra quân đội Pháp sang Đông Dương xem xét tình hình. Về nước, Lơclée đề nghị tăng viện 2 vạn quân để kết thúc chiến tranh trước mùa mưa năm 1947. Chính phủ Pháp phê chuẩn. Bộ Tổng tham mưu Pháp cố vét quân và bắt thêm lính nhưng chỉ đưa được 14 tiểu đoàn sang và đợt đầu một số tiểu đoàn có thể đến Hải Phòng vào đầu tháng 1. Như vậy là vào trung tuần tháng 1, quân tăng viện sẽ đến Hà Nội.

Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội phán đoán địch có thể sẽ đánh ra ngoại thành trước, đẩy lực lượng ta ra xa hơn rồi mới quay vào đánh Liên khu 1.

Để Hà Nội có điều kiện tiếp tục giam chân địch, Bộ Tổng chỉ huy quyết định giao nhiệm vụ cho Chiến khu 2 tăng cường cho mặt trận Hà Nội 2 tiểu đoàn: tiểu đoàn 45 thuộc trung đoàn 9 Sơn Tây và tiểu đoàn 64 thuộc trung đoàn 13 Hà Đông.

Căn cứ vào sự phán đoán nói trên, Ủy ban kháng chiến Hà Nội và Bộ chỉ huy mặt trận điều chỉnh lại sự bố trí để đánh địch tiến công ra ngoại thành.

- Tiểu đoàn 145 do đồng chí Trác Vinh Nam làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên các trục đường đi Yên Phụ, Nhật Tân, đường Thủ Khoa Huân, đường Hoàng Hoa Thám - Bưởi, đường Đội Cấn - Cống Vị.

- Tiểu đoàn 523 do đồng chí An Giao làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên các trục đường Sơn Tây, Cầu Giấy, đường Đê La Thành, đường Ô Chợ Dừa - Ngã Tư Sở - Thái Hà Ấp.

- Tiểu đoàn 64 do đồng chí Quốc Linh làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên trục đường Kim Liên - Cống Vọng và khu vực Việt Nam Học Xá.

- Tiểu đoàn 212 do đồng chí Hồng Kỳ làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên các trục đường Lò Lợn - Mai Động và dọc đê Đại Hà đi Vĩnh Tuy.

- Tiểu đoàn 56 do đồng chí Nguyễn Anh Đệ làm tiểu đoàn trưởng, được điều động sang tăng cường cho Liên khu 3. Tiểu đoàn 77 do đồng chí Hoàng Kiện làm tiểu đoàn trưởng, sang thay tiểu đoàn 56 trên đường Ô Cầu Dền, đường Nam Bộ.

- Tiểu đoàn 45 do đồng chí Tuấn Sơn làm tiểu đoàn trưởng làm đội dự bị chung của mặt trận, bố trí trên trục đường Thái Hà Ấp - Hà Đông.

Rút kinh nghiệm của các trận chiến đấu vừa qua, đồng chí Vương Thừa Vũ chỉ thị tất cả các đơn vị đều phải có bộ phận phòng ngự, bộ phận dự bị và bộ phận dùng để tiến công.

Ủy ban kháng chiến Hà Nội quyết định sáp nhập khu Đống Đa với Liên khu 3 để tiện việc lãnh đạo và chỉ huy tác chiến trên một trục đường từ Ô Chợ Dừa ra Thái Hà Ấp. Đồng chí Đỗ Trình vẫn làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu 3 Đống Đa. Đồng chí Đỗ Đức Kiên, nguyên Chủ nhiệm Thành bộ Việt Minh, được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Đại La.

Một lần nữa, phòng chính trị và các chính trị viên các tiểu đoàn, các đơn vị tự vệ lại tiến hành công tác động viên chính trị để các lực lượng vũ trang kiên quyết chặn đánh địch tiến công ra ngoại thành.

3. Đánh địch tiến công ra ngoại thành tiếp tục giữ Liên khu 1 để đánh địch (15-1-1947 - 5-2-1947)

Ngày 15 tháng 1 năm 1947, mặc dù hai bên đã thỏa thuận ngừng bắn để đưa dân và ngoại kiều ở Liên khu 1 ra ngoài, nhưng địch vẫn sử dụng

1.000 quân, 150 xe các loại tiến công vùng ngoại thành ở phía nam. Chúng chia thành hai cánh lớn:

- Một cánh xuất phát từ Lò Lợn (phố Lò Đúc), qua Ô Đống Mác, tiến đánh Lương Yên, Vĩnh Tuy, rồi tiến sang ngã tư Trung Hiền.

- Một cánh xuất phát từ Ô Chợ Dừa, qua Kim Liên theo đường số 1 tiến công Ngã Tư Vọng rồi chia làm hai mũi: một mũi tiến công về phía đông đánh chiếm ngã tư Trung Hiền, một mũi tiến về phía tây đánh chiếm sân bay Bạch Mai và Ngã Tư Sở.

Mục đích của địch là chiếm quãng vành đai từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở.

Do địa hình vùng ngoại thành trống trải, ít có phố xá hai bên đường, việc đắp chiến lũy, đào hào, lập chướng ngại ít tác dụng, nên địch tiến công theo các đường nói trên thuận lợi hơn. Để đánh chiếm ngã tư Trung Hiền, địch đã không tiến quân thẳng từ Ô Cầu Dền xuống để tránh các chiến lũy và chướng ngại của ta dọc phố Nam Bộ (nay là phố Bạch Mai), nhất là chiến lũy Ô Cầu Dền.

Vệ quốc đoàn, tự vệ ngoại thành, có đông đảo nhân dân chi viện đã tích cực đánh địch.

Trong đợt này có 2 trận đáng chú ý: Trận ở khu vực Vĩnh Tuy - ngã tư Trung Hiền và trận ở nhà thương Vọng (nay là Bệnh viện Bạch Mai).

Trong trận thứ nhất, từ 4 giờ sáng, địch cho một số ca nô chở quân tắt máy trôi theo dòng sông Hồng đổ bộ quân, bí mật ém sẵn ở bãi ngô bờ sông Vĩnh Tuy, ta không phát hiện được. Một trung đội Vệ quốc đoàn của tiểu đoàn 212 đã chặn đánh địch kịch liệt ở Lương Yên, diệt khoảng 20 tên. Tiếp đó từ lúc 7 giờ, địch cho 2 xe tăng, 2 xe thiết giáp, 15 ô tô chở quân theo đê đánh vào chiến lũy Ba Hàng, đồng thời cho ca nô đổ quân lên Vĩnh Tuy. Một bộ phận địch từ Lạc Trung xuống. Vì ba mặt có địch, ta buộc phải rút. Địch tiếp tục đánh ngã tư Trung Hiền. Một đại đội tiểu đoàn 77 cùng đại đội tự vệ khu Duy Tân (nay là phố Bạch Mai) chặn đánh địch ở nghĩa trang Hợp Thiện, Quỳnh Lôi, Minh Khai, trại Hàn Lân. Trong trận này có trung đội hy sinh quá nửa quân số vì giao chiến ở dã ngoại, ta ít có công sự. Trong số hy sinh có hai cặp ba anh em ruột: Hoàng Văn Bút, Hoàng Văn Mặc, Hoàng Văn Nghiên và Nguyễn Như Nam, Nguyễn Như Tịch, Nguyễn Như Giao. Địch cũng bị tổn thất nặng.

Chiếm xong ngã tư Trung Hiền, địch tiến sang nhà thương Vọng.

Trận đánh nhà thương Vọng là trận đánh diễn ra rất ác liệt. Ở đây ta có đại đội 68 của tiểu đoàn 64 và 3 trung đội tự vệ, khoảng 100 nữ tiếp tế cứu thương ở các nơi dồn về. Tổng quân số lên khoảng trên 500 người. Địch sử dụng xe tăng, thiết giáp và khoảng 300 lính Xênêgane từ phía Kim Liên tiến xuống. Ta đánh lui hai đợt xung phong. Đợt thứ ba, chúng cho xe tăng thiết giáp dẫn bộ binh húc đổ tường phía nam bệnh viện rồi xông vào. Ta chặn đánh quyết liệt diệt nhiều tên. Vì hết đạn, bộ đội và tự vệ phải rút lui, một bộ phận khác chui xuống hầm. Đến nửa đêm, bộ phận này cũng rút được. Ta diệt khoảng 100 địch, phá hủy 2 xe tăng, 3 xe cơ giới. Nhưng tổn thất của ta rất lớn: 2 trung đội Vệ quốc đoàn và 50 tự vệ hy sinh. Đây là trận đánh ta bị thương vong lớn nhất do không quán triệt tư tưởng bảo toàn thực lực để đánh lâu dài.

Khi đánh xuống Ngã Tư Sở, địch có một mũi tiến từ Ô Chợ Dừa xuống bị 1 trung đội của tiểu đoàn 523 phục kích ở gò Đống Đa diệt khoảng 1 trung đội địch.

Ngày 16 địch mới chiếm được Ngã Tư Sở.

Cùng ngày, địch tiến đánh đường Tàu Bay (nay là đường Trường Chinh), đánh chiếm sân bay Bạch Mai và tiến công khu Việt Nam Học Xá. Ở khu Việt Nam Học Xá, một đại đội của tiểu đoàn 77, một đại đội của tiểu đoàn 64, một đại đội tự vệ sinh viên và đại đội tự vệ Bảy Mẫu đã lần lượt chặn đánh địch trong 2 ngày 16 và 17. Riêng tự vệ sinh viên đã dùng đại liên diệt khoảng 50 tên địch. Đây là một thành tích đáng khen.

Như vậy là với lực lượng khá lớn, địch phải mất 2 ngày mới chiếm được đoạn vành đai gần 6km từ Vĩnh Tuy qua ngã tư Trung Hiền đến Ngã Tư Sở. Quân ta trải qua gần một tháng đánh địch đã có ít nhiều kinh nghiệm nên đã chặn đánh tốt hơn, gây cho địch thiệt hại lớn hơn. Chính quyền các xã ngoại thành đã huy động tự vệ và nhân dân tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Ngày 18, địch ở khu vực Vĩnh Tuy đánh Nam Dư Thượng, Nam Dư Hạ vì chúng phát hiện pháo của ta ở Thổ Khối đã chuyển về đây. Hai đại đội của tiểu đoàn 212 đánh lui được địch diệt 50 tên, pháo bắn đắm 1 ca nô, 1 xe tăng bằng bắn ngắm trực tiếp.

Sau đợt đánh địch chiếm quãng vành đai Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở, ta phán đoán địch sẽ đánh tiếp quãng Ngã Tư Sở - Bưởi.

Ngày 20 tháng 1 năm 1947, địch tập trung 1.200 quân trên 100 xe các loại, có 3 máy bay chi viện, mở đợt tiến công để chiếm hai mục tiêu Bưởi và Cầu Giấy.

Ta có tiểu đoàn 145 và một bộ phận của tiểu đoàn 56 chặn đánh địch.

Để tiến công Bưởi, địch chia làm hai mũi: một mũi khoảng 150 tên từ dốc Tam Đa, nhà máy thuộc da theo đường Thụy Khuê tiến lên. Một mũi khoảng 200 tên từ nhà máy bia theo đường Hoàng Hoa Thám tiến lên. Các mũi đều có xe tăng và xe cơ giới dẫn đầu. Ta chặn đánh ở Ngọc Hà, Vĩnh Phúc, Bưởi rồi rút về Nghĩa Đô, Cổ Nhuế.

Để đánh Cầu Giấy địch tiến quân theo ba mũi: một mũi từ Liễu Giai theo đường Đội Cấn đánh lên Cống Vị, một mũi theo đường Sơn Tây đánh lên Thủ Lệ và Yên Lãng và một mũi từ Ngã Tư Sở theo đường Láng đánh lên Cầu Giấy. Ở Thủ Lệ, 1 trung đội Vệ quốc đoàn cùng tự vệ chặn đánh, dùng đại liên bắn mạnh diệt 30 địch. Trên đường Láng, mũi từ Ngã Tư Sở tiến lên bị ta phục kích ở Hòa Mục. Vì giữ được bí mật, đánh bất ngờ nên ta diệt 50 địch. Địch từ các mũi tiến đánh Cầu Giấy và Thủ Lệ. Ta chặn đánh quyết liệt, diệt trên 100 tên rồi rút về Mai Dịch. Địch đánh Yên Lãng, ta chặn đánh kiên cường, sau đó phải rút. Địch chiếm được pháo đài Láng.

Chiếm được quãng vành đai từ Ngã Tư Sở qua Cầu Giấy đến Bưởi dài 6km, địch bị diệt khoảng 300 tên (không rõ số bị thương), bị phá 2 xe tăng, 2 xe gíp.

Quân ta có nhiều tiến bộ, biết lợi dụng địa hình, địa vật, tổ chức công sự, chờ địch đến gần mới bắn, biết tổ chức phục kích, cán bộ nắm chắc bộ đội, biết sử dụng hỏa lực, biết ngụy trang giữ bí mật, biết tổ chức rút quân tốt nên tổn thất ít. Tuy nhiên vì thiếu bom ba càng, thiếu mìn nên kết quả đánh xe tăng chưa cao.

Sau khi địch chiếm Cầu Giấy và Bưởi, Bộ chỉ huy tiền phương phán đoán địch sẽ đánh chiếm đoạn vành đai cuối cùng Bưởi - Nhật Tân, nên đã lệnh điều chỉnh lại lực lượng để chống địch: đại đội của tiểu đoàn 14 ở Tứ Tổng để 1 trung đội ở Phú Gia và đưa 2 trung đội về Nhật Tân.

Ngày 25 tháng 1 năm 1947 địch tập trung khoảng 500 quân, 30 xe cơ giới đánh vào hai mục tiêu: một là Xuân Tảo, Trích Sài, hai là Nhật Tân.

Ở mục tiêu thứ nhất, địch từ Nghĩa Đô vòng lên Cáo Đỉnh đánh Xuân Tảo và dùng ca nô chở quân qua Hồ Tây đổ bộ lên Trích Sài. Khi địch vào Xuân Tảo, 1 trung đội của ta rút từ Xuân Tảo ra Đông Khu rồi cùng trung

đội ở Cáo Đỉnh phản kích diệt khoảng 30 tên. Địch chiếm Trích Sài rồi đánh sang Xuân Tảo, ta phải rút.

Ở mục tiêu thứ hai, địch tiến quân từ Yên Phụ lên và dùng ca nô đổ bộ 1 đại đội lên Nhật Tân. Đại đội của tiểu đoàn 145 chưa kịp bố trí lại lực lượng theo lệnh của Bộ chỉ huy mặt trận, đã bị địch vây ở Tứ Tổng phải phá vây để rút, bị thương 10, hy sinh 18 đồng chí. Địch kết hợp hai đường thủy bộ chiếm Nhật Tân. Trong đợt tiến công này, địch bị ta diệt 140 tên chủ yếu là ở Xuân Tảo.

Ở Tứ Tổng, vì không có tổ chức lãnh đạo, dân chạy tán loạn bị địch bắn chết và bị thương trên 100. Đó là một thiếu sót lớn.

Như vậy là đến ngày 25 tháng 1 năm 1947 địch đã chiếm xong vành đai ngoại thành.

Tuy nhiên chúng còn mở một số cuộc tiến công để đẩy lùi lực lượng ta ra xa hơn. Ngày 6 tháng 2, chúng đánh Giáp Bát, Yên Duyên; ngày 7 tháng 2, chúng tiến công Chèm, Cổ Nhuế, Hoài Đức, Mai Dịch.

Trong khi đối phó với địch đánh ra vành đai ngoại thành, quân ta vẫn tích cực đánh địch ở nội thành. Đáng chú ý là những trận sau đây:

Ngày 19 tháng 1, nhân kỷ niệm một tháng kháng chiến, ta mở một đợt tập kích, quấy rối đồng loạt vào rất nhiều vị trí địch trong toàn thành. Cờ đỏ sao vàng được treo ở nhiều nơi. Khẩu sơn pháo 75 ly của mặt trận được khiêng vào đặt ở Nghi Tàm bắn 20 phát vào địch ở Trường Bưởi.

Ngày 25, ta cũng dùng pháo được khiêng vào đặt cách sân bay Gia Lâm 400m bắn cháy 2 máy bay vào lúc 14 giờ.

Như vậy là tính từ 19 tháng 12 năm 1946 đến 25 tháng 1 năm 1947, Liên khu 2 và Liên khu 3 đã chống lại 8 cuộc tiến công của địch, đánh mấy chục trận, tiêu hao tiêu diệt hàng ngàn tên và điều quan trọng là làm chậm bước tiến của địch. Từ giữa thành phố đến vành đai ngoại ô khoảng 5km, địch phải mất 40 ngày, bình quân mỗi ngày chúng chỉ tiến được 120m. Đó là một thành tích rất quan trọng, vì nó làm chậm bước tiến của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho Liên khu 1 đánh địch dài ngày hơn nữa.

Trong lúc Liên khu 2 và Liên khu 3 đánh địch tiến công ra chiếm các cửa ô ngoại thành, Liên khu 1 đã phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn phức tạp.

Trước hết, đó là vấn đề tổ chức lực lượng.

Ở Liên khu 1, lực lượng vũ trang của ta rất đông nhưng lại có rất nhiều đầu mối, chưa có tổ chức và chỉ huy thống nhất.

Muốn có sức mạnh, vấn đề mấu chốt là phải tổ chức lại lực lượng và tổ chức lại cơ quan chỉ huy và lãnh đạo.

Liên khu ủy chủ trương thống nhất lực lượng Vệ quốc đoàn, tự vệ, công an xung phong và bổ sung quân số để thành lập 1 trung đoàn, lấy tên là trung đoàn Liên khu 1. Chủ trương này được cấp trên phê chuẩn.

Hội nghị quân sự toàn quốc họp tại Chúc Sơn (Chương Mỹ - Hà Đông) từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 1 năm 1947 quyết nghị tặng trung đoàn danh hiệu vinh dự "Trung đoàn Thủ đô". Đây là công tác chính trị rất kịp thời và đầy ý nghĩa, vì không những nó làm cho toàn bộ cán bộ, chiến sĩ có lòng tự hào được chiến đấu ở trung đoàn này và quyết tâm làm tròn nhiệm vụ vinh quang của mình, mà còn động viên toàn thể các đơn vị khác tích cực chiến đấu noi gương trung đoàn Thủ đô, động viên nhân dân hăng hái tham gia kháng chiến.

Quân số trung đoàn Thủ đô lúc mới thành lập lên đến 5.600 người. Thực ra chỉ có chưa đến 2 đại đội Vệ quốc đoàn của tiểu đoàn 101, còn phần lớn là tự vệ, một phần là công an xung phong và rất nhiều thường dân tình nguyện đầu quân, già trẻ, gái trai, công nhân, học sinh, người buôn bán, viên chức, nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, người làm thuê, nhà tư sản... Tuy xuất thân khác nhau, ăn mặc khác nhau, nhưng có chung một lòng yêu nước, một quyết tâm chiến đấu trong vòng vây của địch.

Đảng bộ Liên khu có 8 chi bộ, 32 đảng viên.

Liên khu ủy chủ trương kết nạp thêm những cán bộ, chiến sĩ có phẩm chất tốt, chiến đấu dũng cảm để tăng thêm sức mạnh của Đảng. Đến giữa tháng 1, số đảng viên lên tới 72 người, chưa kể số được rút ra theo chỉ thị của trên để nhận trọng trách khác.

Với vai trò gương mẫu kiên cường và sự lãnh đạo sát sao đúng đắn của mình, Đảng bộ Liên khu 1 là hạt nhân, là linh hồn của cuộc chiến đấu ở Liên khu 1.

Công tác chính trị được Liên khu ủy và các chi bộ rất coi trọng. Vấn đề mấu chốt là nâng cao tinh thần quyết trụ bám đánh địch trong vòng vây, khắc phục hiện tượng sợ hãi, dao động. Một số cán bộ, chiến sĩ kém tinh thần đã được đưa ra hậu phương. Công tác cổ động chiến trường, báo chí,

tuyên truyền rất được đề cao. Ban chính trị trung đoàn cho xuất bản tờ báo *"Chiến thắng"* để động viên cổ vũ tinh thần mọi người, nêu cao các gương chiến đấu dũng cảm, phổ biến các kinh nghiệm tác chiến.

Nhiều khẩu hiệu được kẻ lên tường như: *"Hà Nội mồ chôn giặc Pháp", "Thà chết vinh còn hơn sống nhục", "Quyết sống chết với Thủ đô", "Hà Nội - Xtalingrát", "Thà chết không chịu làm nô lệ".*

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm theo dõi tình hình tác chiến của trung đoàn Thủ đô. Nhân dịp Tết Đinh Hợi, Người đã gửi thư động viên. Trong thư, Bác viết:

"Các em là đội quyết tử. Các em quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp thụ cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau".

Lời động viên cổ vũ thiêng liêng của Bác đã thấm sâu vào trái tim khối óc của từng cán bộ, chiến sĩ Thủ đô. Họ quyết chiến đấu đến cùng để đáp lại lòng ước mong của Bác.

Nhiều lễ tuyên thệ quyết tử được tổ chức. Nhờ có công tác chính trị mạnh mẽ, tinh thần hăng hái chiến đấu được nâng cao trong toàn trung đoàn.

Tuy Ban chỉ huy trung đoàn được thành lập, các bộ phận của cơ quan đoàn bộ được hình thành, nhưng vì còn dân, còn có quan hệ đối ngoại nên Ủy ban kháng chiến Liên khu vẫn được duy trì để điều hành các công việc đối nội, đối ngoại.

Việc hình thành trung đoàn Thủ đô đã tạo nên một sức mạnh vật chất và tinh thần rất to lớn.

Bên cạnh vấn đề tổ chức lại lực lượng là vấn đề tiếp tế (ngày nay ta nói là vấn đề bảo đảm hậu cần). Vấn đề tiếp tế phải giải quyết gấp rút vì khó khăn rất nhiều ngay sau khi địch chiếm Yên Phụ, khống chế khu Trúc Bạch, đốt cháy khu Long Biên và chiếm hẳn vị trí Phà Đen.

Đồng chí Nguyễn Văn Trân chỉ thị cho đồng chí Tạ Hoàng Cơ phải chở gạo, đạn, thuốc men đến khu Trúc Lãng và giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Mai - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Trúc Lãng, phải tổ chức việc tiếp tế từ liên khu mình vào Liên khu 1. Đồng chí Vũ Yên - Ủy viên tác chiến Liên khu 1 cũng ra liên lạc với đồng chí Vị Hải - Ủy viên quân sự khu Trúc Lãng đề nghị tổ chức khâu tiếp tế này.

Vấn đề thứ ba cần giải quyết là 4 vạn dân chưa kịp tản cư trong đó có gần một vạn người Hoa và mấy chục người Ấn Độ, Liên khu phải bảo vệ tính mệnh, tài sản cho họ và phải chia cả lương thực, thực phẩm, nước ăn và chất đốt cho họ.

Phải tìm cách đưa dân ra ngoài. Bằng đường bí mật, Ủy ban kháng chiến Liên khu đã đưa được một số nhưng rất có hạn.

Để tản cư phần lớn đồng bào còn lại, qua trung gian lãnh sự Trung Hoa dân quốc Vương Tử Kiên, một cuộc gặp gỡ giữa ta và Pháp đã được tổ chức ở Ô Chợ Dừa ngày 13 tháng 1 năm 1947 với sự có mặt của các lãnh sự Mỹ, Anh và Trung Hoa. Hai bên thỏa thuận 15 tháng 1 sẽ ngừng bắn để dân tản cư ra theo đường Hàng Than, Yên Phụ.

Ngày 15, việc tản cư dân đã được thực hiện. Tuy nhiên, việc này rất khó khăn. Vì sợ địch lật lọng, dân không dám đi. Các đoàn thể cứu quốc và Ủy ban kháng chiến các cấp phải giải thích kỹ lưỡng, dân mới tin và chịu ra đi.

Công tác Hoa vận phải tiến hành khá vất vả người Hoa mới chịu nghe để chuyển ra nơi an toàn.

Trong lần tản cư này, ta kết hợp đưa ra theo đường bí mật và công khai hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ để đỡ phải bảo đảm lương thực, thực phẩm. Đáng chú ý Liên khu ủy đã tổ chức đưa ra theo đường bí mật cụ Nguyễn Văn Tố - Trưởng ban Thường trực Quốc hội, bác sĩ Trần Hữu Tước, bác sĩ Nguyễn Cao Luyện, nhà tư sản yêu nước Trịnh Văn Bô, những vị nằm trong danh sách cần đưa ra nhưng chưa ra kịp.

Ngày 20 tháng 1, theo thỏa thuận giữa hai bên, 3.000 dân lại được đưa ra tiếp. Ta cũng đưa tiếp theo đường bí mật khoảng 3.000 cán bộ, chiến sĩ. Theo chỉ thị của Bộ và Bộ chỉ huy mặt trận, trung đoàn chỉ để lại 500 người. Nhưng nhiều người đã trốn ở lại để chiến đấu nên tổng quân số của trung đoàn vẫn còn trên 1.200 người.

Vì đang tiến hành chiến tranh nên việc giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực ta kiểm soát vẫn phải đặc biệt quan tâm. Địch tung gián điệp, Việt gian, đặc vụ, thổ phỉ, người Việt có, người Hoa có thâm nhập để nắm tình hình, quấy rối ta. Thỉnh thoảng chỗ này, chỗ khác vẫn có tiếng "tắc bọp" của đạn "đum đum" bắn lén. Ban quân pháp và tình báo do đồng chí Trần Xuân Trường phụ trách đã sử dụng một đội quân pháp (tức đội quân cảnh) để tiến hành vây bắt bọn chúng. Theo sáng kiến của Liên khu 1, một số phiên tòa quân sự mặt trận đã được lập để xét xử những tên phạm tội.

Vấn đề thứ tư là tác chiến để giữ vững khu cố thủ, đánh du kích tiêu hao, tiêu diệt địch để phối hợp với Liên khu 2, Liên khu 3 đánh địch tiến công ra các cửa ô và ngoại ô.

Phạm vi Liên khu 1 ở phía nam là dọc phố Hàng Bông, Hàng Gai (địch ở số lẻ, ta giữ số chẵn), phố Cầu Gỗ, đến đầu Hàng Dầu; ở phía đông dọc phố Bắc Ninh (nay là phố Nguyễn Hữu Huân); ở phía bắc, địch khống chế đường Hàng Đậu, ta chốt ở khách sạn Hoa Nam và đóng ở Hàng Khoai, Hàng Lược; ở phía tây dọc Hàng Da ta chốt ở hiệu sơn Gécko và rạp Ôlanhpia, giữ Hàng Mành, Hàng Thiếc, Hàng Bút, Hàng Vải Thâm, Hàng Rươi. Trong quá trình tác chiến, phạm vi này bị thu hẹp dần.

Lợi dụng lúc địch tập trung quân đánh ra các cửa ô và ngoại thành, Liên khu 1 tranh thủ chấn chỉnh lực lượng, điều chỉnh, bố trí và tăng cường công sự, chiến lũy, chướng ngại phòng ngự, chặn đánh địch, dồn hẹp phạm vi, tích cực đánh du kích bằng những trận nhỏ.

Lực lượng trong từng trận là từng tổ nhỏ, nhiều lắm là tiểu đội. Cách đánh được vận dụng là quấy rối, bắn tỉa, tập kích, phục kích. Việc quấy rối làm địch mất ăn mất ngủ và bắn rất tốn đạn. Địch rất sợ bị bắn tỉa không dám thò mặt ra, không dám đi lại nghênh ngang. Vì bị ta từ rạp Ôlanhpia bắn tỉa dọc Ngõ Trạm, địch phải dùng thiết giáp để tiếp tế cho nhà thờ Tin lành. Nhiều nơi chúng phải che cót, che bạt ngang đường để khi cơ động tránh được bắn tỉa của ta.

Nhiều nơi ta cho từng tổ nhỏ leo ống máng, cạy cửa, lật ngói thả lựu đạn diệt địch đang ngủ hoặc diệt ụ súng địch ở sân thượng. Có chiến sĩ ôm chăn bông đổ xăng, đốt phòng địch ngủ trên gác, vì thế có tên phải nhảy liều xuống để khỏi bị thui.

Ở hiệu thuốc Noócman, đồng chí Lại, công nhân sửa chữa ô tô bò vào đặt mìn, ngòi ẩm không nổ phải bò ra bò vào thay ngòi 17 lần mìn mới nổ, diệt được một tiểu đội địch, hủy được 1 trọng liên 12,7 ly.

Ở phố Hàng Giấy, ta đặt một trung liên ở khách sạn Hoa Nam (gần rạp Bắc Đô) phục sẵn chờ xe lửa địch chạy qua. Nhiều lần bị ta bắn, địch chết hàng trăm tên. Chúng phải đưa lực lượng tiến công hòng tiêu diệt hỏa điểm mai phục của ta, nhưng bị đánh lui. Mãi sau khi ta rút chúng mới chiếm được.

Ở phố Hàng Khoai, có mấy điểm ngày địch đóng, đêm rút. Ta đưa lực lượng vào phục ban đêm, sáng địch tới ta nổ súng diệt nhiều tên.

Ngày 16 tháng 1 năm 1947, một tổ súng trường của tiểu đoàn 102 do đồng chí Bạch Ngọc Liễn chỉ huy bắn rơi 1 máy bay khu trục của địch. Với thành tích này, tổ được thưởng Huân chương Chiến sĩ hạng ba.

Nhân ngày Tết âm lịch, ta đã treo quốc kỳ trên đỉnh Tháp Rùa và ở nhiều nơi.

Phóng viên AFP đã viết về cách đánh du kích của ta như sau:

"Trong cuộc chiến tranh kỳ dị này, người ta có thể chết một cách dễ dàng ở bất kỳ nơi nào, lúc nào mà người ta không thể biết... Ban đêm họ len lỏi vào các phố một cách nhanh nhẹn, không một tiếng động, không một bóng người. Từ trên gác cao, quân Pháp ném lựu đạn xuống. Họ vẫn tiến công một cách hăng hái và bền bỉ với những tiếng hét rùng rợn. Đến sáng, họ lại biến như mây khói. Còn ban ngày thì họ ẩn nấp ở nơi chắc chắn, chĩa súng vào đối phương. Tiếng súng nổ ban ngày không phải ở nơi phân giới tuyến mà cả trong khu Pháp đã tảo thanh. Tiếng súng nổ ở bất kỳ nơi nào, ngay cả ở trung tâm thành phố".

Như vậy là cán bộ, chiến sĩ Liên khu 1 đã vận dụng những cách đánh du kích trong thành phố làm địch rất khiếp sợ.

Trong quá trình này, vì lực lượng địch còn tập trung để đánh chiếm các cửa ô và ngoại ô, chúng chưa có lực lượng lớn để đánh Liên khu 1, nhưng các cuộc tiến công nhỏ để lấn chiếm và khép chặt vòng vây hầu như xảy ra hàng ngày ở nhiều phía, nhất là ở phía bắc và phía đông.

Ở phía bắc, từ phía Hàng Đậu, địch tiến xuống theo một số đường phố Hàng Lược, Hàng Giấy, Hàng Thiếc để tiến sát dần đến Hàng Khoai. Vì khách sạn Hoa Nam là một vị trí hiểm yếu, nên chúng cố đánh chiếm cho kỳ được.

Ở phía đông Liên khu 1, địch cố vít cho kỳ được quãng từ đầu phố Bắc Ninh lên đến gần cầu Long Biên.

Ở quãng này, theo chỉ thị của Bộ và của Bộ chỉ huy mặt trận, Liên khu giao cho tiểu đoàn 103 quyết giữ cho kỳ được hai vị trí hiểm yếu là nhà Xôva và Trường Ke.

Địch đã nhiều lần từ nhà Bác Cổ tiến lên định đánh chiếm để bịt đường tiếp tế vận tải của Liên khu 1 nhưng đều bị đánh lui.

Trong thời gian này, Thường vụ và Bộ Tổng chỉ huy theo dõi tình hình địch và ta trên toàn quốc để chỉ đạo các mặt trận cùng phối hợp đánh địch.

Ở Tây Bắc, địch chiếm được Sơn La, Hát Lót và Yên Châu. Ở Thượng Lào, chúng chiếm tuyến sông Mã và đang bắt liên lạc với một số lang đạo ở nam Hòa Bình và tây bắc Thanh Hóa. Ở Đông Bắc, địch đã nối Tiên Yên, Đình Lập với Lạng Sơn và đang tiến từ Đình Lập xuống Phả Lại. Chúng tập trung 1 trung đoàn trên đường 9 Trung Lào và điều một lực lượng từ Tây Nguyên xuống Nha Trang để đi tàu thủy ra Đà Nẵng.

14 tiểu đoàn tăng viện từ Pháp sang sẽ đến vào cuối tháng 2.

Bộ phán đoán địch sẽ từ Đà Nẵng đánh ra và từ Sêpôn theo đường 9 đánh xuống để giải vây Huế, đồng thời từ Lào và từ Yên Châu địch sẽ đánh chiếm vùng Mộc Châu và tây bắc Thanh Hóa.

Ở Hà Nội, chúng sẽ tiếp tục đánh vùng ngoại thành và sau khi viện binh đến sẽ đánh chiếm Liên khu 1 chiếm hẳn Thủ đô của ta rồi đưa quân giải vây cho Nam Định.

Để đối phó với tình hình mới, Bộ chủ trương:

1- Kiên quyết nắm quyền chủ động chuyển sang đợt tác chiến mới trên mọi mặt trận. Tránh chuyển sang đợt mới một cách bị động dễ lâm vào tình trạng rối loạn, tan rã, hoang mang, mỏi mệt.

2- Không đưa chủ lực đối chọi với địch để bảo toàn lực lượng đánh lâu dài, nhưng phải đánh du kích và tập trung một phần lực lượng đánh tiêu diệt nhỏ, nên luôn giành thắng lợi nhỏ để động viên toàn dân kháng chiến.

3- Tổ chức mặt trận Tây Tiến, phá thế uy hiếp của địch ở phía tây hậu phương của ta, nắm quyền chủ động chiến lược buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó.

4- Đối với các thành phố đang đánh địch cần tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu thêm một thời gian, nhưng phải có kế hoạch đánh địch giải vây; chủ động rút lui đúng lúc để bảo toàn thực lực.

Để lập mặt trận Tây Tiến, Bộ quyết định điều của Chiến khu 3 một tiểu đoàn, Chiến khu 2 một tiểu đoàn và Hà Nội một tiểu đoàn. Dự kiến sẽ điều

tiểu đoàn 212 của Hà Nội, một đơn vị đã có ít nhiều kinh nghiệm tác chiến. Tiểu đoàn sẽ là nòng cốt cho mặt trận Tây Tiến.

Sáng ngày 28 tháng 1, đồng chí Tổng chỉ huy và đồng chí Tổng tham mưu trưởng một lần nữa lại đến sở chỉ huy của Mặt trận Hà Nội đặt ở Tây Mỗ để cùng các đồng chí Nguyễn Văn Trân, Vương Thừa Vũ, Trần Độ nghiên cứu tình hình và đề ra nhiệm vụ tác chiến trong bước sắp tới. Các đồng chí đều nhất trí địch còn phải đẩy lùi lực lượng ta ra xa vành đai ngoại thành và rải quân ra đóng khu vực mới chiếm, nên phải chờ viện binh đến mới có quân đánh Liên khu 1. Vì thế, trung đoàn Thủ đô vẫn có thể tiếp tục duy trì việc đánh trong vòng vây, nhưng phải chuẩn bị để có thể rút ra ngoài được an toàn vào thời cơ thích hợp. Đồng chí Tổng chỉ huy nhấn mạnh phải giữ cho được hai vị trí Xôva và Trường Ke ở phía đông thành phố và phải chuẩn bị thuyền đò sẵn để khi cần thì rút ra theo đường sông. Đồng chí Nguyễn Văn Trân đã giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Mai, lúc này là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu Trúc Lãng và đồng chí Trần Quốc Cư, trưởng ban phá hoại của mặt trận chuẩn bị thuyền đò ở khu vực Tứ Tổng và Tàm Xá sang Phúc Yên và ở khu vực Khuyến Lương sang Hưng Yên.

Như vậy, đây là lần thứ ba Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy mặt trận quyết định kéo dài thêm một thời gian giam chân địch ở Hà Nội.

4. Đánh địch tiến công Liên khu 1 (6-2-1947 - 14-2-1947)

Từ ngày 6 tháng 2 năm 1947, địch tập trung lực lượng để tiến công quyết tiêu diệt trung đoàn Thủ đô ở Liên khu 1. Bắt đầu chúng đánh nhà Xôva rồi Trường Ke ở phía đông và Hàng Thiếc ở phía tây nam Liên khu.

Ngày 6 tháng 2 năm 1947, địch tiến công một lần nữa nhà Xôva để quyết chiếm cho kỳ được. Lần này chúng sử dụng khoảng 90 tên lê dương, một số tăng và thiết giáp.

Ta chờ bộ binh địch tiến gần mới dùng lựu đạn và súng trường chặn đánh suốt 2 giờ, đánh lui bốn đợt xung phong ở cả hai hướng tiến công của địch. Địch dùng pháo bắn thẳng phá tường rồi vào lọt ở góc tây nam nhà Xôva. Ta buộc phải co lên gác cố thủ. Địch định xông lên. Ta dùng chai xăng crếp đốt cháy cầu thang bằng gỗ rồi men theo cành cây si ở ngôi đền phía bắc nhà Xôva để rút.

Trung đoàn lệnh cho một trung đội đã chuẩn bị sẵn ra phản kích, đồng thời còn điều thêm lực lượng dự bị từ tiểu đoàn 102 sang.

Trung đội dự bị do tiểu đoàn phó Đỗ Hiếu Liêm (tức Vũ Lăng) trực tiếp chỉ huy đã dùng lựu đạn ném vào đội hình địch ở trong nhà, địch hoảng hốt tháo chạy, ta diệt và làm bị thương khoảng 40 tên địch, đốt 1 tăng, 1 thiết giáp.

Trận đánh nhà Xôva thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng vì ta bảo vệ được con đường vận tải liên lạc của trung đoàn Thủ đô về phía sau.

Ngay tối ngày 6 tháng 2 năm 1947, Tổng chỉ huy đã gửi điện khen đơn vị đã chiến đấu phòng giữ và phản kích lấy lại nhà Xôva.

Sau khi bị thất bại, địch tập trung quân đánh Trường Ke để cắt đường tiếp tế hậu phương của ta vì Trường Ke ở bắc Cột Đồng Hồ khoảng một cây số. Rút kinh nghiệm, lần này địch dùng xe tăng - thiết giáp bịt các ngả ta có thể tăng viện. Tám lần địch xung phong đều bị ta đánh lui, tuy viện binh ta không đến, nhưng đơn vị phòng thủ Trường Ke vẫn kiên trì giữ vững vị trí suốt ngày.

Thắng lợi ở nhà Xôva ngày 6 tháng 2 và ở Trường Ke ngày 7 tháng 2 là những chiến công rất có ý nghĩa của trung đoàn Thủ đô về tác chiến phòng ngự ở thành phố. Trung đoàn đã thực hiện được chỉ thị của Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy Hà Nội là giữ vững đường giao thông liên lạc với phía sau.

Cũng ngày 7 tháng 2 năm 1947 địch tiến công mặt trận tây nam Liên khu 1. Máy bay và pháo ném bom bắn phá dữ dội vào các phố Hàng Nón, Hàng Thiếc, Hàng Mành, Hàng Hòm, Bát Đàn, Hàng Quạt làm sụp đổ rất nhiều nhà cửa. Địch giội xăng đốt cháy từng dãy phố. Chúng chia làm hai mũi, có xe tăng dẫn đầu: một từ Bát Đàn đánh xuống, một từ Hàng Quạt đánh quặt lên phố Hàng Thiếc, dùng badôca bắn và ném lựu đạn hơi ngạt vào vị trí ta. Một trung đội của tiểu đoàn 102 đã ngoan cường đánh trả địch, giành giật từng căn nhà, góc phố, đoạn đường, ụ đất.

Tối ngày 7, quân ta phải bỏ dãy số chẵn sang cố thủ dãy số lẻ, chỉ cách địch khoảng chục mét.

Trong suốt 4 ngày tiếp theo, địch giành giật với ta từng căn nhà, thước đất, chúng phun xăng đốt. Ta dùng chậu hứng xăng, tối đến đem xăng đốt địch. Địch tổn thất gần một trăm tên. Ta vẫn giữ vững dãy nhà số lẻ.

Địch đồng thời cũng tiến công phố Hàng Quạt, ngõ Tô Tịch, đầu phố Cầu Gỗ và đều bị ta chặn lại.

Như vậy là cuộc tiến công của địch vào phía đông Liên khu 1 bị thất bại, cuộc tiến công vào phía tây nam cũng bị chặn lại.

Địch chuyển hướng tiến công lên khu vực Đồng Xuân ở phía bắc. Ban chỉ huy trung đoàn Thủ đô lệnh cho tiểu đoàn 101 phải kiên quyết chặn từng bước tiến của địch, tích cực tiêu hao, làm thất bại âm mưu của chúng. Tuy là một tiểu đoàn nhưng ta chỉ có 110 người trực tiếp chiến đấu. Tiểu đoàn lấy trọng điểm phòng ngự là chợ Đồng Xuân và tổ chức một điểm tựa làm gấp để chặn địch ở đấy.

Trận phòng ngự khu vực Đồng Xuân diễn ra rất ác liệt trong suốt ngày 14 tháng 2 năm 1947. Địch dùng phi pháo oanh tạc mãnh liệt, tổ chức ba đợt xung phong từ nhiều hướng có xe tăng thiết giáp dẫn đầu đánh vào khu chợ. Hai đợt đầu bị ta đánh lui. Đồng chí Nguyễn Văn Bật dùng trung liên diệt 60 tên, đồng chí Phạm Luật cũng dùng trung liên diệt 40 tên, cả hai đồng chí đều hy sinh anh dũng.

Đến đợt xung phong cuối cùng, địch chiếm được chợ và dãy số chẵn phố Hàng Chiếu. Ban chỉ huy trung đoàn trực tiếp xuống tiểu đoàn để chỉ đạo. Trung đoàn đã kịp thời tăng cường lực lượng phản kích chiếm lại dãy số chẵn phố Hàng Chiếu, chặn hẳn quân địch lại. Trong trận này ta tiêu diệt khoảng 200 địch. Ta hy sinh 15, bị thương 19.

Các anh hùng ở trận khu vực Đồng Xuân đã góp phần làm rạng rỡ cho truyền thống của Thủ đô Hà Nội anh hùng.

5. Rút trung đoàn Thủ đô ra khỏi Liên khu 1, tích cực đánh địch ở ngoài để phối hợp (15-2-1947 - 18-2-1947)

Sau trận Đồng Xuân, trung đoàn Thủ đô chỉ còn 5 ngày lương thực, mỗi khẩu súng còn 7 viên đạn. Mức nước ở nhiều giếng còn rất thấp. Tối 14 tháng 2, Quân ủy hội ý cấp tốc rồi đề nghị Bác và Thường vụ cho rút trung đoàn Thủ đô ra ngoài.

Sáng 15, Bác và đồng chí Trường Chinh đều đồng ý cho rút, nhưng phải tổ chức rút chu đáo, an toàn, bí mật. Bác nói, cần chuyển lời khen ngợi của Bác: *"Các chú giam chân địch một tháng là thắng lợi. Đến nay giữ Hà Nội được hai tháng là đại thắng lợi"*.

Cùng trong thời gian này, Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội hội ý và được Bộ phê chuẩn cho rút trung đoàn Thủ đô. Đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bộ chỉ huy mặt trận cũng như Bộ Tổng chỉ huy đều đã điện cho Liên khu 1 tổ chức cho trung đoàn Thủ đô rút lui.

Chiều 15 tháng 2 năm 1947, Liên khu ủy 1 khi chưa nhận được lệnh trên, cũng họp mở rộng, có Ủy ban kháng chiến Liên khu, Ban chỉ huy trung đoàn cùng các trưởng ban, các bí thư chi bộ, các ban chỉ huy tiểu đoàn tham gia, đánh giá tình hình và đề ra chủ trương kế hoạch đối phó mới.

Tuy cũng có ý kiến nên tiếp tục đánh, nhưng sau khi phân tích tình hình mọi mặt, hội nghị đi đến chủ trương rút quân ra khỏi vòng vây của địch để bảo tồn lực lượng.

Vả lại, trước khi tác chiến, khi giao nhiệm vụ cho Liên khu 1, Ủy ban kháng chiến Hà Nội và Bộ chỉ huy Khu 11 đã nêu rõ: ta cố đánh giam chân địch càng lâu càng tốt nhưng việc rút lui của Liên khu 1 sẽ tùy tình hình cụ thể mà liên khu có thể tự quyết định cho thích hợp.

Để nghi binh, Bộ chỉ thị mặt trận Hà Nội phải tổ chức tiến công ở phía tây và nam thành phố trong đêm 16 và 17.

Nhưng rút theo đường nào, đó là vấn đề hóc búa nhất. Không thể rút theo đường Yên Phụ - Nhật Tân ở phía tây bắc và đường Bác Cổ - Vĩnh Tuy ở phía nam vì ở hai hướng này địch đã đóng nhiều điểm. Đường giao thông tiếp tế từ Lãng Bạc vào bị tắc nghẽn từ sau khi địch chiếm Nhật Tân (ngày 25-1). Đường cống ngầm ra Vĩnh Tuy có dùng vài lần nhưng bị địch phát hiện đã bịt lại và canh gác cẩn mật. Vả lại hàng nghìn người và thương binh không thể đi theo đường này.

Chỉ còn đường vượt sông Hồng. Nhưng địch canh gác kỹ cầu Long Biên, có đèn pha chiếu sáng, bên kia cầu là Gia Lâm địch đóng. Lại phải qua hai, ba lần sông, chưa biết có thuyền đò để chở một lúc hàng nghìn con người không.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban kháng chiến và Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội, 23 giờ ngày 15 tháng 2, tiểu đội liên lạc đặc biệt do trung đội trưởng tự vệ chiến đấu Nguyễn Ngọc Nại trực tiếp chỉ huy đưa được một chuyến tiếp tế vào. Đường liên lạc bị tắc nghẽn từ sau Tết được nối lại.

Sau khi nắm đường vào của tiểu đội và biết ta có chuẩn bị thuyền đò, sáng 16 tháng 2 Liên khu ủy quyết định sẽ bí mật rút ra theo đường ấy và giữ tiểu đội liên lạc để dẫn đường.

Kế hoạch rút tóm lại như sau:

Thời gian rút: 20 giờ ngày 17 tháng 2. Rút vào ngày 17 là phù hợp nhất vì theo phán đoán của ta, kể từ ngày 14 đánh Đồng Xuân địch còn phải mất 5 ngày mới mở được đợt tiến công khác.

Thứ tự rút: tiểu đoàn 101 đi đầu, tiếp sau là trung đoàn bộ, rồi đến tiểu đoàn 102, tiểu đoàn 103 đi cuối. Tiểu đoàn 101 cho một trung đội bí mật chốt ở dưới đầu cầu Long Biên để bảo vệ đường rút. Tiểu đoàn 103 cho một trung đội chốt ở khu vực Cột Đồng Hồ để bảo vệ sau lưng.

10 giờ ngày 17 mới phổ biến kế hoạch này cho các ban chỉ huy tiểu đoàn để tiểu đoàn kịp đặt kế hoạch phổ biến cho cấp đại đội. 17 giờ mới ra mệnh lệnh rút đến chiến sĩ, coi như một mệnh lệnh chiến đấu.

Một việc đột xuất xảy ra. Trưa ngày 16 tháng 2, Tổng lãnh sự Trung Hoa dân quốc đề nghị giúp lương thực, chất đốt cho người Hoa và ngừng bắn vào ngày 18 hoặc 20 để rút hết người Hoa ra khỏi Liên khu 1.

Biết rõ Vương Tử Kiên muốn nhân thể thăm dò giúp người Pháp, nhưng tương kế tựu kế, ta đồng ý sẽ giúp 5 tạ gạo, 2 tạ ngô và có thể ngừng bắn vào ngày 18 tháng 2 nếu phía Pháp cũng đồng ý làm theo.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ, Bộ chỉ huy mặt trận Hà Nội ra lệnh cho các liên khu đánh mạnh ở ngoài. Đêm 15 tháng 2, lực lượng Liên khu 2 tiến công ở Cầu Dền; các đơn vị Liên khu 3 đánh vào Hàng Bột, Cầu Giấy, Kim Mã, vận dụng các cách đánh quấy rối, tập kích, biệt kích, nghi binh.

21 giờ ngày 15 tháng 2, tiểu đoàn 145 tập kích Đông Ngạc, Mai Dịch, Hoài Đức và cho một số tổ luồn vào nội thành quấy rối.

Đêm 16, theo lệnh của Bộ chỉ huy mặt trận, các đơn vị lại tiếp tục nổ súng trên toàn ngoại thành.

Đêm 16, Liên khu 1 cũng đánh một số vị trí địch vừa chiếm đóng và quấy rối một số nơi khác.

Ngày 17, cơ bản không có đánh nhau lớn. Địch đang chuẩn bị đợt tiến công mới vào Liên khu 1. Sáng 18 viện binh địch mới từ Hải Phòng lên.

20 giờ tối 17, theo kế hoạch đã định, ta bí mật bắt đầu rút quân từ đình Phất Lộc ra Cột Đồng Hồ vượt đê, dọc theo bờ sông vượt gầm cầu Long Biên thẳng lên rồi lội qua sông sang Bãi Giữa. Tại trạm gác cầu Long Biên tuy còn đèn sáng nhưng sương mù dày đặc, địch không phát hiện được. Cho đến 24 giờ, đồng chí Hoàng Phương - Tham mưu trưởng chỉ huy bộ phận cuối cùng rút khỏi Liên khu 1.

Sang Bãi Giữa, bộ đội đi đò sang Tứ Tổng, Tam Lạc, Tàm Xá. Từ Tàm Xá, bộ đội phải vượt sông sang Dâu Canh thuộc địa phận Đông Anh. Việc vượt sông được chuẩn bị chu đáo. Theo lệnh của Ban chỉ huy mặt trận, đồng chí Trần Quốc Cư đã cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân các xã Tứ Tổng, Tam Lạc, Tàm Xá... đem thuyền tam bản mà nhà nào cũng có ra chở bộ đội suốt đêm. Đến khoảng 11 giờ đêm ngày 18 tuyệt đại bộ phận của trung đoàn sang tới Dâu Canh.

Sáng 19 tháng 2, khi địch phát hiện quân ta đã rút khỏi Liên khu 1, chúng liền huy động thuỷ lục không quân đuổi theo hòng tiêu diệt trung đoàn Thủ đô.

Nghe có tiếng súng nổ ở phía Tứ Tổng, đồng chí Nguyễn Ngọc Nại liền trèo lên một cây cao ở chùa Tàm Xá, nơi đóng quân của đội liên lạc đặc biệt để quan sát và phát hiện địch đang truy kích. Đồng chí lập tức lệnh cho 2 đội viên tiếp tục dẫn đường cho tiểu đội sau cùng của trung đoàn vượt sông[1], còn bản thân mình chỉ huy số còn lại vừa chặn đánh vừa rút sang phía tây làm lạc hướng địch. Đồng chí Nại chỉ huy đội liên lạc chiến đấu anh dũng. Khi còn lại 2 người (đồng chí Nại và đồng chí Lực) và một quả lựu đạn, địch xông vào bắt sống, đồng chí Nại đã cho nổ lựu đạn, 2 đồng chí hy sinh, một số địch chết theo. Địch lồng lộn tàn sát trên 50 người dân lành ở xã Tứ Tổng và Tàm Xá. Cuộc chiến đấu và sự hy sinh anh dũng của 8 đồng chí trong đó có tấm gương lẫm liệt của đội trưởng Nguyễn Ngọc Nại, cùng nhiệm vụ chở đò vô cùng vất vả và sự hy sinh đau thương của nhân dân Tứ Tổng, Tàm Xá đã tạo điều kiện cho toàn bộ trung đoàn Thủ đô rút lui an toàn.

Trong 60 ngày đêm đánh địch, quân và dân Thủ đô Hà Nội đã đạt được những thành tích to lớn:

Thứ nhất, góp phần rất quan trọng bảo vệ cơ quan đầu não được an toàn.

---

1. Tiểu đội này đi lạc nên đến sáng 19 tháng 2 mới tới khu vực Tàm Xá.

Địch muốn tiêu diệt các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến để thắng nhanh. Nhưng ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hà Nội đã làm tốt việc bảo vệ cơ quan đầu não trong tình thế thù trong giặc ngoài hết sức phức tạp. Khi kháng chiến toàn quốc sắp bùng nổ, Hà Nội đã góp phần rất quan trọng vào việc tìm an toàn khu, di chuyển cơ quan đầu não kịp thời bí mật, an toàn, nhờ đó duy trì được sự lãnh đạo và chỉ huy kịp thời, liên tục của Thường vụ và Bộ Tổng chỉ huy, không những đối với Hà Nội, mà đối với toàn quốc. Đây là một thành tích hết sức quan trọng.

Thứ hai, tiêu hao tiêu diệt khá nhiều lực lượng tinh nhuệ của địch.

Với binh lực ít hơn địch nhiều lần, trang bị kém, trình độ bộ đội, cán bộ còn thấp, lại đánh địch trong thế cơ bản phải phòng ngự, Hà Nội vừa tiêu hao tiêu diệt được khá nhiều địch, phá hủy phá hỏng nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Số địch bị diệt là gần 2.000 tên. Tổng số xe bị phá là 22 xe tăng và xe thiết giáp, 31 xe vận tải. Ta còn bắn rơi và bắn hỏng 7 máy bay địch, bắn chìm 2 ca nô.

Lực lượng địch bị tiêu hao tiêu diệt thuộc những đơn vị tinh nhuệ bậc nhất đã từng tham gia giải phóng nước Pháp, giải phóng Pari, đã từng đánh chiếm Tây Đức.

Đó là một kết quả tiêu hao tiêu diệt địch đáng được khen ngợi khi mở đầu kháng chiến trong thời điểm quân ta còn ấu trĩ, chưa hề có kinh nghiệm tác chiến.

Thứ ba, giam chân địch được 60 ngày đêm vượt mức yêu cầu trên giao.

Tuy ta cố gắng đánh địch trong một tháng (trong mệnh lệnh chỉ nói trong 15 ngày) nhưng trên thực tế Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy mặt trận đã ba lần chủ trương kéo dài thêm thời gian và quân dân Hà Nội đã đạt được mục tiêu đó.

Đúng như lời Bác khen: "Giam chân địch ở Hà Nội được một tháng là thắng lợi, nay giữ được Hà Nội hai tháng là đại thắng lợi".

Giam chân địch trong thời gian vượt mức yêu cầu là *kết quả quan trọng nhất.* Nhưng có bảo vệ được cơ quan đầu não và tiêu hao, tiêu diệt địch làm cho chúng bị tổn thất ngoài dự kiến mới đạt được kết quả giam chân địch.

Thứ tư, giữ gìn và làm lớn mạnh lực lượng ta.

Qua 60 ngày đêm chiến đấu liên tục, Hà Nội đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn thực lực để kháng chiến lâu dài. Tuy có một số nơi ta chủ trương

chiến đấu quyết liệt để ngăn chặn địch như ở Bắc Bộ phủ, Tòa Thị chính... nhưng nhìn chung ta không sử dụng lực lượng quyết chiến, địch chỉ tiêu diệt được một phần lực lượng của ta. Mặc dù chiến đấu dưới bom đạn khá ác liệt của địch nhưng số hy sinh không lớn.

Không những ta bảo toàn được lực lượng mà sau 60 ngày đêm lại lớn mạnh thêm rất nhiều. Từ một số tiểu đoàn lúc đầu ta đã phát triển thành một số trung đoàn. Trung đoàn Thủ đô vốn là 2 đại đội của tiểu đoàn 101 được bổ sung thêm tự vệ chiến đấu, tự vệ thành, công an xung phong và cả dân thường nên trở thành một trung đoàn quân chính quy. Sau này với phiên hiệu 102, trung đoàn nằm trong biên chế của Đại đoàn Quân Tiên phong 308. Sau 60 ngày đêm, các tiểu đoàn 523, 145, 77 của mặt trận Hà Nội được tập hợp lại thành trung đoàn 80 (trung đoàn Thăng Long). Mấy năm sau trung đoàn này lại được chấn chỉnh thành trung đoàn 48, một trung đoàn chủ công của Đại đoàn Đồng bằng 320.

Tiểu đoàn 212 của Hà Nội chiến đấu trong phạm vi Liên khu 2 đã được điều đi làm nòng cốt cùng tiểu đoàn 62 (Ký Con) của Chiến khu 3 và một tiểu đoàn mới xây dựng của Chiến khu 2 để thành lập mặt trận Tây Tiến, mấy tháng sau đổi thành trung đoàn 52 (trung đoàn Tây Tiến), một trung đoàn của Đại đoàn 320 sau này.

Tiểu đoàn 56 của Hà Đông tăng cường cho mặt trận Hà Nội, trải qua thử thách trong chiến đấu đã trở thành cốt cán để xây dựng trung đoàn 35 có nhiệm vụ đánh địch trên đường số 6 Hà Đông - Hòa Bình.

Tiểu đoàn 45 của trung đoàn 13 (Hà Đông) và tiểu đoàn 69 của trung đoàn 9 (Sơn Tây) được rèn luyện trong khói lửa của mặt trận Hà Nội, đã cùng một tiểu đoàn mới xây dựng để trở thành trung đoàn 37 có nhiệm vụ đánh địch trên trục Hà Nội - Sơn Tây. Hai trung đoàn 35 và 31 sau được sáp nhập thành trung đoàn 66 - trung đoàn chủ công của Đại đoàn 304.

Một điểm cần chú ý là nhiều bộ phận tự vệ thành, tự vệ chiến đấu đã được bổ sung cho các tiểu đoàn Vệ quốc đoàn hoặc được tổ chức thành một số đơn vị dân quân du kích đánh địch ở các quận ngoại thành hoặc trở thành những đội biệt động nội thành.

Điều quan trọng hơn là trong 60 ngày đêm chiến đấu, bộ đội Hà Nội đã được thử thách trong khói lửa. Từ chỗ chiến sĩ cán bộ chưa hề có kinh

nghiệm, họ đã được đọ sức với địch trong nhiều trận nảy lửa, đã hiểu được địch một phần, có lòng tin có thể đánh thắng địch.

Trong những ngày chuẩn bị và mở đầu Toàn quốc kháng chiến, quân và dân Hà Nội, kể cả quân chủ lực của Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy đóng trên địa bàn Hà Nội có vai trò đặc biệt quan trọng, là lực lượng trực tiếp bảo vệ an toàn cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan Trung ương khác. Khi chiến tranh sắp nổ ra, quân dân Hà Nội lại góp phần quan trọng di chuyển cơ quan đầu não kịp thời, an toàn lên ATK, bảo đảm duy trì sự lãnh đạo và chỉ huy kịp thời, liên tục của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tổng chỉ huy; Hà Nội tổ chức tản cư được trên 10 vạn đồng bào trong thành phố ra vùng kháng chiến; trong đó có nhiều người hoạt động chính trị xã hội, những trí thức nổi tiếng. Đây là cái vốn quan trọng của công cuộc kháng chiến. Hà Nội lại di chuyển một khối lượng lớn hàng ngàn tấn máy móc, kho tàng, nguyên vật liệu lên ATK, làm cơ sở ban đầu hết sức quan trọng cho các công binh xưởng và các cơ sở công nghiệp khác trong kháng chiến.

Trong 60 ngày đêm chiến đấu, quân dân Hà Nội đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch: diệt và bắt hơn 2.000 tên địch, phá 22 xe tăng, xe thiết giáp, 31 xe vận tải, bắn rơi, bắn hỏng 7 máy bay, bắn chìm 2 ca nô. Đây là địa phương diệt địch lớn nhất cả nước. Về phía lực lượng vũ trang ta, hy sinh khoảng 800 người. Riêng trung đoàn Thủ đô hy sinh 160 người. Lực lượng căn bản của ta được bảo toàn và rút lui an toàn. Trong điều kiện lực lượng của địch đông hơn, vũ khí trang bị hiện đại, đó là đội quân tinh nhuệ, thiện chiến bậc nhất của nước Pháp, còn lực lượng của ta phần lớn mới gia nhập lực lượng vũ trang, chưa được huấn luyện quân sự, vũ khí trang bị quá thô sơ và thiếu thốn, chứng tỏ hiệu suất chiến đấu cao, chủ trương không đánh trận địa với địch, chủ yếu đánh theo kiểu chiến tranh du kích, tiêu hao, giam chân địch, bảo toàn lực lượng và rút ra kháng chiến lâu dài là đúng đắn.

Giam chân địch ở Hà Nội 60 ngày là "đại thắng lợi" không chỉ của Hà Nội mà của cả nước. Bao vây một lực lượng chủ lực lớn của Pháp trong thành phố Hà Nội tạo điều kiện hết sức quan trọng để các địa phương khác trong cả nước, nhất là ở Bắc Bộ mở đầu thắng lợi cuộc Toàn quốc kháng chiến cũng như chuẩn bị thêm mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Thắng lợi của quân dân Hà Nội còn là thắng lợi tinh thần to lớn đối với quân dân cả nước. Qua thực tiễn cuộc chiến đấu ở Hà Nội đã đem lại niềm tin vững chắc cuộc kháng chiến trường kỳ trên phạm vi cả nước nhất định thắng lợi. Niềm tin đó đã nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng cho quân và dân ta, làm chuyển biến nhận thức của những ai còn sợ địch, đánh giá thấp lực lượng ta và chưa tin vào thắng lợi. Đây là điều hết sức quan trọng trong tình hình tư tưởng lúc đó.

Về mặt quân sự, thực tiễn chiến đấu của Hà Nội cho chúng ta những kinh nghiệm quý báu về cách đánh địch cụ thể trong từng trận chiến đấu cũng như chiến lược quân sự chung trong điều kiện địch có các ưu thế về lực lượng - nhất là về vũ khí, trang bị.

IV.
CẢ NƯỚC CÙNG HÀ NỘI CHIẾN ĐẤU

1. Hải Phòng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ

Sau khi trắng trợn tiến công chiếm thành phố Hải Phòng, thực dân Pháp tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước. Với bản chất thực dân phản động, ỷ vào sức mạnh của quân đội nhà nghề, Bộ chỉ huy Pháp âm mưu chuẩn bị huy động toàn bộ lực lượng đánh úp các cơ quan đầu não ta tại Thủ đô, tiêu diệt chính quyền cách mạng và nhanh chóng đánh chiếm cả nước ta bằng một hành động quân sự chớp nhoáng.

Lực lượng của thực dân Pháp ở Hải Phòng lúc này tương đối mạnh, gồm trung đoàn bộ binh lê dương số 3, trung đoàn pháo binh thuộc địa Marốc số 4, trung đoàn chiến xa cơ động, một bộ phận thủy quân, không quân...

Bước vào cuộc chiến đấu với giặc Pháp từ trước ngày Toàn quốc kháng chiến, sau khi rút ra khỏi thành phố, các lực lượng vũ trang Hải Phòng tổ chức phòng tuyến chốt giữ các cửa ngõ, hình thành vòng đai bao vây địch. Quân ta đã chặn đánh các mũi tiến công thăm dò của địch ra ngoại vi; cảm tử quân nhiều lần đột nhập quấy rối, giết bọn địch đi tuần tiễu; tập kích vào các vị trí chúng đóng quân; phá trại giam cứu dân bị chúng bắt giữ, pháo của ta cũng hai lần nã đạn vào thành phố.

Lực lượng tự vệ tuy đông nhưng trang bị thiếu thốn, chỉ có một số súng máy và súng cối, còn súng trường không đủ, lại nhiều kiểu, lựu đạn ít lại thường không nổ, một số chai xăng crếp, còn lại là giáo mác, dao găm, kiếm, mã tấu, gậy gộc...

Lực lượng Vệ quốc đoàn - trung đoàn 41 (còn gọi là trung đoàn Hải - Kiến) trang bị khá hơn, có một số súng trọng liên 12,7, một khẩu badôca, một khẩu pháo 37.

Cơ quan chỉ huy trung đoàn đóng ở chân núi Cột Cờ (Kiến An) cùng một đại đội quyết tử và đại đội Ký Con mới ở Cát Bà rút về.

Lực lượng ta bố trí rải rác ở các làng ven sông hướng sang Hải Phòng và trên các trục đường từ Hải Phòng ra. Các lực lượng vũ trang đóng tại đây đều cùng nhân dân địa phương rào làng đắp lũy xây dựng thành làng chiến đấu. Để ngăn cản không cho địch hành quân dễ dàng, ta phá sập 6 cầu xi măng trên các ngả đường từ nội thành ra và bóc đi 3km đường sắt Hải Phòng đi Hải Dương, từng đoạn xẻ những hào rộng, đắp ụ chiến đấu, chất đầy vật chướng ngại, xây dựng thành những chiến lũy đánh địch...

Các đoạn sông Cổ Trai, Kinh Thầy, Giá, và các sông Văn Úc, Lạch Tray, Tam Bạc, Quý Cao, nhiều đoạn được cắm kè đổ đá để ngăn tàu chiến giặc. Nhân dân tự nguyện phá nhiều đình chùa, nhà gạch ven đường, không cho địch lợi dụng đóng quân nếu chúng đánh tới.

Chính quyền các đoàn thể vận động nhân dân các làng phía sau xay giã gạo, tiếp tế thực phẩm cho các mặt trận và tổ chức quyên tiền ủng hộ quỹ "Mùa đông binh sĩ" để may áo ấm mùa đông cho các chiến sĩ.

Đội tuyên truyền tiền tuyến của Chiến khu 3, đội tuyên truyền kháng chiến của Trung đoàn 41 hoạt động phục vụ ngày đêm ngay tại chiến hào, ụ súng, động viên khí thế chiến đấu, tinh thần quyết tử "thà chết không trở lại đời nô lệ" của những người cầm súng ở chiến tuyến. Ngày đêm ăn ở ngay tại hầm hố, công sự, mưa gió rét buốt, thiếu thốn đủ thứ, nhưng không một ai chịu rời vị trí, quyết chiến đấu sống chết với quân thù.

Cho đến ngày Toàn quốc kháng chiến, vành đai bao vây thành phố của ta vẫn giữ vững.

Thực hiện "Lời kêu gọi kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện An Dương đi đầu đẩy mạnh vận động nhân dân thực hiện vườn không nhà trống, triệt để phá hoại dọc đường 5. Các ga Dụ Nghĩa, Vật Cách, nhà Hàn Điềm, nhà máy gạch, nhà vuông, nhà máy chai, cầu Kim Sơn, cống Cách, cống Ngà đều bị phá hủy. Nhân dân đắp hơn 300 ụ trên một đoạn đường 4km, phá đổ các cột điện và cắt hết các dây điện thoại. Quân dân huyện An Dương đã thực hiện đúng lời kêu gọi của Bác Hồ: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được".

Mặc dù liên lạc được với quân của chúng ở Hải Dương, nhưng con đường huyết mạch giữa Hải Phòng - Hải Dương vẫn không sao thông suốt. Để đối phó lại hoạt động của ta, ngày 16 tháng 2 năm 1947, quân Pháp mở cuộc tiến công đánh rộng ra hai bên ven đường số 5 và chiếm huyện lỵ An Dương. Các chiến sĩ cảm tử quân của huyện, tự vệ nội thành (Hải Phòng) cùng với một bộ phận lực lượng chủ lực chặn đánh địch ở nhiều ngả, phục kích tiêu

diệt nhiều tên địch cùng một số xe cộ. Địch lùng sục bắt dân đi làm phu sửa đường nhưng đi đến đâu chúng cũng chỉ gặp cảnh vườn không nhà trống, hoang vắng không một bóng người.

Tấm gương kháng chiến, tinh thần "thà hy sinh tất cả chứ không chịu làm nô lệ" của quân dân mặt trận Cam Lộ - An Dương đã xứng đáng với sự biểu dương, nêu gương học tập tại Hội nghị quân sự toàn quốc.

Ngày 7 tháng 2 năm 1947, địch mở cuộc hành quân đánh chiếm huyện Thủy Nguyên nhằm tạo nên một vị trí tiền tiêu án ngữ bảo vệ phía bắc thành phố, bảo đảm cho hoạt động của bến cảng Hải Phòng và từ đó chúng sẽ đánh chiếm Quảng Yên và đường 18, mở thông đường lên phía bắc. Ở đây còn có một đường máng nước đưa nguồn nước ngọt từ Vàng Danh, Uông Bí qua Thủy Nguyên về đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của thành phố Hải Phòng.

Với lực lượng một trung đoàn, địch chia làm ba mũi: mũi một dùng tàu chiến đổ quân lên bến Doan, cầu Giá, tiến về núi Đèo; mũi hai dùng tàu chiến đổ quân lên bến Kiền Bái đánh về Trịnh Xá; mũi ba qua phà Bính chia làm hai cánh nhỏ theo đường 10 và đường máng nước lên chiếm núi Đèo.

Lực lượng ta bố trí ở mặt trận Thủy Nguyên có tiểu đoàn 182 thuộc trung đoàn 50 Vệ quốc đoàn, tiểu đoàn này đóng quân rải trên các thôn An Lư, Thanh Lãng, Phù Lưu. Tiểu đoàn Quang Trung của huyện bố trí dọc các tuyến đường giao thông.

Các lực lượng vũ trang của ta đã chặn đánh kịp thời các mũi tiến công của địch. Trận đánh quyết liệt nhất là trận Cầu Sưa, thôn An Lư. Vệ quốc quân cùng với lực lượng địa phương đã kiên cường chặn bước tiến của giặc. Cuộc chiến đấu đã diễn ra trong từng ngõ xóm, từng căn nhà. Địch phải trả một giá rất đắt, bị thương và chết hơn một trăm tên mới phá vỡ được phòng tuyến của ta. Trận Thủy Đường, một tiểu đội tự vệ đã dùng vũ khí thô sơ ngăn chặn hàng trăm quân địch với một tinh thần gan dạ, dũng cảm, còn một người cuối cùng vẫn kiên cường chiến đấu bảo vệ làng xóm.

Chiều tối, vượt qua được các trận tuyến của ta trên các trục đường giao thông chính, các cánh quân của chúng liên lạc được với nhau. Địch chốt lại ở các vị trí: bến phà Kiền Bái, chùa Kiền Bái, chợ Trung Mỹ, Trịnh Xá, núi Đèo, bến Bính, cầu Giá và bến đò Rừng.

Hôm sau, địch tiếp tục mở các cuộc càn quét vào các làng chung quanh vị trí. Đi tới đâu, địch cũng bắn giết trả thù, khủng bố nhân dân rất khốc liệt: hơn 60 đồng bào ta ở Mỹ Giang, Trại Kênh và trên 50 đồng bào ở Kiền Bái,

Trịnh Xá bị địch mổ bụng, cắt đầu và bắn chết, nhiều phụ nữ bị hãm hiếp, nhiều nhà cửa bị đốt cháy trơ trụi.

Vừa khủng bố, địch vừa lợi dụng những phần tử cường hào, phản động làm tay sai để vơ vét bắt người đưa vào nội thành làm phu cho chúng.

Chiếm Thủy Nguyên xong, địch củng cố lực lượng tiếp tục đánh chiếm tuyến đường 18. Ngày 28 tháng 2, địch đánh chiếm thị xã Quảng Yên và Uông Bí; sau đó là Tràng Bạch, Đông Triều, Chí Linh...

Tại Thủy Nguyên, địch đóng thêm các vị trí Phúc Liệt, Tràng Kênh, Đá Bạc để kiểm soát chặt chẽ đường máng nước từ Uông Bí về nội thành và khai thác đá Tràng Kênh cho nhà máy xi măng hoạt động trở lại.

Mặc dù quân địch thực hiện được ý định đánh chiếm Thủy Nguyên, nhưng chúng đã phải chịu tổn thất trước tinh thần chiến đấu anh dũng, bất khuất của quân và dân địa phương. Chỉ sau đó một thời gian, Thủy Nguyên nhanh chóng trở thành một địa bàn nóng bỏng đối với kẻ thù.

Đêm 20 tháng 3 năm 1947, trong khi 7 tiểu đoàn quân Pháp đang hành quân càn quét vùng Đông Triều, Chí Linh trên đường 18, thực hiện chủ trương của Khu ủy và Bộ chỉ huy Chiến khu 3, các lực lượng vũ trang liên tỉnh Hải - Kiến đã phối hợp chặt chẽ với cơ sở nội thành tiến hành một cuộc tập kích lớn vào quân địch trong thành phố Hải Phòng.

Lực lượng gồm có 4 đại đội của trung đoàn 41, một đại đội cảm tử quân, 5 đội tự vệ và 1 đại đội cảnh vệ, tổng cộng tới ba ngàn quân. Ngoài ra còn một số lực lượng công an, các đội vũ trang tuyên truyền của khu và thành phố.

Mặc dù đêm tối, trời mưa tầm tã, ta vẫn khắc phục khó khăn tiến công một loạt các vị trí địch ở Sở Dầu, Sở Đoan, Ximăng, Táppi, trường bay Cát Bi... Các chiến sĩ tự vệ huyện Hải An đã đốt cháy một kho bom của giặc ở trường bay Cát Bi, tiếng nổ vang suốt đêm và cả ngày hôm sau. Ta thu được cả đại liên, badôca, một số quân trang, quân dụng. Ta còn phá được một số trạm giam cứu hơn 50 người dân bị chúng giam giữ. Các đội vũ trang tuyên truyền đã phân tán hoạt động, phát thanh Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch mặt bọn thực dân xâm lược Pháp, kêu gọi đồng bào ủng hộ kháng chiến.

Cả thành phố Hải Phòng sục sôi khí thế kháng chiến, làm chủ thành phố của mình. Bọn địch hoang mang, chỉ lo bảo vệ phòng thủ tại chỗ, không đối phó lại được.

Ngày 23 tháng 3, địch đã phải bỏ dở cuộc hành quân ở Đông Triều, Chí Linh, điều cấp tốc cả 7 tiểu đoàn về bảo vệ thành phố Hải Phòng.

Mặc dù lực lượng của ta không mạnh, trang bị thô sơ, nhưng do nắm chắc tình hình địch, biết lợi dụng thời cơ và tổ chức hiệp đồng tốt nên ta đã bất ngờ, táo bạo tiến công vào hang ổ địch, buộc chúng phải bị động đối phó. Tuy không diệt được nhiều sinh lực địch, nhưng trận tiến công vào thành phố đã phối hợp kịp thời chặt chẽ với các lực lượng bạn, phá được cuộc hành quân càn quét đánh chiếm của địch trên đường 18.

Trận tiến công vào nội thành Hải Phòng biểu hiện tinh thần đoàn kết hiệp đồng, kiên quyết tiến công địch của các lực lượng vũ trang liên tỉnh Hải - Kiến. Địch chiếm thành phố được 5 tháng, nhưng thành phố vẫn chưa phải là mảnh đất dung thân của chúng. Những người con của đất Cảng ngày đêm vẫn hướng về thành phố thân yêu của mình, sẵn sàng quyết chiến với quân thù.

Ngày 25 tháng 4 năm 1947, lực lượng quân Pháp gồm 2 trung đoàn bộ binh thuộc địa số 23 và số 2, có sự phối hợp của thủy quân và không quân, được pháo binh yểm trợ chia thành nhiều cánh tiến đánh Đồ Sơn và Kiến An.

Hướng Đồ Sơn, địch dùng tàu đổ bộ phối hợp với lực lượng đóng giữ từ trước, mở rộng đánh chiếm ra các khu vực xung quanh. Hướng Kiến An gồm: cánh từ huyện lỵ An Dương qua núi Voi đánh sang thị xã Kiến An; cánh vượt qua cầu Niệm tiến thẳng sang thị xã; cánh từ cầu Rào tiến sang Phúc Lộc, Tiểu Trà, Trà Khê, Phấn Dũng lên Phương Lung rồi tiến về Kiến An; cánh dùng ca nô, tàu chiến đổ quân lên bến Khuê, qua Mông Tràng Thượng, Sái Nghi, Nguyệt Áng, phối hợp với mũi từ bến Sòi qua An Luận, Liễn Luận, Xuân Sơn cùng đánh về Kiến An.

Như vậy là các cánh quân của địch hình thành thế bao vây vu hồi và hợp điểm tại thị xã Kiến An, vì chúng cho rằng đây là nơi tập trung lực lượng kháng chiến của Hải Phòng - Kiến An.

Cuộc hành quân mang tên "Giêoócgiơ" của địch nhằm bao vây tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta và đánh chiếm Tả ngạn sông Văn Úc trùng hợp với thời điểm lực lượng vũ trang Hải - Kiến đang tập trung chuẩn bị đợt tiến công lần thứ hai vào thành phố Hải Phòng. Lúc này, Trung đoàn 41 đã được lệnh của Khu điều về Vĩnh Bảo để củng cố, chỉ còn lại ở Kiến An đại đội 4 thuộc tiểu đoàn 90.

Lực lượng vũ trang của ta tập trung ở thị xã Kiến An gồm có đại đội 4, lực lượng tự vệ tỉnh và một đơn vị quyết tử của thị xã. Đồng chí Trần Thành Ngọ - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ liên tỉnh, Trung đoàn phó trung

đoàn 41, được phân công chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang liên tỉnh Hải - Kiến.

Các cánh quân của địch bị ta chặn đánh kịch liệt ở tất cả các hướng, nhưng vì quân địch đông, lại được phi pháo yểm hộ, cuối cùng chúng cũng hợp vây được thị xã. Lực lượng vũ trang của ta nằm trong vòng vây của địch đã chiến đấu rất dũng cảm, nhưng đến chiều thì ta phải rút về cố thủ tại núi Cột Cờ. Tại đây ta đã tổ chức trận địa đánh địch, hình thành tuyến phòng ngự vòng quanh sườn núi. Dưới sự chỉ huy dũng cảm của đồng chí Trần Thành Ngọ và đồng chí Lê Quốc Uy - Tiểu đoàn trưởng tự vệ Kiến An, các chiến sĩ Vệ quốc đoàn, quyết tử và tự vệ đã ngoan cường chiến đấu đánh lui nhiều đợt xung phong ào ạt của địch, giữ vững trận địa.

Chiều tối, lực lượng chiến đấu của ta giảm sút, súng máy bị hỏng hóc, đạn hết. Lợi dụng tình hình đó, địch tổ chức xung phong ồ ạt từ nhiều hướng. Quyết không rời trận địa, những đồng chí còn lại đã dùng lưỡi lê, báng súng, dao găm, mã tấu đánh giáp lá cà vật lộn với quân địch và hy sinh anh dũng.

Các lực lượng vũ trang Hải - Kiến đã nêu tấm gương sáng về tinh thần "trung dũng", chiến đấu hy sinh đến người cuối cùng chứ nhất định không chịu khuất phục kẻ thù.

Địch bị tổn thất nặng nề, 360 tên đã phải đền tội.

Thực dân Pháp tuy chiếm được một số huyện, thị ngoại thành, nhưng không đạt được ý định tiêu diệt lực lượng chủ lực và các cơ quan lãnh đạo kháng chiến ở địa phương.

Mỗi bước tiến của giặc Pháp ra ngoại vi thành phố đều vấp phải sức kháng cự quyết liệt của quân và dân Hải - Kiến.

Các cuộc hành quân của địch không phải là những cuộc "dạo mát" như chúng tưởng mà chỉ được chứng kiến cảnh vườn không nhà trống - tiêu thổ kháng chiến của nhân dân và phải trả giá đắt trước tinh thần chiến đấu trung dũng, bất khuất của các lực lượng vũ trang nhân dân Hải Phòng - Kiến An. Do trình độ và kinh nghiệm chiến đấu còn ít, trang bị thiếu thốn, các lực lượng vũ trang Hải - Kiến phải đương đầu với một kẻ địch mạnh, lại bị rơi vào thế bao vây vu hồi của giặc, nên cũng bị tổn thất một phần. Nhưng Cam Lộ, An Lư, Cột Cờ đã trở thành những pháo đài kháng chiến tiêu biểu trên các mặt trận An Dương, Thủy Nguyên, Kiến An - vòng đai thành phố, ngăn chặn các cuộc hành quân mở rộng chiếm đóng của giặc Pháp, mãi mãi

là biểu tượng đẹp đẽ của ý chí "Thà chết chứ không chịu làm nô lệ" của quân dân Hải - Kiến.

Cùng với Cam Lộ, An Lư, Cột Cờ, cuộc tập kích lớn vào sâu trong thành phố cùng những cuộc đánh địch lẻ tẻ liên tục ở mọi nơi, mọi hướng đã thể hiện tinh thần chủ động đánh giặc để phối hợp với các chiến trường, góp phần tiêu hao, tiêu diệt một phần sinh lực địch, bước đầu làm thất bại âm mưu tiến công "chớp nhoáng" của thực dân Pháp, xây dựng được hậu phương kháng chiến cả một vùng nông thôn rộng lớn ở ngoại thành.

Sau khi đánh chiếm thị xã Kiến An, tháng 7 năm 1947 địch mở cuộc tiến công chiếm hoàn toàn huyện An Lão và huyện An Dương. Ngày 2 tháng 10, chúng lại tập trung hàng nghìn quân đánh chiếm toàn bộ huyện Kiến Thụy. Địch xây dựng thêm nhiều vị trí kéo dài phòng tuyến tả ngạn sông Văn Úc suốt từ bến Cựu đến Đồ Sơn, nhằm đẩy lực lượng ta sang bên kia sông - huyện Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, tạo thành một hàng rào bảo vệ khu trọng điểm Kiến An - Hải Phòng.

Trước những cuộc tiến công đánh chiếm ào ạt của địch, cuộc kháng chiến của quân dân Hải - Kiến vẫn không ngừng phát triển.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và thông tư của Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, việc xây dựng lực lượng dân quân du kích được đẩy mạnh đều khắp các thôn xã. Ai có tinh thần hăng hái chống giặc giữ làng, không phân biệt già trẻ, trai gái, đều được tổ chức vào dân quân. Tổ chức du kích chặt chẽ hơn, lựa chọn những người ưu tú, dũng cảm, khỏe mạnh và cán bộ phụ trách đều do đoàn thể cử sang. Từng địa phương đều chăm lo cung cấp mọi thứ từ ăn uống đến mua sắm trang bị, rèn vũ khí cho đội du kích của mình.

Du kích được huấn luyện cách sử dụng vũ khí, động tác chiến đấu cá nhân, có nơi còn mời thầy dạy võ, đánh kiếm. Một số đội được đưa ra mặt trận Cầu Rào, Cầu Niệm, An Dương để thử lửa, làm quen với tiếng súng.

Phong trào xây dựng làng xã chiến đấu cũng rất sôi nổi với nhiều hình thức như rào làng, tổ chức canh gác, đào hầm hào và đắp ụ chiến đấu...

Khí thế toàn dân tham gia kháng chiến rất cao. Cùng với phong trào dân quân du kích phát triển rộng khắp, phong trào xung phong tòng quân cũng rất mạnh mẽ. Lực lượng bộ đội tập trung của huyện được củng cố. Ở Thủy Nguyên, tiểu đoàn tự vệ Quang Trung bổ sung cho chủ lực khu, huyện đã xây dựng đại đội Lê Lợi để thay thế. Huyện An Dương có đại đội Đặng Cương. Huyện An Lão có tiểu đoàn Xứ Nhu, nòng cốt là tự vệ thành

phố Hải Phòng. Huyện Kiến Thụy có đại đội cảnh vệ Hải Phòng và hai đại đội du kích tập trung huyện. Huyện Tiên Lãng có đại đội công an xung phong Hải Phòng và một trung đội du kích huyện.

Trải qua gần một năm, thực dân Pháp cố phá vỡ vòng vây chiến tranh nhân dân của ta, mở rộng chiếm đóng một số huyện, thị xung quanh, lập tuyến phòng thủ Tả ngạn sông Văn Úc để bảo đảm an toàn cho khu vực Hải Phòng, chúng đã vấp phải sự kháng cự kiên cường của quân dân Hải - Kiến.

Hàng trăm tên giặc đã phải gục ngã trước các cửa ngõ thành phố. Nhân dân ta vẫn còn nhớ câu ca ngày đó: "An Dương, Cầu Niệm, Tiểu Trà - Hàng ngàn giặc Pháp tiêu ma dần mòn"[1].

Cam Lộ - An Lư - Cột Cờ - Núi Voi... những pháo đài kháng chiến oanh liệt mãi mãi là biểu tượng đẹp đẽ của tinh thần trung dũng, bất khuất của các lực lượng vũ trang nhân dân Hải - Kiến. Quân địch đã không tiêu diệt được lực lượng chủ lực và cơ quan lãnh đạo kháng chiến của ta, lực lượng chủ lực được bảo toàn, tập trung xây dựng và cơ quan lãnh đạo được bảo vệ, chỉ đạo cuộc kháng chiến lâu dài. Hậu phương kháng chiến được xây dựng ngay trong vùng tạm bị địch chiếm. Nhờ vậy, vừa đánh địch, phong trào xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vẫn phát triển mạnh mẽ, ngày càng trưởng thành, có kinh nghiệm hoạt động, bám đất, chuyển sang cách đánh du kích một cách linh hoạt, góp phần tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc chiến tranh nhân dân của Hải Phòng - Kiến An đã góp phần cùng cả nước đánh bại chiến lược "chớp nhoáng" của giặc Pháp, tạo điều kiện cùng cả nước chuyển vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Cùng với vinh dự được nhận danh hiệu "Trung Dũng" của Bác Hồ tặng thưởng, nhiều đơn vị của mặt trận Hải - Kiến đã được Đảng và Chính phủ tuyên dương: Đoàn cảnh vệ Hải Phòng được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba; dân quân du kích xã Quang Trung (An Lão) được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng hai. Đơn vị giữ mặt trận Cầu Rào và đại đội Ký Con được Bộ Quốc phòng tuyên dương toàn quân.

Quân dân Hải - Kiến thật xứng đáng tự hào với những ngày kháng chiến đầu tiên vô cùng oanh liệt của mình, và được vinh dự mang truyền thống "Trung Dũng" - danh hiệu của Bác Hồ kính yêu tặng thưởng, tiếp bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi.

---

1. Hải Phòng, *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1986.

2. Nam Định phát động toàn dân kháng chiến, tiến công giam chân địch trong thành phố

Trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra, Ban chỉ huy mặt trận gồm các đồng chí Đỗ Mười - Bí thư Tỉnh ủy, Nguyễn Hữu Ninh - Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Nam Định, Hà Kế Tấn - Chính trị viên trung đoàn 34, Cao Xuân Hồ - Trung đoàn trưởng trung đoàn 34, đã họp tại thôn Mỹ Trọng (ngoại thành Nam Định) nghe đồng chí Hoàng Sâm - Khu trưởng Khu 2 về truyền đạt mật lệnh và chủ trương của Trung ương Đảng; phổ biến kinh nghiệm tác chiến ở Hải Phòng, Lạng Sơn và Nam Bộ, bàn thống nhất kế hoạch tác chiến, chỉ rõ nhiệm vụ của quân dân Nam Định trong việc chuẩn bị khẩn trương mọi mặt để tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ.

Trong kế hoạch tác chiến, Ban chỉ huy mặt trận Nam Định đã xác định rõ quyết tâm chủ động tiến công bao vây quân Pháp trong nội thành Nam Định nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của chúng, tạo điều kiện cho địa phương góp phần với cả nước có đủ thời gian và lực lượng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Lực lượng bộ đội đã được điều động ra các vị trí ngoại thành hình thành thế bao vây quân địch trong thành phố. Lực lượng tự vệ, dân quân của thành phố và các huyện lân cận được điều động tăng cường sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Hai mươi bốn giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, từ hướng đại đội trợ chiến (đóng ở bên kia sông Đào), hiệu lệnh tiến công bắt đầu bằng tiếng đạn pháo 75 ly bắn vào nhà Băng - Nam Định. Lập tức, toàn mặt trận nổ súng đánh địch, cả thành phố rền vang tiếng súng.

Tự vệ thành phố nổ mìn ngả cây to dọc đường Trần Hưng Đạo và từ ngã tư Cửa Đông đến Tòa Thị sảnh. Nhiều người dân thành phố đã không ngần ngại mang đồ đạc của mình (tủ, sập) ra đường làm vật chướng ngại chặn bước tiến của quân địch. Nhân dân các khu Nhà Lá (Văn Miếu), trại Con Gái (vợ lính khố đỏ) nổi lửa tự đốt nhà ở của mình. Những đám cháy bốc lên ở khắp nơi. Cả thành phố rực lên như một biển lửa. Cuộc chiến đấu diễn ra liên tục và quyết liệt.

Bị quân ta tập kích bất ngờ và đồng loạt, quân địch hết sức hoang mang. Nhờ có ưu thế về vũ khí, trang bị, tường thành kiên cố, chúng đã chống đỡ, từng bước kiềm chế sự tấn công của ta. Ta chiếm được nhà này, chúng cố thủ nhà khác. Ta chiếm tầng dưới, chúng giữ tầng trên. Ta chiếm giữ một số vị trí trong đêm, chúng phản kích mạnh mẽ buộc ta phải rút ra lúc trời sáng.

Vào lúc 8 giờ sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946, máy bay và pháo của địch giội bom và bắn phá nhiều đợt vào các trận địa của ta. Thành phố rung chuyển và chìm trong khói lửa. Bộ binh địch từ vị trí nhà máy sợi nổ súng phản kích chiếm lại vị trí nhà máy tơ và lấy xác binh lính của chúng bị chết trận trong đêm. Cùng lúc, chúng từ trại Carô theo đường Lê Quý Đôn nống ra định lấn chiếm nhà Ga nhưng bị quân ta chặn đánh, buộc phải quay lại.

Sáng ngày 21 tháng 12 năm 1946, sau khi cho máy bay đến bắn phá, địch tăng cường lực lượng có xe bọc thép mở đường, từ trại Carô tiến và quyết chiếm nhà Ga. Để bảo toàn lực lượng, đơn vị bảo vệ khu Ga được lệnh rút ra vòng ngoài, đến đêm lại cùng toàn mặt trận tiếp tục chiến đấu.

Ngày 23 tháng 12 năm 1946, địch từ trại Carô tiến đến khu vực Năng Tĩnh và từ vị trí nhà máy sợi đánh thọc ra phía trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh (Tòa Thị sảnh cũ) hòng liên lạc với quân ở vị trí nhà Băng, nhưng đều bị lực lượng của ta đánh bật trở lại. Chiến sự diễn ra rất ác liệt tại nhà máy tơ, nhà máy sợi, nhà Băng, khu vực ga. Tiểu đoàn 69, 75 cùng lực lượng tự vệ đánh giáp lá cà, giành giật với địch từng căn buồng, từng tầng gác. Đến hết tháng 12 năm 1946, ta và địch giành giật từng vị trí, từng đường phố và quyền chủ động chiến trường vẫn thuộc về quân dân ta.

Để tập trung thống nhất sự chỉ đạo ở địa phương, thi hành chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 31 tháng 12 năm 1946 Ủy ban kháng chiến tỉnh Nam Định được thành lập, thay cho Ủy ban bảo vệ, do đồng chí Đỗ Mười - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch. Các huyện, xã cũng lần lượt thành lập Ủy ban kháng chiến. Tháng 1 năm 1947 lại thành lập Ủy ban dân quân tỉnh để tham mưu trong việc chỉ đạo công tác quân sự, tổ chức huấn luyện tân binh bổ sung cho quân đội, xây dựng các đơn vị tập trung của tỉnh. Ngày 27 tháng 2 năm 1947, tại trụ sở của Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh đặt ở chùa Cổ Lễ (Trực Ninh) đã tổ chức tiễn đưa 24 nhà sư trong đó có hai sư nữ tòng quân chiến đấu.

Cùng với các hoạt động tiến công, bao vây quân sự, chặn đứng âm mưu *đánh nhanh thắng nhanh* của chúng, Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ việc giữ gìn trật tự giao thông, trị an xã hội, đảm bảo tốt việc tản cư hết dân và ngoại kiều ra ngoài, chuyển máy móc, tài sản của Chính phủ về căn cứ; tổ chức việc tiếp tế, cứu thương, hỗ trợ cho mặt trận, thực hiện triệt để công tác phá hoại, nhất là triệt phá các tuyến giao thông quan trọng từ thành phố đi các huyện. Ngay từ lúc kháng chiến bùng nổ, các cấp ủy, chính quyền thành phố đã chỉ đạo thực hiện việc hướng dẫn những người không có nhiệm vụ chiến

đấu mà chưa kịp tản cư nay tản cư hết ra ngoài, với khẩu hiệu "Tản cư cũng là kháng chiến". Các ngoại kiều còn ở lại cũng được bảo vệ tính mạng, tài sản và tiếp tế lương thực, thực phẩm. Tuy từ thời bình chuyển sang thời chiến rất khẩn trương nhưng trật tự trị an xã hội vẫn đảm bảo tốt, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực, mọi người đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ nhau làm tốt mọi nhiệm vụ.

Các tầng lớp nhân dân trong tỉnh luôn luôn hướng về thành phố sát cánh với lực lượng vũ trang cùng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Thanh niên, công nhân đã tình nguyện ở lại, đào thêm hào, đắp thêm ụ, đặt thêm chướng ngại vật ở những nơi địch sẽ lấn ra; phá hoại những nơi có thể có lợi cho quân địch. Nhiều người đã xung phong vượt qua hỏa lực của địch để chuyển thương binh, tử sĩ ra ngoài hoặc đến tận các tiểu tổ chiến đấu tiếp tế vũ khí, đạn dược và cơm ăn, nước uống cho các chiến sĩ. Nhiều bậc phụ lão đã đến nuôi dưỡng thương binh. Các bà, các chị chăm lo công việc cấp dưỡng, bảo đảm bữa ăn ngon cho các chiến sĩ, đưa cơm nước đến tận các chiến hào. Nhiều thiếu nhi đã tìm mọi cách ở lại, xin làm liên lạc hoặc tham gia canh gác giữ gìn trật tự an ninh, phòng gian bảo mật trong thành phố. Có trường hợp như Phan Đỗ Hải mới 13 tuổi, là liên lạc của một đơn vị thuộc trung đoàn 34, đầu năm 1947 trong khi đi công tác, bị địch bắt nhưng đã kịp thời hủy tài liệu nên chúng không phát hiện được. Trong thời gian bị địch giam giữ, Phan Đỗ Hải đã cảm hóa được hai lính Pháp cùng theo kháng chiến, được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư và tặng bài thơ khen ngợi thành tích. Nhân dân các huyện gần thành phố như Vụ Bản, Nam Trực, Mỹ Lộc và Lý Nhân (Hà Nam) hăng hái tham gia đào đắp công sự, ổ tác chiến, giao thông hào, cắt đứt các tuyến đường từ thành phố đi các nơi. Hằng ngày có tới hàng vạn gánh rơm rạ được chuyển vào thành phố dùng để đánh hỏa công các vị trí địch, nhất là nhà Băng. Hàng vạn cây tre được cắm xuống dòng sông Đào. Hàng trăm chiếc thuyền được xếp đầy đá dìm xuống các cửa sông, cửa biển ngăn cản tàu chiến địch. Tuyến đường sắt qua Nam Định bị tê liệt hoàn toàn. Nhân dân nội thành còn tháo dỡ, vận chuyển máy móc của các xí nghiệp ra hậu phương để xây dựng công binh xưởng. Nhiều huyện còn cử những đội du kích vào nội thành phối hợp chiến đấu. Các chiến sĩ du kích từ Nam Trực đã vượt sông Đào sang phối hợp tác chiến ở khu vực Nhà máy sợi C; từ Vụ Bản ra đã tham gia chiến đấu ở khu vực Đông An, Năng Tĩnh và nhà Ga; từ Mỹ Lộc, Lý Nhân (Hà Nam) phối hợp bao vây quấy rối tiêu hao lực lượng địch. Một số đơn vị bộ đội, dân quân tự vệ tỉnh Thái Bình cũng

được đưa sang cùng quân dân Nam Định đánh địch và để rút kinh nghiệm từ thực tế chiến đấu.

Khí thế chiến đấu không sợ hy sinh, một lòng một dạ giết giặc lập công như Đoàn Bạch Hạc - Chính trị viên trung đội (tiểu đoàn 69), Triệu Hàn - Tiểu đội trưởng (tiểu đoàn 69) dũng mãnh chỉ huy đơn vị chiến đấu dưới làn mưa đạn của địch, trong trận tấn công vị trí giặc ở khu vực ga và trại Carô, lập công xuất sắc; Phạm Sơn - công nhân vận chuyển - tự vệ nhà máy sợi mới tình nguyện vào bộ đội thuộc tiểu đoàn 75 - hai lần xung phong nhận nhiệm vụ đâm bom ba càng vào vị trí đóng quân của địch ở nhà Băng còn sống mãi trong lòng nhân dân địa phương.

Qua nhiều lần phản kích không kết quả, quân số, vũ khí đạn dược bị hao hụt nghiêm trọng, các cơ sở điện, nước bị ta đánh phá không sử dụng được, quân Pháp tỏ ra rất hoang mang, có nơi phải xin ta ngừng bắn để đi kiếm nước và rau. Đabôvan điện về Hà Nội thừa nhận: "Quân viễn chinh Pháp đóng ở Nam Định đang lâm vào thế nghẹt thở và hoàn toàn bị cô lập". Ngày 4 tháng 1 năm 1947, trong nỗi "lo ngại nhất" là đám quan quân dưới quyền đang khốn đốn trăm bề ở thành phố Nam Định, Lơcléc đã gửi cho Đabôvan bức công điện động viên "tỏ lòng khâm phục" với lời hứa rằng: Mọi nỗ lực đều nhằm vào việc giải tỏa Nam Định. Hai mươi bốn giờ sau, cuộc viện binh giải vây đầu tiên cho Nam Định được tiến hành.

Ngày 5 tháng 1 năm 1947, địch liên tục cho máy bay khu trục đến bắn phá, ném bom xuống khu vực Năng Tĩnh, phố Khách (nay là đường Hoàng Văn Thụ) hòng tiêu diệt lực lượng của ta. Song, do tổ chức phòng tránh tốt nên quân ta thiệt hại không đáng kể. Đến 8 giờ tối ngày 5 tháng 1 năm 1947, địch cho 6 máy bay Đakôta đổ khoảng 200 quân cùng hàng tiếp tế xuống các khu vực Nhà máy sợi C, nhà máy chiếu, Năng Tĩnh. Ban chỉ huy mặt trận kịp thời chỉ đạo các đơn vị dùng súng bộ binh sẵn có tiếp cận đánh địch. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 75 Trần Quang Thường lệnh cho tất cả súng máy chuyển lên nóc nhà tầng nhằm cửa máy bay - nơi quân dù nhảy ra đón bắn; dùng súng trường bắn thủng dù và hòm hàng. Địch hốt hoảng nên nhiều dù người, dù hàng rơi lạc xuống khu vực của ta. Bằng mọi cách, với mọi thứ vũ khí, các chiến sĩ đã dũng cảm xông ra diệt địch khi chúng vừa chạm đất. Nhân dân thành phố Nam Định hăng hái phục vụ bộ đội chiến đấu và nhiều người đã trực tiếp đánh quân dù.

Cuộc chiến đấu chống quân dù kéo dài đến 2 giờ sáng ngày 6 tháng 1 năm 1947. Quân ta đã bắn bị thương gần 40 tên địch, bắt sống 6 tên, thu

hàng chục khẩu súng các loại, hàng tấn đạn dược, lương thực và rất nhiều dù. Khoảng hai phần ba số quân dù thoát chết chạy vào vị trí Nhà máy sợi C.

Sáng ngày 6 tháng 1 năm 1947, được tin địch có 3 ca nô và tàu chiến, được máy bay yểm trợ, chở 200 tên lính từ sông Hồng tiến vào sông Đào. Trung đoàn ra lệnh cho các tiểu đoàn 75 và 69 theo dõi triển khai lực lượng chiến đấu.

Khoảng 6 giờ sáng, sương mù tan dần. Ca nô, tàu chiến của địch vào tới khu vực Đò Quan. Pháo 75 ly từ trận địa tiểu đoàn 75 bắn trúng đội hình địch. Cùng với súng các cỡ của quân ta từ hai bên bờ liên tiếp giội lửa xuống đoàn tàu của địch, làm một chiếc bốc cháy và đội hình của chúng trở nên rối loạn. Lúc này quân địch đóng ở nhà máy sợi, nhà máy chiếu, trại Carô đã nống ra phối hợp với lực lượng đổ bộ đường thủy. Cuộc chiến đấu càng quyết liệt, nhất là ở khu vực Bến Thóc, Cần Cẩu, nhà máy chiếu. Quân địch từ Đò Quan rút dần về vị trí nhà máy sợi nhưng đều bị quân ta chặn đánh kịch liệt. Địch từ phía Cửa Đông và nhà chủ Sói nống ra phản kích. Một xe thiết giáp bắn xối xả vào phía chùa Vọng Cung nhưng bị đạn sơn pháo của ta chặn lại, buộc phải quay lại. Khoảng 8 giờ, hai máy bay địch lao đến ném bom vào Cột Cờ và một số trận địa của ta.

Địch cho tàu lùi ra ngã ba sông Hồng, sông Đào, dùng máy bay và pháo trên tàu bắn vào các điểm ở hai bờ sông Đào nghi có bộ đội ta chiếm giữ. Quân dù cũng được lệnh phối hợp phản kích. Trận chiến giữa ta và địch diễn ra giằng co quyết liệt. Các chốt của hai tiểu đoàn đều chiến đấu dũng cảm, giữ vững trận địa. Đặc biệt trong trận đánh quân dù, bộ đội và tự vệ thành phố đã tiêu diệt nhiều tên địch, thu nhiều vũ khí. Nữ chiến sĩ cứu thương Nguyễn Thị Ca gặp địch khi dù vừa chạm tới đất đã dùng chai thuốc bất ngờ đập vào đầu tên giặc, sau đó dùng vỏ chai vỡ đâm chết nó, thu một súng tiểu liên. Trên toàn mặt trận, quân và dân ta vừa đánh quân tăng viện, vừa quét sạch địch tại vị trí nhà máy tơ, dồn chúng vào nhà máy sợi. Cho tới 5 giờ chiều ngày 6 tháng 1 năm 1947, địch bị thiệt hại nặng nề, số còn lại phải tháo chạy vào các vị trí cố thủ của chúng.

Cuộc chiến đấu chống thủy, lục, không quân địch của quân dân Nam Định đã kết thúc thắng lợi. Địch không thực hiện được mục đích giải tỏa mà chỉ tăng viện được một đại đội cho khu vực đang bị bao vây, tinh thần chúng càng hoang mang hơn. Ta đã tiêu diệt gần 100 tên, bắn chìm một ca nô và thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng. Trong cuộc chiến đấu không cân

sức này, lực lượng và phương tiện chiến đấu của ta cũng bị tiêu hao một phần. Tiểu đoàn trưởng Văn Phong (tiểu đoàn 69) đã hy sinh anh dũng.

Đây là một trận đánh có quy mô lớn đầu tiên của địch ở đồng bằng Bắc Bộ, có sự phối hợp của cả ba binh chủng (thủy, lục, không quân) nhưng đã bị quân dân Nam Định anh dũng đánh bại. Chiến thắng to lớn này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Quốc hội và Chính phủ điện khen ngợi và quyết định tặng trung đoàn 34 danh hiệu *Trung đoàn Tất thắng*. Ngày 7 tháng 1 năm 1947, tại Hội nghị cán bộ trung đoàn rút kinh nghiệm qua hai ngày chiến đấu chống viện binh của địch, các đồng chí Đỗ Mười, Hà Kế Tấn đã đọc điện và công bố quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị quân sự toàn quốc (họp từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 1 năm 1947) đã khen ngợi chiến công của quân dân Nam Định và nêu gương *Anh dũng chống thủy, lục, không quân địch*.

Trên đà thắng lợi, Đảng bộ không ngừng giáo dục động viên nhân dân hăng hái tham gia mọi công tác kháng chiến cứu nước như đi dân công phục vụ tiền tuyến, tham gia dân quân tự vệ và bộ đội chiến đấu chống giặc, đóng góp mọi nhu cầu của kháng chiến. Tinh thần hăng hái của quần chúng đã cổ vũ quyết tâm của cả tiền tuyến lẫn hậu phương. Tết Đinh Hợi (1947), cái Tết kháng chiến đầu tiên nhân dân càng náo nức hơn. Hậu phương đã cung cấp khá đầy đủ mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần cho tiền tuyến, mang đậm hương vị của Tết cổ truyền dân tộc, gửi thư chúc mừng, cử nhiều đoàn cổ vũ động viên các chiến sĩ nơi chiến hào, úy lạo anh chị em thương binh tại các quân y viện.

Quân Pháp bị ta bao vây chặt, chỉ còn cố thủ ở trại Carô, Nhà máy sợi C, nhà Băng, bị thiếu thốn mọi bề. Hằng ngày, máy bay của chúng phải đến tiếp tế cả lương khô và đạn dược. Riêng vị trí nhà Băng phải tiếp tế cả nước uống. Lực lượng của ta đã tận dụng mọi cơ hội để tiêu hao sinh lực địch.

Thực hiện chủ trương của Đảng, quân dân Nam Định đã siết chặt vòng vây, tiêu hao địch. Tiểu đoàn 75 tổ chức biên chế đại đội *Quyết tử quân* gồm 100 đồng chí, chủ yếu là tự vệ thành chọn sang, có một phần ba quân số là Vệ quốc đoàn. Ban chỉ huy đại đội gồm: đồng chí Đặng Văn Thiết - Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Ngọc Lân - Đại đội phó, đồng chí Nguyễn Túc - Chính trị viên. Nhân dân thành phố đã chuẩn bị 350 tấn bánh chưng, 350 tấn bánh mật, 100kg gạo nếp rang và hàng trăm lưỡi tầm sét để đại đội *Quyết tử quân* sử dụng. Ban chỉ huy tiêu thổ kháng chiến được tăng cường. Nhân dân trong tỉnh, nhân dân các huyện Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm

(Hà Nam) và cả một số xã thuộc huyện Thư Trì (Thái Bình) đã chuyển vào thành phố hàng vạn gánh rơm, rạ phục vụ cho công tác phá hoại sau khi đại quân rút khỏi thành phố.

Mọi việc đang được gấp rút thực hiện thì ngày 6 tháng 3 năm 1947, địch điều 1.500 quân, 120 xe cơ giới các loại cùng một đại đội thủy quân lục chiến có 2 tàu chiến, 4 ca nô và máy bay yểm trợ, theo đường sông Hồng về giải vây Nam Định.

Trên đường hành quân, địch bị quân dân Hà Nam chặn đánh liên tục ngày đêm. Mãi tới 19 giờ ngày 9 tháng 3 năm 1947, chúng mới tiến tới Lý Nhân (Hà Nam), cách thành phố Nam Định khoảng 10km hội quân thủy, lục ở đây để triển khai đội hình. Sáng sớm ngày 10 tháng 3 năm 1947, địch chia thành ba mũi tiến về thành phố Nam Định:

- Một mũi từ sông Hồng đổ lên đê Hữu Bị, theo đường 38.

- Mũi thứ hai, từ sông Hồng đổ bộ lên Tân Đệ theo đường 10 và một lực lượng vẫn ở lại trên tàu xuôi sông Đào.

- Mũi thứ ba, từ đê sông Hồng qua Đại Hoàng (Lý Nhân) sang Bảo Lộc, Như Thức, Phú Ốc (Mỹ Lộc) theo đường 21.

Theo kế hoạch, quân ta chủ động rút ra ngoài để bảo toàn lực lượng. Sáng sớm ngày 10 tháng 3, đại đội Quyết tử quân đã nổ pháo nghi binh và sử dụng súng trường bắn tỉa tiêu diệt địch. Buổi trưa, tiếp tục nổ pháo từ đường Đinh Tiên Hoàng tới Vị Xuyên. Sau đó, các tổ phân tán theo dõi bám đánh trả quân địch. Đêm đến, Quyết tử quân vừa chủ động tập kích các vị trí đồn trú, vừa cuốn bùi nhùi vào pháo cho nổ ầm vang ở các nơi, uy hiếp quân giặc, tạo điều kiện để quân ta rút lui.

Mờ sáng ngày 10 tháng 3, mũi quân địch theo đường 38 xuống Viềng để đánh về thành phố. Khi địch đến làng Đệ Nhất, Lưu Phố (Lộc Hạ) bị đại đội 11 (tiểu đoàn 75) chặn đánh, chúng phải lui về Viềng.

Trưa ngày 10 tháng 3, quân địch từ Tân Đệ tiến vào đường 10. Khi chúng đánh vào thôn Trung Trang (Mỹ Tân, Mỹ Lộc) đã vấp phải mìn của trung đội tự vệ khu phố Hồ Văn Mịch do Trung đội trưởng Tạ Quang Khả và Chính trị viên Bùi Tư Nghĩa chỉ huy, làm một số tên tử trận. Địch phải lui quân về để chuyển hướng tiến công. Sáng sớm hôm sau (ngày 11 tháng 3) chúng tăng thêm lực lượng có xe bọc thép đi kèm, vòng từ phía Hữu Bị xuống làng Trung Trang. Đợi địch đến sát bãi mìn, Tiểu đội trưởng

Tạ Quang Thuấn điểm hỏa và hô xung phong, nhưng mìn không nổ. Quân ta xông lên đã bị hỏa lực của địch chặn lại, một số chiến sĩ đã anh dũng hy sinh, trong đó có Tạ Quang Thuấn. Trước tình thế bất lợi, các chiến sĩ vừa bắn chặn địch vừa rút vào trong làng. Một số anh chị em vượt ra khỏi làng, số còn lại do trung đội trưởng chỉ huy rút vào căn nhà xây hai tầng cố thủ. Địch bao vây căn nhà, các đồng chí rút lên gác hai, tiếp tục chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Trong trận chiến đấu này, bốn anh em ruột họ Tạ Quang (Khả, Hồng, Thuấn, Đức) và bảy chiến sĩ tự vệ hy sinh anh dũng.

Như vậy, đến trưa ngày 10 tháng 3 năm 1947, ở phía bắc và phía đông thành phố Nam Định, sau khi các đại đội của tiểu đoàn 75 rút đi, địch mới tiến được vào nội thành. Tại hướng tây nam, tiểu đoàn 69 phối hợp tổ chức đánh địch đổ bộ từ sông Đào lên Lò Lợn tiếp tục bắn tỉa quấy rối kìm chân địch trong thành phố và triển khai các trận địa ở các làng xã phía đường 10 thuộc Vụ Bản, chờ lệnh rút quân. Ngày 13 tháng 3, tiểu đoàn 69 đã hoàn thành nhiệm vụ ra khỏi thành phố. Trong các ngày 12, 13, 14 tháng 3 các đơn vị của trung đoàn 34, nhất là đại đội *Quyết tử quân* vừa đánh vừa lui, tiếp tục tiêu hao, tiêu diệt thêm một số tên địch. Ngày 15 tháng 3, trung đoàn 34 và các lực lượng vũ trang nhân dân thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ bao vây tiến công quân địch đồn trú ở thành phố Nam Định.

Sau 86 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân dân Nam Định đã kìm chế, giam chân một lực lượng lớn quân viễn chinh Pháp; đã giết và làm bị thương hơn 400 tên, trong đó có nhiều sĩ quan và binh lính Âu Phi, bắt sống 6 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Cùng với Thủ đô Hà Nội và một số thành phố, thị xã khác ở Bắc Bộ, cuộc chiến đấu của quân dân Nam Định đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, góp phần cùng cả nước có thêm thời gian củng cố và xây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Qua chiến đấu ác liệt, lực lượng ta vẫn được bảo toàn và ngày càng trưởng thành. Bộ đội địa phương, nhất là trung đoàn 34 có thêm nhiều kinh nghiệm chiến đấu độc lập, hỗ trợ cho bộ đội địa phương và dân quân du kích đứng lên chủ động chiến đấu sau này.

Có được những thắng lợi to lớn trên đây là do Đảng bộ đã thấm nhuần và vận dụng một cách sinh động đường lối cách mạng bạo lực của Đảng vào hoàn cảnh địa phương, luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ra

sức xây dựng lực lượng về mọi mặt, đặc biệt là lực lượng vũ trang nhân dân, chủ động đối phó với mọi tình thế có thể xảy ra khi cuộc kháng chiến bùng nổ. Đảng bộ đã nhanh chóng chớp thời cơ, kiên quyết tấn công địch; đồng thời phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước và truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân trong tỉnh, hướng dẫn, tổ chức toàn dân xông lên giết giặc lập công, tạo nên khí thế hào hùng mở đầu cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện ở địa phương.

Sau khi đã chiếm được mấy thành phố trống rỗng, thực dân Pháp tiếp tục đưa quân sang Đông Dương. Mục tiêu của chúng trong thời gian tới là chiếm lấy những đường giao thông chính, lập vành đai bảo vệ thành phố - nơi sào huyệt của chúng, xúc tiến việc lập bộ máy bù nhìn tay sai, dụ dỗ nhân dân hồi cư, thực hiện chính sách *dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*.

Ở Nam Định chúng đã chiếm đóng thành phố, gồm các vị trí Vườn Chay, chùa Phán Chương, Lò Lợn, trại Carô, nhà thương, nhà thờ Sanhtôma, nhà máy sợi. Thực hiện âm mưu mở rộng chiếm đóng theo chiến thuật *Vết dầu loang,* địch đã mở nhiều cuộc càn quét xung quanh thành phố để khủng bố nhân dân, phá cơ sở, gây tâm lý cầu an, dụ dỗ, thúc ép dân hồi cư và đẩy lực lượng ta ra ngoài. Bọn phản động địa phương, nhất là bọn đội lốt Thiên chúa giáo và một số địa chủ cường hào ngóc đầu dậy, đứng ra lập tề dõng, bắt dân nộp tô cho địch xây đồn bốt. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1947, chúng đã đóng thêm một số vị trí ngoài thành phố như Đò Quan, Vạn Diệp (Nam Phong, Nam Trực), Đệ Nhất (Mỹ Trung), Bảo Long (Mỹ Hà), Lê Xá (Mỹ Thịnh) thuộc huyện Mỹ Lộc và Xuân Mai (Bình Lục, Hà Nam). Cũng trong thời gian này, địch còn tổ chức một số trận đánh ra vùng tự do (giới hạn trong phạm vi 15km) để khủng bố tinh thần nhân dân, cướp phá lương thực, trâu bò và để quét lực lượng của ta, nhưng đều bị ta đánh trả đích đáng, chúng buộc phải rút quân về như các trận chợ Dần (Vụ Bản) ngày 31 tháng 3 năm 1947, trận Lê Xá (Mỹ Thịnh, Mỹ Lộc), núi Găm (Vụ Bản) ngày 2 tháng 5 năm 1947.

Để ngăn chặn các cuộc hành quân càn quét của giặc, quân và dân ta tích cực chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại, trong đó có nhiều trận chiến đấu gây tiếng vang lớn như trận Đại Đê (Vụ Bản) ngày 1 tháng 6 năm 1947, trận Quang Sán (Mỹ Lộc) tháng 7 năm 1947.

Trong trận Đại Đê, địch tập trung hai đại đội có pháo binh yểm trợ, từ phía đường 10, đường 15 chia nhiều mũi tiến công vào một thôn nhỏ Đại Đê (Đại An, Vụ Bản). Tại đây ta có một trung đội thuộc đại đội 15 (trung đoàn 34) cùng du kích và nhân dân đã đào đắp nhiều hầm hố, giao thông hào và gài mìn chiến đấu. Từ 8 giờ sáng ngày 1 tháng 6, địch nã pháo dồn dập, sau đó tổ chức nhiều đợt tiến công song đều bị đánh bật ra khỏi làng. Cuộc chiến đấu giằng co tới chiều. Đại đội 15 điều một trung đội có một khẩu trung liên đến chi viện. Được tăng cường lực lượng, ta bất ngờ tiến công địch rồi rút về căn cứ an toàn, diệt và làm bị thương hơn 100 tên. Mãi tới sáng hôm sau địch mới dám vào làng, lùa hơn 100 dân làng ra đình tra tấn và xả đạn giết chết 27 cụ cao tuổi nhất để trả thù.

Tại Quang Sán, đại đội 37 (tức đại đội 15) do đồng chí Trần Văn Nghiêm làm đại đội trưởng, đồng chí Hoàng Cao là chính trị viên đã cơ động từ Bảo Long (Mỹ Lộc) đến tập kích một trung đội địch từ thành phố Nam Định đang tiến vào làng. Quân ta chia làm ba mũi, bất ngờ tiến công vào đội hình địch, làm nhiều tên chết ngay tại chỗ. Địch bị đẩy ra khỏi làng. Ta truy kích, diệt 22 tên, bắt sống 5 tên, thu 3 trung liên, trên 20 súng trường, súng lục và 1 máy bộ đàm. Liên lạc viên Lê Văn Thực 13 tuổi đã dùng lựu đạn dọa và bắt sống một lính người châu Phi to lớn, thu một cạc bin, hành động dũng cảm đó đã được Hồ Chủ tịch gửi thư khen.

Sau trận này, đồng chí Vương Thừa Vũ - Khu phó Khu 2 đã xuống Trung đoàn nghe báo cáo diễn biến trận đánh và kết luận: "Đây là trận tiêu diệt chiến kiểu mẫu ở Bắc Bộ".

Song song với hoạt động lấn chiếm, mở rộng vành đai thành phố, thực dân Pháp còn tiến hành lập bộ máy cai trị để đàn áp nhân dân. Bên cạnh Tòa đại sứ chúng thành lập các tòa Đốc lý, Sở cẩm, Sở mật thám Liên bang (phụ trách bốn tỉnh Hà - Nam - Ninh - Thái), kho Bạc, công chính. Chúng còn tăng cường tuyên truyền lôi kéo nhân dân hồi cư. Đến hết tháng 9 năm 1947, số dân trong thành phố Nam Định đã có khoảng 1.000 người và 870 Hoa kiều. Ngày 11 tháng 9 năm 1947, chúng mở lại chợ Rồng nhưng việc mua bán còn lẻ tẻ thưa thớt.

Trước tình hình đó, căn cứ vào các nhiệm vụ cần kíp trước mắt về quân sự chính trị, dân vận và công tác xây dựng Đảng do Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai (họp từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1947) đề ra, Tỉnh ủy đã xác định trách nhiệm của toàn Đảng bộ và nhân dân Nam Định, nhằm

đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thu nhiều thắng lợi hơn nữa. Nội dung cơ bản là:

- Phát triển chiến tranh du kích, kiềm chế tiêu hao địch, chống địch lấn chiếm, phục hồi cơ sở vùng địch hậu.

- Mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tranh thủ giáo dân, trấn áp bọn phản cách mạng.

- Ra sức xây dựng cơ quan quân sự và lực lượng vũ trang địa phương.

- Xây dựng hậu phương, quan tâm đến đời sống quần chúng, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện nền kinh tế tự cấp tự túc.

- Ra sức phát triển Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác.

Để thích ứng với hoàn cảnh chiến tranh và sự cần thiết cho chỉ đạo kháng chiến, thi hành chỉ thị của trên, Tỉnh ủy Nam Định quyết định cắt năm xã: Mỹ Hào, Mỹ Toàn, Mỹ An, Mỹ Lộc, Mỹ Đồng của huyện Mỹ Lộc ở bên kia sông Đào sáp nhập vào huyện Nam Trực; tám xã phía tây bắc của huyện Mỹ Lộc sáp nhập vào huyện Vụ Bản. Số xã còn lại của huyện Mỹ Lộc sáp nhập với thành phố Nam Định và đổi tên là huyện Thành Mỹ; đồng thời hợp nhất Ủy ban kháng chiến với Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trung đoàn 34 sau khi rút khỏi thành phố Nam Định để lại đại đội 11 - đại đội độc lập hoạt động vũ trang tuyên truyền gây cơ sở ở vùng tạm chiếm Mỹ Lộc, ngoại thành Nam Định. Tiếp đó tỉnh điều động đại đội 77 và 36 về hoạt động ở vùng tạm chiếm huyện Nam Trực và Vụ Bản. Các đơn vị, đại đội độc lập đã dìu dắt lực lượng dân quân du kích từ chỗ chỉ làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ xóm làng tiến tới tự động đánh địch. Do đó năm 1947 bộ đội chủ lực đánh 75 trận thì bộ đội địa phương đánh 24 trận, dân quân du kích đánh 40 trận. Tiêu biểu cho thành tích chiến đấu là đội du kích Mai Mỹ (Thành Mỹ) đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh biểu dương.

Chiến tranh du kích phát triển đã ngăn chặn một phần hoạt động của địch, tạo điều kiện cho cán bộ của ta đi vào tuyên truyền giáo dục quần chúng, phục hồi cơ sở. Nhân dân vùng tạm chiếm, trước sự khủng bố của giặc, dầu có một bộ phận nhỏ dao động, hoang mang nhưng tuyệt đại bộ phận quần chúng rất tin tưởng vào kháng chiến, tin tưởng vào Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Nhiều người đã tích cực giúp đỡ, bảo vệ bộ

đội, cán bộ hoạt động. Vì vậy, phong trào quần chúng ở những vùng địch chiếm đóng dần dần phục hồi. Năm 1947 ta đã phá được 15 ban tề. Trong một đêm tháng 10 năm 1947, du kích xã Mỹ Tân (ngoại thành Nam Định) đã đột nhập bắt sống cả ban hội tề của hai làng Phù Long và Hữu Long, thu 5 súng trường; tiếp đó lại đột nhập làng Trung Trang bắt sống tên phó lý và thuyết phục được lý trưởng làng Tân Đệ ra thú tội tại công an quận 2.

Nhân dân các vùng bị địch uy hiếp đều triệt phá cầu đường, đắp ụ ngăn cơ giới của địch, thực hiện khẩu hiệu *Vườn không nhà trống* khi địch tới. Các xã Liên Minh, Liên Phương, Lê Lợi, Bảo Xuyên, Cốc Thành, Thanh Côi (Vụ Bản) phá sập 6 cầu, đánh đổ 70 cột điện, bóc 3.500m đường sắt. Trên đường 12, đường 10, cứ cách 50m lại đắp một ụ đất để ngăn cản xe cơ giới của địch. Toàn tỉnh đã làm được 9.954 ụ đất, 35.768 hố hỏa mai và hố tránh máy bay, 55km giao thông hào. Việc rào làng kháng chiến cũng được tiến hành ở một số địa phương như Đại An, Phú Hào (Nam Trực); Dịch Diệp, Cát Trung (Trực Ninh); Thượng Đồng, An Lạc (Ý Yên); Lạc Châu, Hành Thiện (Xuân Trường); Quả Linh, Hào Kiệt (Vụ Bản); Nghĩa Lễ, Quang Sán, Nhân Nhuế, Tiểu Liêm (Thành Mỹ). Nhân dân trong tỉnh còn đào được 3.481 hầm bí mật.

Để phát triển chiến tranh nhân dân, Hội nghị cán bộ Trung ương Đảng lần thứ hai (tháng 4 năm 1947) đã quyết định *cấp tốc tiến hành việc tổ chức, huấn luyện, vũ trang và lãnh đạo dân quân, yêu cầu mỗi làng, mỗi địa phương phải phái ngay đồng chí hoặc cán bộ cứu quốc có năng lực đảm nhiệm việc phát triển dân quân.* Thực hiện chủ trương của Đảng, tháng 5 năm 1947, tỉnh Nam Định đã chuyển Ủy ban dân quân thành Tỉnh đội dân quân và tiến hành tổ chức các huyện đội, xã đội dân quân chuyên trách xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang địa phương. Do đó, các đội du kích tập trung huyện và dân quân du kích xã được tích cực xây dựng. Đến cuối năm 1947, lực lượng du kích tập trung phát triển được 525 người, xây dựng được hai đại đội thoát ly (đại đội 195 Nam Trực, đại đội 115 Mỹ Lộc), hai tiểu đội nữ binh. Tại sáu huyện phía nam tỉnh, mỗi huyện có một trung đội thường trực khoảng trên dưới 30 người. Tỉnh ủy còn chú trọng chỉ đạo công tác huấn luyện và trang bị vũ khí cho lực lượng dân quân du kích, phát động phong trào *Quân sự hóa toàn dân* sâu rộng trong tỉnh.

Để mở rộng khối đoàn kết toàn dân, tập hợp mọi lực lượng nhân dân tham gia kháng chiến. Mặt trận Liên Việt được củng cố và phát triển, thu hút những người còn ở ngoài các tổ chức cứu quốc. Đồng thời, Tỉnh ủy đã quyết định rút số cán bộ ngành, giới được trưng tập phục vụ nhiệm vụ quân

sự trở về chăm lo củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức quần chúng. Từ đó, các đoàn thể cứu quốc vừa được phát triển mạnh mẽ, vừa được kiện toàn hệ thống các ban chấp hành chính thức các cấp.

Hoạt động của bọn phản động ngày càng táo tợn hơn. Ngày 21 tháng 5 năm 1947, chúng tổ chức cướp tiền của Ty thuế quan Văn Lý, rải truyền đơn kích động giáo dân nổi dậy chống thuế, chống Chính phủ ở La Châu (Giao Thủy), Thiên Thiện (Xuân Trường), Liễu Đề (Nghĩa Hưng). Tháng 7 năm 1947, chúng kích động một số dân ở Xương Điền và Văn Lý (Hải Hậu) biểu tình chống thu thuế muối; tổ chức bắt cóc, thủ tiêu một số cán bộ cơ sở của ta; định lật đổ chính quyền cách mạng ở vùng Thiên chúa giáo dọc theo ven biển từ Tiền Hải (Thái Bình) qua Nam Định sang Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình), chọn Nam Định làm nơi thí điểm thực hiện âm mưu đó. Ngày 31 tháng 8 năm 1947, chúng đã bắt giáo dân ở Tang Điền, Xuân Hà (Hải Hậu) rào làng canh gác, công khai bắt giết hại cán bộ công an huyện Hải Hậu về công tác ở địa phương.

Được sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy đã có chủ trương và biện pháp tích cực nhằm dập tắt bạo loạn. Ngày 5 tháng 9 năm 1947, tỉnh đã điều động hai trung đội bộ đội địa phương và một số đại đội du kích cùng một số cán bộ vào Tang Điền. Xuân Hà làm nhiệm vụ tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của ta, vận động giáo dân, trấn áp bọn phản động với phương châm *hết sức tránh gây tiếng nổ, không sa vào âm mưu khiêu khích của địch, giải tán các cuộc biểu tình, giải tán các cuộc tập trung canh gác, tranh thủ quần chúng bắt những tên đầu sỏ gian ác; đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghi binh ở vùng địch tạm chiếm, phá âm mưu phối hợp nội, ngoại tuyến của địch*.

Thành công lớn của ta trong việc đối phó với bọn phản động lợi dụng đạo Thiên chúa là đã nhanh chóng dập tắt được vụ phiến loạn Tang Điền - Xuân Hà và không mắc mưu khiêu khích của địch, tranh thủ được sự đồng tình của giáo dân, trừng trị đích đáng bọn đầu sỏ gian ác. Các tổ chức phản động bị suy yếu, có bộ phận tan rã. Một số tên có tội ác bỏ chạy vào vùng địch tạm chiếm. Số còn lại nằm im không dám phá hoại trắng trợn như trước. Tình hình địa phương mau chóng ổn định, phong trào dần dần được phục hồi.

Khắp nơi trong tỉnh nông dân hăng hái tăng gia sản xuất và đạt được kết quả khả quan. Vụ chiêm năm 1947, tổng diện tích cấy được 238.000 mẫu, thu hoạch 110.000 tấn thóc, hơn vụ chiêm năm 1946 là 5.000 tấn. Vụ mùa năm 1947 cũng cấy được 142.000 mẫu, sản lượng thu hoạch đạt khá. Việc

trồng màu, rau và chăn nuôi lợn, gà tăng nhiều. Đặc biệt là sản xuất muối, trong 6 tháng đầu năm 1947 ta đã thu hoạch được 2.543,456 tấn và vận chuyển đi hơn 10 tấn muối, góp phần giải quyết yêu cầu về muối ăn cho nhân dân các nơi thuộc Thái Bình, Bạch Hạc (Việt Trì), Vân Đình, Đồng Quan (Hà Đông), Nho Quan (Ninh Bình).

Các địa phương đã tổ chức cho nhân dân hồi cư kết hợp với việc xây dựng cơ sở vùng địch tạm chiếm. Mặt khác, ta đã vận động các huyện vùng tự do đỡ đầu các huyện vùng địch hậu để giúp đỡ giống vốn mau chóng ổn định đời sống cho đồng bào.

Tính đến ngày Toàn quốc kháng chiến, toàn tỉnh có 138 trường, gồm 208 lớp học (thành phố có 6 trường, 49 lớp). Khi kháng chiến bùng nổ, một số trường nội thành xung quanh thành phố phải đóng cửa, còn tất cả các trường ở nông thôn vẫn tiếp tục hoạt động. Riêng Trường Trung học Nguyễn Khuyến ở nội thành được phân tán về Trà Lũ Bắc (Xuân Trường) và Thượng Đồng (Ý Yên). Ngành bình dân học vụ phát triển mạnh, có 1.170 lớp công cộng; 1.770 lớp học tại nhà, đội ngũ giáo viên đã phát huy sáng kiến để khắc phục tình trạng thiếu đồ dùng giảng dạy như lấy vôi, gạch non, đất sét trộn lẫn làm phấn viết. Đến tháng 6 năm 1947, tỉnh đã xóa nạn mù chữ cho 71.736 người.

Nhằm nâng cao chất lượng của phong trào bình dân học vụ, Tỉnh ủy chỉ đạo mở các lớp huấn luyện và tu nghiệp cho 621 giáo viên và đội ngũ kiểm soát viên của 9 huyện, in 9.000 cuốn *Đề phòng Việt gian* và 4.000 cuốn *26 điều tâm niệm* cho dân và quân để làm sách dạy học trong các lớp bình dân học vụ.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác, cuối tháng 12 năm 1947, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ nhằm mục đích chấn chỉnh công tác sau ba tháng kháng chiến và quyết định thành lập các ban Huyện ủy lâm thời thay cho Ban cán sự để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng ở các địa phương.

Công tác phát triển Đảng cũng được đẩy mạnh, nhất là đợt phát triển đảng viên *Lớp tháng Tám* theo tinh thần Chỉ thị 21 ngày 29 tháng 7 năm 1947 của Trung ương Đảng. Tính đến cuối năm 1947 Đảng bộ Nam Định đã có 1.010 đảng viên.

Trong quá trình xây dựng và phát triển của mình, Đảng bộ Nam Định rất coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm xác lập những quan điểm, lập trường giai cấp cho cán bộ, đảng viên; nêu cao tính tiền phong, đầu

tàu, gương mẫu, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích dân tộc, vì quyền lợi của quần chúng nhân dân. Từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 7 năm 1947, Hội nghị Tỉnh ủy Nam Định mở rộng đã học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh *Gửi các đồng chí Bắc Bộ*[1] (1-3-1947) có liên hệ và sửa chữa những sai lầm của bản thân.

Tháng 12 năm 1947, Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam Định được tổ chức tại đình chợ Lương (Hải Anh, Hải Hậu), có 109 đại biểu. Đồng chí Trần Quốc Hoàn - Bí thư Khu ủy 2 và đồng chí Trần Đăng Ninh - phụ trách Đặc ủy đoàn của Chính phủ về công tác địa phương đã đến dự. Đại hội đã kiểm điểm đánh giá công tác lãnh đạo của Đảng bộ qua một năm kháng chiến; đề ra nhiệm vụ cho giai đoạn tới, bầu Ban Chấp hành Tỉnh ủy mới.

Qua một năm kháng chiến, quân và dân trong tỉnh đã giành được những thắng lợi bước đầu về các mặt chiến đấu và xây dựng hậu phương, phát triển chiến tranh du kích, hình thành lực lượng vũ trang với ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích). Đảng bộ và nhân dân Nam Định đã tỏ rõ tinh thần anh dũng, không sợ hy sinh, nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh mới, lập được nhiều thành tích xuất sắc.

Đó là các địa phương tiêu biểu trong cả nước. Quân dân các địa phương khác cũng đã chiến đấu anh dũng, ngăn chặn các cuộc tiến công mở rộng chiếm đóng của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần vào thắng lợi chung mở đầu Toàn quốc kháng chiến.

3. Thừa Thiên - Huế bao vây, tiến công địch (20-2-1946 - 5-2-1947)

Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước nhất tề đứng lên! Quân và dân Thủ đô xuống đường lập phòng tuyến đánh giặc. Cùng với quân dân Thủ đô và cả nước, Đảng bộ Thừa Thiên - Huế thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng triển khai lực lượng, lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Thừa Thiên - Huế. Ngay trong đêm 19 tháng 12 năm 1946, Thường vụ Tỉnh ủy đã họp phiên mở rộng, quán triệt chủ trương và đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời thông qua kế hoạch tác chiến theo chủ trương của Xứ ủy Trung Bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính Trung Bộ. Căn cứ tình hình lực lượng giữa ta và địch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế, Tỉnh ủy hạ quyết tâm: một mặt nhanh chóng triển khai công tác sơ tán các kho tàng, công binh xưởng lên miền Tây Thừa Thiên để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, mặt khác chủ trương dùng lực lượng

---

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2001.

vũ trang tiến hành bao vây tiêu diệt toàn bộ quân Pháp đóng tại thị xã Huế trước khi lực lượng địch tăng viện đến.

Quyết tâm đó lập tức phổ biến nhanh chóng xuống toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh để triển khai kịp thời. Toàn tỉnh hưởng ứng và ủng hộ quyết tâm của Tỉnh ủy và sẵn sàng chờ lệnh.

Không khí chuẩn bị vào cuộc chiến đấu mới của Đảng bộ, quân và dân Thừa Thiên - Huế những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp hết sức khẩn trương, sôi nổi với tinh thần bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, với lòng căm thù trước thái độ lật lọng xảo trá, khiêu khích ngang ngược của kẻ thù.

Giờ quyết chiến đã điểm. "Khu tam giác" (nam sông Hương), nơi tập trung tiểu đoàn lính Pháp trở thành một mục tiêu quan trọng của cuộc tấn công, bao vây chia cắt địch của ta. Đúng 2 giờ 30 phút ngày 20 tháng 12 năm 1946, sau hàng loạt phát đại bác bắn vào các vị trí tiền tiêu của địch ở Morin, chiến dịch Huế mở màn. Quân ta đồng loạt nổ súng tiến công vào các cứ điểm địch, Nhà máy điện Huế bị điểm hỏa, toàn bộ điện thị xã Huế bị cắt, bọn Pháp chìm trong bóng tối cố thủ. Các mũi tiến công của ta chia cắt địch không cho chúng co cụm đối phó. Phía bắc cầu Tràng Tiền, cầu Giả Viên bị phong tỏa cắt đứt, phía tây và tây nam cầu Ga, cầu Bến Ngự, Phú Cam, Lò Rèn, An Cựu... bị khóa chặt. Toàn bộ quân Pháp bị nhốt lại ở khu Tam Giác (nam sông Hương).

Nhiều trận kịch chiến giữa ta và địch diễn ra ở khách sạn Morin, trường Thiên Hữu, nhà máy điện, miếu Đại Càng (An Cựu), quân ta phải giành giật với địch từng tầng nhà, từng góc phố, với vũ khí thô sơ phải đương đầu với hỏa lực của địch cố thủ. Liên tiếp trong ngày 20 tháng 12 năm 1946 quân ta tổ chức nhiều đợt tập kích áp sát vị trí quân địch, dùng mã tấu, đại đao, bom xăng, bom ba càng, lựu đạn, cảm tử xông thẳng vào cứ điểm địch, đánh lui các đợt phản kích của kẻ thù, hòng chiếm lại vị trí quân ta chiếm. Địch ỷ vào sức mạnh của hỏa lực, cố thủ chống trả chờ quân tiếp viện. Quân ta do vũ khí quá thô sơ, thiếu kinh nghiệm tác chiến ở thành phố, đặc biệt khi địch co cụm cố thủ có hỏa lực mạnh. Nhiều trận đánh quyết liệt như khách sạn Morin, cảm tử quân chiếm được tầng 1, địch ở tầng 2 cố thủ các lối lên xuống, ta phải dùng cả hỏa công có hơi cay ớt nhưng chỉ bao vây kìm chân địch, gây cho địch nhiều tổn thất về quân và vũ khí.

Chiến sự diễn ra ác liệt, căng thẳng, tình thế kéo dài sẽ bất lợi cho ta. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy mặt trận chuyển hướng chiến thuật tiến

công của các đơn vị, hình thành thế bao vây tiêu hao sinh lực địch. Tổ chức những mũi đột kích gây cho chúng nhiều hoang mang sợ hãi. Địch bị vây hãm, cắt đứt điện nước và tiếp tế từ bên ngoài vào. Thời gian kéo dài, đẩy quân Pháp vào tình trạng thiếu lương thực, đạn dược, thuốc men, xác chết, bị thương không được đưa đi chôn cất, cứu chữa... đêm ngày trông đợi viện binh.

Để tiến công, bao vây tiêu diệt sinh lực địch, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các huyện hỗ trợ cho mặt trận Huế: lương thực, thực phẩm, thuốc men được nhân dân tiếp tế tận nơi, thương binh, tử sĩ được đưa về tuyến sau cứu chữa, mai táng. Hình ảnh các mẹ, các chị ở Huế và vùng phụ cận mang quà Tết Đinh Hợi (1947) phục vụ động viên các chiến sĩ tận chiến hào giữa lúc chiến sự còn diễn ra ác liệt thể hiện sự gắn bó tình quân dân như cá với nước. Tại mặt trận Huế, những nơi chiến sự xảy ra ác liệt, phần lớn người già, trẻ em được đưa đi sơ tán, đồng bào ở lại trực tiếp phục vụ và tham gia chiến đấu. Đồng bào đi sơ tán được các tổ chức đoàn thể địa phương ân cần đón tiếp lo nơi ăn chốn ở chu đáo.

Phối hợp với mặt trận ở Huế, ở tuyến sau, bên cạnh công tác hậu cần tiếp tế, Đảng bộ địa phương chỉ đạo nhân dân xây dựng hầm hào, công sự, dựng chướng ngại vật, phá cầu cống, đường sá ngăn chặn tiếp tế và cản bước tiến của quân địch. Nhân dân thực hiện chiến lược "tiêu thổ kháng chiến", phá những nơi địch có thể lợi dụng để xây dựng đóng đồn bốt hoặc đóng quân như nhà gạch, đình, chùa. Mọi phương tiện, lương thực, thực phẩm đều bị cất giấu hoặc phá bỏ, thực hiện triệt để chiến lược "vườn không nhà trống".

Mặt trận Huế ngày càng trở nên nóng bỏng và quyết liệt, chiến lược của ta chuyển từ tấn công đồng loạt sang vây ép địch, vừa đánh vừa củng cố lực lượng và trận địa, siết chặt vòng vây, chặn nguồn tiếp tế, đẩy chúng vào thế hoang mang cực độ, tạo thời cơ để quân ta đánh tiêu hao sinh lực địch, diệt từng cứ điểm của chúng.

Trước nguy cơ bọn Pháp ở Huế bị tiêu diệt, ngày 15 tháng 1 năm 1947, bộ chỉ huy quân đội Pháp vội vã tăng viện một lực lượng lớn hơn 5.000 tên bao gồm hải, lục, không quân và bộ binh cơ giới đổ bộ ở Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 1 năm 1947, quân Pháp từ Đà Nẵng đánh ra và 8 ca nô đổ bộ vào khu vực Lăng Cô. Ngày 29 tháng 1 năm 1947, địch tấn công Truồi, đổ bộ cửa Tư Hiền. Địch ồ ạt tấn công khắp các tuyến phòng ngự của ta. Quân và dân các huyện Phú Lộc, Phú Vang, Hương Thủy phối hợp với tiểu đoàn 18 của chi đội Trần Cao Vân chặn đánh địch quyết liệt, ngăn cản bước

tiến của chúng nhằm giải vây cho quân Pháp ở Huế. Với ưu thế hỏa lực không quân và bộ binh cơ giới của địch lần lượt các tuyến phòng ngự của ta bị phá vỡ.

Do so sánh lực lượng quá chênh lệch, mặc dù quân ta chiến đấu hết sức dũng cảm nhưng phải rơi vào thế phòng ngự bị động. Cuộc chiến đấu không cân sức đó đã làm chậm bước tiến của quân thù, đồng thời thể hiện được tinh thần yêu nước và ý chí diệt địch của Đảng bộ và nhân dân các huyện phía nam trong tỉnh. Một đoạn đường chưa đầy 60km với hàng trăm tên địch bị tiêu diệt; 16 ngày hành quân mới đến được Huế để giải vây đồng bọn.

Ngày 5 tháng 2 năm 1947, địch từ ba mặt Thuận An, Thanh Thủy, Bãng Lãng đánh vào Huế. Quân địch từ bên trong đánh ra cung An Định, trường Việt An, ga Huế. Ngày 6 tháng 2 năm 1947, quân địch bên ngoài và bên trong gặp nhau.

Căn cứ vào tình hình tương quan lực lượng và hoàn cảnh cụ thể của chiến trường, Bộ tư lệnh mặt trận Thừa Thiên - Huế quyết định rút toàn bộ lực lượng ra ngoài để tiến hành kháng chiến lâu dài. Từ đêm 19 tháng 12 năm 1946 ấy, quân dân ta đã bao vây địch suốt 50 ngày đêm trong thành phố Huế. Năm mươi ngày đêm quân và dân Huế chiến đấu anh dũng ngoan cường và tiêu diệt hàng trăm tên, tịch thu và phá hủy nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh của chúng. Hai lần quân địch phải thả dù quân tăng viện và tiếp tế lương thực, vũ khí cho quân của chúng ở Huế. Ngày 2 tháng 1 năm 1947: 100 dù, ngày 17 tháng 1: 90 dù. Điều đó nói lên tình trạng nguy khốn của địch và kết quả tiêu hao, tiêu diệt địch của quân dân ta.

Cùng với nhân dân cả nước, quân và dân Thừa Thiên - Huế dưới sự lãnh đạo của Đảng đã viết nên những trang sử hào hùng về lòng dũng cảm, chí khí kiên cường, tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy tháng 3 năm 1947, phong trào kháng chiến của quân và dân Thừa Thiên - Huế dần dần đi vào quy củ, ổn định. Các cơ sở đảng ở địa phương và các huyện trong tỉnh dần dần được khôi phục, lãnh đạo hoạt động chiến tranh du kích. Nhưng cũng chính thời gian này, đặc biệt từ tháng 4 năm 1947 địch bắt đầu chính sách "bình định" và tổ chức những cuộc càn quét khủng bố, đàn áp nhân dân, với chiến thuật "mạng nhện" rải quân đóng đồn khắp tỉnh (số đồn lên tới 80). Chúng uy hiếp tinh thần của nhân dân, lập các ban hội tề, các ty an ninh, các tỉnh trưởng, huyện

trưởng. Đồng thời địch tăng cường bắt lính, càn quét, cướp bóc nhân dân, bắt dân đóng thuế, thực hiện kế hoạch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Những cuộc hành quân của chúng trong thời kỳ này có tính chất áp đảo, để phục vụ cho chương trình chính trị quân sự của chúng. Đa số các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ các huyện bị địch tàn sát, bắt bớ, gây thiệt hại lớn cho cơ sở đảng. Ở Phú Vang, Phú Lộc, Hương Thủy hơn một nửa cấp chỉ đạo của tỉnh bị hy sinh và bị bắt. Tính đến 29 tháng 7 năm 1947 trong vòng 5 tháng có ba đồng chí tỉnh ủy viên hy sinh, hai đồng chí bị địch bắt, nhưng cơ sở đảng nhờ bám đất, bám dân chịu đựng mọi hy sinh gian khổ vẫn tồn tại và phát triển. Tính đến tháng 9 năm 1947, tổng số đảng viên toàn tỉnh là 1.126 đồng chí (trong đó có 63 đồng chí nữ). Trong lúc này một số các đồng chí đảng viên được phát triển ở chiến khu kịp thời bổ sung lực lượng cho đồng bằng để lãnh đạo và giữ vững phong trào cơ sở kháng chiến. Đồng thời các đội biệt động được tung vào hoạt động ở vùng địch tạm chiếm. Tiếng súng tiêu hao, quấy rối địch nổ đều trong tỉnh làm cho nhân dân thêm vững lòng tin, làm cho địch hoang mang.

Cùng với trung đoàn chủ lực Trần Cao Vân giành thắng lợi ở trận Hộ Thành và đồn Đất Đỏ, thời gian này ở phía nam tỉnh các đội cảm tử quân của hai huyện Hương Thủy và Phú Vang tấn công tập kích vào các đồn ở Sư Lỗ giành thắng lợi ngay giữa đồng bằng, trung tâm sào huyệt của vùng tạm bị chiếm. Với chiến thắng trận Sư Lỗ, lần đầu tiên lực lượng vũ trang địa phương hai huyện đã hợp đồng chiến đấu thắng lợi, ảnh hưởng to lớn đối với phong trào toàn tỉnh.

Ngày 5 tháng 7 năm 1947, lực lượng vũ trang Hương Thủy phối hợp với tiểu đoàn 18 trung đoàn Trần Cao Vân phục kích quân địch đi càn ở Võ Xá, diệt 33 tên, bắt 16 tên, thu nhiều vũ khí. Đây là trận đánh tiêu biểu có sự phối hợp chặt chẽ ba mũi giáp công (chính trị, quân sự và địch vận). Chiến tranh du kích có điều kiện phát triển các hoạt động diệt tề, trừ gian, phong trào du kích ở các thôn xã gây uy thế cho cách mạng lên cao. Bọn Việt gian, tề, điệp hoang mang lo sợ, một số lớn bọn chúng nằm im, không dám hoạt động như trước nữa.

Song song với hoạt động quân sự ở các huyện, thị trấn, thị xã ở đồng bằng, Tỉnh ủy lãnh đạo việc xây dựng chiến khu làm cơ sở hậu thuẫn cho hoạt động kháng chiến ở đồng bằng, thị xã. Chiến khu Hòa Mỹ (Phong Điền), căn cứ cách mạng của tỉnh, chỉ trong vòng 5 tháng đã xây dựng xong nhà cửa từ CK1 đến CK7. Nhân dân toàn tỉnh đã đóng góp lương thực, thực

phẩm, các vật dụng cần thiết, hình thành hệ thống kho tàng, bảo đảm nhu cầu chiến khu.

Xây dựng chiến khu, ổn định tổ chức, củng cố lực lượng, bổ sung quân số, triển khai hoạt động về đồng bằng, bám đất bám dân, tổ chức kháng chiến là phương châm hoạt động của Đảng bộ, quân và dân Thừa Thiên - Huế trong giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 9 năm 1947. Do đặc điểm tình hình của cuộc kháng chiến trên chiến trường chung ba tỉnh Bình - Trị - Thiên, để thống nhất lãnh đạo và phối hợp hành động tác chiến, tháng 3 năm 1946, Trung ương Đảng chỉ thị thành lập phân khu ủy Bình Trị Thiên do đồng chí Nguyễn Chí Thanh làm Bí thư, đồng thời phân khu ủy Bình Trị Thiên là bộ phận thường trực của Liên khu ủy 4 trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến ở ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên.

Để mở rộng căn cứ của cuộc kháng chiến, bên cạnh chiến khu Hòa Mỹ - Phong Điền (phía bắc tỉnh) ở phía nam - chiến khu Nam Phương, căn cứ kháng chiến của huyện Hương Thủy - Phú Vang được xây dựng. Tháng 8 năm 1947, Tỉnh ủy mở lớp học tập thư Hồ Chủ tịch nhằm nâng cao nhận thức tư tưởng và tinh thần đấu tranh cách mạng của cán bộ, đảng viên. Tại lớp học này, các huyện đã tổ chức tuyên thệ trước Quốc kỳ và ảnh Bác Hồ, nguyện suốt đời phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 9 năm 1947, tại chiến khu Hòa Mỹ, hội nghị cán bộ Đảng bộ Thừa Thiên - Huế họp bàn vấn đề xây dựng cơ sở đảng. Nội dung chủ yếu là kiểm điểm tình hình công tác Đảng bộ từ sau Hội nghị tháng 3 năm 1947, thảo luận chỉ thị, Nghị quyết Trung ương và khu ủy, xác định chương trình hành động và bầu lại Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Sau Hội nghị hành chính toàn khu (21 - 28-7-1947) quyết định thống nhất hai Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến thành Ủy ban hành chính kháng chiến. Việc cải tổ này vừa xong thì tiếp theo Sắc lệnh số 91 ngày 1 tháng 10 năm 1947 ấn định việc thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, huyện, xã.

Bộ máy lãnh đạo tỉnh được kiện toàn tạo điều kiện chỉ đạo hoạt động ở cơ sở. Đến cuối năm 1947, nhiều chi bộ đã được phục hồi, nhiều cơ sở bí mật trong quần chúng cũng được xây dựng. Hoạt động quân sự của ta phát triển khá, lập được nhiều thành tích, tạo điều kiện giúp đỡ phong trào quần chúng.

Hương Trà đã gây được cơ sở ở một vài xã vùng núi và đồng bằng. Trong lúc đó, các đảng bộ Phong Điền, Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc vẫn phát triển đều. Ở Phong Điền, Hội đồng nhân dân của 10 trong số 12 xã tổ chức họp thường kỳ. Ở Hương Thủy ta đã nắm được 25 ban hội tề, Phú Vang đã lôi kéo được 318 ngụy quyền. Quảng Điền bị địch khủng bố nặng, tổ chức đảng gặp khó khăn. Nhìn chung việc xây dựng cơ sở đảng ở đồng bằng còn chưa chú trọng đúng mức tới yêu cầu kháng chiến của địa phương.

Lực lượng dân quân Thừa Thiên về mặt tổ chức đã có chuyển biến mới. Tỉnh tập trung những chiến sĩ hăng hái trong hàng ngũ dân quân và Vệ quốc quân lập thành "Đội quyết tử quân". Sự hoạt động của Đội quyết tử quân đã phát động phong trào kháng chiến, củng cố hàng ngũ Vệ quốc quân và lực lượng dân quân. Chiến tranh du kích được đẩy mạnh nhằm bảo vệ Đảng và chính quyền cơ sở.

Năm 1947 là năm đầy thử thách gian nan của Đảng bộ, quân và dân Thừa Thiên - Huế từ sau ngày mặt trận vỡ. Những hy sinh mất mát, khó khăn chồng chất tưởng chừng không vượt qua nổi ấy lại chứa đựng nhiệt tình và ý chí cách mạng bất chấp gian khổ hy sinh của cán bộ, đảng viên và quần chúng có niềm tin sắt đá vào sự lãnh đạo của Đảng. Cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang luôn bám đất, bám dân, xây dựng cơ sở, phát động phong trào chiến tranh du kích. Tấm gương hy sinh của các đồng chí cán bộ, đảng viên góp phần nối lại tiếng súng kháng chiến. Nổi bật lên là tinh thần anh dũng kiên cường bám trụ của cán bộ, đảng viên huyện Phú Vang. Vì vậy mà phong trào kháng chiến ở đây phát triển mạnh. Vùng giải phóng được củng cố nối liền giữa chiến khu Nam Phương và đồng bằng vùng sâu huyện Phú Vang, từ Dương Hòa, Hương Thủy đến động Trước của Phú Lộc.

Trên chiến trường cả nước nói chung và Thừa Thiên - Huế nói riêng, từ cuối năm 1947 đã dần dần đi vào thế ổn định, phong trào kháng chiến bắt đầu phát triển, cơ sở đảng được củng cố, chiến tranh du kích và lực lượng vũ trang có điều kiện chủ động đánh địch và chặn đứng sự tiến công của chúng.

4. Quảng Nam, Đà Nẵng chiến đấu giam chân địch và đánh bại chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp

Tại thành phố Đà Nẵng, ngày 15 tháng 12 năm 1946, Ủy ban quân sự Quảng Nam - Đà Nẵng họp nhận định tình hình trước hành động tăng quân

của địch, kiểm tra việc bố trí lực lượng theo các phương án tác chiến, sẵn sàng đợi lệnh Trung ương. Hội nghị quyết định gấp rút triển khai kế hoạch bổ sung phương án tác chiến của bộ đội chủ lực và dân quân tự vệ. Trung đoàn 96 bố trí sát các vị trí đóng quân của địch, thế trận vòng cánh cung từ trụ sở Ủy ban, nhà Bưu Điện, Ngã Năm, Cổ Viện Chàm đến khu vực Chợ Mới. Một tiểu đoàn phong tỏa cụm quân địch tại sân bay Đà Nẵng. Trung đoàn bộ đóng tại ngã tư Yên Khê. Cứ mỗi đại đội chủ lực có một đại đội tự vệ thành phố hoặc dân quân du kích Hòa Vang làm nhiệm vụ phối thuộc chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đại đội tự vệ chiến đấu của công nhân ngành hỏa xa Đà Nẵng (Lý Chính Thắng) sát cánh cùng bộ đội ở lại trong thành phố đánh giặc.

Trung đoàn 93 phòng thủ nam sông Cẩm Lệ. Một tiểu đoàn bố trí từ Non Nước, Mỹ Thị, Miếu Bông, cầu Cẩm Lệ đến Trung Lương. Một tiểu đoàn đóng ở Thanh Quýt. Một tiểu đoàn đóng ở Vĩnh Điện, có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, không cho địch vượt sông, và có nhiệm vụ chi viện cho trung đoàn 96 ở Đà Nẵng.

Hội nghị hạ quyết tâm cho toàn quân: khi đã có lệnh kháng chiến thì kiên quyết chiến đấu, vây hãm, tiêu hao, quấy rối, phá hoại, làm thiệt hại quân địch, không cho chúng thực hiện kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh", tạo điều kiện cho đồng bào tản cư, các cơ quan rút ra ngoài thành phố, bảo tồn lực lượng, xây dựng cơ sở kháng chiến lâu dài.

Thế trận được bày sẵn, dân quân tự vệ, công an sát cánh cùng bộ đội chủ lực sẵn sàng chờ lệnh chiến đấu. Những tổ xung kích bí mật áp sát các vị trí, kho tàng, các mục tiêu quan trọng để nổ súng, giật mìn phá hủy. Các cầu Thủy Tú, Phong Lệ, Cẩm Lệ đã bố trí lực lượng và phương tiện sẵn sàng đánh sập. Các trục đường ra, vào và xung quanh Đà Nẵng đang gấp rút xây dựng thêm những chướng ngại vật. Tài liệu, máy móc, phương tiện của các cơ quan bí mật chuyển ra ngoại thành, lên căn cứ. Nhân dân nội thành được lệnh chuẩn bị tản cư triệt để và làm vườn không nhà trống "tiêu thổ kháng chiến", bất hợp tác với giặc.

Ủy ban kháng chiến tỉnh chỉ thị cho các huyện lân cận Hòa Vang, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên đón tiếp giúp đỡ đồng bào Đà Nẵng tản cư. Lực lượng tự vệ, dân quân sẵn sàng tham gia chiến đấu, thanh niên nam nữ và những người khỏe mạnh sẵn sàng phục vụ chiến đấu. Các trạm cứu thương, trạm tiếp tế được lập ngay ở Hòa Vang, Điện Bàn, nơi tiếp cận với mặt trận Đà Nẵng để phục vụ bộ đội.

Công việc chuẩn bị kháng chiến căn bản hoàn thành. Quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng sẵn sàng đợi lệnh của Trung ương và Chính phủ để trút căm thù lên đầu giặc Pháp.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, Ban chỉ huy mặt trận nhận được mệnh lệnh nổ súng đánh địch. Lập tức Ban chỉ huy mặt trận họp và ra lệnh:

- Đúng 2 giờ sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946, tiểu đoàn 19 nổ súng đánh địch tại sân bay.

- Các đơn vị đã bố trí nhanh chóng bám mục tiêu theo kế hoạch đã định, sẵn sàng khi nghe tiếng súng phát hỏa ở sân bay, coi đó là hiệu lệnh, các đơn vị đồng loạt nổ súng tấn công địch.

- Đồng thời cũng là mệnh lệnh phá sập các cầu Thủy Tú, Cẩm Lệ, Phong Lệ, phá nhà máy đèn, chặt cây cản đường, ra lệnh đồng bào thành phố tản cư triệt để.

- Dời trung đoàn bộ trung đoàn 96 lên Khánh Sơn, rút phái đoàn ta ra khỏi Ủy ban liên kiểm quân sự Việt - Pháp.

- Trung đoàn 93 báo động sẵn sàng chuẩn bị đưa một bộ phận lực lượng vào Đà Nẵng chiến đấu.

Các mệnh lệnh trên nhanh chóng chuyển đến các đơn vị trực thuộc. Tất cả các đơn vị, các lực lượng vào vị trí chiến đấu sẵn sàng nổ súng.

Các cơ quan lãnh đạo của thành Đà Nẵng rút ra khỏi thành phố vào đóng ở Túy Loan (Hòa Vang) theo dõi, lãnh đạo nhân dân tản cư và phục vụ chiến đấu. Đồng bào Đà Nẵng sẵn sàng hiến dâng tất cả của cải, nhà cửa, báu vật để phục vụ kháng chiến, đánh giặc, cứu nước, cùng với toàn quốc thực hiện lời thề độc lập "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!".

Tuy kế hoạch nổ súng đồng loạt tiến công địch trong đêm 19 tháng 12 năm 1946 không thực hiện được, nhưng các đơn vị bố trí trên các đường phố, các điểm cao, ngã ba, ngã tư, chiếm lĩnh các vị trí chiến đấu quan trọng vẫn giữ vững thế trận và sẵn sàng chiến đấu. Tiếng bom nổ phá sập nhà máy đèn, tiếng địa lôi nổ đánh gãy cầu Thủy Tú, cầu Cẩm Lệ trở thành hiệu lệnh chiến đấu của quân dân trong tỉnh.

Từ các vị trí đứng chân, ngày 20 tháng 12 năm 1946 giặc Pháp tổ chức nhiều mũi tấn công nhằm vào hai hướng chủ yếu: hướng từ nhà Bưu Điện,

Cổ Viện Chàm, Chợ Mới nhằm mục tiêu giải vây cho bọn Pháp ở sân bay. Hướng đường Nguyễn Hoàng nay là đường Lê Duẩn nhằm chiếm nhà Ga, ngã ba Cai Lang, ngã tư Yên Khê...

Các mũi tiến quân của địch đều bị quân ta chặn đánh quyết liệt ngay từ khi chúng xuất phát và từng bước chúng tiến quân, trên từng căn nhà, từng con đường, từng góc phố, nhà ga, bến chợ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt tại ty Bưu Điện, nhà sách Thái Thị Bôi, nhà Thông tin tuyên truyền, Cổ Viện Chàm, bót Đội Cung... Nhiều nơi, để địch tới gần quân ta đồng loạt nổ súng, tung lựu đạn vào đội hình chúng. Bắn hết đạn, chiến sĩ ta rút lên gác, địch xông vào nhà, quân ta tung lựu đạn, xô cánh cửa, vứt bàn ghế, gạch ngói, đồ vật xuống, địch chết chẹt ở cầu thang (bót Đội Cung).

Mũi quân giặc phía đường Phan Chu Trinh tiến về Ngã Năm, suốt 5 tiếng đồng hồ, bị quân ta chặn đánh tiêu diệt hàng mấy chục tên. Địch dùng mũi đánh thọc sườn từ đường Triệu Nữ Vương vào Ngã Năm, quân ta phục kích vùng Mã Tây quần đánh suốt ngày, chúng phải tháo lui.

Ở hướng tây, quân địch không sao vượt qua được khu Cầu Vồng. Chúng dùng lực lượng lớn quân lê dương, có xe tăng hỗ trợ, mở nhiều đợt tấn công suốt ngày tại khu vực nhà Ga. Bộ đội ta đặt trung liên vào thùng thiếc bắn nổ vang như đại liên, uy hiếp tinh thần địch.

Tờ mờ sáng hôm sau, địch dùng pháo lớn từ hạm tàu, tập kích dữ dội vào ngã tư Yên Khê, Xuân Hòa, Xuân Đán, Liêu Trì, chặn đường tiếp tế của quân ta, yểm trợ cho bộ binh chúng mở đợt tấn công. Quân ta chiến đấu liên tục cả ngày.

Sáng 22 tháng 12 năm 1946, địch tập trung lực lượng đánh giải vây cho đại đội quân Pháp đang cố thủ ở sân bay. Các đơn vị bộ đội, dân quân du kích Hòa Vang chặn đánh quyết liệt ở khu Chợ Mới, bẻ gãy nhiều đợt tiến quân của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Một đại đội địch từ nhà Ga tiến về Chợ Mới, bộ đội tiểu đoàn 19 chặn đánh diệt hơn một trung đội.

Cuộc chiến đấu diễn ra ở Đà Nẵng không cân sức, về binh khí và kỹ thuật, bộ đội ta kém hơn địch, nhưng tinh thần dũng cảm hy sinh của bộ đội ta thật phi thường.

Khi chiến đấu hết đạn, chiến sĩ ta mưu trí, đốt khói mù trời rồi xung phong dùng chai cháy đốt xe địch, dùng dao đánh giáp lá cà với lính lê dương. Nhiều nơi bộ đội ta đánh đến viên đạn cuối cùng, chờ địch đến, dùng bàn ghế, gạch đá, cánh cửa đánh địch. Quân ta xông ra vật lộn và cắn vào cổ

giặc, làm cho chúng phải khiếp sợ trước tinh thần chiến đấu quả cảm của quân ta.

Tuy có bị động lúc ban đầu, nhưng khi đã nổ súng, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng nhanh chóng biến thế bị động nổ súng thành thế chủ động, đánh địch trên mảnh đất làm chủ của mình. Vì thế trong ngày đầu ta đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, mưu trí, quyết tâm, phát huy tác dụng vũ khí có trong tay, bẻ gãy các đợt tấn công, đánh hơn ba mươi trận, diệt hơn ba trăm tên và làm bị thương hàng trăm tên khác, hầu hết là lính lê dương mũ đỏ. Đó là thành tích đầu tiên, có ý nghĩa của quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

Trong ba ngày chiến đấu sống mái với quân thù, đồng bào Đà Nẵng ai ai cũng nguyện làm hết sức mình, đóng góp hết thảy để giết giặc, cứu nước. Đồng bào khoét nhà, đục tường làm chiến hào từ phố này sang phố khác để bộ đội và dân quân luồn lách chiến đấu, hiến dâng nhà cửa, giường tủ, bàn ghế và mọi thứ dụng cụ sẵn có để bộ đội làm công sự chiến đấu, vứt ra đường làm vật chướng ngại cản bước quân thù, thực hiện tiêu thổ kháng chiến.

Bộ đội và dân quân tự vệ đã thực hiện được yêu cầu giam chân địch trong thành phố để các cơ quan rút ra khỏi Đà Nẵng, đồng bào tản cư ra khỏi thành phố, bảo tồn lực lượng cách mạng để kháng chiến lâu dài. Chiều ngày 22 tháng 12 năm 1946, Ban chỉ huy mặt trận ra lệnh cho các đơn vị rút khỏi trung tâm thành phố.

Bộ đội cùng với nhân dân tổ chức tuyến phòng thủ mới ở tây bắc từ Phong Lệ, Nghi An, Hòa Mỹ, Đa Phước đến ngã tư Yên Khê. Ở phía nam sông Cẩm Lệ, từ Phong Lệ đến Non Nước, trung đoàn 93 cùng dân quân và đồng bào Hòa Vang sẵn sàng đánh địch khi chúng tràn qua sông. Đồng bào sát cánh cùng bộ đội ngày đêm củng cố tuyến phòng thủ mới.

Ngày 23 tháng 12 năm 1946 đến ngày 7 tháng 1 năm 1947, quân địch tập trung các lực lượng chủ yếu đánh ra hướng tây Đà Nẵng, ngã tư Yên Khê đến chân đèo Hải Vân.

Ngày 25 địch tấn công ngã tư Yên Khê.

Ngày 26, 27 tấn công Thanh Khê, Hòa Mỹ, Yên Khê.

Ngày 28 tấn công Phước Tường, Nghi An, Cẩm Lệ.

Ngày 29 đổ quân bãi Thanh Khê, tiến quân theo đường sắt và quốc lộ 1.

Ngày 30 tấn công Hòa Mỹ, Đò Xu.

Ngày 31 tấn công Nghi An, Đò Xu, đánh bom Đà Sơn.

Ngày 1 tháng 1 năm 1947 tấn công Cẩm Lệ, Đò Xu.

Ngày 2 và 3 tháng 1 pháo kích đại bác, moócchiê vào Đà Sơn, Hòa Mỹ, Nghi An, đổ quân vào Mỹ Khê.

Ngày 4 tháng 1 dùng tàu thủy uy hiếp vùng Sơn Trà - Non Nước, dùng phi cơ bắn phá bừa bãi dọc quốc lộ 1 sâu vào hậu phương ta...

Tiểu đoàn 19 cùng các đơn vị bộ đội, dân quân tổ chức phòng ngự, chiến đấu kiên cường, tiêu hao nhiều địch, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của chúng.

Ở phía đông Đà Nẵng, Ban chỉ huy mặt trận chỉ thị cho tiểu đoàn 100 (trung đoàn 93) tập kích đêm 31 tháng 1 vào Mỹ Thị diệt hơn một trung đội địch. Bộ đội tổ chức nhiều mũi nhọn đột nhập vào nội thành hoạt động quấy rối, phá hoại, đốt kho tàng, dựng chướng ngại vật, đánh mìn bãi để xe, phục kích diệt bọn tuần tiễu, cắt dây điện, diệt trừ Việt gian... gây cho địch nhiều thiệt hại, mất ăn, mất ngủ và hoang mang dao động ngay tại hậu phương chúng.

Lực lượng dân quân tự vệ Đà Nẵng, sau khi rút ra khỏi thành phố, Thành ủy chủ trương tập trung biên chế thành một tiểu đoàn, gia nhập bộ đội, đột nhập vào thành phố hoạt động vũ trang đánh phá hậu phương địch, diệt trừ Việt gian. Lực lượng dân quân du kích Hòa Vang sát cánh cùng bộ đội chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên các tuyến dài của mặt trận, tiến hành gìn giữ trật tự an ninh, bảo vệ tài sản cho đồng bào tản cư, giúp đỡ những người già yếu, tàn tật và trẻ em. Tình quân dân ngày càng thắm thiết. Qua thử thách chiến tranh, bộ đội, dân quân thực sự được nhân dân tín nhiệm và yêu mến.

Ngày 15 tháng 1 năm 1947, địch đổ bộ 2.000 quân nghi binh ở phía đông Đà Nẵng. Trong khi đó chúng tập trung lực lượng đánh chiếm đèo Hải Vân. Đây là con đường nối liền Đà Nẵng - Huế, là mạch máu giao thông chiến lược từ cửa biển vào sân bay Đà Nẵng tỏa khắp để tiếp tế các chiến trường Trung Đông Dương. Ngày 16 tháng 1 năm 1947, Ban chỉ huy mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng ra lệnh cho các đơn vị ở phía đông nam Đà Nẵng "phải hoạt động mạnh, tập trung hỏa lực tiêu diệt một số vị trí của địch để kìm chế sức tiến công của chúng, phối hợp với mặt trận phía tây".

Địch đã huy động 8.000 quân, 12 tàu thủy, 8 máy bay, quyết diệt quân ta, chiếm lĩnh đường đèo Hải Vân. Từ 4 giờ sáng ngày 17 tháng 1 năm 1947, địch dùng 2 tiểu đoàn bộ binh từ Nam Ô đánh qua sông Thủy Tú. Tàu thủy đổ quân lên Lăng Cô (Thừa Thiên) đánh vào đèo Hải Vân. Nhiều cánh quân

đổ vào chân đèo, cắt phòng tuyến quân ta làm nhiều đoạn. Máy bay và pháo địch bắn rung chuyển cả đường đèo.

Ở mặt trận Thủy Tú cũng như trên đèo Hải Vân, quân ta chiến đấu vô cùng dũng cảm, đẩy lùi nhiều đợt tiến công của địch. Sau 3 ngày chiến đấu, quân ta tiêu diệt một đoàn xe địch, 200 lính Âu Phi và làm bị thương hàng trăm tên khác. Không chủ trương giữ đèo, các đơn vị được lệnh rút lui.

Chiếm được đèo, liên lạc được với quân ở Huế, nhưng địch không thực hiện được âm mưu tiêu diệt chủ lực ta. Trái lại, từ đây quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng biến đường đèo Hải Vân - một thắng cảnh nổi tiếng - thành mồ chôn hàng trăm quân xâm lược Pháp và tiêu diệt nhiều phương tiện chiến tranh của chúng.

Những ngày quân dân Đà Nẵng, Hòa Vang trực tiếp chiến đấu với quân thù, Tỉnh ủy chủ trương lãnh đạo nhân dân các huyện chuẩn bị sẵn sàng đối phó với chiến tranh mở rộng. Đồng thời vận động đồng bào hướng về Đà Nẵng, Hòa Vang bằng những tình cảm và trách nhiệm, sẵn sàng đón tiếp, sắp xếp nơi ăn, chốn ở cho đồng bào tản cư, giúp đồng bào di chuyển và bảo vệ tài sản không để mất mát, tương trợ người nghèo, trẻ em và những người tàn tật gặp khó khăn, thiếu thốn...

Các trường học, nhà thờ, đình chùa và nhà dân đã trở thành trạm cứu thương. Thanh niên trai tráng tổ chức chuyển thương binh về Điện Bàn, Duy Xuyên... Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc thương binh, quyên góp quà bánh, thực phẩm, tiền bạc, nuôi dưỡng và cung cấp cho bộ đội ở chiến trường. Đảng, chính quyền, đoàn thể và Mặt trận Liên Việt thường xuyên cử người đại diện đến thăm hỏi thương binh, động viên tinh thần bộ đội, giải quyết những khó khăn tại chỗ. Thể hiện tình cảm thắm thiết với chiến sĩ ngoài mặt trận, phong trào "Mùa đông binh sĩ" được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Nhiều áo, chăn, tơi, nón, góp lại đưa ra phòng tuyến cho chiến sĩ ta đỡ phần lạnh lẽo. Một đợt quyên góp quà bánh nhân dịp Tết âm lịch 1947, được nhân dân ủng hộ rất nhiều, phụ nữ tổ chức từng đoàn gồng gánh đưa đến tận tay chiến sĩ.

Ròng rã hơn một tháng chiến đấu kiên cường, liên tục, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng cùng với cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cấp trên đề ra, vây hãm tiêu hao một bộ phận địch, giam chân chúng lại trong thành phố, góp phần làm thất bại kế hoạch tốc chiến, tốc thắng của giặc Pháp, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian chuyển vào chiến tranh, bảo tồn được các cơ quan lãnh đạo và lực lượng chủ lực của ta.

Sau khi chiếm được Đà Nẵng và một phần bắc Hòa Vang, đánh thông đèo Hải Vân, liên lạc được với Huế, quân Pháp ra sức củng cố các vị trí phòng thủ ở Đà Nẵng và dọc theo đèo Hải Vân, tiếp tế phương tiện phục vụ âm mưu mở rộng chiến tranh đánh chiếm Bình Trị Thiên và Hạ Lào.

Từ sông Cẩm Lệ trở vào phía nam, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng ra sức ổn định tình hình, sắp xếp nơi ăn, ở cho đồng bào Đà Nẵng tản cư, và nhất là ra sức bố phòng, chuẩn bị đối phó với những trận tấn công sắp tới của địch. Tỉnh ủy và các cơ quan tỉnh lúc này chuyển vào đóng tại Duy Xuyên.

Tháng 1 năm 1947, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng họp mở rộng tại Ái Nghĩa (Đại Lộc), Hội nghị Tỉnh ủy nhận định tình hình cuộc kháng chiến vô cùng khẩn trương, phải liên lạc với các cơ quan tản cư, động viên sự đoàn kết và nỗ lực của toàn dân, vượt mọi khó khăn gian khổ, động viên hết thảy mọi phương tiện, tranh thủ khi địch đang còn ở phía bắc sông Cẩm Lệ mà củng cố hệ thống phòng tuyến chống giặc ở phía nam sông. Ra lệnh cho toàn dân các huyện kế cận tham gia triệt để phá hoại giao thông, làm chướng ngại vật, không cho địch tiến nhanh, không để một thứ gì địch đến có thể lợi dụng làm nơi đồn trú, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, làm vườn không nhà trống, bất hợp tác triệt để với giặc khi chúng đến. Hội nghị chủ trương, khi có lệnh tản cư, đảng viên, cán bộ phải đi theo đồng bào, hướng dẫn nhân dân tản cư theo đúng hướng. Tổ chức giữ vững đường dây liên lạc giữa tỉnh với khu, giữa tỉnh với các huyện, nhất là các huyện đang tản cư và với các tỉnh bạn Quảng Ngãi, Thừa Thiên. Củng cố lại Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Thấm nhuần chủ trương phá hoại giao thông để kháng chiến của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện nghị quyết Tỉnh ủy mở rộng, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã tháo gỡ 40km đường ray xe lửa. Đào hào chữ chi, đắp ụ làm chướng ngại, trồng cọc chi chít trên quốc lộ 1, trên các đường tỉnh lộ, đường công hương và các con đường rẽ... Đánh sập các cầu xe lửa và cầu đường bộ: Nam Ô, Phong Lệ, Bích Trâm, Cẩm Lệ, Quá Giáng, Ngũ Giáp, Vĩnh Điện. Chuẩn bị phương tiện sẵn sàng phá 25 cầu nữa khi có lệnh. Các cơ quan, công sở, trường học, bệnh viện, đền chùa, nhà dân kiên cố, ở các thị xã Hội An, thị trấn Vĩnh Điện được lệnh đập phá tiêu thổ, thực hiện "Lúc kháng chiến phá nhà là kháng chiến". Trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh đánh sập bằng 3 quả mìn lớn. Sau 2 tuần, thành cổ đã được san bằng. Đồng bào chặt tre từng đoạn dài 2 mét, vót nhọn chôn cọc ở những bãi trống chống giặc nhảy dù. Làm nỏ, đắp kè ở các cửa sông dọc theo bờ biển, ngăn ca nô địch vào sông.

Phòng tuyến ngăn địch của bộ đội ta bố trí dọc phía nam sông Cẩm Lệ: Trung đoàn 93 từ Non Nước, Đò Xu, Cẩm Lệ, trung đoàn 96 từ tây quốc lộ đến đèo Đại La. Tiểu đoàn 19 đánh địch trên đèo Hải Vân. Dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên vị trí được phân công.

Ngày 28 tháng 2 năm 1947, tiểu đoàn 19 phục kích đánh trận giao thông chiến đầu tiên trên đèo Hải Vân, phá hủy 8 xe quân sự, tiêu diệt 1 đại đội địch (có tên trung úy) thu 2 trung liên, 4 tiểu liên và 10 súng trường. Trận đánh táo bạo, bất ngờ ta thu thắng lợi mở đầu, chứng tỏ với binh khí kỹ thuật kém hơn địch, bộ đội ta với lối đánh vận động chiến, lợi dụng địa hình, có quyết tâm cao, nắm vững quy luật của địch, vẫn có thể tiêu diệt chúng.

Chiến thắng Hải Vân làm nức lòng phấn khởi, tin tưởng của quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

Nhân cơ hội, các đội biệt động, công an xung phong đột nhập thành phố Đà Nẵng, trừng trị những tên Việt gian, bắt sống Tôn Thất Dật, mật thám mang lon quan ba Pháp, và tên Moro người Pháp đi dò la căn cứ Sơn Trà.

Đến tháng 3 năm 1947, được viện binh, tại Quảng Nam - Đà Nẵng, giặc Pháp mở rộng cuộc tiến công lớn phối hợp cả hải, lục, không quân đồng loạt bằng nhiều mũi, trên trận tuyến từ Non Nước đến chân núi Bà Nà tây bắc Hòa Vang, ồ ạt vượt sông Cẩm Lệ, chiếm vùng đồng bằng trù phú hạ lưu giữa hai con sông Cẩm Lệ và Thu Bồn.

Ngày 3 tháng 3 năm 1947, chúng mở đầu cuộc tấn công. Trong các mũi có hai gọng kìm mạnh nhất. Gọng kìm ở phía tây bắc Hòa Vang dọc theo chân núi Bà Nà và đường 14B đi Ái Nghĩa. Một gọng kìm khác chiếm Non Nước, Hội An, Vĩnh Điện tiến dọc theo sông Thu Bồn lên Ái Nghĩa. Hai cánh quân của địch hình thành một vòng cung lớn hòng bao vây tiêu diệt quân ta.

Tất cả các mũi tiến công của địch đều bị quân dân ta chặn đánh làm chúng bị tiêu hao sinh lực, kịch chiến nhất là hai gọng kìm chính tây và đông. Tại Trường Định, Quan Nam, đồng bào cùng bộ đội đánh địch rất kiên cường. Các cụ già, phụ nữ lên chiến hào tiếp tế cho bộ đội, băng bó thương binh. Du kích tự vệ sát cánh cùng bộ đội đánh giặc, đẩy lùi nhiều đợt tiến công của 5 tiểu đoàn địch, làm 50 tên chết, 40 tên khác bị thương, một số xe bị bắn hỏng. Quân địch phải dừng lại tổ chức thành nhiều mũi đánh vào sườn quân ta. Tiểu đoàn 19 lùi về chiến khu Tây Bắc - Hòa Vang. Tại khu vực Non Nước, tiểu đoàn 102 được đồng bào giúp sức, phối hợp với tự vệ dân quân đánh địch liên tiếp, tiêu diệt hơn 100 tên, bắn cháy 2 xe cơ giới.

Đến sáng ngày 13 tháng 3 năm 1947, kẻ địch xảo quyệt đổ bộ một cánh quân lớn lên phía nam Non Nước, đánh qua Khái Đông chiếm Hà My, tiến dọc theo bờ biển. Bộ đội ta đặt mìn và bắn tỉa diệt hơn 40 tên. Vì mặt trận mở ra quá rộng, bị chia cắt, thiếu phương tiện liên lạc, sợ bị bọc hậu, bộ đội ta rút lui. Trưa ngày 14 tháng 3 năm 1947, địch chiếm thị xã Hội An.

Từ Hội An địch đánh lên Vĩnh Điện, Phong Thử, hợp điểm với gọng kìm phía tây tại Ái Nghĩa và tiến theo đường 14.

Tiểu đoàn 17 đoán đúng âm mưu địch, chặn đánh liên tục, tiêu hao sinh lực địch trên tuyến đường 14. Trận phục kích xuất sắc tại Ba Khe (Đại Lộc) ngày 26 tháng 3 năm 1947, đã diệt gọn hơn hai trung đội địch, thu vũ khí, khiến giặc Pháp gờm sợ lui về Ái Nghĩa. Đến ngày 4 tháng 4 năm 1947, có Việt gian dẫn đường, quân Pháp mở cuộc tiến công, một mũi thọc sâu lên đến Bến Giằng và gặp được cánh quân của chúng ở bắc Kon Tum xuống trong vòng 15 phút. Tiểu đoàn 17 và trung đội vũ trang ta đóng giữ đồn Giằng bám đánh quyết liệt, chỉ trong một ngày, chúng phải lui về Ái Nghĩa và bắc Kon Tum, bỏ dở kế hoạch đánh chiếm đường 14 nối liền Đà Nẵng với Tây Nguyên nhằm chia cắt làm đôi tỉnh Quảng Nam, lập hành lang ngăn chặn ta chi viện tiếp tế cho chiến trường bắc Tây Nguyên và liên lạc Bắc - Nam.

Qua đợt tấn công lớn nhất, ồ ạt nhất ở Quảng Nam - Đà Nẵng, địch đã chiếm được vùng đồng bằng bắc sông Thu Bồn từ Hội An đến Ái Nghĩa. Việc chuẩn bị đối phó với địch đánh chiếm vùng này đã được Đảng bộ lãnh đạo và nhân dân chuẩn bị từ trước, có kế hoạch cho đồng bào tản cư tương đối cụ thể. Khi quân Pháp tấn công, đồng bào Hòa Vang, Hội An và một số nơi tản cư theo kế hoạch, bảo vệ được tài sản, trâu bò và tính mạng nhân dân. Song qua thực tế cũng chứng tỏ ta chưa phán đoán được quy mô, tốc độ và những thủ đoạn tấn công của địch, lại thiếu các phương tiện thông tin liên lạc trong khi tác chiến. Phòng tuyến sông Cẩm Lệ vỡ, trung đoàn 93 lui về nam sông Thu Bồn, địch tiến quá nhanh, một số cơ quan hành chính, quân sự và đoàn thể không kịp liên hệ với nhau để có biện pháp đối phó và hướng dẫn, lãnh đạo nhân dân tản cư. Lại phải vượt qua sông Thu Bồn, đồng bào Điện Bàn tản cư mang theo tài sản bị nghẽn lại. Trong cảnh vô cùng lộn xộn dưới làn bom đạn của máy bay địch, nhiều đồng bào bị mất tài sản, hoặc bỏ lại cho địch cướp phá, ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe. Hàng vạn đồng bào đã vượt sông tản cư vào Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ, một phần lên các vùng núi Hòa Vang, Đại Lộc. Các cơ quan cấp xã, cấp huyện ở vùng bị địch đánh chiếm lúc đầu không liên lạc được với cấp trên, mất phương hướng hành động, đa số tản cư theo gia đình. Sau thời gian ngắn bị động,

lúng túng, cán bộ huyện, xã đã liên lạc với đồng bào mình trên từng địa bàn và liên lạc được với cấp trên.

Mặc dù có sự chuẩn bị trước, các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ, Tiên Phước tổ chức nhiều trạm đón tiếp, nhưng không đáp ứng nổi hàng chục vạn người tản cư cùng một lúc, công tác tản cư gặp nhiều khó khăn.

Đồng bào tản cư một số đã trở về kiếm lương thực và bám ruộng sản xuất sinh sống. Khi quân giặc tràn qua nhanh trên một vùng rộng lớn, một số đồng bào và du kích tìm cách ẩn nấp, vòng lại phía sau lưng địch, vừa tự tổ chức cảnh giới địch, vừa tăng gia sản xuất. Lúc này địch tập trung xây đồn bốt, phục hồi giao thông, tiếp tế, chưa tiến hành các cuộc càn quét lớn.

Cuối tháng 3 năm 1947, Tỉnh ủy họp hội nghị tại Quế Sơn. Dựa trên những văn bản của Trung ương và ý kiến truyền đạt của phái viên đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, hội nghị quán triệt hơn nữa các quan điểm kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài. Trên cơ sở đó, hội nghị nhận định tình hình trong tỉnh như sau:

- Sau khi chiếm vùng đông dân nhất của tỉnh nhà, giặc Pháp sẽ rải quân đóng vị trí, xây cứ điểm, tiến hành các biện pháp củng cố vùng chiếm đóng, chiêu an, lập tề, bổ sung lực lượng.

- Không bao lâu, địch sẽ tấn công qua Duy Xuyên lấn chiếm vùng tự do còn lại của ta.

- Đồng bào tản cư thì một số bị đói và đau; một số đã hồi cư, đảng viên, du kích bám về được.

Hội nghị đề ra các chủ trương:

- Vận động đồng bào hồi cư. Các huyện, thị, thành tổ chức những đội công tác bám theo dân trở về từng vùng địch tạm chiếm để hoạt động. Dân về thì tổ chức sản xuất ngay để ổn định đời sống, đồng thời phát triển các tổ du kích cảnh giới và đánh địch đi lùng, bảo vệ dân.

- Chống phá địch tập trung dân lập tề, bình định vùng bị chiếm bằng mọi cách. Tổ chức cơ sở mật trong thành phố, thị trấn chuẩn bị hoạt động trong vùng địch.

- Đảng viên, cán bộ xây dựng phát triển cơ sở, gây lại phong trào các giới. Củng cố các ủy ban, gây uy tín và phát huy tác dụng chính quyền cách mạng trong nhân dân vùng bị chiếm.

- Gấp rút dùng các biện pháp tích cực bố phòng vùng tự do, củng cố tuyến phòng thủ nam sông Thu Bồn, tăng cường phòng gian bảo mật, giúp đỡ những đồng bào tản cư ở hẳn lại địa phương có công ăn việc làm ổn định.

- Củng cố lại bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể bị chệch choạc qua đợt tiến công lớn của địch; thay số cán bộ bỏ việc chạy dài theo gia đình và có mức độ xử lý, giáo dục họ.

Hội nghị cán bộ tỉnh mở rộng tháng 1 và tháng 3 năm 1947 đã vạch ra các chủ trương công tác, đặt cơ sở có ý nghĩa cho phong trào vùng địch chiếm cũng như vùng tự do còn lại của tỉnh. Hội nghị đánh dấu bước chuyển hướng mọi mặt công tác và tổ chức, thật sự đi vào chiến tranh.

Các chủ trương công tác của hội nghị được triển khai nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu chờ đợi của các huyện trước tình hình mới. Các đồng chí tỉnh ủy viên được phân công chỉ đạo trực tiếp từng vùng (tự do và bị chiếm) và các ngành chính quyền, đoàn thể, quân sự, xây dựng Đảng, đào tạo cán bộ, huấn luyện đảng viên, củng cố phong trào quần chúng, tăng gia sản xuất, ổn định đời sống đồng bào...

Đến cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 1947, ở tất cả các huyện vùng bị chiếm, cán bộ và lực lượng vũ trang đã trở về bám địa bàn hoạt động. Lực lượng du kích và tự vệ phát triển tổ chức từ thôn, xã đến từng khu đã hoạt động phục kích đánh địch đi lùng, diệt tề, trừ gian, chống chính sách chiêu an, dồn dân, lập tề của địch. Uy tín chính quyền cách mạng được phục hồi và có nơi phát triển. Có nơi đồng bào đi lại thì xin giấy thông hành của Ủy ban xã.

Tháng 3 năm 1947, Chính phủ quyết định thành lập các ban chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội trực thuộc Ủy ban kháng chiến các cấp. Dân quân tự vệ đã trở thành một lực lượng vũ trang của Nhà nước. Bộ Quốc phòng ra thông tư quy định mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi vào dân quân, quy định nhiệm vụ của dân quân tự vệ và đội du kích địa phương. Nam nữ thanh niên hăng hái gia nhập dân quân tự vệ và vào các đội du kích tập trung.

Từ các đội du kích xã, du kích các khu Điện Bàn, Hòa Vang và Đà Nẵng đã tập hợp tổ chức thành đội biệt động vũ trang huyện, vũ trang tuyên truyền gây cơ sở lưu động, phục kích đánh địch đi lùng, hỗ trợ cho phong trào các xã trong huyện phát triển đồng đều. Hệ thống xã đội, huyện đội, tỉnh đội dân quân trong tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ở các vùng bị chiếm lẫn vùng tự do được phục hồi. Các hình thức đánh địch đi lùng, đánh địch trên

các trục giao thông phát triển phong phú, nhất là lối đặt mìn, đạp lôi, ném lựu đạn, hầm chông... gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trải qua 8 tháng trực tiếp chiến đấu với giặc Pháp xâm lăng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng không tiếc của cải, máu xương. Bộ đội, du kích ngoan cường, dũng cảm, chặn đánh giam chân địch trong thành phố, cản từng bước tiến của chúng để bảo toàn các cơ quan lãnh đạo, hướng dẫn đồng bào tản cư, giữ gìn được lực lượng chủ lực để chiến đấu lâu dài, bảo vệ được một vùng rộng lớn làm hậu phương, căn cứ kháng chiến. Trong thực tế, hầu hết các chiến khu chuẩn bị kháng chiến từ trước đều được bảo vệ (Nghi Sơn, Trung Phước, Đồng Xanh, Đồng Nghệ, Phú Túc, Phò Nam Yên), tạo điều kiện cho cả tỉnh chuyển vào kháng chiến lâu dài.

Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, do tương quan lực lượng của những ngày đầu kháng chiến, và khi các yêu cầu của những ngày đầu kháng chiến đề ra đã đạt được, ta chủ trương lập những phòng tuyến mới và chọn cách đánh thích hợp, đến đây tình hình trong tỉnh diễn ra hình thái chia làm hai vùng: Đà Nẵng, Hội An, Hòa Vang, Điện Bàn và một phần lớn Duy Xuyên, Đại Lộc bị thực dân Pháp tạm thời chiếm đóng. Phần còn lại của tỉnh là vùng tự do. Kể từ đây, mỗi vùng có đặc điểm khác nhau: Vùng bị chiếm trực tiếp chiến đấu với kẻ thù. Vùng tự do là vùng hậu phương của cuộc kháng chiến. Nhưng cả hai vùng chung một nhiệm vụ: kháng chiến trường kỳ, nhất định thắng lợi[1].

Đó là các địa phương tiêu biểu trong cả nước. Quân dân các địa phương khác cũng đã chiến đấu anh dũng, ngăn chặn các cuộc tiến công mở rộng chiếm đóng của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần vào thắng lợi chung mở đầu Toàn quốc kháng chiến.

*

* *

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam kéo dài gần một thập kỷ, từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 - đặc biệt từ ngày mở đầu Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) đến 20 tháng 7 năm 1954. Quân và dân ta đã hy sinh hàng chục vạn người, đất nước Việt Nam bị tàn

---

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng*, tập 2 (1945-1954), Nxb Đà Nẵng, 1990.

phá nặng nề. Hậu quả của nó còn kéo dài hàng chục năm sau. Chính nước Pháp và nhân dân Pháp cũng gánh chịu những thiệt hại to lớn, hàng chục vạn thanh niên Pháp chết trận, hoặc mang thương tật suốt đời. Ngay hai viên đại tướng - Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương Lơcléc và Đờlát Đờ Tátxinhi cũng đều là nạn nhân của chiến tranh: mỗi người đều có 1 con trai tử trận ở Việt Nam. Mặc cho các chính khách và giới báo chí thực dân Pháp cố tình bóp méo sự thật về sự kiện bùng nổ cuộc chiến tranh trên cả nước Việt Nam vào ngày 19 tháng 12 năm 1946, chúng vu cáo cuộc chiến tranh xảy ra là do "Người Việt Nam tấn công trước", "Việt Minh gây xung đột chống nước Pháp"... thực tế lịch sử ngày càng được minh chứng: *nguyên nhân xảy ra cuộc chiến tranh hoàn toàn do bọn thực dân hiếu chiến Pháp chuẩn bị và cố tình khởi hấn*.

Các nhà sử học Pháp, cả những người đã từng là quan lại thực dân, là sĩ quan trong quân đội viễn chinh Pháp như Xanhtơny, Đờvile... đều thừa nhận cuộc chiến tranh xảy ra không phải do ngẫu nhiên, thực tế là một "hành động vũ lực đã được phía Pháp mưu tính từ nhiều tháng nay", nếu phía Việt Nam không chịu cung cấp cho họ "cái cớ mong đợi", thì họ cũng sẽ chủ động tiến hành kế hoạch tác chiến. Lêô Phighe, một nhà sử học chân chính của nước Pháp đã viết: "Cuộc chiến đấu nổ bùng ở Hà Nội ngày 19 tháng Chạp 1946, là một hành động chính đáng của một chính phủ biết rõ rằng nếu còn nhượng bộ các nhà quân sự Pháp thì trước hết họ sẽ mất danh dự trước nhân dân và không sớm thì muộn cũng sẽ bị giải tán...".

"Quyết định chiến đấu với những lực lượng kém hơn hay bị tiêu diệt, đó là hai ngả đường, trong đó, ngày 19 tháng 12 năm 1946, các nhà ái quốc Việt Nam phải chọn một"[1].

Đờvile viết:

"Trong khi máy bay, xe tăng và binh lính Pháp ùn ùn kéo đến Việt Nam để chuẩn bị xâm lược, thì chỉ có một dân tộc chịu để cho mình bị cắt cổ, chỉ có một dân tộc ươn hèn, thực sự phản bội dân tộc mình mới không chuẩn bị gì, không hành động gì để chống lại"[2].

Tổng thống Pháp Ph. Míttơrăng trong dịp sang thăm chính thức Việt Nam tháng 2 năm 1993 đã trả lời phỏng vấn của các nhà báo rằng:

---

1. Theo Nguyễn Kiến Giang, Sđd, tr. 15.

2. Philíp Đờvile, *Cuộc chiến tranh ở Việt Nam*, Tạp chí Quốc tế, xuất bản ở Pari, tháng 2-1949, tr. 37-38.

"Ông Hồ Chí Minh đã tìm kiếm những người đối thoại, nhưng không tìm được. Dù rất mong muốn đàm phán để hướng tới độc lập, ông Hồ Chí Minh đã bị đẩy vào cuộc chiến tranh".

Xem xét cả quá trình quan hệ Việt - Pháp từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946, chúng ta thấy rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn tranh thủ khả năng giải quyết mối quan hệ với Pháp bằng con đường hoà bình, con đường đáp ứng lợi ích, nguyện vọng của nhân dân hai nước. Chúng ta đã nhân nhượng về nhiều mặt với Pháp để thực hiện con đường ấy. Nguyện vọng thiết tha của toàn Đảng, toàn dân ta là độc lập, thống nhất hoàn toàn. Nhưng hoàn cảnh lịch sử chưa cho phép chúng ta đạt ngay tới mục tiêu đó. Tương quan lực lượng buộc chúng ta phải nhân nhượng. Đó là những nhân nhượng cần thiết, đúng đắn và sáng suốt. Ký Hiệp định Sơ bộ là một nhân nhượng của ta. Tạm ước 14 tháng 9 lại là một bước nhân nhượng nữa để cố cứu vãn nền hoà bình mỏng manh. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Nhân dân ta thiết tha với hoà bình, nhưng đó là nền hoà bình trong độc lập tự do, chứ không phải hoà bình trong nô lệ. Khi thực dân Pháp nhất định dùng chiến tranh cướp nước ta một lần nữa, thì cả dân tộc ta "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", cả dân tộc đứng lên đánh giặc ngoại xâm, giữ gìn đất nước.

Vấn đề chọn thời cơ mở đầu Toàn quốc kháng chiến. Vấn đề chọn thời cơ, chủ động phát động cuộc Toàn quốc kháng chiến có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng đến toàn bộ tiến trình cuộc kháng chiến. Thế, lực và thời cơ của cách mạng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Thế có lợi, thực lực mạnh nhưng thời cơ không đúng, sẽ không phát huy được sức mạnh, hạn chế kết quả, thậm chí tổn thất, làm thay đổi so sánh lực lượng, chuyển từ thế có lợi sang thế bất lợi. Ngược lại, thế, lực không mạnh, thậm chí yếu hơn địch nhưng biết chọn đúng thời cơ, sẽ hạn chế sức mạnh của địch, phát huy thế lực của ta, đem lại kết quả lớn, thậm chí làm thay đổi thế lực, tạo tiền đề thắng lợi cho cách mạng.

Vào thời điểm từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946, cả Việt Nam và Pháp đều có những khó khăn. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ, giặc ngoài, thù trong, khó khăn nghiêm trọng đã đành, nước Pháp cũng bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh thế giới thứ hai còn ảnh hưởng đến thế và lực của nước Pháp, nhất là trong hoạt động quốc tế.

Tuy nhiên, về tiềm lực quân sự, kinh tế, điều kiện vật chất đảm bảo cho chiến tranh, thì thực dân Pháp mạnh hơn ta gấp bội.

Thực dân Pháp gây hấn mở cuộc chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ, nhưng với lực lượng có hạn, cũng chỉ đạt mục tiêu chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Muốn chiếm cả nước ta, phải có nhiều viện binh và nhiều phương tiện vật chất khác, mà cho đến mùa thu năm 1946, nước Pháp chưa thể đáp ứng được.

Về phía ta, cho đến cuối năm 1946, chưa đủ khả năng và điều kiện để tiếp nhận một cuộc chiến tranh toàn diện trên cả nước.

Đó chính là cơ sở cho sự hoà hoãn Việt - Pháp với các cuộc hoà đàm, hiệp định, tạm ước trong năm 1946.

Đến cuối năm 1946, phía Pháp đã ổn định được tình hình trong nước, tranh thủ được Anh - Mỹ đồng tình cho trở lại xâm chiếm Đông Dương, nên đã đẩy mạnh việc chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến tranh xâm lược ở nước ta.

Vào cuối năm 1946, ta đã chuẩn bị được "lực lượng căn bản", nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chưa hoàn tất và sẵn sàng cho một cuộc kháng chiến toàn quốc. Tuy nhiên, khả năng hoà hoãn đã hết, dù muốn hay không chiến tranh sẽ tới. Quân Pháp đã hạ tối hậu thư, chỉ cuối tháng 9 hoặc đầu tháng 10 năm 1946, khi viện binh tới, chúng sẽ bất ngờ đánh úp ta. Trong hoàn cảnh như thế, ta không thể khoanh tay chờ bị đánh.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946 là thời điểm "khi Pháp đã cố ý gây chiến tranh, chúng ta không thể nhịn được nữa thì cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu"[1]. Chủ động đứng lên đánh giặc vào lúc mà chúng bất ngờ chưa đủ lực lượng, chưa sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh mở rộng, chủ động đánh địch và buộc địch phải chống lại cách đánh của ta ở những nơi ta chọn..., tức là giành được thế chủ động chiến trường, hãm địch vào thế bị động đối phó, giành thắng lợi ban đầu và tạo đà cho những thắng lợi ở những giai đoạn sau. Đây là mưu lược tài giỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta.

Thực hiện *Chỉ thị Toàn dân kháng chiến* của Đảng và *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, già trẻ, gái trai, thành thị, nông thôn... đã nhất tề tham gia kháng chiến với những nhiệm

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 162.

vụ khác nhau. Người công nhân chiến đấu giữ nhà máy rồi di chuyển máy móc lên chiến khu; người nông dân ngoại thành, ngoại thị tiếp tế lương thực cho chiến sĩ chiến đấu trong thành phố và chặn đánh địch mở rộng chiếm đóng ra vùng nông thôn; chiến sĩ tự vệ ôm bom ba càng, chai xăng crếp lao vào diệt xe tăng địch, dùng dao pha thịt chém giặc ở chợ Đồng Xuân, chiến đấu đến cùng bảo vệ đường rút quân của trung đoàn Thủ đô; nhiều nhà trí thức, văn nghệ sĩ cũng trực tiếp chiến đấu trong thành phố, thị xã rồi ra chiến khu phục vụ kháng chiến; có nhiều nhà sư cũng cởi áo cà sa lên đường giết giặc... Tất cả đã hoà thành bản anh hùng ca của cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam. Đó là một nét đặc sắc có ý nghĩa vô cùng to lớn của những ngày *mở đầu Toàn quốc kháng chiến*.

Phần thứ ba

MỘT SỐ VĂN KIỆN VỀ TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

HỘI NGHỊ CÁN BỘ BẮC KỲ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG*

Ngày 10 và 11 tháng 9 năm 1945

NGHỊ QUYẾT ÁN

1. Tình hình thế giới

Nga thắng trận ở Âu châu và ở Á châu là một cuộc thắng lợi quan trọng riêng cho Liên Xô và chung cho cộng sản chủ nghĩa toàn thế giới.

Mặt trận dân chủ trên thế giới càng ngày càng dân chủ hóa (phong trào dân chủ càng ngày càng mạnh mẽ ở Pháp, Anh, Tàu, Mỹ).

Các dân tộc trên thế giới đang tranh đấu để mở rộng nền dân chủ mới hoặc giành quyền độc lập cho dân tộc.

Giai đoạn cách mạng trên thế giới hiện tại vẫn là giai đoạn dân chủ tự do và dân tộc độc lập. Mặt trận dân chủ trên thế giới do Nga lãnh đạo đang củng cố và mở rộng để kiến thiết nền hoà bình cho nhân loại.

2. Tình hình Đông Dương

a) Cuộc tổng khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi:

Nhật đầu hàng, điều kiện khách quan và chủ quan đã đầy đủ cho một cuộc cách mạng chín muồi (nền móng của phát xít hoàn toàn tan rã, đại đa số dân chúng nghiêng về phe cách mạng, đội tiền phong cương quyết và hy sinh).

Sự lãnh đạo duy nhất của Đảng trong Mặt trận Việt Minh.

Thái độ trung lập của Nhật có lợi cho ta.

---

* Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

Cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi là do kết quả của bao nhiêu cuộc tranh đấu trong mấy năm trời đổ máu, chứ không phải một cuộc đảo chính như người ta lầm tưởng. Chúng ta đã tiến một bước dài trên con đường lịch sử, đánh đổ đế quốc và chế độ phong kiến phải kiến thiết một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

b) Những bước khó khăn hiện tại:

- Thiếu nhân tài và cán bộ, lúng túng về vấn đề chính quyền.

- Sự hoạt động của bọn Cách mạng đồng minh hội, Đại Việt và bọn Tờrốtkít (Đảng xã hội thợ thuyền).

- Nạn lụt, dân chúng đói khổ làm cho đường giao thông bị gián đoạn, nền tài chính kinh tế gặp nhiều khó khăn, thương mại và kỹ nghệ đình đốn, ngân quỹ bị thiếu hụt.

- Quân đội tổ chức chưa được chu đáo.

c) *Vấn đề ngoại giao:*

- Đối với Pháp, Đờgôn đã mưu mô chiếm lại Đông Dương nên chúng ta cương quyết hành động chống và chỉ giao thiệp khi nào bọn thực dân Pháp đã bỏ dã tâm xâm lược Đông Dương và chính thức công nhận nền độc lập nước Việt Nam. Tuy vậy, đối với Pháp kiều, chúng ta nên tỏ lượng khoan hồng và bảo đảm tính mệnh của họ, cả tài sản họ, nhưng bao vây, giám thị và đề phòng họ.

- Đối với Tàu từ trước đến giờ thất bại tuy vậy chúng ta cần phải lôi họ về ta; nhưng nếu ngoại giao trong lúc đầu không có kết quả hoặc quân đội Tàu có những hành động khiêu khích thì chúng ta cũng nên tránh xung đột quân sự mà chỉ xung đột bằng chính trị (tổ chức quần chúng biểu tình phản đối, Chính phủ thì dùng ngoại giao) và thi hành chính sách vườn không nhà trống. Cần phải tổ chức tiểu ban vận động Hoa kiều và binh lính Tàu.

- Đối với Mỹ, việc ngoại giao mới có đôi phần kết quả còn cần phải tiến tới để Mỹ chóng chính thức công nhận nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam và giao hoà với chúng ta.

- Đối với Anh, chúng ta chưa giao thiệp gì và thái độ của họ giúp bọn thực dân Pháp trở lại chiếm Đông Dương (việc Nam Bộ nên ta phải phản đối thái độ của họ).

- Đối với Nhật, họ hoàn toàn thay đổi thái độ với chúng ta, họ không còn là kẻ thù nữa nên chúng ta càng phải biết lợi dụng họ để có lợi cho ta.

- Đối với các nhược tiểu dân tộc Á Đông, ta phải tìm cách ủng hộ phong trào độc lập bằng cách dùng những hình thức mít tinh, biểu tình, đánh điện tín, v.v... (có chỉ thị riêng để thi hành).

Nói tóm lại, về ngoại giao chúng ta phải lợi dụng những mâu thuẫn giữa Tàu, Mỹ và Anh để có lợi cho chúng ta.

3. Nhiệm vụ chính trong lúc này

Củng cố chính quyền, dùng chính trị, ngoại giao, vũ khí cần thiết đến dùng quân sự để giữ vững nền độc lập.

Chuẩn bị lực lượng sẵn sàng để chống mọi sự xâm lăng.

4. Vấn đề chính quyền

a) Về mặt chính trị:

- Huy động các hạng nhân tài và chính trị phạm ra giúp việc.

- Cấp tốc tổ chức các Ủy ban nhân dân các làng các phố, việc tổ chức các Ủy ban công sở hay nhà máy của Chính phủ nên kéo hết thảy những tầng lớp ở trong đó tham gia, nên chú ý tránh sự đụng chạm đến những vấn đề chuyên môn của những người có trách nhiệm. Tổ chức các Ủy ban công nhân ở các sở hay các nhà máy của tư nhân.

Khuyết điểm trong sự tổ chức của các Ủy ban trên hẹp hòi cô độc quan liêu để cho bọn phản động đầu cơ chui vào, tổ chức đông quá. Phương pháp củng cố và chấn chỉnh lại. Phải mở rộng Ủy ban cho các từng lớp nhân dân ngoài tổ chức Việt Minh tham gia. Chính quyền là của toàn thể nhân dân chứ không phải là của đoàn thể Việt Minh. Tẩy trừ những bọn phản động trong Ủy ban, cần lấy những người đúng đắn và có tín nhiệm đưa vào. Coi chừng những bọn đầu cơ lén lút ăn tiền của nhân dân. Bài trừ những ông quan cách mạng, tổ chức Ủy ban nhân dân từ năm đến bảy người, những bộ máy quan hệ mình cần phải nắm giữ.

Đối với tổng lý và quan cai trị cũ, nếu họ không phải là phản động thì nên đưa vào hoặc làm cố vấn cho các tiểu ban nhu cứu tế để lợi dụng hết những khả năng của họ và để tránh những sự chia rẽ không có lợi.

Ủy ban nhân dân tỉnh phải liên lạc mật thiết với các công sở để cho bộ máy hành chính ăn khớp và chạy đều.

Thống nhất giữa các Ủy ban (sự chỉ huy nhân dân xã, phủ) tỉnh và Bắc Bộ.

Bỏ cấp bộ Ủy ban nhân dân tổng cho công việc được nhanh chóng. Ủy ban nhân dân tỉnh phải phái người đi kiểm soát các Ủy ban nhân dân huyện và làng. Mở các lớp huấn luyện cách thức tổ chức Ủy ban nhân dân ở làng và ở huyện.

- Việc thi hành chung trong chương trình Việt Minh phải cho thống nhất và do Chính phủ định đoạt. Việc bãi bỏ các thứ thuế trong chương trình Việt Minh thì hiện nay chỉ nên bỏ các thứ thuế thân và các thứ thuế lặt vặt, thuế đò, thuế chợ, thuế hè... Cố giữ ngân quỹ hàng tỉnh cho thăng bằng trong khi chờ mỗi một thứ thuế công bằng và nhẹ.

- Việc tiễu trừ Việt gian và Pháp gian phải căn cứ vào hành động chính trị phá hoại nền độc lập mới gọi là Việt gian và Pháp gian, còn những phần tử từ trước tới nay thường áp bức bóc lột dân chúng thì không phải là Việt gian hay Pháp gian. Đối với bọn lãnh tụ Việt gian thì phải bắt và nghiêm trị, đối với bọn làm theo thì phải thuyết phục. Đối với bọn Việt gian thường ít nguy hiểm thì cảnh cáo trước mắt dân chúng, bao vây dò xét tẩy chay, mỗi khi bắt được một tên Việt gian nào thì phải tuyên bố tội trạng của nó trước mắt dân chúng. Với Pháp gian thì bắt và giam giữ rồi đưa lên Chính phủ định đoạt, quyền bắt Việt gian và Pháp gian của Ủy ban nhân dân địa phương chứ không phải của V.M[1]. Việt Minh chỉ có quyền dò xét và tố cáo. Mỗi khi bắt được Việt gian hay Pháp gian phải đưa lên Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định. Đối với Pháp gian thì Chính phủ định đoạt, không được bắt bớ vợ con cha mẹ Việt gian hay Pháp gian.

- Việc tịch thu của Việt gian hay Pháp gian (tài sản) phải thi hành cho đúng đắn, những nhà cửa đồ đạc khi tịch thu phải niêm phong để bán đấu giá rồi bỏ tiền vào quỹ của Ủy ban nhân dân địa phương hoặc dùng vào trong công việc chung. Cấm ngặt cá nhân không được lấy để dùng bừa bãi, về ruộng đất nếu có ít thì để vào của chung, nếu có ấp và đồn điền thì những phần đất nào bị bao chiếm của làng nào thì giả[2] về làng ấy. Còn các phần đất tư của bọn Việt gian hay Pháp gian thì dân các ấp hoặc dân làm đồn điền ở đây được cày cấy. Có thể lấy một phần nhỏ địa tô để đưa vào quỹ địa phương nếu dân ở đây vui lòng. Việc tịch thu tài sản và sử dụng những tài sản ấy

1. V.M: Việt Minh *(B.T)*.

2. Giả: trả *(B.T)*.

phải báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh biết để chuẩn y. Những đồn điền, những ấp của những bọn không phải là của Việt gian thì lãnh đạo nhân dân tranh đấu phải giả lại những phần đất bị bao chiếm và đòi giảm một phần tư địa tô. Sự tịch thu tài sản của Việt gian hay Pháp gian phải để một phần cho vợ con họ đủ sống.

- Đối với sự kiện tụng trong địa phương phải đặt một Ban tư pháp xét xử những việc lặt vặt, còn những việc quan hệ thì tư lên Ủy ban nhân dân tỉnh. Hơn hết trong lúc này những việc kiện tụng nên dàn xếp cho qua đi và chú ý vào vấn đề chính quyền.

b) Về vấn đề quân sự:

Phải đặc biệt tổ chức các đội tự vệ chiến đấu các làng.

Mỗi làng phải cử ít nhất một người lên tỉnh học trường quân sự thường thức để về huấn luyện cho đội viên tự vệ.

Mỗi phủ huyện ít nhất phải có một trung đội canh gác, ăn mặc theo giải phóng quân và tổ chức sáp nhập với giải phóng quân tỉnh. Đối với bảo an binh (binh lính và sĩ quan) chọn lọc và sa thải những phần tử hủ hoại rồi sáp nhập với giải phóng quân. Và cấp tốc mở lớp huấn luyện nâng cao trình độ chính trị của họ trong một thời gian ngắn.

Các bộ đội mới, cũ đều phải có chính trị chỉ đạo viên, sẽ có những sách nghiên cứu về chiến thuật du kích và chiến sự trong bộ đội.

Phải xóa bỏ hàng rào chia rẽ giữa giải phóng quân và bảo an binh, giữa sĩ quan và chính trị viên.

Phải thống nhất chỉ huy quân sự đến Bắc Bộ.

Phải có Ủy ban thay người trông nom việc mua và cho võ khí cũng như các đoàn thể sẽ tổ chức những đoàn đi thăm và úy lạo quân giải phóng.

Phải làm cho dân chúng và quân đội có sự liên lạc và hợp tác chặt chẽ với nhau bằng cách tổ chức những đoàn thể thâm nhập vào dân chúng, tuyên truyền và giúp đỡ dân chúng.

Thực hiện hoàn toàn khẩu hiệu quân dân nhất trí.

Phải dùng các hình thức tuyên truyền vận động để nâng cao trình độ tinh thần của quân đội về mọi phương diện. Mở lớp huấn luyện tại chỗ về quân sự và chính trị, lập câu lạc bộ cho quân đội ở mỗi tỉnh.

c) Vấn đề kinh tế và tài chính:

Đối với vấn đề kinh tế, Chính phủ đang trù tính những kế hoạch toàn quốc. Các tỉnh phải lo lấy nền kinh tế riêng tỉnh mình nghĩa là phải tự tạo lấy một nền kinh tế độc lập tự cung. Lập hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ ở các tỉnh và phủ, huyện.

Phải hết sức tiết kiệm. Phải thống nhất quỹ độc lập.

Vì muốn để cho sự chi tiêu cho công quỹ nên phải cho sa thải dần dần và khôn khéo các công chức ngồi không của đế quốc thâu nạp vào.

Khuyến khích sự chăn nuôi giồng giọt[1] (ngô, đỗ, sắn, khoai ở từng làng, từng vùng bằng cách lập những khu chăn nuôi).

d) Vấn đề xã hội:

Đặc biệt tổ chức cứu tế nạn lụt: giúp mạ hay hạ giá mạ để các nông gia có thể cấy tái gia. Tìm hết cách giải quyết vấn đề công nhân thất nghiệp. Kêu gọi nhà tư bản địa chủ địa phương đứng ra mở mang đồn điền kỹ nghệ để thu hút nhân công thất nghiệp.

Về việc chống nạn mù chữ, mở lớp dạy chữ Quốc ngữ ở các làng, các địa phương.

Phải truy tầm và nghiêm trị bọn cướp trộm.

e) Vấn đề văn hoá:

Lập hội văn hoá cứu quốc ở các tỉnh.

Giúp đỡ cho Phật giáo hội quốc đoàn, Công giáo cứu quốc đoàn phát triển nhưng đồng thời phải giải thích dị đoan.

f) Vận động các giới:

Mở cuộc vận động các giới thật rộng rãi, đặc biệt chú ý những giới công nhân, thanh niên, phụ nữ.

Về công nhân mỗi tỉnh phải lập một tiểu ban công nhân tỉnh, và toàn xứ phải thành lập một tiểu ban công vận toàn xứ do Xứ ủy chỉ huy.

Về thanh niên cứu quốc từng làng lên đến tỉnh để tiến tới toàn kỳ và thành lập một ban toàn kỳ của thanh niên cứu quốc do đấy phong trào thanh niên mới được phát triển mạnh mẽ.

- Về phụ nữ cũng như về thanh niên.

---

1. Giồng giọt: Trồng trọt *(B.T)*.

g) Vấn đề nội bộ:

Vấn đề tuyên truyền chúng ta phải nhằm mấy khẩu hiệu chính trong lúc này là:

Thống nhất đoàn kết

Chống xâm lược Pháp

Việt Nam hoàn toàn độc lập

Ủng hộ Chính phủ Dân chủ Cộng hoà.

- Về phương pháp tuyên truyền phải lợi dụng các hình thức công khai để vận động tuyên truyền (chào cờ, tường báo, triệu tập những cuộc hội họp cộng đồng, mít tinh để báo cáo tình hình của Chính nhủ, đọc Tuyên ngôn Độc lập...). Lập nhà thông tin ở các tỉnh. Đặt các cơ quan báo công khai phát hành cho nhanh chóng và đặt phóng viên cho các báo ở các nơi.

- Phải biết tìm những dụng cụ về khoa học vào việc tuyên truyền rất có lợi:

+ Bật máy thu thanh (radio récepteur) ở các nhà thông tin, câu lạc bộ các trụ sở cứu quốc, nhà hội đồng, nhà độc lập để nhận tin tức trong nước và thế giới.

+ Mỗi một tỉnh nên mua máy phát thanh và truyền thanh (micro hautparleur) để có thể truyền thanh những bài diễn văn hô hào trong các cuộc hội họp.

h) Tổ chức:

Như ta đã thấy phong trào hiện tại chỉ có bề rộng không có bề sâu, một phong trào như thế tất nhiên không vững chắc, sẽ bị tan vỡ một khi có sự bất trắc đưa tới. Ta phải đi vào tổ chức bề sâu của phong trào nghĩa là hệ thống ngang dọc của các hội cứu quốc, phải thật chu đáo, ăn khớp với nhau, quy luật của tổ chức phải chặt chẽ, nghĩa là phải thống nhất lên đến cơ quan toàn kỳ Việt Minh.

- Tổ chức và thành lập các cấp bộ Việt Minh phân biệt rõ ràng với cấp bộ đảng.

- Mở rộng các tổ chức để thu hút các từng lớp nhân dân vào tổ chức thành một lực lượng lớn để ủng hộ chính quyền nhân dân.

- Đưa ra công khai các tổ chức cứu quốc, đặt trụ sở hẳn hoi.

- Tổ chức đảng phải bán công khai, dùng cơ quan phát hành làm trụ sở để chắp mối liên lạc.

- Phải mở rộng tổ chức đảng.

- Mỗi ban tỉnh ủy phải có mấy người chuyên lo về việc tổ chức chi bộ đảng.

- Những đồng chí làm việc trong các cơ quan cai trị hợp thành một chi bộ do cấp bộ tương đương chỉ huy.

- Phân công rõ ràng nhiệm vụ các đồng chí hoạt động công khai hay bí mật.

- Dự bị vật liệu cơ quan và các điều kiện cần thiết để khi rút[1]...

1. Mất một đoạn *(B.T)*.

CHỈ THỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
VỀ KHÁNG CHIẾN KIẾN QUỐC*
Ngày 25 tháng 11 năm 1945

1. Trên thế giới hiện nay có nhiều mâu thuẫn: cuộc chiến tranh giành độc lập của dân tộc Đông Nam châu Á chống bọn thực dân, cuộc Quốc - Cộng xung đột ở Tàu, cuộc xích mích Nga - Mỹ về vấn đề kiểm soát nước Nhật, phong trào đòi cải thiện đời sống của thợ Anh, sinh sản thiếu hụt, nạn thất nghiệp tăng gia, v.v... Nhân loại đang qua một cơn *khủng hoảng sau chiến tranh;* nhưng cuộc khủng hoảng này không dẫn thẳng tới cuộc đại chiến lần thứ ba, trong đó Liên Xô và Mỹ đương đầu với nhau. Trái lại sau cơn khủng hoảng này, thế giới có thể qua một thời kỳ tạm thời phát triển hoà bình và dân chủ, rồi mới tiến tới một thời kỳ chiến tranh và cách mạng mới. Nói một cách khác, sau cuộc chiến tranh chống phát xít xâm lược này Liên Xô và Anh, Mỹ không đánh nhau ngay; mặc dầu quyền lợi xung đột giữa Nga và Anh, Mỹ và sự phát minh bom nguyên tử của Mỹ, v.v... cũng không thể có cuộc chiến tranh thế giới tư bản và thế giới vô sản Xô-viết được. Vì sao? - Vì hiện thời trên thế giới, lực lượng hoà bình mạnh hơn lực lượng chiến tranh (chú ý: cuộc vận động duy trì hoà bình, chống Chính phủ Tru-man gây xích mích với Nga và can thiệp vào nội chính nước Tàu do Đảng Cộng sản Mỹ lãnh đạo, phong trào phản đối Chính phủ Attlee giúp thực dân Pháp và Hà Lan, phong trào đòi thừa nhận quyền độc lập của Ấn Độ, Nam Dương và Đông Dương bành trướng ở Anh, Mỹ và Pháp, những phát minh khoa học mới của Liên Xô, v.v...).

2. Bốn mâu thuẫn lớn của thế giới hiện thời (mâu thuẫn giữa Liên Xô và các nước đế quốc; mâu thuẫn giữa vô sản và tư bản; mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa thực dân; mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau) vẫn

---

* Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

còn. Trong bốn mâu thuẫn ấy, mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân gay go hơn hết ở Đông Nam châu Á và đã gây ra cuộc chiến tranh dân tộc giải phóng của dân Đông Dương và dân Nam Dương và những cuộc biểu tình đổ máu ở Ấn Độ hiện nay. Sau đến cuộc xích mích giữa Nga và Mỹ, Mỹ chưa dám tiến công Liên Xô nhưng đã xúi và giúp quân Trùng Khánh bắn vào quân cộng sản Tàu để đe doạ Liên Xô. Tuy nhiên cuộc chiến tranh giành độc lập của các dân tộc ở Đông Dương và Nam Dương cũng như cuộc Quốc - Cộng xung đột ở Tàu không phải là *màn đầu* cho cuộc đại chiến lần thứ ba như người ta tưởng; đó chỉ là một bộ phận của phong trào tranh đấu xây dựng hoà bình và giữ vững hoà bình trên thế giới hiện nay mà thôi.

Cuộc xích mích giữa Liên Xô và Anh, Mỹ gần đây đã có vẻ gay go: Liên Xô im lặng kiến thiết lại nước mình và phát minh gấp rút những máy móc và chiến cụ tinh xảo để cải thiện đời sống cho ngót 200 triệu người và để tự vệ. Còn Anh - Mỹ - Gia[1] định lập khối Anglosaxon, định dùng khối ấy để chống lại Liên Xô. Nhưng thái độ bình tĩnh và kiên quyết của Liên Xô đã làm cho Anh - Mỹ phải kiêng nể.

3. Ở Đông Dương, tháng Tám vừa rồi, nhờ được những điều kiện đặc biệt thuận tiện nên cuộc Cách mạng tháng Tám vừa rồi tương đối dễ thắng lợi. Nhưng việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu. Chính phủ Dân chủ Cộng hoà mới thành lập đã phải đối phó với một tình thế vô cùng phức tạp không phải chỉ đối phó với Pháp mà thôi, lại còn Anh, Tàu can thiệp vào nội chính của ta nữa. Chính quyền mới giành phải đối phó với ba việc khó khăn: 1. Chống thực dân Pháp xâm lược; 2. Trừ nạn đói; 3. Xử trí với bọn Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng, Nguyễn Hải Thần đã dựa vào thế lực Tàu, nhập cục thành một khối..., đối lập với Chính phủ, tham dự chính quyền.

4. Ở Đông Dương hiện nay, về quân sự, cuộc kháng chiến đã lan ra nhiều tỉnh Nam Bộ và vài tỉnh ở miền Nam Trung Bộ, vài tỉnh ở Ai Lao và biên giới Nam Bộ - Cao Mên. *Mặt trận thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược* của các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương đã thành lập. Tuy quân ta phải bỏ mười thành phố hay tỉnh lỵ ở Nam Bộ nhưng nói chung, tinh thần kháng chiến vẫn cao. Toàn dân đoàn kết, quân sĩ nhất trí, đánh du kích và bất hợp tác, khiến cho giặc Pháp lắm phen nguy khốn. Về chính trị, chính quyền nhân dân đã thành lập khắp cả nước một cách mau lẹ, nhưng bọn thực dân Pháp đang gắng lập chính quyền bù nhìn hay chính quyền quân nhân ở

---

1. Gia: tức là Canađa *(B.T)*.

những nơi chúng chiếm đóng. Bọn Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng, Nguyễn Hải Thần lập "chính quyền" phân liệt ở Vĩnh Yên, Yên Bái, Móng Cái (Bắc Bộ). Về kinh tế và tài chính, giặc Pháp để lại cho ta một cái gia tài hầu như đã khánh kiệt; 50% ruộng đất trong Nam và 25% ruộng đất ngoài Bắc bị bỏ hoang. Riêng ở Bắc Bộ, sáu tỉnh bị lụt, hết lụt đến hạn hán, nhiều nhà máy Nhật cướp của Pháp, nay Nhật bỏ, ta chưa cho chạy được, việc ngoại thương đình trệ hẳn, hàng họ thiếu hụt, Chính phủ chưa phát hành được giấy bạc, ngân quỹ cạn dần, Pháp không đổi giấy bạc 500$ (sau cuộc tranh đấu bất hợp tác của dân ta, bọn tài chính Pháp đã chịu nhượng bộ và đổi giấy bạc 500$), Tàu tiêu *quan kim* làm cho tài chính và thương mại của ta càng thêm nguy khốn. Về xã hội, mức sống của dân sút kém, nạn thất nghiệp tăng gia, nhiều nơi dân đã phải ăn cháo, lác đác đã có người chết đói rồi, dịch tả phát sinh ở vài tỉnh Bắc Bộ, nhưng trộm cướp ít, tinh thần quần chúng, trừ đôi chỗ sút kém, hoang mang, còn nói chung, vẫn vững.

5. Về thái độ các nước đối với ta, báo Nga đã lên tiếng nhận cuộc chiến đấu của Đông Dương và Nam Dương là chính đáng.

Tuy Mỹ vẫn nói đối với Đông Dương giữ thái độ trung lập song Mỹ đã ngầm giúp Pháp bằng cách cho Pháp mượn tàu cho quân sang Đông Dương. Một mặt Mỹ muốn tranh giành quyền lợi với Anh, Pháp ở Đông Dương và Đông Nam châu Á thực, nhưng một mặt nữa, Mỹ lại muốn hoà hoãn với Anh, Pháp để cùng lập mặt trận bao vây Liên Xô và chính vì mục đích ấy, Mỹ có thể hy sinh quyền lợi bộ phận ở Đông Nam châu Á.

Anh giúp Pháp ở Đông Dương hòng biến Đông Dương thành bán thuộc địa của Anh và muốn dập tắt phong trào đòi độc lập ở Đông Dương, vì sợ rằng phong trào ấy lên sẽ "làm gương" cho các thuộc địa của Anh ở Đông Nam châu Á. Nhưng mới đầu Anh tưởng giúp Pháp là Pháp có thể giành lại Đông Dương một cách nhanh chóng, ngờ đâu bị quân Việt Nam và Lào đánh rát không tiến được mấy, khiến cho Anh phải chán. Việc Anh giúp Pháp chưa mang lại cho Anh những điều lợi thực tế gì, nhưng đã làm cho Anh mất tín nhiệm nhiều trên trường quốc tế và ở bên Anh, phong trào đòi quân Anh, Ấn rút lui khỏi Đông Dương lại làm cho Anh thêm khó chịu.

Tàu trước kia định kéo quân sang ta là để lật đổ chính quyền do Việt Minh tổ chức ra, để đặt một chính phủ bù nhìn lên thay. Nhưng sang ta, họ thấy toàn dân đoàn kết và ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh nên họ đành phải giao thiệp với Chính phủ ấy, nhưng họ vẫn sợ Việt Minh là cộng sản và sợ

"Cộng sản Đông Dương liên minh với Cộng sản Tàu xích hoá Hoa Nam", nên họ vẫn ôm cái ý định cải tổ chính phủ lâm thời cho "tay chân" của họ vào; vì vậy mà gần đây, họ cho Vũ Hồng Khanh (Việt Nam Quốc dân Đảng) về hiệp lực với Nguyễn Hải Thần quấy rối Chính phủ ta và yêu sách đòi sửa sang nội chính, cải tổ chính phủ. Song có tin rằng, trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng.

Pháp đối với ta trước đây một khác, bây giờ một khác, vì một là tình hình nội chính ở Pháp có chỗ thay đổi (sau cuộc Tổng tuyển cử Đảng Cộng sản Pháp là một đảng mạnh nhất trong Quốc hội, và trong Chính phủ Pháp hiện nay có năm đảng viên Đảng Cộng sản tham gia, hai là toàn dân đoàn kết, kháng chiến anh dũng), nên trước đây Pháp chủ trương tự trị (tuyên ngôn của Chính phủ De Gaulle ngày 24-3-1945), nay Pháp rất có thể thừa nhận cho *Đông Dương độc lập* và ký với Đông Dương một bản hiệp ước thân thiện, đặng giữ thể diện với quốc tế và cứu vãn *quyền lợi kinh tế của Pháp ở Đông Dương*.

6. Căn cứ vào những nhận xét trên đây, ta chủ trương thế nào?

- Ta chủ trương rằng:

a) Cuộc tranh đấu của nhân loại cần lao và tiến bộ trên thế giới hiện nay là tranh đấu cho *hoà bình, tự do, hạnh phúc*.

b) Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng *dân tộc giải phóng*. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước chưa được hoàn toàn độc lập.

c) Nhiệm vụ *cứu nước* của giai cấp vô sản chưa xong. Giai cấp vô sản vẫn phải hăng hái kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy. Khẩu hiệu vẫn là *"Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết"*.

d) Kẻ thù chính của ta lúc này là *thực dân Pháp xâm lược* phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

e) Chiến thuật của ta lúc này là *lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược*. Mở rộng Việt Minh cho nó bao gồm mọi tầng lớp nhân dân (chú trọng: kéo địa chủ, phong kiến và đồng bào Công giáo, v.v...).

g) Thống nhất mặt trận Việt - Mên - Lào chống Pháp xâm lược. Kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc dân tộc. Độc lập về chính trị, thực hiện chế độ dân chủ cộng hoà; cải thiện đời sống cho nhân dân.

7. Chủ trương như trên thì nhiệm vụ cần kíp của chúng ta lúc này là gì?

- Nhiệm vụ chung của vô sản thế giới là phải tranh đấu để thực hiện triệt để hiến chương các nước liên hiệp, ủng hộ Liên Xô, xây dựng hoà bình thế giới, mở rộng chế độ dân chủ ra các nước, giải phóng cho các dân tộc thuộc địa.

- Nhiệm vụ riêng trong nước là phải củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Bởi vậy, về nội chính, một mặt xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức, [...]

Về quân sự, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác đến triệt để. Về ngoại giao, kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc "bình đẳng và tương trợ". Phải đặc biệt chú ý những điều này: một là thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết; hai là muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực.

- Đối với Tàu, vẫn chủ trương Hoa - Việt thân thiện, coi Hoa kiều như dân tối huệ quốc. Đối với Pháp, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế.

Về tuyên truyền, kêu gọi đoàn kết, chống chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược. Phản đối chia rẽ nhưng chống sự thống nhất vô nguyên tắc với bọn phản quốc, phản đối chủ nghĩa thất bại, đặc biệt chống mọi mưu mô phá hoại chia rẽ của bọn Tờrốtkít, Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng và nâng cao sự tin tưởng của quốc dân vào thắng lợi cuối cùng, khêu gợi chí căm hờn chống thực dân Pháp nhưng tránh khuynh hướng "vị chủng". Trong công tác tuyên truyền, đặt riêng bọn thực dân Pháp ra một bên mà đánh (đừng bỏ cả Pháp, Anh, Ấn, Nhật vào một bị và đừng coi họ là kẻ thù ngang nhau, đừng công kích nước Pháp và dân Pháp, chỉ công kích bọn thực dân Pháp).

Về kinh tế và tài chính, mở lại các nhà máy do Nhật bỏ, khai thác các mỏ, cho tư nhân được góp vốn vào việc kinh doanh các nhà máy và mỏ ấy, khuyến khích các giới công thương mở hợp tác xã, mở các hội cổ phần tham gia kiến thiết lại nước nhà. Khuyến nông, sửa chữa đê điều. Lập quốc gia ngân hàng, phát hành giấy bạc, định lại các ngạch thuế, lập ngân quỹ toàn quốc, các xứ, các tỉnh.

Về cứu tế, kêu gọi lòng yêu nước thương nòi của các giới đồng bào, lập quỹ cứu tế, lập kho thóc cứu tế, tổ chức "bữa cháo cầm hơi", v.v..., động viên thanh niên nam, nữ tổ chức thành các đoàn "cứu đói", và các "đội quân trừ giặc đói" để giồng giọt khai khẩn, lấy lương cho dân nghèo, hay quyên cho

các quỹ cứu tế, tổ chức việc tiếp tế, mua gạo nhà giàu bán cho nhà nghèo theo giá hạ, chở gạo chỗ thừa sang chỗ thiếu, v.v...

Về văn hóa, tổ chức bình dân học vụ, tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ, cổ động văn hóa cứu quốc kiến thiết nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: khoa học hóa, đại chúng hóa, dân tộc hóa.

8. Muốn thực hành những nhiệm vụ trên đây, Đảng và Mặt trận Việt Minh phải được củng cố và phát triển.

Về Đảng phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, tuyển thêm đảng viên, đặc biệt chú trọng gây cơ sở xí nghiệp của Đảng cho thật rộng, làm sao cho sự phát triển của Đảng ăn nhịp với sự phát triển của công nhân cứu quốc. Tránh cả hai khuynh hướng: chỗ thì tổ chức đảng hẹp quá, chậm quá, và chưa bỏ được cái bệnh hẹp hòi câu chấp của thời kỳ hoàn toàn bí mật (ví dụ từ Quảng Ngãi và nhiều tỉnh ở Bắc Bộ), chỗ thì tổ chức đảng rộng quá, nhanh quá khiến cho những phần tử phức tạp có thể len vào Đảng (ví dụ ở Hà Tĩnh và nhiều tỉnh ở Nam Bộ). Phải tổ chức ra các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác, bao gồm tất cả những phần tử có khuynh hướng C.S[1] hay cảm tình cộng sản do người cộng sản điều khiển, nhưng đồng thời phải ngăn ngừa những đảng viên tiêm nhiễm những thói tiểu tư sản và mắc bệnh của chủ nghĩa công khai như ta thường thấy trong các thời kỳ hoạt động hợp pháp, ở bất cứ một nước nào. Các tổ chức của Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rã, loạc choạc. Tổ chức các chi bộ trong các cơ quan hành chính hay trong các hội hợp pháp; củng cố đảng đoàn, trong đó thành lập chi bộ trong quân đội, *phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai,* điều hoà hai sự hoạt động ấy, coi công tác bí mật vẫn là gốc, phân công giữa các đồng chí bí mật và công khai cho rành mạch, dứt khoát, không để cho các *cơ quan bí mật trở thành xung đột hay đối lập với các cơ quan công khai.* Các cơ quan chấp hành các cấp phải năng ra thông cáo bí mật để báo cáo tình hình và chủ trương chung của Đảng và chỉ thị công tác cho các cấp dưới; ra những sách nhỏ nói về công tác và chủ nghĩa.

9. Về Mặt trận Việt Minh, hết sức phát triển các tổ chức cứu quốc. Thống nhất các tổ chức ấy lên toàn kỳ, toàn quốc; sửa chữa lại điều lệ cho các đoàn thể cứu quốc cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Tổ chức thêm những đoàn thể cứu quốc mới vào Mặt trận V.M (ví dụ: "Việt Nam Công giáo cứu quốc hội"

---

1. C.S: Cộng sản *(B.T).*

và "Việt Nam hướng đạo cứu quốc đoàn", v.v...). Giúp cho "Việt Nam Dân chủ Đảng" thống nhất và phát triển để thu hút vào mặt trận những tầng lớp tư sản, địa chủ yêu nước và tiến bộ. Giúp "Việt Nam Nông gia cứu quốc hội" phát triển và bành trướng thế lực (hội này có thể lấy tên khác miễn nó tham gia vào Mặt trận V.M hay cảm tình với V.M và ủng hộ Chính phủ). San phẳng những xung đột xích mích giữa các đoàn thể trong mặt trận, nhất là giữa các hội cứu quốc và Việt Nam Dân chủ Đảng. *San phẳng những mâu thuẫn giữa U.B.N.D và U.B.V.M*[1], trừ diệt hiện tượng hai chính quyền cạnh tranh: "chính quyền" U.B.N.D và chính quyền U.B.V.M.

Chấn chỉnh lại Tổng bộ V.M và làm cho nó có sinh hoạt đều, và năng có chỉ thị xuống cho các đoàn thể trong mặt trận.

Tổng bộ V.M phải thành lập một bộ tuyên truyền để điều khiển các tờ báo trong mặt trận và ra một loại sách phổ thông của mặt trận. Những người C.S bắt buộc phải vào các đoàn thể cứu quốc mà làm việc, và vận dụng trong các "U.B.V.M" ở địa phương cũng như trong Tổng bộ V.M cho đến toàn quốc. Gia khẩn việc củng cố các đảng đoàn trong các đoàn thể mặt trận và do đó *duy trì và củng cố quyền lãnh đạo mặt trận*.

10. Về chính quyền, chấn chỉnh lại các bộ, và nếu vì lý do cần thiết thống nhất dân tộc và xúc tiến ngoại giao thì có thể cải tổ chính phủ trước ngày họp Quốc hội. Chính phủ cải tổ ấy vẫn là Chính phủ lâm thời. Chiểu theo tinh thần bản dự thảo hiến pháp mới và nhu cầu của tình thế mà ban hành những sắc lệnh để mang lại ngay những tự do và hạnh phúc thực tế cho nhân dân, trong phạm vi điều kiện cụ thể hoàn cảnh cho phép. Xem xét lại các nghị định của các U.B.N.D xứ và địa phương để sửa chữa hay thủ tiêu nếu cần. Giải quyết một cách hợp lý vấn đề ruộng đất và thuế khóa. Trừng trị bọn phản quốc đã nhân những khó khăn về nội trị và ngoại giao và dựa vào thế lực người mà ngóc đầu dậy, trừng trị bọn chia rẽ, bọn thất bại, bọn đầu cơ tích trữ và bọn lạm quyền nhiễu dân. Trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến Nam Bộ và Trung Bộ (phái ủy viên Chính phủ vào điều khiển Ủy ban kháng chiến Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ). Cải cách chính quyền nhân dân ở địa phương và thanh trừng những Ủy ban nhân dân địa phương và cải thiện cách làm việc của Ủy ban ấy.

11. Về việc kháng chiến hiện nay ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, giặc Pháp chiếm được nhiều tỉnh lỵ, nhưng ta vẫn làm chủ ở thôn quê. Trái lại ở Lào, mấy thành phố lớn như Viêntiane, Takhek, Savan, Xiêng Khuổng,

1. U.B.N.D: Ủy ban nhân dân; U.B.V.M: Ủy ban Việt Minh *(B.T)*.

Sầm Nưa, Sêpôn, v.v... vẫn do quân Lào, có quân Việt Nam giúp sức làm chủ. Còn ở thôn quê, quân Pháp vẫn có thể hoành hành. Ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, quân ta bao vây quân Pháp ở các thành thị, trái lại ở Lào, quân Pháp thỉnh thoảng lại bao vây quân ta ở các thành thị.

Vậy nhiệm vụ chiến thuật của ta ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ là phải cắt đứt dây liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong toả những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiễu loạn về quân sự. Còn ở Lào, thì nhiệm vụ chiến thuật là phải *tăng gia công việc võ trang tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân ở thôn quê* làm cho Mặt trận thống nhất kháng Pháp của Lào - Việt lan rộng và *chiến tranh du kích nảy nở ở thôn quê* đặng bao vây lại quân Pháp ở những nơi sào huyệt của chúng và quét sạch chúng khỏi đất Lào. Còn ở Cao Mên thì phải thành lập ngay liên quân Mên - Việt và làm cho *chiến tranh du kích lan sang đất Mên.*

Phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để và cổ động nhân dân thi hành chính sách bất hợp tác ở các thành thị quân địch làm chủ và thi hành "nhà không đồng vắng" nếu quân Pháp tràn về quê. Điều cốt tử là phải giữ vững liên lạc giữa các chiến khu để thống nhất chỉ huy, nơi nào rút khỏi thành thị thì quân ta phải chiếm đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Các vùng chiến tranh chưa lan đến cũng phải chuẩn bị đối phó khi tiến khi lui; kế hoạch tiến công cũng như kế hoạch rút lui cũng phải hết sức chu đáo (phòng đủ mọi việc, địa điểm, cán bộ, lương thực, thuốc men, quần áo, võ khí, vật liệu, cơ kiện, v.v...).

12. Về việc chống nạn đói phải đề phòng nạn đói cuối năm và sang đầu năm mới sẽ hết sức trầm trọng ở miền Bắc Đông Dương. Ngay lúc này có một số khá đông đồng bào Bắc Bộ đã đói rồi. Công việc cứu đói cũng như công việc đánh giặc.

Vậy các Đảng bộ hãy thi hành gấp rút những phương pháp dưới đây:

Khuyến nông, *làm cho tá điền và địa chủ nhân nhượng nhau* để tiếp tục cấy cày như thường, thực hành khẩu hiệu *không bỏ một thước đất hoang,* tổ chức tiếp tế, ngăn cấm đầu cơ tích trữ, tổ chức cứu tế, thực hành khẩu hiệu *"sẻ cơm nhường áo"* của Hồ Chủ tịch. Về phần Chính phủ phải lo nhập cảng ngũ cốc. Những công việc trên đây, muốn có kết quả, các đồng chí phải hết sức vận động các tầng lớp phú hào, địa chủ tham gia.

13. Về việc tổng tuyển cử sắp tới, phải xúc tiến việc sửa soạn tổng tuyển cử và mỗi tỉnh phải đặt ngay một cái sổ tên những người ứng cử để kịp cổ động bầu. Nguyên tắc đặt sổ: đảng viên 1/3, người của các đoàn thể trong mặt

trận 1/3, người ngoài mặt trận 1/3 (song tỉnh nào, thế lực các đảng phái đối lập mạnh thì số đảng viên ra ứng cử có thể thêm lên). Những phần tử C.S hay người V.M không dùng danh nghĩa đoàn thể mình ra ứng cử để chứng tỏ mình không giành giật ảnh hưởng hay thế lực đảng phái mà chỉ có mục đích cứu nước, và mình trúng cử là vì mình được quốc dân yêu chuộng và tin cậy. Phải đưa những người đã ở trong U.B.N.D có năng lực hành chính ra ứng cử còn những người bất lực và thiếu tư cách thì cho nghỉ để làm việc khác. Cần giới thiệu những vị thân hào có tài, có đức ra ứng cử, và cùng đứng chung một sổ quốc gia liên hiệp với những người ứng cử của V.M (chỗ nào không có lực lượng phản động tranh giành thì không cần giới thiệu sổ riêng).

Các đồng chí thân mến.

Chúng ta đang gặp nhiều khó khăn trở ngại, trên bước đường tranh đấu giành độc lập cho Tổ quốc, nhưng nhất định trào lưu thế giới và tình hình trong nước sẽ biến chuyển thuận tiện cho ta. Cách mạng chưa hoàn thành, phải ráng sức hơn nữa. Nhất định chúng ta sẽ thắng!

Toàn dân đoàn kết!

Chống Pháp xâm lược!

Giữ vững chính quyền!

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm!

Đông Dương độc lập muôn năm!

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TÌNH HÌNH VÀ CHỦ TRƯƠNG*
Ngày 3 tháng 3 năm 1946

1. Anh, Mỹ, Tàu đồng ý nhân nhượng với Pháp về vấn đề Đông Dương, để quân Pháp vào Đông Dương thay quân Tàu, lấy danh nghĩa là quân Đồng minh vào Đông Dương để "canh giữ tù binh Nhật" và "giữ trật tự" theo "Hiệp ước quốc tế".

Mục đích Anh, Mỹ là kéo thực dân Pháp bao vây Liên Xô và ngăn ngừa cách mạng thuộc địa, giao thực dân Pháp và Hà Lan nhiệm vụ canh giữ Đông Dương và Nam Dương để cho Anh - Mỹ rảnh tay một phần nào? hòng ngăn ngừa sức bành trướng của Liên Xô.

2. Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 1 tháng 3 năm 1946 tỏ rằng: vì muốn cứu vãn quyền lợi chung của đế quốc, chống phong trào cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, Anh, Pháp và Mỹ - Tàu đã tạm dẹp mâu thuẫn bộ phận ở Đông Dương. Coi đó thì Hiệp ước Hoa - Pháp không phải là chuyện riêng của Tàu và Pháp. Nó là chuyện chung của phe đế quốc và bọn tay sai của chúng ở thuộc địa. Dù nhân dân Đông Dương muốn hay không muốn, nhất định chúng cũng thi hành Hiệp ước ấy. Việc Tàu cho Pháp vào Lai Châu, Lào Cai là chứng cớ hiển nhiên. Nhưng chúng vẫn gờm cách mạng Đông Dương và dư luận quốc tế, nên cả Tàu lẫn Pháp cũng muốn dàn xếp với ta về việc quân Pháp kéo vào Bắc nước ta.

3. Trước khi rút lui (hạn cuối cùng theo Hiệp ước Hoa - Pháp là 31-3-46), Tàu hết sức xúc tiến việc cải tổ Chính phủ Việt Nam để cho phái địa chủ và tư sản phản động, tay sai của chúng vào Chính phủ định cùng bọn tay sai này đạt ba mục đích:

a) Bắt nhân dân Việt Nam nhắm mắt nuốt chửng Hiệp ước Hoa - Pháp.

b) Yêu sách Pháp thêm ít nhiều quyền lợi nữa.

---

* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 41.

c) Ngăn ngừa cuộc đàm phán riêng giữa Việt Minh và Pháp. Vì thế Tàu đã ủng hộ bọn "triết trúc" (địa chủ phản động) và "Việt Nam" (tư sản phản động) biểu tình ở Hà Nội ngày 20, 21 tháng 2 năm 1946, thúc Chính phủ liên hiệp lâm thời phải mau từ chức và giúp bọn phục quốc quấy rối ở Hòn Gai, Quảng Yên, Hải Phòng (cuối tháng 2-1946).

4. Còn Pháp thì ra sức tiến công vào dịp Tết và sau Tết và mở cuộc đàm phán bàn về vấn đề quân Pháp kéo vào Bắc Việt Nam. Mục đích của Pháp là:

1) Mau giải quyết vấn đề Đông Dương để bảo toàn uy tín và thực lực.

2) Kéo ta để cân sức với Tàu.

Song thực ra bọn Pháp muốn dàn xếp với ta cũng bởi một là cuộc kháng chiến của ta làm cho chúng hao tốn; hai là phong trào phản chiến nảy nở trong nhân dân và quân đội Pháp; ba là nhân dân Pháp và Chính phủ Goanh (trong đó cộng sản và xã hội chiếm đa số) không muốn kéo dài cuộc đổ máu ở Đông Dương; bốn là chính Anh, Mỹ cũng sợ cuộc chiến đấu giành độc lập của Đông Dương và Nam Dương kéo dài thì ảnh hưởng của nó sẽ đẩy mạnh thêm phong trào đòi độc lập ở các thuộc địa khác nhất là Ấn Độ.

5. Trong khi Hiệp ước Hoa - Pháp đã ký và Chính phủ Pháp thiên sang ta thì bọn Quốc dân Đảng Việt Nam lại làm ra bộ cách mạng nhất. Chúng chủ trương kháng chiến đến cùng. Chúng hô: không điều đình với ai hết. Thắng hay là chết. Chúng và bọn đỡ đầu cho chúng là Tàu phản động nhất ở Đông Dương, rất sợ ta đi với các lực lượng tả phái Pháp mà chống lại chúng. Dã tâm của bọn Nguyễn Hải Thần và phái phản động Quốc dân Đảng là cố ý phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp, đẩy ta chống lại Hiệp ước Hoa - Pháp, để cho cả ba lực lượng: Tàu trắng, thực dân Pháp và bọn phản động Việt Nam quan lại, tiêu diệt ta. Chú ý rằng lúc chúng ta ngăn quân Pháp vào Bắc Việt Nam thì chính là lúc bọn phản động Việt Nam sẽ đứng ra lập Chính phủ bù nhìn, đi đôi với thực dân Pháp đánh ta, buộc cho ta là phiến loạn, là chống Liên hiệp quốc, là phản hoà bình, và chính lúc đó quân Tàu trắng sẽ kiếm cớ ở lại Đông Dương, cùng thực dân Pháp và bọn phản động Việt Nam đánh ta.

6. Đứng trước tình thế trên đây, chúng ta phải quyết đánh hay hoà với Pháp? Có thể nói phứt ngay rằng: nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản Tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945, thì nhất định đánh, và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích, nhưng nếu Pháp công nhận

Đông Dương tự chủ thì có thể hoà, hoà để phá tan thâm thù của bọn Tàu trắng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn sót lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc để giử[1] thực lực của ta tiêu hao.

7. Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng.

Bên trong về chính trị, hồi tháng 8 năm ngoái, dân tộc ta thống nhất hơn, các chính đảng đối lập không có, hoặc có mà không dám công nhiên phản đối. Bây giờ bọn đối lập Việt Nam Quốc dân Đảng, đệ tam sư đoàn Việt gian thân Pháp dựa vào sức ngoài hoạt động, chia rẽ. Hồi tháng 8, ta lợi dụng được sự mâu thuẫn giữa Tàu và Pháp. Bây giờ mâu thuẫn ấy đã tạm hoà hoãn. Về quân sự, hồi tháng 8, Nhật đầu hàng không đánh nữa. Pháp chưa chiếm đóng lại được những căn cứ quân sự cần thiết. Bây giờ quân Pháp đã chiếm lại được nhiều địa điểm quan trọng và tập trung được thêm lực lượng.

Bên ngoài, hiện nay, tuy phong trào đòi độc lập ở thuộc địa, phong trào bãi công ở Âu - Mỹ có bồng bột, cuộc vận động tân dân chủ ở Pháp và Tàu tuy tiến bộ, nhưng chưa thể trực tiếp giúp ta. Liên Xô cũng chưa thể dùng Liên hiệp quốc làm lợi khí can thiệp hiển nhiên giúp ta được, vì thành phần tổ chức của Liên hiệp quốc chưa cho phép Liên Xô làm như ý muốn. Mâu thuẫn giữa Anh - Mỹ và Liên Xô lúc này lại trở nên gay go hơn trước nên vấn đề Đông Dương cũng chưa được Liên hiệp quốc giải quyết một cách có lợi cho ta.

Việc giải phóng dân tộc luôn luôn là việc của bản thân ta. Tuy cuộc Cách mạng tháng Tám đã cho ta thêm nhiều súng đạn và đặt ta lên địa vị giữ chính quyền, nhưng thực lực của ta gần đây có sút kém đôi chút, vì cuộc chiến tranh dần dần xoay sang thế thủ ở Nam Bộ và do những chỗ sai lầm của ta cũng có, do sự phản tuyên truyền của các đảng phái phản động cũng có, mà ảnh hưởng chính trị của ta trong nhân dân có đôi chút bị tổn thương. Thái độ Liên hiệp quốc đối với Nam Dương lại có ảnh hưởng không tốt trong nhân dân ta nữa.

Về mặt kinh tế, tuy chính sách tăng gia sản xuất đã cứu đói được một phần nào, nhưng vấn đề tiếp tế của ta vẫn khó khăn nhất là ở Bắc.

Còn thực dân Pháp tuy suy nhược nhưng được Anh - Mỹ - Tàu giúp sức.

---

1. Giử: nhử *(B.T)*.

8. Chủ trương "đánh đến cùng" lúc này không những làm cho ta cô lập và thực lực tiêu hao, lại vô tình sửa soạn cho bọn Nguyễn Hải Thần, bọn hữu phái Việt Nam Quốc dân Đảng nhảy lên địa vị "chuyên quyền" và bán nước nhà cho thực dân Pháp.

Chủ hoà lúc này cũng có hai chỗ nguy hiểm:

a) Bọn phản động lợi dụng tinh thần kháng chiến của quần chúng mà tuyên truyền phỉnh dân và vu ta là phản quốc, là bán nước cho Tây.

b) Bọn thực dân Pháp có thể tăng gia lực lượng trên đất ta để một ngày kia bội ước diệt ta.

Nhưng chủ trương ấy có hai điều lợi lớn:

a) Phá được mưu mô bọn Tàu trắng, của bọn phát xít và của bọn Việt gian, bảo toàn được thực lực.

b) Dành được giây phút nghỉ ngơi để sửa soạn cuộc chiến đấu mới phối hợp với các cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp, tiến tới giành độc lập hoàn toàn.

9. Muốn cho chủ trương dàn hoà với Pháp có kết quả phải:

+ Mạnh dạn giải thích cho quần chúng hiểu chủ trương của ta là duy nhất đúng.

+ Lợi dụng thời gian hoà hoãn với Pháp mà diệt bọn phản động bên trong, tay sai của Tàu trắng, trừ những hành động khiêu khích ly gián ta và Pháp.

+ Hết sức thận trọng trong khi và sau khi ký kết với Pháp để khỏi phải mắc hợm bọn thực dân Pháp và đề phòng chúng đánh lại ta.

+ Liên lạc mật thiết ngay với Đảng Cộng sản Pháp để thực hiện sự hành động chung giữa ta và các đồng chí Pháp.

+ Lợi dụng những khả năng mới mà mở rộng công việc tuyên truyền quốc tế và vận động phái đại biểu đi dủ các cuộc hội nghị của Liên hiệp quốc.

+ Chấn chỉnh đội ngũ, đào tạo cán bộ, củng cố phong trào.

+ Tìm đủ phương pháp để giải quyết vấn đề dân sinh.

+ Ấn định một chính sách khôn khéo và đúng đối với bọn địa chủ quan lại tư sản trí thức, v.v...

Chú ý: Mục đích hai nhiệm vụ cuối cùng là làm cho bọn phản động không có cơ sở quần chúng mà hoạt động chia rẽ và phản đối.

10. Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những *không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu,* mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta.

11. Lập trường giảng hoà của ta đi với Pháp là *độc lập* nhưng *liên minh* với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của dân ta "Chính phủ, quân đội, nghị viện, tài chính, ngoại giao, v.v..." và "sự thống nhất quốc gia của ta".

Ta có thể nhận quyền đóng quân của Pháp trên đất nước ta, nhưng quyền ấy chỉ có thể tạm thời và có hạn. Tài sản của Pháp ở nước ta, nói chung, được ta đảm bảo, nhưng Pháp phải nhượng lại cho ta những xí nghiệp thuộc về quốc phòng và được bồi thường. Còn những điều Pháp ký, nhượng cho Tàu trên đất ta mà không hỏi ý kiến ta thì phải được để xét lại và sẽ có một hiệp ước tay ba giữa ta, Tàu và Pháp về chuyện đó.

12. Đối với Lào, Mên cùng với ta có chung một kẻ địch ta đòi Pháp phải thừa nhận quyền tự chủ hay ít nhất quyền tự trị rộng rãi về chính trị cho họ.

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ CỦA BAN T.V.T.W[1] HOÀ ĐỂ TIẾN*

Ngày 9 tháng 3 năm 1946

I. HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ VIỆT - PHÁP

Ngày 6 tháng 3 năm 1946, Chính phủ ta đã ký với đại biểu Pháp ở Hà Nội bản Hiệp định sơ bộ (Convention preliminaire) gồm có ba khoản đại khái như dưới đây:

a) Nước Pháp công nhận nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam là một nước tự do có ba kỳ, đứng trong... khối Liên hiệp Pháp.

b) Nước Việt Nam thuận để quân đội Pháp vào Bắc Việt Nam, thay quân đội Tàu, hạn quân Pháp ở Đông Dương không quá 5 năm.

c) Hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức và trong khi đàm phán, quân hai bên đóng đâu vẫn cứ đóng đấy.

Như thế là nhờ sự chiến đấu anh dũng của chúng ta trong mấy năm nay và nhất là trong mấy tháng kháng chiến gần đây và nhờ tinh thần yêu chuộng tự do, chính nghĩa của dân Pháp, Chính phủ Pháp đã phải công nhận quyền tự chủ và sự thống nhất quốc gia của ta. Hiệp định Việt - Pháp có được là vì nước Việt Nam mới có lực lượng chiến đấu mới và nước Pháp mới cũng có tinh thần tự do mới.

Chúng ta hoà với Pháp để:

1- Tránh tình thế bất lợi: phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động (thực dân Pháp, Tàu trắng, bọn phản cách mạng trong nước), chúng sẽ đúc thành một khối và được bọn đế quốc Anh, Mỹ giúp sức để đánh ta trong khi các lực lượng hoà bình, tự do và tiến bộ trên thế giới

---

1. T.V.T.W: Thường vụ Trung ương *(B.T)*.

* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 48.

(như Liên Xô, phong trào cộng sản ở Tàu và Pháp, cách mạng thuộc địa) chưa thể trực tiếp giúp ta được.

2- Bảo toàn thực lực giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào. Tóm lại để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới.

Do Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946, nước Pháp chưa chịu nhận Đông Dương hoàn toàn độc lập ngay, nhưng cũng không giữ chủ trương lạc hậu của Chính phủ De Gaulle trước đây chỉ nhận cho Đông Dương tự trị theo Bản Tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm ngoái.

Thật thế, nước Pháp nhận nước Việt Nam là một nước tự do (Etat libre) có Chính phủ tự chủ (Self Gouvernement), có nghị viện, có quân đội và tài chính riêng, v.v... còn hai nước nhỏ trong Đông Dương như Ai Lao thì nước Pháp chưa bàn đến và Cao Miên thì đã tuyên bố nhận quyền tự trị rồi.

Tóm lại, ba nước... không thể trở lại chế độ thuộc địa như trước chiến tranh nữa, nhưng cũng chưa được độc lập nghĩa là hoặc được tự trị như Cao Miên hoặc được hưởng một chế độ rộng rãi hơn tự trị như Việt Nam.

Song Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 chỉ là bước đầu. Cuộc đàm phán sẽ tiếp tục, lấy bản Hiệp định sơ bộ làm nền tảng.

Nhiệm vụ của chúng ta là hậu thuẫn cho Chính phủ trong cuộc đàm phán chính thức nay mai.

II. CHUYỂN HƯỚNG MỚI VỀ CHIẾN THUẬT

Sau bản Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp, Đông Dương chưa được hoàn toàn độc lập, cho nên cuộc cách mạng dân tộc giải phóng Đông Dương chưa hoàn thành. Mục đích của giai cấp tiền phong - giai cấp công nhân - ở Đông Dương trong giai đoạn này vẫn là hoàn toàn giải phóng cho Tổ quốc, thống nhất dân tộc và hoàn thành củng cố chế độ cộng hoà dân chủ. Muốn hoàn toàn giải phóng cho Tổ quốc phải chống chủ nghĩa thực dân. Song lúc này chính thực dân Pháp đã bỏ tham vọng đô hộ ta như trước và nhận nguyên tắc tự chủ và thống nhất dân tộc của ta. Kẻ thù cụ thể trước mắt ta lúc này là bọn phản động Pháp (La Réaction Francaise) nghĩa là bộ phận đế quốc phát xít Pháp còn sót lại. Bọn này ở Pháp đang dùng nhiều cách ngăn cản phong trào tân dân chủ Pháp và liên lạc với phe phản động Anh, Mỹ bao vây Liên Xô và

ở Đông Dương chúng định đặt lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp lên cổ dân tộc ta như cũ, phá sự thống nhất dân tộc của ta và ngăn cản cuộc tranh đấu của ta giành hoàn toàn độc lập.

Bởi vậy Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược phải đổi thành *Mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động và giành độc lập hoàn toàn*.

Sau khi ký bản Hiệp định sơ bộ với Pháp, phải xem xét lại những khẩu hiệu tuyên truyền cổ động. Những hình thức tổ chức và tranh đấu, đặng kịp thời thay đổi cho hợp với tình hình mới.

Những khẩu hiệu "kháng chiến" phải nhường chỗ cho khẩu hiệu "kiến quốc". Khẩu hiệu "chống thực dân Pháp xâm lược" phải nhường chỗ cho khẩu hiệu "liên hiệp bình đẳng với nước Pháp mới" và "hai dân tộc Việt - Pháp liên hiệp lại chống bọn phản động Pháp", v.v...

Phải lợi dụng những khả năng mới mà thành lập những tổ chức mới và sửa chữa điều lệ các hội cứu quốc cho thích hợp với hoàn cảnh mới đặng thu nạp đông đảo quần chúng vào Việt Minh, Ai Minh[1], v.v...

Cuộc tranh đấu về quân sự phải chuyển thành cuộc tranh đấu về chính trị, kinh tế và văn hóa (đành rằng thực lực quân sự vẫn phải duy trì bồi cấp và việc chuẩn bị quân sự đề phòng mọi bất trắc vẫn phải xúc tiến như thường).

III. PHẢI LÀM GÌ SAU KHI KÝ BẢN HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ

Một chủ trương mới phải kèm theo những công tác mới. Muốn cho Hiệp định Việt - Pháp có kết quả chúng ta phải làm tròn những nhiệm vụ dưới đây:

Thứ nhất: khai hội, làm mít tinh, căn cứ vào bản "tình hình và chủ trương" (3-3-46) mà giải thích cho mặt trận và cho quần chúng không tổ chức hiểu rõ tại sao giảng hòa với Pháp trong những điều kiện của bản Hiệp định sơ bộ là đúng.

Và phải kiên quyết chống lại những xu hướng của quần chúng như sau này:

a) Hậm hực vì nỗi đang bắn hay chưa được bắn thực dân Pháp mà đã phải hòa, hoặc không tin chủ trương hòa với Pháp là đúng, những xu hướng

---

1. Tức là Ai Lao độc lập Đồng minh *(B.T)*.

này có thể xuất phát ở lòng yêu nước chính đáng nhưng nó nông nổi và rất dễ đẩy người ta hành động vô nguyên tắc, vô chính phủ và dễ bị bọn phản động khiêu khích.

b) Ngây thơ tưởng rằng Hiệp định Việt - Pháp làm cho dân tộc ta tránh được mọi khó khăn rồi. Xu hướng này làm cho ta lơ đãng, không chuẩn bị đối phó với mọi bất trắc, không sẵn sàng chiến đấu khi cần nó làm cho dân ta bị đánh bất thình lình nếu bọn thực dân Pháp giở dáo.

Thứ nhì: đề phòng thực dân Pháp bội ước, hoặc giải thích Hiệp định sơ bộ chệch đi, hoặc lợi dụng những chỗ không được chặt chẽ của bản hiệp định ấy mà hành động theo ý muốn. Sau khi đổ bộ và đóng tại các nơi căn cứ rồi, rất có thể bọn thực dân Pháp quay ra kiếm chuyện tiến công ta để lật đổ chính quyền nhân dân, cho bọn bù nhìn Việt gian thân Pháp lên thay. Bởi vậy, vẫn phải tiếp tục những việc chuẩn bị kháng chiến lâu dài, nhưng phải làm kín đáo để tránh mọi sự hiểu lầm giữa ta và Pháp.

Nơi nào quân Pháp đến đóng thì nên giữ thái độ bình tĩnh và nhã nhặn đối với lính Pháp và tổ chức những ủy ban liên lạc giữ việc giao thiệp, nhưng đồng thời phải gia khẩn việc vận động lính Pháp và quần chúng địa phương để một mặt kéo lính Pháp về ảnh hưởng của mình và một mặt bao vây quân đội Pháp bằng một vòng vây Việt Minh mạnh mẽ.

Thứ ba: đối với Tàu cho khéo. Sau bản Hiệp định 6 tháng 3 năm 1946, Tàu có cảm giác giống như quyền lợi của mình ở Đông Dương không được bảo đảm, mặc dầu Chính phủ ta đã tự ý tiếp nhận những khoản trong bản Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 1 tháng 3 năm 1946 quan hệ tới Việt Nam. Cho nên quân Tàu chực kéo dài thời gian đóng ở Đông Dương và do đó chực biến Đông Dương thành một xứ bị quốc tế quản trị.

Thứ tư: chống lại những hành động của các đảng phái phản động. Bọn chúng phản tuyên truyền Hiệp định Việt - Pháp để phỉnh dân gây ra những cuộc lộn xộn để ly gián ta, Tàu và Pháp hòng phá Hiệp định Việt - Pháp cho thực dân Pháp nhưng cố để lấn bước đối với ta hoặc xí xóa những điều đã ký kết với ta.

Đối với các phái thân Tàu, phải nhân lúc chúng hoang mang vì cảm thấy sắp bị Tàu bỏ rơi và lập trường của chúng lung lay sau khi bản Hiệp định Việt - Pháp đã ký mà chia rẽ nội bộ chúng, kéo lấy những phần tử trung thực nhằm kéo chúng về phe ta, chỉ cho quần chúng thấy bọn lãnh tụ "Việt Nam Quốc dân Đảng" chẳng qua là một bọn cơ hội đê hèn vì chúng chỉ biết vâng lệnh nước ngoài và đặt quyền lợi riêng lên trên quyền lợi dân tộc.

Hiện nay bọn Nguyễn Hải Thần đang cùng phái Tàu trắng, phản động Nhật ở Việt Nam, âm mưu một cuộc phân liệt chia cắt đất nước Việt Nam hay "đảo chính", phải đề phòng mọi hành động của chúng và bóc trần thủ đoạn hại nước của chúng cho nhân dân hiểu.

Còn bọn Việt gian thân Pháp thì có thể nhân cơ hội ta hoà với Pháp mà ngóc đầu dậy, hành động bán nước cho thực dân Pháp, ngấm ngầm giúp thực dân Pháp phá cách mạng, trì hoãn cuộc giành độc lập hoàn toàn của ta, chúng ta phải tìm hết cách ngăn ngừa chúng làm hại cách mạng.

VẤN ĐỀ NỘI BỘ

Muốn làm tròn những nhiệm vụ trên đây, phải lợi dụng triệt để lúc giảng hoà với Pháp mà nối lại các dây liên lạc các xứ (Trung, Nam, Bắc) và các Đảng (Việt, Mên, Lào) cho chặt chẽ, đào tạo cán bộ, phát triển cơ sở quần chúng, củng cố phong trào.

Chú ý mấy việc này:

a) Bài trừ mọi chủ trương hành động của các cán bộ có tính cách khiêu khích, chia rẽ ta với Tàu, ta với Pháp, làm khó dễ cho Chính phủ, phá công cuộc ngoại giao giữa ta và Tàu, Pháp, phá chính sách của đoàn thể.

b) Bài trừ những xu hướng bi quan cho rằng hiệp định này chỉ là một thủ đoạn tạm thời hoà hoãn chứ chẳng có kết quả gì và ta ký với Pháp là vì không đủ điều kiện đánh nên phải hàng Pháp hoặc xu hướng quá lạc quan tưởng rằng hợp tác với nước Pháp tân dân chủ là xong cả, bọn thực dân Pháp sẽ không làm gì được, v.v...

c) Đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ chính trị và quân sự để lãnh đạo phong trào mới và điều khiển đạo quân một vạn do ta mộ như "phụ khoản" của hiệp định đã nói.

d) Phát triển và kiện toàn các tổ chức của Đảng. Đề phòng bọn khiêu khích tay sai của Pháp chui vào Đảng để phá hoại.

đ) Ra sức tuyên truyền Tây và gây cơ sở đảng trong đám người Tây ở Đông Dương. Đồng thời mật thiết liên lạc với những phần tử hay đoàn thể cấp tiến Pháp ở Đông Dương và ở Pháp.

e) Mở rộng sự hoạt động của "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác" ở Đông Dương để thu hút đông quần chúng về ảnh hưởng Đảng và xúc tiến việc tranh đấu chống "chủ nghĩa Các Mác cải lương" hay "chủ nghĩa cộng sản

thuộc địa" và "chủ nghĩa cơ hội" của những phần tử "cộng sản một mùa" hay những phần tử xã hội dân chủ Pháp ở Đông Dương.

Đối với Nam Bộ

Bọn thực dân Pháp đối với vấn đề Nam Bộ có ba dã tâm:

1) Chúng cho rằng bản Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp chỉ áp dụng một phần lớn cho Trung Bộ, Bắc Bộ, còn Nam Bộ thì chúng coi như một việc đã rồi, quân Việt Nam ở đó chỉ nên mau "quy thuận" và hưởng hoà bình dưới quyền người Pháp, không nên yêu sách gì hơn nữa.

2) Chúng bằng lòng trưng cầu ý kiến nhân dân Nam Bộ xem tán thành chế độ nào, nhưng trước khi trưng cầu ý kiến như thế, chúng muốn dành thời gian, củng cố lực lượng khiến cho cuộc trưng cầu ý kiến sau này mất tính cách tự do.

3) Chúng muốn lợi dụng tình hình không rõ rệt trước khi hiệp định đình chiến được thực tế thi hành trong Nam Bộ, mà lấn bước về quân sự và tiến công về chính trị, khiến cho đồng bào ta trong đó chán nản, để tiện cho bọn phản cách mạng (phái tự trị của Đốc tờ Thinh, đệ tam sư đoàn của Nguyễn Hoà Hiệp, v.v... và bọn cải lương (phái "Duy Tân" của Đốc tờ Tùng) gây thêm thế lực trong quần chúng.

Một mặt, chúng ta phải đòi bọn Pháp thi hành ngay hiệp định đình chiến và phải thừa nhận quyền hợp pháp của Việt Minh trong các thành phố ở Nam Bộ do quân Pháp đóng trong khi chờ đợi hiệp ước chính thức giữa ta và Pháp; một mặt, phải lợi dụng những phút nghỉ ngơi mà bí mật phái cán bộ vào các thành phố do Pháp đóng để gây một phong trào mạnh mẽ đòi thống nhất với Trung, Bắc Bộ. Đồng thời phải giải thích ráo riết cho đồng bào Nam Bộ và các chiến sĩ ngoài mặt trận nhận rõ chiến thuật "hoà để tiến" của ta và vui lòng theo kỷ luật phục tùng Chính phủ do Hồ Chủ tịch lãnh đạo.

VẤN ĐỀ AI LAO

Mặc dầu Việt Nam đã ký kết với Pháp, liên quân Lào - Việt vẫn chiến đấu hăng hái, nhưng cuộc chiến đấu anh dũng ấy rõ ràng bị cô độc. Vậy chúng ta chủ trương Chính phủ Việt Nam đứng làm trung gian đề nghị với Pháp mở cuộc đàm phán thẳng với các nhà lãnh tụ phong trào giành độc lập ở Lào để mau đi đến chỗ kết thúc chiến tranh ở Lào với những điều kiện có lợi cho dân tộc Lào.

Các đồng chí!

Tổ quốc gặp những bước khó khăn. Nhưng con thuyền cách mạng đang luồn những mỏm đá ghềnh để lướt tới. Chúng ta "hoà" với nước Pháp để dành thời gian, bảo toàn thực lực, giữ vững lập trường càng mau *tiến tới độc lập* hoàn toàn.

Quyết thắng
BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ CÁN BỘ TRUNG ƯƠNG*
Từ 31 tháng 7 đến 1 tháng 8 năm 1946

I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

1. Cuộc tranh đấu giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa tiếp diễn trên một cơ sở mới.

a) Vô sản giai cấp mạnh hơn trước chiến tranh, nhiều nơi đã nắm được chính quyền hoặc đã thành lực lượng quyết định (Pháp) và ở các nước khác có điều kiện tiến tới;

b) Nhiều nước đế quốc suy vi (Anh, Pháp) hoặc có bộ phận bị tiêu diệt hẳn (Đức, Ý, Nhật). Chiến tuyến đế quốc thu hẹp lại và một mặt tập trung vào vài đế quốc (Mỹ, Anh). Mỹ trội hẳn lên và cầm đầu các nước đế quốc chủ nghĩa;

c) Lực lượng các dân tộc thuộc địa mạnh lên có nơi đã giành được chính quyền (Syrie, Liban, Việt Nam);

d) Lực lượng Liên Xô cũng mạnh lên nhiều, ảnh hưởng chính trị và quân sự Liên Xô lan rộng trên thế giới.

2. Lực lượng xã hội chủ nghĩa tương đối mạnh nhưng vẫn chưa đủ sức đập tan hệ thống tư bản, chưa thể trực tiếp lập chính quyền vô sản trên toàn thế giới.

3. Các nước đế quốc chủ nghĩa cần phải một thời kỳ ổn định để băng bó các vết thương, củng cố địa vị, dự bị cuộc tiến công Liên Xô và các lực lượng dân chủ tiến bộ và phong trào dân tộc giải phóng ở các thuộc địa.

---

* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 98.

4. Cả đôi bên đều lợi dụng những điều kiện mới để củng cố lực lượng của mình, tạm thời hoà hoãn với nhau nhưng vẫn tìm cách lấn át lẫn nhau.

5. Địa vị của Đông Dương hiện nay trở nên rất quan trọng trên trường cách mạng.

a) Bên cạnh nách trung tâm điểm cách mạng Á châu;

b) Trong phạm vi trung tâm điểm những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc chủ nghĩa (trước ở Trung Quốc, nay chuyển xuống Đông Nam Á);

c) Là nơi đế quốc Anh, Mỹ, Pháp chú trọng dàn xếp để bố trí chiến tuyến chống cộng và uy hiếp phong trào cách mạng giải phóng của các nhược tiểu dân tộc.

6. Đông Dương hiện bị hãm trong vòng vây của đế quốc chủ nghĩa, nhiệm vụ là phải liên minh với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới, đặc biệt với các nước lân cận để củng cố công cuộc cách mạng của mình.

Kết luận

- Lực lượng so sánh giữa Liên Xô và đế quốc chủ nghĩa: Liên Xô mạnh gấp bội, đế quốc chủ nghĩa suy nhược đi rất nhiều.

- Lực lượng so sánh giữa các đế quốc chủ nghĩa và các thuộc địa: đế quốc chủ nghĩa đã phải thi hành chính sách nhân nhượng đối với thuộc địa, phong trào giải phóng ở các thuộc địa rất bồng bột nhất là ở Cận Đông, Ấn Độ và Đông Nam Á châu.

II. TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG

Quan hệ giữa Việt Nam với Pháp, từ khi phái đoàn Chính phủ đi Pari, chính sách chung của Pháp:

a) Chuẩn bị nếu cần và có cơ hội thì lật đổ Chính phủ ta, nhưng chưa có triệu chứng tổng tấn công gì cả;

b) Gây những chuyện nhỏ để lấn những chuyện to về chính trị hay quân sự (mật lệnh của Valuy cho quân đội: "Nếu xảy ra chuyện gì thì cương quyết đối phó nhưng đừng làm lan ra").

Về chính trị:

a) Lập quốc hội Nam Kỳ;

b) Triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương ở Đà Lạt;

c) Lập ra xứ Tây Kỳ (Tây Nguyên) và dự định lập ra xứ Nùng (gồm Móng Cái, Lạng Sơn) và xứ Mường (gồm Hòa Bình và năm phủ, châu ở Thanh Hoá);

d) Liên lạc với đảng phái Việt gian, với quân Tàu Tưởng ở Móng Cái và thổ phỉ tìm cách mua chuộc những thổ ty, quan lang nhà họ Vi (Vi Văn Định);

đ) Dự định lập lại chi nhánh Xã hội Pháp ở đây (SFIO) và cho một bộ phận gia nhập Việt Minh và tìm cách vào Chính phủ. Lôi kéo một số công giáo định lập lại Liên đoàn Công giáo và liên lạc với các cố đạo để mưu tính biến liên đoàn thành chi nhánh của Cộng hoà bình dân Pháp.

Về quân sự:

a) Đi đôi với chính trị;

b) Củng cố các vị trí đóng quân, diễu võ giương oai, giữ gìn quân kỷ và uy hiếp tinh thần dân chúng Việt Nam;

c) Nếu bị thiệt hại thì tìm cách trả thù gấp 10 (Móng Cái) nhưng hạn chế lại không cho lan rộng sang địa phương khác;

d) Chuẩn bị sẵn sàng để khi có lệnh tấn công là có thể chiếm ngay các vị trí quân sự của ta. Đặc biệt chúng điều tra và đột kích các nhân viên trọng yếu của Chính phủ;

đ) Đòi kiểm soát bộ đội tiếp phòng;

e) Có mật lệnh đánh từ Lạng Sơn sang Móng Cái để lập một xứ Nùng tự trị.

Về kinh tế:

a) Lấn về quan thuế, đóng Sáu Kho;

b) Dự định lập khu Liên bang tự trị ở Hải Phòng;

c) Sẽ bắt Chính phủ bồi thường cho tài sản của Pháp bị thiệt hại.

Về ngoại giao:

a) Đối với Chính phủ Việt Nam vẫn tỏ vẻ quân tử, mặc dầu vẫn tìm cách lấn át;

b) Ở Phôngtennơblô tuy mình được tả phái và quần chúng ủng hộ, nhưng chúng vẫn kéo dài để tìm cách lấn ta;

c) Việc thuyên chuyển Lơcléc đi nơi khác tỏ ý không đánh hẳn ta. Morlière sẽ thay Valuy ở Bắc.

Tình hình giữa ta với Tàu Tưởng, Mỹ:

a) Trước kia Tàu Tưởng cùng Quốc dân Đảng quấy mình, bây giờ tỏ vẻ lãnh đạm (Nguyễn Tường Tam sang Trung Quốc không có thế lực gì);

b) Tàu Tưởng có chỉ thị cho Hoa kiều: bây giờ Quốc dân Đảng không có thế lực nữa phải chú ý liên lạc gây cảm tình với Việt Minh và Chính phủ. Mặt khác vẫn đề phòng về quân sự ở biên giới. Cho một bộ đội vào Móng Cái;

c) Mỹ rất chú ý đến nội bộ của mình, thăm dò ý kiến Tàu Tưởng, Mỹ vẫn liên lạc với Pháp.

III. TÌNH HÌNH CHUNG TRONG NƯỚC

Chính trị:

a) Chính sách của ta tỏ vẻ thân thiện với Pháp và các ngoại quốc khác;

b) Nhưng trong khi giao thiệp phải cố gắng được chừng nào hay chừng ấy;

c) Và luôn luôn phải tích cực sẵn sàng về quân sự và chính trị để đối phó với những bất trắc có thể xảy ra;

d) Phải tranh đấu thống nhất ba kỳ, thống nhất các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo;

- Đối với việc thống nhất, đã cố gắng nhiều về mọi mặt;
- Chưa chú ý lắm đến các dân tộc thiểu số...;
- Thống nhất các đảng phái, các giai cấp có Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam, nhưng chưa có kết quả thực tế mấy;
- Đối với Quốc dân Đảng không thể dàn xếp được, mặc dầu đã hết sức nhân nhượng (cải tổ lại Việt Nam Quốc dân Đảng);
- Có một phần Công giáo rất phản động, lập ra Liên đoàn Công giáo và sửa soạn đi tới một chi nhánh của MRP (Cộng hoà bình dân) của Pháp; *Quốc dân Đảng* liên lạc với Công giáo phản động;

đ) Gần đây chấn chỉnh được công an, nên uy tín của Chính phủ được tăng lên.

Quân sự:

a) Tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ, quân sự hoạt động hơn trước;

b) Tại Tây Nguyên, đồng bào Thượng chuẩn bị nhiều, nhưng đánh được ít (thất bại);

c) Tại Bắc Bộ vẫn có những cuộc xung đột địa phương (Sơn La, Lạng Sơn, Móng Cái).

Tài chính:

a) Kinh tế - xã hội bê trễ. Phong trào lập hợp tác xã mới chỉ có thành tích nhất thời;

b) Xuất nhập cảng chưa làm được, các nhà buôn lớn còn hoang mang vì tình thế chưa dám kinh doanh;

c) Việt Minh mang tiếng buôn (có một vài mối lợi, một vài hãng buôn để lộ dân chúng biết);

d) Tài chính rất nguy ngập. Đồng bạc Đông Dương có thể hại về tương lai.

Chính phủ trung ương:

a) Những phần tử trung lập nghiêng về ta;

b) Mấy bộ của "Việt quốc" bị tê liệt:

- Ngoại giao nhảy đầm,

- Kinh tế đục khoét,

- Y tế thối nát.

c) Giữa chuyên môn và hành chính điều hoà hơn trước, nhưng mâu thuẫn giữa hành chính với tư pháp càng tăng lên (di hoạ);

d) Công chức lừng chừng, một số cố ý làm sai chính sách của Chính phủ, phá hoại, hối lộ;

đ) Giáo giới có nhiều phần tử phản động.

IV. TÌNH HÌNH NỘI BỘ

Đối ngoại: gần gũi lực lượng hoà bình dân chủ, chống phản động quốc tế.

Đối nội: Chống thực dân phản động Pháp và tay sai. Để thực hiện chủ trương trên, kế hoạch của ta:

- *Hoà hoãn bên trong, toàn dân đoàn kết* (chưa thực hiện được thiết thực và rộng rãi)...

- Hành động đối với Quốc dân Đảng vừa rồi là việc bất đắc dĩ để bảo vệ chính quyền nhân dân lúc đó và phá âm mưu 14 tháng 7 của chúng[1]. Về thái độ đối với Quốc dân Đảng có hai chủ trương sai:

+ Tiêu diệt hết (tả),

+ Dung túng (hữu).

- Đối với dân tộc thiểu số, chính sách địa phương sai lầm, không biết nâng đỡ những tầng lớp trên của họ (nhất là ở Trung Bộ);

- Kinh tế và tài chính: không kế hoạch;

- Hợp tác xã: đi quá trớn (tả).

1. Chủ trương trong nội bộ

- Hẹp hòi cô độc về dùng người, về chính sách dân tộc thống nhất, về khẩu hiệu;

- Bè phái, đối với nhau có thành kiến (nhất là ở Trung Bộ);

- Cách làm việc không đúng điệu, thiếu tinh thần thiết thực và sức phấn khởi Nga;

- Thiếu kỷ luật, hình thức chủ nghĩa, đi đôi với quan liêu hóa, hủ hóa.

2. Đối với Quốc dân Đảng

- Vì nội trị và ngoại giao, chưa tiêu diệt lúc này (chưa bắt mấy thằng...);

- Vẫn đi hội nghị liên tịch với chúng;

- Gây phong trào cải tổ thực mạnh (chọn người có uy tín và thực tế giúp họ);

- Phải phản tuyên truyền chúng trên báo chí và trong quần chúng (nhưng chú ý đừng để Pháp lợi dụng những tài liệu ấy).

3. Đảng Dân chủ cấp tiến (của Linh Trác Thiện)

Chủ trương kéo trí thức thành thị và gom góp những phần tử thân Nhật, thân Pháp đội lốt để đi hoạt động (đang xin phép, có thể kéo dài việc cho phép).

---

1. Bọn Quốc dân Đảng, Đại Việt cùng quân Pháp âm mưu làm đảo chính Chính phủ ta nhân ngày Quốc khánh của Pháp, nhưng ta biết và đối phó kịp thời nên chúng không thực hiện được *(B.T)*.

4. Đảng Xã hội Việt Nam

- Để phá mưu mô của Pháp định cho tái lập chi nhánh Xã hội Pháp (SFIO) để kéo bọn thân Pháp;

- Để chặn ảnh hưởng của nhóm "Dư luận" định tổ chức chính đảng, bây giờ kéo họ vào Đảng Xã hội Việt Nam;

- Phải giúp đỡ họ kéo phú hào, trí thức chưa vào đảng phái nào;

- Ra đời giữa lúc bọn Quốc dân Đảng vừa bị đập, để cho tư sản trí thức có chỗ dựa.

5. Dân chủ Đảng

Hết sức giúp đỡ họ mọi phương diện...

6. Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam

- Tổng bộ Việt Minh sẽ viết thư xin gia nhập, sau khi các đảng phái khác xin gia nhập (Dân chủ, Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn thanh niên Việt Nam, Tổng hội Sinh viên, Quốc dân Đảng, Đoàn phụ nữ Việt Nam, Liên đoàn Công giáo, Cách mệnh Đồng minh Hội...);

- Các báo, sách và đài phát thanh phải hết sức cổ động cho Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, phát thanh cả những cuộc hội họp;

- Sẽ thông cáo cho các đoàn viên xin gia nhập;

- Các tỉnh thành lập chi nhánh rồi phải đánh điện về cho Ban Trung ương ở Hà Nội.

7. Công giáo

- Con chiên có lòng ái quốc, nhưng nhiều đồng chí ta sai lầm khám xét, nghi ngờ bao vây, làm cho họ xa ta;

- Sự tuyên truyền có màu sắc "đỏ" quá, khiến họ khiếp sợ;

- Có mâu thuẫn giữa cha Tây và cha ta;

- Cố Drapier, khâm sai toà thánh ở Huế rất phản động, chống ta theo luận điệu: "Chính phủ là Việt Minh, Việt Minh là cộng sản".

- Kế hoạch sửa chữa:

Làm cho quần chúng đừng có thành kiến với công giáo;

Các nhân viên Chính phủ nên đi dự những buổi lễ nhà thờ để gây thiện cảm;

Đào tạo cán bộ công giáo ngay trong công giáo, nên chọn những người đứng tuổi;

Tuyên truyền yêu nước nhưng phải tôn trọng Chúa, cố kéo các cha ta, đừng để Pháp lợi dụng;

Tổ chức những ủy ban, những ngày lương giáo đoàn kết;

Những nơi đông công giáo nên chú ý đưa họ vào Ủy ban hành chính.

Chính phủ chú ý cải thiện đời sống ở một vài địa phương công giáo một cách khéo léo để làm tượng trưng cho sự tuyên truyền chung;

Điều hòa quyền lợi giữa con chiên nghèo với các cha;

Nâng đỡ hội nghị cán bộ công giáo (kiểm điểm sai lầm khuyết điểm).

8. Dân tộc thiểu số

- Dùng kinh tế như muối, vải, diêm để chinh phục họ[1].

- Ở những nơi có nhiều dân tộc, tổ chức những Ủy ban dân tộc đoàn kết;

- Phải bảo tồn văn hóa, phong tục của họ, tôn sùng những vị anh hùng dân tộc của họ;

- Không nên gọi họ là mọi, thổ, v.v... hay người Việt Nam mới, gọi hẳn họ là người Việt Nam...

- Phải khôn khéo kéo những người trùm dân tộc thiểu số (tăng, thổ ty, châu, phìa, v.v...) đưa họ vào Ủy ban hành chính, cho họ có địa vị, đồng thời vận động những người cấp tiến bên dưới, đào tạo họ thành những người trùm mới;

- Chính trị phải đi đôi với vũ trang để chinh phục họ;

- Đánh vào lòng mê tín của họ, cấp cho họ bằng sắc, chức tước;

- Nên giảm hoặc miễn thuế cho nơi nghèo quá hoặc mất mùa (Cao - Bắc - Lạng);

- Tập trung cán bộ vào những nơi phải đối phó với chính sách chia rẽ của Pháp (Lạng Sơn, Sơn La);

- Nên tổ chức những đoàn du lịch về Thủ đô vào những dịp kỷ niệm (kỷ niệm Cách mạng tháng Tám).

---

1. Nên hiểu là "để vận động họ" *(B.T)*.

V. CÔNG TÁC NỘI BỘ

1. Những khuyết điểm

a) Cô độc, hẹp hòi, tả khuynh (nặng nhất ở Trung Bộ):

- Không biết nâng đỡ cán bộ lên, làm cho cán bộ mới nếu có năng lực cần phải vượt qua cán bộ cũ để tiến lên;

- Chặt chẽ quá với người cảm tình, quần chúng và người ngoài (nghi ngờ không dám dùng họ). Nhưng có chỗ lại dùng bừa bãi quá;

- Thiếu cán bộ trí thức, không tiếp xúc nhiều với trí thức nên khó kéo họ;

- Không dám giới thiệu người vào hội, lo trách nhiệm;

- Lập luận sai lầm của một số đồng chí Trung Bộ:

Chính phủ Trung ương có thể mở rộng, nhưng bên dưới cần thu hẹp lại;

Phong trào Trung Bộ cao, có nhiều bọn tư sản là phản động.

b) Biệt phái:

- Có một số cán bộ sẵn ác cảm với nhau trong tù;

- Có thành kiến (cán bộ trí thức ít thấy khuyết điểm của mình, thường chỉ biết khuyết điểm của các giới khác và các giới khác thì trái lại);

- Cán bộ cũ với cán bộ mới, đồng chí cũ với đồng chí mới hiểu nhầm nhau, mâu thuẫn nhau;

- Thường có cảm tình cá nhân với nhau, do đó dễ gây bè phái.

c) Kỷ luật không nghiêm:

- Thi hành kỷ luật không nghiêm đối với các đồng chí có lỗi;

- Điều động cán bộ thường có những điều khó khăn (thường yêu cầu ở lại);

- Có vài đồng chí vô chính phủ, không tuyệt đối phục tùng đa số, phản đối bừa bãi;

- Không biết coi nghị quyết chung là một kỷ luật tối cao của Đảng (không kiên quyết thi hành);

- Bộ đội không theo kỷ luật của thượng cấp (việc đắp ụ ở đường, v.v...).

d) Làm việc không đúng điệu:

- Thiếu tập đoàn chỉ huy;

- Nhiều việc quan trọng không thảo luận ở chi bộ (vì gấp quá);

- Không quen óc tổ chức, gặp đâu làm đấy, theo lối cũ kỹ;

- Không làm đến nơi đến chốn việc tự chỉ trích;

- Thiếu sự kiểm soát từ trên xuống dưới;

- Liên lạc giao thông chưa được nhanh chóng.

Nguyên nhân những khuyết điểm trên một phần lớn là do những chính sách Đảng không được phổ biến thấu triệt trong hàng ngũ, nhất là trong số đông cán bộ.

2. Vấn đề tổ chức

a) Bộ máy chỉ đạo: tán thành kế hoạch tổ chức mới của Trung ương.

b) Củng cố và phát triển Đảng:

- Trong một tháng tới đây (kể từ ngày nhận được chỉ thị) mỗi đồng chí chính thức phải ít nhất giới thiệu một người vào Đảng (đặc biệt chú ý những địa phương đông quần chúng quá mà ít đồng chí);

- Mỗi đồng chí chính thức phải luôn luôn có ít nhất một người dự bị đưa vào Đảng;

- Điều kiện gia nhập theo như điều lệ chung nhưng phải châm chước những chi tiết đặc biệt, chú trọng đối với các phần tử thợ thuyền, chuyên môn, trí thức.

c) Khôi phục đảng tịch cho các đồng chí cũ:

- Chú ý đưa vào Đảng những đồng chí cũ trong thời kỳ bí mật vì cớ này cớ khác xa Đảng, hoặc về quá khứ đã phạm lỗi nhẹ, nhưng nay đã biết hối cải và chịu khó hăng hái làm việc;

- Trong những trường hợp đặc biệt, muốn khôi phục đảng tịch cho những đồng chí đã lầm lỗi quá nặng, cần phải có sự thẩm tra và đồng ý của thượng cấp (Trung ương sẽ ra thông cáo lập các tiểu ban thẩm tra).

b) Đào tạo cán bộ:

- Ra những tập sách nhỏ, phổ thông để các chi bộ có tài liệu nghiên cứu;

- Hàng tháng, các cấp bộ trên phải viết những kinh nghiệm gửi cho các cấp bộ dưới;

- Viết những bài đăng báo theo một chương trình huấn luyện;

- Cấp bộ trên phải mở lớp huấn luyện cho cấp bộ dưới (Trung ương huấn luyện Xứ ủy và các xứ ủy viên phụ trách ở đâu phải mở lớp huấn luyện ở đấy), v.v...;

- Chú ý chọn những đồng chí tốt đưa ra làm cán bộ theo những điều kiện này:

Gần quần chúng và quần chúng phục;

Có sáng kiến, có năng lực;

Trung thực.

- Phải nâng đỡ những cán bộ bên dưới;

- Nên nâng đỡ cho những cuộc họp cán bộ, hội nghị các cấp;

- Trao đổi những tài liệu kinh nghiệm giữa các xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ (trao đổi lẫn cho nhau);

- Gây phong trào học tập (Trung ương ra chương trình, giới thiệu sách cho các đồng chí học);

- Phải dám giao việc cho những cán bộ không phải là đảng viên ở mặt trận và ở các cơ quan hành chính;

- Tóm lại, chú ý sửa chữa hẹp hòi về cán bộ:

Đề bạt cán bộ.

Huấn luyện.

Kiểm tra.

3. Dân vận

- Lập Ban Công vận toàn quốc;

- Đổi tên "Công nhân cứu quốc" ra "Công đoàn", vận động cho Tổng Liên đoàn Lao động, giải thích trên báo chí, trong các cuộc mít tinh, bỏ biển Công nhân cứu quốc ở các trụ sở; cử đại biểu vào các cấp bộ Việt Minh và đồng thời xin gia nhập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam;

- Chú ý kéo lao động công giáo vào Tổng Liên đoàn;

- Chú ý giúp đỡ cải thiện sinh hoạt cho lao động;

- Phải kéo đa số thợ vào Tổng Liên đoàn (nhất là ở Bắc Kỳ).

4. Phụ vận

- Phải đào tạo cán bộ phụ nữ lớp trên để kéo họ;

- Mở những lớp huấn luyện riêng cho phụ nữ (các xứ phải mở);

- Chú ý đời sống cán bộ phụ nữ;

- Hình thức tổ chức phải cho thích hợp, không cần nêu hai chữ "cứu quốc", như hội "áo chiến sĩ", "xã tế", v.v... giúp cho Đoàn phụ nữ Việt Nam phát triển;

- Cho tái bản tờ *Tiếng gọi phụ nữ* nhưng phải viết cho thiết thực, phải có những mục thiết thực với phụ nữ;

- Tìm cách liên lạc với phụ nữ quốc tế.

5. Thanh vận

- Thanh niên cứu quốc phải liên lạc mật thiết với Nha Thanh niên;

- Phải chú ý tổ chức học sinh;

- Đừng làm cho Đoàn thanh niên Việt Nam thành ra của Chính phủ;

- Bí mật tổ chức những nhóm thanh niên mácxít để làm công tác cho Đảng.

6. Văn hóa vận động

- Chấn chỉnh Văn hóa cứu quốc đoàn. Phái người vào phụ trách;

- Phải có những bài phê bình về văn hóa lông bông, không thực tế;

- Phải nêu một người lãnh tụ văn hóa;

- Phải triệu tập một cuộc hội nghị các nhà văn hóa cứu quốc để phê bình văn hóa, tiếp thụ những nhà văn hóa cảm tình;

- Ra khẩu hiệu: dân tộc, khoa học, đại chúng, nhưng phải đưa ra cho khéo;

- Tổ chức những nhóm "bạn văn hoá";

- Giúp đỡ những nhà văn nghèo, có nhân tài.

7. Quân sự, kinh nghiệm

- Tổ chức không thống nhất;

- Thiếu những bộ máy cần yếu cho bộ đội: trinh sát, liên lạc, v.v...;

- Cán bộ quân sự không nắm được bộ đội, kém không biết điều khiển, chỉ huy không biết chiến thuật, không biết giữ sức cho quân đội;

- Thiếu công tác chính trị trong quân đội, nhất là công tác đảng;

- Không có một chiến lược bao quát (thiếu sự hiểu biết địa dư) để đề phòng bố trí trước kế hoạch tấn công của địch;

- Công tác phá hoại kém vì không liên lạc với các nhà chuyên môn mật thiết;

- Trong khu vực chiến tranh không phá hoại đường giao thông triệt để;

- Thất bại trong việc vận động dân tộc thiểu số (Trung Bộ);

- Không biết bảo tồn chủ lực, đem tất cả tiêu phí vào việc giữ gìn một vài tỉnh lớn (Sài Gòn);

- Không giữ được thế chủ động;

- Quá tin vào Hiệp định sơ bộ, không tích cực chuẩn bị tấn công;

- Không biết tổ chức đội chuyên môn đoạt vũ khí của địch.

8. Tài chính

- Lập hợp tác xã sản xuất tại các tỉnh;

- Mở nhà băng thương mại có các chi nhánh ở các tỉnh;

- Tìm cách giữ lấy quyền xuất cảng để lấy tiền ngoại quốc làm cho đồng bạc Việt Nam có giá trị.

- Nghiên cứu một chính sách tài chính (tham khảo tài liệu của Trung ương).

TẠM ƯỚC VIỆT - PHÁP (14-9-1946)*

Khoản 1. Những kiều dân Việt ở Pháp và những kiều dân Pháp ở Việt Nam đều được hưởng quyền tự do cư trú như người bản xứ và những quyền tự do tư tưởng, tự do dạy học, buôn bán, đi lại, nói chung là tất cả các quyền tự do dân chủ.

Khoản 2. Những tài sản và xí nghiệp của người Pháp ở Việt Nam sẽ không phải chịu một chế độ khe khắt hơn chế độ dành cho tài sản và xí nghiệp của người Việt Nam, nhất là về phương diện thuế khóa và Luật Lao động. Đối lại, những tài sản và xí nghiệp của kiều dân Việt Nam tại các xứ trong khối Liên hiệp Pháp quốc cũng cố được hưởng sự ngang hàng về chế độ như thế. Chế độ tài sản và xí nghiệp Pháp hiện có ở Việt Nam chỉ có thể thay đổi do sự thỏa thuận chung giữa nước Cộng hòa Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tất cả những tài sản Pháp đã bị Chính phủ Việt Nam trưng dụng hoặc những tài sản mà tư nhân hoặc xí nghiệp Pháp bị nhà chức trách Việt Nam tước, sẽ trả lại cho chủ nhân hay những người có quyền hưởng thụ. Sẽ cử ra một Ủy ban Việt - Pháp để định rõ cách thức hoàn lại.

Khoản 3. Để nối lại ngay từ giờ những mối liên lạc về văn hóa mà cả nước Pháp và nước Việt Nam đều muốn phát triển, những trường học Pháp các cấp sẽ được tự do mở trên đất Việt Nam. Những trường ấy sẽ theo chương trình học chính thức của Pháp. Một bản thỏa hiệp riêng sẽ định rõ những trụ sở nào sẽ dành cho những trường học ấy dùng. Những trường ấy sẽ mở rộng cho cả học sinh Việt Nam.

Những kiều dân Pháp sẽ được tự do nghiên cứu khoa học và mở những viện khoa học trên đất Việt Nam.

Những kiều dân Việt Nam cũng được hưởng đặc quyền ấy ở Pháp. Tài sản và địa vị pháp luật của Viện Paxtơ (Pasteur) sẽ được khôi phục. Một

---

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 530.

Ủy ban Việt - Pháp sẽ định điều kiện cho Trường Viễn Đông - Bác Cổ hoạt động trở lại.

Khoản 4. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ dùng đến người Pháp trước nhất mỗi khi cần người cố vấn hoặc chuyên môn. Chỉ khi nào nước Pháp không cung cấp được nhân viên mà Chính phủ Việt Nam cần đến thì đặc quyền trên đây của Pháp mới thôi thi hành.

Khoản 5. Ngay sau khi giải quyết vấn đề điều hòa tiền tệ hiện thời, sẽ chỉ có một thứ tiền duy nhất tiêu dùng trong những xứ thuộc quyền Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và những xứ khác ở Đông Dương. Tiền ấy là đồng bạc Đông Dương hiện nay do nhà Ngân hàng Đông Dương phát hành, trong khi đợi một viện phát hành tiền tệ. Một Ủy ban gồm có đại biểu tất cả các nước hội viên của Liên bang Đông Dương sẽ nghiên cứu chế độ pháp lý của viện phát hành ấy. Ủy ban ấy lại có nhiệm vụ dung hợp tiền tệ và hối đoái đồng bạc Đông Dương thuộc về khối đồng Phrăng (Franc).

Khoản 6. Nước Việt Nam cùng với các nước trong liên bang họp thành một quan thuế Đồng minh. Vì vậy, sẽ không có hàng rào quan thuế nào trong nội địa Liên bang và thuế nhập cảng cùng xuất cảng ở mọi chỗ thuộc địa phận Đông Dương sẽ đánh đều nhau. Một Ủy ban dung hợp quan thuế và ngoại thương sẽ nghiên cứu những phương sách thi hành cần thiết và sắp đặt việc tổ chức quan thuế Đông Dương, Ủy ban này có thể là Ủy ban dung hợp tiền tệ và hối đoái nói trên.

Khoản 7. Một Ủy ban Việt - Pháp để điều hòa giao thông sẽ nghiên cứu những phương sách tái lập và cải thiện các đường giao thông giữa Việt Nam và các nước khác trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp: đường vận tải bộ, thủy và hàng không, sự liên lạc bưu điện, điện thoại, điện tín và vô tuyến điện.

Khoản 8. Trong khi chờ đợi Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam ký kết một bản hiệp định dứt khoát giải quyết vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam với ngoại quốc, một Ủy ban chung Việt - Pháp sẽ ấn định việc đặt lãnh sự Việt Nam tại các nước lân bang và sự giao thiệp giữa nước Việt Nam với các lãnh sự ngoại quốc.

Khoản 9. Vì muốn lập ngay ở Nam Bộ và nam phần Trung Bộ một nền trật tự cần thiết cho các quyền tự do, dân chủ được tự do phát triển cho thương mại được phục hồi, vì hiểu rằng sự đình chỉ những hành động xung đột và võ lực của cả hai bên sẽ có ảnh hưởng tốt cho những việc nói trên.

Chính phủ Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng ấn định những phương sách sau đây:

a) Hai bên sẽ đình chỉ hết mọi hành động xung đột và võ lực.

b) Những hiệp định của hai bộ tham mưu Pháp và Việt Nam sẽ định rõ điều kiện thi hành và kiểm soát những phương sách do hai bên cùng ấn định.

c) Định rõ ràng những tù nhân hiện bị giam giữ vì lý do chính trị sẽ được phóng thích, trừ những người bị truy tố về những thường tội đại hình và tiểu hình. Những tù nhân bị bắt trong các cuộc hành binh cũng vậy. Nước Việt Nam bảo đảm sẽ không truy tố và sẽ không tha thứ một hành động võ lực nào đối với những người trung thành với nước Pháp. Đối lại, Chính phủ Pháp bảo đảm sẽ không truy tố và sẽ không tha thứ một hành động võ lực nào đối với những người trung thành với nước Việt Nam.

d) Sự hưởng thụ những quyền tự do dân chủ đã định trong khoản thứ nhất sẽ được hai bên bảo đảm lẫn cho nhau.

đ) Hai bên sẽ đình chỉ những sự tuyên truyền đối với nhau không được thân thiện.

e) Chính phủ Pháp và Chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam sẽ hợp tác để những kiều dân các nước trước kia là thù địch không thể làm hại được nữa.

g) Một nhân vật do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ định và được Chính phủ Pháp công nhận sẽ được ủy nhiệm bên vị thượng sứ để xếp đặt sự cộng tác cần thiết cho việc thi hành những điều thỏa thuận này.

Khoản 10. Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng tìm cách ký kết những bản thỏa thuận riêng về bất cứ vấn đề nào để thắt chặt dây liên lạc thân thiện và dọn đường cho một hiệp ước chung dứt khoát. Theo mục đích ấy các cuộc đàm phán sẽ tiếp tục càng sớm càng hay và chậm nhất là vào tháng 1 năm 1947.

Khoản 11. Bản thỏa hiệp này ký làm hai bản. Tất cả các khoản sẽ bắt đầu thi hành từ 30 tháng 10 năm 1946.

TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN*

Ngày 12 tháng 12 năm 1946

I. CUỘC TRƯỜNG KỲ KHÁNG CHIẾN CỦA DÂN TỘC TA

1. Mục đích

- Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập.

2. Tính chất

- Trường kỳ kháng chiến, toàn diện kháng chiến.

3. Chính sách

- Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp.
- Đoàn kết với Mên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.
- Đoàn kết chặt chẽ toàn dân.
- Thực hiện toàn dân kháng chiến.
- Bảo vệ dân; được lòng dân.
- Nêu tên "Hội liên hiệp quốc dân" mà cổ động kháng chiến.
- Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt.

4. Cách đánh

- Triệt để dùng du kích, vận động chiến.
- Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài.
- Phá hoại nhiều hơn bắn; triệt để làm cho địch đói, khát, què, mù, điếc, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản.
- Vừa đánh vừa võ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ.

---

* Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

5. Giai đoạn kháng chiến

Ba giai đoạn:

a) Giai đoạn phòng ngự: có thể vạn bất đắc dĩ phải tạm thời bỏ những thành thị lớn sau khi kháng chiến quyết liệt ở đó. Chú ý: phải luôn luôn quấy nhiễu những nơi tạm bỏ.

b) Giai đoạn cầm cự: giữ vững vị trí, tiêu hao lực lượng địch, bồi bổ thực lực mình.

c) Giai đoạn phản công: phản công toàn thể, lấy lại toàn bộ đất nước.

II. CHƯƠNG TRÌNH KHÁNG CHIẾN

1. Đoàn kết toàn dân.

2. Thực hiện quân, chính, dân nhất trí.

3. Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống bọn phản động thực dân Pháp.

4. Đoàn kết với hai dân tộc Mên, Lào và các dân tộc bị áp bức trong khối Liên hiệp Pháp.

5. Thân thiện với các dân tộc Tàu, Xiêm, Diến Điện, Ấn Độ, Nam Dương và các dân tộc yêu chuộng dân chủ, hoà bình trên thế giới.

6. Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến.

7. Đánh Pháp, tiễu phỉ, trừ gian.

8. Giành quyền độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Trung, Nam, Bắc.

9. Củng cố chế độ cộng hoà dân chủ.

10. Bảo vệ sinh mệnh và tài sản cho toàn dân và ngoại kiều.

11. Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc.

12. Hết sức sản xuất võ khí.

III. CƠ QUAN CHỈ ĐẠO KHÁNG CHIẾN

1. Về đoàn thể: có "trung kiên chỉ đạo kháng chiến".

2. Về Chính phủ: trên có Chính phủ kháng chiến và Ban Thường vụ Quốc hội.

Dưới có Ủy ban kháng chiến các khu, các tỉnh, v.v... gồm đại biểu quân, dân, chính họp thành.

3. Về Mặt trận Dân tộc thống nhất: có "Ủy ban Liên hiệp quốc dân ủng hộ kháng chiến" cho toàn quốc, do "Hội Liên hiệp quốc dân" lập ra, bao gồm đại biểu các đảng phái, các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc.

Nhiệm vụ của Ủy ban này là hiệu triệu nhân dân tham gia kháng chiến, cổ lệ binh sĩ và làm cho cuộc kháng chiến thật là của toàn dân.

IV. NHỮNG ĐIỀU RĂN TRONG KHI KHÁNG CHIẾN[1]

1. Dân

a) Không đi lính cho Pháp.

Không nộp thuế cho Pháp.

Không bán lương thực cho Pháp.

Không mua hàng của Pháp.

Không dẫn đường cho Pháp.

Không làm việc cho Pháp.

Không lộ tin tức cho Pháp.

b) Phải đoàn kết chặt chẽ.

Phải đánh giặc, trừ gian.

Phải tăng gia sản xuất.

Phải ủng hộ Chính phủ kháng chiến.

Phải tiếp tế bộ đội.

Phải báo tin cho bộ đội.

Phải giúp đỡ đồng bào tản cư.

2. Quân

a) Không hàng giặc.

Không để mất súng.

Không bắn phí đạn.

Không xâm phạm tính mệnh, tài sản của dân.

---

1. In thành biểu ngữ và truyền đơn để dán và phát.

Không xâm phạm tín ngưỡng của dân.

Không ngược đãi tù binh.

b) Phải ủng hộ Chính phủ kháng chiến và Hồ Chủ tịch.

Phải bảo vệ tính mệnh, tài sản cho dân.

Phải kính trọng và giúp đỡ dân.

Phải sĩ quan và binh lính một lòng.

Phải tuân lệnh cấp trên.

Phải phục tùng kỷ luật.

V. KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN

1. Những khẩu hiệu chính

a) Toàn dân đoàn kết!

Kháng chiến lâu dài!

b) Liên hiệp dân Pháp

Đánh thực dân Pháp!

c) Bảo toàn lãnh thổ!

Giữ vững chủ quyền!

d) Đánh đổ chính quyền bù nhìn!

Củng cố cộng hoà dân chủ![1]

e) "Việt Nam nhất định độc lập!

Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất!"

(Hồ Chủ tịch)

2. Những khẩu hiệu lẻ tẻ

a) Chính trị:

- Hãy gia nhập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam!
- Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh!
- Thà chết không trở lại đời nô lệ!

1. Chỉ nơi nào Pháp lập chính quyền bù nhìn mới nêu khẩu hiệu này ra.

- Hoa - Việt tương trợ!
- Bảo vệ ngoại kiều!
- Việt Nam độc lập, thống nhất muôn năm!
- Quân dân một lòng!

b) Quân sự:

- Toàn dân kháng chiến!
  Kháng chiến khắp nơi!
- Đuổi giặc, tiễu phỉ, trừ gian!
- Triệt để dùng chiến thuật du kích!
- Mỗi phố là một mặt trận!
  Mỗi làng là một pháo đài!
- Mỗi viên đạn một quân thù!
- Cướp súng giặc bắn giặc!
- Hết sức quấy rối quân địch!
- Giữ bí mật quân sự là cứu nước!
- Theo gương kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ!
- Kháng chiến nhất định thắng lợi!

c) Kinh tế:

- Tăng gia sản xuất để kháng chiến!
- Giữ gạo nuôi lính!
- Vừa kháng chiến vừa kiến quốc!

d) Văn hoá:

- Chống mù chữ, chống xâm lăng!
- Cần, kiệm, liêm, chính, kháng chiến thắng lợi!
- Văn nghệ sĩ giúp kháng chiến!

THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ CÁN BỘ TRUNG ƯƠNG*

Từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1947

Chương I

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

1. Tình hình thế giới sau cuộc đại chiến lần thứ hai này khác hẳn tình hình thế giới sau cuộc đại chiến lần thứ nhất. Liên Xô có công đầu trong cuộc trừ hoạ phát xít đã làm cho cả thế giới phải khâm phục. Sau khi thắng trận, không những Liên Xô băng bó được thương tích chiến tranh một cách rất nhanh chóng, mà lại tiếp tục bước mạnh trên con đường kiến thiết chủ nghĩa xã hội và đang chuẩn bị điều kiện để tiến lên thực hiện chế độ cộng sản văn minh.

2. Sau cuộc đại chiến này, phong trào dân chủ và hoà bình lan tràn ra khắp thế giới. Nhiều nước thợ thuyền đòi tăng lương, nhân dân đòi cải thiện đời sống và thúc đẩy các chính phủ trừng trị bọn phát xít còn sống sót lại. Có nước, như Mỹ, binh lính đòi giải ngũ. Ở Đông Âu và Nam Âu nhiều nước nhỏ, sau khi thoát khỏi ách phát xít đã trở thành những nước "Cộng hoà Dân chủ nhân dân" có tính cách dân chủ mới (Nam Tư, Tiệp Khắc, Ba Lan, Bảo[1]...). Nhưng từ đó dân chủ ở các nước ấy được thực hiện rộng rãi và quyền lợi thợ thuyền, dân cày được bảo đảm, v.v...

Ở các nước thuộc địa và bán thuộc địa (Hy Lạp, Paléttin, Ba Tư, Trung Hoa, Đông Dương, Nam Dương, Mađagátca, Ai Cập, Ấn Độ, Diến Điện, Mã Lai, v.v...), nhiều dân tộc (Trung Hoa, Việt Nam, Nam Dương, Mangát, Hy Lạp, v.v...) đang cầm vũ khí đứng dậy chống bọn thực dân và tay sai của chúng.

---

* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 173.

1. Bảo: Hunggari *(B.T)*.

Đáng chú ý là: cuộc vận động hoà bình, dân chủ và độc lập tự do ở các nước trên thế giới hiện nay, hầu hết do các Đảng Cộng sản mạnh mẽ lãnh đạo.

3. Mâu thuẫn lớn nhất trên thế giới đang biểu lộ ra ở các cuộc tranh đấu giữa các thế lực dân chủ và phản dân chủ chính ngay ở trong hệ thống tư bản (nhân dân Anh, Mỹ, Pháp) đòi nới rộng quyền tự do và cải thiện sinh hoạt các dân tộc thuộc địa và bán thuộc địa giành dân chủ và độc lập.

4. Cầm đầu các lực lượng phản dân chủ trên thế giới hiện nay là bọn tài phiệt Mỹ. Bọn này nâng đỡ cho bọn phản động ở các nước (Soócsin ở Anh, Đờgôn ở Pháp và Tưởng ở Trung Hoa) đồng thời cố duy trì và gây dựng lại những tàn tích phát xít (Franco ở Tây Ban Nha, Catdien ở Nhật, Von Papen ở Đức, bọn phong kiến phát xít Xanđari ở Hy Lạp).

Chúng tung ra khẩu hiệu chống Liên Xô, quảng cáo cho bom nguyên tử làm cho người ta tưởng rằng Mỹ dùng bom nguyên tử đánh Liên Xô đến nơi. Kỳ thực đó chỉ là một tấm màn che đậy việc Mỹ xâm lấn ngay thị trường và quyền lợi của các đế quốc yếu hơn (Anh, Pháp, Hà[1]) thâm nhập vào thuộc địa và bán thuộc địa của các nước ấy và đặt căn cứ quân sự khắp nơi trên để củng cố thế lực, hòng biến cả thế giới tư bản thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ, để chuẩn bị đánh Liên Xô và tiến công cách mạng thế giới sau này.

5. Tham vọng ấy của Mỹ rồi đây sẽ làm cho các nước liên hiệp lại chống Mỹ, và những cuộc tấn công của thế lực phản dân chủ do Mỹ cầm đầu đối với thế lực dân chủ, không chứng tỏ rằng phe phản động phản dân chủ mạnh, nhưng thật ra chứng tỏ sự sợ sệt trước trào lưu dân chủ thế giới đang dâng cao.

6. Các lực lượng dân chủ chắc chắn sẽ thắng lợi vì:

a) Phong trào dân chủ khắp thế giới đều tiến mạnh.

b) Liên Xô, lực lượng chủ yếu của hoà bình và dân chủ thế giới, ngày một khỏe.

c) Mỹ, lực lượng phản động nhất thế giới, sắp gặp một cuộc kinh tế khủng hoảng ghê gớm, nhiều triệu chứng đã báo trước (chẳng hạn như sợ hàng của Mỹ ứ lại, không bán được, tăng lên rất nhiều, hoặc cổ phần công ty tư bản bị sụt xuống rất mau ở thị trường Nữu Ước).

Do đó Mỹ suy nhược và lôi cuốn cả bọn "lâu la" của Mỹ cũng suy nhược theo, v.v...

---

1. Hà: Hà Lan *(B.T)*.

Chương II

TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

1. Toàn thể Đông Dương: Việt Nam, Cao Mên, Ai Lao đều kháng chiến, chống thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến được toàn dân tham gia; đồng bào lao động hăng hái tác chiến, đồng bào tư sản, địa chủ hy sinh của cải không nề hà, nói chung đồng bào Phật giáo, Công giáo, Cao đài, Hoà hảo, quốc dân thiểu số và đa số chung sức giết giặc.

2. Ở Việt Nam, địch đang cố làm chủ các thành phố, đường giao thông vận tải, vùng mỏ, miền duyên hải và những cứ điểm ở biên giới. Nhưng chúng chỉ kiểm soát được một số thành phố, còn ta vẫn làm chủ ở thôn quê ngay xung quanh những thành phố ấy. Địch thiệt hại khá nhiều ở Bắc Bộ. Chiến sự miền Trung Bộ (Thừa Thiên, Quảng Trị, v.v...) có phần bất lợi cho ta lúc đầu. Nhưng do dân và quân ta một lòng hy sinh phấn đấu và chuyển qua cách đánh du kích mau lẹ nên tình hình đã trở lại. Chiến sự Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ khá hơn trước. Quân du kích của ta ở đó hoạt động, đã thu được nhiều kết quả khả quan.

Cuộc chiến đấu giành độc lập của các dân tộc Ai Lao và Cao Mên vẫn tiếp tục. Từ ngày 11 tháng 3 năm 1947, quân giải phóng Ai Lao lại hoạt động. Và quân đội độc lập Cao Mên, những trận quyết liệt ở vùng Siêmrạp, Sisocophon, Báttambăng, tháng 7 năm 1946, dần dần chuyển qua hình thức võ trang tuyên truyền và phá hoại các đường giao thông và các kho tàng của địch.

Hơn bốn tháng kháng chiến toàn quốc đã chứng tỏ rõ địch không thể dùng võ khí tối tân mà tiêu diệt quân chủ lực của ta. Chúng phải đổi một giá rất đắt mới chiếm được một ít thành phố. Còn quân ta thì có tiến bộ về cách đánh du kích vận động. Chiến tranh sẽ quyết liệt hơn, nhưng ta rất có thể đánh lâu và bồi bổ thêm thực lực để một ngày kia phản công.

3. Cuộc kháng chiến này đã làm cho kinh tế nước ta đảo lộn: nhiều thành phố bị phá, việc kỹ nghệ, buôn bán đình đốn. Nông nghiệp ở các vùng bị địch chiếm bị cản trở một phần nào, việc tổ chức những trại di cư, tản cư, trại xung phong sản xuất và những xưởng, ấp hay hợp tác xã có tính chất kinh tế kháng chiến, chỉ mới bắt đầu. Về tài chính, Chính phủ ta chi nhiều, thu ít. Tiền Việt Nam chưa phát hành đủ cho sự đổi chác của dân. Ở một vài vùng bị địch chiếm, tiền ta sụt giá, hoặc khó lưu hành.

Cách sinh hoạt của nhân dân đang thay đổi lớn, thợ thuyền phân tán, một phần lớn chưa có việc làm, nhiều nhà buôn và nghiệp chủ di cư chưa tìm được cách doanh nghiệp. Một phần dân cày ở vùng địch chiếm sống bấp bênh. Đời sống nhân dân khó khăn, nhưng ai nấy đều hăng hái tham gia hay ủng hộ kháng chiến, tinh thần vẫn vững và một lòng ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Chính phủ.

Trừ ra có một số rất ít nhát gan, hám lợi, thổ phỉ bù nhìn làm tay sai cho địch. Một vài nhóm phản động như Quốc dân Đảng, Mặt trận dân tộc giải phóng, chực lợi dụng lúc này ngo ngoe hoạt động ở một vài nơi, nhưng quốc dân không theo chúng.

4. Chính phủ và Ủy ban kháng chiến các nơi đã mở rộng cho các nhân sĩ tham gia; song chính quyền vẫn giữ được tập trung. Nhưng phải nhận rằng: có nơi bộ máy hành chính kháng chiến và đoàn thể nhân dân chưa được ăn khớp với nhau và chạy đều. Cuộc kháng chiến này bóc trần những khuyết điểm của các tổ chức lãnh đạo của nước ta: tình báo, giao thông liên lạc kém. Mệnh lệnh không được nhanh chóng và việc thi hành mệnh lệnh chưa được triệt để.

5. Cuộc kháng chiến tuy gian khó, nhưng có mấy điểm dưới đây làm cho ta rất tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng:

a) Mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp bao gồm toàn dân;

b) Mặt trận ấy thực tế do đoàn thể ta lãnh đạo;

c) Tinh thần nhân dân và bộ đội ta rất cao và hấp thu nhiều kinh nghiệm chiến đấu khá mạnh, khá nhanh;

d) Mục đích kháng chiến của ta được nhân dân Pháp và thuộc địa Pháp, các lực lượng dân chủ trên thế giới, nhất là các dân tộc Đông Nam châu Á đồng tình.

Chương III
CHỦ TRƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐOÀN THỂ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN

1. Về chính trị

a) Củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân phản động Pháp. Căn bản của chính sách của đoàn thể là: toàn dân đoàn kết

kháng chiến lâu dài. Bởi vậy mọi hành động của đoàn thể phải nhằm vào mục đích thống nhất dân, được lòng dân, vì dân.

b) Kịch liệt chống bệnh hẹp hòi (đối với những người giác ngộ kém, người ngoài mặt trận và người các đảng phái khác), kiên quyết sửa chữa sự nhận định và đối phó khôn khéo với đồng bào Công giáo và quốc dân thiểu số. Chống quan niệm chủ quan cho rằng chỉ đảng viên hay "người mặt trận" mới làm được việc. Nhưng đồng thời cũng phải chống khuynh hướng hữu khuynh, dung nạp cả bọn phản động hay bị bọn phản động lừa phỉnh giật mũi, v.v...

c) Khẩu hiệu "đòi độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp" tuyệt đối không phải là một khẩu hiệu do dự, lừng chừng. Chúng ta chủ trương chỉ ngừng bắn khi nào Pháp nhìn nhận độc lập và thống nhất thật sự, cho chúng ta không chủ trương tách Đông Dương ra khỏi khối Liên hiệp Pháp để ngã vào cánh tay của Anh - Mỹ. Chúng ta vẫn chủ trương liên minh với nhân dân Pháp xây dựng dân chủ và hoà bình chung.

2. Về quân sự

a) Ta chủ trương kháng chiến lâu dài vì ta vũ khí kém, bộ đội ít thao luyện, địch vũ khí tinh xảo, bộ đội thao luyện, Việt Nam không thể chuyển ngay từ phòng ngự đến phản công như Nga, trái lại phải qua một thời kỳ lâu dài, gian khổ để vừa đánh vừa cố gắng bồi bổ vũ khí và bộ đội, chuyển thế yếu của ta thành thế mạnh, chuyển thế mạnh của địch thành thế yếu.

b) Chiến thuật căn bản là du kích vận động chiến, trận địa chiến là chiến thuật bồi bổ giúp cho du kích vận động chiến. Du kích vận động chiến phải là cách đánh của toàn dân, không phải của riêng bộ đội.

Nên phải phát động phong trào dân quân và võ trang toàn dân.

c) Cuộc kháng chiến lâu dài của ta phải qua ba giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất:* địch chiếm các đô thị lớn, các đường giao thông chính, các căn cứ quân sự và kinh tế, chúng hành binh theo quy mô rộng lớn, đông bộ đội cơ giới hoá tinh mau. Mục đích đánh cốt yếu của ta là tiêu hao lực lượng địch, giữ cho chúng chậm tiến, đồng thời phải bảo toàn chủ lực, cho nên phải tránh những trận bất lợi, rút lui tới một mức nào đó, tuy vẫn tiến công bộ phận để tiêu diệt bộ phận của địch. Cách đánh của ta: dàn trận địa chiến lúc đầu, dần dần chuyển qua du kích vận động chiến.

- *Giai đoạn thứ hai:* địch dùng bộ binh nhiều hơn để đi vơ vét lương thực và khủng bố "quét sạch" phong toả ta. Cuộc tranh đấu về chính trị lẫn quân sự đặc biệt quan trọng. Địch cố lập chính phủ bù nhìn, dụ ta hàng. Ta phá kế hoạch của chúng, bỏ một phần lớn các đô thị, lập cứ điểm thôn quê, rừng núi, bồi có lực lượng mở rộng du kích vận động chiến. Đặc biệt phát triển du kích chiến ngay vùng địch kiểm soát và ngay trong những thành phố lớn mà địch tạm thời làm chủ vừa tiêu hao, vừa tiêu diệt địch. Đồng thời bồi bổ những thiếu sót về vũ khí (cả vũ khí tối tân lẫn hạng nặng) về bộ đội và cán bộ để chuẩn bị tổng phản công.

- *Giai đoạn thứ ba:* lực lượng địch suy yếu, lực lượng ta trội lên. Điều kiện chủ quan và điều kiện khách quan để thuận tiện, ta tập trung mau lẹ dùng vận động chiến, có trận địa chiến và du kích chiến bổ trợ, *phản công khắp mặt trận* tiêu diệt địch, lấy lại những vùng đã mất.

d) Việt Nam không thể có căn cứ địa rộng rãi và vững chắc như Tàu. Những căn cứ địa ở Việt Nam đều có thể bị địch đánh xuyên mũi dùi vào hoặc bao vây. Nhưng Việt Nam đã có một mặt trận đoàn kết toàn dân, nhân dân đã được hưởng chế độ dân chủ rộng rãi và liều chết giữ vững chế độ ấy. Tình hình Pháp lại đặc biệt nguy khốn và nước Pháp xa nước Việt Nam hàng vạn cây số, nên Việt Nam vẫn có thể kháng chiến và nắm chắc thắng lợi bằng cách mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay cả ở sau lưng địch, trong ruột địch và tổ chức căn cứ địa không những ở rừng núi mà cả ở đồng bằng.

e) Việt Nam áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến một cách rộng rãi, vì Việt Nam đất hẹp, vũ khí kém, nhưng tinh thần dân cao; nhân dân vui lòng thà hy sinh sản nghiệp, chứ quyết không cho chúng dùng để mở mang kinh tế hay làm căn cứ quân sự đánh bộ đội dân quân ta.

3. Về kinh tế

a) Chương trình kinh tế kháng chiến gồm hai mặt:

- *Mặt tiêu cực:* phá kinh tế địch bằng cách tẩy chay và quân sự phá hoại. Làm cho địch không kinh doanh, bóc lột gì được, không thực hiện được chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

- *Mặt tích cực:* xây dựng kinh tế của ta, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, và lập nền kinh tế tự túc.

b) Kinh tế trong lúc kháng chiến phải thích hợp với điều kiện chiến tranh. Chỉ sản xuất những thứ cần dùng cho mặt trận và đời sống của dân. Sự sản xuất ấy phải có Chính phủ điều khiển. Về các ngành kinh tế chú trọng nhất là nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại rồi mới đến kỹ nghệ (chú ý kỹ nghệ chế võ khí và khai thác). Thi hành đúng việc kiểm soát, ngoại thương. Nghĩa là không để cho tư nhân độc quyền tích trữ và bóc lột, nhưng vẫn làm cho họ hăm hở bỏ vốn ra kinh doanh, tham gia việc sản xuất, và tiếp tế và mưu lợi cho mình và cho nước. Đồng thời thành lập bộ phận kinh tế nhà nước, và kinh tế có tính chất hợp tác xã, các tư nhân chung vốn, chung sức, cùng làm.

c) Trong nước có ba hình thức kinh tế chính: kinh tế cá nhân, kinh tế hợp tác xã, và kinh tế nhà nước. Hình thức thứ hai đặc biệt trọng yếu, nó làm môi giới giữa hai hình thức kia và làm dễ dàng việc phân phối, và tiêu thụ hợp lý các nguyên liệu và các thứ hàng hoá và xuất phẩm.

d) Chính sách kinh tế đại khái gồm mấy điều này: tăng gia sản xuất, rút bớt chi tiêu, (hai việc làm phải có kế hoạch), giảm nhẹ sự đóng góp cho dân, (đặt chế độ thuế mới trong thời kỳ kháng chiến) phát triển sinh sản hợp tác, kêu gọi các nhà giàu bỏ vốn, thi hành việc thưởng phạt (đặt giải thưởng, nêu gương anh hùng lao động, ca ngợi người hằng tâm hằng sản, trị bọn những lạm tham lam) thống nhất kinh tế tài chính; giữ vững giá đồng tiền Việt Nam.

4. Về văn hoá

Động viên tất cả giới trí thức, văn nghệ tham gia kháng chiến, dùng các nhà trí thức văn hoá, chuyên môn vào các ngành công tác như quân giới, quân y, giáo học, tuyên truyền kháng chiến, v.v...; chú trọng mở mang giáo dục kháng chiến (mở trường chuyên môn về nghề nghiệp, chính trị, quân sự..., xúc tiến bình dân học vụ), năng dùng những hình thức tuyên truyền, thông tin, dân dễ cảm và dễ hiểu, mà giác ngộ nhân dân, về mục đích cứu quốc, đề cao tinh thần dân tộc, lòng tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng, đề cao nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc của toàn dân, tiếp tục vận động đời sống mới.

Vừa kháng chiến, dân tộc ta vừa dựng nên một nền văn hoá mới, có tính chất hợp với tinh thần dân tộc độc lập, hợp với khoa học, tiến bộ, hợp với tính tình và trình độ của đông đảo quần chúng và nhân dân.

Chương IV
NHIỆM VỤ CẦN KÍP CỦA ĐOÀN THỂ

1. Nhiệm vụ quân sự

a) *Đối với bộ đội:* nắm vững và rèn luyện bộ đội, tránh tan rã và mất võ khí, chống bệnh chủ quan, khinh địch, bị động, các bộ chỉ huy trao đổi sáng kiến, kinh nghiệm và gắng học tập để làm trọn nhiệm vụ mình. Thi hành thưởng phạt cho nghiêm để khuyến khích và đề cao kỷ luật (gắn huy chương cho các chiến sĩ có công, đưa bọn phạm lỗi ra toà án quân sự). Kiên quyết tẩy trừ tệ hủ hoá, quân phiệt trong một vài cấp chỉ huy làm cho bộ đội ta xứng đáng là đội quân cách mạng của nhân dân.

Đặc biệt chú ý xoá bỏ sự xích mích và những tàn tích chia rẽ giữa các anh em thiểu số và đa số trong bộ đội.

b) *Chiến lược chiến thuật:* duy trì cuộc kháng chiến lâu dài. Chống mọi khuynh hướng đánh chóng, giải quyết chóng hay khuynh hướng: "quyết chiến", để tiêu hao chủ lực. Cương quyết chuyển sang du kích vận động chiến, giành quyền chủ động về chiến thuật, ngay trong giai đoạn phòng ngự này. Chống thói quen đánh trận địa, hay phòng ngự theo lối trận địa, học cách phòng ngự theo lối vận động.

Dùng những đội dân quân du kích thật gan dạ và khôn khéo, quấy nhiễu, du kích đánh tỉa cho địch hao mòn. Dùng những đội quân đặc biệt tích cực và linh hoạt, thừa lúc thuận tiện, tiến thật nhanh và sâu vào vùng địch kiểm soát, đánh chớp nhoáng tiêu diệt địch, rồi rút lui thật nhanh, ra khỏi vùng địch kiểm soát, phối hợp dân quân du kích và quân chính quy, giáp công, lập đội chuyên môn chống cơ giới hoá, ngăn sông đánh địa lôi phá hoại, cắt đứt những gan và mạch máu (giao thông liên lạc tiếp tế) của địch.

Phổ biến kinh nghiệm các trận lớn gần đây ở Đình Lập, Hải Phòng, Hà Đông, Ninh Bình, v.v... trong ấy quân ta đã biết tránh lối trận địa cứng đờ mà dùng cách đánh vòng; đánh sau lưng, đánh bên hông quân địch.

c) *Vận động dân quân:* cấp tốc xúc tiến việc tổ chức, huấn luyện và võ trang, lãnh đạo dân quân, mọi làng mọi địa phương phái ngay đồng chí, hoặc cán bộ cứu quốc, có năng lực ra đảm nhiệm việc này. Tốt nhất là Vệ quốc quân đóng mọi nơi phụ trách việc huấn luyện quân sự cho dân quân và làm cho dân quân quen với tiếng súng. Bớt lối tập hình thức bề ngoài (một hai) mà chú trọng thực tế (cảnh giác, xét hỏi, liên lạc, thông tin, báo động, hành

quân ban đêm, tập bắn súng, ném lựu đạn, tập xung phong bằng lựu đạn và đại đao, v.v...).

Phổ biến kinh nghiệm "làng kháng chiến" (Bắc Ninh, Kiến An) và hầm ẩn nấp của dân quân Tàu. Đem kinh nghiệm của "quyết tử của miền Hậu Giang Nam Bộ" và dạy cho dân quân toàn quốc.

Hoá một phần bộ đội thành dân quân (nhất là ở những nơi bị chiếm đóng). Xúc tiến việc võ trang dân quân bằng đại đao, lựu đạn, súng kíp, địa lôi, tên nỏ, v.v...

d) *Căn cứ địa:* tổ chức căn cứ địa ở miền rừng núi và đồng bằng, muốn cho căn cứ địa được vững chắc, phải tăng gia việc vận động quần chúng; đào tạo cán bộ địa phương, tổ chức việc tiễu phỉ trừ gian, ở các căn cứ địa sát mặt trận, phải tổ chức ngay những "công tác đội võ trang" các "đội danh dự trừ gian" và chuẩn bị các "tiểu tổ bí mật" như trước hồi Tổng khởi nghĩa tháng Tám, v.v...

e) *Quân giới:* chú trọng chế vũ khí phá xe tăng, chặn ca nô (badôca, mìn, địa lôi, v.v...) và vũ khí thô sơ (lựu đạn, súng kíp) phải chống khuynh hướng sai lầm coi thường vũ khí thô sơ và chỉ chú trọng vũ khí tối tân, đồng thời chống khuynh hướng thiên về việc chế tạo vũ khí thô sơ, mà không để ý hay không gắng sức chế tạo, và học dùng vũ khí tối tân. Động viên nhân dân ủng hộ nguyên liệu và tham gia vào việc sản xuất vũ khí thô sơ, phổ biến cách chế lựu đạn và súng kép, đơn giản cho dân theo và vũ trang (Cục Quân giới quốc phòng phải ra sách dạy cách chế tạo những thứ vũ khí này), họp ngay cuộc hội nghị các cán bộ phụ trách quân giới để định phương hướng chế tạo vũ khí và phân phối nguyên liệu, máy móc, định một chương trình sản xuất và trao đổi kinh nghiệm, gửi đại biểu đi dự hội nghị hay phải có quyền quyết định về việc tập trung, phân phối nguyên liệu, vật liệu ở địa phương mình, phải trừ hẳn chủ nghĩa địa phương trong quân giới.

f) *Quân lương:* thực hành việc bộ đội tham gia sản xuất, đó là một công tác mà Cục Chính trị quốc phòng phải đảm nhiệm; sản xuất ở những nơi an toàn, phải định cho bộ đội mỗi ngày sinh sản mấy giờ, ở các nơi lưu động luôn thì bộ đội làm nghề thủ công hoặc làm giúp dân, để tự cấp dưỡng cho một phần.

Tích trữ lúa gạo, muối, ký ninh (kho bí mật và phân tán chứ không tập trung).

2. Công tác chính quyền

a) *Hành chính và kháng chiến:* thực hành chính trị dân chủ tiến bộ rộng rãi, nhưng kiên quyết, cơ quan hành chính địa phương có tính chất tương đối tự trị cho khỏi bị động, ỷ lại và mất sáng kiến trong tình thế giao thông liên lạc khó khăn này, nhưng vẫn không hại cho nguyên tắc lãnh đạo tập trung nằm trong tay Chính phủ Trung ương.

Các Ủy ban kháng chiến thống nhất và điều chỉnh việc lãnh đạo, mọi phương diện hoạt động của nhân dân trong thời kỳ kháng chiến nên phải gọt rũa những sự không ăn khớp hay xích mích, hiểu lầm giữa các cơ quan hành chính và Ủy ban kháng chiến.

2. *Vấn đề ngoại giao:* vấn đề Việt Nam vừa được đem ra bàn cãi náo nhiệt ở Quốc hội Pháp. Đảng Cộng sản Pháp, Tổng Liên đoàn Lao động Pháp vừa tỏ rõ thái độ đối với Chính phủ Pháp giảng hoà với Việt Nam. Bọn Đờ-gôn lại hoạt động mưu cho phản động thế giới mà lật đổ chế độ cộng hoà Pháp. Đứng trước tình hình ấy, đoàn thể phải theo dõi từng tí thời cuộc và chính trị nước Pháp. Nếu Pháp nhận Việt Nam độc lập và thống nhất, nhưng phải làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rằng, chưa đánh đến hết giai đoạn thứ ba của cuộc trường kỳ kháng chiến, thì dù có dàn xếp cũng chưa thể giải quyết hẳn được sự xung đột giữa ta và thực dân Pháp. Chẳng qua tạm thời hoà hoãn để dành thời gian, v.v... Bởi vậy, tuy phải lợi dụng hết khả năng ngoại giao, làm cho cuộc đổ máu Việt - Pháp rút ngắn lại, nhưng không thể có thái độ chủ quan đối với những cuộc "đàm phán" và nhất là không được sơ hở để quân địch lợi dụng đàm phán hay đình chiến mà đánh úp ta.

Hội nghị rất hoan nghênh Chính phủ đã cử đoàn đại biểu đi dự Hội nghị liên Á để gây tình thân thiện giữa dân tộc ta và dân tộc châu Á và gây thiện cảm với các nước yêu chuộng công lý hoà bình.

3. Tài chính kinh tế

Căn cứ vào chính sách chung trong thời kỳ kháng chiến, hiện cần chú trọng nhất mấy việc này:

a) *Về kinh tế:* nhà "Nông nghiệp tín dụng" bỏ tiền cho nông dân vay để tăng gia sản xuất, tổ chức việc tiếp tế gạo muối cho các vùng thiếu đề phòng nạn đói, cổ động tư nhân tham gia việc này và huy động lực lượng của Tổng Liên đoàn và các tổ chức thanh niên, nông dân giúp việc chuyên chở kiểm soát ngoại thương một cách hợp lý và vừa để các nhà buôn khỏi oán.

Tổ chức các trại sinh sản phải thích hợp với tình thế chiến tranh. Tránh những kế hoạch viển vông và tả khuynh. Đoàn thể dành một số cán bộ cho phụ trách công việc kinh tế (nếu có đồng chí có năng lực, về kinh tế và hiện nay đang mắc công tác trong chính trị hay quân sự thì phải rút ra. Các cấp Đảng bộ và các đảng đoàn trong các cơ quan phải giới thiệu cho Trung ương những cán bộ có năng lực về kinh tế đó).

b) *Về tài chính:* sản xuất trong sự chi tiêu, kiểm soát chi tiêu các địa phương để dự trù việc phân phối tài chính, đề phòng giao thông bị nghẽn, trữ tiền Đông Dương để sẽ dùng cho các vùng bị chiếm và ngoại thương.

Tiền Việt Nam phải cổ động cho nhân dân tiêu dùng nhất là ở những tỉnh địch chiếm đóng. Trừng trị những kẻ đầu cơ, buôn bán tiền tệ để giữ vững giá bạc Việt Nam.

Các tỉnh phải kê khai ngay những số tiền do Bộ Tài chính gửi và nếu nơi nào đã vay vào những số tiền ấy để tiêu về kháng chiến vì chậm nhận được tiền của thượng cấp thì phải cấp tốc báo cáo các khoản chi tiêu cho Bộ Tài chính biết.

4. Di cư tản cư

Các khu, các địa phương chú ý thi hành việc di cư tản cư cho đúng, và sửa chữa những khuyết điểm. Nói chung thì tới một mức nào, công việc di cư phải đình chỉ. Nên di cư những miền nào bị Pháp chiếm đóng hay trực tiếp khủng bố hằng ngày (các vùng xung quanh đô thị hoặc sát đường giao thông), những nơi chúng chỉ kéo đến cướp bóc thì chỉ nên cho dân tản sang các làng khác rồi khi địch đi khỏi lại về làm ăn như thường, muốn thế phải tổ chức việc canh phòng, báo động ngày đêm và bầy cho dân cách sinh hoạt gọn gàng giản dị, cất bớt đồ đạc của cải.

Hiện nay vì sợ đói nên nhiều người di cư muốn về, nếu xét những vùng có thể cho họ về được (không bị Pháp lợi dụng hoặc khủng bố) thì phải bầy kế hoạch cho họ về, làm cho họ tích cực tham gia công việc tổ chức chung, như làng kháng chiến, hoặc làm vườn không nhà trống khi địch đến.

Đoàn thể phải phái cán bộ có năng lực đến công tác các vùng di cư, tản cư đông, cũng như các vùng có người trở về đông.

5. Vấn đề giáo dục

Công việc giáo dục phải thích hợp với thời kỳ kháng chiến, nghĩa là:

a) Chương trình học phải thiết thực, nhằm mục đích đào tạo nhân tài, cần dùng cho kháng chiến trước hết, về tất cả các ngành y tế, canh nông, quân giới cũng như thương mại, ngoại giao, v.v...

b) Học sinh phải vừa học vừa tham gia sản xuất, để tự túc tự cấp một phần nào, v.v...

c) Tiếp tục phát triển bình dân học vụ.

d) Chú ý mở trường ở các vùng quốc dân thiểu số.

6. Chống chính quyền bù nhìn

Ra sức vượt mọi khó khăn để duy trì và củng cố Chính quyền nhân dân ở vùng địch chiếm, tìm hết cách trừng trị, bao vây bọn bù nhìn, hoặc tuỳ tình thế mà lợi dụng chính quyền bù nhìn dò xét, bao vây lại quân địch.

7. Dân vận

a) Việt Minh:

- Phát triển Việt Minh ở những chỗ xung yếu: các vùng căn cứ địa, đường giao thông quan trọng, các đồn điền và các trại di cư... củng cố tổ chức Việt Minh tại các vùng địch kiểm soát.

- Những tổ chức ở các vùng bị chiếm phải chuyển qua bí mật, ở các vùng tự do, cũng phải chuẩn bị cho một bộ phận bí mật phòng chiến tranh lan rộng bộ máy tổ chức đã sẵn sàng.

- Lập những tổ chức thích hợp với hoàn cảnh mới. Thí dụ nơi nào thanh niên cứu quốc, công giáo cứu quốc không thu hút được quần chúng thì tổ chức ra thanh niên kháng chiến, công giáo kháng chiến, trong các thành phố địch chiếm đóng thì tổ chức những tiểu tổ bí mật, trinh sát, thông tin, tiểu tổ du kích, đội "danh dự" tiểu tổ phá hoại, hay những câu lạc bộ, đoàn thể văn hoá, hợp tác công khai, v.v...

- Tùy theo sự cần thiết mà thống nhất hệ thống của các tổ chức các giới, ở các nơi đang chiến đấu nên thống nhất hệ thống ngang ngay, khiến cho công việc được nhanh chóng, v.v...

- Có lấy người ngoài đoàn thể vào các Ban Chấp hành Việt Minh các cấp để tránh cô độc hẹp hòi, và đào tạo thêm người làm việc...

- Chấn chỉnh Tổng bộ như sau này:

Chỉ định một số đồng chí làm đảng đoàn trong Tổng bộ;

Các đồng chí sẽ đề nghị lấy một số người ngoài đoàn thể để tổ chức lại Tổng bộ. Trong số người ấy, phải có đủ đại biểu các tổ chức có chân trong Việt Minh.

Phân định công việc rõ ràng, giữa Trung ương và Tổng bộ Việt Minh.

- Trừng trị nghiêm ngặt cán bộ Việt Minh phạm lỗi để gây tinh thần trách nhiệm. Khen thưởng để khuyến khích những người giỏi.

- Mỗi tỉnh phải lập sổ thống kê các chiến sĩ Việt Minh đã hy sinh hay có công với kháng chiến và tập trung lên khu để gửi lên Tổng bộ Việt Minh.

- Tổng bộ và các khu bộ Việt Minh cần có một số người đi kiểm tra củ soát các địa phương (việc này có thể làm chung với đoàn thể).

b) Hội Liên Việt:

- Đánh đổ quan niệm sai lầm cho rằng Liên Việt không cần trong khi kháng chiến, do đó sinh ra khuynh hướng thủ tiêu hội ấy.

- Trung ương cũng như các khu ủy phải cử người phụ trách Hội Liên Việt, làm cho vai trò của hội này nổi bật lên.

- Đảng đoàn Chính phủ phải vận động để Chính phủ cấp cho tờ báo: *Toàn dân kháng chiến,* cơ quan của Hội Liên Việt, phải chú ý đến những chiến sĩ hiện chưa có công tác gì để giao việc cho họ.

- Họp cuộc hội nghị của một số người sáng lập ra Hội Liên Việt đã thông qua chương trình hoạt động của hội mới dự thảo.

- Lấy hình thức hội "ủng hộ kháng chiến" như một vài khu đã làm (như Khu 10) để cho các chiến sĩ trong Hội Liên Việt hoạt động.

c) Công vận:

- Những nơi địch chiếm đóng mà công nhân còn làm việc thì phải tổ chức ngay công đoàn bí mật để tranh đấu, phá hoại làm tê liệt bộ máy kinh tế của địch.

- Tập trung công nhân đã tản mát vào các xí nghiệp mới tổ chức để cho giai cấp công nhân đỡ rời rạc.

- Tổ chức các trại kiểu mẫu của Tổng Liên đoàn, định chương trình sản xuất, huấn luyện quân sự và võ trang cho công nhân ở đó.

- Tổ chức các đoàn công nhân chuyên chở, xung phong cản địch, xung phong phá hoại và ngăn sông, có anh em chài lưới tham gia (về việc này cần thống nhất với quốc phòng).

- Xí nghiệp nào, trại sản xuất nào cũng phải tổ chức đội tự vệ hay đội du kích của công nhân.

- Làm cho Tổng Liên đoàn Lao động thực tế giúp việc tổ chức giúp các trại di cư, tìm chỗ chuyên môn cung cấp cho các cơ quan.

- Mở các lớp huấn luyện đào tạo các công nhân chuyên nghiệp.

- Cho tờ báo *Lao động* ra lại.

- Chính phủ đặt mề đay "Anh hùng lao động" để khuyến khích tăng gia sản xuất.

- Chấn chỉnh Tổng Liên đoàn Lao động và các liên đoàn, liên hiệp các nơi.

- Cán bộ của Tổng Liên đoàn, đoàn thể phải trả lại cho Tổng Liên đoàn (trừ trường hợp đặc biệt) và từ nay không tự ý điều động cán bộ của Tổng Liên đoàn (mặc dầu là đảng viên) nếu không thương lượng với Tổng Liên đoàn trước.

d) Nông vận:

- Cổ động nông dân nhiệt liệt tham gia dân quân, tổ chức làng kháng chiến, giúp đỡ bộ đội tác chiến, phá hoại cản địch, tiếp tế vận tải, đồng thời hết sức tăng gia sản xuất và chăn nuôi.

- Phát triển những tổ chức hợp tác xã và các phường, các hội có tính chất làm đổi công, hoặc giúp đỡ nhau trong khi gặt hái, làm mùa.

- Giúp đỡ cho nông dân (ví dụ nông nghiệp tín dụng cho vay tiền) khuyến khích bằng cách khen thưởng, nêu gương nhà nông gương mẫu, tổ chức triển lãm nông phẩm, ưu đãi gia đình nông dân có người ra mặt trận hay chết trận.

- Ra sức vận động vệ sinh và chống mù chữ trong thôn quê.

- Đặc biệt chú ý cổ động nông dân phòng lụt (chữa đê, hộ đê làm sàn, làm chòi cất thóc, đan thuyền).

- Bộ đội và dân quân phải giúp đỡ nông dân các vùng địch kiểm soát gặt hái, làm mùa, cất giấu nông sản.

e) Thanh vận:

- Nhiệm vụ thiết thực của thanh niên trong thời kỳ này là: tham gia bộ đội dân quân để tác chiến, tuyên truyền xung phong và tăng gia sản xuất xung phong, giúp đỡ việc di cư tản cư, bình dân học vụ và tiểu học vụ, đoàn kết các hạng thanh niên, động viên thanh niên ra cứu quốc.

- Chấn chỉnh Đoàn thanh niên Việt Nam, để thống nhất thanh niên các giới.

- Xuất bản tờ báo riêng của thanh niên.

- Nêu gương thiếu niên anh hùng.

- Chú trọng đào tạo cán bộ cho phong trào thanh niên và giúp đỡ phong trào ấy những lãnh tụ có năng lực và được thanh niên tín nhiệm.

- Làm cho phong trào thanh niên Việt Nam và nói chung phong trào thanh niên Đông Dương liên lạc mật thiết với phong trào thanh niên thế giới.

f) Phụ vận:

- Cổ động phụ nữ tham gia các việc úy lạo binh sĩ, cứu thương, tuyên truyền xung phong, tiếp tế, tăng gia sản xuất, v.v...

- Nêu gương hy sinh tận tụy của chị em phụ nữ.

- Giúp đỡ các gia đình các chiến sĩ.

- Chấn chỉnh Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

- Triệt để bài trừ nạn xích mích đố kỵ trong các cơ quan phụ vận, hay giữa các cán bộ phụ nữ.

- Đào tạo cán bộ phụ nữ, dần dần đưa cán bộ phụ nữ lên các cơ quan chỉ đạo của đoàn thể.

g) Vận động đồng bào có đạo:

- Thực dân Pháp đang cố lừa phỉnh và lôi kéo đồng bào Công giáo, Cao đài, Hoà hảo, v.v... để phá Mặt trận dân tộc thống nhất của ta. Nên vấn đề vận động đồng bào theo các đạo là một việc trọng yếu, bậc nhất trong công tác dân vận.

- Phải gọt giũa thành kiến cho các giáo dân và giáo sĩ đều là phản động. Hiện nay giáo dân phần nhiều yêu nước, nhưng sợ cộng sản do sự phản tuyên truyền của địch, hay do sự hiểu lầm, phần đông giáo dân tưởng Việt Minh là cộng sản và Chính phủ ta cũng là Chính phủ cộng sản nên họ sợ cộng tác với Việt Minh, vài nơi có tỏ thái độ thờ ơ đối với Chính phủ, ta phải hết sức vạch rõ mưu gian của địch chỉ rõ tính chất và mục đích của Việt Minh và của Chính phủ để đánh tan sự hiểu lầm nói trên.

- Phương pháp vận động đồng bào theo đạo gồm mấy điểm dưới đây:

Dùng những tài liệu xác thực về việc giặc tàn sát, hãm hiếp giáo dân, và phá hoại nhà thờ, đền chùa để tuyên truyền.

Dùng tôn giáo để khích lệ tinh thần yêu nước của giáo dân (tổ chức lễ cầu hồn các chiến sĩ, các nhà thờ cầu hồn cho các giáo dân bị giặc tàn sát, v.v...).

Lợi dụng triệt để sự mâu thuẫn hiện có giữa cố Tây và cố ta để thuyết phục cố ta, nhưng đồng thời hết sức trung lập với cố Tây và dùng cố ta tốt thuyết phục cố Tây.

Đề nghị những cha cố gần mình đứng ra kêu gọi những con chiên đoàn kết chống giặc, bảo vệ Tổ quốc và tôn giáo; nêu gương những người Công giáo yêu nước.

Đưa những cha cố cảm tình vào các Ủy ban kháng chiến các tổ chức úy lạo binh sĩ. Lương giáo đoàn kết, chấp hành Hội Liên Việt địa phương, v.v...

Trong cuộc kháng chiến, nếu cá nhân cha cố nào làm tay sai cho Pháp có đủ bằng cớ xác thực, thì thẳng tay trừng trị và phải giải thích cho giáo dân khỏi hiểu lầm, hoang mang.

Nơi nào nhà thờ hay tự vệ Công giáo có súng, mà có ý thân Pháp thì phải bao vây chặt chẽ và đề phòng, hễ có hành động gì khác thì đối phó ngay. Khi đó phải nêu cao các khẩu hiệu như: "chỉ trị bọn phản quốc, không chống Công giáo", "đồng bào Công giáo giúp Chính phủ trừng trị bọn phản quốc", tuyệt đối không được dùng lối khủng bố bắt ép khi Pháp đến, mà phải tìm hết cách thuyết phục giáo dân.

Không nên vì tiêu thổ kháng chiến mà phá các chuông nhà thờ, trừ khi các nhà giáo dân nhận rõ sự phá hoại đó là cần để bảo vệ địa phương và tán thành phá (trừ khi gặp trường hợp ấy thì trước khi phá phải làm lễ rước thánh giá đi nơi khác cho trọng thể).

Chú ý đặc biệt đến thanh niên Công giáo, dụ họ vào những hình thức tổ chức thiết thực như đội tuyên truyền xung phong, đội phá hoại, dân quân du kích, đội trừ gian, v.v...

Đặc biệt chủ trương đào tạo cán bộ trong Công giáo, phải thuyết phục cho được những bậc lão thành, có tín nhiệm trong Công giáo, đào tạo cho họ thành những cán bộ bán chuyên nghiệp đi vận động Công giáo.

Họp hội nghị cán bộ vận động Công giáo, Cao đài, v.v... để trao đổi kinh nghiệm.

Những đồng chí dòng Đạo sau khi giác ngộ, tuyệt đối không được tỏ thái độ bật lịch Công giáo, trái lại phải làm đúng như mọi tín đồ ngoan đạo khác để gần gũi giáo dân.

h) Vận động dân tộc thiểu số:

- Việc vận động dân tộc thiểu số cũng là một việc rất quan trọng vì Pháp đang âm mưu kéo quốc dân thiểu số lập vùng tự trị.

- Cần chú trọng mấy điểm dưới đây:

Chú ý cải thiện cho quốc dân thiểu số bằng những cách như xá thuế, tiếp tế muối, v.v...

Chú ý mở trường, mở bình dân học vụ và vận động vệ sinh ở các vùng quốc dân thiểu số.

Nêu cao tinh thần chống Pháp - Nhật của quốc dân thiểu số trong hơn 80 năm nô lệ, nhất là trong mấy năm dưới ách Nhật - Pháp.

Tôn trọng phong tục, phát huy năng lực của quốc dân thiểu số.

Hết sức thuyết phục và cảm hoá các lang, phìa, thổ ty, nên đưa những phần tử tốt vào Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính. Khen thưởng những người có công, giám thị những kẻ không tốt, đồng thời ngăn ngừa phong trào "tự trị, phân liệt" và nếu cần phải trừng trị thẳng cánh bọn phản bội và phá hoại thống nhất.

Ra sức củng cố những tổ chức của quần chúng quốc dân thiểu số dựa vào những quần chúng ấy mà đối phó với bọn phản bội.

Hình thức tổ chức và tuyên truyền trong các vùng quốc dân thiểu số phải đơn giản thiết thực.

Đoàn thể phải có Ủy ban vận động quốc dân thiểu số riêng cho từng vùng quốc dân thiểu số và năng họp hội nghị cán bộ vận động quốc dân thiểu số để kiểm duyệt chính sách, trao đổi kinh nghiệm và định nhiệm vụ mới.

- Đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ người thiểu số và nâng đỡ các cán bộ ấy, đưa họ vào các cơ quan chỉ đạo địa phương.

- Cán bộ đa số hoạt động trong vùng thiểu số phải học tiếng địa phương.

i) Địch vận:

- Tác chiến quan trọng thế nào thì địch vận cũng cần như thế. Công tác địch vận không phải của riêng bộ đội, mà cả đoàn thể cũng phải làm.

- Phải dùng mọi hình thức nắm lấy mọi cơ hội mà tuyên truyền làm tan rã tinh thần quân địch, làm cho binh lính địch nhận rõ ta với họ có chung một kẻ thù là phản động Pháp, khiến họ thoả hiệp với ta, vác súng chạy sang hàng ngũ ta.

- Tuyên truyền binh lính địch không nên dùng những tiếng nặng mà chỉ trích họ hoặc mạt sát tinh thần dân tộc của họ, trái lại phải ca ngợi tinh thần ấy, nhưng đồng thời dùng lời lẽ thống thiết và giản dị chỉ cho họ thấy hy sinh cho thực dân là hy sinh suông; giúp đỡ cách mạng Việt Nam là tự giúp mình.

- Dùng truyền đơn, sách báo, dùng loa kêu gọi ngoài mặt trận (nếu có điều kiện) để tuyên truyền, nhưng cũng có thể như thuốc lá bánh kẹo, v.v... mà gây thiện cảm để tuyên truyền.

- Làm cho lính Pháp thấy rõ chiến tranh kéo dài ở Việt Nam thì họ và đồng bào họ bên Pháp càng ngày càng thiếu thốn, khổ sở. Trái lại, chạy sang hàng ngũ ta thì họ được biệt đãi và phản đối chiến tranh, rồi về nước để cải tạo lại nước Pháp là một cách yêu nước, cứu nòi.

- Chú trọng tuyên truyền lính Đức trong đám lính lê dương vì bọn này bị bọn Pháp bạc đãi và họ đã chán đánh hộ cho Pháp.

- Phải tuyên truyền thuyết phục cả bọn Việt gian thân Pháp.

- Bất cứ trường hợp nào cũng phải biệt đãi tù binh, nên dùng tù binh để giác ngộ kêu gọi lính Pháp và dân Pháp phản chiến.

- Định rõ kế hoạch cho bọn lính Đức hoặc Pháp muốn chạy sang phía ta thì phải làm thế nào, đồng thời cũng thông tri cho vệ quốc đoàn và dân quân, tự vệ biết kế hoạch ấy để thu nạp họ. Nhưng phải đề phòng bọn thực dân Pháp tương kế tựu kế, cho lính Pháp trá hàng để lập mẹo bắn ta như đã xảy ra ở một vài nơi, hoặc chui vào hàng ngũ ta. Nên phải hết sức thận trọng khi thu dụng lính Pháp đảo ngũ.

k) Vận động Hoa kiều:

- Phải tôn trọng tính mạng tài sản của Hoa kiều. Cần phân biệt Hoa kiều với bọn thổ phỉ làm tay sai cho Pháp cần phải trừ khử.

- Giúp Hoa kiều di cư tản cư, tổ chức việc chẩn tế cho họ.

- Không nên phá những nhà Hoa kiều ở các tỉnh có lệnh tiêu thổ, nếu không được Hoa kiều đồng ý và nếu đặc biệt nơi nào lợi ích quân sự bắt buộc phải phá, thì tìm cho chủ nhà di cư đi nơi khác có chỗ ở và ghi lấy giá nhà để sau này Chính phủ đền tiền.

- Dùng cán bộ Hoa kiều mà vận động Hoa kiều nhưng lại phải chống lại khuynh hướng cô độc hẹp hòi tả khuynh của một số cán bộ ấy định đem cách thức và khẩu hiệu tuyên truyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc mà áp dụng

một cách máy móc vào hoàn cảnh Việt Nam và không để ý đến ảnh hưởng công tác của mình đối với việc ngoại giao của Chính phủ Việt Nam.

- Phải đặc biệt đề phòng bọn đặc vụ định lợi dụng công tác Hoa vận và tình báo của ta mà luồn vào hàng ngũ ta.

- Chấn chỉnh Ủy ban Hoa vận và giao cho một số đồng chí phụ trách hẳn hoi.

8. Tuyên truyền cổ động và động viên tinh thần toàn dân kháng chiến

a) Công việc tuyên truyền kháng chiến phải:

- Kịp thời đừng theo đuôi thời cuộc.

- Nhấn mạnh vào khẩu hiệu chính và nắm lấy vấn đề chính mà tuyên truyền.

- Thông tin; cảm dịch.

- Kích thích tinh thần yêu nước của nhân dân và làm sâu vào mối căm thù của dân tộc đối với Pháp.

- Làm cho nhân dân tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng.

- Giữ vững đại đoàn kết.

- Phê bình chỉ trích các cơ quan, các cán bộ chứ không phải chỉ khen ngợi mà thôi. Chống thủ đoạn tuyên truyền của Pháp, ăn miếng giả miếng.

b) Muốn động viên nhân dân phải nói cho nhân dân hiểu rõ mục đích kháng chiến và bổn phận của mỗi người trong cuộc kháng chiến, gây một phong trào tham gia kháng chiến về mọi mặt. Làm cho ai nấy đều sẵn sàng hy sinh tất cả để cứu nước cứu nòi.

- Hiện nay nhiều nơi còn ỳ ra hay "thái bình" như không, nhiều nơi thì việc động viên thì phơn phớt bên trên hoặc không được xác thực cụ thể, hoặc chỉ động viên sôi nổi một lúc rồi thôi, phải kịp sửa đổi tình trạng ấy.

- Những đội tuyên truyền xung phong, những ban tuyên truyền kháng chiến, các chính trị viên trong bộ đội, các đoàn văn nghệ sĩ phải dùng hết cách (nói chuyện, diễn thuyết, ca kịch, hoà nhạc, vẽ tranh vẽ sách, viết báo, v.v...) làm sôi nổi toàn dân, theo khẩu hiệu giữ vững toàn dân đoàn kết, ủng hộ Chính phủ kháng chiến đến cùng.

c) Chú ý dùng các hình thức tuyên truyền để cảm hoá quần chúng như: kịch ngắn, tranh vẽ báo tường, truyền đơn, bài hát (ca hát bội, hát trống quân, v.v...).

d) Về báo Cứu quốc:

- Chú trọng việc tuyên truyền trong nước hơn việc tuyên truyền quốc tế, nhưng cũng không thể sao lãng việc tuyên truyền quốc tế, về những vấn đề chính, vì báo *Cứu quốc* hiện được như tờ báo phản ánh ý kiến của Chính phủ và cả toàn dân, bớt tuyên truyền lý luận suông, mà nêu ra những việc cụ thể, những gương chiến đấu ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương (các khu cần cung cấp tài liệu cho báo *Cứu quốc* làm việc này).

- Các đồng chí trong Chính phủ phải đề nghị Chính phủ phụ cấp cho báo *Cứu quốc*.

- Hội nghị giao cho Ban tuyên truyền Trung ương nghĩ cách làm sao cho tờ báo *Cứu quốc* đến tay quần chúng và thật phổ biến khắp nơi (cải thiện việc phát hành và thực hiện việc in báo *Cứu quốc* ở các khu).

- Phải chấn chỉnh lại bộ biên tập báo *Cứu quốc* làm cho nó có sáng kiến về chính trị, khỏi mắc phải những điểm hớ hênh và lộ bí mật và đồng thời biết nắm lấy những vấn đề chính trị trọng yếu mà làm bật lên trên mặt báo.

e) Về báo Sự thật: làm cho tờ báo *Sự thật* xứng đáng là cơ quan tuyên truyền cổ động Trung ương của đoàn thể, làm tròn nhiệm vụ tuyên truyền và tổ chức, giữ vững chủ trương đường lối chính trị và phổ thông, phổ biến kinh nghiệm và thực hành.

Bởi vậy phải:

- Trung ương chọn thêm đồng chí có năng lực phụ trách tờ báo *Sự thật* và bổ sung bộ biên tập.

- Các đồng chí cấp cao phụ trách các ngành công tác hành chính, quân sự, chuyên môn, v.v... có nhiệm vụ viết bài cho *Sự thật*.

- Tất cả đoàn thể phải ủng hộ tờ báo về mọi mặt, thông tin phát hành, tài chính và phải tổ chức việc đọc báo ở các chi bộ, giải thích những ý kiến trong tờ báo cho quần chúng nghe.

- Hội nghị phê bình thái độ thờ ơ từ trước đến nay của các đồng chí phụ trách các cấp đối với tờ báo *Sự thật,* do chỗ thiếu đoàn thể tính, do chủ nghĩa sự vụ hẹp hòi và đầu óc địa phương mà có. Trung ương ra một bức thư, chỉ thị về việc giúp đỡ báo *Sự thật* và vạch rõ nhiệm vụ của mỗi cấp bộ, mỗi đồng chí đối với tờ báo của đoàn thể.

- Tổ chức việc đánh mã điện (morse) các bài quan hệ trong *Sự thật* và *Cứu quốc* đi các nơi khác.

f) Về Nhà Thông tin và Đài phát thanh Trung ương:

- Chú trọng tuyên truyền quốc tế, nhưng đồng thời cũng phải nhận rõ nhiệm vụ trọng yếu của thông tin tuyên truyền và đài phát thanh trong nước, trong thời kỳ giao thông liên lạc khó khăn này.

- Phải tìm kiếm thêm tài liệu và chứng cớ mới để tiếp tục vạch rõ mưu gian và chỗ bội nghĩa của Pháp và tính chất tự vệ chính đáng của cuộc kháng chiến của ta (các địa phương như Hải Phòng, Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương và các tỉnh miền Nam phải gửi về cho Nhà Thông tin những tài liệu xác thực về nơi mình).

- Kêu gọi nhân dân Pháp, các đoàn thể và các phần tử dân chủ Pháp, các dân tộc bị áp bức và lực lượng hoà bình dân chủ trên thế giới đồng tình với ta chống phản động Pháp.

- Phổ biến chính sách của Chính phủ trong nước và dìu dắt dư luận trong nước.

- Không nên bịa đặt những tin quá to làm cho dư luận ngoài sinh hoài nghi đài phát thanh của ta.

- Chú ý bổ sung và cải thiện kỹ thuật phát thanh và liên lạc để lợi việc thông tin tuyên truyền trong nước và ngoài nước.

- Các đồng chí trong Nhà Thông tin tuyên truyền Trung ương và địa phương có nhiệm vụ công tác với các ban tuyên truyền các cấp của đoàn thể và để lập Bảo tàng kháng chiến và Bảo tàng cách mạng.

- Họp hội nghị cán bộ thông tin tuyên truyền toàn quốc định rõ phương châm và nhiệm vụ tuyên truyền kháng chiến và động viên tinh thần toàn dân.

g) Huấn luyện:

- Mặc dầu bận rộn kháng chiến cũng không được ngừng việc huấn luyện vì càng kháng chiến lâu dài càng cần nhiều cán bộ mới và nâng cao trình độ cán bộ cũ.

- Các tỉnh phải mở những lớp huấn luyện công tác thực tế và kinh nghiệm rất ngắn kỳ cho các đồng chí chi bộ và cán bộ mặt trận. Các khu cũng phải tuỳ tiện mở lớp huấn luyện đào tạo các cán bộ cho tỉnh trong khu.

- Trung ương sẽ mở một lớp đào tạo một số huấn luyện viên cho các khu để về địa phương phụ trách huấn luyện. Thêm huấn luyện viên vào lớp huấn luyện Trung ương.

- Phải tẩy trừ lối huấn luyện viển vông không thực tế, không hợp với trình độ của người huấn luyện.

- Trung ương phải duyệt lại các bài và các tài liệu huấn luyện của đoàn thể (từ các bài huấn luyện của các cấp dưới, kể cả các lớp huấn luyện chuyên môn do hành chính công an tổ chức) để phát cho các cấp bộ. Lưu hành các tài liệu đã dịch được mà chưa đủ điều kiện để in, cho các cán bộ các cấp nghiên cứu.

- Chú ý cho các đồng chí hiện phụ trách trong bộ đội, hành chính, công an, v.v... tham gia các lớp huấn luyện của đoàn thể, v.v...

9. Phát triển và củng cố đoàn thể

a) Tiếp tục phát triển đoàn thể theo khẩu hiệu "làm cho đoàn thể thành một đoàn thể của quần chúng". Nhưng phải tránh lối phát triển ô hợp ở Lạng Sơn và Nghệ An.

b) Đặc biệt chú trọng phát triển hội trong quân đội, dân quân trong các trại sản xuất, các xưởng mới lập sau ngày kháng chiến toàn quốc, tại những nơi Pháp đóng và Mên - Lào, v.v...

c) Bổ sung Ban Trung ương (Trung ương sẽ chọn và chỉ định một số đồng chí vào làm việc trong Trung ương theo như điều lệ của đoàn thể đã cho phép), v.v...

d) Chấn chỉnh các tiểu ban của Trung ương (các tiểu ban cần phải có trong thời kỳ kháng chiến là: Tuyên truyền cổ động, Tổ chức, Dân vận, Mặt trận, Chính quyền, Quân sự, Giao thông liên lạc và An toàn khu, Tài chính, Củ soát).

e) Các đảng bộ phải chú ý phát triển và chấn chỉnh các chi bộ, làm cho sự sinh hoạt của các chi bộ được đều.

f) Tẩy rửa các khuyết điểm sai lầm theo bức thư chỉ thị của Cụ[1], nhất là ba bệnh lớn của cán bộ ta hiện nay: chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa cô độc, hẹp hòi, óc địa phương, v.v...

Đề cao tinh thần kỷ luật.

g) Khuyến khích việc học tập trong đoàn thể.

h) Sửa chữa cách làm việc cho thích hợp với thời kỳ kháng chiến.

---

1. Cụ: tức là Chủ tịch Hồ Chí Minh *(B.T)*.

i) Tổ chức việc kiểm soát trong đoàn thể và luôn luôn kiểm tra hàng ngũ, đề phòng AB[1] (nhất là trong các vùng địch kiểm soát).

k) Củng cố việc liên lạc với Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

l) Đối với các cán bộ:

- Chú trọng đào tạo cán bộ trong bộ đội và dân quân.

- Săn sóc và mạnh dạn cất nhắc những cán bộ mới, xuất sắc và có tinh thần.

- Kiểm tra cán bộ thi hành thưởng phạt cho nghiêm.

- Để cho cán bộ đã quen một việc nào đó được chuyên trách, không nên điều động thay đổi luôn.

- Bảo toàn cán bộ, giúp đỡ gia đình cán bộ.

- Nâng đỡ cán bộ phụ nữ và công nhân.

m) Về các đảng - đoàn:

- Chấn chỉnh đảng - đoàn trong Chính phủ Trung ương, chỉ định đồng chí chịu trách nhiệm để liên lạc với Trung ương (cho đồng chí ấy được dự cuộc họp nào của: "Trung kiên chỉ đạo kháng chiến" có bàn đến các vấn đề lớn, liên quan đến chính quyền).

- Các đồng chí làm việc trong cơ quan chính quyền địa phương phải thi hành chỉ thị, thông lệnh của các cơ quan hành chính cấp trên, nếu có chỗ nào không đồng ý phải báo ngay cho cấp trên của đoàn thể biết để thương lượng.

- Các đảng - đoàn trong các hội quần chúng hoặc Chính phủ có lệnh gì đưa xuống các tỉnh thì cũng phải đưa xuống cấp bộ tương đương của đoàn thể để biết, để công việc khỏi lủng củng.

- Các đồng chí làm việc trong các tổ chức chuyên môn của Chính phủ hay của hội quần chúng, phải có thái độ nhũn nhặn làm việc một cách kín đáo, lãnh đạo quần chúng bằng cách đề nghị, thuyết phục, có thái độ đoàn kết rộng rãi và thật thà công tác với người ngoài đoàn thể nơi mình hoạt động.

n) Nguyệt phí: nộp nguyệt phí là một nhiệm vụ không thể thiếu của các đồng chí chuyên nghiệp hay không cũng thế. Hội nghị quyết định nguyệt phí của đoàn thể là 1$[2]. Số tiền của các cấp phải tập trung gửi lên cấp trên ngay từ 1 tháng 5 tới đây. Từ tháng 6 trở đi chỉ phải gửi lên cấp trên 1/3.

---

1. AB (Ăngti Bolchevik): Bọn chống cộng *(B.T)*.

2. 1$: Tức một đồng Đông Dương *(B.T)*.

o) Giao thông liên lạc: họp ngay một cuộc hội nghị của ba hệ thống giao thông (quốc phòng, hành chính và đoàn thể) để nghiên cứu việc thống nhất và chấn chỉnh hệ thống giao thông liên lạc toàn quốc.

Về vô tuyến điện, sắm thêm máy móc, dùng người tin cẩn, đào tạo thêm người chuyên môn, năng thay đổi mật mã.

Hết sức lợi dụng vô tuyến điện làm phương tiện liên lạc để lãnh đạo.

*

* *

Các đồng chí,

Phản động Pháp đang giày xéo đất nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và của đoàn thể, toàn dân đứng dậy kháng chiến anh dũng. Máu các chiến sĩ hy sinh vì nước đang chảy. Chúng ta có bổn phận báo thù cho họ, noi chí họ.

Bổn phận những người cộng sản chúng ta là phải dũng cảm đi đầu trong mặt trận thống nhất dân tộc chống quân xâm lăng, giành thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Các đồng chí hãy ra sức thi hành nghị quyết trên đây để vượt mọi khó khăn, chữa mọi khuyết điểm, đưa cuộc kháng chiến đến bước thắng lợi cuối cùng.

HỘI NGHỊ CÁN BỘ TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ CỦA T.Ư*

Ngày 22 tháng 5 năm 1947

I- Ngày 25 tháng 4 năm 1947, Chính phủ ta vì mục đích hoà bình và nhân đạo đã gửi cho Chính phủ Pháp một bức thư đề nghị đình chiến để mở một cuộc đàm phán giảng hoà giữa hai nước. Bức thư này được Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám ký, được Hội đồng Chính phủ duyệt y và gửi qua Thượng sứ Bôla để chuyển cho Chính phủ Pháp.

Ngày 11 tháng 5 năm 1947, Thượng sứ Bôla phái một người đại diện đến gặp Hồ Chủ tịch và Bộ trưởng Hoàng Minh Giám. Trong cuộc hội kiến này, vị đại diện Thượng sứ Bôla nói đại khái: Pháp công nhận nước Việt Nam thống nhất và độc lập, nhưng Việt Nam phải chịu những điều kiện như dưới đây:

1) Nộp vũ khí cho quân đội Pháp;

2) Để quân đội Pháp đi lại và đóng binh tự do khắp nơi trên đất Việt Nam;

3) Giao trả những lính Pháp hay lính lê dương đảo ngũ chạy qua phía Việt Nam.

4) Tha những người Pháp và người Việt Nam thân Pháp do Chính phủ Việt Nam giam giữ, v.v...

Xem đó, bọn phản động Pháp thật là tham lam hỗn xược. Chúng định bắt ta đầu hàng nhục nhã mà nuốt chửng cái bánh vẽ độc lập và thống nhất giả hiệu. Cố nhiên Chính phủ ta cự tuyệt.

II- Đại diện Bôla nói miệng, không có công hàm và hứa sẽ có thư của Bôla xác nhận những điều kiện y nói trên.

---

* T.Ư: Trung ương (*B.T*).

Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 207.

Ta đang đòi thư chính thức trả lời của Chính phủ Pháp về việc Chính phủ ta đề nghị đình chiến thì có tin từ Sài Gòn phát đi: "Mặt trận liên hiệp quốc gia" (Pront d'union national) thành lập. Theo đài Sài Gòn của Pháp thì Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần và cả Bảo Đại cũng tham gia "mặt trận" đó. Tin này tuy chưa được lấy gì làm đích xác, nhưng thực dân Pháp phóng nó ra tức là có ý doạ Chính phủ ta rằng: nếu không nhận những điều kiện của chúng thì chúng sẽ vượt qua đầu mà dàn xếp với bọn khác.

Dù sao tin trên kia cũng chỉ rõ ra một sự thật: thực dân Pháp định dùng mưu lừa gạt dân ta và dư luận bên Pháp; chúng đang vơ vét những phần tử phản động để lập một mặt trận chống Việt Minh và chống cộng sản rồi đánh đến một mức nào đó, chúng sẽ lập một chính phủ bù nhìn toàn quốc, chống Việt Minh, chống cộng sản, mở một cuộc đàm phán với bọn đó, đặt cho bọn đó những điều kiện bán nước. Cũng có thể chúng mở đàm phán với bọn bù nhìn kia và mời Chính phủ ta tham dự. Khi ấy nếu Chính phủ ta từ chối, chúng sẽ bảo Chính phủ ta không thành thực hoà bình, là "hiếu chiến", là "khát máu", và nếu Chính phủ ta cử đại biểu đi tham dự thì tự nhiên mất quyền chủ động và giống như không còn là một Chính phủ hợp pháp của nước Việt Nam nói chuyện với Chính phủ Pháp nữa.

III- Thái độ của nhân dân và của Chính phủ ta là: kiên quyết giành cho được độc lập và thống nhất. Nếu Pháp không công nhận ta độc lập và thống nhất thì ta tiếp tục kháng chiến đến toàn thắng mới thôi.

Chỉ có Chính phủ Hồ Chí Minh là Chính phủ duy nhất hợp pháp của nước Việt Nam, thành lập theo đúng Hiến pháp, được Quốc hội Việt Nam truy nhận, thì nó mới có quyền ngoại giao với Pháp hoặc với một nước ngoài nào khác. Kẻ nào mạo nhận là thay mặt dân, đứng ra đàm phán với Pháp đều bị quốc dân coi là Việt gian, bị Chính phủ xử vào tội phản quốc, thông mưu với giặc và sẽ bị trừng trị theo pháp luật.

Pháp thừa nhận thống nhất và độc lập với bọn bù nhìn, thì nhất định thống nhất và độc lập ấy sẽ giả dối, hữu danh vô thực.

Thực dân Pháp có thể mua chuộc một bọn bán nước làm cái trò hề bù nhìn, nhưng chúng sẽ thất bại đau đớn. Vì nước Việt Nam và dân Việt Nam ngày nay khác trước xa. Vô luận chúng dùng cách gì cũng không khắc phục được hay lừa bịp nổi.

Pháp muốn giải quyết vấn đề Việt Nam thì chỉ có một cách là thẳng thắn mở cuộc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh và công nhận Việt Nam thống nhất và độc lập thực sự trong khối Liên hiệp Pháp.

IV- Như trên đã nói, lúc này mưu gian của thực dân Pháp rất thâm độc. Chống lại mưu ấy, chúng ta phải làm gì? Phải vạch rõ thủ đoạn của thực dân Pháp trước nhân dân Việt Nam, trước dư luận dân Pháp và thế giới. Đồng thời gây một phong trào rộng rãi khắp nước chống bọn phản động Pháp và bọn "bù nhìn" "Mặt trận liên hiệp quốc gia", ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Chính phủ duy nhất hợp pháp Hồ Chí Minh bằng những hình thức dưới đây:

a) Toàn thể bộ đội và dân quân phải ra sức kháng chiến, đánh ráo riết hơn để dùng hành động quân sự mà trả lời cho thực dân Pháp rằng mưu gian của chúng không lừa được quân và dân Việt Nam.

Cuộc kháng chiến càng sôi nổi mãnh liệt hơn nếu thực dân Pháp mù quáng cố ý thực hiện mưu gian ấy.

b) Họp mít tinh trong bộ đội cũng như thường dân vạch mưu gian của Pháp, hô hào đoàn kết chống quân phiệt thực dân Pháp, chống các hạng bù nhìn, biểu quyết nghị án (motion) gửi lên Chính phủ và các đoàn thể ái quốc yêu cầu kiên quyết đối phó với phản động Pháp và bọn "Mặt trận liên hiệp quốc gia".

c) Các đoàn thể ái quốc của ta khai hội, gửi điện cho Hồ Chủ tịch và Chính phủ và đánh điện cho các tổ chức dân chủ bên Pháp, như Hội Pháp - Việt Nam, Hội Nhân quyền, Tổng Liên đoàn Lao động Pháp, Đoàn thanh niên cộng hoà Pháp, Hội Phụ nữ Pháp, Đảng Xã hội Pháp, Đảng Cộng sản Pháp, v.v... yêu cầu các tổ chức ấy kiên quyết can thiệp với Chính phủ Pháp, bắt bọn phản động thuộc địa và bọn quân phiệt thực dân phải đình chỉ kế hoạch gian dối nói trên và đàm phán ngay với Chính phủ Hồ Chí Minh.

d) Rải truyền đơn hiệu triệu đồng bào của Hồ Chủ tịch và của Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, dán áp phích, phát bươm bướm, nêu cao mấy khẩu hiệu này:

- Đánh đổ bọn quân phiệt thực dân Pháp tham tàn và gian dối!
- "Mặt trận liên hiệp quốc gia" là một bọn bù nhìn bán nước cầu vinh!
- Phản đối "thống nhất" và "độc lập" bánh vẽ!
- Việt Nam chân chính thống nhất và độc lập muôn năm!
- Chính phủ Hồ Chí Minh muôn năm!
- Kháng chiến thắng lợi thành công muôn năm!

e) Trong vùng địch kiểm soát thì dùng mọi hình thức tranh đấu bí mật hay công khai (truyền đơn, áp phích, báo chí, diễn thuyết xung phong, bãi

công, bãi thị, bãi khoá, v.v...) để chống lại mưu gian của thực dân Pháp. Rải cho thật rộng bản hiệu triệu dân Pháp của Hồ Chủ tịch.

....

f) Các báo chí và Tiếng nói Việt Nam mở một cuộc tranh đấu chống mưu của Pháp và vạch rõ nếu Pháp không đàm phán với Chính phủ chính thức của Việt Nam và thành thực công nhận Việt Nam độc lập trong khối Liên hiệp Pháp (độc lập và thống nhất thực sự) thì nhân dân Việt Nam chiến đấu mãi không ngừng.

V- Trong các cuộc mít tinh cũng như trên mặt báo, cần đặc biệt chú trọng vạch mặt bọn lãnh tụ bù nhìn của "Mặt trận liên hiệp quốc gia" như bọn Nguyễn Văn Sâm, khâm sai Nam Bộ dưới thời Nhật, Lê Văn Hoạch, trùm phản quốc trong "chính phủ bù nhìn Nam Kỳ"; Nguyễn Tường Tam, tên văn sĩ dâm ô, say rượu thụt két hai triệu bạc của Chính phủ ta trốn sang Tàu, trước làm tay sai cho Nhật, sau cho Tàu, nay cho Pháp; Nguyễn Hải Thần, một tên cựu trào trong làng cọp, quên cả tiếng mẹ đẻ, làm tay sai cho Tàu, nay cho Pháp, thủ phạm tinh thần những vụ cướp của giết người ở phố "Ôn Như Hầu Hà Nội; (về việc công kích Bảo Đại nên dè dặt một chút, thái độ Bảo Đại chưa được rõ rệt và trên mặt báo, đừng nói đến Tàu, chỉ nói bọn kia làm tay sai cho nước ngoài thôi).

VI- Trong các cuộc mít tinh cũng như trên mặt báo phải đặc biệt giải thích cho nhân dân hiểu rõ thế nào là độc lập, thống nhất thực sự, thế nào là độc lập thống nhất giả hiệu, và độc lập thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp theo dân tộc ta và Chính phủ ta hiểu phải như thế nào.

Chú ý: ta đòi độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp như đã nói trong bài xã luận báo *Cứu quốc* ra ngày 27 tháng 4 năm 1947, và như Lời kêu gọi của Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam ngày 26 tháng 5 năm 1947. Còn Pháp định nhận Việt Nam độc lập và thống nhất nhưng không cho Việt Nam có quyền ngoại giao với các nước và phòng thủ nước mình (hai quyền ấy dành riêng cho Pháp); đồng thời quân Pháp tha hồ đóng trên đất Việt Nam (bất cứ đóng ở đâu và đóng đến bao giờ), nghĩa là một thứ "độc lập thống nhất" có danh không có thực.

Lại phải nhấn mạnh vào chỗ muốn độc lập và thống nhất cho ra trò, phải đoàn kết nhất trí hơn nữa, kháng chiến kiên quyết hơn nữa. Tự do không xin mà được. Tự do phải chiến đấu mà giành lấy.

VII- Chú ý làm nổi bật vai trò Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam trong cuộc vận động chống phản động Pháp và khối bù nhìn. Nhân cuộc này, ra

sức phát triển Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam để làm lợi khí đoàn kết rộng rãi toàn dân trong "mặt trận quốc gia thống nhất". Nên mời các vị nhân sĩ, các đại biểu đảng phái (kể cả Đảng Xã hội Việt Nam, Đồng minh hội, phái ông Bồ Xuân Luật và Quốc dân Đảng cải tổ), các bậc lão thành trong Công giáo và các đạo giáo khác, các nhà phú hào vô đảng phái, v.v... đứng ra hiệu triệu nhân dân chống bọn phản động Pháp và bọn bù nhìn. Nhân đó mời cho thật rộng các cá nhân và đoàn thể vào Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, làm cho hội thu hút toàn dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động Pháp và bọn bán nước.

Cần chấn chỉnh ban biên tập báo *Toàn dân kháng chiến,* khiến cho tờ báo ấy làm tròn nhiệm vụ đại đoàn kết, động viên toàn dân kháng chiến, chống phản động Pháp và Việt gian, các địa phương cần ủng hộ báo *Toàn dân kháng chiến* về mọi mặt.

*

* *

Những chỉ thị trên đây các đồng chí cần phải thi hành ngay và kết quả thế nào báo cáo cho T.Ư biết.

Thân ái và quyết thắng

THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ VỀ VIỆC VẬN ĐỘNG "MÙA ĐÔNG BINH SĨ"*

Ngày 7 tháng 9 năm 1947

Gửi các đồng chí Bí thư Khu ủy,

Việc vận động và tổ chức "Mùa đông binh sĩ" năm nay các đồng chí sẽ theo chỉ thị của Chính phủ mà thi hành.

Nhưng cần phải chú ý mấy điều:

1. Tích cực tuyên truyền vận động để cho có kết quả mỹ mãn.

2. Tránh địa phương chủ nghĩa. Các nơi, quyên được bao nhiêu phải báo cáo cho T.Ư rõ để có thể trích chỗ thừa cho chỗ thiếu.

3. Tránh bắt dân chúng ủng hộ một cách bắt buộc, làm cho thấy việc giúp đỡ binh sĩ là một cái ách cho họ. Chúng ta đã quyên của dân nhiều rồi, lần này phải để tùy nhiệt tâm của dân.

Trong những lần tổ chức quyên trước, chúng ta thường mắc mấy khuyết điểm trên. Lần này các đồng chí chú ý tránh.

Quyết thắng

T.L.B.T.V.T.Ư

THỌ

---

* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 287.

PHẢI PHÁ CUỘC TẤN CÔNG MÙA ĐÔNG CỦA GIẶC PHÁP*

Chỉ thị của T.Ư, ngày 15 tháng 10 năm 1947

I

Các đồng chí,

Địch vừa mở đầu chiến dịch mùa đông ở Bắc Bộ, bằng những cuộc nhảy dù và đổ bộ sau lưng quân ta, bằng những cuộc hành quân đánh thẳng vào Việt Bắc và chiếm đóng các thị trấn ngăn cách Việt Bắc và miền xuôi. Những trận nhảy dù và đổ bộ của quân Pháp ở Bắc Kạn (7-10-1947), Chợ Đồn (8-10-1947), Phủ Đoan (12-10-1947), Tuyên Quang (13-10-1947) đã chứng rõ.

Trừ một vài nơi xảy ra hiện tượng tan rã; còn phần nhiều, quân ta đã trấn tĩnh phản công, làm cho địch thiệt hại: học sinh quân trường võ bị B.K[1] giết hơn 80 quân nhảy dù xuống cạnh nhà trường (7-10-1947); đội cao xạ của ta ở Cao Bằng hạ được một máy bay, giết chết hơn 10 tên địch trong đó có một võ quan cao cấp Pháp, phó tham mưu đội quân Pháp miền Bắc Đông Dương (8-10-1947); vệ quốc quân đánh lui quân địch đổ bộ lên Bình Ca, thuộc Tuyên Quang (13-10-1947); vệ quốc quân và dân quân phối hợp đột kích Chợ Mới, nã đại bác phá kho của địch (15-10-1947); dân quân xã Thanh Mai (Bắc Kạn) tiêu diệt hai quân nhảy dù và đoạt một moóc chê, hai lựu đạn, một súng "côn" (8-10-1947); vệ quốc quân phản công đánh Cao Bằng (10-1947), v.v... Trong khi quân ta phản công như trên thì những đội biệt động trừ gian giết được hai tên phản quốc lợi hại Trương Đình Tri (ở Hà Nội) và Nguyễn Văn Sâm (ở Sài Gòn) làm cho cả bọn Việt gian lo sợ.

---

* Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 315.

1. B.K: Bắc Kạn *(B.T)*.

II

Cuộc tấn công mới này của địch có ba tác dụng:

1. Về quân sự:

- Đánh căn cứ địa chính của ta;

- Tìm quân chủ lực của ta hòng tiêu diệt;

- Tập kích các cơ quan, bắt cán bộ và tài liệu, phá kho tàng, xưởng máy của ta.

- Bao vây vùng Việt Bắc và cản trở việc giao thông liên lạc tiếp tế giữa Việt Bắc với miền xuôi và giữa Việt Bắc với ngoài.

2. Về chính trị:

- Lập một vài chiến công "nổi tiếng" để củng cố lòng tin của các phái đảng người Pháp chủ chiến và do đó, để vận động tuyển cử hàng tổng bên Pháp hôm 19 tháng 10 năm 1947 tới đây.

- Nhân những thắng lợi về quân sự mà xúc tiến việc thống nhất các lực lượng "phản kháng chiến" ở Việt Nam và tiến tới lập chính phủ bù nhìn toàn quốc.

- Cố chiếm đóng vùng biên giới để gạ gẫm cấu kết với các lực lượng phản động trên đất Tàu.

3. Về kinh tế.

- Phá hoại mùa màng, cướp thóc lúa;

- Triệt đường ngoại thương, tiếp tế của ta.

III

Chiến lược của địch trong trận tấn công này như thế nào?

Vì lực lượng của chúng có hạn;

Vì tình hình chính trị bên Pháp thúc bách;

Vì mưu mô lập chính phủ bù nhìn toàn quốc của chúng ở Việt Nam lâm vào một tình thế bế tắc, nhùng nhằng;

Vì chiến tranh ở miền Bắc Việt Nam là chiến tranh mùa (mùa mưa phải nghỉ, mùa tạnh cố đánh);

Nên chúng phải:

- Dành thời gian,

- Đánh táo bạo,

- Hành động tích cực về quân sự để phụng sự kế hoạch xâm lược về chính trị.

Do đó, mẹo đánh của chúng là:

1. Triệt để lợi dụng ưu điểm về kỹ thuật (máy bay, ca nô, bom, v.v...), nhảy quãng khá xa đằng sau lưng ta, tránh những vố bất ngờ, làm cho ta không kịp đối phó và bố trí ngăn cản chúng.

2. Bao vây căn cứ địa chính của ta và tìm cách tiêu diệt quân chủ lực của ta, hòng đè bẹp chí kháng chiến đáng sợ của dân tộc ta;

3. Cầm giữ quân ta trên miền rừng núi một phần nào để rảnh tay càn quét và củng cố miền xuôi, lập cơ sở cho chính quyền bù nhìn toàn quốc.

IV

Trận tấn công mùa đông của địch mới bắt đầu. Địch cố chiếm những cứ điểm trọng yếu kể cả thị trấn miền biên giới, những đường giao thông lớn; đồng thời gắng quét vùng đồng bằng và đặt hội tề, lập đội quân Việt gian, mua chuộc Cao đài, Công giáo, quan lại cũ, quốc dân thiểu số, v.v... củng cố vị trí để tiến tới lập chính quyền bù nhìn.

Nhưng lực lượng của chúng có hạn, nên cuộc tấn công này chỉ ồ ạt lúc đầu. Rồi đây do sự phản công cố gắng của ta, địch bắt buộc phải thu hẹp địa bàn chiếm đóng lại và quay ra thế thủ, càn quét các vùng chung quanh vị trí hoặc bên cạnh đường giao thông lớn.

Chiến tranh càng mau chuyển từ giai đoạn phòng ngự sang giai đoạn cầm cự và địch càng dàn quân ra càng mỏng lực lượng. Chúng đem quân lên mạn ngược là một dịp cho ta để đánh chúng miền xuôi. Chúng đóng quân nơi xa càng dễ cho ta bao vây chúng và chặt đường tiếp tế, đánh chúng một cách rất có lợi trong khi chúng vận động.

Cuộc tấn công này của địch không tỏ ra chúng mạnh, có đủ sức đánh ta khắp các mặt trận, mà tỏ ra chúng yếu, phải mạo hiểm.

Chúng ta không sợ địch, nhưng cũng không được khinh địch. Chiến tranh sẽ gay go, quyết liệt hơn. Sự đốt phá, cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc của

địch sẽ diễn ra một cách rộng rãi và tàn khốc hơn. Chiến tranh không có mặt trận sẽ hiện ra rõ rệt hơn. Đường giao thông liên lạc bị đứt đoạn; địa phương phải tự trị một phần nào. Đồng bào tản cư sẽ lâm vào cảnh bơ vơ, nheo nhóc. Đói kém, tật bệnh có thể theo gót chiến tranh mà tàn phá.

Chúng ta phải dự trước tất cả để trấn tĩnh đối phó, đối phó có kế hoạch.

V

Nhiệm vụ của ta lúc này gồm những điểm dưới đây:

1. *Quân sự và hành chính:*

- Đánh mạnh dưới đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ, khiến cho địch không thể tập trung quân đánh Việt Bắc (phát động phong trào du kích; bộ đội và dân quân du kích phối hợp, đột kích các thị trấn ở đó lực lượng địch tương đối mỏng);

- Giam chân địch tại mấy căn cứ chúng vừa chiếm (nhất là mấy thành phố và thị trấn Việt Bắc); bao vây những căn cứ đó, thu nhỏ lại thành như những hòn đảo giữa bể;

- Triệt để làm vườn không nhà trống chung quanh chỗ địch chiếm đóng, khiến cho chúng không thể ăn cướp của dân mà tự cấp dưỡng;

- Đột kích tiêu diệt địch ở các cứ điểm chúng mới chiếm, trước khi chúng củng cố được vị trí (trận Chợ Mới đánh chậm và không tích cực xung phong là một điều đáng tiếc).

- Đột kích trường bay lẻ bằng những đội cảm tử, có đủ võ khí nhiên liệu, để đốt các máy bay và phá sân bay (phục kích các ngả để ngăn địch đến ứng cứu các trường bay đó);

- Chặt đứt giao thông, liên lạc giữa các cứ điểm của địch, không cho chúng tiếp ứng và tiếp tế (ra sức phục kích và mở rộng chiến tranh địa lôi trên các đường giao thông tiếp tế lớn của chúng);

- Phá hoại triệt để các tỉnh ly, thị trấn, phủ, huyện ly, các nhà gạch bên đường địch có thể lui tới;

- Nghiêm ngặt phòng không và phòng nhảy dù. Truyền các kinh nghiệm chống nhảy dù, đổ bộ, chống bọn lính da đen *đánh rừng,* v.v... cho các nơi;

- Tập trung quân ở những dải đất cơ động, tránh phân tán vô lối;

- Ra sức chế súng kíp, lựu đạn, địa lôi phát cho dân quân và cho các "làng chiến đấu";

- Củng cố các căn cứ địa về mọi mặt hành chính, dân vận, quân sự, kinh tế, v.v... và làm cho các căn cứ địa ấy mật thiết liên lạc với nhau;

- Thu hẹp quy mô và phân tán có kế hoạch các binh công xưởng, kho tàng, vật liệu của quân giới, quân nhu, quân y, để khỏi lọt vào tay địch (các thứ trên đây không được để ở các phủ, huyện, châu lỵ hoặc ngay bên cạnh đường);

- Kiểm soát lại việc phân phối kho tàng, vật liệu, tài chính giữa các khu, phòng khi các địa phương phải tự lập trong khi chiến sự lan rộng, việc chuyển vận khó khăn;

- Quân sự hoá các cơ quan và bộ máy kháng chiến (quân, chính, dân), bộ đội cũng như dân quân phải tích cực bảo vệ các cơ quan khi đóng cũng như khi đi; tổ chức canh gác, tự vệ các cơ quan trọng yếu;

- Củng cố bộ máy hành chính và kháng chiến ở vùng địch kiểm soát. Trong tình thế tất yếu, có thể lợi dụng tổ chức hành chính công khai của địch và tổ chức hành chính và kháng chiến bí mật để tiếp tục hoạt động;

- Ra sức dùng những đội thảo phạt phá hội tề;

- Ra sức phòng gian, gác đường, xét hỏi phong tỏa tin tức;

- Bí mật kiểm soát nhân viên các cơ quan, đề phòng nội gián;

- Kế hoạch cho các trại giam tù dời vào sâu, canh gác nghiêm mật và điểm sẵn những tên nguy hiểm phải đối phó khi có việc;

- Củng cố giao thông, liên lạc, theo một hệ thống linh động và bán công khai hay bí mật;

- Thay mật mã và giờ liên lạc của các điện đài; quân sự hóa các cơ quan điện đài và mật mã;

- Cải thiện việc tình báo và công an nói chung, để hiểu rõ tình hình địch hơn nữa.

2. *Tuyên truyền cổ động:*

- Họp nhân dân làm mít tinh, giải thích vạch rõ mưu mô của địch và cổ động nhân dân đoàn kết chặt chẽ hơn, tham gia tác chiến, giúp đỡ bộ đội và tăng gia sản xuất nhiều hơn.

- Các báo chí phải chỉ cho nhân dân nhận rõ địch không thể đạt được mục đích tấn công mùa đông của chúng; đồng thời kêu gọi toàn dân và quân

ra sức phá cuộc tấn công ấy (chú ý đừng làm cho dân sợ địch, nhưng cũng không làm cho dân khinh địch).

- Ra sức tuyên truyền, đánh đổ những khuynh hướng bi quan, thỏa hiệp, cũng như những khuynh hướng sợ địch hay khinh địch nhưng không sao nhãng việc công kích chính sách dùng người Việt trị người Việt, chính sách trực lập chính phủ bù nhìn toàn quốc của chúng.

- Dùng mọi hình thức tuyên truyền và tiếp tục trừ gian trong vùng địch kiểm soát, khiến cho địch không an tâm tiến xa những nơi căn cứ chính của chúng.

- Tuyên truyền vận động lính địch (cả lính Pháp, lính lê dương, lính thuộc địa), làm cho tinh thần chúng dao động. Vạch rõ mưu gian của thực dân Pháp và những khó khăn của nước Pháp, làm cho lính Pháp chán nản, oán ghét bọn thực dân.

- Lợi dụng mọi cơ hội tuyên truyền lính bản xứ một cách thống thiết và dụ họ trở về với Chính phủ, với dân tộc, với gia đình.

- Đài phát thanh T.Ư và đài Nam Bộ phải ra sức vạch rõ mưu mô xảo quyệt của thực dân Pháp và nêu cao tinh thần quyết chiến của dân tộc Việt Nam, thống nhất ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh.

- Khu nào cũng phải lập một vài cơ quan in đá nhẹ nhàng, và chuẩn bị cơ kiện, vật liệu, tuyên truyền, ấn loát, phòng khi máy in lớn bị phá hoặc phải xếp lại, không tiện làm nữa.

3. *Kinh tế, tài chính:*

- Bộ đội đóng ở đâu, nếu chưa phải trực tiếp tham gia tác chiến thì phải giúp dân ở đó cắt lúa chín và cất lúa.

- Bộ đội và dân quân du kích phải tự vệ cho dân gặt và đánh đuổi lính Pháp, Việt gian, thổ phỉ cướp thóc và gặt lúa của dân.

- Cổ động nhân dân trồng rau, nuôi gà, nuôi lợn, trữ muối.

- Khuyến khích dân trồng bông, kéo sợi cũng như trồng lúa, chăn nuôi.

- Tiếp tục đặt đường chuyên chở, tiếp tế và đặt lại các mối ngoại thương để nhập khẩu những thứ rất cần cho quân giới, quân y.

- Phân tán các xưởng máy, kho tàng để dễ che giấu và chuyển dịch.

- Đổi giấy bạc Đông Dương hạng 100$ lấy bạc thật hay vải lụa, thuốc men, trước ngày 6 tháng 12 năm 1947, ngày giấy bạc Đông Dương 100$

không còn giá trị nữa, vì nhà Ngân hàng Đông Dương không nhận đổi giấy đó nữa.

- Mỗi khu phải lo tự cấp tự túc trong phạm vi có thể, không nên ỷ lại vào Chính phủ Trung ương.

- Tích cực thi hành chính sách tiết kiệm.

4. *Ủng hộ mùa đông binh sĩ:*

- Vì sự mất mát của quân nhu trong cuộc địch tấn công vừa rồi nên mùa đông binh sĩ năm nay có thể gặp nhiều sự khó khăn.

- Cố hết sức cổ động nhân dân ủng hộ mùa đông binh sĩ ngay cho kịp. Ra khẩu hiệu: "Mỗi làng hai áo trấn thủ hay một chăn cho bộ đội". Làng nghèo thì một áo, làng giàu có thể một chăn một áo hay hơn nữa.

- Phổ biến kiểu áo và chăn của bộ đội năm 1947 cho các làng làm cho thống nhất. Làng nào không tự làm thì có thể ủng hộ bằng tiền.

- Gắng vận động anh em thợ may, các bà, các cô may chăn, áo cho bộ đội, để đề cao tinh thần ủng hộ chiến sĩ của họ.

5. *Dân vận:*

- Đề nghị Liên Việt đứng ra hô hào cổ động toàn dân tham gia cản địch, và bộ đội thi nhau lập chiến công trong chiến dịch mùa đông này.

- Rộng rãi và mạnh dạn giúp đỡ các thân sĩ, phú hào tham gia kháng chiến về mọi mặt: kêu gọi đoàn kết, ủng hộ Chính phủ, giúp đỡ bộ đội cản địch, võ trang dân quân, tổ chức làng chiến đấu, tăng gia sản xuất.

- Động viên các tầng lớp nhân dân, nhất là công nhân, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng vào việc tham gia tác chiến, tăng gia sản xuất, giúp đỡ đồng bào tản cư, điều tra tin tức cho bộ đội, tuyên truyền kháng chiến, v.v...

- Củng cố cơ sở quần chúng trong các vùng địch chiếm đóng, hai bên các đường giao thông lớn. Phối hợp hình thức tổ chức và tranh đấu công khai và bí mật trong vùng địch kiểm soát, ngay trong các thành phố chúng tạm thời làm chủ; khôn khéo lĩnh đạo quần chúng ở các nơi đó tranh đấu đặng phát triển phong trào cứu quốc và gây thêm những khó khăn cho quân địch.

- Phát triển và củng cố cơ sở tổ chức trong các vùng công giáo và quốc dân thiểu số, bằng cách đào tạo cán bộ địa phương, tuyên truyền võ trang, huấn luyện chính trị phổ thông cho quần chúng, dạy chữ quốc ngữ. Đề nghị Chính phủ Trung ương và các cơ quan hành chính tỉnh thi hành những cải cách thích đáng để cải thiện đời sống cho quần chúng các vùng đó.

- Đặc biệt đề phòng những phần tử công giáo bất lương và những phần tử phản động trong quốc dân thiểu số làm phản, gây chia rẽ, làm nội ứng cho địch.

6. *Kiện toàn Hội:*

- Trong những lúc khó khăn như lúc này, Hội ta không vững thì không thể chèo chống nổi với tình thế. Vậy phải tiếp tục vừa phát triển Hội, vừa thanh trừ những phần tử xấu ra ngoài Hội, căn cứ vào thực chất của từng người bộc lộ ra trong những cơn thử thách nặng nề của chiến tranh.

- Kiện toàn các cơ quan chỉ đạo của Hội, sa thải những phần tử kém cỏi, nhát gan, hủ hóa ra; cất nhắc những phần tử trung thành, gan dạ và có năng lực lên. Đồng thời kiên quyết bài trừ những khuynh hướng biệt phái, chia rẽ, gièm pha, ganh tỵ vô cùng tai hại cho sự đoàn kết nội bộ, làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Hội trong bộ máy kháng chiến.

- Đặc biệt củng cố chi bộ xí nghiệp, chi bộ làng, chi bộ cơ quan, chi bộ trong các tổ chức chuyên môn, làm cho những chi bộ ấy phải thực tế, lãnh đạo được quần chúng trong mọi tình thế.

- Thi hành kỷ luật sắt của Hội, thưởng phạt cho nghiêm minh.

- Đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần hy sinh chân tình của các đồng chí và bài trừ khuynh hướng mạo hiểm, khinh địch, cũng như khuynh hướng thủ tiêu, chạy dài.

VI

Các đồng chí!

Cuộc tấn công của địch lần này phải làm cho cán bộ ta chữa được bệnh chủ quan, cho rằng địch không dám tấn công táo bạo, chưa dám đánh Việt Bắc, không dám nhảy dù hay đổ bộ xa căn cứ.

Nó lại thúc giục các cấp chỉ huy mau mau nhận rõ quy luật chiến tranh nói chung và quy luật chiến tranh Việt - Pháp.

Nó chỉ cho cán bộ chỉ đạo các cấp của phong trào ta nhận rõ: muốn thắng địch, phải đoán đúng mưu kế của địch và phải giữ bí mật mưu kế của mình.

Nó còn chỉ cho dân tộc ta thấy rằng: muốn chuyển từ giai đoạn phòng ngự (giai đoạn thứ nhất) sang giai đoạn cầm cự (giai đoạn thứ hai) phải xung phong cản địch, tiêu hao và tiêu diệt chúng, chứ không thể để cho địch

tùy tiện xông xáo, rồi tự nhiên giai đoạn cầm cự sẽ đến. Và giai đoạn cầm cự muốn đúng với danh hiệu ấy, phải là giai đoạn ta bắt địch chuyển sang thế thủ, còn ta thì tích cực chuẩn bị tổng phản công, tạo những điều kiện căn bản để chuyển sang giai đoạn thứ ba.

Cuộc tấn công lần này của địch, tỏ ra chúng mạo hiểm và khinh thường lực lượng ta. Chúng ta phải *trấn tĩnh* đối phó, vẫn phải giữ gìn chủ lực, nhưng đồng thời cũng phải nhè những chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, *những trận tiêu diệt* để nâng cao tinh thần bộ đội và củng cố lòng tin tưởng của nhân dân ở tiền đồ cuộc kháng chiến.

T.Ư khẩn thiết yêu cầu các đồng chí ra sức phấn đấu thực hiện trăm phần trăm các nhiệm vụ trên đây với tinh thần ganh đua nhẫn nại và trung dũng của người c.s.

- Tiêu diệt quân Pháp xâm lược!
- Tiêu diệt bọn bù nhìn Việt gian phản quốc!
- Phá kế hoạch tấn công mùa đông của thực dân phản động Pháp!
- Việt Nam độc lập, thống nhất muôn năm!
- Hồ Chủ tịch muôn năm!

T.V.T.Ư

II. CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ*

Hỡi đồng bào Nam Bộ!

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật hoặc công khai mò lại. Trong bốn năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa.

Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp: "Thà chết tự do hơn sống nô lệ".

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng.

Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời: "Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới trước hết là làm cho dân

---

* Báo *Cứu quốc*, số 54, ngày 29-9-1945.

Pháp biết rằng: chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước".

Nước Việt Nam độc lập muôn năm.

Đồng bào Nam Bộ muôn năm.

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI NHỮNG NGƯỜI PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG*

Hỡi những người Pháp! Tôi muốn ngỏ vài lời cùng các bạn, không lấy danh nghĩa Chủ tịch nước Cộng hoà Việt Nam, mà lấy tình một người bạn chân thật của những người Pháp lương thiện.

Các bạn yêu nước Pháp của các bạn và muốn nó độc lập. Các bạn yêu đồng bào của các bạn và muốn họ được tự do. Lòng yêu nước thương nòi này làm vẻ vang các bạn vì nó là lý tưởng cao quý nhất của loài người.

Nhưng chúng tôi cũng phải được phép yêu nước của chúng tôi và muốn nó độc lập chứ! Chúng tôi cũng phải được phép yêu đồng bào chúng tôi và muốn họ được tự do chứ! Cái mà các bạn coi là lý tưởng cũng phải là lý tưởng của chúng tôi.

Chúng tôi không ghét không thù gì dân tộc Pháp. Trái lại chúng tôi kính phục cái dân tộc lớn lao ấy đã là kẻ đầu tiên truyền bá lý tưởng rộng rãi về tự do, bình đẳng và bác ái, và đã cống hiến rất nhiều cho văn hóa, cho khoa học và cho văn minh.

Sự chiến đấu của chúng tôi không nhằm đánh vào nước Pháp, cũng không nhằm đánh vào những người Pháp lương thiện, mà chỉ chống lại sự thống trị tàn bạo ở Đông Dương của chủ nghĩa thực dân Pháp. Các bạn cũng tự hiểu cái chủ nghĩa thực dân này đã lạm dụng danh tiếng tốt của nước Pháp để bắt chúng tôi chịu những tai họa lớn như thế nào: phu sai, tạp dịch, thuế muối, cưỡng bách mua thuốc phiện và rượu, thuế má nặng nề, không một chút tự do, khủng bố không ngớt, khổ cực tinh thần và vật chất, bóc lột tàn nhẫn… Hãy thử hỏi chúng tôi khổ sở như thế, ai được hưởng lợi? Có phải nước Pháp và dân chúng Pháp không? Không, nước Pháp không trở nên giàu có hơn bởi sự bóc lột thuộc địa, và sẽ chẳng vì thiếu sự bóc lột ấy mà nghèo khó hơn. Trái lại, những khoản chi tiêu về thuộc địa còn là gánh nặng chất thêm lên lưng dân chúng Pháp.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 72 và 74, ngày 20 và 23-10-1945.

Có phải các bạn nông gia, thương gia, kỹ nghệ gia Pháp ở Đông Dương được lợi không? Trước khi trả lời, tôi muốn các bạn hãy tự đặt vào địa vị chúng tôi một chốc lát. Các bạn sẽ đối phó như thế nào nếu có người ngoại quốc đến bắt các bạn phải chịu một chuỗi dài những tai họa và đau đớn ấy? Tôi quả quyết tin rằng các bạn sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để chống lại sự thống trị ấy. Vậy thì tại sao các bạn lại muốn chúng tôi phải nhận một cách nhục nhằn sự thống trị của Pháp.

Các bạn cũng biết rằng sự thống trị ấy không có lợi cho nước Pháp cũng như cho dân Pháp. Nó chỉ làm giàu cho mấy con cá mập thuộc địa mà bôi nhọ danh tiếng nước Pháp.

Có người nói nước Pháp muốn giữ thể diện nên cố níu lấy Đông Dương? Lầm biết bao! Các nước Đồng minh đã công nhận sự độc lập của Cao Ly[1]. Nước Mỹ đã tự ý trả độc lập cho Phi Luật Tân[2]. Các nước này có vì vậy mà mất thể diện không?

Công nhận nền độc lập của Việt Nam không những không làm giảm uy tín của nước Pháp mà còn làm cho nó tăng cao trước thế giới và lịch sử. Cử chỉ này tỏ chung cho hoàn cầu và riêng cho người Việt Nam rằng nước Pháp ngày nay hoàn toàn khác nước Pháp đế quốc chủ nghĩa ngày trước. Nó sẽ được sự kính trọng của tất cả các dân tộc và lòng mến yêu của người Việt Nam vốn không mong gì hơn là Tổ quốc độc lập.

Hỡi những người Pháp ở Đông Dương! Các bạn không nghĩ rằng máu nhân loại đã chảy nhiều, rằng hoà bình - một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ phải thay chiến tranh, rằng tự do, bình đẳng, bác ái phải thực hiện trên khắp các nước không phân biệt chủng tộc và màu da ư?

Chúng tôi không sợ chết chính là vì chúng tôi muốn sống. Chúng tôi cũng như các bạn, muốn sống tự do, không có ai đè đầu bóp cổ. Bởi vậy chúng tôi đã phân biệt người Pháp tốt với người Pháp xấu.

Tôi nhắc lại, chúng tôi chiến đấu cho nền độc lập của chúng tôi, chúng tôi chiến đấu chống sự đô hộ Pháp mà không chống những người Pháp lương thiện.

Lúc này, bọn thực dân Pháp đã mở đầu sự tấn công chúng tôi ở Nam Bộ. Chúng đã bắt đầu giết bao đồng bào chúng tôi, đốt nhà cướp của của chúng

---

1. Triều Tiên.

2. Philíppin.

tôi. Chúng tôi bắt buộc phải kháng cự lại lũ xâm lăng ấy để bảo vệ gia đình, Tổ quốc chúng tôi.

Mặc dầu như vậy, trên khắp đất nước Việt Nam, sinh mệnh và tài sản của người Pháp vẫn được che chở và tiếp tục được che chở miễn là các người ấy chịu sống yên ổn và không tìm cách gây chuyện.

Tôi trịnh trọng cam đoan rằng những người Pháp làm ăn lương thiện và sống yên ổn sẽ mãi mãi được chúng tôi trọng đãi như bè bạn, như anh em. Chúng tôi là một dân tộc ưa hoà bình, trọng quyền lợi và tự do của người khác.

Những người Pháp ở Đông Dương! Bây giờ đến lượt các bạn phải tỏ ra rằng các bạn xứng đáng là con cháu những vị anh hùng vẻ vang xưa kia đã tranh đấu cho tự do, bình đẳng và bác ái.

Chào tất cả các bạn.

HỒ CHÍ MINH

LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BÀO NAM BỘ*

Hỡi đồng bào trong Nam!

Quân Pháp nấp đuôi bọn quân đội Anh đang tàn sát đồng bào ta trong xứ. Ở Mỹ Tho, ở Tân An, ở Biên Hòa, Nha Trang, quân Pháp đã xâm phạm đến nền độc lập của chúng ta. Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho hoàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu.

Mặc dầu quân Pháp có đủ khí giới tối tân, tôi biết chắc không bao giờ chúng cướp được nước ta đâu. Từ Nam chí Bắc đồng bào ta luôn luôn sẵn sàng. Mấy triệu người như một, quyết tâm đánh tan quân cướp nước. Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc.

Vì công lý, cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc ta phải toàn thắng. Quân Pháp đi đến đâu sẽ gặp cảnh đồng không nhà vắng, không người, không lương thực. Chúng ta quyết không cộng tác với chúng, không chịu sống chung với lũ thực dân Pháp.

Đồng bào trong Nam, trong một tháng nay, đã tỏ rõ tinh thần vững chắc hùng dũng, đáng làm gương cho lịch sử thế giới. Ngày nay, trước tình trạng khó khăn, toàn thể quốc dân Việt Nam hồi hộp theo cuộc chiến đấu ở Nam Bộ. Nhưng thời cuộc càng khó khăn chừng nào, tôi chắc rằng tinh thần anh chị em càng cương quyết hơn chừng ấy. Trước nạn ngoại xâm, toàn thể quốc dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một khối kiên cố, thành một lực lượng thống nhất mà không đội xâm lăng nào đánh tan được.

HỒ CHÍ MINH

---

* Báo *Cứu quốc*, số 77, ngày 29-10-1945.

TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN*

Hiện giờ nạn xâm lăng mỗi ngày một trầm trọng. Đã hơn một tháng nay, đồng bào ta ở Nam Bộ hy sinh biết bao xương máu để gìn giữ độc lập. Đối với quân Pháp hung tàn, đồng bào chúng ta trong đó đã khéo lợi dụng chiến thuật bất hợp tác, chiến thuật du kích và chiến thuật trường kỳ kháng chiến.

Nhưng muốn thắng quân địch, chỉ trông vào sức chiến đấu ở tiền phương chưa đủ. Tại sao? Vì ngày nay, một khi chiến tranh đã bùng nổ ở nơi nào, ảnh hưởng của nó sẽ lan tràn khắp các nơi khác: Chẳng những thế, nó còn ảnh hưởng sâu sắc đến tất cả các ngành hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá của toàn xứ. Có thể nói tóm tắt là chiến tranh không những chỉ phát động trong địa hạt quân sự ở tiền phương, mà còn phát động cả trong các địa hạt khác ở hậu phương.

Vì vậy, muốn kháng chiến lâu dài để tới thắng lợi cuối cùng, cần phải động viên hết thảy mọi lực lượng mới mong đi tới thắng lợi cuối cùng. Cậu bé chăm chỉ học hành trong nhà trường cũng là kháng chiến. Anh dân cày cày cuốc ngoài đồng ruộng, anh thợ cặm cụi trong nhà máy, chị bán hàng buôn bán ngược xuôi, ông già xách giỏ đi câu cũng là kháng chiến. Các công chức, các nhà văn, nhà báo mải miết trước bàn giấy, cạnh tủ sách cũng là kháng chiến. Các y sinh, khán hộ lăn lộn bên giường bệnh cũng là kháng chiến. Các nhà giàu có đem hết tài lực mở mang xưởng thợ, khai thác ruộng đất cũng là kháng chiến. Đó là toàn dân kháng chiến.

Nói tóm lại, muốn thực hiện toàn dân kháng chiến, ngoài việc động viên quân sự, chính trị, ngoại giao, còn phải động viên cả tinh thần lẫn kinh tế.

Động viên tinh thần là phải tập trung hết thảy lực lượng tinh thần, ý chí, tư tưởng của từng cá nhân và của toàn quốc dân đều hướng về một chiều để cùng đi tới một mục đích kháng chiến. Như vậy, một mặt phải chấn khởi[1]

---

* Báo *Cứu quốc*, số 83, ngày 5-11-1945.

1. Phát động.

tinh thần kháng chiến của toàn dân và một mặt làm cho họ tin tưởng ở chỗ thế nào cũng thắng lợi. Trong giờ phút nghiêm trọng, một mất một còn, quốc gia dân tộc phải đứng ở trên hết mọi sự. Nếu quyền lợi của dân tộc không còn, quyền lợi và sự nghiệp gì của cá nhân liệu có giữ được an toàn không? Kìa xem người Do Thái, chỉ vì không có nước, nên bị lăng nhục đến cực điểm, thậm chí không sao gửi chân được ở đất Đức. Rồi cả sinh mệnh và tài sản đều bị chà đạp một cách thảm thương, đau đớn.

Cho nên trước nguy cơ dân tộc, là dân tộc mất nước, phải hy sinh hết cả ý riêng, tâm tính riêng, lợi ích riêng cho đến cả tính mạng cũng không tiếc.

Hơn nữa, còn phải làm thế nào cho tất cả các tầng lớp nhân dân đều chung đúc tâm trí vào lợi ích của dân tộc mà chiến đấu. Dù đau khổ đến đâu mặc lòng, ai cũng phải trổ hết tài năng, làm hết nhiệm vụ để sáng tạo tất cả cái gì có thể giúp ích cho sự kháng chiến, để làm cho mọi việc đều được tăng tiến.

Đó là động viên tinh thần, còn động viên kinh tế là làm cho nước được giàu thêm, dân được no ấm. Chúng ta tuy tranh thủ được độc lập, nhưng lại hưởng thụ một cái gia tài hầu như đổ nát. Ruộng đất, vì giặc Pháp, Nhật vơ vét hết thóc gạo để gây thành nạn đói, nên bị bỏ hoang rất nhiều. Lại cái nạn lụt gần đây đã ngâm mấy vạn mẫu dưới làn nước đỏ. Tưởng ngày mùa này, phong đăng hòa cốc có thể đền bù vào chỗ thiếu gạo. Nào ngờ ngày mùa đã đến, đồng lúa sạch không vì lụt, vì hạn. Giặc đói sắp theo gót giặc Pháp để chôn vùi dân ta. Về công thương nghiệp, một trạng thái điêu linh đương bày ra trước mắt. Xưởng thợ, nhà máy, hầm mỏ vì chiến tranh làm thiếu nguyên liệu và khí cụ, nên phải đình đốn. Đường giao thông và khí cụ giao thông bị phá hủy la liệt, làm cho nghề buôn bán bị ngừng trệ. Về tài chính lại càng khốn quẫn nữa. Bao nhiêu vàng bạc bị giặc Pháp, Nhật cướp đi mất cả. Giặc người, giặc đói đương đày đoạ chúng ta. Ở tiền phương, đồng bào Nam Bộ gian lao kháng chiến. Nào lương thực, nào quân nhu sao cho có đủ để duy trì sức kháng chiến. Ở hậu phương, dân đói đương chờ thần chết lôi đi. Vậy cấp vụ[1] của chúng ta ngày nay là phải động viên nhân lực, động viên công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, giao thông, tài chính. Bao nhiêu trai tráng phải chịu huấn luyện vũ trang để chờ đưa ra mặt trận. Còn bao nhiêu ở lại phải gắng công, gắng sức ở đồng ruộng cũng như ở nhà máy để sản xuất ra thật nhiều thóc gạo, quân nhu, đồ dùng giúp cho chiến sĩ ngoài tiền phương, và cứu dân nghèo đói ở hậu phương.

1. Nhiệm vụ cấp bách.

Các nhà giàu có mau mau góp vốn lại mở các công ty kinh dinh công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, tài chính, giao thông để tích cực tăng gia sinh sản, lưu thông buôn bán.

Các thanh niên nên cố gắng học tập các kỹ thuật để trở thành những tay chuyên môn nhân tài ứng dụng vào các ngành thực nghiệp và các cơ quan hành chính. Ngoài ra, chúng ta còn phải cần kiệm bỏ hết mọi xa xỉ để lấy tiền cống hiến cho quỹ kháng chiến.

Nhiều sức, giàu của, mới có thể kháng chiến lâu dài. Thế thì ở hậu phương làm sao góp được nhiều sức, làm được nhiều của, đó là kháng chiến, chứ không phải chỉ ra mặt trận mới là kháng chiến.

Thực hiện được toàn dân kháng chiến, phần thắng thế nào cũng về ta.

Q.T.

LỜI KÊU GỌI KIỀU BÀO VIỆT NAM Ở PHÁP*

Đồng bào thân mến,

Dân tộc Việt Nam hết sức hoan nghênh tờ kháng nghị do các bạn nam nữ gửi cho Chính phủ Anh yêu cầu rút quân đội Anh - Ấn ở Nam Bộ về, tin tức các cuộc mít tinh của các bạn tổ chức để dân Pháp hiểu rõ tình thế hiện thời của nước nhà.

Đã năm năm nay các bạn bị gián đoạn với Tổ quốc. Các bạn không khỏi bị thiệt thòi vì cô đơn ấy, và ngoại quốc đã lợi dụng cơ hội để tuyên truyền một cách dễ dàng. Những người sinh viên hay công nhân nào, khi bước chân ra khỏi xứ sở, lại không thầm kín mong mỏi cho Tổ quốc một ngày kia sống lại trong vòng tự do và độc lập. Vì cuộc chiến đấu hiện thời của chúng ta chỉ là kết tinh của cuộc trường kỳ đề kháng mà ông cha, anh em chúng ta đã tiếp tục trong 80 năm Pháp thuộc.

Chúng ta đã chiến đấu với thực dân Pháp và phát xít Nhật. Chỉ những trang sử đẫm máu và chói lọi gần đây, chúng ta đã thấy bao nhiêu anh chị em đồng bào bị thiệt mạng vì bom đạn của đế quốc Pháp hồi 1940 trong Nam Bộ, năm 1941 ở Nghệ An, Lạng Sơn, Cao Bằng và tại nhiều tỉnh khác ở Bắc Bộ, từ 1940. Còn bao nhiêu anh chị em nữa đã gục chết trong nhà giam Côn Đảo và trong những trại giam ghê gớm hơn cả những nơi mà quân Đức dựng lên để hành hạ tội nhân.

Tháng 8 dương lịch vừa rồi, sự thành công của Mặt trận Việt Minh và sự thoái vị của vua Bảo Đại đã ràng buộc chặt chẽ những năng lực của một dân tộc muốn được sống tự do và độc lập.

Đồng bào hãy làm cho thế giới văn minh và nhất là dân tộc Pháp nghe thấy tiếng nói của Tổ quốc. Các bạn hãy chiến đấu để phá tan những sự điêu toa của bọn thực dân Pháp đang tuyên truyền một cách bỉ ổi. Sau nữa, sự

---

* Đầu đề là của chúng tôi *(B.T)*.

Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 87.

tuyên truyền ấy đứng sao vững trước những chứng cớ hiển nhiên của 80 năm Pháp thuộc và cách kháng chiến anh dũng của đồng bào chúng ta.

Muốn quay lại áp bức dân tộc ta, bọn thực dân Pháp đã giết những đàn bà, trẻ con trong từng phố và từng làng. Chúng còn nhờ quân đội Anh - Ấn, Nhật giúp sức, chúng đã dùng phi cơ, xe tăng, đại pháo và tàu chiến. Nhưng một đạo quân dù tối tân, làm trò trống gì được trước thái độ cương quyết của cả một dân tộc.

Chúng đi qua đâu, chúng sẽ thấy và chỉ sẽ thấy những đô thị trống không, nhà cửa bị đốt cháy và sự căm hờn của một dân tộc chỉ chờ cơ hội để đuổi chúng ra khỏi xứ... Vì dân tộc mà chúng tuyên truyền là giặc cướp đã tỏ cho thế giới biết sự hy sinh không bờ bến của mình.

Lịch sử nước nhà chưa bao giờ trông thấy chúng ta đoàn kết chặt chẽ như ngày nay để biểu dương ý chí mạnh mẽ của một dân tộc thích chết tự do hơn là sống nô lệ.

Chúng ta không hề thù ghét dân tộc Pháp. Chúng ta hiểu rằng: đã từng chiến đấu anh dũng với Đức, đã từng giữ vững tinh thần trong giai đoạn tối tăm của lịch sử, dân Pháp sẽ hiểu hơn ai hết những sự đớn đau và hy sinh của chúng ta. Dân Pháp sẽ can thiệp với chính phủ để ngăn cuộc đổ máu và giữ sinh mệnh cho những lương dân vô tội.

Nếu chỉ vì quyền lợi của một vài viên quan cai trị và quân nhân hay tư bản thì dân Pháp sẽ không bao giờ để người ta phí phạm những sinh mệnh Pháp.

Đồng bào hãy tỏ ra là xứng đáng với những anh em đang chiến đấu anh dũng ở Nam Bộ để bảo vệ cho nền độc lập của nước nhà.

Ngày 5 tháng 11 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

DIỄN VĂN ĐỌC TRONG "NGÀY KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC"*

Hỡi toàn quốc đồng bào!

Trong mấy năm thế giới chiến tranh, bọn thực dân Pháp đã hai lần bán rẻ nước ta cho Nhật. Như thế là chẳng những chúng đã phản lại các nước Đồng minh, giúp sức Nhật để làm cho Đồng minh tổn hại rất nhiều.

Đồng thời chúng cũng phản lại dân ta, làm cho nước ta sa vào vòng chiến tranh, bị bom đạn tàn phá. Như vậy là Pháp đã tự ra ngoài hàng ngũ Đồng minh, đã tự xé bỏ những điều ước mà chúng đã ép nước ta ký kết hồi trước.

Mặc dầu bọn thực dân Pháp như vậy, toàn quốc đồng bào ta đã kiên quyết đứng về phe Đồng minh chống lại bọn xâm lược. Đến khi quân Nhật đầu hàng, thì dân ta đồng tâm nhất trí đổi nước ta thành một nước Dân chủ Cộng hoà, cử ra Chính phủ lâm thời để sửa soạn cuộc toàn quốc đại hội và thảo ra Hiến pháp của ta.

Chúng ta làm như thế, chẳng những là hoàn toàn hợp với Hiến chương Đại Tây Dương, Cựu Kim Sơn, v.v... mà các nước Đồng minh đã trịnh trọng thề thốt tôn trọng quyền tự do, độc lập của các dân tộc, đồng thời lại hoàn toàn hợp với những tôn chỉ vẻ vang mà chính dân Pháp đã phụng thờ, tức là tự do, bình đẳng, bác ái.

Thế mà bọn thực dân Pháp, khi trước đã phản Đồng minh, phản nước ta và đầu hàng Nhật, nay lại len lỏi dưới bóng cờ của quân đội Anh và ẩn núp sau lưng binh sĩ Nhật đánh Nam Bộ nước ta.

---

* Để biểu thị sự ủng hộ cuộc chiến đấu oanh liệt của đồng bào Nam Bộ chống Pháp xâm lược, cả nước đã tổ chức "Ngày toàn quốc kháng chiến" vào ngày 5-11-1945. Tại cuộc mít tinh ở Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bài diễn văn trên *(B.T)*.

Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 90.

Chúng phá hoại cuộc hoà bình mà các nước Trung Hoa, Mỹ, Anh, Nga đã hy sinh mấy mươi triệu người mới tranh được. Chúng chống lại những lời hứa hẹn về dân chủ, tự do mà các nước Đồng minh đã tuyên bố. Chúng tự xóa bỏ tôn chỉ tự do, bình đẳng của tổ tiên chúng.

Bởi vậy, vì chính nghĩa, công lý của thế giới, vì đất nước, giống nòi của Việt Nam, mà toàn quốc đồng bào ta nổi lên tranh đấu quyết giữ vững nền độc lập của ta. Chúng ta không ghen ghét gì dân Pháp, nước Pháp, chúng ta chỉ kiên quyết chống chế độ nô lệ và chính sách tàn nhẫn của bọn thực dân Pháp. Chúng ta không đi cướp nước ai. Chúng ta chỉ giữ gìn nước ta và chống lại bọn Pháp đi cướp nước. Vì vậy, chúng ta không cô độc. Những nước yêu chuộng hoà bình và dân chủ, những dân tộc nhỏ yếu trong thế giới đều đồng tình với ta. Vì toàn dân đoàn kết ở trong, vì nhiều bạn đồng tình ở ngoài, cho nên chúng ta nhất định thắng lợi.

Gần tháng rưỡi nay, bọn thực dân Pháp hoành hành trong Nam Bộ. Đồng bào Nam Bộ đang hy sinh tranh đấu một cách oanh liệt vô cùng. Dư luận các cường quốc Trung Hoa, Mỹ, Anh, Nga đã cất tiếng duy trì chính nghĩa.

Vậy toàn quốc đồng bào ta, Nam Bộ thì ra sức kháng chiến, Trung Bộ và Bắc Bộ thì ra sức giúp đỡ đồng bào Nam Bộ và ra sức đề phòng.

Bọn thực dân Pháp phải biết rằng: dân Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hoà bình. Nhưng nếu cần phải hy sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn quyền độc lập của Việt Nam, để cho con cháu Việt Nam khỏi kiếp nô lệ, thì chúng ta vẫn kiên quyết hy sinh và kháng chiến. Vì dân Việt Nam tin chắc rằng thế nào cuộc kháng chiến này cũng thành công.

Toàn quốc kiên quyết kháng chiến.

Việt Nam độc lập muôn năm.

THẾ GIỚI VỚI VIỆT NAM*

Tự lúc giành quyền độc lập đến nay, xứ Việt Nam ta vẫn hết sức cố gắng để một mặt yên nội trị, một mặt gây thực lực chống xâm lăng và tranh thủ ngoại giao được thắng lợi. Sức cố gắng ấy đã đem lại cho chúng ta những kết quả khả quan. Bên trong, các đảng phái và tất cả các tầng lớp nhân dân đã tinh thành đoàn kết để đi tới Quốc hội và quyết liệt đối phó với bọn thực dân Pháp. Những cuộc biểu tình khổng lồ và những cuộc vận động tuyên truyền rầm rộ ở Trung, Bắc, với những cuộc chiến đấu oanh liệt trong Nam Bộ đã làm sôi nổi dư luận hoàn cầu. Đó là một triệu chứng chứng tỏ cho chúng ta biết rằng nếu chúng ta cứ tiếp tục tranh đấu, công cuộc ngoại giao của chúng ta sẽ thành công và nền độc lập của xứ ta sẽ được các nước trên thế giới thừa nhận.

Ta thử kiểm điểm lại thái độ của các nước và nhất là của Đồng minh đối với công cuộc vận động độc lập của chúng ta.

I. TRUNG HOA VỚI VIỆT NAM

Trước hết, ta xét ngay nước láng giềng của chúng ta là Trung Hoa, thực ra vì những mối quan hệ mật thiết giữa hai dân tộc Trung Việt, nên từ trước tới nay, Trung Quốc lúc nào cũng tỏ thiện cảm với công cuộc cách mạng của chúng ta. Xin trích ra dưới đây những lời tuyên bố của các nhà chính khách và quân sự Trung Hoa.

Khi quân Tàu kéo vào Việt Nam, vị Thống lĩnh tối cao Tưởng Giới Thạch đã tuyên bố rõ: "Nhiệm vụ của những quân đội ấy chỉ là để thừa nhận sự đầu hàng của Nhật, chứ không hề có dã tâm gì về lĩnh thổ. Đối với sự độc lập của các dân tộc nhược tiểu thì vẫn tán thành theo lời di chúc của Tổng lý Tôn Trung Sơn. Rất hy vọng Việt Nam sẽ được tự trị để dần dần đi tới độc lập".

---

* Báo *Cứu quốc*, số 130, ngày 31-12-1945.

Lại khi Tổng tư lệnh Hà Ứng Khâm và Tư lệnh Lư Hán qua Việt Nam cũng bày tỏ chính kiến về Việt Nam trong các cuộc hội đàm với các nhà báo.

"Thái độ của Trung Quốc đối với Việt Nam thế nào, Tưởng Chủ tịch đã từng diễn thuyết vào máy truyền thanh trong hồi tháng 8" - lời của Tổng tư lệnh Hà Ứng Khâm.

"Nước Việt Nam căn bản là của người Việt Nam. Cứ ý riêng tôi, tôi rất biểu đồng tình với sự phản kháng oanh liệt của nhân dân Việt Nam trong Nam Bộ" - lời của Tư lệnh Lư Hán.

Và trước đây Ngoại giao Bộ trưởng Tống Tử Văn cũng tuyên bố với các nhà báo ở Luân Đôn rằng:

"Đối với Việt Nam và Thái Lan, chúng tôi không có dã tâm xâm chiếm đất đai".

Đanh thép nhất là diễn từ của Tham mưu Tổng trưởng Bạch Sùng Hy đọc trước học sinh quân Việt Minh ở Quảng Tây ngày 3 tháng 11 năm 1943: "Việt Nam và Tàu có một thiên lịch sử quan hệ dài hơn 3.000 năm. Lẽ tất nhiên Trung Quốc vui lòng dùng hết sức mạnh lớn nhất giúp đỡ nhân dân Việt Nam giành lại độc lập, giải phóng cho đất nước".

Ngoài ra, đài vô tuyến điện Côn Minh luôn luôn kêu gọi dân chúng Tàu ủng hộ nền độc lập Việt Nam bằng những lời lẽ rất quyết liệt sau đây: "Pháp không thể vì lý do gì có thể trở lại Việt Nam được nữa. Cao Ly được độc lập thì Việt Nam cũng phải được độc lập. Việt Nam không phải thuộc địa của Pháp nữa. Các cường quốc liên hiệp hãy công nhận nền độc lập của Việt Nam và mang lại cho Việt Nam những sự giúp đỡ cần thiết, v.v...".

Xem thế đủ thấy nước bạn Trung Hoa chúng ta tự chính giới, quân giới cho chí dân chúng đều nhiệt liệt biểu đồng tình và viện trợ nền độc lập của chúng ta. Rất mong sự giúp đỡ bằng tinh thần đó sẽ mang lại cho chúng ta sự giúp đỡ bằng vật chất thiết thực hơn nữa.

II. HOA KỲ VỚI VIỆT NAM

Thứ nữa, chúng ta không thể quên nước bạn của chúng ta là nước Mỹ, một nước dân chủ bao giờ cũng bênh vực sự tự do, độc lập cho các dân tộc nhỏ yếu. Thấy bọn thực dân Pháp và Hà Lan đương hoành hành ở miền Nam Á châu, Tổng thống Tơruman lên tiếng cảnh báo bằng lời tuyên bố trong ngày "Hải quân" ở Nữu Ước: "Tất cả các dân tộc đã bị vũ lực đè nén đều được giải phóng

nếu sự thay đổi ấy thích hợp với quyền lợi của họ. Tất cả các dân tộc đều được tự trị lấy xứ sở mình. Họ phải có một Chính phủ tự trị của họ".

Viên phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ cũng tuyên bố về tình hình độc lập Đông Dương: "Tất nhiên không thể nói tới việc thành lập chủ quyền người Pháp ở Đông Dương. Thái độ của chúng ta đối với Nam Dương thế nào thì đối với Đông Dương cũng vậy. Chúng ta sẵn sàng giúp sức xây dựng hòa bình trong hai khu vực ấy".

Dư luận các báo Mỹ về Đông Dương lại càng sôi nổi hơn nữa. *Nữu Ước thời báo* ra ngày 27 tháng 9 viết rằng: "Dân chúng Việt Nam đã nhiều lần nổi dậy trong thời đô hộ Pháp, song những cuộc nổi dậy ấy không bao giờ quan trọng bằng bây giờ. Các cuộc khởi nghĩa ở Nam Dương và Đông Dương là những dấu hiệu tỏ lòng công phẫn ngày một tăng của cả khu vực hoàn cầu ấy đối với chính sách thực dân của Pháp và Hà Lan. Các nhà ái quốc ở những nơi này rõ ràng đòi thiết lập một Chính phủ độc lập và kết liễu chính sách thực dân. Người Việt Nam nhất định không trở lại dưới quyền người Pháp vì cái chính sách thuộc địa cũ rích của Pháp và Hà Lan là một sự đe doạ rõ ràng cho hòa bình không thể dung thứ được".

Một phóng viên Mỹ, Panlo Hop, qua thăm Việt Nam cũng đã tuyên bố rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn minh như các dân tộc khác trên thế giới, rất xứng đáng được hoàn cầu công nhận độc lập.

Những chứng cớ trên này tỏ rằng nước Mỹ đã chú ý bênh vực nền độc lập của xứ sở ta. Chúng ta có thể gửi một hy vọng lớn vào nước bạn giàu lòng nghĩa hiệp ấy.

III. NGA XÔ-VIẾT VỚI VIỆT NAM

Ngoài Trung Hoa và Mỹ, nước Nga vừa rồi đã lên tiếng kết tội bọn thực dân và bênh vực những nước nhỏ yếu chúng ta. Báo *Thời mới* ở Nga hết sức ca tụng Hoa Kỳ định diệt hẳn mầm phát xít và cho mọi dân tộc quyền tự do dân chủ. Trái lại, báo đó công kích thái độ Anh đã nâng đỡ bọn thực dân Pháp và Hà Lan trong cuộc xâm lăng Đông Dương và Nam Dương. Rồi báo đó nhắc thêm rằng cảm tình của tất cả lực lượng tiến bộ trên thế giới đã hoàn toàn thiên về những dân tộc hiện đang chiến đấu để giành tự do và rất xứng đáng được hưởng tự do. Nối lời báo *Thời mới,* Chính phủ Mạc Tư Khoa lại viết bài bình luận công kích hành động tàn ác của các nước thực dân đã ngăn cản Nam Dương trong phong trào giành độc lập tự do. Mỗi lời cảnh cáo

của Nga là một nhát búa đánh mạnh vào đầu bọn thực dân. Chúng ta rất tin tưởng ở sự can thiệp đắc lực của Nga Xô-viết.

IV. ANH CÁT LỢI VỚI VIỆT NAM

Còn nước Anh tuy vẫn giữ chính sách can thiệp vào việc Nam Dương và Đông Dương, nhưng chính sách ấy bị công kích kịch liệt. 72 nghị viên lao động Anh đã đem những vấn đề Đông Dương và Nam Dương ra chất vấn nghị viện và nghị viện cũng đã thảo luận gay gắt về những vấn đề đó. Đảng Cộng sản Anh yêu cầu Chính phủ rút ngay quân ở miền Nam châu Á về và phải thi hành đúng Hiến chương Đại Tây Dương. Các báo Anh đều lên tiếng kêu gọi Chính phủ phải thay đổi chính sách của Anh tại Á Đông. Có nhiều cuộc vận động lớn của các đoàn thể có thế lực do Đảng Cộng sản và Đảng Lao động Anh ủng hộ để buộc Chính phủ Anh phải thừa nhận nền độc lập của Đông Dương và Nam Dương.

V. CÁC NƯỚC NHỎ YẾU VỚI VIỆT NAM

Ngoài ra, Đảng quốc gia Ấn Độ ở Anh, Liên đoàn Ấn Độ ở Mỹ và nhiều dân tộc nhỏ yếu khác đã tổ chức những cuộc mít tinh phản đối chính sách thực dân và ủng hộ cuộc giải phóng dân tộc của Đông Dương và Nam Dương.

VI. HỘI NGHỊ MẠC TƯ KHOA

Lại trong cuộc hội nghị ngoại giao tam cường tại Mạc Tư Khoa, vấn đề Viễn Đông là vấn đề quan trọng được đem ra bàn luận. Tất nhiên vấn đề này phải nói tới cả vấn đề Đông Dương nữa. Kết quả cuộc hội nghị này sẽ đem lại hoà bình cho thế giới và độc lập tự do cho các dân tộc nhỏ yếu.

VII. KẾT LUẬN

Chúng ta cứ bền gan, vững chí xây đắp thực lực để kiên quyết chiến đấu, sức chiến đấu ấy sẽ làm cho hoàn cầu thừa nhận nền độc lập hoàn toàn của chúng ta.

Q.TH.

GỬI CÁC CHIẾN SĨ NAM BỘ VÀ NAM PHẦN TRUNG BỘ*

Từ ba tháng nay, các anh chị em đã đem xương máu ra để giữ lấy từng tấc đất của Tổ quốc.

Tôi, và tất cả đồng bào ở Bắc Bộ, và phía Bắc Trung Bộ, đã bao nhiêu lần tức giận khi nghe bọn thực dân Pháp đạp lên lãnh thổ của ông cha ta, giết hại nòi giống ta.

Đã bao nhiêu lần phấn khởi khi nghe những chiến công oanh liệt do những vị vô danh và hữu danh anh hùng của dân tộc tạo nên, đã bao nhiêu lần hồi hộp cảm động trước những gương hy sinh vô cùng dũng cảm của những người con yêu của Tổ quốc.

Do đó, tôi càng tin chắc rằng: với một nước đã có những người con hy sinh như thế, anh hùng như thế, đã có một khối toàn dân đoàn kết như thế, nước ta nhất định không bị mất lại một lần nữa.

Để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải chiến đấu nhiều. Chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở lực, khó khăn, chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc. Các bạn ở tiền tuyến không bao giờ cô độc, vì đã có cả một khối toàn dân đoàn kết làm hậu thuẫn cho mình. Thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

Tháng 12 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

---

* *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nxb Sự thật, H. 1958, tr. 62.

LỜI KÊU GỌI
SAU VIỆC TÀU BAY ĐỊCH TÀN SÁT ĐỒNG BÀO NAM BỘ*

Hỡi đồng bào!

Vì việc tàu bay Pháp tàn sát đồng bào ta ở Châu Đốc, và việc treo cờ Pháp ở Nhà hát Lớn Hà Nội, lòng công phẫn của đồng bào ta lên rất cao. Nhưng chúng ta không nên vì việc đó mà đi sai con đường chính trị của chúng ta. Đối với người Pháp ở đây chúng ta phải tỏ rằng:

1. Chúng ta là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, công lý, nhân đạo. Chúng ta phải khoan hồng và bảo vệ tính mệnh, tài sản cho họ.

2. Gặp hoàn cảnh nào, chúng ta cũng phải bình tĩnh, giữ trật tự, giữ kỷ luật.

3. Về cách đối đãi với người Pháp - cũng như về các việc khác - nhân dân phải tuyệt đối nghe theo mệnh lệnh của Chính phủ, không được tự ý làm bừa.

Với kiều dân Pháp ở đây, tôi cũng có mấy lời cần nói: người Pháp không nên làm điều gì có thể gây ra sự hiểu lầm cho đến xung đột. Ngoài ra, tất cả người Pháp và người Việt đều phải đề phòng bọn khiêu khích, chúng có thể nhân cơ hội này mà gây nên sự hiểu lầm và xung đột giữa người Pháp và người Việt.

HỒ CHÍ MINH

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, Nxb Tiến hoá, H. 1946, tr. 45-46.

THƯ GỬI TỔNG THỐNG HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ*

Hà Nội, ngày 16 tháng 2 năm 1946

Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hà Nội
Gửi Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Oasinhtơn, D.C

Ngài Tổng thống kính mến,

Nhân dịp này tôi xin được cảm ơn Ngài cùng nhân dân Hoa Kỳ về sự quan tâm có lợi cho các dân tộc thuộc địa mà các đại diện của Ngài tại tổ chức Liên hợp quốc đã bày tỏ.

Nhân dân Việt Nam chúng tôi, ngay từ năm 1941, đã đứng về phe các nước Đồng minh và chiến đấu chống lại người Nhật và những kẻ cấu kết với họ là bọn thực dân Pháp.

Từ năm 1941 đến năm 1945, chúng tôi đã chiến đấu gian khổ và duy trì được là nhờ chủ nghĩa yêu nước của đồng bào chúng tôi, và nhờ những cam kết của các nước Đồng minh tại Yanta, Xan Phranxixcô và Pôxđam.

Khi người Nhật bị đánh bại vào tháng 8 năm 1945, toàn bộ lãnh thổ Việt Nam được thống nhất lại dưới một Chính phủ Cộng hòa lâm thời và Chính phủ này đã lập tức đi vào hoạt động trong năm tháng hòa bình và trật tự được lập lại, một nền Cộng hòa Dân chủ được thiết lập trên những cơ sở pháp lý, và đã dành cho các nước Đồng minh sự giúp đỡ thoả đáng trong việc thực hiện sứ mệnh giải giáp của họ.

Nhưng thực dân Pháp, những kẻ trong thời chiến đã phản bội cả các nước Đồng minh lẫn nhân dân Việt Nam, đã quay lại và đang tiến hành một cuộc chiến tranh tàn sát và không thương xót đối với chúng tôi hòng lập lại ách thống trị của họ. Cuộc xâm lăng của họ đã mở rộng ở Nam Việt Nam và

---

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 175.

đang đe doạ chúng tôi ở Bắc Việt Nam. Chỉ một bản tường trình vắn tắt về những tội ác và những vụ tàn sát mà họ gây ra mỗi ngày ở vùng chiến sự cũng đã có thể kín nhiều tập giấy rồi.

Sự xâm lược này là trái với những nguyên tắc của luật pháp quốc tế và trái với những cam kết của các nước Đồng minh trong chiến tranh thế giới. Nó là một sự thách thức đối với thái độ đáng kính trọng mà Chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ đã bày tỏ trước, trong và sau chiến tranh. Nó đối chọi với lập trường vững chắc mà Ngài đã nêu lên trong bản tuyên bố mười hai điểm và với tính cao thượng và khoan dung lý tưởng mà phái đoàn của Ngài gồm các ông Byrnes, Stetlitus và J.F. Dulles đã bày tỏ trước Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Cuộc xâm lược của Pháp đối với một dân tộc yêu chuộng hòa bình là một mối đe doạ trực tiếp đối với an ninh thế giới. Nó hàm chứa sự đồng lõa, hay ít ra cũng là sự nhắm mắt làm ngơ của những nền dân chủ vĩ đại. Liên hợp quốc phải giữ lời hứa. Họ phải can thiệp nhằm ngăn chặn cuộc chiến tranh phi nghĩa này, và để tỏ ra rằng trong thời bình họ có ý định thực hiện những nguyên tắc mà vì chúng, họ đã chiến đấu trong thời chiến.

Nhân dân Việt Nam chúng tôi, sau quá nhiều năm chịu sự cướp bóc và tàn phá, mới chỉ đang bắt đầu công cuộc xây dựng. Cần phải có an ninh và quyền tự do, trước hết là để đạt được phồn vinh và phúc lợi trong nước, và sau đó là góp phần nhỏ của mình vào việc xây dựng lại thế giới.

An ninh và tự do chỉ có thể được bảo đảm bằng sự độc lập của chúng ta đối với bất kỳ một cường quốc thực dân nào, và bằng sự hợp tác tự nguyện của chúng ta với tất cả các cường quốc khác. Chính là với niềm tin vững chắc này mà chúng tôi yêu cầu Hợp chủng quốc với tư cách là những người bảo vệ và những người bênh vực công lý thế giới, thực hiện một bước quyết định ủng hộ nền độc lập của chúng tôi.

Điều mà chúng tôi đề nghị đã được trao cho Philíppin một cách quý báu. Cũng như Philíppin, mục tiêu của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để làm cho nền độc lập và sự hợp tác này trở nên có lợi cho toàn thế giới.

Xin kính chào Ngài Tổng thống.

Kính thư

HỒ CHÍ MINH

LỜI HIỆU TRIỆU*

Hỡi toàn quốc đồng bào,

Chúng ta phải hiểu rằng: có nhiều thứ chiến tranh: chiến tranh bằng sức người, chiến tranh bằng võ khí, chiến tranh bằng chính trị, chiến tranh bằng tinh thần, v.v...

Hiện nay, ngoài chiến tranh bằng quân sự, bọn thực dân Pháp đang dùng cách chiến tranh bằng tinh thần, chúng giả danh dân ta phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, phao tin nhảm, mong cho dân ta hoang mang nghĩ ngợi, lo ngại. Đó là nó tấn công tinh thần chúng ta.

Người xưa có nói rằng: "Đánh vào lòng là hơn hết, đánh vào thành trì là thứ hai". Vậy một dân tộc đương vận động như dân ta bây giờ ắt phải luôn luôn chuẩn bị, đồng thời phải luôn luôn trấn tĩnh, kiên quyết sẵn sàng đối với mọi tình thế, không bao giờ rối trí sợ sệt. Chúng ta phải học gương anh dũng của dân tộc Trung Hoa trong hồi kháng chiến. Mất Thượng Hải, gìn giữ Nam Kinh, mất Nam Kinh, gìn giữ Hán Khẩu, mất Hán Khẩu, gìn giữ Trùng Khánh, đến Trùng Khánh vẫn chuẩn bị để nếu cần thì giữ nơi khác, quyết kháng chiến.

Quân địch sắp tới đâu thì dân vùng đó triệt để làm vườn không nhà trống khiến quân địch không có thức ăn, không có chỗ ở, không có đường đi mà phải tiêu hao mòn mỏi. Còn một tấc đất, còn một người dân thì còn tranh đấu, lúc nào cũng sẵn sàng và không bao giờ do dự hoang mang; vì thế ròng rã tám năm trời, quân Nhật không nuốt nổi Trung Hoa và ngày nay Trung Quốc đã thắng lợi.

Kinh nghiệm của Trung Quốc bày cách thực hành trường kỳ kháng chiến và toàn dân kháng chiến bằng quân sự (dũng cảm, kỷ luật), bằng chính trị (đoàn kết, trật tự), bằng kinh tế (tăng gia, sản xuất), bằng ngoại giao (thêm bạn, bớt thù), trước hết là bằng tinh thần: bại không nản, thắng không kiêu,

---

* Báo *Sự thật*, số 21, ngày 27-2-1946.

thua trận này đánh trận khác, được trận này không chểnh mảng, chung sức, đồng tâm, nhất trí, giữ gìn trật tự, tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.

Như thế, mà phải nhất định như thế, thì chúng ta mới giành được thắng lợi và giành được độc lập hoàn toàn.

- Toàn dân kháng chiến.

- Toàn quốc kháng chiến.

- Việt Nam độc lập muôn năm.

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ, CHIẾN SĨ Ở TIỀN TUYẾN VÀ ỦY BAN HÀNH CHÍNH NAM BỘ*

Tôi xin báo để đồng bào và anh em chiến sĩ các bộ đội biết rằng: việc điều đình giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp đã đi đến một kết quả đầu tiên là hai bên đình chiến ngay để mở đường cho những cuộc đàm phán chính thức sau này. Đối với nước Việt Nam ta, sự ký kết đó có một kết quả hay là nước Pháp đã thừa nhận nước Việt Nam là một nước tự chủ.

Ấy cũng là nhờ ở sự tranh đấu anh dũng của tất cả đồng bào toàn quốc, nhất là đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ và của hết thảy anh em chiến sĩ khắp các mặt trận trong sáu tháng nay. Trong giờ phút này, tôi xin kính cẩn cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và các đồng bào đã hy sinh trong cuộc tranh đấu cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng.

Không phải là uổng, vì đây là:

1. Bước đầu của cuộc đàm phán để đi đến sự thắng lợi.

2. Cuộc đàm phán đầu tiên đã gây dựng được những điều kiện chính trị mà chúng ta phải biết lợi dụng để đạt tới cái mục đích Việt Nam hoàn toàn độc lập.

3. Muốn được như vậy, Chính phủ cần được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân. Cho nên trong thời kỳ đình chiến này, nhất là trong lúc quân đội hai bên cần phải đứng lại trên vị trí hiện thời, sự chuẩn bị, sự củng cố lực lượng, sự tôn trọng kỷ luật là cần thiết hơn lúc nào hết. Và rồi đây, sau khi hoà bình đã thỏa hiệp được, thì tinh thần phấn đấu của anh em vẫn là những lực lượng quý báu để đảm bảo cho nền độc lập hoàn toàn của nước nhà sau này.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 182, ngày 10-3-1946.

Chúng ta cần phải giữ gìn từng giọt máu của đồng bào để xây đắp tương lai của Tổ quốc. Sự kiến thiết, sự tranh đấu chưa kết thúc, tinh thần hăng hái của đồng bào sẽ không bao giờ phải e là không có cơ hội hành động nữa.

Trong giai đoạn mới của lịch sử nước nhà hiện nay, tinh thần đoàn kết của anh em sẽ đưa lại những kết quả tốt đẹp hơn nữa.

Lời chào thân ái

HỒ CHÍ MINH

PHẢI ĐÌNH CHỈ NGAY NHỮNG CUỘC ĐÁNH ÚP TẠI NAM BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ*

Theo bản Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp, thì sau khi đã ký kết, hai Chính phủ lập tức quyết định những phương sách cần thiết để đình chỉ ngay cuộc xung đột, để giữ nguyên quân đội hai bên tại vị trí hiện thời.

Thế mà các đại biểu Pháp đã không tôn trọng chữ ký, đã không thành thực làm theo những điều quy định. Họ đã công nhiên cho rải truyền đơn khuyên những chiến sĩ Việt Nam "phải đem khí giới đến nộp ở những đồn gần nhất của Pháp và chắc chắn sẽ không bị trừng trị" theo như báo *Caravelle* số 14 ngày 10 tháng 3 năm 1946 đã đăng. Chẳng những thế, họ lại còn phái quân Pháp đánh úp những chiến sĩ Việt Nam ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, cho đó là việc tiễu trừ bọn thảo khấu[1].

Những hành vi trên này đã làm cho dân chúng Việt Nam nổi lòng công phẫn và bắt đầu nghi ngờ lòng thành thực của Pháp.

Chúng tôi thiết tưởng người Pháp rất trọng danh dự, trọng kỷ luật thì sao lại có những hành động hèn nhát và lừa bịp như thế. Chiến sĩ Việt Nam chiến đấu để giữ gìn đất nước, tranh thủ độc lập. Đó là những người đáng kính trọng, đáng sùng bái. Chỉ có quân đi cướp nước để sống nhờ vào sự áp bức, bóc lột các dân tộc nhỏ yếu mới gọi là những bọn thảo khấu đáng khinh bỉ, đáng trừ diệt. Những chiến sĩ cách mạng Pháp năm 1789 có thể gọi là những quân thảo khấu được không? Đó là những liệt sĩ anh hùng, chẳng những người Pháp phải kính mến mà cả người Việt Nam cũng sùng bái.

Chúng tôi cực lực phản đối hành vi phản bội của Pháp. Chúng tôi kêu gọi quân đội Pháp ngoài mặt trận nên hiểu rõ chính nghĩa, nên phân biệt bạn với giặc, mau mau gác súng lại, không bắn vào quân đội Việt Nam nữa. Muốn vậy các bạn nên mau mau thúc đẩy những người đại biểu Pháp ở

---

* Báo *Cứu quốc*, số 187, ngày 15-3-1946.

1. Giặc cỏ.

Đông Dương phải mở ngay những cuộc đàm phán với Chính phủ Việt Nam, phải tuân thủ bản Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp mà họ đã phải ký. Người Pháp phải thực tình hiểu người Việt Nam và đãi người Việt Nam bình đẳng thì người Việt với người Pháp mới cùng sống với nhau yên ổn trên dải đất chữ S này được.

Hỡi các chiến sĩ Việt Nam! Chúng ta đã thành thực ký kết với quân Pháp để tạm đình chiến. Trong khi đó, Chính phủ ta và Chính phủ Pháp sẽ mở những cuộc đàm phán để ký một bản hiệp ước chính thức công nhận chủ quyền của nước Việt Nam. Chúng ta tuy tạm gác súng để nghỉ ngơi, nhưng lúc nào chúng ta cũng sẵn sàng và quyết tâm chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc, nếu người Pháp định lừa bịp ta, không thành thực ký kết với ta theo nguyên tắc bình đẳng.

Tóm lại, muốn Việt - Pháp đi tới chỗ thoả thuận có lợi cho cả đôi bên, người Pháp phải thành thực từ lời nói cho chí hành động, theo đúng bản Hiệp định đã ký mà đình chỉ ngay những cuộc xung đột ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

Q.T.

LỜI KÊU GỌI NHÂN DÂN THI HÀNH ĐÚNG BẢN HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ VIỆT - PHÁP*

1. Tôi lấy làm tiếc, người Pháp có một vài hành động không đúng với Hiệp định đã ký như đánh úp bộ đội ta ở Nam Bộ và ở Phan Rang, v.v... Lời kêu gọi của tôi đã được nhân dân ủng hộ và toàn thế giới nghe thấy. Chính phủ ta quyết thi hành theo Hiệp định, vì chúng ta chắc thế giới và nhân dân Pháp sẽ ủng hộ chúng ta, vì chúng ta làm đúng chính nghĩa.

2. Lòng yêu nước nhiệt liệt của nhân dân thật là đáng quý. Lời bình luận khảng khái của các báo thật là đáng khen.

Nhưng trong lúc hai bên sắp đàm phán thì cần gây nên một không khí thuận tiện cho sự đàm phán. Vậy tôi mong rằng quốc dân giữ lòng kiên quyết nhưng bình tĩnh, các báo thì bình luận một cách chính đáng, những lời lẽ nên cân nhắc.

3. Khắp cả nước đều có những cuộc biểu tình rầm rộ để ủng hộ Chính phủ và yêu cầu Chính phủ đòi mở cuộc đàm phán ngay, như đã nói trong bản Hiệp định. Đủ thấy dân ta hiểu rằng cuộc đàm phán chính thức mở sớm thì sự khó khăn càng bớt và sự hợp tác giữa hai dân tộc càng thuận tiện.

Chính phủ cũng đồng ý như thế. Nhưng tôi nhắc lại một lần nữa: dân ta phải giữ thái độ bình tĩnh, tuyệt đối phải bảo vệ tính mệnh, tài sản của người Pháp cũng như của người Trung Hoa, để tỏ rằng dân ta là một dân tiên tiến, một dân có kỷ luật.

4. Quân đội Pháp do tướng Lơcléc chỉ huy đến thay thế cho Hoa quân. Chúng ta phải làm đúng bản Hiệp định. Đối với họ tuyệt đối không được xung đột, đồng thời phải gây thiện cảm. Chúng ta phải tỏ cho họ biết rằng dân ta yêu tự do, độc lập, trọng hoà bình, tín nghĩa.

5. Tương lai dù có sự khó khăn, Chính phủ có sự ủng hộ của toàn dân đoàn kết, chắc vượt qua khỏi những sự khó khăn, để lãnh đạo dân ta đi đến độc lập hoàn toàn.

HỒ CHÍ MINH

---

* Báo *Cứu quốc*, số 188, ngày 16-3-1946.

THƯ GỬI ĐẠI HỘI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NAM TẠI PLÂY CU*

Cùng các đồng bào dân tộc thiểu số,

Hôm nay đồng bào khai hội, sum họp một nhà thật là vui vẻ.

Tiếc vì đường sá xa xôi, tôi không đến dự hội được. Tôi tuy xa, nhưng lòng tôi và Chính phủ vẫn gần gũi đồng bào.

Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu dây liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta.

Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có "NHA DÂN TỘC THIỂU SỐ" để săn sóc cho tất cả các đồng bào.

Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta.

Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta.

Xin chúc Đại hội thành công.

Lời chào thân ái

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

---

* *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nxb Sự thật, H. 1958, tr. 85-86.

NÓI CHUYỆN CÙNG ĐỒNG BÀO TRƯỚC KHI SANG PHÁP*

Cùng đồng bào yêu quý Trung, Nam, Bắc,

Theo mệnh lệnh của Chính phủ và ý chí của quốc dân, tôi cùng đoàn đại biểu sẽ đi Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức. Trước khi ra đi, tôi xin có mấy lời tỏ cùng đồng bào.

Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân.

Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó.

Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó.

Ngày nay, vâng lệnh Chính phủ, theo ý quốc dân, tôi phải xa xôi ngàn dặm, tạm biệt đồng bào, cùng với đoàn đại biểu qua Pháp - cũng vì mục đích đó.

Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân. Vậy nên lần này, tôi xin hứa với đồng bào rằng: Tôi cùng anh em đại biểu sẽ gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân.

Đồng thời, tôi xin nhắc lại rằng, việc nước là việc chung, mỗi một người con Rồng cháu Tiên, bất kỳ già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện[1], đều phải gánh một phần, đều phải ra sức giúp cho cuộc ngoại giao thắng lợi.

---

* Bài nói trong cuộc mít tinh của nhân dân Hà Nội ngày 30-5-1946, tiễn Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Pháp, với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp. Cùng thời gian này, phái đoàn của Chính phủ ta do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn cũng lên đường đi Pháp để đàm phán với Chính phủ Pháp tại Hội nghị Phôngtennơblô.

1. Sang hèn.

Giúp cách thế nào?

1. Đoàn kết chặt chẽ, tránh mọi sự chia rẽ.

2. Ra sức cần kiệm cho khỏi nạn đói khó.

3. Ra sức gìn giữ trật tự, tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.

4. Đối với các kiều dân hữu bang, phải tử tế ôn hòa.

Làm đúng bốn điều đó, tức là giúp ích cho ngoại giao.

Đồng bào thương tôi, chắc làm theo lời tôi nói.

Nhân dịp này, tôi cũng có vài lời tỏ cùng các bạn người Pháp, người Tàu và các bạn kiều dân khác.

Các bạn sống chung chạ với nhân dân Việt Nam, ra vào gặp nhau, no đói có nhau. Vậy nên nhân dân Việt Nam là bằng hữu của các bạn. Đất nước Việt Nam là Tổ quốc thứ hai của các bạn. Các bạn cùng nhân dân Việt Nam phải tương kính tương thân, thành thật hợp tác, êm ấm thuận hòa, thực hiện chữ "Tứ hải giai huynh đệ"[1]. Nước Việt Nam được thịnh vượng thì các bạn cũng được hạnh phúc.

Sau hai lần gặp nhau giữa Thượng sứ Đácgiăngliơ với tôi, sau cuộc Hội nghị trù bị ở Đà Lạt, sau cuộc đón tiếp thân thiện của Chính phủ và nhân dân Pháp đối với đoàn đại biểu Quốc hội ta, tôi mong rằng cuộc đàm phán chính thức ở Ba Lê sẽ có kết quả tốt đẹp. Hai dân tộc Việt, Pháp sẽ đi đến cuộc cộng tác thật thà.

Một lần nữa tôi và anh em đại biểu trân trọng hứa với đồng bào rằng: dù khó nhọc mấy, chúng tôi cũng cố gắng làm trọn nhiệm vụ mà Chính phủ và quốc dân giao phó cho chúng tôi.

Đồng bào chớ lo ngại.

HỒ CHÍ MINH

---

1. Bốn biển đều là anh em.

NOI GƯƠNG ANH EM TỰ VỆ CHIẾN ĐẤU HOÀNG DIỆU*

Anh em Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu thật đáng làm khuôn mẫu cho tất cả các anh em tự vệ các nơi về mọi phương diện.

Về mặt sinh hoạt hàng ngày, anh em bao giờ cũng giữ kỷ luật và trật tự rất nghiêm. Sáng dậy từ 5 giờ và chỉ trong 5 phút là đã chăn chiếu gọn gàng, áo quần tề chỉnh để ra tập thể thao. Tuy quần áo thiếu thốn, nhưng anh em cũng cố gắng ăn mặc sạch sẽ. Mỗi ngày anh em để riêng 1 giờ về việc chăm nom vệ sinh trong trại. Lúc nào, nơi ăn chốn ngủ cũng sạch sẽ. Người ta thường nói, muốn biết tinh thần của một bộ đội, chỉ cần xem cách xếp đặt và cách ăn ở của các đội viên là đủ rõ. Thì đây, anh em Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu đã tỏ cho mọi người biết là những phần tử đủ tinh thần chiến đấu với cách sinh hoạt thật giản đơn.

Chẳng những thế, nhất cử nhất động, anh em đều tỏ ra rất nhanh nhẹn. Bất luận lúc nào tập hợp, chỉ dứt tiếng còi, là đã thành hàng ngũ chỉnh tề rồi.

Ở trong trại, anh em coi nhau như anh em một nhà. Gặp chuyện gì xích mích, anh em cố nhẫn nhục đợi đến kỳ khai hội hàng tuần sẽ đem ra phân xử. Người có lỗi sẽ bị cảnh cáo, phê bình. Sự trừng phạt của anh em rất nghiêm. Trong khi tập tành mà phạm lỗi, bị phạt chạy chung quanh sân. Lỗi nặng vừa, phải lưu ở trong trại không được ra chơi ngoài vào ngày chủ nhật hay ngày lễ. Phạm lỗi nặng hơn, bị ăn cơm muối hoặc bị khai trừ. Nhờ kỷ luật sắt đó, anh em luôn luôn sửa chữa nết hư, tật xấu, cố gắng làm những đội viên gương mẫu.

Về mặt học tập, ngoài tập luyện quân sự và lên giảng đường, anh em tối nào cũng hội họp để thảo luận thời cục hoặc nghiên cứu chính trị. Thừa thì giờ anh em vào thư viện xem sách, báo hay vào câu lạc bộ học hát, học đàn. Anh em rất thích học bắn, nên đối với súng, anh em giữ gìn và lau chùi cẩn

---

* Báo *Cứu quốc*, số 266, ngày 14-6-1946.

thận lắm. Nói tóm lại anh em luôn luôn hoạt động, không một giờ, một phút nào nghĩ vơ, nghĩ vẩn.

Về mặt công tác, anh em Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu thật tranh giải nhất. Trong khu anh em đóng, dân chúng có điều gì thắc mắc khó hiểu về thời cục, anh em đi từng nhà giải thích, kỳ cho dân chúng hiểu rõ mới nghe. Tự vệ trong một ít phố đều do anh em huấn luyện về quân sự. Anh em rất sốt sắng với phong trào Bình dân học vụ. Những người không biết chữ trong phố đều là những bạn thân của anh em. Nhất là đối với đời sống mới, anh em thực hành thật chu đáo. Muốn cổ động vệ sinh có hiệu quả, anh em tổ chức thành từng ban đi quét và khai cống nước bẩn ở trong các ngõ sâu.

Tất cả các cuộc biểu tình khổng lồ rất nghiêm trang, rất có quy củ trên đường phố hoặc trước Nhà hát Lớn, trước Việt Nam học xá đều do anh em giữ trật tự và nhiều khi anh em hợp tác với ban tổ chức làm kỳ đài, chôn cột cờ, kẻ biểu ngữ, cổ động dân chúng. Anh em lại dự định đi các tỉnh để gây phong trào thể dục. Bất luận một việc xã hội nào do Chính phủ hay đoàn thể xướng ra đều được anh em xung phong.

Anh em Tự vệ chiến đấu thành Hoàng Diệu thật đáng làm gương cho không những tự vệ các địa phương mà cho cả các hạng thanh niên nữa.

Q.T.

THƯ GỬI CHIẾN BINH VIỆT NAM Ở PHÁP*

Pari, ngày 2 tháng 7 năm 1946

Cùng đồng bào chiến binh yêu quý,

Việc các anh em về Tổ quốc, Chính phủ Pháp đã thoả thuận những điều sau này:

1. Ai cũng phải tiêm thuốc phòng bệnh dịch.

2. Mỗi 100 anh em thì có một sĩ quan hoặc hạ sĩ quan Việt Nam coi sóc. Chỉ có *tối cao chỉ huy* là quan binh Pháp.

3. Lúc đi tàu các anh em theo đẳng cấp được đãi ngộ như quân nhân Pháp.

4. Ai có tiền riêng thì được mang về, mỗi người chỉ được mang 80.000 quan (tám chục nghìn tiền Tây). Phải nói cho Commandant[1] biết, về nước 17 quan sẽ đổi được một đồng bạc ta.

5. Mỗi người được mang theo 50 kilô hành lý[2].

6. Mỗi người được lãnh 1.000 quan phụ cấp giải ngũ (démobilisation), và lúc đi tàu vẫn được ăn lương như thường.

7. Mỗi người được lãnh tiền phụ cấp 3 tháng lương.

8. Về đến nước nhà (Hải Phòng) sẽ do đại biểu Chính phủ Pháp và đại biểu Chính phủ ta đón tiếp và xem xét việc giải ngũ.

9. Về đến nước nhà thì được thoái ngũ ngay.

Những điều đó đã do Chính phủ Pháp ưng thuận. Vậy tôi khuyên anh em:

1. Phải giữ kỷ luật tử tế.

---

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 264.

1. Người chỉ huy.

2. Không kể máy đánh chữ, xe đạp và các đồ làm nghề *(Chú thích của tác giả)*.

2. Phải đoàn kết, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau.

3. Về đến nhà phải giúp ích Tổ quốc, phải ủng hộ Chính phủ.

4. Phải ăn ở cho xứng đáng với một người công dân của nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam.

Chúc anh em đi mạnh khoẻ.

Lời chào thân ái

Chủ tịch

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

HỒ CHÍ MINH

LỜI PHÁT BIỂU VỚI NHÂN DÂN PHÁP QUA ĐÀI PHÁT THANH PARI*

Bổn phận của tôi gọi tôi về nước để giữ nhiệm vụ của tôi. Trước khi rời đất Pháp, tôi muốn tuyên bố một lần nữa, lòng thân ái của tôi đối với nhân dân Pháp, lòng khăng khít của tôi đối với lý tưởng dân chủ mà dân tộc Pháp là người tiên phong. Mối cảm tình ở xung quanh tôi trong thời kỳ tôi ở đất Pháp, làm cho tôi cảm thấy thấm thía đến tận thâm tâm. Những cử chỉ thân ái mà nhân dân Việt Nam, do tôi đại diện, nhận được của nhân dân Pháp, giúp rất nhiều vào việc xây đắp tình thân thiện giữa hai dân tộc.

Công việc ở Hội nghị Phôngtennơblô chưa đưa đến mục đích, chưa đưa đến kết quả cụ thể thật đấy, nhưng tôi hiểu biết nhân dân Pháp, tôi biết rằng lý tưởng thời 1789 lúc nào cũng vẫn mạnh mẽ trong nhân dân Pháp.

Tôi tin chắc rằng nhân dân Pháp rất muốn nối với Việt Nam, nước Cộng hoà chị em với nước Cộng hoà Pháp, những mối dây liên lạc chặt chẽ. Một khi những sự hiểu nhầm đã tiêu tan, hội nghị Việt - Pháp sẽ lại mở, không lâu nữa, tôi hy vọng rằng sẽ đi tới sự thoả thuận mà hai bên mong muốn. Nước Pháp, một nước chiến đấu cho tự do và dân chủ, đã tỏ rõ lòng tôn trọng chủ quyền và tư cách của Việt Nam trong Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946.

Ngoài ra, không gì làm cho nước Pháp để nhiều tâm trí nghĩ tới bằng việc tìm cách làm bành trướng ảnh hưởng của nước Pháp trên thế giới. Thế mà phương tiện hoà bình để bành trướng ảnh hưởng đó chỉ có thể là khối Liên hiệp Pháp trong đó nước Việt Nam là một trong những hội viên đầu tiên.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 348, ngày 17-9-1946.

Tất cả mọi điều đều làm cho hai dân tộc chúng ta thân ái nhau: lý tưởng chung và quyền lợi chung. Không có điều gì làm ngăn cản sự tiến triển của lịch sử.

Tình thân thiện Việt - Pháp một ngày gần đây, do một hiệp ước công bằng định rõ, sẽ làm cho khối Liên hiệp Pháp có uy danh và thịnh vượng. Cả đến nền hoà bình thế giới cũng sẽ lợi rất nhiều do tình thân thiện bền chặt giữa chúng ta.

Một lần nữa, tôi thành thực cảm ơn Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp.

LỜI TUYÊN BỐ
VỚI QUỐC DÂN SAU KHI ĐI PHÁP VỀ*

Hỡi đồng bào toàn quốc,

Tôi đi Pháp đã hơn 4 tháng. Hôm nay về đến nước nhà. Trông thấy Tổ quốc, trông thấy đồng bào, lòng tôi thật là vui vẻ. Tôi có mấy lời báo cáo để đồng bào đều hay:

1. Trong lúc tôi đi Pháp, lúc tôi ở Pháp, và lúc tôi từ Pháp về, vì muốn tỏ lòng cộng tác với Việt Nam, Chính phủ Pháp tiếp đãi tôi một cách rất long trọng. Vì thật lòng thân thiện với nhân dân ta, nhân dân Pháp đối với tôi một cách rất thân mật.

Tôi xin thay mặt đồng bào, mà trân trọng cảm tạ Chính phủ và nhân dân Pháp.

Trong lúc tôi đi vắng, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của cụ Huỳnh quyền Chủ tịch, sự săn sóc giúp đỡ của Quốc hội, sự ra sức gánh vác của Chính phủ, sự đồng tâm hợp lực của quốc dân, mà giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ.

Tôi xin cảm ơn Chính phủ, Quốc hội và toàn thể đồng bào.

Tôi cũng luôn luôn nhớ đến kiều bào ở hải ngoại, đã ra sức hy sinh phấn đấu, dù cực khó bao nhiêu cũng một lòng trung thành với Tổ quốc.

Nhờ sự hiểu biết sáng suốt của tướng Valuy, tướng Moóclie và người Pháp ở Bắc và Trung Bộ, gần đây những việc khó khăn giữa người Việt và người Pháp phần nhiều dàn xếp được.

Tôi cảm ơn tướng Valuy, tướng Moóclie và quân dân Pháp. Mong rằng từ nay sự cộng tác giữa hai dân tộc mật thiết hơn nữa.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 384, ngày 23-10-1946.

Tôi không thể không nhớ đến bà con Hoa kiều và kiều dân các nước, ai cũng nhớ câu "Huynh đệ chi bang, đồng chu cộng tế"[1].

Lúc tôi đi qua các nơi, gặp anh em người Trung Hoa và người Ấn Độ, người Mỹ, người Anh, thì luôn luôn tay bắt mặt mừng rất là thân thiện. Bây giờ về đến đất nước Việt Nam cũng thế.

2. Tôi qua Pháp, đáp lại thịnh tình của Chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp, mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt Nam nhất định độc lập, Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất.

*
* *

Thế thì trong mấy tháng giời ở Pháp, tôi và phái đoàn đã làm được việc gì?

1. Chúng tôi đã đem lá quốc kỳ Việt Nam qua đến nước Pháp. Lá quốc kỳ ta đã được Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp trọng thị, đã được người các nước trọng thị.

2. Chúng tôi đã làm cho Chính phủ và nhân dân Pháp chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt Nam hơn trước. Mà thế giới cũng chú ý và hiểu rõ vấn đề Việt Nam hơn trước.

3. Chúng tôi đã làm cho số đông người Pháp trở nên bạn hữu của dân Việt Nam, hết sức tán thành Việt Nam độc lập và Việt - Pháp cộng tác một cách thật thà, bình đẳng.

4. Chúng tôi đã làm cho địa vị các đoàn thể thanh niên, phụ nữ và lao động Việt Nam được nâng cao thêm, vì các tổ chức thế giới đã công nhận các đoàn thể ta là hội viên.

5. Hội nghị Việt - Pháp chưa kết thúc, tháng Giêng năm sau sẽ tiếp tục. Nhưng Thỏa hiệp tạm thời 14 tháng 9, một là làm cho hai bên Việt - Pháp dễ làm ăn, hai là dọn đường cho cuộc hội nghị sau này tiến hành được thân thiện.

*
* *

1. Anh em trong một nước, cũng như người trong một chiếc thuyền, có nghĩa vụ cứu giúp lẫn nhau.

Bây giờ cho đến tháng Giêng, chúng ta phải làm gì?

1. Chính phủ và nhân dân phải đồng tâm nhất trí, ra sức tổ chức, ra sức công tác, đoàn kết hơn nữa, mở mang kinh tế, xây dựng nước nhà, thực hành đời sống mới khắp mọi phương diện. Bất kỳ gái, trai, già, trẻ, bất kỳ sĩ, nông, công, thương, toàn thể quốc dân phải ra sức làm việc. Làm cho Chính phủ và nhân dân Pháp trông thấy, làm cho toàn thế giới trông thấy rằng: dân Việt Nam ta đã đủ tư cách độc lập tự do, không thừa nhận ta tự do độc lập thì không được.

2. Người Pháp ở Pháp đối với ta rất thân thiện thì người Việt ở Việt đối với người Pháp cũng nên thân thiện.

Đối với quân đội Pháp ta phải lịch sự.

Đối với kiều dân Pháp ta phải ôn hoà.

Những người Pháp muốn thật thà cộng tác với ta thì ta thật thà cộng tác với họ, ích lợi cho cả đôi bên.

Để tỏ cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh.

Để cho số người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh.

Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ, không có thể và không có cớ mà chia rẽ.

Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

3. Hỡi đồng bào Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

Trung, Nam, Bắc, đều là đất nước Việt Nam.

Chúng ta đều chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung, Nam, Bắc, cũng như một nhà có ba anh em. Cũng như nước Pháp có vùng Noócmăngđi, Prôvăngxơ, Bôxơ.

Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta.

Trong một năm trường, đồng bào kháng chiến, người thì tan nhà nát cửa, người thì hy sinh tính mạng, người thì bị tù, bị đày. Nhưng lòng yêu nước của đồng bào vẫn trơ như đá, vững như đồng.

Đối với gan vàng dạ sắt của đồng bào, toàn thể quốc dân không bao giờ quên, Tổ quốc không bao giờ quên, Chính phủ không bao giờ quên.

Tôi kính cẩn cúi đầu chào trước linh hồn các liệt sĩ và xin lỗi những đồng bào đương khổ sở hy sinh.

Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc.

Chính phủ Pháp đã thừa nhận rằng đồng bào Nam Bộ sẽ bỏ thăm để quyết định số phận của Nam Bộ.

Trong bản Thoả hiệp tạm thời ký ngày 14 tháng 9, Chính phủ Pháp đã nhận thi hành mấy điều chính sau này trong Nam Bộ:

1. Thả những đồng bào bị bắt về chính trị và vì kháng chiến.

2. Đồng bào Nam Bộ được quyền tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do viết báo, tự do đi lại, v.v...

3. Hai bên đều thôi đánh nhau.

Chính phủ Pháp đã ký thì chắc phải thi hành.

Vậy thì đồng bào Nam Bộ phải làm thế nào?

1. Bộ đội Việt cũng như bộ đội Pháp đồng thời phải thôi đánh nhau.

2. Đồng bào phải hoạt động bằng chính trị theo cách dân chủ.

3. Phải đoàn kết chặt chẽ không phân biệt đảng phái, giai cấp, tôn giáo. Đoàn kết tức là lực lượng. Chia rẽ tức là yếu hèn.

4. Không được báo thù báo oán. Đối với những kẻ đi lầm đường lạc lối, đồng bào ta cần phải dùng chính sách khoan hồng. Lấy lời khôn lẽ phải mà bày cho họ. Ai cũng có lòng yêu nước, chẳng qua có lúc vì lợi nhỏ mà quên nghĩa lớn. Nói lẽ phải họ tự nghe. Tuyệt đối không được dùng cách kịch liệt.

Đó là những việc đồng bào phải làm ngay, để gây một không khí hòa bình và xây đắp con đường dân chủ để đi tới sự nghiệp Việt Nam thống nhất của chúng ta.

Lời chào thân ái

Ngày 23 tháng 10 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

LỜI TUYÊN BỐ SAU KHI THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ MỚI*

Thưa Quốc hội,

Theo ý Quốc hội, Chính phủ mới phải tỏ rõ cái tinh thần đại đoàn kết, không phân đảng phái. Sau khi được Quốc hội ủy nhiệm cho tổ chức Chính phủ, tôi đã thăm dò ý kiến của nhiều bậc lão thành, đại biểu các đoàn thể cùng các nhân sĩ các giới.

Kết quả là, có những vị có tài năng nhận lời tham gia Chính phủ: như Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại. Lại có nhiều vị đứng ngoài sẵn sàng ra sức giúp đỡ: như Cụ Bùi Bằng Đoàn, linh mục Phạm Bá Trực... Dầu ở trong hay ngoài Chính phủ ai nấy đều hứa sẽ cố gắng làm việc, một lòng vì nước, vì dân.

Nhờ ở sự sốt sắng của anh em mà tôi chóng thành lập được Chính phủ, tuy không được mười phần như ý nguyện của Quốc hội, nhưng cũng theo gần đúng phương châm Quốc hội đã vạch ra.

Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng, Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới.

Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia. Đặc biệt là đồng bào Nam Bộ không những ở tiền tuyến xung phong giữ gìn đất nước, mà lại còn hăng hái dự vào việc kiến thiết quốc gia.

Trong công việc của Chính phủ sẽ còn nhiều bước khó khăn, nhưng nhờ sức ủng hộ của Quốc hội và toàn thể quốc dân, Chính phủ sẽ cương quyết đi đến mục đích.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 395, ngày 4-11-1946.

CÔNG VIỆC KHẨN CẤP BÂY GIỜ*

KHÁNG CHIẾN VÀ KIẾN QUỐC

Một mặt phá hoại.

Một mặt kiến thiết.

Phá hoại để ngăn địch.

Kiến thiết để đánh địch.

Hai việc đều phải có người, có nhiều người.

Người về *quân sự:*

- Tổ chức bộ đội (tự vệ, dân quân).
- Chỉ huy bộ đội (tự vệ, dân quân).
- Làm khí giới.
- Cung cấp lương thực.

Người về *kinh tế:*

- Tăng gia sản xuất (gạo, muối).
- Mua bán.
- Thủ công nghệ (vải, giấy, v.v...).
- Vận tải.

Người về *chính trị:*

- Tuyên truyền.
- Tổ chức.
- Huấn luyện.
- Động viên dân chúng.

Người về *giao thông:* Mục này nói riêng, phải đặc biệt chú ý. Vì giao thông là mạch máu của tổ chức. Giao thông tốt thì các việc đều dễ dàng. Giao thông xấu thì các việc đình trễ.

---

* Viết ngày 5-11-1946. Bút tích lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Người ở đâu ra?

1. Là các đảng viên nam, nữ hiện có.

2. Trong lúc này tỏ ra nhiều phần tử hăng hái, hoặc trong lúc chiến đấu, hoặc trong công việc khác. Phải ra sức kéo họ. (Phải làm khéo, vì người có hăng hái, nhưng không tán thành Đỏ).

3. Phải chọn một số khá đông thanh niên để huấn luyện họ, đào tạo họ.

Đảng viên:

Cần phải rửa sạch những thói hẹp hòi, phu diễn[1], tự đại, ỷ lại, lười biếng, nhút nhát, hủ hóa.

Cần phải kỷ luật, hoạt bát, siêng năng, dũng cảm, có sáng kiến, làm kiểu mẫu.

Trước hết phải ăn ở làm sao cho dân phục, dân yêu, dân nghe.

Đó là các bảo đảm cho thắng lợi.

TRƯỜNG KỲ KHÁNG CHIẾN

Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: Cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ.

Dù địch thua đến 99%, nó cũng rán sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang.

Vì vậy, nó sẽ đem rất nhiều viện binh (cũng không quá số 10 vạn), tàu bay, xe tăng. Nó sẽ tàn phá khủng bố rất dữ dội. Mục đích là mong làm cho dân ta hoảng sợ, do hoảng sợ đến đầu hàng.

Nhưng ta phải hiểu: Lực lượng địch chỉ có chừng ấy thôi. Ta kiên quyết chống chọi cho qua giai đoạn "chớp nhoáng" đó thì địch sẽ xẹp, ta sẽ thắng.

Vì vậy, ta phải có, và phải làm cho dân ta có *Tín tâm* và *Quyết tâm*. Dùng lời lẽ giản đơn, rõ rệt mà giải thích cho quần chúng. Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân. Qua khỏi trận khủng bố ráo riết của địch thì ta sẽ thắng lợi.

*

* *

1. Phô trương hình thức.

Tổ chức du kích khắp nơi.

Tăng gia sản xuất khắp nơi.

Dù phải rút khỏi các thành phố, ta cũng không cần.

Ta sẽ giữ tất cả thôn quê.

Khi chỉ có hai bàn tay trắng, với một số đồng chí bí mật, leo lói trong rừng, ta còn gây nên cơ sở kháng Nhật, kháng Pháp. Huống gì bây giờ, ta có quân đội, có nhân dân. Nam Bộ địa thế khó, chuẩn bị kém, mà kháng chiến đã hơn một năm. Ta địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi.

HỒ CHÍ MINH

TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI*

- Về kết quả của cuộc Tổng tuyển cử bên Pháp, nhất là ảnh hưởng của nó đối với nước Việt Nam?

- Người ta đã bàn tán nhiều rồi về sự thắng lợi của phái tả hay phái hữu trong cuộc Tổng tuyển cử này. Nhưng dù là phái hữu thắng hay phái tả thắng, nhân dân Pháp bao giờ cũng vẫn như trước: nghĩa là ủng hộ nền độc lập và thống nhất của Việt Nam. Điều đó tôi đã nhận thấy hồi tôi qua Pháp. Còn dân Việt Nam, thì dù phái hữu thắng hay phái tả thắng trong cuộc tuyển cử ở Pháp, dân Việt Nam cũng phải đòi cho được độc lập và thống nhất, tuy vẫn ở trong khối Liên hiệp Pháp. Người ta nói sự liên hợp làm nên sức mạnh. Vào trong khối Liên hiệp Pháp, cái đó vừa lợi cho nước chúng tôi và lợi cho cả nước Pháp nữa.

- Về sự thi hành bản Tạm ước 14 tháng 9?

- Như các ngài đã biết, chúng tôi nhất định thi hành thành thật những điều chúng tôi đã ký. Bản Tạm ước ấy sẽ dọn đường cho hai nước đi tới một sự hợp tác trên lập trường tự do có lợi cho cả hai nước. Tôi nhắc lại rằng những quyền lợi kinh tế, văn hóa, v.v... của người Pháp, chúng tôi đã hứa tôn trọng và chúng tôi sẽ tôn trọng. Cốt nhiên, chúng tôi mong rằng các bạn người Pháp hiểu cho như vậy và sự tôn trọng ấy phải có lợi cho cả hai bên. Một chứng cớ tỏ ra nhân dân Việt Nam muốn thân thiện với nhân dân Pháp đó là Hội Việt - Pháp vừa được thành lập. Mấy hôm nay, giọng các báo Pháp và của đài phát thanh Sài Gòn có hơi thay đổi: tôi nghĩ rằng trong "tình yêu" (!) cũng có khi có những nhịp điệu lên xuống như vậy.

- Những kết quả của sự thi hành Tạm ước từ 30 tháng 10 tới giờ?

- Một vài kết quả nào đó, nhưng không phải những kết quả mà chúng ta chờ đợi. Thí dụ, chúng tôi đã đề nghị cử một vị đại diện Việt Nam ở bên cạnh

---

* Chiều ngày 16-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp báo để trả lời những câu hỏi gửi trước của các phóng viên trong nước và ngoài nước. Trên đây là một số câu trả lời của Người *(B.T)*.

Báo *Cứu quốc*, số 408, ngày 17-11-1946.

viên Thượng sứ Pháp quốc Cộng hoà, nhưng chưa được trả lời. Chúng tôi đã sẵn sàng làm việc, vậy mà trừ tiểu ban quân sự, các tiểu ban khác đã định trong Tạm ước vẫn chưa thấy tới. Ngoài ra, trong vài bức thư của ông Thượng sứ Pháp mới đây có những câu mà thường thường từ trước tới giờ ông chưa dùng bao giờ. Ông nói những là "đình chỉ sự thi hành bản Tạm ước", những là "các nhà cầm quyền Pháp ở Nam Bộ sẽ bắt buộc phải trừng trị, nếu...". Tất cả những câu ấy không được. Người ta có thể là bạn với nhau được, nhưng không phải những câu như thế có thể giúp cho sự hiểu nhau. Có những thí dụ khác nữa mà tôi rất tiếc phải kể ra đây. Sự khủng bố ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ vẫn chưa dứt. Ngày 3 tháng 11, ở Gia Định, trong miền Tân Sơn Nhất, quân đội Pháp đến vây dân chúng Việt Nam và giết mất hai người. Ngày 4 ở Gò Công, dân chúng Việt Nam đương biểu tình đòi thi hành đúng bản Tạm ước thì quân Pháp đến bắn xả vào, một người chết và nhiều người bị thương. Ở Bà Rịa cũng chuyện như vậy, hai người chết. Ở Nha Trang cũng thế, nhưng nghiêm trọng hơn: dân chúng mất bảy người chết. Còn nhiều việc đáng tiếc khác nữa. Sự giải phóng các chính trị phạm vẫn ngừng trệ và chỉ như có một tính cách tượng trưng, còn một số rất đông vẫn bị bắt bớ, giam cầm, vẫn bị đày đi ra Côn Đảo và các nơi khác. Ở Bắc Bộ, việc hàng hóa ra vào bị ngăn trở. Điều ấy không những có hại cho dân Việt Nam mà cho cả các bạn người Pháp và người Trung Hoa nữa. Tôi tin rằng những sự hiểu lầm ấy sẽ hết. Nếu sự buôn bán, làm lụng được dễ dàng hơn, cái đó không phải chỉ chúng tôi được hưởng không thôi, mà cả các bạn Pháp và Trung Hoa nữa.

Còn về Liên bang Đông Dương, chúng tôi cũng muốn gia nhập vào đó như vào khối Liên hiệp Pháp. Nhưng chúng tôi vào đấy là để cùng giữ lợi ích chung, chứ không phải để chết ngạt trong đó. Nếu người ta muốn dùng chữ Liên bang Đông Dương để làm thành một cái gì giam trói, ràng buộc quyền tự do, quyền sinh hoạt của chúng tôi, nhất định không thể xong được. Bởi vì ai cũng muốn sống tự do. Và không ai nên tìm cách lừa bịp lẫn nhau.

- Về sự giao thiệp giữa Việt Nam và Trung Hoa?

- Tôi lấy làm lạ rằng sao người ta lại còn phải hỏi một câu tôi đã trả lời bao nhiêu lần rồi. Về lịch sử, địa dư, văn hóa, kinh tế, Việt Nam và Trung Hoa bao giờ cũng vẫn có quan hệ với nhau, như môi với răng. Nhưng nếu các nhà cầm quyền Trung Hoa đã bàn về vấn đề có can dự đến Việt Nam mà dân Việt Nam không được biết thì chúng tôi không chịu trách nhiệm. Tôi tin rằng theo chủ nghĩa của bác sĩ Tôn Dật Tiên và ý tưởng của Thống chế

Tưởng Giới Thạch, không người Trung Hoa nào sẽ làm gì phạm tới chủ quyền và quyền lợi nước Việt Nam.

- *Sự giao thiệp của Việt Nam với Ấn Độ?*

- Rất thân thiện. Mới đây, tôi nhận được lời mời tham dự vào Hội nghị Liên Á họp ở Ấn Độ sang năm. Khi tôi qua Ấn Độ, các bạn Ấn đã tiếp đón tôi một cách rất thân mật.

*

* *

Để kết luận, tôi mong rằng những hiểu lầm giữa hai bên Việt - Pháp sẽ được tiêu tán đi, để cho hai bên sau đây sẽ cùng bước mau đến một sự hợp tác mà ai cũng muốn. Tôi yêu cầu các bạn Pháp tin ở chúng tôi; chúng tôi nhất quyết giữ lời hứa. Có người hỏi: Tại sao những giao tiếp cá nhân giữa người Pháp và người Việt Nam bây giờ rất hiếm? Chúng tôi không bao giờ làm gì ngăn trở, gây khó khăn cho những cuộc gặp gỡ ấy. Trái lại, chúng tôi còn muốn khuyến khích những sự tiếp xúc đó nữa. Vì những cuộc đó dễ làm tan những mối hiểu lầm và làm nảy nở tình thân thiện. Tôi mong rằng sau đây những cuộc giao thiệp gặp gỡ nhau ấy sẽ có luôn. Cái đó chỉ do các bạn người Pháp thật tâm muốn là được.

HỒ CHÍ MINH

GỬI ĐỒNG BÀO VIỆT NAM, NGƯỜI PHÁP VÀ NGƯỜI THẾ GIỚI*

Cùng đồng bào Việt Nam,

Cùng người Pháp và người thế giới,

Vì vâng lệnh Chính phủ, mà nhân dân Việt Nam sẵn sàng cộng tác thật thà với nhân dân Pháp.

Vì hiểu rõ đại nghĩa, mà nhân dân Pháp mong muốn cộng tác thật thà với nhân dân Việt Nam.

Vì tôn trọng chữ ký, mà Chính phủ Việt Nam ra sức thực hành một không khí thân thiện. Tiếc vì một đôi nơi, như ở miền Nam nước Việt, ở Hải Phòng và Lạng Sơn, một số người Pháp không hiểu tâm lý dân Việt Nam, không làm theo ý nguyện dân Pháp, đã gây nên những cuộc xung đột đổ máu giữa hai bên.

Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam, đã vì Tổ quốc mà hy sinh tính mệnh.

Tôi cũng ngậm ngùi thương xót cho những người Pháp đã tử vong.

Than ôi, trước lòng bác ái thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người.

Trong hai cuộc đại chiến, Pháp hy sinh hàng triệu người, để chống bọn xâm lăng, để tranh lại quyền thống nhất, độc lập.

Nước Pháp cách Việt Nam muôn dặm, Việt Nam thống nhất độc lập có động chạm gì đến người Pháp mà người Pháp lại muốn cản trở Việt Nam. Người Việt Nam sẵn sàng hoan nghênh và cộng tác với những người sĩ, nông, công, thương Pháp qua đây làm ăn. Những lợi ích hợp lý về tiền tệ và văn hóa của người Pháp ở đây sẽ được Việt Nam bảo vệ. Những người

* Báo *Cứu quốc*, số 414, ngày 23-11-1946.

Pháp không muốn ai phạm đến chủ quyền mình thì phải tôn trọng chủ quyền Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam đã ký Tạm ước với Chính phủ Pháp thì Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết làm đúng theo Tạm ước đó.

Đồng thời, Chính phủ và người Pháp cũng phải làm theo Tạm ước đó. Đó là lợi ích cho cả hai bên.

Chính phủ và nhân dân Việt Nam kiên quyết cộng tác thật thà với người Pháp. Song khi phải giữ chủ quyền của Tổ quốc, cần hy sinh thì cũng phải kiên quyết hy sinh.

Tôi thay mặt Chính phủ mà kêu gọi đồng bào toàn quốc sẵn sàng theo mệnh lệnh của Chính phủ.

Tôi cũng kêu gọi người Pháp ở đây thôi những hành động khiêu khích và thành thật cộng tác với Việt Nam một cách bình đẳng thân thiện. Máu Việt Nam và máu Pháp đổ đã nhiều rồi. Không nên đổ nữa. Vì lý lẽ gì, vì lợi của ai, mà đem máu quý báu của thanh niên Pháp (một thanh niên đầy những tương lai vẻ vang) đổ trên non nước Việt Nam. Người Việt và người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức:

Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Độc lập.

Người Việt và người Pháp có thể và cần phải bắt tay nhau trong một sự nghiệp cộng tác bình đẳng, thật thà, để gây dựng hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc.

Đó là ý nguyện rõ rệt của Việt Nam, mong người Pháp và toàn thế giới biết cho.

HỒ CHÍ MINH

LỜI KÊU GỌI VỀ VIỆC QUÂN PHÁP LẠI GÂY HẤN Ở HẢI PHÒNG*

Tình hình Lạng Sơn chưa yên thì tình hình Hải Phòng trở lại nghiêm trọng. Chẳng những quân đội Pháp không thi hành những điều đại biểu tướng Moóclie và đại biểu Chính phủ ta đã ký chiều ngày 20 tháng 11. Mà sáng nay họ lại yêu sách thêm những điều ta không thể nhận. Vì vậy lại bắt đầu xung đột.

Tôi kêu gọi đại tướng Valuy, Tổng chỉ huy quân đội Pháp kiêm chức Thượng sứ, và các tướng lĩnh Pháp ở Việt Nam phải lập tức đình chỉ việc đổ máu giữa người Pháp và người Việt.

Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào phải trấn tĩnh, các bộ đội và tự vệ phải sẵn sàng bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, bảo vệ tính mệnh, tài sản của ngoại kiều.

Chính phủ luôn luôn đứng sát với toàn thể đồng bào để giữ gìn đất nước.

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

---

* Lời kêu gọi này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc qua Đài tiếng nói Việt Nam hồi 12 giờ ngày 23-11-1946. Đầu đề là của chúng tôi *(B.T)*.

Báo *Cứu quốc*, số 415, ngày 24-11-1946.

CHIẾN ĐẤU VÌ CHÍNH NGHĨA*

Chiến sự ở miền Nam chưa dứt, nay quân đội Pháp lại gây chiến cả ở miền Bắc.

Một cuộc bắn giết đương tiếp diễn ở Hải Phòng, Lạng Sơn mỗi ngày thêm kịch liệt. Rõ ràng quân đội Pháp đã thẳng tay tiến công, bất chấp tín nghĩa. Đối với cuộc chiến đấu tự vệ của ta, quốc dân đã theo dõi từng ly từng tí, nhưng không khỏi hoang mang. Vậy đứng về phương diện chiến lược, chúng ta thử xét sau này tình thế sẽ biến chuyển ra sao.

I. CHIẾN THUẬT PHÒNG NGỰ

Đối với quân địch có vũ khí tối tân, chúng ta không thể không áp dụng chiến lược phòng ngự. Nhưng trong thế thủ, chúng ta quyết chiến đấu đến cùng, kỳ đánh bại được quân địch tấn công mới nghe. Vì vậy sự chiếm đoạt một khoảng đất hay một thành thị, chưa thể quyết định được hơn thua. Có lúc phòng ngự để tiến công. Có lúc rút lui để tiền tiến[1]. Có lúc đánh cạnh sườn để rồi đánh chính diện. Có lúc đánh đường vòng để rồi đánh đường thẳng. Về quân sự có nhiều quanh co, khuất khúc, không thể thẳng ngay một mực mà đạt được kết quả. Vấn đề quan trọng hơn hết là làm thế nào bảo tồn được lực lượng để chờ thời cơ trừ diệt địch quân. Như vậy, dù có phải rút lui ở một vài căn cứ cũng không lấy gì là ngạc nhiên, đó là con đường phải qua trong cuộc chiến tranh tự vệ. Hơn nữa, lúc quân địch bắt đầu tấn công, chúng ta chưa thể biết đích bộ đội nào mạnh, bộ đội nào yếu và đường tiến thoái của chúng thế nào, nên phải tạm thời rút lui để có thời gian điều tra rõ ràng. Còn muốn so sánh được thua, cần phải phân tích kỹ lưỡng tình hình về mọi phương diện.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 427, ngày 6-12-1946.

1. Tiến lên phía trước.

II. PHÒNG NGỰ ĐỂ TRỪ DIỆT ĐỊCH QUÂN

Đánh giỏi cần phải giữ giỏi. Giữ giỏi cũng cần phải đánh giỏi. Đánh, giữ cần phải giỏi cả mới trừ diệt được lực lượng của quân địch là điều kiện có thể quyết định thắng lợi. Đối với một người, làm thương tổn 10 ngón tay không đau đớn bằng cắt đứt hẳn đi 1 ngón tay. Về quân sự cũng vậy, đánh bại 10 sư đoàn không bằng trừ diệt 1 sư đoàn. Vì vậy, dù ở thế thủ hay thế công, chúng ta phải dùng mọi phương pháp trừ diệt lực lượng của địch quân.

Nhưng giữ thế thủ không phải cố chết để mà giữ, không phải chống nhau với quân địch ở ngoài cửa ngõ, mà phải dụ quân địch vào sâu để trừ diệt chúng. Đánh trận trong thế thủ, phải hết sức tránh những lúc quyết chiến bất lợi, vậy không thể cố chết để bo bo giữ lấy một thành thị nào nếu xét ra không có lợi cho mình. Vả lại, chiến lược tiêu hao lực lượng của địch là chiến lược rất mầu nhiệm trong cuộc chiến tranh tự vệ.

III. NHÂN HÒA MỚI LÀ ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều kiện trừ diệt địch quân phải là điều kiện nhân hòa. Trong hai phe giao chiến, phe nào có đầy đủ điều kiện nhân hòa là phe ấy thắng. Chỉ phe nào vì chính nghĩa mà chiến đấu, phe ấy mới có đủ điều kiện nhân hòa. Từ khi giựt được chính quyền trong tay phát xít Nhật, chúng ta luôn luôn chiến đấu để bảo vệ đất nước bằng mọi hình thức: chính trị, kinh tế và quân sự. Quân đội Việt Nam và dân chúng Việt Nam đã liên kết thành một khối, quyết không chịu làm nô lệ dưới một chế độ thuộc địa nào. Trong khi chiến đấu, chúng ta được dân chúng ủng hộ, nhất định chúng ta được dư luận thế giới tán đồng, nhất định chúng ta sẽ thắng.

Trái lại, vì muốn giữ đặc quyền đặc lợi, bọn thực dân phản động Pháp đã dùng tàu bay, đại bác, bắn giết dân Việt Nam. Chúng đốt nhà cướp của, hiếp dâm, đàn áp, bắt bớ những dân vô tội, không một thứ thủ đoạn tàn bạo nào là chúng không làm. Chúng đã bội tín, chúng đã phản hiệp định, chúng đã bị chính nghĩa phỉ nhổ. Nhất định chúng sẽ bị lực lượng nhân dân tiêu diệt.

Ngoài điều kiện nhân hòa, chúng ta còn có điều kiện địa lợi và thiên thời. Từ hang cùng ngõ hẻm, núi sâu rừng rậm, đâu đâu cũng là đất nước Việt Nam, đâu đâu cũng có dân Việt Nam ở. Quân địch tiến đến chỗ nào, không thuộc địa hình, địa vật bằng dân quân Việt Nam ở chỗ đó. Chúng sẽ bị đánh

úp bất ngờ. Trên đường hành quân của chúng, dân quân sẽ phá hủy đường sá, cầu cống, hoặc chiếm đoạt quân nhu, lương thực, làm cho chúng hao mòn lực lượng. Nếu chúng đóng quân chỗ nào, nhân dân sẽ thực hiện kế hoạch vườn không nhà trống và kế hoạch tẩy chay.

Hơn nữa, dân ta năm nay được mùa, không phải lo đói, lo rét như hồi đầu năm. Với điều kiện vật chất khá đầy đủ, dân chúng đã đủ lực lượng chiến đấu đến cùng.

Có đủ ba điều kiện nhân hòa, địa lợi và thiên thời như trên, cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam nhất định sẽ thành công.

Q.T.

LỜI KÊU GỌI GỬI QUỐC HỘI VÀ CHÍNH PHỦ PHÁP*

Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết lòng cộng tác thật thà như anh em với nhân dân Pháp. Vì vậy đã ký Hiệp định ngày 6 tháng 3 và Tạm ước ngày 14 tháng 9.

Song một số người Pháp ở đây làm trái với những điều ước đó, dùng võ lực để đối phó với Việt Nam.

Việt Nam muốn tham gia trong khối Liên hiệp Pháp quốc, mà họ lại lập ra nước "Nam Kỳ" để chia xẻ Việt Nam.

Việt Nam đã đình chiến theo Hiệp định ngày 6 tháng 3, mà họ cứ sai quân Pháp tiến công bộ đội Việt Nam và khủng bố nhân dân Việt Nam tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Họ phong toả cửa bể Bắc Bộ.

Họ gây cớ để chiếm Lạng Sơn và Hải Phòng, dùng hải lục không quân đánh phá miền duyên hải Bắc Bộ.

Họ gửi tối hậu thư trái với tinh thần các Hiệp định Pháp - Việt, xâm phạm đến chủ quyền Việt Nam. Mặc dầu đại diện Việt Nam đã mấy lần đề nghị tổ chức Ủy ban để tìm cách dàn xếp, nhưng họ vẫn không chịu. Họ lại để cho một số lính Pháp ngày đêm khiêu khích tại Hà Nội như cố ý làm cho cuộc xung đột lan rộng.

Việc đổ máu tại Lạng Sơn và Hải Phòng đến nay đã hơn hai tuần mà chưa giải quyết.

Vừa rồi Cao ủy Đácgiăngliơ lại công bố rõ ràng rằng nước Pháp đã dùng và sẽ dùng võ lực để đặt lại quyền bính trên đất Việt Nam, làm cho dân Việt Nam phẫn uất và ngờ vực chính sách cộng tác thân thiện của nước Pháp mới.

Họ lợi dụng độc quyền thông tin trong tay họ để báo cáo sai sự thực, để làm cho Quốc hội Pháp, Chính phủ và nhân dân Pháp không rõ tình hình Việt Nam.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 428, ngày 7-12-1946.

Người Việt Nam và người Pháp đã đổ máu nhiều rồi, đã chịu tai vạ chiến tranh nhiều rồi. Nếu tình thế này kéo dài nữa thì sẽ bị bọn khiêu khích lợi dụng phá hoại tình thân thiện giữa hai dân tộc Việt - Pháp.

Tôi yêu Tổ quốc và đồng bào tôi, tôi cũng yêu nước Pháp và nhân dân Pháp. Vì vậy, tôi thiết tha kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp nghĩ đến lợi quyền chung tối cao của hai dân tộc Pháp - Việt, hạ lệnh cho đương cục Pháp khôi phục tình trạng trước ngày 20 tháng 11 năm 1946, để cùng Chính phủ Việt Nam thi hành Tạm ước, để xây đắp sự cộng tác Pháp - Việt thân thiện và lâu dài.

Lời chào trân trọng

HỒ CHÍ MINH

LỜI KÊU GỌI LIÊN HỢP QUỐC*

Kính gửi Đại Anh quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước thành viên khác của Liên hợp quốc.

1. Đã hơn một tháng nay, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bị đặt trong một cuộc xung đột vũ trang gây ra bởi các lực lượng Pháp là những lực lượng được đón tiếp thân ái trên xứ sở này khi họ vào giải giáp quân đội Nhật.

Chính phủ Việt Nam đã trình bày với Chính phủ Pháp nhiều đề nghị nhằm đạt đến một giải pháp hoà bình. Nhưng cho đến nay, những đề nghị ấy đều không mang lại kết quả gì.

Hàng ngày, lục quân, hải quân và không quân Pháp thiêu hủy các thành phố, làng mạc Việt Nam, bắn giết dân thường Việt Nam với những máy bay và xe tăng sẵn sàng nhả đạn. Nhiều đội quân tiếp viện Pháp tiếp tục đổ bộ vào đất Việt Nam. Cuộc xâm lược này mà chúng tôi là nạn nhân, ngoài việc gieo rắc chết chóc và hủy diệt trên đất nước chúng tôi, còn uy hiếp nền hoà bình thế giới trong miền Viễn Đông.

Tôi có trách nhiệm thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà yêu cầu Đại Anh Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước Đồng minh khác trình bày trước Liên hợp quốc về cuộc xung đột và xin tố cáo những nguyên nhân và trách nhiệm về cuộc xung đột này.

2. Trong cuộc chiến tranh thế giới vừa qua: khi Chính phủ Pháp đã dâng Đông Dương cho Nhật Bản và đã câu kết với chúng chống lại Đồng minh thì nhân dân Việt Nam đã đứng về phía Đồng minh và đấu tranh không ngừng chống lại những lực lượng thù địch.

Khi quân Nhật bị buộc phải đầu hàng vào tháng 8 năm 1945, nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam đã giành được chính quyền và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố thành lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945. Một

* Bút tích tiếng Pháp, lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Quốc hội được bầu ra bằng phổ thông đầu phiếu đã bảo đảm cho đất nước một Hiến pháp dân chủ. Toàn thể nhân dân đã bắt tay vào lao động để khôi phục lại đất nước.

Chúng tôi cũng đã thực hiện những quyền dành cho nhân dân theo như những điều khoản của Đồng minh.

3. Thế nhưng, ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân đội Pháp bị Nhật đánh bại từ ngày 9 tháng 3 năm 1945 đã trở lại núp sau quân đội Anh dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Đội quân Pháp này đã dần dần chiếm lại Nam Bộ, áp đặt lại chế độ bóc lột thực dân cũ và chiến tranh đã xảy ra.

4. Với thiện chí hòa bình, Chính phủ chúng tôi đã chấp nhận ký kết với nước Pháp một Hiệp định vào ngày 6 tháng 3 năm 1946. Theo Hiệp định này, chúng tôi chấp nhận hợp tác với nước Pháp trong khuôn khổ một Liên bang Đông Dương. Vì, một lần nữa, chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi ngưỡng mộ và có một tình cảm sâu sắc với nhân dân Pháp.

Cũng theo Hiệp định này, nước Pháp công nhận nền Cộng hòa của chúng tôi như một quốc gia tự do và đồng ý rằng việc Nam Bộ trở về Việt Nam sẽ do một cuộc trưng cầu dân ý quyết định.

5. Nhưng, sau khi ký Hiệp định này, những người đại diện Pháp ở Đông Dương đã vội vã tìm cách thực hiện một ý đồ xấu xa. Họ gia tăng những cuộc tiến công vào các vị trí Việt Nam, nặn ra nước Cộng hòa Nam Kỳ với một Chính phủ bù nhìn tay sai, tiếp tục khủng bố những người yêu nước Việt Nam, phá hoại Hội nghị Phôngtennơblô là hội nghị phải giải quyết cuối cùng những mối quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam. Trước ý đồ xấu xa đó, các mối quan hệ Pháp - Việt có thể tức khắc bị đổ vỡ.

6. Một lần nữa chúng tôi khẳng định lòng mong muốn hoà bình bằng cách chấp nhận Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946 mà cốt lõi là nhằm vào việc bảo vệ những lợi ích kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam.

Nhưng một lần nữa, sự không thiện chí của những người đại diện Pháp ở Đông Dương đã thể hiện bằng những biện pháp nhằm loại bỏ những cơ hội thuận lợi cho Việt Nam, nhất là về thuế quan và ngoại thương.

Đó là những biện pháp như phong toả cảng Hải Phòng, chiếm đóng Lạng Sơn và những địa điểm khác là nguyên nhân gây nên cuộc xung đột hiện nay mà trách nhiệm hoàn toàn thuộc về phía người Pháp.

7. Là nạn nhân của một cuộc xâm lược có chủ định từ trước, chúng tôi buộc phải tự vệ chống lại một đối phương đang thực hiện phương pháp của một cuộc chiến tranh tổng lực như những cuộc bắn phá dã man làng mạc và dân thường.

Sau khi xảy ra xung đột, Chính phủ chúng tôi vẫn tìm cách tiếp xúc với Chính phủ Pháp, đã nhiều lần kêu gọi hoà bình với Chính phủ Pháp. Song những lời kêu gọi ấy của chúng tôi đều không có hồi âm.

Đấy là những sự việc đã xảy ra.

8. Chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước.

Đồng thời, trong chính sách đối ngoại của mình, nhân dân Việt Nam sẽ tuân thủ những nguyên tắc dưới đây:

1. Đối với Lào và Miên, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.

2. Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân.

9. Chính sách mở cửa và hợp tác nói trên, Chính phủ Việt Nam cũng dành cho nước Pháp trong Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946. Nhưng những người đại diện Pháp ở Đông Dương đã tìm cách phá hoại hy vọng thiết lập một chính sách như trên ở Việt Nam. Chế độ đô hộ cũ và độc quyền khai thác là mối nguy hiểm không những cho nhân dân Việt Nam mà còn

cho các nước dân chủ, vì họ cũng bị tước đoạt những lợi ích kinh tế và quyền lợi của họ không được bảo vệ.

Trong cuộc đấu tranh vì những quyền thiêng liêng của mình, nhân dân Việt Nam có một niềm tin sâu sắc rằng họ cũng chiến đấu cho một sự nghiệp chung đó là sự khai thác tốt đẹp những nguồn lợi kinh tế và một tổ chức có hiệu quả cho an ninh ở Viễn Đông.

Chính vì tinh thần ấy mà Chính phủ chúng tôi trình bày với Hội đồng bảo an về cuộc xung đột hiện nay, và đề nghị Hội đồng vui lòng chấp nhận những điều mà chúng tôi đã nói ở trên để vãn hồi hoà bình trong một phần thế giới này, để cho Hiến chương Đại Tây Dương được tôn trọng và để khôi phục lại những quyền cơ bản của Việt Nam là được thừa nhận độc lập dân tộc và thống nhất lãnh thổ.

HỒ CHÍ MINH

LỜI TUYÊN BỐ VỚI PHÓNG VIÊN BÁO *"PARI - SÀI GÒN"**

Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Tôi biết là nhân dân Pháp không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách. Chúng tôi tha thiết với nền độc lập, nhưng nước Việt Nam độc lập ở khối Liên hiệp Pháp.

Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm. Chúng tôi không lạ gì những điều đang đợi chúng tôi. Nước Pháp có những phương tiện ghê gớm, và cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do. Dù sao, tôi mong rằng chúng ta sẽ không đi tới cách giải quyết ấy.

Cả nước Pháp lẫn nước Việt Nam đều không thể phí sức gây một cuộc chiến tranh khốc hại, và nếu phải kiến thiết trên đống hoang tàn thì thật là một điều tai hại.

HỒ CHÍ MINH

---

* Báo *Cứu quốc*, số 434, ngày 13-12-1946.

CHIẾN LƯỢC CỦA QUÂN TA VÀ CỦA QUÂN PHÁP*

Cuộc kháng chiến của dân ta đã lan từ Nam ra Bắc. Vì tham vọng cướp nước của bọn thực dân phản động, quân Pháp đã cố tình gây chiến với ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn. Chiến lược của chúng là chiến lược tiến công, đánh chớp nhoáng, để giải quyết chiếm cứ thật nhanh ở một khu vực. Thế có nghĩa là chúng huy động lục quân, không quân và tất cả các thứ vũ khí lợi hại đánh chiếm lấy kỳ được một nơi nào và sau khi đã củng cố vị trí của chúng ở đó, lại bắt đầu tấn công để ngoạm miếng khác. Chúng định trừ diệt quân chủ lực của ta, bắt ta phải khuất phục rồi ra tay khủng bố, chém giết kỳ đạt được mục đích của chúng. Trận đánh Hải Phòng vừa rồi cho ta thấy rõ mưu lược ấy. Nhưng liệu chúng có đạt được ý muốn không? Một cuộc chiến tranh xâm lược nhất định không được dư luận thế giới và nhất là dư luận dân chúng Pháp biểu đồng tình. Hơn nữa binh sĩ Pháp đã chịu đau khổ vì chiến tranh, rất chán ghét chiến tranh, không vạ gì lại đổ máu để cho quân cướp nước hưởng lợi. Không thể cậy vũ khí mà có thể quyết định được thắng lợi. Phải xem những người cầm vũ khí có phải là những chiến sĩ hăng hái đánh trận không. Vụ lính Pháp tự tử vì bị điều động đi Lạng Sơn, vụ lính Pháp rải truyền đơn phản đối chiến tranh ở Đồn Thủy, đã nói nhiều về thái độ của binh sĩ Pháp hiện giờ đối với chiến tranh xâm lược như thế nào.

Lại như ở Nam Bộ, quân Pháp gây chiến với ta đã hơn một năm, nhưng gặp sức kháng chiến dẻo dai của quân ta, chúng vẫn chưa thành cơm cháo gì mà lại còn ăn không ngon, ngủ không yên với những đội quân du kích của ta.

Còn chúng ta chiến đấu là để tự vệ, cốt phá tan lực lượng tiến công của quân địch làm cho chúng phải hao quân tốn của. Dù có chiếm được nơi nào, nhưng luôn bị quấy rối, chúng không thể yên thân nuốt trôi miếng mồi đã ngoạm được.

---

* Báo *Cứu quốc*, số 434, ngày 13-12-1946.

Vì vậy, chiến lược của ta là chiến lược phòng ngự. Về phương pháp tác chiến, chúng ta áp dụng vận động chiến song song với du kích chiến. Vận động chiến có mục đích trừ diệt một số lớn địch quân. Còn du kích chiến là huy động dân quân ở địa phương vừa quấy rối vừa làm hao mòn lực lượng của chúng. Chúng ta không cố chiếm hoặc cố giữ trận địa, trừ khi nào cần và có lợi. Để tiến hành vận động chiến một cách lợi, có khi chúng ta rút lui ở một nơi nào, để làm phân tán binh lực của địch quân. Thế có nghĩa là chúng ta chia ra mà đánh. Chúng ta nhất định không bị thất bại, nếu chúng ta còn bảo toàn được thực lực.

Để thực hiện du kích chiến, chúng ta tổ chức ra đội cảm tử, đội phá hoại, đội đánh úp, đội đánh mai phục, đội cướp lương thực súng đạn, đội trinh sát. Kế hoạch tiêu thổ vườn không nhà trống, kế hoạch bất hợp tác phải được đem áp dụng một cách triệt để. Trong thành phố, ngoài những hầm hố, những chướng ngại vật, chúng ta phải biến mỗi nhà thành một ổ kháng chiến, phải đào đường hầm thông từ phố nọ sang phố kia. Trên các ngả đường quan lộ đã đành đắp nhiều ụ đất làm chướng ngại vật, nhưng trên dọc đường còn phải đặt nhiều địa lôi, nhất là ở những chỗ có cầu cống. Nếu có xe tăng, xe thiết giáp qua đó, sẽ giựt địa lôi làm nổ tung cầu hay đường thành hố sâu, đồng thời phải có đồ vật đốt cháy xe tăng. Xa những đường quan lộ đó, chọn những nơi kín đáo, đặt ổ súng đại bác hay súng liên thanh. Chúng ta phải dùng đủ mọi phương pháp để cản trở quân địch, địch đến một chỗ nào cũng không thể tiến quân được. Để kháng chiến lâu dài, mỗi làng, ngay từ bây giờ, phải biến ra một thành luỹ kháng chiến.

Chúng ta biết rằng kháng chiến lâu dài cần phải chuẩn bị đầy đủ và tất nhiên phải qua nhiều giai đoạn khổ sở, gian lao. Trong tám năm trời, quân đội Trung Hoa chống nhau với phát xít Nhật có lực lượng mạnh hơn, thế mà cũng thắng được địch quân bằng chiến thuật du kích và bằng tinh thần chịu đựng gian khổ. Cũng bằng chiến thuật du kích, quân Nam Tư đã thắng nổi được Đức. Chúng ta học kinh nghiệm quân đội Trung Hoa và quân đội Nam Tư, chúng ta nhất định sẽ thắng trong cuộc chiến đấu tự vệ của chúng ta.

Q.T.

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN*

Ngày 19 tháng 12 năm 1946

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người V.n[1] thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.

Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

HỒ CHÍ MINH

---

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2002, tr. 480.

1. V.n: Việt Nam *(B.T).*

GỬI DÂN CHÚNG VIỆT NAM, DÂN CHÚNG PHÁP, DÂN CHÚNG CÁC NƯỚC ĐỒNG MINH*

Chúng tôi, Chính phủ và dân chúng Việt Nam nhất định đấu tranh giành độc lập và thống nhất toàn quốc, nhưng sẵn sàng hợp tác thân thiện với dân chúng Pháp. Vì vậy mà chúng tôi đã ký bản Hiệp định ngày 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946.

Song bọn phản động thực dân Pháp đã thiếu thành thực, coi những bản ký kết đó như những mớ giấy lộn.

Ở Nam Bộ, họ tiếp tục bắt bớ, tàn sát và gây hấn với các nhà ái quốc Việt Nam. Họ ức hiếp những người Pháp lương thiện chủ trương sự thành thực, và tổ chức chính phủ bù nhìn để chia rẽ dân tộc chúng tôi.

Ở Nam Trung Bộ, họ tiếp tục khủng bố đồng bào chúng tôi, tấn công quân đội Việt Nam và xâm lược lãnh thổ của chúng tôi.

Ở Bắc Bộ, họ gây những cuộc xung đột để đánh chiếm Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn và nhiều nơi khác. Họ bao vây cửa bể Hải Phòng, làm cho người Trung Hoa, người Việt Nam, người ngoại quốc khác và cả người Pháp nữa, không thể buôn bán được.

Họ tìm cách bóp nghẹt cổ dân tộc Việt Nam và phá hoại chủ quyền quốc gia của chúng tôi. Hiện nay, họ đem xe tăng, tàu bay, trọng pháo và chiến hạm để tàn sát đồng bào chúng tôi và chiếm lấy cửa bể Hải Phòng cùng các tỉnh khác ven sông

Thế chưa hết, họ còn huy động thủy, lục, không quân và gửi cho chúng tôi nhiều tối hậu thư. Họ lạnh lùng tàn sát những đồng bào già cả, trẻ con và đàn bà ở cả Thủ đô Hà Nội.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, hồi 20 giờ, họ tấn công Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam.

---

* *Lời Hồ Chủ tịch,* Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 6-8.

Những hành động của thực dân Pháp định chiếm lấy nước chúng tôi thực rõ rệt, không thể chối cãi được.

Dân tộc Việt Nam nay bị đặt trước hai đường: một là khoanh tay, cúi đầu trở lại nô lệ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập.

Không! Dân tộc Việt Nam không để cho người ta trở lại thống trị nữa.

Không! Dân tộc Việt Nam không bao giờ muốn ta lại nô lệ nữa. Dân tộc Việt Nam thà chết chứ không chịu mất độc lập và tự do.

Dân chúng Pháp!

Chúng tôi yêu chuộng các bạn, và muốn hợp tác thành thực với các bạn trong khối Liên hiệp Pháp, vì chúng ta có một lý tưởng chung: tự do, bình đẳng và độc lập.

Chính bọn thực dân phản động Pháp đã làm ô danh nước Pháp và tìm cách chia rẽ chúng ta bằng cách khiêu chiến. Chừng nào nước Pháp hiểu rõ nền độc lập và thống nhất của chúng tôi và gọi trở lại những kẻ thực dân hiếu chiến Pháp về thì tình giao hảo và sự hợp tác giữa hai dân tộc Pháp - Việt sẽ trở lại ngay.

Binh lính Pháp!

Giữa các bạn và chúng tôi, không có thù ghét gì cả, chỉ vì quyền lợi ích kỷ mà bọn thực dân phản động khơi ra những xung đột. Lợi lộc chỉ họ hưởng, chết chóc thì các bạn cam chịu: những huy chương thắng trận thì về phần bọn quân phiệt. Nhưng đối với các bạn và gia đình các bạn, chỉ là sự đau khổ khốn cùng. Các bạn nên nghĩ kỹ đi. Các bạn có thể bằng lòng hy sinh máu các bạn và đời các bạn cho phản động không? Trở lại với chúng tôi, các bạn sẽ được tiếp đãi như bạn của chúng tôi.

Dân chúng các nước Đồng minh!

Sau hồi đại chiến vừa qua, các nước dân chủ đang tổ chức hoà bình, thế mà bọn phản động Pháp lại giày xéo lên những bản Hiến chương Đại Tây Dương và Cựu Kim Sơn. Họ đang gây chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Họ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Dân chúng Việt Nam yêu cầu các bạn can thiệp.

Các đồng bào!

Cuộc kháng chiến rất lâu dài và đau khổ. Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất.

Chúng ta 20 triệu chống lại 10 vạn thực dân. Cuộc thắng lợi của chúng ta rất được bảo đảm.

Thay mặt cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tôi ra lệnh cho quân đội, anh em tự vệ, dân quân và tất cả đồng bào ba kỳ những lệnh sau này:

1. Nếu quân Pháp tấn công chúng ta, chúng ta phải hăng hái phản công lại với tất cả khí giới mà chúng ta có. Tất cả quốc dân Việt Nam phải đứng dậy bảo vệ Tổ quốc.

2. Phải bảo vệ sinh mệnh và tài sản các ngoại kiều và đối đãi tử tế với tù binh.

3. Kẻ nào giúp đỡ quân địch phải nghiêm trị.

Ai giúp đỡ, bảo vệ đất nước sẽ được ghi công.

Đồng bào Việt Nam!

Tổ quốc lâm nguy, chúng ta phải đứng cả dậy.

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thành công muôn năm!

Ngày 21 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

HỎI VÀ TRẢ LỜI*

1. Có người hỏi: Kháng chiến sẽ bao giờ thắng lợi?

Tôi trả lời: Giồng khoai 3 tháng mới có củ, giồng lúa 4 tháng mới được ăn. Giồng tự do độc lập, ít nhất cũng phải 1 năm, hoặc 5, 7 tháng. Thử xem Trung Quốc kháng chiến 8 năm mới thắng lợi. Nam Dương kháng chiến 2 năm chưa thành công.

Pháp cướp nước ta hơn 80 năm. Nếu ta cần phải kháng chiến 4 năm mà được hoàn toàn tự do độc lập thì cũng sướng lắm rồi.

Chiến tranh mới bắt đầu mà bên Pháp đã ó lên: "Phải mau mau giải quyết".

Muốn trị lửa phải dùng nước. Địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy *trường kỳ kháng chiến* trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng.

2. Có người hỏi: Toàn dân kháng chiến là thế nào?

Tôi trả lời: Toàn dân kháng chiến nghĩa là toàn cả dân, ai cũng đánh giặc. Bất kỳ đàn ông đàn bà, người già con trẻ, ai cũng tham gia kháng chiến.

Tổ quốc là Tổ quốc chung. Tổ quốc độc lập thì ai cũng được tự do. Nếu mất nước thì ai cũng phải làm nô lệ. Các chú bác muốn làm nô lệ không? Không! Anh chị em muốn làm nô lệ không? Không! Các em bé muốn làm nô lệ không? Nhất định không. Vậy thì ai cũng phải kháng chiến.

Có người lo lắng: Mình không có tài, sức lại yếu, không có súng, không biết bắn, thì tham gia kháng chiến thế nào? Tưởng như vậy là sai. Tôi nói một cái thí dụ rõ rệt cho bà con nghe: các chị em cô đầu có súng đâu, biết bắn đâu. Thế mà khi bộ đội lo đánh giặc thì chị em người lo nấu cơm nấu nước, người giúp chuyên chở đạn dược, người thì băng bó săn sóc cho anh em bị thương. Thế là chị em cũng cùng tham gia kháng chiến, cũng làm tròn nghĩa vụ quốc dân.

---

* Bút tích lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Dân ta phải giữ nước ta,

Dân là con nước, nước là mẹ chung.

3. Có người hỏi: Chiến sĩ đánh trước mặt trận, đồng bào ở hậu phương nên làm việc gì?

Trả lời: Chiến sĩ hy sinh xương máu để giữ đất nước. Bụng có no, thân có ấm mới đánh được giặc.

Làm ra gạo thóc cho chiến sĩ ăn, làm ra vải vóc cho chiến sĩ mặc. Đều nhờ nơi đồng bào ở hậu phương.

Muốn giúp cho chiến sĩ ăn mặc đầy đủ thì phải ra sức tăng gia sản xuất, nuôi nhiều gà, vịt, lợn, bò, giồng nhiều lúa, khoai, ngô, đậu. Hậu phương thắng lợi thì chắc tiền phương thắng lợi.

Thế là đồng bào hậu phương cũng ra sức tham gia kháng chiến.

Tiền phương chiến sĩ hy sinh,

Đem xương máu mình, giữ nước non ta.

Hậu phương sản xuất tăng gia,

Cũng là kháng chiến, cũng là vẻ vang.

Ngày 23 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI CÁC KIỀU DÂN PHÁP*

Các bạn,

Thấy các bạn lâm vào cảnh ngộ hiện nay, tôi rất lấy làm ái ngại, vì các bạn là những người Pháp lương thiện mà tôi vẫn coi như là bạn hữu.

Tôi biết không phải là lỗi tại các bạn, song cũng như chúng tôi, các bạn là nạn nhân của bọn thực dân phản động, chúng chỉ vì quyền lợi cá nhân ích kỷ mà gây ra chiến tranh xâm lược.

Chúng tôi mong một ngày gần đây, dân chúng Pháp và dân chúng Việt Nam sẽ có thể cùng hợp tác với nhau trong vòng hòa bình và thân ái để mưu hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi không hề coi các bạn là tù nhân. Các bạn hãy yên tâm ở dưới sự che chở của chúng tôi cho đến hết chiến tranh. Khi đó các bạn sẽ được tự do.

Tôi chúc các bạn trong dịp lễ Nôen và năm mới.

Ngày 24 tháng 12 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

---

* *Lời Hồ Chủ tịch,* Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 15.

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ CÁC ỦY BAN KIẾN THIẾT, ĐỘNG VIÊN DÂN CHÚNG, TĂNG GIA SẢN XUẤT, ỦY BAN TẢN CƯ*

1. Các ủy ban đó tuy *phân công* để có cơ quan chuyên môn phụ trách, nhưng cần phải *hợp tác* chặt chẽ, vì có quan hệ rất mật thiết với nhau. Ban này không thể làm việc rời ban kia. Và những nhân viên lưu động cần phải làm kiêm 3 việc. Thí dụ: Khi đi ra ngoài, người phụ trách động viên dân chúng, phải xem xét việc tản cư và khuyến khích dân giúp đỡ đồng bào tản cư, đồng thời phải khuyên dân tăng gia sản xuất và bày vẽ cách tăng gia sản xuất. Nhân viên những Ủy ban kia cũng thế.

2. Vì vậy, kế hoạch của các Ủy ban cần phải ăn khớp với nhau. Những nhân viên đi các nơi phải có đủ 3 kế hoạch để giải thích cho dân.

3. Ủy ban kiến thiết, thì ngoài sự giúp ý kiến cho 3 ban kia, cần phải có kế hoạch ngoại giao và kinh tế. Nếu cần phải thoái, thì kiến thiết thế nào? Kháng chiến thắng lợi, thì kiến thiết thế nào?

ĐỘNG VIÊN DÂN CHÚNG

Cách làm:

a) Phải có người đi khắp các nơi khai hội, giải thích cho dân.

Nên dùng những thanh niên hăng hái, giải thích cho họ hiểu, rồi phái họ đi làm.

b) Truyền đơn, rất phổ thông, rất giản đơn, giải thích từng việc.

c) Khẩu hiệu thiết thực, dán khắp các làng, viết khắp các tường.

---

* Viết ngày 27-12-1946. Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I.

d) Báo, hoạ báo, bích báo.

e) Ca kịch - viết những bài ca vắn, dễ hiểu, dễ thuộc lòng, phát cho dân. Diễn những bản kịch giản đơn, cảm động.

f) Khai hội dân chúng - sức[1] các làng, các đoàn thể, phải mấy ngày khai hội dân chúng một lần. Cán bộ giải thích và kiểm điểm các việc. Dân chúng phát biểu ý kiến. Hô khẩu hiệu. Toàn dân đọc lời thề (Ủy ban phải in lời thề vắn tắt, thiết thực, cảm động, phát cho các làng).

g) Các ủy viên phải thường đi tuần thị[2].

h) Các tỉnh, huyện, làng đều có một Ủy ban động viên dân chúng.

Từ huyện đến làng, ban này có thể kiêm cả việc tản cư và tăng gia sản xuất.

Nội dung:

- Về quân sự:

1. Vì sao phải kháng chiến. Vì sao kháng chiến phải trường kỳ, phải toàn diện, phải toàn dân. Thế nào là toàn diện, thế nào là toàn dân.

2. Mỗi một người (người già, phụ nữ, thanh niên, nhi đồng) phải giúp kháng chiến cách thế nào.

3. Giữ bí mật thế nào. Đề phòng Việt gian thế nào. Để phòng tàu bay và nhảy dù thế nào.

4. Vì sao phải ra sức phá hoại những đường sá gần chiến khu.

5. Vì sao quân ta có khi tiến, có khi thoái. Khi bộ đội tiến, dân phải giúp thế nào. Khi thoái, dân phải giúp thế nào.

6. Vì sao thấy thắng trận không nên kiêu ngạo, thấy bại trận không nên hoảng.

7. Dân có thể tổ chức du kích thế nào.

8. Vì sao kháng chiến nhất định thắng lợi.

- Về xã hội:

a) Vì sao phải đoàn kết chặt chẽ.

---

1. Chỉ thị.

2. Đi tìm hiểu và kiểm tra thực tế.

b) Vì sao phải giúp đỡ đồng bào tản cư. Giàu thì giúp thế nào, nghèo thì giúp thế nào.

c) Vì sao không nên tăng giá các vật liệu.

d) Vì sao phải giữ trật tự cho yên ổn, giữ cách thế nào. Canh gác nên thế nào.

- Về kinh tế:

1. Vì sao phải tăng gia sản xuất.

2. Tăng gia cách thế nào.

Nên có một đội tuyên truyền, trực tiếp dưới sự chỉ huy của ban.

ỦY BAN TẢN CƯ

1. Kỳ, tỉnh, huyện, làng, đều phải có một Ủy ban tản cư.

- Hệ thống liên lạc dọc phải rất mật thiết.

- Trong Ủy ban phải có một vị danh vọng cao, làm chủ nhiệm, dễ kêu gọi dân.

- Trong Ban thường vụ cần có những người khéo tổ chức, nhiều sáng kiến, giỏi chạy vạy. Nên mời các thân hào, những người có danh vọng, đại biểu các giới làm ủy viên hoặc cố vấn.

2. Công việc.

a) Điều tra - phải hỏi các nơi lập tức báo cáo rõ ràng số người có thể ở lại nơi họ đang ở bây giờ và số người cần phải đem đi nơi khác, để cho Ủy ban kỳ phân phát đi các tỉnh.

b) Phải có kế hoạch rõ ràng, chia đến tỉnh nào mấy người tản cư:

- Kế hoạch giúp đỡ họ lúc đi đường (trạm ăn, trạm ngủ, giúp chở hành lý).

- Kế hoạch rõ cho các tỉnh phân phát huyện nào, làng nào, nhà ai nhận thu dung mấy người. Người tản cư đến tỉnh thì có chỗ đi ngay. Không thế thì người sẽ ứ lại, tỉnh và huyện không thể nuôi được.

c) Những nơi có đồn điền, Bộ Canh nông phải chuẩn bị cày cuốc và lương thực, sẵn sàng rồi thì thông tri cho Ban kỳ biết, nơi nào thu dung được mấy người để cho Ban kỳ phân phối.

d) Công nghệ - phải khuyên và giúp những nhà tư sản tản cư, xuất vốn lập những thủ công nghệ. Họ đã có lợi, hơn là để tiền nằm không, lại giúp thu dung được một số đồng bào tản cư.

e) Khuyến khích những người tản cư, mỗi một người phải có một công việc tại nơi mình tản cư. Không để ai ngồi ăn không. Khẩu hiệu là: Tản cư cũng tham gia kháng chiến!

Số người mỗi tỉnh có thể thu dung:

Những tỉnh có thể dung 2 vạn người:

Hà Đông

Vĩnh Yên

Bắc Ninh

Bắc Giang

Hải Dương

Hưng Yên

Hà Nam

Có thể dung 1 vạn người:.

Nam Định

Sơn Tây

Cao Bằng

Thái Nguyên

Thái Bình

Có thể dung 5 ngàn:

Phúc Yên

Tuyên Quang

Cao Bằng

Hòa Bình

Ninh Bình

(Cộng cả hơn 210.000 người)

Về việc tản cư, Chính phủ cần phải giúp một số tiền.

TĂNG GIA SẢN XUẤT

1. Không để 1 tấc đất hoang.

- Tổ chức những đội khẩn hoang. Những đội giúp nhau cày gặt.

- Tổ chức nghĩa thương.

2. Tổ chức những hợp tác xã thủ công nghệ.

(Việc này, phải lợi dụng những kinh nghiệm năm ngoái).

Khẩu hiệu:

Tiền phương ra sức chiến đấu,

Hậu phương tăng gia sản xuất,

Tiền hậu phương đều kháng chiến.

Thì kháng chiến quyết thắng lợi!

HỒ CHÍ MINH

LỜI KÊU GỌI ĐẦU NĂM MỚI (1947)*

Hỡi toàn thể đồng bào Nam, Trung, Bắc!

Hôm nay, mồng 1 tháng Giêng năm 1947, tôi thay mặt Chính phủ chúc toàn thể đồng bào và kiều bào ở hải ngoại,

Chúc các bộ đội, tự vệ và dân quân,

Chúc các em thanh niên, phụ nữ và các cháu thiếu nhi, năm mới, một năm mới đoàn kết, một năm mới kiên quyết kháng chiến, một năm mới thắng lợi.

Đến năm nay, thực dân Pháp cướp nước ta đã 85 năm trường. Trong 85 năm sỉ nhục đó, đồng bào ta cha truyền con nối đã chịu biết bao nhiêu nỗi đắng cay.

Trong 85 năm đó, thực dân Pháp làm chết dân ta ít nhất, cũng đến 7, 8 triệu người, chết vì chúng hãm đói, chết vì chúng khủng bố, chết vì chúng đem đi chiến trường. Năm ngoái chỉ ở Bắc Bộ và miền Bắc Trung Bộ đã hơn 2 triệu đồng bào chết đói. Người bị chúng làm chết đã rồi, còn những người sống thì lầm than dưới ách nô lệ, thân ngựa mình trâu!

Từ năm nay trở đi, đồng bào ta, con cháu Hai Bà Trưng, con cháu Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nùng Trí Cao, có chịu để nước non Hồng Lạc cho thực dân Pháp giày xéo, có chịu để nòi giống Rồng Tiên cho thực dân Pháp giày đạp nữa không?

Không, quyết không!

Chúng ta đem lực lượng của 20 triệu đồng bào, chống lại mấy vạn thực dân Pháp. Chúng ta nhất định thắng lợi.

Dù ta cần phải hy sinh 4 triệu hay 8 triệu người, mà nước ta được độc lập, dân ta được tự do, tổ tiên ta được vẻ vang, con cháu ta được hạnh phúc, cũng còn hơn chịu cúi đầu mà làm nô lệ cho thực dân Pháp muôn đời.

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 13-14.

Hỡi toàn thể đồng bào!

Hỡi nam nữ chiến sĩ!

Tôi xin thay mặt toàn quốc gửi lời chào năm mới cho nhân dân Pháp, là bạn của nhân dân ta.

Hỡi toàn thể đồng bào, toàn thể chiến sĩ!

Năm mới chúng ta phải đem lực lượng mới, quyết tâm mới để giành lấy thắng lợi mới, để xây dựng một đời sống mới, một nước non mới.

Việt Nam độc lập, thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Ngày 1 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

ĐIỆN VĂN GỬI VỆ QUỐC QUÂN VÀ DÂN QUÂN TỰ VỆ TRUNG, NAM, BẮC*

Tôi vừa nhận được lời chúc tụng của bộ đội và dân quân trong dịp lễ Nguyên đán, tôi rất cảm động. Tôi nghiêng mình trước sự hy sinh lớn lao của các chiến sĩ vệ quốc quân và tự vệ đã tử trận ở khắp các mặt trận trong năm vừa qua, tôi rất lấy làm cảm kích nhận thấy toàn thể bộ đội và dân quân cùng một chí cương quyết kháng chiến, cùng một lòng tinh thần đoàn kết và thực hiện quân dân nhất trí.

Tôi tin tưởng vào dân quân và bộ đội để bảo vệ đất nước và đem sự thắng lợi cuối cùng về cho Tổ quốc. Cùng nhau nỗ lực kháng chiến, chúng ta quyết giành độc lập và thống nhất cho nước Việt Nam.

Kháng chiến thắng lợi!

Việt Nam thống nhất, độc lập muôn năm!

Tinh thần quân dân nhất trí muôn năm!

Chào quyết thắng
Tháng 1 năm 1947
HỒ CHÍ MINH

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 16.

THƯ GỬI CHÍNH PHỦ, QUỐC HỘI VÀ NHÂN DÂN PHÁP*

Kính gửi Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp,

Thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, tôi trịnh trọng tuyên bố cùng nước Pháp rằng:

1. Nhân dân Việt Nam không tranh đấu chống nước Pháp và nhân dân Pháp. Đối với nước Pháp và nhân dân Pháp, nhân dân Việt Nam vẫn thân thiện, tin cậy và khâm phục.

2. Nhân dân Việt Nam thành thực muốn cộng tác với nhân dân Pháp như anh em trên một căn bản tín nghĩa và bình đẳng.

3. Nhân dân Việt Nam chỉ đòi độc lập và thống nhất quốc gia trong khối Liên hiệp Pháp, một khối liên hiệp do sự tự do thỏa thuận tạo nên.

4. Nhân dân Việt Nam chỉ muốn có hoà bình, một nền hoà bình thực sự, để kiến thiết quốc gia với sự cộng tác của những người bạn Pháp chân chính.

5. Nhân dân Việt Nam cam kết không những tôn trọng những quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp ở Việt·Nam, mà còn giúp cho những quyền lợi đó phát triển thêm để ích lợi chung cho cả hai nước.

6. Nhân dân Việt Nam đã bị chính sách vũ lực, chính sách xâm lăng của một vài người đại diện Pháp ở Đông Dương xô đẩy vào một cuộc chiến tranh tự vệ thảm khốc. Những người đại diện đó tìm mọi cách để chia rẽ dân tộc chúng tôi, cắt xén Tổ quốc chúng tôi, xâm phạm chủ quyền quốc gia của chúng tôi, ngăn cản không cho chúng tôi độc lập và phá hoại sự hợp tác thành thực của hai dân tộc Việt - Pháp.

7. Muốn lập lại hoà bình, chỉ cần:

a) Trở lại tình trạng trước ngày 20 tháng 11 và ngày 17 tháng 12 năm 1946, đình chỉ ngay và đình chỉ thực sự những cuộc xung đột trong toàn cõi Việt Nam (Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ).

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 22-23.

b) Làm xúc tiến ngay công việc của các Ủy ban đã dự định đặt ra để thi hành Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946, các Ủy ban này phải họp ở Sài Gòn và Hà Nội, nhưng không ở Đà Lạt.

c) Tiếp tục ngay những cuộc điều đình ở Phôngtennơblô để giải quyết một cách vĩnh cửu vấn đề giao thiệp giữa hai nước Pháp, Việt.

Nhiều thành thị, làng mạc đã bị tàn phá, hàng vạn đàn bà, trẻ con và người già cả Việt Nam đã bị phi pháo tàn sát. Và đã nhiều binh lính trai trẻ Pháp và Việt chết hoặc bị thương.

Bao nhiêu đổ nát đã chồng chất lên nhau, máu chảy cũng đã nhiều.

Chính phủ và nhân dân Pháp chỉ cần có một cử chỉ công nhận độc lập và thống nhất của nước Việt Nam là chấm dứt được những tai biến này; hoà bình và trật tự sẽ trở lại ngay tức khắc. Dân tộc Việt Nam đang chờ đợi cử chỉ đó.

Nước Pháp mới muôn năm!

Nước Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Tình thân thiện Pháp Việt muôn năm!

Ngày 7 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

LỜI KÊU GỌI
NHÂN NGÀY TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 1947*

Tết đã gần đến.

Theo tục lệ thường thì đồng bào từ Nam chí Bắc, từ thành thị đến thôn quê, ai cũng sắm sửa ăn Tết.

Song Tết năm nay, phải là một Tết kháng chiến. Chiến sĩ ở tiền phương đang chịu đói chịu rét, xông pha bom đạn, đem xương máu để giữ gìn Tổ quốc, để bảo vệ cho đồng bào hậu phương được an toàn.

Đồng bào các chiến khu thì nhà tan của mất, lưu lạc, tản cư, ăn đói mặc rét, cực khổ điêu linh.

Trước tình trạng đó, đồng bào các nơi khác có nỡ lòng ăn Tết linh đình không?

Chắc là không!

Vậy tôi kêu gọi toàn thể đồng bào:

1. Phải hết sức tiết kiệm, để dành tiền bạc, cơm gạo, cho cuộc kháng chiến lâu dài.

2. Nhân dịp Tết kháng chiến, mọi người thi nhau đào hầm trú ẩn và làm những việc cần kíp, để phòng trước bọn địch tấn công.

3. Ra sức thi nhau tăng gia sản xuất.

4. Rủ nhau gửi đồ úy lạo cho chiến sĩ ở tiền phương, có gì gửi nấy, quà bánh và thư từ, để tỏ tình thân ái. Nhất là phụ nữ, thanh niên và thiếu nhi, nên phụ trách tổ chức việc này.

Chúng ta phải làm sao cho Tết này thật là một Tết kháng chiến.

Bao giờ kháng chiến thắng lợi, độc lập thành công, chúng ta sẽ cùng nhau ăn Tết linh đình.

Ngày 8 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 24.

LỜI KÊU GỌI CHÍNH PHỦ VÀ NHÂN DÂN PHÁP*

Chiến tranh đã bùng nổ, một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn do chính sách võ lực và xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp bắt chúng tôi phải chịu đựng.

Ông Bộ trưởng Mutê đã đến điều tra. Tiếc thay ông đã chẳng muốn gặp tôi. Vì thế ông đã trở về với một nhận định sai lầm về tình hình Việt Nam.

Người ta đã vu cho chúng tôi cố ý gây cuộc chiến tranh này. Điều đó hoàn toàn sai sự thực.

Tôi chỉ nhắc lại đây một vài việc: Chính phủ mới của chúng tôi thành lập sau khi tôi ở Pháp về, gọi là Chính phủ kiến quốc còn Chính phủ trước thì gọi là Chính phủ kháng chiến. Ủy ban kháng chiến toàn quốc Việt Nam đã giải tán. Một chương trình kiến thiết kinh tế xây dựng các miền kiểu mẫu đã được ban hành. Chính tôi đã nhiều lần kêu gọi Chính phủ và Quốc hội Pháp để gây hoà bình và tin tưởng lẫn nhau. Phải chăng đó là một cuộc gây chiến?

Quyết là không.

Một mặt khác, việc tiếp tục chiến sự ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, sự cố tình trì hoãn phái các Ủy ban để thi hành Tạm ước, việc phong toả hải cảng Hải Phòng, việc chiếm đóng Hải Phòng và Lạng Sơn, sự tiếp viện quân cảm tử và lính lê dương tới Hà Nội và Đà Nẵng, những tối hậu thư liên tiếp, sự tàn sát thường dân ở Hà Nội, phải chăng đó là những bằng cớ chứng tỏ ý muốn hoà bình của những người đại diện Pháp ở đất này?

Vả lại chúng tôi có những tài liệu rõ ràng mà chúng tôi rất tiếc không được gửi ông Bộ trưởng Mutê nhưng chúng tôi sẽ công bố khi phải lúc. Lúc đó nhân dân Pháp và cả thế giới sẽ biết ai mới chính là những người phải chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh này.

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 26-27.

Chúng tôi muốn gì?

Chúng tôi bao giờ cũng muốn cộng tác với dân tộc Pháp như anh em, trong hoà bình và tin tưởng lẫn nhau.

Chúng tôi bao giờ cũng muốn độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp.

Chúng tôi bao giờ cũng muốn kiến thiết lại nước chúng tôi với sự giúp đỡ của tư bản và các nhà chuyên môn Pháp để mưu lợi ích chung cho cả hai dân tộc.

Chúng tôi muốn hoà bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau.

Chúng tôi mong đợi ở Chính phủ và nhân dân Pháp một cử chỉ mang lại hoà bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước. Nước Việt Nam có thể bị tàn phá, nhưng nước Việt Nam sẽ lại hùng mạnh hơn sau cuộc tàn phá đó. Còn nước Pháp chắc chắn sẽ mất hết và sẽ biến hẳn khỏi cõi Á châu.

Chúng tôi tha thiết mong rằng dân tộc Pháp bao giờ cũng chiến đấu cho tự do trên thế giới, sẽ hết sức tìm mọi cách để tránh một tình trạng không phương cứu chữa.

Ngày 10 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI CÁC LÃNH TỤ VÀ NHÂN DÂN CÁC NƯỚC*

Các vị lãnh tụ và toàn thể nhân dân Trung Hoa, Diến Điện và toàn Á Đông,

Nhân dân Pháp và các thuộc địa Pháp,

Các nhân sĩ dân chủ toàn thế giới,

Tôi thay mặt nhân dân Việt Nam trân trọng cảm ơn các vị đã lên tiếng ủng hộ chính nghĩa và tỏ đồng tình với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam.

Việt Nam chỉ muốn hòa bình và độc lập, để cộng tác thân thiện với các dân tộc trên thế giới, trước là với dân tộc anh em Á Đông và dân tộc Pháp.

Việt Nam chỉ giữ gìn chủ quyền, độc lập của mình, chứ không hề xâm phạm đến ai.

Thế mà thực dân Pháp bất nhân bội ước, đem tất cả lực lượng hung tàn của chúng, hòng tiêu diệt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Những thành thị như Hải Phòng, Hà Nội đã bị thực dân Pháp phá tan hoang. Mấy nghìn đàn bà, trẻ con Việt Nam đã bị tàu bay Pháp bắn chết.

Việt Nam là một bộ phận trong đại gia đình châu Á. Vận mệnh Việt Nam rất mật thiết quan hệ với vận mệnh các dân tộc Á châu. Thực dân Pháp muốn đè bẹp Việt Nam, tức là muốn phá hoại đại gia đình Á châu của chúng ta.

Việt Nam là một bộ phận trong nền hoà bình chung toàn thế giới. Thực dân Pháp gây nên chiến tranh ở Việt Nam, tức là phá hoại thế giới hoà bình.

Vận mệnh nhân dân Pháp và các thuộc địa Pháp lại càng quan hệ với Việt Nam. Nếu để bọn thực dân kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam thì chẳng những nhân dân Pháp bị chết người hại của thêm, mà địa vị nước Pháp sẽ trở nên cô độc và khối Liên hiệp Pháp cũng không còn. Nhân dân

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 30-31.

Angiêri, Tuynidi, Marốc, Mađagátxca, v.v... sẽ trông gương Việt Nam mà không ai tin Pháp nữa.

Vì Tổ quốc, vì tự do, nhân dân Việt Nam kiên quyết kháng chiến đến cùng. Vì nhân đạo, chính nghĩa, vì hoà bình chung và lợi ích chung, nhân dân Việt Nam mong các vị giúp đỡ mọi phương diện.

Một lần nữa tôi xin thay mặt toàn dân Việt Nam cảm ơn các vị đã tỏ tình thân ái.

Ngày 13 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

GỬI CÁC VỊ LÃNH TỤ DIẾN ĐIỆN VÀ Á ĐÔNG*

Nhân dịp ngày độc lập của dân tộc Diến Điện, thay mặt dân tộc Việt Nam và riêng tôi, tôi gửi dân tộc Diến Điện lời chúc mừng thân ái.

Tôi cũng nhân dịp đó gửi lời cảm ơn ông Aung San, các ông Nêru, Bôdơ, Ginnát và các vị lãnh tụ dân tộc châu Á đã tỏ cảm tình với dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến đấu giải phóng đất nước.

Các dân tộc châu Á có độc lập thì nền hoà bình thế giới mới thực hiện được. Mỹ đã công nhận nền độc lập của Phi Luật Tân. Anh đã hứa để Ấn Độ được độc lập. Hai cường quốc ấy đã thi hành đúng Hiến chương Đại Tây Dương vì họ đã ký Hiến chương đó. Nhưng còn các cường quốc khác thì sao?

Vận mệnh dân tộc châu Á quan hệ mật thiết với vận mệnh dân tộc Việt Nam. Vận mệnh các dân tộc thuộc địa Pháp cũng vậy.

Chúng tôi mong được tất cả các dân tộc giúp đỡ. Chúng tôi kiên quyết chiến đấu kỳ cho đến khi giải phóng hoàn toàn.

Chúng tôi thắng lợi, ấy là các bạn cũng thắng lợi.

Lời chào thân ái

HỒ CHÍ MINH

---

* Tiếng Pháp, bản gốc lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BÀO PHÁ HOẠI ĐỂ KHÁNG CHIẾN*

Hỡi đồng bào yêu quý,

Vì sao ta phải kháng chiến?

Vì không kháng chiến thì Pháp sẽ cướp nước ta lần nữa. Chúng sẽ bắt dân ta làm nô lệ lần nữa.

Chúng sẽ bắt dân ta đi phu đi lính, nộp thuế nộp sưu. Chúng sẽ giật hết quyền tự do độc lập của ta. Chúng sẽ cướp hết ruộng nương của cải ta. Chúng sẽ khủng bố chém giết anh em bà con ta. Chúng sẽ đốt phá nhà cửa đền chùa ta. Đồng bào thử xem Hà Nội, Hải Phòng thì rõ.

Vì ta không chịu làm trâu ngựa cho Pháp, vì ta phải giữ gìn non sông đất nước ta, cho nên ta phải đánh bọn thực dân Pháp.

Đánh thì phải phá hoại. Ta không phá thì Pháp cũng phá. Nếu ta không phá đường phá cống, lấp sông lấp ngòi, nếu ta không phá những nhà cửa kiên cố mà Pháp có thể dùng làm nơi căn cứ, thì Pháp sẽ đem tàu thủy xe tăng đến đánh ta, và chúng sẽ đốt phá cướp bóc sạch trơn. Vì vậy, ta phải phá trước, cho Pháp không dùng được. Dù ta muốn để cống, để đường, để nhà mà dùng, cũng không dùng được, vì Pháp sẽ chiếm hết, phá hết.

Bây giờ ta phải phá đi, để chặn Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng.

Ta vì nước hy sinh, chịu khổ một lúc. Đến ngày kháng chiến thắng lợi, ta sẽ cùng nhau kiến thiết sửa sang lại, nào có khó gì.

Các chiến sĩ ở trước mặt trận hy sinh xương máu cho Tổ quốc, họ còn không tiếc. Không lẽ đồng bào ta lại tiếc một đoạn đường, một cái cống, hoặc một ngôi nhà, mà để bọn Pháp lợi dụng, đặng đánh Tổ quốc ta.

---

* Viết ngày 16-1-1947. Bản đánh máy của Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Đồng bào đều là người ái quốc, chắc không ai nỡ lòng như thế.

Vậy tôi thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào ở đây, mọi người đều ra sức giúp phá. Phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào, cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch vậy.

Tôi lại trân trọng hứa với đồng bào rằng: kháng chiến thắng lợi rồi, tôi sẽ ra sức cùng đồng bào sửa sang tu bổ lại hết. Chúng ta sẽ làm những đường sá, cầu cống khéo hơn, những nhà cửa tốt hơn, và xứng đáng một dân tộc tự do độc lập hơn.

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Việt Nam độc lập muôn năm!

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI
TỔNG THỐNG NƯỚC PHÁP VANHXĂNG ÔRIÔN*

Kính gửi Tổng thống Vanhxăng Ôriôn,

Thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam và riêng tôi, tôi xin nhiệt liệt gửi ngài lời chào mừng nhân dịp ngài được bầu lên giữ chức Tổng thống nước Pháp cộng hoà.

Nhân dịp này, tôi xin nói để ngài rõ là dân tộc Việt Nam chỉ mong được độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp. Tôi rất đau lòng trông thấy những người đáng lẽ là bạn bè anh em với nhau, mà nay phải tàn sát lẫn nhau.

Chúng ta có thể và chúng ta phải đi tới hòa bình để cứu sống cho Ban thanh niên Pháp - Việt. Biết rõ lòng nhân ái và đức độ cao cả của ngài, tôi xin đề nghị cùng ngài lập lại ngay nền hòa bình để tránh cho hai nước chúng ta khỏi bị hao người thiệt của, và để gây lại sự cộng tác và tình thân thiện giữa hai dân tộc chúng ta.

Kính chào thân ái

Ngày 18 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 33.

GỬI CHÍNH PHỦ PHÁP ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH*

Lúc này là lúc nước Pháp vừa ra khỏi thời kỳ tạm bợ, và sắp sửa bước vào giai đoạn tổ chức vững bền, nỗ lực kiến thiết, tôi xin nhân danh Chính phủ và nhân dân Việt Nam gửi lời chào mừng Chính phủ mới của nước Pháp.

Thời kỳ tạm bợ mà nước Pháp vừa qua đã kéo dài nhiều quá, vì thế nước Pháp đã không ấn định được rõ rệt lập trường của mình trong vấn đề Việt - Pháp. Đó là nguyên nhân sâu xa của tình trạng bi thảm hiện tại. Tình trạng này, chúng tôi thiết nghĩ nguyên cớ ở sự đối lập giữa các nguyện vọng và quyền lợi thiết thực của hai dân tộc chúng ta thì ít, mà ở những sự hiểu nhầm do ít nhiều kẻ cố ý gây ra và duy trì thì nhiều. Vì vậy chúng tôi tha thiết mong rằng chính sách của nước Pháp mới đối với nước Việt Nam được ấn định rõ ràng ngay.

Chúng tôi cần trịnh trọng nhắc lại lập trường từ xưa đến nay không thay đổi của nước Việt Nam, có thể tóm tắt trong hai điểm chính sau đây:

1. Độc lập và thống nhất quốc gia trong khối Liên hiệp Pháp.

2. Cộng tác thân thiện với nước Pháp trên căn bản bình đẳng và tôn trọng những thỏa hiệp tự do ký kết.

Chính sách "phản bội các thỏa hiệp", chính sách "việc đã rồi" và chính sách vũ lực mà các nhà đại diện Pháp ở Đông Dương vẫn áp dụng từ trước đến nay, đã bó buộc dân tộc Việt Nam phải võ trang tự vệ. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn mong ước hoà bình, một nền hòa bình hợp công lý và xứng đáng đối

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 36-37.

với nước Pháp cũng như đối với nước Việt Nam. Chúng tôi rất than tiếc những sự đổ nát chồng chất và những dòng máu đã chảy.

Chúng tôi mong Chính phủ Pháp đình chỉ ngay cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn này và tin rằng dù có nhiều sự khó khăn vẫn có thể giải quyết cơn khủng hoảng một cách hoà bình và hợp đạo công bằng.

Chúng tôi tin ở tương lai sự hợp tác thân thiện giữa hai dân tộc chúng ta và mong đợi Chính phủ Pháp đáp lại lời kêu gọi mới này.

Ngày 25 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI CÁC CHIẾN SĨ CẢM TỬ QUÂN THỦ ĐÔ*

Cùng các chiến sĩ yêu quý Trung đoàn Thủ đô,

Các em ăn Tết thế nào? Vui vẻ lắm chứ? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ăn Tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.

Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh[1]. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau.

Chí kiên quyết dũng cảm, các em đã sẵn có, đây tôi chỉ nhắc lại một vài điều mà các em phải nhớ luôn luôn:

1. Phải hết sức khôn khéo, nhanh chóng, bí mật, phải biết cách hóa chỉnh vi linh[2].

2. Phải rút kinh nghiệm hàng ngày hàng giờ. Phải đề phòng Việt gian trinh thám.

---

* Sách *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 39.

1. Có sách xuất bản sau như cuốn: *Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1962, tr. 26-27 lại in là *"Các em là đội quyết tử. Các em quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh" (B.T)*.

2. *Hoá chỉnh vi linh:* đem một chỉnh thể chia thành nhiều bộ phận nhỏ. Ở đây nên hiểu là biết phân tán lực lượng một cách khéo léo *(B.T)*.

3. Phải hết sức cẩn thận. Phải luôn luôn có sáng kiến để lợi dụng thời cơ.

4. Tuyệt đối đoàn kết.

Các em hăng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em.

Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào gửi cho các em lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 27 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO TẢN CƯ*

Cùng đồng bào tản cư,

Thực dân Pháp bất nhân bội tín, gây nên chiến tranh, đốt phá, tàn sát, làm cho dân ta cha lìa con, vợ lìa chồng, vô cùng thê thảm.

Dân ta vì độc lập, tự tôn, phải kiên quyết kháng chiến, các đồng bào thì hy sinh cửa nhà, của cải, kiên quyết tản cư.

Chính phủ và đồng bào hậu phương, không thể để các đồng bào tản cư bị lưu ly cực khổ, cho nên đã tìm mọi cách đặng sắp xếp cho các đồng bào có nơi ăn, chỗ ở, việc làm.

Vậy nhiệm vụ của đồng bào tản cư là thế nào?

A- Tản cư cũng là kháng chiến

Ở tiền tuyến, chiến sĩ hy sinh xương máu để bảo vệ non sông. Ở hậu phương, toàn thể quốc dân hy sinh mồ hôi nước mắt để giúp việc kháng chiến.

Các đồng bào tản cư cam chịu cực khổ, chứ không chịu đội trời chung với quân thù. Tôi biết nhiều đồng bào trước lúc tản cư giao hết lương thực cho bộ đội ta cho khỏi lọt vào tay địch. Nhiều người tự đốt cháy nhà mình cho khỏi để quân địch dùng. Thế là các đồng bào đã oanh liệt tham gia kháng chiến, mà nay về sau cứ phải tham gia kháng chiến.

B- Tản cư cũng phải tăng gia sản xuất

Nay dời vào hậu phương, các đồng bào *mỗi người phải tạm một việc*, không nên một ai rỗi ngồi không.

Các anh em *trí thức* thì đem học vấn của mình giúp vào việc văn hóa ở thôn quê, hoặc ra sức tuyên truyền việc kháng chiến. Hoặc giúp sức vào bình dân học vụ. Chớ bỏ tài học của mình.

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 49-50.

Các *đồng bào có vốn* thì nên cùng nhau tổ chức những công nghệ nhỏ. Như thế thì đã khỏi ngồi ăn cụt vốn mà lại giúp được một số đồng bào lao động tản cư. Chính phủ sẽ tận tâm giúp đỡ.

Các anh em *công nhân* thì Liên đoàn lao động và Chính phủ đã có kế hoạch sắp xếp công ăn việc làm cho cả mọi người. Anh em phải lập tức đến đăng ký tại Liên đoàn lao động để nhận công việc.

Anh em *nông dân và các lớp đồng bào khác* thì Chính phủ và đồng bào hậu phương đã có cách giúp đỡ. Xin mọi người theo lời của các Ủy ban tản cư đi đến nơi đã chuẩn bị sẵn sàng để mà làm ăn.

Như thế là các đồng bào ai làm nghề gì, trong lúc tản cư cứ làm nghề ấy. Ai cũng ra sức tăng gia sản xuất.

C- Về mặt tinh thần

Các đồng bào đã quyết chí hy sinh vì nước, bỏ hết nhà cửa, của cải mà tản cư. Nay phải giữ vững và phát triển tinh thần kiên quyết đó.

Khi đã có việc làm thì phải siêng năng và tiết kiệm.

Ăn ở cùng nhau phải đoàn kết chặt chẽ. Phải nhớ rằng: Đoàn kết là sức kháng chiến.

Phải giữ kỷ luật, mỗi người phải tự cho mình là một người chiến sĩ, mỗi người phải làm tròn nhiệm vụ của mình.

Tôi và Chính phủ không giờ phút nào không lo lắng đến các đồng bào. Bây giờ đang cực khổ thì chúng ta vui chịu với nhau. Đến ngày kháng chiến thắng lợi, độc lập thành công, chúng ta sẽ cùng nhau vui sướng. Con cháu Lạc Hồng bao giờ cũng quật cường, không bao giờ sợ khổ.

Lời chào thân ái
Ngày 17 tháng 2 năm 1947
HỒ CHÍ MINH

THƯ GỬI CHÍNH PHỦ VÀ NHÂN DÂN PHÁP*

Một lần nữa, tôi xin gửi Chính phủ và nhân dân Pháp một lời kêu gọi cấp bách.

Máu Pháp và máu Việt chảy đã nhiều. Nhiều thành thị, làng mạc Việt Nam đã bị tàn phá, nhiều doanh nghiệp Pháp đã bị phá sản. Cuộc chiến tranh càng kéo dài ngày nào thì tang tóc càng nhiều thêm, đổ nát càng chồng chất.

Người ta bảo rằng quân đội Pháp chỉ dùng để lập lại hoà bình, trật tự. Điều đó sai. Sự thực là ở đâu không có quân đội Pháp thì không có xung đột, mà rất có hoà bình, trật tự.

Một lần nữa, chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng nhân dân Việt Nam chỉ mong ước có độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp; chúng tôi cam kết tôn trọng quyền lợi kinh tế và văn hóa Pháp ở Việt Nam.

Nước Pháp, xưa nay vẫn tranh đấu bảo vệ cho tự do, có lẽ nào lại tiếp tục chiến tranh với một nước chỉ đòi những quyền chính đáng nhất của mình và chỉ muốn cộng tác với nước Pháp. Nước Pháp chỉ cần nói một câu là chiến sự đình chỉ tức khắc, là bao nhiêu sinh mệnh và tài sản được cứu vãn, là tình thân thiện và lòng tin cậy lẫn nhau lại được phục hồi như trước.

Nếu mặc dầu lòng chân thật mong muốn hoà bình của chúng tôi, nước Pháp nhất định tiếp tục cuộc chiến tranh, nước Pháp sẽ mất hết mà không thu được lợi gì, vì lẽ chiến tranh chỉ đưa tới chỗ gây căm hờn thù oán giữa hai dân tộc chúng ta.

Đã hẳn là quân đội Pháp có tàu bay và xe tăng, nhưng chính nghĩa về phía chúng tôi và chúng tôi có một ý chí cương quyết kháng chiến đến cùng.

Chúng tôi không tin rằng nước Pháp lại muốn tiếp tục cuộc chiến tranh trái Hiến pháp, tai hại và không vinh dự này.

---

* *Lời Hồ Chủ tịch*, tập 1, Nha Thông tin Việt Nam, 1948, tr. 51-52.

Chúng tôi yêu cầu Chính phủ Pháp tuyên bố rõ rệt chính sách của mình đối với nước Việt Nam. Chúng tôi yêu cầu nhân dân Pháp tỏ bày ý kiến về cuộc xung đột đẫm máu và vô lý này.

Về phần chúng tôi, lập trường của chúng tôi rất rõ rệt: Chúng tôi muốn độc lập và thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp; chúng tôi muốn hoà bình, một nền hoà bình hợp công lý làm vinh dự cho cả nước Pháp và nước Việt Nam.

Ngày 18 tháng 2 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

Phần thứ tư

65 NĂM TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN KÝ ỨC LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN VÀ BÀI HỌC VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Đại tướng LÊ VĂN DŨNG

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đó là một thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta. Tuy nhiên, vào thời điểm từ sau Cách mạng tháng Tám đến cuối năm 1946, cách mạng nước ta đứng trước những khó khăn chồng chất, những thử thách nghiêm trọng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một nhân chứng lịch sử đã viết: *"Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ"*[1]. Vận mệnh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như *"ngàn cân treo sợi tóc"*.

Trong tình thế hiểm nghèo của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã sáng suốt phân tích tình hình, đánh giá đúng âm mưu, hành động và khả năng của các thế lực đế quốc, xác định đường lối *Kháng chiến kiến quốc,* vừa kháng chiến chống xâm lược, vừa xây dựng chế độ mới. Trước âm mưu, thủ đoạn xâm lược, can thiệp trắng trợn của bọn đế quốc và tương quan lực lượng bất lợi cho ta, chúng ta cần hoà bình để xây dựng nước nhà, Đảng ta đã thực hiện sách lược hoà hoãn. Với Tưởng Giới Thạch, ta thực hiện sách lược *"Hoa - Việt thân thiện"*. Với thực dân Pháp là kẻ thù chính, ta ký Hiệp định sơ bộ (ngày 6 tháng 3 năm 1946) và Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946). Thực hiện thành công sách lược đúng đắn đó, ta đã giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, đuổi quân Tưởng cùng bọn tay sai

---

1. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, H. 1977, tr. 253.

về nước, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Nhưng bọn thực dân Pháp hiếu chiến với dã tâm muốn đặt lại ách thống trị trên đất nước ta một lần nữa đã trắng trợn xé bỏ các hòa ước đã ký kết, gây ra các vụ xung đột đẫm máu và đưa ra các yêu sách ngang ngược, thực chất là *tối hậu thư* đòi Chính phủ và nhân dân ta hạ vũ khí, đầu hàng vô điều kiện.

Đáp lời kêu gọi cứu nước thiêng liêng trong Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (ngày 12 tháng 12 năm 1946) và *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19 tháng 12 năm 1946), với ý chí *"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*[1], cả dân tộc ta nhất tề đứng lên kháng chiến.

20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, quân dân Thủ đô Hà Nội chủ động đánh thực dân Pháp xâm lược, mở đầu *Toàn quốc kháng chiến.* Với tinh thần *"Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"*, quân dân Hà Nội sát cánh chiến đấu, mỗi đường phố là một trận địa, mỗi ngôi nhà, góc phố là một pháo đài, cả thành phố là một mặt trận. Trải qua 60 ngày đêm chiến đấu kiên cường, quân và dân Hà Nội đã tiêu diệt gần 2.000 tên địch, phá hủy hàng chục xe quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh; giam chân đạo quân chủ lực mạnh, làm thất bại kế hoạch nhanh chóng chiếm Hà Nội, tạo bàn đạp đánh chiếm đồng bằng Bắc Bộ của địch; bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến, giữ gìn và phát triển lực lượng vũ trang; cổ vũ và tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương bước vào kháng chiến. Đó là chiến công *"Đại thắng lợi"* như lời khen của Bác Hồ.

Cùng với Hà Nội, các địa phương khác cũng đồng loạt tổ chức đánh giặc, hạn chế địch mở rộng vùng chiếm đóng, đồng thời thực hiện tiêu thổ kháng chiến, làm vườn không nhà trống và tổ chức đánh du kích gây cho chúng nhiều khó khăn, tổn thất. Kết quả chung là quân, dân ta đã tiêu diệt được hàng ngàn quân Pháp, làm phá sản chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của chúng, giữ gìn và phát triển lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Thắng lợi của những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến có ý nghĩa rất quan trọng và cho ta nhiều bài học kinh nghiệm quý giá, trong đó có *bài học về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.*

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 480.

***Một là,** Đảng ta và nhân dân ta xác định đúng vị trí nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.*

Sau Cách mạng tháng Tám, đất nước ta đã giành được độc lập, thống nhất. Nhưng quân đội đế quốc còn chiếm đóng trên nhiều vùng lãnh thổ và đang thực hiện âm mưu can thiệp, xâm lược đất nước ta. Như thế, nền độc lập, thống nhất chưa được trọn vẹn và đang có nguy cơ bị thủ tiêu. Đảng ta xác định tính chất cuộc cách mạng Việt Nam lúc này "vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"; "Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành vì nước ta chưa được hoàn toàn độc lập"; "nhiệm vụ cứu nước của giai cấp vô sản chưa xong". Khẩu hiệu vẫn là "dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết"[1]. Thực tế là cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược đã diễn ra từ cuối tháng 9 năm 1945 và dù có thời kỳ hòa hoãn, Đảng ta vẫn dự kiến cuộc chiến tranh lớn khó tránh khỏi. Vì thế, công cuộc chống ngoại xâm bảo vệ độc lập thống nhất dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân ta. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang có sự thay đổi lớn và càng nặng nề hơn gấp bội. Từ một đội quân khởi nghĩa nhỏ bé, làm nhiệm vụ chiến đấu hỗ trợ cho cuộc nổi dậy của toàn dân giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám, đã trở thành lực lượng nòng cốt cho cuộc đấu tranh quân sự, hỗ trợ các hình thức đấu tranh khác và nhất là chuẩn bị cho cuộc chiến tranh nhân dân chống xâm lược trong toàn quốc có thể xảy ra một sớm, một chiều. Đảng ta, Nhà nước và nhân dân ta đã sớm coi trọng xây dựng lực lượng vũ trang về mọi mặt.

Ngay từ tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã chủ trương "vũ trang toàn dân", "Mở rộng Quân giải phóng Việt Nam". Tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị phải nhanh chóng chấn chỉnh và mở rộng Giải phóng quân. Đến ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chính phủ ra Sắc lệnh 71/SL, quân đội chính thức được gọi là *Quân đội quốc gia,* biên chế theo từng trung đoàn, tiểu đoàn và đại đội. Cuối năm 1946, bộ đội chủ lực đã lên tới trên 8 vạn. Ở các tỉnh có chi đội, các huyện có chi đội hoặc phân đội bộ đội địa phương. Các địa phương Nam Bộ, Nam Trung Bộ tổ chức các đội du kích, phối hợp cùng bộ đội và nhân dân đánh giặc. Ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thành lập các đơn vị dân quân tự vệ cùng bộ đội và nhân dân chống địch quấy phá, bảo vệ cơ quan, bảo vệ cán bộ và nhân dân. Đến cuối năm 1946, dân quân tự vệ, du kích đã phát triển đến gần một triệu. Đi đôi với phát triển về số

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 26, 27.

lượng, chất lượng lực lượng vũ trang cũng được coi trọng và không ngừng nâng cao. Đảng và Nhà nước đã dành nhiều nguồn tài chính để mua sắm vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang. Việc huấn luyện quân sự được tiến hành khẩn trương. Các trường lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ được thành lập, nhiều cán bộ Đảng và Mặt trận Việt Minh được điều sang làm cán bộ quân sự. Để thống nhất sự lãnh đạo, chỉ huy, quản lý bộ đội và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, Bộ Tổng Tham mưu, Cục Chính trị và Phòng Quân nhu (sau đổi là Cục Quân nhu) được thành lập, tiếp đó, một số binh chủng hỏa lực, kỹ thuật cũng được tổ chức. Hệ thống tổ chức đảng trong quân đội ngày càng kiện toàn từ Trung ương Quân ủy đến chi bộ ở các đại đội, bảo đảm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang. Tuy nhiên, ở Nam Bộ, khi quân Pháp gây chiến tranh xâm lược, một số đơn vị vũ trang hình thành (Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ sư đoàn...), không có sự lãnh đạo của tổ chức đảng, không có sự chỉ huy thống nhất của Ủy ban Kháng chiến và cơ quan quân sự nên tổ chức phức tạp, thiếu sức chiến đấu, nhanh chóng phân hóa, tan rã.

Nhờ xác định đúng vị trí và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nên khi Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, chúng ta đã có lực lượng căn bản để đánh thắng địch ngay từ những ngày đầu.

Hai là, *dựa chắc vào dân để xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân trong thế trận chiến tranh nhân dân.*

Lực lượng vũ trang nhân dân ta do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức và lãnh đạo, sinh ra từ trong cao trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, giáo dục, chở che và phối hợp chiến đấu, là lực lượng của dân, do dân, vì dân, quan hệ giữa "quân với dân như cá với nước" đã trở thành truyền thống quý báu của lực lượng vũ trang ta.

Khi cách mạng còn trong thời kỳ trứng nước, mọi công việc cách mạng, trong đó có nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, đều trông cậy vào dân. Cách mạng thành công, có chính quyền, nhà nước, quân đội đã trở thành Quân đội quốc gia, tự vệ, du kích được chính quyền tổ chức, quản lý. Chính quyền của ta là chính quyền nhân dân, nền quốc phòng của ta lúc đó là nền quốc phòng nhân dân, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện. Đặc biệt trong hoàn cảnh đất nước ta đang khó khăn trăm bề, với chính quyền cách mạng non trẻ đó chỉ có dựa vào sức mạnh và sự ủng hộ của nhân dân, lực lượng vũ trang mới ngày càng lớn mạnh, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao. Đảng ta, Nhà

nước ta đã dựa chắc vào dân để xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân.

Sau Cách mạng tháng Tám, các đoàn thể cứu quốc đều quân sự hóa. Mọi người nô nức học tập quân sự, tự sắm sửa vũ khí, phong trào vũ trang toàn dân sôi nổi. Các đội tự vệ được củng cố, phát triển trở thành Tự vệ cứu quốc. Đến cuối năm 1946, hầu hết các thôn xã, đường phố, nhà máy trên cả nước đều tổ chức du kích và dân quân tự vệ. Cùng với phong trào vũ trang toàn dân và sự phát triển các đội tự vệ, bộ đội chủ lực cũng được củng cố và phát triển vượt bậc. Lực lượng tham gia quân đội phần lớn là đôn từ du kích, tự vệ lên, số khác là những thanh niên yêu nước con em nhân dân được gia đình, làng xã động viên tòng quân. Nhân dân còn hưởng ứng *Tuần lễ vàng, Đảm phụ quốc phòng* đóng góp tiền, vàng, bạc để mua vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang. Đảng cũng đề ra chủ trương *phải làm cho dân chúng và quân đội liên lạc và hợp tác chặt chẽ với nhau, thực hiện khẩu hiệu quân dân nhất trí*. Đặc biệt trong những ngày chiến đấu mở đầu Toàn quốc kháng chiến, nhân dân cả thành thị và nông thôn đã sát cánh cùng lực lượng vũ trang, vừa làm nhiệm vụ hậu cần, trinh sát, trợ chiến, phối hợp chiến đấu, bổ sung lực lượng cho bộ đội. Nhân dân còn đưa đường, chuyên chở bộ đội, đánh chặn địch để bộ đội rút lui an toàn từ thành phố ra vùng căn cứ kháng chiến. Mặt khác, lực lượng vũ trang ba thứ quân - con đẻ của nhân dân - là lực lượng nòng cốt trên mặt trận đấu tranh quân sự, đã chiến đấu, hy sinh bảo vệ dân, hỗ trợ cho nhân dân tản cư ra vùng kháng chiến, hỗ trợ việc tháo dỡ, vận chuyển máy móc, kho tàng lên chiến khu chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Có thể khẳng định, nhờ dựa chắc vào dân nên trong hoàn cảnh khó khăn, phức tạp như vậy, chúng ta đã xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu những ngày đầu kháng chiến; thể hiện rõ là lực lượng vũ trang cách mạng của dân, do dân, vì dân.

***Ba là,** xây dựng lực lượng vũ trang từng bước vững mạnh toàn diện, coi trọng trước hết là xây dựng lý tưởng, tinh thần chiến đấu.*

Những ngày đầu của chế độ mới, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là bộ đội chủ lực vững mạnh toàn diện là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách của cách mạng. Trong hoàn cảnh nước ta lúc đó, chế độ mới vừa ra đời, kinh tế, tài chính nghèo nàn, các ngành công nghiệp và kỹ thuật sản xuất thấp kém, vì vậy về vũ khí trang bị, kỹ thuật chiến thuật, biên chế tổ chức,

cán bộ, chúng ta chỉ có thể xây dựng từng bước. Nhưng mục tiêu, lý tưởng, tinh thần chiến đấu là ưu thế tuyệt đối của ta, cần chú trọng xây dựng và phát huy vai trò nhân tố đó trong chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang trước và trong Toàn quốc kháng chiến.

Lực lượng vũ trang của ta mới thành lập, cán bộ, chiến sĩ xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp, hoàn cảnh... khác nhau, chưa được giáo dục, rèn luyện nhiều trong thực tiễn chiến đấu và cuộc sống quân ngũ. Họ vốn có lòng yêu nước, căm thù giặc, nhưng giác ngộ dân tộc và nhất là giác ngộ giai cấp, giác ngộ về mục tiêu lý tưởng chiến đấu chưa sâu sắc; nhận thức về ta, bạn thù cũng giản đơn, có khi còn lệch lạc, ý thức tổ chức kỷ luật của một số cán bộ, chiến sĩ chưa cao. Điều đó dễ ảnh hưởng đến ý chí, tinh thần kiên định chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chiến đấu hy sinh vì mục tiêu chung của cách mạng, đến hoàn thành nhiệm vụ.

Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng rất coi trọng giáo dục động cơ, lý tưởng chiến đấu cho lực lượng vũ trang, trước hết là nhận thức đúng đắn bản chất xâm lược của kẻ thù và mục tiêu chiến đấu vì nền độc lập của dân tộc. Trong *Lời hiệu triệu* đồng bào toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: *"Chúng ta phải hiểu rằng: có nhiều thứ chiến tranh: Chiến tranh bằng sức người, chiến tranh bằng võ khí, chiến tranh bằng chính trị, chiến tranh bằng tinh thần, v.v... dân ta bây giờ ắt phải luôn luôn chuẩn bị, đồng thời phải luôn luôn trấn tĩnh, kiên quyết sẵn sàng đối với mọi tình thế, không bao giờ rối trí sợ sệt"*[1]. Thư gửi các chiến sĩ Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi, cổ vũ những chiến công oanh liệt, những gương chiến đấu dũng cảm hy sinh của các chiến sĩ và tin rằng một đất nước có những người con anh hùng như thế nhất định không chịu mất nước một lần nữa. Người khẳng định chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc.

Tại Hội nghị Quân sự toàn quốc ngày 19 tháng 10 năm 1946, Đảng đã nhận định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định phải đánh lại. Trong cuộc chiến đấu đó, "phải tự tin rằng tuy kém về kỹ thuật, vũ khí nhưng với tinh thần dẻo dai, bền bỉ, mình nhất định sẽ thắng. Trong chỉ thị *Toàn dân kháng chiến,* Thường vụ Trung ương Đảng yêu cầu lực lượng vũ trang: Không hàng giặc, phải ủng hộ Chính phủ kháng chiến và ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, phải kính trọng và bảo vệ tính mệnh, tài sản cho dân, phải đoàn kết nhất trí cán bộ với chiến sĩ, phải phục tùng kỷ luật, tuân lệnh cấp trên, không ngược đãi tù binh...

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 187.

Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi:

"Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!"[1].

Thay mặt Chính phủ, Người ra lệnh cho quân đội, tự vệ, dân quân và đồng bào đứng dậy bảo vệ Tổ quốc bằng tất cả khí giới mà chúng ta có. Trong thư gửi các chiến sĩ Thủ đô đang chiến đấu, Bác biểu dương: *"Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn, tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại... Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau"*[2].

Nhờ có sự chuẩn bị và động viên, cổ vũ về tư tưởng, tinh thần sâu sắc cùng với xây dựng và củng cố tổ chức chặt chẽ, kịp thời nên lực lượng vũ trang đã cùng toàn dân phát huy được sức mạnh tổng hợp, khắc phục mọi khó khăn, thiếu thốn, dũng cảm, kiên cường chiến đấu, mở đầu Toàn quốc kháng chiến thắng lợi.

Hơn sáu mươi năm đã trôi qua, những bài học về xây dựng lực lượng vũ trang của thời kỳ mở đầu Toàn quốc kháng chiến vẫn nguyên giá trị thực tiễn. Lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo, giáo dục của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, được nhân dân thương yêu, đùm bọc, anh em, bạn bè quốc tế ủng hộ, đã làm nòng cốt trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Ngày nay, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta đang trong điều kiện hòa bình. Nhưng trên phạm vi thế giới và khu vực, cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt dưới nhiều hình thức và quy mô. Tình hình chính trị, quân sự diễn ra nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Đối với nước ta, các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện chiến lược *"diễn biến hòa bình"*, bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng nước ta. Chúng âm mưu "phi chính trị hóa", "vô hiệu hóa" lực lượng vũ trang để dễ bề lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Sđd, tr. 480.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 35.

Trong tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định nhiệm vụ tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, *"Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi, và làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ"*[1].

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang đó phải xác định đúng tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng vũ trang, trong đó lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở xây dựng sức mạnh toàn diện và sức chiến đấu của quân đội và lực lượng vũ trang; đảm bảo giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội nói riêng và lực lượng vũ trang nói chung; giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc của quân đội ta; nâng cao chất lượng chính trị, đảm bảo quân đội ta, lực lượng vũ trang ta tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, có ý chí chiến đấu cao, niềm tin tất thắng, có tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh, mưu trí, sáng tạo, đoàn kết hiệp đồng, là cơ sở vững chắc để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2006, tr. 108-109.

NAM BỘ MỞ ĐẦU KHÁNG CHIẾN

GS, NGND. TRẦN VĂN GIÀU

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa tuyên bố độc lập thì 20 hôm sau, thực dân Pháp đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam bắt đầu. Gậy tầm vông chống lại đại bác. Lồng ngực cản xe tăng. Cả nước một lời thề: *Thà chết, không chịu làm nô lệ một lần nữa*. Pháp tưởng nuốt trôi Sài Gòn trong đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, nhưng chúng đã lầm và bị quân dân ta chặn đứng hơn một tháng trong các khu phố Sài Gòn. Pháp tưởng nuốt trôi Nam Bộ trong 15 ngày hay một tháng, nhưng chúng đã phải đánh đến 9 năm mà vẫn không thắng nổi. Về ý nghĩa cuộc kháng chiến ở Nam Bộ thì ngay từ tháng 5 năm 1946, khi bước chân lên tàu sang Pháp đàm phán, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trong một bức thư ít chữ, nhiều tình, gửi cho đồng bào Nam Bộ rằng:

"Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trường, để gìn giữ non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!".

Nhân dân ta ghi khắc vào lòng hai ý lớn của Cụ Hồ: *Nam Bộ mở đầu kháng chiến là để gìn giữ non sông cho cả Việt Nam; đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam*. Vì độc lập của Tổ quốc, vì thống nhất của đất nước, đó là ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam, bắt đầu tại Nam Bộ ngày 23 tháng 9 năm 1945. Ý chí độc lập, thống nhất còn cao hơn núi, còn dài hơn sông. Chân lý đơn giản mà vĩ đại này có tác dụng tăng thêm nghị lực cứu quốc của đồng bào Nam Bộ đang sống trong khói lửa, cũng như đồng bào Trung, Bắc lúc bấy giờ luôn hướng về Nam Bộ kháng chiến.

Từ khi đặt chân xâm chiếm Nam Bộ, thực dân Pháp luôn toan tính, mưu mô tìm mọi cách chia rẽ Bắc, Trung, Nam để dễ bề cai trị. Song thực tế diễn

biến cuộc kháng chiến đã phản ánh đúng đắn lòng người Việt Nam; cuộc đấu tranh vũ trang cũng như chính trị của nhân dân ta hiểu đúng lời Hồ Chủ tịch năm 1946: *"Nam Bộ là thịt của thịt Việt Nam, là máu của máu Việt Nam"*.

Khi Pháp tiến quân ra miền Nam Trung Bộ, cuộc kháng chiến của quân dân cả nước mở rộng. Do đó, ngay sau khi đàm phán ở Pháp trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định tính thống nhất của nước Việt Nam và đặt lòng tin tưởng vào *"gan vàng, dạ sắt"* của đồng bào miền Nam.

Trước âm mưu chia cắt của kẻ thù, Người thống thiết kêu gọi:

"Hỡi đồng bào Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

Trung Nam Bắc, đều là đất nước Việt Nam.

Chúng ta đều chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước chúng ta có Trung, Nam, Bắc, cũng như nhà có ba anh em, cũng như nước Pháp có vùng Noócmăngđi, Prôvăngvơ, Bôxơ.

Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta. Trong một năm trường, đồng bào kháng chiến, người thì tan nhà nát cửa, người thì hy sinh tính mạng, người thì bị tù, bị đày. Nhưng lòng yêu nước của đồng bào vẫn trơ như đá, vững như đồng. Đối với gan vàng dạ sắt của đồng bào, toàn thể quốc dân không bao giờ quên".

Gan vàng, dạ sắt đó, đồng bào Nam Bộ, miền Nam Trung Bộ giữ vững và tăng cường suốt thời gian 9 năm kháng chiến. Tất cả những mưu toan của đế quốc Pháp hòng đánh vào sự thống nhất đất nước và dân tộc Việt Nam đều bị thất bại nhục nhã. Suốt 9 năm kháng chiến, những chiến khu hiển hách chiến công như: Ba Lòng, Chiến khu Đ, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười, U Minh, Năm Căn... đã làm thảm bại biết bao cuộc tấn công của kẻ thù mà 10 lần mạnh hơn ta về vũ khí. Những vùng giải phóng, chiến khu, bưng biền ấy chẳng những là rừng chông trùng trùng đâm xuyên bàn chân đế quốc, mà còn là ngàn vạn mũi đinh đóng trên khoé mắt chúng; hơn nữa, đó còn là muôn vàn lưỡi gươm bén nhọn đâm thẳng vào lưng kẻ thù xâm lược. Suốt 9 năm kháng chiến, hễ mỗi lần địch tấn công lớn ở chiến trường chính Bắc Bộ, thì chúng đều bị đánh đau, đánh hiểm ở miền Nam; mỗi lần địch cố mở chiến dịch "bình định" lớn ở miền Nam thì chúng không khỏi bị tấn công dồn dập ở miền Bắc. Cả dân tộc Việt Nam chiến đấu như một người, lôi địch đàng đông, kéo địch đàng tây, chia sẻ, tiêu hao, tận diệt quân xâm lược, để 9 năm làm nên một pho sử vàng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm châu, chấn động địa cầu.

NHỮNG CỐ GẮNG CUỐI CÙNG VÌ MỘT NỀN HÒA BÌNH

PGS, TS. VŨ NHƯ KHÔI

Sự kiện bùng nổ cuộc *Kháng chiến toàn quốc* cách đây đã hơn nửa thế kỷ. Nguyên nhân của sự kiện này, cho đến nay, đã được khẳng định rõ ràng. Do bọn thực dân hiếu chiến Pháp quyết tâm dùng vũ lực đánh chiếm nước ta. Phía Việt Nam đã nhân nhượng, mềm dẻo để ngăn chặn chiến tranh nhưng không được. Tuy nhiên, cũng có người cho rằng những cuộc hòa đàm với Pháp hoàn toàn là sách lược, là kế hoãn binh của Việt Nam. Sự thật là Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương giải quyết cuộc xung đột Pháp - Việt bằng con đường hòa bình. Những cố gắng cuối cùng để cứu vãn nền hòa bình của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh càng chứng tỏ điều này.

Đầu năm 1946, các nước đế quốc dàn xếp nhau và thỏa thuận cho Pháp trở lại độc chiếm Đông Dương. Quân Pháp sẽ vào miền Bắc Việt Nam. Trong nhân dân ta lúc bấy giờ, tinh thần chống Pháp sôi sục. Mọi tầng lớp nhân dân đều hăm hở sẵn sàng đánh Pháp. Với trọng trách trước vận mệnh đất nước, trước sự sống còn của cách mạng, Đảng và Chính phủ ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt cân nhắc lợi hại của mỗi chủ trương, không thể thuận theo tình cảm bột phát của quần chúng. Tương quan lực lượng không cho phép ta bước vào cuộc chiến tranh với Pháp trên cả nước. Phát động cuộc chiến tranh lúc này là rơi vào âm mưu bóp chết cách mạng nước ta của chủ nghĩa đế quốc. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương hòa hoãn với Pháp để loại bỏ quân Tưởng - một kẻ thù trực tiếp nguy hiểm và tranh thủ khả năng giải quyết cuộc xung đột với Pháp bằng con đường hòa bình. *Hiệp định sơ bộ* Pháp - Việt ký ngày 6 tháng 3 năm 1946 là kết quả cuộc đấu tranh chính trị, ngoại giao và những thắng lợi nhất định trên mặt trận quân sự ở miền Nam.

Hiệp định sơ bộ là một thắng lợi của ta, nhưng rõ ràng thắng lợi này còn *hạn chế và không vững chắc*. Tuy Chính phủ Pháp phải công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một "quốc gia tự do", nhưng nền độc lập dân tộc là chưa đầy đủ (nước Việt Nam còn nằm trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp, một lực lượng quân Pháp được vào đóng trên miền Bắc) và một nền thống nhất có điều kiện (phải chờ kết quả cuộc trưng cầu dân ý ở Nam Bộ xem đa số phiếu có tán thành đưa Nam Bộ trở về với nước Việt Nam thống nhất hay không).

Sau *Hiệp định sơ bộ,* cuộc đấu tranh vẫn diễn ra quyết liệt. Một bên là phía Việt Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định để giữ được nền hòa bình, bảo vệ được thành quả cách mạng. Một bên là phía thực dân hiếu chiến Pháp cố tình phá hoại *Hiệp định,* chuẩn bị cho một cuộc vũ trang xâm lược mới.

Do sự phá hoại của Pháp mà các cuộc tiếp xúc ngoại giao giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cao ủy Pháp - đô đốc Đácgiăngliơ (ngày 24-3-1946), *hội nghị Trù bị Đà Lạt* (ngày 19-4-1946) và cả *hội nghị chính thức Phôngtennơblô* (tháng 7-1946) đều bị đổ vỡ.

Đến đây, cánh cửa hòa bình như đã đóng chặt. Quan hệ hai nước rất căng thẳng. Cuộc chiến tranh lớn có thể nổ ra một sớm một chiều. Để cứu vãn tình thế và giành thêm thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến tranh nếu phải xảy ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuy đã hết thời hạn ở thăm nước Pháp với cương vị thượng khách của Chính phủ Pháp, Người vẫn ở lại Pari trong một gia đình quen biết để tiếp tục vận động cho một giải pháp hòa bình dù là tạm thời và mỏng manh.

Mục đích trên đã đạt được. Ngày 14 tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Mutê một bản *Tạm ước* có 11 khoản gồm những nội dung chính:

- Bảo đảm quyền lợi kinh tế văn hóa của Pháp ở Việt Nam.

- Đình chỉ mọi hành động xung đột về vũ lực giữa hai bên.

- Phóng thích tù binh và tù nhân chính trị.

- Vấn đề ngoại giao của Việt Nam sẽ do một ủy ban chung Việt - Pháp ấn định.

- Ghi nhận cuộc thương thuyết vẫn còn được tiếp tục và hiện trạng chưa bị phá vỡ hoàn toàn. Các cuộc đàm phán sẽ tiếp tục càng sớm càng hay.

Báo *Sự thật* ngày 20 tháng 9 năm 1946 viết về *Tạm ước* này: "Ý chí của Hồ Chủ tịch trong khi ký bản thỏa hiệp tạm thời là nhất quyết làm cho cuộc bang giao Việt - Pháp tiến bộ hơn ngày 6 tháng 3, tình giao hảo giữa hai dân tộc dân chủ thân mật hơn và để thực hiện điều khoản của bản thỏa hiệp tạm thời có thể hòa hoãn những gay go giữa Việt - Pháp và giành thêm thời gian để bồi bổ thực lực và đón lấy một tình thế tốt hơn".

Một nhà sử học Pháp, G. Cnaphác nhận xét có lý rằng: "Văn kiện này che đậy sự thất bại của cuộc thương thuyết ở Phôngtennơblô về nền độc lập thống nhất của nước Việt Nam. Cả hai bên đều cứu vãn được một thời gian ngắn, nhưng tương lai có vẻ đen tối, nguy hiểm của một cuộc chạm trán tàn bạo không phải là không có thể xảy ra"[1].

Rõ ràng là khi ký *Hiệp định sơ bộ,* ta còn đặt hai khả năng: có thể giải quyết quan hệ Pháp - Việt bằng biện pháp hòa bình, hoặc cũng có thể chiến tranh sẽ nổ ra. Nhưng khi ký *Tạm ước 14-9* thì khả năng hòa bình hầu như không còn, mục đích chính là làm chậm nổ ra cuộc chiến tranh khó tránh khỏi. Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng (ngày 19-10-1946) đã xác định: "Bản *Tạm ước* chỉ là một cuộc thỏa thuận tạm thời", ta "phải luôn luôn chuẩn bị đề phòng hơn trước kia", "phải nhận định nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp"[2].

Đảng, Chính phủ ta chủ trương một mặt thi hành đầy đủ những điều khoản đã ký kết, tránh khiêu khích quân Pháp, kiên quyết đấu tranh chống quân Pháp vi phạm *Hiệp định;* cố giữ trạng thái hòa bình; mặt khác tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Thực dân Pháp tuy ký *Tạm ước,* nhưng liên tiếp vi phạm các điều khoản đã ký kết. Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, quân đội Pháp tiến công quân ta và khủng bố nhân dân rất dã man. Ở miền Bắc, chúng gây ra nhiều vụ khiêu khích xâm phạm chủ quyền nước ta như đòi kiểm soát thuế quan và ngoại thương ở cảng Hải Phòng. Ngày 21 và 30 tháng 10 năm 1946, quân Pháp viện kế hoạch đánh chiếm Hải Phòng. Quân dân Hải Phòng kiên quyết chiến đấu chống lại hành động gây chiến của Pháp. Cuộc xung đột xảy ra. Ngày 21

---

1. G. Cnaphác: *Hai cuộc chiến tranh Việt Nam, từ Valuy đến Oétmolen*, tập 1, bản dịch, Tư liệu Học viện Quốc phòng, tr. 3.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng 1945-1954*, tập I, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng xuất bản, H. 1978, tr. 94.

tháng 11, Valuy - một viên tướng hiếu chiến, chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương (thay thế Lơ Cléc - một viên tướng ôn hòa hơn muốn giải quyết vấn đề Việt Nam bằng nhân nhượng) kiêm Cao ủy Pháp, chỉ thị cho Moóclie - Tư lệnh quân đội Pháp kiêm Quyền ủy viên Cộng hòa Pháp ở miền Bắc Đông Dương:

"Không chậm trễ, ông phải khai thác triệt để vụ rắc rối này để củng cố vị trí của ta ở Hải Phòng... Triệt thoái khỏi Hải Phòng các lực lượng chính quy Việt Nam và tất cả thành phần bán quân sự, nhất là tự vệ... để quân đội ta hoàn toàn tự do chiếm đóng, không chấp nhận một hạn chế nào".

Tướng Moóclie cho rằng làm như thế "có nghĩa là *Hiệp ước 6-3* và *Tạm ước* sẽ tan vỡ hoàn toàn và gần như chắc chắn chiến cuộc sẽ lan rộng tới tất cả các đồn trại của chúng ta ở Bắc Kỳ". Moóclie kết luận rằng sự kiện Hải Phòng chứng tỏ một cách cụ thể rằng nước Pháp "đã chọn chính sách dùng vũ lực"[1]. Quân Pháp tiếp tục đánh chiếm toàn bộ thành phố Hải Phòng, giết hàng nghìn đồng bào ta. Cùng ngày 20 tháng 1, quân Pháp ở Lạng Sơn cho xe tăng đi thị uy, cho binh lính đánh chiếm nhiều công sở. Mặc dù ta cố gắng dàn xếp, nhưng chúng vẫn không chịu rút quân, còn khủng bố dã man đồng bào ta.

Trước hành động gây chiến trắng trợn của thực dân Pháp, Chính phủ ta kiềm chế dàn xếp để chấm dứt cuộc xung đột, nhưng không có kết quả. Ngày 23 tháng 11 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết lời kêu gọi nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân thế giới. Người nêu rõ:

"Chính phủ và nhân dân Việt Nam kiên quyết cộng tác thật thà với người Pháp. Song khi phải giữ chủ quyền của Tổ quốc, cần hy sinh thì cũng phải kiên quyết hy sinh...

Người Việt và người Pháp có thể và cần phải bắt tay nhau trong một sự nghiệp cộng tác bình đẳng, thật thà, để gây dựng hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc.

Đó là ý nguyện rõ rệt của Việt Nam, mong người Pháp và toàn thế giới biết cho"[2].

---

1. G. Cnaphác, *Sđd*, tr. 36.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 458.

Ngày 27 tháng 11 năm 1946, Bộ Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương ngang ngược đòi ta phá bỏ những vật chướng ngại để quân Pháp được tự do đi lại trên đường Hải Phòng - Đồ Sơn.

Ngày 6 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Quốc hội Pháp nhắc lại thiện chí của Chính phủ và nhân dân Việt Nam muốn thành thật hợp tác với nhân dân Pháp. Người tố cáo giới thực dân Pháp ở Đông Dương đeo đuổi chính sách dùng vũ lực vi phạm trắng trợn bản *Tạm ước 14-9* và yêu cầu Pháp phải rút quân về các vị trí trước ngày 20 tháng 11, thực hiện các điều khoản của bản *Tạm ước*. Đồng thời Chính phủ ta cử đại diện gặp Xanhtơny trao đổi ý kiến. Sau đó Chủ tịch Hồ Chí Minh hội kiến với Xanhtơny đi đến thỏa thuận ba điều:

- Giải quyết ổn thỏa những cuộc đang tiếp tục xảy ra ở Hải Phòng và Lạng Sơn.

- Thi hành nhanh chóng bản *Thỏa hiệp tạm thời*.

- Tránh tất cả những vụ xung đột có thể tạo ra một bầu không khí gay go[1].

Ngày 15 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thông điệp cho Chủ tịch Chính phủ mới ở Pháp Lêông Bơlum nhắc lại lập trường xây dựng của Việt Nam, nêu một số điều kiện cụ thể để cải thiện mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp đang ngày càng xấu đi do thực dân Pháp gây ra.

Những cố gắng của ta để duy trì hòa hoãn, ngăn cản cuộc chiến tranh, không được phía Pháp đáp lại. Trái lại, chúng càng lấn tới.

Ngày 16 tháng 12 năm 1946, tại Hải Phòng, những nhân vật chủ chốt của thực dân Pháp ở Đông Dương họp bàn kế hoạch xâm lược miền Bắc nước ta. Ngày 17 tháng 12, chúng trắng trợn gây ra nhiều vụ khiêu khích ở Hà Nội, thảm sát dã man đồng bào ta ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18 tháng 12, quân Pháp chiếm Bộ Tài chính và Bộ Giao thông công chính. Cùng ngày, Pháp chuyển cho ta hai bức thư mà yêu cầu như tối hậu thư, đòi phá bỏ những chướng ngại trên đường phố, đòi để cho quân Pháp tự do đi lại bất cứ đâu, đòi tự do đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội,... Tất cả những điều đó sẽ được thực thi vào sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946. Phía ta vẫn tự kiềm chế.

---

1. Nguyễn Kiến Giang, *Nước Việt Nam năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Sự thật, H. 1961, tr. 246.

Ngày 18 tháng 12, Xanhtơny điện cho bộ máy chỉ huy quân Pháp (tại Sài Gòn) thừa nhận:

"Dầu sao, cái quyết tâm (của Chính phủ Việt Nam) không phát động một cuộc đổ vỡ hoàn toàn vẫn được ghi nhận cho tới hôm nay"[1].

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Chính phủ ta cử Hoàng Minh Giám đến gặp Xanhtơny và chuyển một lá thư ngắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho ông ta:

"Những ngày vừa qua, tình hình trở nên căng thẳng hơn. Thực là rất đáng tiếc. Trong khi chờ đợi quyết định của Pari, tôi mong rằng ông sẽ cùng ông Giám tìm một giải pháp để cải thiện bầu không khí hiện tại"[2].

Xanhtơny khước từ cuộc gặp. Trong thời điểm hết sức căng thẳng này, Đảng ta khẳng định:

"Sự thật đã chứng minh rằng: thực dân Pháp ngang nhiên khiêu hấn.

Chúng định dùng vũ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng không khi nào ta chịu. *Tạm ước 14-9* là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng cả dân tộc"[3].

Khả năng hòa hoãn đã hết, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Vạn Phúc (nay thuộc quận Hà Đông, Hà Nội) dưới sự chủ tọa của lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhận định thời kỳ hòa hoãn đã qua và quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. 9 giờ tối ngày 19 tháng 12 năm 1946, bản *Mệnh lệnh Toàn quốc kháng chiến* được phát trên đài Tiếng nói Việt Nam, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

Những diễn biến lịch sử từ đầu năm 1946, nhất là từ *Tạm ước 14-9* đến ngày *Toàn quốc kháng chiến* tỏ rõ dù Đảng ta, nhân dân ta đã cố gắng đến cùng để cứu vãn nền hòa bình nhưng thế lực thực dân hiếu chiến lãnh đạo nước Pháp đã mưu tính và quyết tâm gây hấn, thực hiện "hành động vũ lực" thôn tính cả nước ta. Các nhà sử học phương Tây, cả những người đã từng là quan lại thực dân, là sĩ quan trong quân đội viễn chinh Pháp ở Việt Nam như Xanhtơny, Đờ Vile... đều thừa nhận điều này. Tổng thống Pháp

1. Ph. Đơvile, *Pari - Sài Gòn - Hà Nội*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 407.

2. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, H. 1977, tr. 575.

3. Báo *Sự thật* ngày 29-11-1946.

Ph. Míttơrăng trong dịp sang thăm chính thức Việt Nam tháng 2 năm 1993 đã trả lời phỏng vấn của các nhà báo rằng: "Ông Hồ Chí Minh đã tìm kiếm những người đối thoại, nhưng không tìm được. Dù rất mong muốn đàm phán để hướng tới độc lập, ông Hồ Chí Minh đã bị đẩy vào cuộc chiến tranh".

Sự kiện bùng nổ, diễn biến và kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp đã chứng tỏ Đảng ta, nhân dân ta theo tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn thiết tha với hòa bình, nhưng đó là nền hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải hòa bình trong nô lệ, hòa bình với bất cứ giá nào; hết sức tranh thủ hòa bình nhưng cũng phải chuẩn bị mọi mặt để không bị bất ngờ, sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của bất cứ kẻ thù nào. Đó là bài học lớn của sự kiện *Toàn quốc kháng chiến*.

NGHỆ THUẬT CHỈ ĐẠO MỞ ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Thượng tướng **NGUYỄN KHẮC NGHIÊN**

Cách đây vừa tròn 65 năm, ngày 19 tháng 12 năm 1946, trong tình thế không thể nhân nhượng hơn được nữa vì "nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền đất nước, là hại đến quyền lợi cao trọng của dân tộc"[1], Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Đây là một quyết định rất đúng đắn và sáng suốt nhưng cũng đầy thử thách, khó khăn bởi so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch về quân sự lúc đó quá chênh lệch. Quân viễn chinh Pháp là đội quân nhà nghề được huấn luyện chính quy, bài bản, có quân số đông, trang bị vũ khí hiện đại, trình độ kỹ, chiến thuật, sức cơ động cao, đã từng tham chiến ở nhiều nơi trên thế giới, có kinh nghiệm tác chiến. Trong khi đó, quân đội ta vừa mới thành lập được 2 năm, số lượng ít, trang bị vũ khí còn thô sơ, tuy bước đầu được huấn luyện về kỹ, chiến thuật... song về cơ bản ta mới chỉ có khả năng tác chiến quy mô nhỏ. Bộ Tổng chỉ huy chưa có lực lượng chủ lực cơ động chiến lược. Mặc dù vậy, quân và dân ta đã mở đầu kháng chiến toàn quốc thành công, giành thắng lợi hết sức quan trọng tạo tiền đề để kháng chiến lâu dài và từng bước đi đến thắng lợi cuối cùng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thành công đó là nghệ thuật chỉ đạo mở đầu toàn quốc kháng chiến của ta rất sắc sảo. Điều này được thể hiện:

Trước hết, ta sớm xác định đúng chủ trương, đường lối kháng chiến.

Trong bất kỳ cuộc cách mạng nào, vấn đề xác định chủ trương, đường lối cũng luôn được đặt lên hàng đầu và phải đi trước một bước. Có xác định được

---

1. Báo Sự thật số 64 ra ngày 29 tháng 11 năm 1946.

chủ trương, đường lối mới định hướng, dẫn dắt được các lực lượng tham gia cách mạng đi theo. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng vậy. Thật ra không phải đến thời điểm mở đầu toàn quốc kháng chiến, Đảng ta mới xác định đường lối kháng chiến. Những quan điểm cơ bản về đường lối kháng chiến đã từng bước hình thành từ ngay sau khi thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai (23-9-1945). Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (25-11-1945) đã xác định *"kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lăng, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng"*[1]. *"Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"*[2]. Từ xác định như vậy, Đảng ta chủ trương: *"Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài, phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp pháp triệt để"*[3]. Chủ trương này được cụ thể hóa trong Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (12-12-1946). Chỉ thị nêu rõ: Mục đích của cuộc kháng chiến là nhằm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và phát triển chế độ dân chủ nhân dân. Tính chất của cuộc kháng chiến là dân tộc độc lập, dân chủ tự do. Nhiệm vụ cấp bách lúc này là phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược giành độc lập và thống nhất thật sự cho nước nhà.

Chỉ thị cũng xác định: *Cuộc kháng chiến của chúng ta là một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính*. Lời kêu gọi *Toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946) cũng thấm đượm tư tưởng này khi Người nói: "*Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước*"[4].

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, nhân dân cả nước đã đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập tự do cho Tổ quốc ngay từ những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Thứ hai, *nắm chắc âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp, chủ động tiến công địch ngay ở Thủ đô Hà Nội và các thành phố, thị xã, nơi địch đang tập trung quân nhằm thực hiện ý đồ đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta, nhanh chóng hoàn thành việc tái xâm lược miền Bắc.*

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng* (từ 25-11-1945 - 31-12-1947), Nxb Sự thật, H. 1969, tr. 11, 12, 13.

4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 480.

Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, thực dân Pháp có ưu thế lớn về quân sự. Nhằm phát huy ưu thế đó, quân Pháp thực hiện chiến lược *đánh nhanh, thắng nhanh*. Mục tiêu chủ yếu của chúng là Thủ đô Hà Nội. Báo cáo của Valuy, Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương gửi Cao ủy Pháp Đácgiăngliơ ngày 14 tháng 10 năm 1946 đã tiết lộ ý đồ là "*thực hiện một áp lực triệt để bằng cách chủ động tiến công trên quy mô lớn tại Hà Nội và Trung Kỳ*". Trong khi đó, về phía ta, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định phương châm chiến lược là *đánh lâu dài, vừa đánh vừa xây dựng, phát triển lực lượng, từng bước làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta*. Đồng chí Trường Chinh - Tổng bí thư của Đảng ta lúc đó giải thích: ta dùng chiến thuật đánh lâu dài sẽ "*phát huy mọi lực lượng vật chất và tinh thần, bồi bổ chỗ hơn, giảm bớt chỗ kém, để từ thế thua kém địch, chuyển sang thế mạnh hơn địch, đặng giành thắng lợi cuối cùng*"[1]. Và bước đầu tiên mà chúng ta phải thực hiện cho được là phá âm mưu "*gây áp lực triệt để bằng chủ động tiến công trên quy mô lớn tại Hà Nội và Trung Kỳ*" của thực dân Pháp. Đó chính là lý do để Trung ương Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định chủ động nổ súng đánh trước vào đêm 19 tháng 12 năm 1946 ở Thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố, thị xã khác. Bằng cách này, ta đã gây cho địch bất ngờ lớn, làm cho chúng mất thế chủ động ngay từ những ngày đầu chiến tranh. Chúng không những không thực hiện được ý đồ cùng kế hoạch đã sắp đặt sẵn mà còn bị thiệt hại nặng nề, ý chí chiến đấu bị suy giảm. Chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh bị đánh đòn phủ đầu. *Còn về phía ta*, với việc chủ động đánh trước và đánh ngay tại chỗ, ta huy động được sức mạnh tổng hợp của chính địa bàn nơi địch đóng quân với nhiều lực lượng tham gia, trong đó lực lượng vũ trang làm nòng cốt, hạn chế ưu thế về vũ khí, trang bị hiện đại, khả năng cơ động cao của quân Pháp, giành lại thế chủ động. Đặc biệt, việc mở đầu kháng chiến ngay tại Thủ đô Hà Nội, nơi địch tập trung lực lượng khá mạnh, ta đã đập tan ý đồ của địch nhằm đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta, cổ vũ, động viên quyết tâm kháng chiến của cả nước, tạo thêm thời gian cần thiết cho ta chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

***Thứ ba**, vừa đồng thời đánh địch ở Thủ đô và các thành phố, thị xã Bắc vĩ tuyến 16, vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích ở miền Nam, buộc địch phân tán lực lượng ứng phó khắp nơi, không thực hiện được ý đồ tập trung lực lượng ra chiến trường chính Bắc Bộ.*

Chúng ta đều biết, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, theo thỏa thuận của Đồng minh tại Hội nghị Pôtxđam, ở Bắc vĩ tuyến 16, 20 vạn

---

1. Trường Chinh, *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb Sự thật, H. 1967, tr. 79.

quân Tưởng vào làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Ở Nam vĩ tuyến 16, quân Anh cũng kéo vào với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân đội Nhật. Chính quân Anh đã tiếp tay cho thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Sau khi đã đạt được một số kết quả ở Nam Bộ, Pháp tìm cách mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, tại Trùng Khánh, Pháp ký với Tưởng hiệp ước Hoa - Pháp. Theo đó, Pháp nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế cho chính quyền Tưởng Giới Thạch để Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam. Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Đảng đã chỉ rõ: "*Trước sau Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng*". Như vậy, trước thời điểm toàn quốc kháng chiến nổ ra, thực tế Pháp đã xâm chiếm Nam Bộ và có được những ưu thế nhất định. Nhằm ngăn chặn việc Pháp "*đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ ra đánh Trung, Bắc*"[1], Bộ Tổng chỉ huy chỉ đạo, cùng với việc đánh địch ở các đô thị ngoài miền Bắc, phải đẩy mạnh chiến tranh du kích ở miền Nam. Bộ Tổng chỉ huy đã giao nhiệm vụ rất cụ thể cho từng chiến khu trong cả nước.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, các địa phương bằng khả năng của mình đã tích cực, chủ động đánh địch. Tiêu biểu nhất là Hà Nội; tại đây, nắm chắc ý đồ của thực dân Pháp, được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ chỉ huy tối cao, Hà Nội sớm chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến. Từ cuối tháng 10 năm 1946, Tổng bí thư Trường Chinh đã chỉ thị cho Hà Nội: "*chuẩn bị sẵn sàng để phòng địch gây hấn. Phải làm sao khi địch tiến công, ta lập tức đánh trả ngay. Yêu cầu chiến lược đối với Mặt trận Hà Nội là phải kìm chân địch một thời gian, tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang chiến tranh. Phải huy động sức mạnh tiềm tàng của nhân dân thành phố vào cuộc chiến đấu bảo vệ Thủ đô, nhưng đồng thời phải biết bảo toàn và bồi dưỡng lực lượng để kháng chiến lâu dài*"[2]. Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho Bộ Tổng chỉ huy trực tiếp chỉ đạo Mặt trận Hà Nội (Chiến khu 11) nghiên cứu phương án tác chiến theo yêu cầu tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng một thời gian, vừa chiến đấu vừa phát triển lực lượng để kháng chiến lâu dài. Điều quan trọng là phương án tác chiến

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 156.

2. Thành ủy Hà Nội - Quân khu Thủ đô, *Tổng kết 60 ngày đêm mở đầu Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân Thủ đô*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1997, tr. 64-65.

phải phù hợp với địa lý quân sự Hà Nội, đặc biệt phải hạn chế được ưu thế của xe tăng, thiết giáp địch. Vì vậy phải thiết lập chiến luỹ, tạo chướng ngại, chặn đường tiến quân của địch.

Bình tĩnh, tự tin, với quyết tâm chiến đấu cao, quân và dân Thủ đô đã mở đầu thắng lợi cuộc *tổng giao chiến* lịch sử ngay trong đêm 19 tháng 12 năm 1946. Không chỉ mở đầu thắng lợi, với tinh thần chủ động, anh dũng, thông minh và đầy sáng tạo, quân và dân Thủ đô đã kìm chân Pháp trong thành phố tới 60 ngày, vượt thời gian so với dự kiến ban đầu rất nhiều. Đây là niềm tự hào của Thủ đô anh hùng, đồng thời nó cũng là biểu tượng của sức mạnh toàn dân đánh giặc và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh ở thành phố. Nó khẳng định quân và dân ta có đủ khả năng đánh thắng và nhất định đánh thắng hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược.

Quá trình Hà Nội kháng chiến, Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Tổng chỉ huy thường xuyên theo dõi sát sao tình hình và có sự chỉ đạo kịp thời. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, đồng chí Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng đã có mặt tại nội thành ngay trong những ngày đầu để tổ chức, động viên bộ đội, tự vệ và nhân dân Thủ đô đánh giặc.

Phối hợp với Thủ đô Hà Nội, các thành phố, thị xã khác như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Vinh, Huế, Đà Nẵng... cũng đồng loạt tiến công địch giành thắng lợi.

Tại Nam Bộ, ngày 20 tháng 12 năm 1946, các đội tự vệ thành và đội cảm tử đồng loạt nổ súng. Trong hai ngày 27 và 28 tháng 2 năm 1947, Xứ ủy Nam Bộ họp quyết định mở một cuộc *tổng tiến công*, quấy rối, phong toả, phá hoại. Khắp các địa phương ở Nam Bộ đã diễn ra những trận "*kinh tế chiến*", "*giao thông chiến*". Hoạt động này đã giam 40.000 quân viễn chinh Pháp ở Nam Bộ, không cho chúng thực hiện ý đồ tiến công ra Bắc.

Trên các địa bàn Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, từ khi Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, phong trào kháng chiến cũng có bước phát triển mới. Lực lượng vũ trang và nhân dân liên tiếp tiến công địch, buộc chúng phải lúng túng đối phó ở khắp nơi.

Nhằm biểu dương và động viên tinh thần kháng chiến của nhân dân, thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư khen quân và dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Thư viết: "*Trong cuộc kháng chiến cứu quốc này, đồng bào Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ phấn đấu đã lâu, hy sinh đã nhiều. Nhưng càng hy sinh tranh đấu, đồng bào ta càng kiên*

quyết, càng dẻo dai, càng mạnh mẽ. Sự anh dũng của đồng bào trong đó đã làm gương cho đồng bào toàn quốc noi theo. Chúng ta đồng tâm hiệp lực, không sợ gian nan, kiên quyết tranh đấu đến cùng, thì trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất, độc lập nhất định thành công"[1].

Bằng sự kết hợp đánh địch đồng loạt ở khắp đô thị Bắc vĩ tuyến 16 và ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ theo sự chỉ đạo của cơ quan đầu não kháng chiến, một mặt ta buộc địch phân tán lực lượng đối phó, không thể tập trung đánh chiếm địa bàn trọng yếu, mặt khác, ta huy động được sức người, sức của trên khắp mọi miền để đánh địch. Đây cũng là nét đặc sắc của nghệ thuật tác chiến trong mở đầu toàn quốc kháng chiến.

***Thứ tư,** kết hợp vừa đánh địch, vừa xây dựng thực lực, chuẩn bị mọi mặt để kháng chiến lâu dài.*

Đường lối kháng chiến của ta như Đảng đã xác định ngay từ đầu là *kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính*. Để kháng chiến lâu dài, Đảng ta chỉ đạo vừa đánh, vừa xây dựng thực lực và tích cực chuẩn bị về mọi mặt. Thực hiện chủ trương này, nhiều địa phương đã có ý thức xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang bao gồm cả chủ lực và dân quân du kích. Ngay tại Hà Nội, chưa đầy một tháng sau ngày toàn quốc kháng chiến, trung đoàn đầu tiên mang tên *Trung đoàn Thủ đô* đã ra đời. Tiếp đó là các trung đoàn 52, 48 được thành lập.

Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy còn chỉ đạo các mặt trận "*bảo toàn chủ lực để kháng chiến lâu dài*". Quán triệt tinh thần này, Mặt trận Hà Nội chỉ thị cho các đơn vị: "*Vì cần phải trường kỳ kháng chiến nên ta phải bảo tồn lực lượng, không nên tung ra quá nhiều mà hao tổn binh lực*"[2].

Không chỉ chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang, theo chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các cơ quan của Trung ương, Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy rời khỏi Hà Nội lên Việt Bắc xây dựng căn cứ địa kháng chiến.

Cùng với di chuyển các cơ quan đầu não kháng chiến lên Việt Bắc, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chủ trương tản cư các tầng lớp nhân dân sống ở các đô thị nhằm bảo toàn tính mạng, tài sản cho đồng bào,

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 116.

2. Chiến sự lục, *Một năm chiến đấu của Khu 2 (Hà Nội)*, lưu trữ Bộ Quốc phòng, phông Bộ Quốc phòng, hồ sơ 80.

duy trì lực lượng kháng chiến, không cho thực dân Pháp lợi dụng, bắt đồng bào phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Bên cạnh đó, theo Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ta còn khẩn trương đưa hàng vạn tấn máy móc, nguyên vật liệu lên chiến khu an toàn, nhờ đó ta xây dựng được 57 cơ sở sản xuất và các xưởng quân giới để sản xuất và sửa chữa vũ khí, đáp ứng yêu cầu kháng chiến.

***Thứ năm,** phát động chiến tranh du kích rộng khắp để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, thực hiện phá hoại, tiêu thổ để kháng chiến.*

Trong bối cảnh về quân sự, địch mạnh hơn ta gấp bội nên thời gian đầu kháng chiến, để chống chọi với thực dân Pháp, ta phải vận dụng nhiều thủ thuật và cách đánh khác nhau nhằm hạn chế ưu thế của địch, phát huy mọi khả năng của ta. *Cách đánh du kích* có thể xem như một sở trường. Trong chiến thuật du kích, phá hoại là một bộ phận quan trọng. Đảng ta xác định: *"Đánh thì phải phá. Quân du kích ít súng đạn nên phải phá nhiều hơn bắn"*[1]. Hội nghị quân sự toàn quốc do Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng tổ chức tháng 1 năm 1947 nhấn mạnh việc phát động chiến tranh du kích rộng khắp để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, thực hiện phá hoại đường sá, cầu cống, nhà cửa kiên cố, thực hiện vườn không, nhà trống để cản bước tiến quân của địch, duy trì sức chiến đấu lâu dài của quân và dân ta.

Sau hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào phá hoại để kháng chiến. Người chỉ rõ: "*Đánh thì phải phá hoại. Ta không phá thì Pháp cũng phá. Nếu ta không phá đường phá cống, lấp sông lấp ngòi, nếu ta không phá những nhà cửa kiên cố mà Pháp có thể dùng làm nơi căn cứ, thì Pháp sẽ đem tàu thủy, xe tăng đến đánh ta, và chúng sẽ đốt phá cướp bóc sạch trơn. Vì vậy, ta phải phá trước, cho Pháp không dùng được... Bây giờ ta phải phá đi, để chặn Pháp lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng lợi dụng*"[2].

Thực hiện chủ trương trên, ngay sau ngày toàn quốc kháng chiến, công tác phá hoại, tiêu thổ kháng chiến đã diễn ra sôi nổi ở các địa phương. Hà Nội là nơi mở đầu toàn quốc kháng chiến, cũng là nơi đi đầu trong công tác

---

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Văn kiện Đảng*, tập 1, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, 1978, tr. 290.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1995, tr. 25.

phá hoại. Tại đây, bộ đội, tự vệ và nhân dân các khu phố trong nội thành đã đào hầm hào, đục thông các nhà trong dãy phố, cưa cây, hạ cột điện, dựng chiến luỹ... Ở ngoại thành, nhân dân thực hiện vườn không, nhà trống, đào phá các tuyến đường giao thông đi các tỉnh.

Vừa phá hoại những nơi địch có thể lợi dụng để đóng quân, quân dân ta còn tìm mọi cách làm tê liệt các cơ sở kinh tế làm cho địch không sử dụng được để thực hiện âm mưu lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Công tác phá hoại, tiêu thổ kháng chiến đã gây cho địch nhiều khó khăn, làm chậm bước tiến của chúng, khiến chúng mệt mỏi, chán nản. Ngược lại, về phía ta, hiệu quả chiến đấu được tăng lên gấp bội, ý chí quyết tâm kháng chiến của toàn dân được nâng cao.

Đến đây có thể khẳng định, cơ quan đầu não kháng chiến đã chỉ đạo mở đầu toàn quốc kháng chiến đạt hiệu quả cao. Với sự chỉ đạo này cùng quyết tâm "*đem tất cả tinh thần và lực lượng để giữ vững quyền độc lập, tự do*", quân và dân ta trong cả nước đã mở đầu kháng chiến toàn quốc thắng lợi, tạo đà chuyển đất nước vào chiến tranh để tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, từng bước đánh đổ thực dân Pháp giành thắng lợi cuối cùng.

Từ sự chỉ đạo mở đầu toàn quốc kháng chiến của cơ quan đầu não kháng chiến, có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, chiến tranh là một thử thách ác liệt đối với một quốc gia, một dân tộc. Bước mở đầu là một bước rất quan trọng có tác động rất lớn đến cục diện, thậm chí đến cả kết cục chiến tranh. Mở đầu kháng chiến vào thời điểm nào và bằng cách nào cho có lợi nhất phải được xem xét, cân nhắc rất cẩn trọng. Lịch sử đấu tranh giữ nước và dựng nước của ông cha ta đã từng có nhiều cách mở đầu kháng chiến chống ngoại xâm rất thành công. Mở đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp có thể xem như một điển hình. Đây không chỉ là kinh nghiệm, truyền thống quân sự của dân tộc Việt Nam, mà còn là nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh ở bước mở đầu của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một trong những cơ sở quan trọng để chúng ta mở đầu kháng chiến đúng lúc, đúng chỗ và đúng cách là phải nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, đánh giá đúng so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch, có phương châm, sách lược phù hợp với thực tế tình hình trong nước và quốc tế, phát huy được lợi thế của mình, hạn chế được những điểm mạnh của địch.

Trong bối cảnh hiện nay, thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn đang ra sức tìm mọi cách để chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược "*diễn biến hòa bình*" nhằm gây mất ổn định về chính trị, xã hội, tiến tới can thiệp hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Tình hình trên đòi hỏi chúng ta phải hết sức cảnh giác, không ngừng nâng cao nhận thức lý luận chính trị, nhạy bén nắm bắt các thủ đoạn mới của kẻ thù, chủ động sẵn sàng đối phó và đánh trả kịp thời ngay từ đầu bất cứ hành động nào xâm phạm đến độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Hai là, trong bước mở đầu cũng như toàn bộ quá trình kháng chiến, cơ quan lãnh đạo, chỉ huy tối cao có vị trí đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là nơi hoạch định chủ trương, đường lối mà còn là nơi trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động kháng chiến từ khi bắt đầu cho đến lúc kết thúc. Điều này đòi hỏi chúng ta phải thường xuyên kiện toàn xây dựng bộ máy lãnh đạo, chỉ huy tối cao đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng nước ta đi tới đích cuối cùng. Suy rộng ra, ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương cũng phải chú trọng khâu xây dựng tổ chức đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy vừa "hồng" vừa "chuyên" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy.

Về vấn đề này, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã xác định: "*Tiếp tục tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân*"[1]. Đại hội cũng chỉ rõ: Về công tác cán bộ, "*nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và người đứng đầu tổ chức các cấp, các ngành của hệ thống chính trị*"[2].

Ba là, thực tiễn hoạt động mở đầu toàn quốc kháng chiến cho thấy, để khởi sự và kháng chiến lâu dài, vấn đề chuẩn bị mọi mặt từ chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao... phải hết sức khẩn trương. Phải xem xét hoàn cảnh của đất nước, diễn biến, âm mưu hành động xâm lược của kẻ thù và bối cảnh quốc tế... mà xác định mức độ ưu tiên cho từng lĩnh vực chuẩn bị ở

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2006, tr. 279.

từng thời điểm lịch sử cụ thể. Quan trọng nhất trong chiến tranh là phải chuẩn bị thế và lực, trước hết là *tiềm lực quốc phòng*. Trong tình thế địch chủ động gây chiến, còn ta phải *tự kiềm chế* khi biết rằng mình chưa đủ sức để đương đầu với chúng, công tác chuẩn bị càng phải khẩn trương hơn nhằm nhanh chóng tổ chức xây dựng lực lượng, chuyển đất nước vào tình trạng chiến tranh, giành thế chủ động, không để địch phát huy sức mạnh ban đầu của chúng để thực hiện âm mưu *đánh nhanh, thắng nhanh*. Vận dụng vào tình hình hiện nay, tuy thế giới đang trong xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, song *các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt* và nguy cơ chiến tranh không phải là không còn. Để chủ động đối phó với âm mưu thủ đoạn mới của các thế lực thù địch, chúng ta phải sớm có bước chuẩn bị từ trong hòa bình và sẵn sàng phương án nhanh chóng chuyển đất nước vào thời chiến nếu chiến tranh xảy ra. Muốn vậy, chúng ta phải có chiến lược quân sự - quốc phòng, chiến lược an ninh, chiến lược phát triển kinh tế... đúng đắn. Phải kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trong bất kỳ tình huống nào.

TỪ KINH NGHIỆM ĐÁNH ĐỊCH Ở ĐÔ THỊ TRƯỚC TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN ĐẾN CUỘC CHIẾN ĐẤU CỦA QUÂN VÀ DÂN THỦ ĐÔ

Đại tá, TS. VŨ TANG BỒNG

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân và dân ta ở thành phố Sài Gòn anh dũng đứng lên giáng trả hành động gây hấn của thực dân Pháp xâm lược, mở đầu cuộc kháng chiến của dân tộc. 15 tháng sau đó, ở trong tình thế không thể nhân nhượng thêm được nữa, vào lúc 20 giờ 3 phút ngày 19 tháng 12 năm 1946, quân và dân ta từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đồng loạt nổ súng tiến công địch, chủ động mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc, Thủ đô Hà Nội là chiến trường chính, và cuộc chiến đấu hơn 60 ngày đêm của quân và dân ta ở Thủ đô "đã trở thành biểu tượng của thời kỳ này"[1]. Trong hơn 60 ngày đêm ấy, quân và dân Thủ đô luôn ở thế chủ động vừa chiến đấu vừa phát triển lực lượng, sáng tạo nên nhiều cách đánh trong thành phố với phương châm "trong đánh ngoài vây", "trong ngoài cùng đánh", bước đầu phát huy được sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh nhân dân trong đô thị; giam chân một lực lượng lớn quân địch, vượt yêu cầu về thời gian, bảo vệ an toàn các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy và sau đó đưa toàn bộ lực lượng rút ra hậu phương an toàn.

Thắng lợi của hơn 60 ngày đêm chiến đấu ở Thủ đô là thắng lợi của tinh thần quyết chiến quyết thắng, của ý chí, trí tuệ người dân Thăng Long - Hà Nội, tiêu biểu cho trí tuệ, quyết tâm của cả dân tộc. Đó còn là thắng lợi của tư duy quân sự sáng tạo của Đảng đã chú ý rút kinh nghiệm của 15 tháng

---

1. Võ Nguyên Giáp, *Chiến đấu trong vòng vây* (Hồi ức), Nxb Quân đội nhân dân, H. 1995, tr. 84.

chiến đấu ở Sài Gòn và Nam Bộ, ở Nha Trang và Nam Trung Bộ, đặc biệt là ở Hải Phòng.

Khi thực dân Pháp nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai, nhân dân Sài Gòn mới chỉ được sống trong độc lập tự do đúng 29 ngày (từ 25 tháng 8 đến 23 tháng 9 năm 1945), kinh nghiệm tác chiến của quân và dân ta, đặc biệt là tác chiến trong đô thị hoàn toàn chưa có. Mặc dù vậy, với tinh thần kiên quyết bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc vừa mới giành lại được, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã nhất tề vùng lên chiến đấu, đánh trả quân xâm lược bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, ngăn chặn quyết liệt quân địch ở tất cả các đường phố xung yếu, các đầu cầu, vây chặt chúng trong thành phố. Thi hành lệnh của Ủy ban kháng chiến Sài Gòn, nhân dân thành phố tổng bãi công, bãi thị, bãi khoá, bất hợp tác với quân Pháp, phá hoại đường giao thông tiếp tế của chúng. Các lực lượng vũ trang vừa anh dũng chiến đấu vừa phá hoại các cơ sở kinh tế, quân sự của địch. Công nhân các xí nghiệp vừa làm nòng cốt xây dựng các tổ chức kháng chiến, vừa hăng hái chuyển máy móc ra khỏi thành phố, đưa về các vùng ven để lập công binh xưởng.

Đúng một tháng sau đó, 3 giờ sáng ngày 23 tháng 10 năm 1945, thực hiện chủ trương của Trung ương và Xứ ủy Trung Bộ, quân và dân ta ở Nha Trang đồng loạt tiến công các vị trí của địch trong thị xã. Những trận đánh ác liệt diễn ra ở Nhà Ga, Nhà Đèn, ngã tư đường Hoàng Hoa Thám - Yécxanh, Sở Thuốc, Xóm Mới, Bình Tân... Đêm 23 tháng 10, quân ta chủ động rút ra ngoại ô, lập các phòng tuyến ở bờ bắc Sông Cái, Chợ Mới - Bờrơten, Phú Vinh, Cây Đa - Quán Giếng, Cống Ba - Cầu Lùng vây chặt quân địch trong thị xã suốt 101 ngày đêm.

13 tháng sau sự kiện Nha Trang, từ ngày 19 tháng 11 đến ngày 26 tháng 11 năm 1946, thực dân Pháp mở cuộc tiến công đánh chiếm thành phố Hải Phòng. 7 ngày đầu kháng chiến ở Hải Phòng diễn ra hết sức ác liệt. Chỉ riêng ngày 23 tháng 11 theo ước tính của tướng Xalăng trong một cuốn hồi ký của ông ta thì từ các chiến hạm đỗ trên sông Cấm và từ các trận địa ở Núi Đèo, Thượng Lý, quân Pháp đã bắn hơn 4.000 viên đạn pháo vào các khu phố nội thành, giết và làm bị thương khoảng 6.000 đồng bào ta. Dù ước tính của tướng Xalăng có thể chưa chính xác nhưng cũng đủ để thấy mức độ ác liệt ở Hải Phòng. Ác liệt nhưng lại cũng hết sức đặc biệt. Đó là cuộc chiến đấu ở Hải Phòng diễn ra trong bối cảnh quân và dân ta từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đang cố tự kiềm chế, cố tránh xung đột nhằm tranh thủ đến mức tối

đa thời gian hòa hoãn ngắn ngủi để chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

Đêm ngày 25 tháng 11, quân Pháp chiếm được Hải Phòng sau một tuần lễ giao tranh ác liệt với nhiều trận đánh đẫm máu ở Nhà hát Lớn, Nhà Ga, Nhà Bưu điện, Nhà Đốc lý và trên các đường phố Cầu Đất, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Ngõ Cấm, Lạc Viên...

Trong điều kiện cụ thể lúc ấy, bên cạnh thắng lợi, cuộc chiến đấu của quân dân ta ở Sài Gòn, Nha Trang và Hải Phòng cũng bộc lộ những non nớt ấu trĩ về cách đánh địch trong đô thị và đây cũng chính là những bài học kinh nghiệm hết sức quý báu. Đó là chưa có sự phối hợp tốt giữa bộ đội và lực lượng vũ trang quần chúng. Về cách đánh tuy ta đã tổ chức được một số trận phục kích, tập kích nhưng cách đánh của ta cơ bản vẫn là phòng ngự thụ động, thiếu các trận luồn sâu vu hồi, tập kích táo bạo vào các vị trí đóng quân của địch, cơ sở hậu cần của chúng. Công tác chuẩn bị hậu cần cho cuộc chiến đấu dài ngày trong đô thị còn đơn giản. Việc ăn uống, giải quyết hậu quả chủ yếu dựa vào dân. Sự phối hợp chiến đấu giữa nội thị và các khu vực ngoại thành còn thiếu chặt chẽ. Khi rút khỏi đô thị, ngoài một vài bộ phận được lệnh ở lại làm nhiệm vụ quấy rối tiêu hao quân địch, ta có khuyết điểm là rút hết, bỏ trống địa bàn, không tổ chức lực lượng ở lại nội thành tổ chức hướng dẫn quần chúng đấu tranh với địch, đẩy mạnh các hoạt động kháng chiến trong lòng địch; trong khi nếu cài cắm lại, các lực lượng của ta vẫn có thể sống hợp pháp vì địch lúc đó chưa thể thiết lập ngay bộ máy kìm kẹp, khống chế nhân dân.

Từ những bài học thành công và chưa thành công ở Sài Gòn, Nha Trang, ngày 7 tháng 12 năm 1946 (tức là trước ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ gần hai tuần), đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đã viết bài báo nổi tiếng *Kháng chiến trong thành phố*. Đây không chỉ là một văn kiện cơ bản có ý nghĩa lý luận và chỉ đạo thực tiễn sâu sắc của Đảng trong xây dựng và phát triển đường lối chiến tranh nhân dân, đặc biệt là những vấn đề về nghệ thuật chỉ đạo tác chiến trong đô thị mà còn là một *cẩm nang cách mạng* giúp Bộ Quốc phòng, Tổng chỉ huy xây dựng phương án chiến đấu kịp thời chỉ đạo Thủ đô Hà Nội và các thành phố, thị xã tổ chức kháng chiến[1]. Trong văn kiện nổi tiếng trên, đồng chí Tổng bí thư khẳng định: "Có kẻ cho rằng không thể kháng chiến trong thành phố, vì ở đó không có địa lợi, lực

---

1. Tạp chí Lịch sử quân sự, số 6, 1996, tr. 34.

lượng địch lại tập trung. Kinh nghiệm Hải Phòng chỉ cho thấy rất có thể kháng chiến trong thành phố... Để kháng chiến trong thành phố... phải chuẩn bị lương thực, chất đốt, đồ phá... nhưng điều cần thiết nhất là phải biết cách đánh trong thành phố, biết cách chống máy bay, súng cối, biết cách phá chiến xa... mỗi đội quân du kích hoạt động trong một khu phố phải vừa là đội xung phong, vừa là đội công binh và phá hoại. Mất liên lạc với cấp trên hay với khu phố khác nó vẫn phải tự động tác chiến... Trong khi đánh, phải lo việc tiếp tế và tiếp chiến... Đồng thời phải chặn hết các đường tiếp tế của địch, khiến cho quân địch trong thành phố bị cô lập, bị rét, bị khát...

Về tác chiến cũng như tiếp tế, quân du kích nhất nhất phải phối hợp với dân, biết dựa vào dân.

Sau hết nếu một thành phố lọt vào tay địch thì quân du kích không ngừng đánh trong phố và ngoại ô. Gắng làm cho địch chiếm được thành phố nào, phải luôn mất ăn, mất ngủ, luôn luôn hoảng sợ, luôn luôn thiệt hại ở đó"[1].

Có thể nói chính những kinh nghiệm của Sài Gòn, Nha Trang, Hải Phòng đã giúp cho Thủ đô Hà Nội và các thành phố, thị xã phía Bắc vĩ tuyến 16 tổ chức tốt hơn cuộc chiến đấu trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc.

Ngay sau khi tới Hà Nội làm nhiệm vụ tiếp phòng thay quân Tưởng theo Hiệp định sơ bộ (6-3-1946), thực dân Pháp đã coi đây là mục tiêu số 1, mục tiêu chủ yếu trong âm mưu tái xâm lược nước ta. Ý đồ của chúng không phải là chiếm một đầu cầu, một chỗ đứng chân mà phải chiếm được Hà Nội bằng một đòn đánh quyết định, hòng chụp bắt cơ quan đầu não, nhanh chóng đè bẹp sức kháng chiến của quân dân Thủ đô, uy hiếp các địa phương khác. Và việc đó phải được thực hiện càng nhanh càng tốt, trong 24 giờ, thậm chí trong vài giờ.

So với cả nước, đến trước ngày 19 tháng 12 năm 1946, Thủ đô Hà Nội là nơi tập trung lớn nhất lực lượng của ta và của địch, với quân số và trang bị cao nhất hai bên có thể huy động được, đồng thời cũng là nơi tập trung cao độ sự chỉ huy, chỉ đạo của cả hai bên chuẩn bị cho cuộc đọ sức quy mô lớn đầu tiên và có ý nghĩa quyết định nhất. Về phía địch, chúng có 6.500 quân phần lớn đều đã dạn dày kinh nghiệm tác chiến, được trang bị hiện đại với 42 khẩu pháo các loại, 52 xe tăng và xe bọc thép, 30 máy bay, một số tàu

1. Trường Chinh, *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, H. 1987, tr. 207, 209, 210.

chiến, ca nô. Lực lượng địch bố trí xen kẽ với ta ở 52 vị trí then chốt trong thành phố. Ngoài ra chúng còn có 7.000 Pháp kiều được vũ trang đầy đủ và một màng lưới gián điệp, tay sai phản động, phần lớn là bọn Việt quốc, Việt cách sau khi quân Tưởng rút đã ở lại làm tay sai cho Pháp tiếp tục chống phá ta. Về phía ta, toàn bộ lực lượng bảo vệ Hà Nội có 5 tiểu đoàn Vệ quốc quân với khoảng 2.000 cán bộ, chiến sĩ và 8.500 tự vệ chiến đấu, được trang bị 1.516 khẩu súng trường đủ các kiểu loại, 3 trung liên, 1 đại liên, 1 badôca với 5 viên đạn, 1.000 quả lựu đạn và chai cháy, 80 bom ba càng, 7 khẩu pháo các loại. Vũ khí chống tăng (ngoài khẩu badôca độc nhất) chủ yếu phải dùng bom ba càng và chai cháy.

Trong điều kiện so sánh lực lượng giữa ta và địch hết sức chênh lệch như trên, nhiệm vụ của quân dân Thủ đô Hà Nội lại hết sức nặng nề. Đó là phải giam chân địch trong thành phố càng dài ngày càng tốt, ít nhất là nửa tháng, tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào chiến tranh. Phải tích cực chiến đấu tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch; đánh bại bước đầu chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của chúng, song phải bảo tồn được lực lượng, bảo vệ được cơ quan đầu não và nhân dân để kháng chiến lâu dài.

Chính do các nét đặc trưng và yêu cầu đó mà Thủ đô Hà Nội trở thành tiêu điểm, thành mặt trận chính, mặt trận then chốt của thời kỳ đầu kháng chiến toàn quốc.

Sau đòn tiến công chủ động, bất ngờ và đồng loạt đêm 19 tháng 12 năm 1946, hơn 60 ngày tiếp theo, quân dân Thủ đô triển khai thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện kế hoạch "trong đánh ngoài vây, trong ngoài cùng đánh". Liên khu 1 với những dãy phố cổ tiếp giáp khu vực Thành (nơi tập trung lực lượng chủ yếu của địch) được chọn là khu vực cố thủ, tạo nên thế "trùng độc chiến" trong thành phố. Đây là kế hoạch tác chiến kết hợp nội công, ngoại kích đã gây cho địch nhiều khó khăn lúng túng, đồng thời đảm bảo cho các lực lượng của ta cơ động chiến đấu thuận lợi, không bị trói buộc một cách cố định và cứng nhắc trong những phòng tuyến mỏng yếu trong đô thị.

Trong cuộc chiến đấu ở Hà Nội, bộ đội, tự vệ và công an là lực lượng nòng cốt đương đầu với địch song vẫn còn mang những nét đặc trưng của đội quân khởi nghĩa, chưa quen tác chiến trong thành phố, trang bị yếu kém. Trước thực tế đó, nếu ta dàn lực lượng đánh theo kiểu mặt đối mặt với một kẻ địch thiện chiến hơn thì rất có thể sẽ bị chúng đè bẹp sau một vài

giờ hoặc sau một vài ngày giao chiến. Cái hay nhất của ta là đã không tập trung lực lượng đánh dàn trận. Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội đã chỉ đạo "không trận địa với địch, không đương đầu với hoả lực mạnh của địch, không thủ hiểm ở chỗ nào lâu, không rõ được địch không nên đánh, không có kế hoạch rõ ràng chắc chắn không nên đánh"[1]. Đó chính là cách đánh du kích trong thành phố; là cách đánh của chiến tranh nhân dân, của chiến tranh cách mạng trong đô thị. Điều đáng gờm nhất đối với quân Pháp không phải là các chiến luỹ ở Liên khu 1 hoặc ở các cửa ô mà là phải đương đầu với các lực lượng của ta thoắt ẩn thoắt hiện, là các loại hoả lực lướt sườn bất ngờ xuất hiện, là những phát súng trường, những trái lựu đạn và chai cháy bùng nổ trúng đích của bộ đội, tự vệ và nhân dân ta. Trong khoảng 200 trận đánh trong nội thành, quân Pháp chỉ tiến công ta chừng 30 trận, còn lại là những trận quân dân ta chủ động tiến công chúng với tinh thần một người một tổ cũng đánh, một quả lựu đạn, một chai cháy cũng tiến công địch. Mọi tầng lớp nhân dân Thủ đô từ em nhỏ tới cụ già, từ anh công nhân, người đạp xích lô, cô đầu, gái nhảy đến các tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên, bác sĩ, luật sư, văn nghệ sĩ,... đều trực tiếp chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu theo khả năng của mình. Chính nhờ phát động được cuộc chiến tranh nhân dân do toàn dân tiến hành trong đô thị nên quân dân Thủ đô đã đánh bại bước đầu chiến lược đánh nhanh của thực dân Pháp, bảo vệ an toàn cho cơ quan đầu não; tiêu diệt hơn 2.000 tên địch, ghìm chân một lực lượng lớn quân địch trong thành phố vượt thời gian quy định của Trung ương; tạo điều kiện cho đất nước chuyển trạng thái từ vừa có hoà bình vừa có chiến tranh sang trạng thái chiến tranh; vừa đánh vừa giữ gìn phát triển lực lượng để kháng chiến lâu dài. Đặc biệt là ngay cả khi có thêm viện binh từ Hải Phòng, Hải Dương, quân địch đã không tiêu diệt được bất cứ đơn vị chủ lực nào của ta. Điều này cũng xảy ra ở các đô thị khác như Nam Định, Huế... Đây là một thắng lợi lớn, được Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy đánh giá rất cao trong Hội nghị tổng kết sự chỉ đạo về chiến lược và chiến thuật được tổ chức tháng 7 năm 1947: "Người Pháp tưởng rằng trong vài giờ họ có thể đè bẹp được lực lượng của ta. Chúng chiếm được nhiều cứ điểm và vị trí quân sự.

1. Bộ Quốc phòng, *Chiến sự lục một năm chiến đấu của Chiến khu 11* (Hà Nội), Hồ sơ 68, lưu trữ Bộ Quốc phòng.

Duy có điều là mục đích vận động chiến, tức là tiêu diệt lực lượng ta thì chúng không đạt được. Đó là một thất bại căn bản của phản động Pháp"[1].

Thắng lợi của hơn 60 ngày đêm chiến đấu ở Thủ đô là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, mở đầu quá trình thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ do Đảng ta vạch ra. Cuộc chiến đấu của quân dân Thủ đô đã động viên và cổ vũ ý chí quyết chiến quyết thắng của quân dân toàn quốc. Ở chính nơi mà kẻ thù tập trung lực lượng mạnh nhất, chúng lại có điều kiện phát huy ưu thế trang bị thì chính tại đó quân dân Thủ đô đã chứng minh có thể đánh thắng kẻ thù xâm lược lớn mạnh nếu lãnh đạo chỉ huy biết cách tổ chức tiến hành chiến tranh, biết tìm ra cách đánh thích hợp. Và nếu như có thể tiến hành kháng chiến thắng lợi ở Sài Gòn, Nha Trang, Hải Phòng, đặc biệt là ở Thủ đô thì cuộc kháng chiến trường kỳ trên phạm vi cả nước hoàn toàn có khả năng thực tế để giành thắng lợi.

Nhìn từ góc độ nghệ thuật quân sự, cuộc chiến đấu hơn 60 ngày đêm của quân dân Thủ đô là bước phát triển mới, một sáng tạo mới của tư duy quân sự Việt Nam trên cơ sở kế thừa những bài học kinh nghiệm ban đầu của các chiến trường từ Nam chí Bắc (Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc, Đông Bắc,...) đã trải qua thực tế chiến đấu với địch. Sài Gòn là thành phố đi đầu, trước Hà Nội 15 tháng và gần nhất là Hải Phòng trước Hà Nội 1 tháng. Mỗi địa phương một vẻ, với những tình huống chiến lược khác nhau nhưng những kinh nghiệm còn rất sơ lược ấy đều đã ít nhiều giúp cho Bộ Tổng chỉ huy và lãnh đạo Hà Nội có những kiến thức ban đầu về lãnh đạo chỉ huy chiến đấu trong thành phố. Chẳng hạn từ kinh nghiệm của Sài Gòn và Hải Phòng là làm thế nào để hạn chế được hoả lực của phi pháo và uy lực của xe tăng cơ giới địch cơ động trên đường phố. Vật cản, ụ baricát... hình thành trong chiến thuật "cài then cửa" là bước phát triển kinh nghiệm của Sài Gòn và Hải Phòng được vận dụng vào điều kiện cụ thể của Hà Nội. Rõ ràng kinh nghiệm tiến hành kháng chiến của các thành phố Sài Gòn, Nha Trang, Hải Phòng là cực kỳ quý giá đối với cuộc chiến đấu ở Thủ đô Hà Nội và đã góp phần quan trọng vào thắng lợi trong hơn hai tháng chiến đấu mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc của quân và dân Thủ đô. Và, chính nhờ có kinh nghiệm của Sài Gòn, Nha Trang, Hải Phòng nên mặc dù phải đối phó với tình thế lực lượng địch, ta đóng xen kẽ trong đô thị, khi hai lực lượng chiến lược đối kháng đã ở thế

---

1. Báo *Sự thật* số 80 (tháng 7 năm 1947).

trực tiếp tiếp xúc, hai bên đều sẵn sàng chiến đấu cao nhưng quân dân Thủ đô vẫn giành được thế chủ động về chiến lược, giành bất ngờ về thời gian, không gian và cách đánh. Cuộc tiến công tối 19 tháng 12 và cuộc chiến đấu trên các đường phố, các khu vực nội thành hơn 60 ngày sau đó thể hiện nghệ thuật giành chủ động trong bị động của quân dân Thủ đô. Bằng cuộc tiến công đó, quân dân Thủ đô cùng quân dân cả nước đã góp phần xây dựng và phát triển nguyên tắc tác chiến của tư tưởng quân sự và nghệ thuật quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Đó là không cho kẻ địch đánh theo cách đánh của chúng mà buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta, ở thời gian và không gian do ta lựa chọn. Đây chính là tư tưởng, là nghệ thuật quân sự đã chỉ đạo quân dân ta trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975).

TỪ CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG ĐẾN CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Trung tướng PHẠM XUÂN THỆ

Xây dựng căn cứ địa cách mạng là sự kế thừa và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm truyền thống của ông cha ta về "tìm đất căn bản" để đứng chân chống quân xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc và non sông đất nước.

Sau ba mươi năm đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Bác Hồ đã nghiên cứu, đúc rút được nhiều kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang, đấu tranh cách mạng và xây dựng căn cứ địa của các nước trên thế giới. Người khẳng định con đường giải phóng dân tộc ở Việt Nam là con đường cách mạng vô sản và phải tiến hành bằng cách mạng bạo lực. Trong đó, khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng là những hình thức chủ yếu, nhưng muốn khởi nghĩa phải có căn cứ địa, muốn kháng chiến phải có hậu phương.

Để chuẩn bị cán bộ cho xây dựng căn cứ địa, tháng 12 năm 1940, Bác Hồ đã tổ chức mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ tại Nậm Quang, Ngàm Tảy (Tĩnh Tây - Trung Quốc) cho hơn bốn mươi học viên là những đảng viên, quần chúng trung kiên của tỉnh Cao Bằng, để làm nòng cốt tuyên truyền, vận động quần chúng.

Trong tác phẩm "*Con đường giải phóng*", tài liệu do Người chỉ đạo biên soạn và trực tiếp hoàn chỉnh để huấn luyện lớp đầu tiên, Người đã chỉ rõ về địa vị của căn cứ du kích trong chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa: "Khi du kích đã khá đông thì phải có "*căn cứ địa*" là một vùng khá rộng và hiểm trở,

ở đó dân chúng được tổ chức vững vàng, quân lính đế quốc khó vào được. Du kích dùng nơi đó đứng chân, tiến có thể đánh và phát triển lực lượng, lui có thể đứng và giữ gìn lực lượng". Tiếp theo "*Con đường giải phóng*", trong tác phẩm "*Cách đánh du kích*", Người nêu cao tầm quan trọng của việc xây dựng các vùng căn cứ làm những nơi đứng chân xây dựng lực lượng của quân du kích, "Đội du kích trong lúc hoạt động đánh quân thù cần có một vài nơi đứng chân làm cơ sở. Tại nơi ấy, đội du kích tích trữ lương thực, thuốc đạn, lâu lâu về đó nghỉ ngơi, luyện tập. Nơi ấy phải có địa thế hiểm yếu che chở và quần chúng cảm tình và ủng hộ. Đội du kích hoạt động và phát triển nhiều thì chỗ cơ sở nhỏ đầu tiên ấy có thể trở nên căn cứ địa vững vàng, nhất là sau khi đội du kích đánh đuổi được quân giặc và thành lập được chính quyền cách mạng trong địa phương". Người cũng chỉ rõ: "Chưa thành lập được chính quyền địa phương thì căn cứ địa khó thành lập và không thể củng cố được. Có chính quyền cách mạng của địa phương, có căn cứ địa vững vàng, đội du kích nhờ đó mà phát triển lực lượng và hoá ra quân chính quy (quân chính quy là đội quân tổ chức theo quy củ nhất định về mặt biên chế, kỷ luật, súng ống, áo quần, ăn uống đều theo quy củ nhất định ấy)".

Để chuẩn bị trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Người đã tìm hiểu, nghiên cứu kỹ về tình hình trong nước và quyết định chọn Cao Bằng làm nơi trở về để xây dựng căn cứ địa cách mạng. Người nhận định: Cao Bằng có "*Địa - quân sự*" tốt, là một tỉnh có núi non trùng điệp, địa hình thiên hiểm "Tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ", rất thuận lợi cho tác chiến du kích, lại tiếp giáp với Trung Quốc tiện lợi cho việc liên lạc với quốc tế. Cao Bằng là có ưu thế về "*Địa - chính trị*", nhân dân các dân tộc Cao Bằng có lòng yêu nước nồng nàn, phong trào quần chúng đấu tranh cách mạng phát triển sâu rộng, là nơi sớm có chi bộ Đảng ngay từ năm 1930 và đang phát triển mạnh mẽ. Hơn nữa, lực lượng và bộ máy cai trị của Pháp ở đây lại mỏng và yếu hơn so với các vùng ở đô thị và đồng bằng. Từ đây, Đảng có thể xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trong căn cứ, bảo đảm bí mật, thuận tiện tác chiến, có thể phát triển về Thái Nguyên nối thông với các tỉnh ở duyên hải, đồng bằng và đi sâu vào vùng Thanh - Nghệ để vận động cách mạng và phát động đấu tranh vũ trang trên phạm vi cả nước.

Ngày 28 tháng 1 năm 1941, Bác Hồ trở về Tổ quốc và chọn hang Pắc Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng làm nơi đứng chân để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng.

Từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941, Bác Hồ đã trực tiếp chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận

Việt Minh và lấy miền rừng núi phía Bắc của Tổ quốc để xây dựng căn cứ địa, trước hết là xây dựng Cao Bằng thành trung tâm căn cứ địa cách mạng; lấy Cao Bằng làm thí điểm để chỉ đạo phong trào cách mạng trong cả nước; củng cố và mở rộng căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai thành căn cứ địa cách mạng. Theo đó, công tác xây dựng lực lượng vũ trang được tiến hành khẩn trương với tinh thần "*Ở đâu có Việt Minh là ở đó có tự vệ và các đội tự vệ chiến đấu*". Mỗi hội viên của thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, nông dân cứu quốc... đều là đội viên tự vệ và tự vệ chiến đấu. Để có đội ngũ cán bộ có khả năng tổ chức và lãnh đạo lực lượng tự vệ cứu quốc, giữa năm 1941, Bác Hồ đã chỉ thị cho Đảng bộ Cao Bằng tuyển chọn hơn 70 cán bộ ưu tú trong các phong trào cử đi học tập quân sự tại nước ngoài, đồng thời liên tục mở các lớp huấn luyện về chính trị, quân sự cho cán bộ nòng cốt của Cao Bằng và các tỉnh lân cận. Từ đó phong trào Việt Minh đã liên tục phát triển mạnh mẽ, lan rộng sang các tỉnh. Các châu, tổng và xã hoàn toàn Việt Minh được hình thành. Hầu hết thanh niên nam nữ trong các "*xã hoàn toàn*" đều tham gia tự vệ và đều được luyện tập về quân sự từ một đến hai tuần. Bác Hồ đã trực tiếp biên soạn tài liệu và tham gia giảng dạy về tư tưởng quân sự, chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu cho các lớp huấn luyện ở Cao Bằng...

Phong trào cách mạng của quần chúng ở hầu khắp các tỉnh ngày càng phát triển mạnh. Đặc biệt, dưới sự chỉ đạo của Trung ương, đội du kích Bắc Sơn đã phát triển thành đội Cứu quốc quân, đang hoạt động tích cực, thu được nhiều thắng lợi.

Để có lực lượng nòng cốt, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ở Cao Bằng, tháng 10 năm 1941, Bác Hồ đã chỉ thị thành lập đội du kích Pắc Bó. Đây là đội quân thoát ly đầu tiên làm nhiệm vụ giao thông đặc biệt, nối liền sự chỉ đạo của Đảng với quần chúng, bảo vệ và đưa đón cán bộ.

Đầu năm 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định nối thông căn cứ địa Cao Bằng với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai để bảo đảm chỉ huy thống nhất phối hợp lực lượng tích cực chuẩn bị khởi nghĩa. Những "*Con đường quần chúng*" từ Cao Bằng "Nam tiến" xuống Bắc Kạn, "Tây tiến" sang Hà Giang, Tuyên Quang, "Đông tiến" sang Lạng Sơn và từ Thái Nguyên "Bắc tiến" lên Bắc Kạn, Cao Bằng đã liên tục được tổ chức trước sự khủng bố gắt gao của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Chỉ chưa đầy một năm, bằng phương thức hoạt động phát triển theo lối *nhảy cóc*, củng cố theo *vết dầu loang*, dựa vào truyền thống yêu nước và cách mạng và những phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào các dân tộc như dòng tộc, kết bạn đồng canh, đồng niên để bắt mối tuyên truyền gây cơ sở... các con đường quần chúng,

các đội quân Nam tiến, Bắc tiến đã nối được liên lạc của Trung ương với hai miền xuôi ngược. Phong trào cách mạng của Cao - Bắc - Lạng đã gắn với phong trào chung của cả nước. Hai khu căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai được thông nối, dựa vào nhau tạo thành thế liên hoàn vững chắc. Đến cuối năm 1943, những *Con đường quần chúng* vẫn vươn dài, lan toả về khắp nơi, tạo thành hệ thống căn cứ liên hoàn của phong trào Việt Minh. Công tác tổ chức lực lượng vũ trang và huấn luyện quân sự, chính trị ở các địa phương cũng phát triển mạnh mẽ. Hầu hết, các tỉnh đều có đội du kích, đội tự vệ chiến đấu và tổ chức vũ trang bí mật để diệt ác, trừ gian. Chương trình của Mặt trận Việt Minh được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Cán bộ các cấp của Đảng bám sát cơ sở để tổ chức phát triển Việt Minh vào các vùng đồng bào dân tộc ít người, biến các châu, tổng, xã thành "*châu hoàn toàn, tổng hoàn toàn và xã hoàn toàn Việt Minh*". Để thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng giữa các tỉnh, các ban Việt Minh liên tỉnh, Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được thành lập. Như vậy, sau hai năm tổ chức và xây dựng, căn cứ địa cách mạng đã không chỉ còn trong phạm vi Cao Bằng mà đã trở thành hệ thống căn cứ liên hoàn, vững chắc, thành *Khu căn cứ địa* rộng lớn, thông nối cả Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà. Phong trào Việt Minh phát triển rộng khắp từ các tỉnh miền núi thông suốt xuống miền xuôi và đi khắp cả nước. Nhờ có sự thông nối giữa Trung ương và cơ sở, nhờ có sự liên hoàn, thông nối giữa các căn cứ cách mạng, nên khi địch khủng bố gắt gao ở Bắc Sơn - Võ Nhai, các cơ sở bí mật của Trung ương và phần lớn lực lượng của các đội Cứu quốc quân thứ 1, thứ 2 vẫn được bảo toàn, để rồi nhanh chóng gây dựng lại cơ sở, củng cố lại căn cứ, mở rộng địa bàn và phát triển thêm đội Cứu quốc quân thứ 3.

Khi phong trào cách mạng đã phát triển mạnh, cần chuẩn bị cho cao trào vũ trang khởi nghĩa, Đảng và Bác Hồ chủ trương thành lập đội quân chủ lực của cách mạng. Ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại núi Slam Cao thuộc khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - đội quân chủ lực đầu tiên đã được thành lập và được xác định là *"Đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội đàn em khác"*. Với 34 chiến sĩ và 34 khẩu súng thô sơ, nhưng ngay sau khi thành lập, Đội đã lập nên chiến thắng Phai Khắt và Nà Ngần, Đội đã tỏ rõ tiềm năng của một đội quân bách chiến bách thắng mở đầu cho truyền thống anh hùng, quyết chiến quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, lực lượng vũ trang cách mạng đã bắt đầu hình thành ba thứ quân của lực lượng vũ trang

nhân dân, trong đó Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, các đội Cứu quốc quân là chủ lực, các châu có đội vũ trang của châu, các xã có đội tự vệ nửa vũ trang.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 16 tháng 4 năm 1945, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp tại Hiệp Hoà (Bắc Giang) đã ra quyết định hợp nhất Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Việt Nam Cứu quốc quân thành Việt Nam giải phóng quân. Tiếp theo đó, ngày 15 tháng 5 năm 1945, tại làng Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, lễ hợp nhất lực lượng đã được tổ chức trang trọng trước sự cổ vũ động viên của hàng nghìn đồng bào nhân dân các dân tộc thuộc Định Hoá (Thái Nguyên). Ngay sau khi thành lập, dưới sự chỉ huy của Chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp và Chính trị viên Tân Hồng, lực lượng của Việt Nam giải phóng quân đã tăng lên nhanh chóng. Bên cạnh 13 đại đội Giải phóng quân chủ lực, ở các huyện, các tỉnh đều có các đội Giải phóng quân địa phương. Các đơn vị Giải phóng quân đã phối hợp chặt chẽ với nhân dân địa phương, anh dũng chiến đấu chống Nhật, tiễu phỉ, trừ gian, bảo vệ cơ quan đầu não của Đảng. Thực hiện chủ trương khởi nghĩa từng phần, các đội Giải phóng quân ở các châu lỵ của các tỉnh đã liên tiếp tiến đánh các đồn bốt, cùng nhân dân nổi dậy giành chính quyền. Các ban Việt Minh ở nhiều châu, tổng, xã đã ra công khai, bãi bỏ mọi sưu thuế cũ, chia công điền cho dân nghèo, ban bố quyền tự do dân chủ. Mọi người gặp nhau chào bằng *đồng chí,* thanh niên nô nức tòng quân. Ngày 4 tháng 6 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh tuyên bố thành lập *Khu giải phóng Việt Bắc*, đồng thời thành lập ủy ban cách mạng lâm thời. Khu giải phóng Việt Bắc, một địa bàn chiến lược bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên và một số vùng lân cận gồm một bộ phận của bốn tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Với diện tích rộng trên bốn vạn kilômét vuông và có hơn một triệu dân, khu giải phóng Việt Bắc được xây dựng về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá để làm căn cứ địa cách mạng cho cả nước. Chính quyền nhân dân các cấp được thành lập thông qua phổ thông đầu phiếu. Mọi người dân không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo đều trở thành công dân, được hưởng quyền bình đẳng về chính trị, người nghèo được tạm cấp ruộng đất, thanh niên tham gia luyện tập quân sự, gia nhập lực lượng vũ trang. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng chủ yếu là bàn đạp vững chắc cho cả nước tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi.

Từ những kết quả trên, Đảng ta đã kết luận: dưới chế độ áp bức đô hộ của bọn phát xít Nhật, Pháp, nhân dân ta do Đảng lãnh đạo hoàn toàn có khả năng lập được các căn cứ địa cách mạng ở cả rừng núi và nông thôn.

Vào cuối chiến tranh thế giới lần thứ 2, thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền xuất hiện. Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, đồng thời bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng (Chính phủ lâm thời), quy định Quốc kỳ, Quốc ca và thông qua 10 chính sách của Việt Minh. Tại Việt Bắc, Quân lệnh số 1 được phát đi, quân và dân cả nước đã nhất tề vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Các đội quân chủ lực từ khu căn cứ đã tiến về giải phóng Thái Nguyên, mở đường tiến về giải phóng Thủ đô Hà Nội. Chỉ trong 8 ngày (từ 18 đến 25-8-1945), Tổng khởi nghĩa đã hoàn toàn thắng lợi. Chính quyền cách mạng được thành lập từ Trung ương đến địa phương. Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á đã ra đời.

Tuy nhiên, ngay khi mới thành lập, chính quyền cách mạng non trẻ đã phải đối mặt với biết bao thử thách khó khăn, phức tạp, đó là: giặc đói, giặc dốt và đặc biệt là giặc ngoại xâm. Nền độc lập sau gần một thế kỷ đấu tranh mới giành được đang đứng trước tình thế ngàn cân treo trên sợi tóc. Ở Nam vĩ tuyến 16, được sự đồng loã của quân Anh, thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Ở phía Bắc vĩ tuyến 16, có 20 vạn quân Tưởng cùng bọn tay sai mưu toan chống phá chính quyền cách mạng.

Trước tình thế đó, tháng 10 năm 1945, Trung ương Đảng đã quyết định thành lập 9 chiến khu trong cả nước, tích cực chuẩn bị mọi mặt để đối phó với nguy cơ chiến tranh, cử cán bộ cao cấp của Đảng trở lại Việt Bắc để chuẩn bị căn cứ kháng chiến. Trên cơ sở phân tích đầy đủ các yếu tố *thiên thời, địa lợi và nhân hoà*, Trung ương Đảng đã quyết định xây dựng ATK, phân chia căn cứ địa Việt Bắc thành hai khu vực chủ yếu. Trong đó, ATK là hạt nhân nằm trong hệ thống căn cứ địa Việt Bắc sẽ là căn cứ của cơ quan đầu não kháng chiến, nằm trên địa bàn các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Na Hang (Tuyên Quang) và Yên Bình (Yên Bái); lấy Định Hoá (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang) làm trung tâm. *Khu ngoại vi* ATK là các tỉnh lân cận như: Bắc Giang, Phú Thọ, Phúc Yên...

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, Bộ tổng chỉ huy rời Thủ đô

Hà Nội chuyển dần lên Việt Bắc để lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến lâu dài. Hàng chục nhà trường, công binh xưởng, nhà máy, xí nghiệp cùng hàng vạn tấn máy móc thiết bị, nguyên vật liệu được cấp tốc chuyển lên Việt Bắc bằng nhiều con đường để đáp ứng nhu cầu sản xuất, phục vụ kháng chiến.

Việt Bắc - căn cứ địa cách mạng một lần nữa lại được vinh dự đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử trở thành căn cứ chiến lược, làm địa bàn đứng chân vững chắc cho cuộc kháng chiến trường kỳ và anh dũng của dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược. Trong quá trình tổ chức xây dựng ATK - trung tâm căn cứ kháng chiến, yếu tố *nhân hoà* được đặc biệt chú trọng. Vì ATK chủ yếu là nơi bảo đảm an toàn cho cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ - đại bản doanh của cuộc kháng chiến đứng chân ở đây có thể vận hành được bộ máy của mình, từ đây có thể chỉ đạo ra toàn quốc. Với yêu cầu tối thượng là bảo vệ được an toàn, với chủ trương phải xây dựng căn cứ vững mạnh toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế - văn hoá và xã hội, các địa phương trên địa bàn ATK đã thiết lập tổ chức bảo vệ các cấp từ huyện xuống các cơ sở. Mỗi cấp đều có kế hoạch, quy chế phòng gian bảo mật, phòng chống địch đánh phá trong mọi hoàn cảnh. Các tổ chức chính trị ở cơ sở và lực lượng vũ trang được xây dựng và chỉnh đốn. Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng gian bảo mật được thực hiện sâu rộng, thực hiện khẩu hiệu 3 không (*không biết, không thấy, không nghe)* ai làm gì biết nấy, ở đâu biết đó không để lộ bí mật. Xây dựng mối đoàn kết chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương, thực hiện nghiêm chỉnh chính sách dân tộc của Đảng và kỷ luật trong quan hệ với nhân dân.

Việt Bắc - căn cứ địa cách mạng trở thành căn cứ địa kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong thư gửi đồng bào Việt Bắc (2-9-1947), Bác Hồ viết: "*Cách mệnh đã do Việt Bắc mà thành công thì kháng chiến sẽ do Việt Bắc mà thắng lợi*"[1].

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ và anh dũng của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược, Việt Bắc trở thành nơi đọ sức quyết liệt giữa ta và địch. Từ Việt Bắc, nhiều chiến dịch lớn được tổ chức chuẩn bị, nơi xuất phát của các đơn vị chủ lực, hậu phương vững chắc cho trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Quân và dân Việt Bắc đã đánh 5.538 trận, diệt 58.174 tên địch, làm bị thương 7.147 tên, bắt 5.104 tên, gọi hàng 5.776 tên, thu 16 đại bác, 79 trọng liên, 92 đại liên, hàng nghìn súng bộ binh, bắn cháy và phá hủy 1.109 xe quân sự các loại, 47 máy bay, 39 ca nô, 35 đầu máy xe lửa;

1. *Bác Hồ với Việt Bắc*, Nxb Việt Bắc, 1971, tr.15.

đóng góp 379.447 lượt nhân công phục vụ các chiến dịch, huy động 30.840 tấn lương thực, thực phẩm cho kháng chiến.

Vừa xây dựng, vừa chiến đấu bảo vệ vững chắc căn cứ địa của cuộc kháng chiến, Việt Bắc còn tích cực phối hợp với Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc mở rộng khu Điền Quế, Việt Quế và các khu căn cứ Tả Giang, Long Châu, để lại nhiều tình cảm tốt đẹp của các chiến sĩ Việt Nam trong lòng nhân dân nước bạn.

*
* *

Từ căn cứ địa cách mạng đến căn cứ địa kháng chiến là một thực tiễn của quá trình thực hiện tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, tư tưởng "Căn cứ địa" được liên tục vận dụng và đều có những nét sáng tạo riêng về chọn lựa địa bàn, xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang, nghiên cứu vận dụng nghệ thuật tác chiến phù hợp với quá trình hình thành và phát triển bảo đảm các nội dung mang tính nguyên tắc sau:

1- Lợi dụng được địa hình thiên hiểm, núi rừng đại ngàn để có nơi đứng chân an toàn, vừa để địch khó tìm nhưng lại thuận lợi cho tiến có thể đánh, lui có thể giữ, hơn nữa lại có thể tổ chức sản xuất bảo đảm tự túc về lương thực, thực phẩm. Núi rừng Việt Bắc bao la, trùng điệp, đất đai màu mỡ là địa bàn lý tưởng để xây dựng căn cứ địa.

2- Xây dựng căn cứ địa trước hết phải dựa vào quần chúng, dựa vào những con người giác ngộ cách mạng, xây dựng được lực lượng nòng cốt tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị, từ đó xây dựng lực lượng vũ trang. Nhân dân các dân tộc Việt Bắc có lòng yêu nước nồng nàn và căm thù giặc sâu sắc, có ý thức trách nhiệm cao cả trước sự an nguy của đất nước, của Trung ương Đảng và Bác Hồ. Vì vậy, trong suốt thời kỳ đấu tranh cách mạng và 9 năm trường kỳ kháng chiến, Việt Bắc đã thực sự là khu an toàn, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Bác Hồ, cho các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng chỉ huy. Biết dựa vào dân, huy động được sức mạnh của toàn dân thực hiện chiến tranh nhân dân rộng khắp trên cơ sở lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy vũ khí kém hiện đại để thắng hiện đại là điều cơ bản, quyết định để dân tộc ta đánh thắng kẻ thù. Nhờ lăn lộn trong phong trào quần chúng và gắn bó với nhân

dân, cán bộ, đảng viên đã làm cho dân hiểu và dân tin, đặc biệt là xây dựng được thế trận lòng dân, làm cho nhân dân một lòng đi theo Đảng. Qua công tác thực tiễn đảng viên có điều kiện hiểu dân, nắm được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng để bổ sung hoàn chỉnh đường lối cách mạng. Nhiều quần chúng ưu tú tự nguyện gia nhập Đảng đã làm cho Đảng phát triển nhanh và ngày càng được củng cố kiện toàn.

3- Trong căn cứ địa phải thành lập được chính quyền cách mạng. Việc thí điểm Mặt trận Việt Minh rộng khắp với sự tham gia đông đảo của các hội quần chúng ở một tỉnh rồi liên tỉnh, hình thành Ban Việt Minh liên tỉnh, khi thời cơ khởi nghĩa chín mùi thì thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời, Chính phủ lâm thời, là những bước tập dượt cho sự ra đời của tổ chức Nhà nước công nông sau này. Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh được tuyên truyền, tổ chức học tập sâu rộng trong quần chúng đã làm cho quần chúng hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với xã hội. Việc tổ chức học tập cho nhân dân để nâng cao dân trí, xoá nạn mù chữ, luyện tập quân sự... là những việc làm thiết thực chuẩn bị cho cán bộ, nhân dân khi trở thành người chủ tương lai của đất nước. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cơ quan đầu não kháng chiến ở Việt Bắc vẫn điều khiển cuộc kháng chiến toàn quốc một cách an toàn, ổn định, triển khai cuộc kháng chiến, kiến quốc một cách toàn diện với quy mô ngày càng lớn, đáp ứng yêu cầu của chiến tranh. Từ đây, các quyết sách lớn của Đảng, Chính phủ đã được quyết định. Những hoạt động căn bản trong đối nội, đối ngoại của một nhà nước đã được thực hiện một cách hiệu quả. Căn cứ địa Việt Bắc thực sự trở thành thủ đô kháng chiến của cả nước, trở thành hy vọng của toàn dân - nơi hướng về của những người dân yêu nước "*ở đâu đau đớn giống nòi, trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền*"[1].

4- Trong quá trình xây dựng căn cứ địa phải liên tục phát triển lực lượng vũ trang. Việc xây dựng đội quân chính trị của quần chúng, thành lập các đội du kích vũ trang để bảo vệ cơ sở địa phương đã dần hình thành đội vũ trang tập trung được huấn luyện cả về chính trị và quân sự, tiến tới thành lập các đội Cứu quốc quân và Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân rồi phát triển thành Việt Nam giải phóng quân, đã góp phần to lớn vào xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Khi đã có chính quyền, các binh đội, binh đoàn chủ lực được quan tâm xây dựng, nên đã phát triển nhanh chóng, lớn mạnh theo những chiến công trên

---

1. Thơ Tố Hữu.

khắp các mặt trận. Hệ thống các căn cứ địa được củng cố, phát triển thành thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, tạo đà cho các hoạt động tác chiến, bảo đảm cho lực lượng vũ trang ta liên tục tiến công địch trên khắp các chiến trường cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

Trong quá trình xây dựng căn cứ địa, các nguyên tắc trên luôn được thực hiện, vận dụng đúng và đầy đủ. Các nhân tố *thiên thời, địa lợi và nhân hoà* luôn được coi trọng và vận dụng một cách linh hoạt tùy theo mục đích và hoàn cảnh cụ thể. Khi xây dựng căn cứ địa cách mạng, yếu tố *địa lợi* luôn được đặt lên hàng đầu, nhưng khi xây dựng ATK - căn cứ kháng chiến thì yếu tố *nhân hoà* lại được đưa lên hàng đầu. Đây là sự vận dụng rất linh hoạt, sáng tạo của Đảng và Bác. Nhờ có phong trào quần chúng tốt, lực lượng chính trị hùng hậu mà lực lượng vũ trang nhân dân đã phát triển nhanh chóng và hùng mạnh.

Từ thực tế của việc xây dựng và phát huy tác dụng to lớn của căn cứ địa cách mạng đã cho ta những bài học quý giá. *Không có chỗ đứng chân, không có căn cứ địa và khu giải phóng thì cách mạng không thể thành công, kháng chiến không thể thắng lợi. Lòng yêu nước của nhân dân cộng với hình thái thiên hiểm của núi rừng đã trở thành sức mạnh vô địch.* Kinh nghiệm xây dựng căn cứ địa thời kỳ kháng chiến chống Pháp được kế thừa, vận dụng và phát triển thêm một bước mới trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong hoà bình, nhưng vẫn luôn tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh. Trong tương lai, nếu chiến tranh xảy ra, chúng ta sẽ phải đối mặt với cuộc chiến tranh công nghệ cao, kẻ thù sẽ sử dụng những vũ khí, trang bị hiện đại. Vì vậy, xây dựng căn cứ địa là đòi hỏi bức thiết, phải được xây dựng ngay từ thời bình và phải được xác định là một thành phần trong thế trận phòng thủ của từng cấp, nhất là cấp quân khu. Vấn đề đặt ra và cần phải nghiên cứu là: phải hình thành cơ cấu tổ chức, cơ chế lãnh đạo và cơ chế điều hành sao cho phù hợp, có hiệu quả cả trong thời bình và trong thời chiến, bảo đảm phát huy được sức mạnh tổng hợp để quân và dân ta có thể chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu 1 rất tự hào được đứng chân trên địa bàn căn cứ địa cách mạng Việt Bắc - nơi lưu dấu ấn của Bác Hồ kính yêu. Sự hình thành và lớn mạnh của lực lượng vũ trang Quân khu 1 luôn gắn liền với sự hình thành, phát triển và gắn với những chiến công hiển

hách của Quân đội nhân dân Việt Nam. Mỗi cán bộ, chiến sĩ chúng tôi đều cảm thấy vinh dự và tự hào trước những kỳ tích lịch sử và truyền thống cách mạng của lớp lớp cha anh. Chúng tôi nguyện phấn đấu xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 1 ngày càng vững mạnh, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm của cha ông để xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, bảo đảm luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VŨ KHÍ TRANG BỊ KỸ THUẬT TRONG TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Thiếu tướng ĐINH DANH NGHIÊM

Sau gần một thế kỷ bị thực dân Pháp đô hộ, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nhất tề đứng lên làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại và giành được chính quyền trong cả nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng vừa mới ra đời, nước cộng hoà non trẻ đã phải đứng trước một tình thế vô cùng hiểm nghèo, như "ngàn cân treo sợi tóc": giặc đói, giặc dốt, thù trong, giặc ngoài... Cùng một lúc, nhân dân ta phải đương đầu với nhiều kẻ thù nguy hiểm: gần 30 vạn quân Anh, Pháp, Trung Hoa dân quốc và Nhật chiếm đóng nhiều nơi từ Bắc chí Nam, hàng chục đảng phái và tổ chức chính trị phản động đang ráo riết hoạt động lăm le lật đổ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập lại chính quyền tay sai và cướp nước ta lần nữa.

Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng các biện pháp chiến lược và sách lược hết sức mềm dẻo, nhân dân ta vừa xây dựng, củng cố chính quyền, vừa đuổi Tưởng, diệt trừ nội phản, vừa đánh vừa hoà hoãn với Pháp. Nhưng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới và quyết cướp nước ta một lần nữa. Với những đơn vị quân đội được huấn luyện chính quy và đầy đủ vũ khí trang bị, chúng tin rằng chỉ một vài tháng sẽ đánh bại ý chí giành độc lập của dân tộc ta - một dân tộc nghèo nàn, với một trình độ sản xuất lạc hậu hơn nước Pháp hàng trăm năm và vừa mới bước ra khỏi đêm trường nô lệ. Khi mọi khả năng cứu vãn hoà bình không còn, ngày 19 tháng 12 năm 1946, theo lời kêu gọi của Đảng

và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân cả nước đoàn kết một lòng, nhất tề đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - một cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi sẽ thuộc về nhân dân ta, dân tộc ta.

Ngay từ khi thành lập, Đảng ta đã chỉ rõ: Cách mạng Việt Nam phải thông qua đấu tranh vũ trang mới có thể giành được chính quyền. Đồng thời, quán triệt những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội: "*Để bảo vệ đất nước chỉ có chủ nghĩa yêu nước của quần chúng thì không đủ. Nếu không có vũ khí - hoặc nếu có mà không biết sử dụng - thì trong trường hợp có chiến tranh sẽ làm cho tinh thần yêu nước của các chiến sĩ rất ít giá trị*"[1], nhìn rõ dã tâm của thực dân Pháp và căn cứ vào tình hình đất nước, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đề ra những chủ trương nhằm giải quyết vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang trong những ngày đầu kháng chiến.

1. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng vai trò và tầm quan trọng của vũ khí trang bị đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát động phong trào quần chúng tự vũ trang, cướp vũ khí của giặc để đánh giặc

Xuất phát từ hoàn cảnh một đất nước có nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu - hậu quả của chính sách khai thác, bóc lột tàn bạo của thực dân, phát xít và phong kiến, ngay từ những năm 30 của thế kỷ XX, sau khi được thành lập, Đảng ta đã đánh giá đúng vai trò và tầm quan trọng của vũ khí trang bị đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935) đã khẳng định: "*Phải có binh khí ít nhiều, càng nhiều càng tốt để thao luyện, để lúc cần thiết xung đột với quân thù*"[2]. Sau đó, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941) khi thông qua *Điều lệ của Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc*, đã quy định rõ: "*Mỗi đội viên phải tự sắm lấy khí giới như gươm, giáo, lao, mác... Nếu có thể sắm được súng, cốt mìn thì càng tốt*"[3]. Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu lên hai cách tự trang bị vũ khí: "*Một là từ trong tay giặc. Hai là ở trong dân. Nhân dân sẽ bằng mọi cách tự tạo ra vũ*

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 15, Nxb Tiến bộ Mátxcơva, tr.110.

2. *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1969, tr.113-120.

3. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Công tác bảo đảm vũ khí kỹ thuật quân sự trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1998 tr. 9.

khí trang bị cho lực lượng vũ trang của mình"[1]. Sau Hội nghị lần thứ 8, Trung ương Đảng ra thông cáo kêu gọi các đội du kích phải cướp khí giới quân địch, vừa đánh vừa vũ trang.

Trước phong trào cách mạng của quần chúng lên cao, tháng 5 năm 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị *Sửa soạn tổng khởi nghĩa*, chỉ rõ: "*Một dân tộc bị áp bức cũng như một giai cấp bị bóc lột, muốn tự giải phóng phải cầm vũ khí trong tay mà chiến đấu. Không thể tay không mà đuổi được giặc. Dân ta muốn đánh đổ Nhật, Pháp cũng không thể không sắm vũ khí và tập dùng vũ khí. Có hai cách kiếm vũ khí là tự chế, mua và chiếm của giặc... Phải hết sức cổ động quần chúng nhiệt liệt tham gia các cuộc tìm vũ khí hay các "ngày mua súng", cổ động quần chúng quyên các thứ cần cho việc chế vũ khí (như đồng, chì, sắt...)*"[2].

Như vậy, ngay trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã đề ra chủ trương đúng đắn về vũ trang hoá toàn dân, quân sự hoá toàn dân theo đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. Đây chính là cái nền, là cơ sở cho kỹ thuật quân sự Việt Nam hình thành, phát triển và trưởng thành nhanh chóng. Lực lượng vũ trang và nhân dân ở hầu hết các tỉnh, các địa phương trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam đều ráo riết mua sắm, rèn, đúc vũ khí. Lò rèn vũ khí mọc lên ở khắp nơi, những nơi có điều kiện thì lập "công binh xưởng" để sản xuất dao, kiếm, lựu đạn, mìn và sửa chữa súng kịp thời cung cấp cho các đơn vị bộ đội, du kích. Nhờ đó, phong trào đấu tranh vũ trang phát triển mạnh mẽ trong toàn quốc. Các đội tự vệ, các đơn vị du kích cách mạng quân cùng với Việt Nam giải phóng quân thực sự là nòng cốt cho toàn dân ta tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Do yêu cầu cấp thiết của việc xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền, nên chỉ hai ngày sau khi Chính phủ lâm thời ra mắt quốc gia đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động lập Quỹ Độc lập (rồi sau đó tổ chức Tuần lễ Vàng) nhằm huy động sự đóng góp của toàn dân để giúp Chính phủ giải

---

1. *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1995, tr.264.

2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Công tác bảo đảm vũ khí kỹ thuật quân sự trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, *Sđd*, tr.9.

quyết khó khăn về tài chính, trong đó chủ yếu là để mua sắm vũ khí và nuôi dưỡng quân đội[1].

Lúc này, nhu cầu bảo đảm vũ khí trang bị cho xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, bảo vệ chính quyền cách mạng, chống thù trong giặc ngoài rất cấp bách. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các biện pháp tạo nguồn vũ khí trong thời kỳ tiền khởi nghĩa đã được quân và dân ta tích cực thực hiện, mở rộng ra cả nước, phát triển với quy mô lớn để bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Ngoài việc đóng góp bằng tiền của, nhân dân các địa phương còn tích cực tìm kiếm, thu gom phế liệu, quyên góp đồ dùng trong nhà, từ nồi, mâm đồng, chảo gang, thậm chí cả đồ thờ cúng như đỉnh, lư hương đồng... để giao cho các xưởng sản xuất vũ khí. Dưới sự chỉ đạo của Phòng Quân giới (sau đó là Cục Quân giới), các đơn vị, các địa phương dùng tiền, vàng, thuốc phiện thu được ở các ty thuốc phiện của thực dân Pháp để mua súng đạn của quân Tưởng. Ngoài những lần mua lẻ được vài chục đến vài trăm khẩu, ngay tại Hà Nội có lần mua được 3 xe ô tô vận tải chở đầy súng đạn; ở Hoà Bình, ta đã mua được hàng nghìn khẩu súng trường, súng máy; ở Vĩnh Yên, ta mua được một kho vũ khí chất đầy 2 toa xe lửa kịp thời chuyển vào chi viện cho miền Nam.

Chúng ta chiếm vũ khí của giặc bằng cách đánh giặc, tiêu diệt chúng, hoặc bằng các hình thức vận động binh lính địch, làm cho họ giác ngộ, giao nộp vũ khí cho ta. Bằng nhiều cách công khai hoặc bí mật, chính quyền cách mạng ở một số địa phương đã thương lượng với quân Nhật bàn giao vũ khí cho ta. Lợi dụng sơ hở của địch, bộ đội ta đột nhập các kho vũ khí của quân Tưởng lấy được nhiều súng bộ binh và cả pháo 75mm. Ba trung đội pháo binh đầu tiên của quân đội ta được thành lập tại Hà Nội (29-6-1946), gồm 5 khẩu pháo 75mm được những người thợ quân giới dồn ghép từ một số khẩu pháo thu được của địch. Trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam, các đơn vị lực lượng vũ trang ta đã tổ chức nhiều trận đánh chiếm các kho súng, đồn bốt và các toán quân Pháp đi tuần tiễu, thu được nhiều vũ khí. Đây là một nguồn bổ sung quan trọng về vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang. Ba năm sau ngày toàn quốc kháng chiến, khi trả lời một nhà báo nước ngoài,

---

1. Khi nước nhà giành được độc lập, ngân khố quốc gia chỉ có 1 triệu đồng của chế độ cũ để lại, mà chủ yếu là tiền hào rách đang chờ hủy. Trong Tuần lễ Vàng, từ ngày 17 đến 24-9-1945, đồng bào cả nước đã đóng góp được 20 triệu đồng và 370kg vàng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "*Ba phần tư khí giới của chúng tôi là lấy từ quân đội Pháp*"[1].

2. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường của toàn thể nhân dân, quan tâm xây dựng hệ thống tổ chức, lực lượng và chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất việc sản xuất, sửa chữa bảo đảm vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang

Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, việc sản xuất, sửa chữa vũ khí tuy đã có sự chỉ đạo của Tổng bộ Việt Minh, nhưng về cơ bản vẫn mang tính tự cung, tự cấp tại các vùng, miền, chưa có sự phối hợp hỗ trợ lẫn nhau dưới sự chỉ đạo của một cơ quan chuyên trách. Sau khi nước nhà giành được độc lập, trước nguy cơ thù trong giặc ngoài, với chủ trương đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi việc sản xuất, sửa chữa vũ khí trở thành công việc cần cấp, quan trọng nhất. Chính vì vậy, chỉ hơn 10 ngày sau khi thành lập nước, ngày 15 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập Phòng Quân giới thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan có nhiệm vụ thu thập, mua sắm và tổ chức cơ sở sản xuất vũ khí để trang bị cho quân đội. Ủy ban Binh lương cũng được thành lập để giúp Trung ương Đảng và Chính phủ về bảo đảm ăn, mặc cho quân đội. Tuy nhiên, trước yêu cầu khẩn cấp về vũ khí trang bị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao nhiệm vụ: "*Quân nhu là nhu cầu của quân đội... cái gì bộ đội cần, quân sự yêu cầu là ta phải giải quyết. Sẽ có khó khăn vất vả, nhưng ta phải biết dựa vào dân. Được dân lo cho, được dân ủng hộ mọi việc sẽ xong... Trọng tâm công tác của quân nhu lúc này là vũ khí. Phải có nhiều vũ khí, có nhiều súng đạn. Phải chuyển một số nhà máy, xí nghiệp để lo phục vụ cho quốc phòng. Quân nhu chưa đủ sức phục vụ thì đã có nhân dân, có anh em công nhân giúp*"[2].

Do yêu cầu nhiệm vụ ngày càng phát triển, nặng nề và phức tạp, tháng 3 năm 1946, Phòng Quân giới được nâng cấp thành Chế tạo quân giới Cục (sau đổi thành Cục Quân giới) để thống nhất tổ chức và đẩy mạnh việc sản xuất, sửa chữa vũ khí. Cùng thời gian này, tại các khu cũng thành lập cơ quan

---

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Giải quyết một số vấn đề kỹ thuật quân sự trong 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 2000, tr.187.

2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 2004, tr. 26.

quân giới (gọi là Ty hoặc Khoa Quân giới, Ban giám đốc Binh công xưởng), có nhiệm vụ: *"Phụ trách các xưởng, tìm nguyên liệu, mua bán, chế tạo vũ khí và coi kho"*. Trước tình hình tổ chức sản xuất và phân phối vũ khí trang bị chưa thống nhất, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng (10-1946) đã quyết định: *"Phải nghiên cứu cách phân phối vũ khí cho hợp lý. Các nhà máy phải thống nhất và có kế hoạch sản xuất những thứ cần thiết"*. Cơ quan quân giới ở các khu đặt dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, nhưng dưới sự chỉ đạo chuyên môn của Cục Quân giới; việc phân phối vũ khí sản xuất được ở các xưởng quân giới và các khu do Bộ Quốc phòng quyết định. Đối với trang bị xe máy, Bộ Quốc phòng đã giao cho Công chính giao thông Cục nhiệm vụ *"tổ chức và thi hành vận tải, trông nom, mua bán, sửa chữa tất cả các xe cộ dùng trong Bộ Quốc phòng và trong quân đội; tổ chức mở mang các xưởng sửa chữa xe máy, các xưởng công binh để góp thêm vào Quân nhu Cục và để có những thợ chuyên môn"*. Như vậy, từ đây, công tác bảo đảm vũ khí trang bị cho quân đội đã có những cơ quan chuyên trách chỉ đạo và được tổ chức thành hệ thống từ cấp Bộ Quốc phòng đến các khu, tỉnh, các xưởng quân giới.

Tinh thần tự lực, tự cường bảo đảm vũ khí trang bị được quán triệt sâu sắc từ Trung ương xuống địa phương, thấm sâu vào hoạt động của mỗi cấp, mỗi ngành và mỗi người dân. Các lò rèn tư nhân trước đây chuyên sản xuất lưỡi cày, chảo gang nay chuyển sang rèn dao và mã tấu cho dân quân, tự vệ. Các xưởng sửa chữa ô tô, xe lửa và vũ khí cũ của Pháp cũng được huy động vào việc sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị cho bộ đội. Từng địa phương, đơn vị chú trọng tìm mọi cách sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị, kịp thời bảo đảm cho chiến đấu tại chỗ, tạo điều kiện cho Đảng, Nhà nước có thể tập trung sức giải quyết những yêu cầu nhiệm vụ có quy mô toàn quốc.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Ngành Quân giới đã bí mật di chuyển thiết bị, nguyên vật liệu từ các đô thị về vùng nông thôn, rừng núi và căn cứ kháng chiến. Sau ngày 19 tháng 12 năm 1946, cuộc di chuyển tiến hành rộng lớn hơn, ồ ạt, mạnh mẽ, triệt để hơn, trở thành cuộc "tổng di chuyển" rầm rộ trong cả nước. Đến tháng 4 năm 1947, bằng công sức của hàng vạn bộ đội, dân công, với hàng chục triệu ngày công, ta đã tổ chức vận chuyển (bằng sức người là chủ yếu) đưa ra vùng kháng chiến 42.000 tấn máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu tháo gỡ từ các xưởng quân giới, từ các cơ sở công

nghiệp của Pháp, đóng góp của các nhà doanh nghiệp cho kháng chiến... *"Việc di chuyển máy móc, nguyên liệu ra vùng tự do để xây dựng nền kinh tế kháng chiến là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta"*[1], nhờ đó *"nhân dân ta đã xây dựng được hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp, sản xuất vũ khí phục vụ chiến đấu, phục vụ đời sống nhân dân trong kháng chiến"*[2].

Quy mô xây dựng và sản xuất của các xưởng quân giới thời gian này theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng là "tiểu quy mô, cơ động, linh hoạt, dễ di chuyển khi cần thiết"; trung bình mỗi xưởng chỉ có khoảng trên dưới 100 công nhân với 10 - 15 máy công cụ. Ngoài hệ thống xưởng quân giới do quân đội quản lý, còn có một mạng lưới rộng khắp các cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí của các địa phương (xưởng vũ khí dân quân), đoàn thể (các xưởng của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cứu quốc) đã được hình thành trong cao trào toàn dân làm vũ khí. Tuy vậy, trước yêu cầu phát triển lực lượng vũ trang, việc bảo đảm vũ khí trang bị cho các đơn vị chiến đấu vẫn còn rất thiếu và gặp nhiều khó khăn. Trong các đơn vị vệ quốc đoàn, mỗi đại đội chỉ có vài chục khẩu súng trường cũ kỹ gồm nhiều kiểu loại, còn lại chủ yếu là trang bị giáo, mác.

Thực tiễn chiến đấu ở các địa phương trong những ngày đầu kháng chiến cho thấy, người làm súng cũng quan trọng như người cầm súng. Phải có người làm súng thì mới có súng mà cầm. Do đó, trong lúc này, thể hiện lòng yêu nước thiết thực nhất đối với người có kỹ thuật và tay nghề rèn, đúc, tiện, nguội, điện... là tham gia sản xuất, sửa chữa vũ khí. Với nhận thức đúng đắn đó, nhiều thợ kỹ thuật ở các hãng, xưởng các đềpô xe lửa, thợ từ các làng nghề rèn, cơ khí và cả những học sinh, sinh viên rời ghế nhà trường hăng hái tham gia kháng chiến, đã trở thành công nhân quân giới. Đến năm 1947, cùng với hệ thống xưởng quân giới, ta đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, công nhân quân giới gần 2 vạn người. Từ chỗ phần lớn đều chưa biết gì về lý thuyết công nghệ sản xuất vũ khí, trong điều kiện làm việc, sinh hoạt thiếu thốn mọi thứ, đặc biệt là vật liệu kim loại cho sản xuất, vật liệu làm thuốc

---

1. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1979, tr.112.

2. *Văn kiện quân sự của Đảng (1945-1954)*, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr.127.

nổ, thuốc phóng, hoả cụ, những người lính thợ đã vượt qua mọi khó khăn, tự học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng cho nhau, tìm mọi cách để làm ra vũ khí cho bộ đội và nhân dân đánh giặc. Đội ngũ những người lính thợ vừa hỗ trợ cho các địa phương sản xuất vũ khí thô sơ, bảo đảm cho toàn dân đánh giặc, vừa là lực lượng nòng cốt trong sản xuất "vũ khí căn bản" (lựu đạn, mìn) và bước đầu nghiên cứu chế tạo loại "vũ khí tối tân" (badôca...) phục vụ yêu cầu tác chiến của bộ đội chủ lực. Một số xưởng đã đi vào nghiên cứu chế tạo một số súng, đạn tiểu liên, súng trường (năm 1946, các xưởng ở Liên khu 4 trở ra sản xuất được 175 súng trường, hơn 530 nghìn viên đạn và 2 khẩu badôca, 40 viên đạn, tuy nhiên về chất lượng, tính năng còn nhiều hạn chế).

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, việc sản xuất, sửa chữa vũ khí được chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất hơn. Hội nghị Trung ương Đảng lần 2 (4-1947) đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót trong công tác sản xuất vũ khí và xác định rõ phương hướng cho Ngành Quân giới: "*Cần chế tạo vũ khí chống tăng, chống ca nô như badôca, mìn, địa lôi và vũ khí thô sơ như lựu đạn, súng kíp... Phải chống khuynh hướng coi thường vũ khí thô sơ mà chỉ chú trọng vũ khí tối tân; đồng thời, chống khuynh hướng về chế tạo vũ khí thô sơ mà không để ý hay không gắng sức chế tạo và học dùng vũ khí tối tân...*"[1]. Đồng thời, Đảng đề ra chủ trương động viên nhân dân tham gia sản xuất lựu đạn, mìn và súng kíp nhằm đáp ứng yêu cầu toàn dân đánh giặc, đánh địch mọi lúc, mọi nơi, bằng mọi lực lượng. Trung ương giao cho Cục Quân giới viết tài liệu hướng dẫn cách chế tạo những vũ khí này và tổ chức hội nghị cán bộ phụ trách quân giới toàn quốc để định chương trình chế tạo, phân phối máy móc, nguyên vật liệu, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương. Sau hội nghị quân giới toàn quốc, việc tổ chức sản xuất, sửa chữa vũ khí tăng gấp nhiều lần năm đầu kháng chiến. Ngoài ra, các xưởng còn cử người đi trực tiếp sửa chữa, thay thế chi tiết vũ khí của bộ đội bị hư hỏng trong chiến đấu hoặc những vũ khí chiến lợi phẩm bị hư hỏng, phục vụ kịp thời các đơn vị chiến đấu.

Trong thực hiện chủ trương tạo nguồn vũ khí trang bị, cùng với việc mua sắm, lấy vũ khí của địch để đánh địch, thì việc di chuyển, duy trì và phát triển hệ thống các xưởng quân giới sau ngày toàn quốc kháng chiến nhằm

---

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Giải quyết một số vấn đề kỹ thuật quân sự trong 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, *Sđd*, tr. 53.

tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, sửa chữa đã góp phần quan trọng bảo đảm vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang vượt qua khó khăn trong những năm đầu kháng chiến, phát triển lực lượng và đẩy mạnh kháng chiến; đồng thời tạo ra những cơ sở đầu tiên cho nền công nghiệp quốc phòng của nước nhà sau này.

3. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thu hút, tập hợp nhân tài, phát huy trí tuệ Việt Nam, đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất những loại vũ khí có tính năng chiến đấu cao, những công nghệ chế tạo phù hợp với trình độ, khả năng sản xuất của ta

Để có được vũ khí tự tạo, phải giải quyết 3 vấn đề công nghệ quan trọng nhất là thiết kế, nguyên vật liệu và chế tạo. Với những máy móc thiết bị đơn giản, lạc hậu, không đồng bộ và những nguyên vật liệu không đúng chủng loại (chủ yếu là phế liệu, nhiều thứ vốn không phải để sản xuất vũ khí), cộng với sự hiểu biết và trình độ khoa học công nghệ hầu như xuất phát từ con số không, thì tưởng như không thể nào làm ra được vũ khí trang bị. Nhưng với lòng yêu nước, với ý chí tự lực tự cường, bằng cả sự hy sinh và lao động quên mình, và bằng trí thông minh, sáng tạo, vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ hết lòng của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công nhân quân giới Ngành Kỹ thuật quân đội đã từng bước đáp ứng yêu cầu về vũ khí mà cuộc kháng chiến toàn dân đòi hỏi.

Từ buổi đầu kháng chiến, quân và dân đánh giặc theo phương châm "có gì đánh nấy". Bằng lối đánh du kích, với các loại "vũ khí căn bản", ta đã từng bước quấy rối, tiêu hao và ngăn chặn chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp... Bước đầu để bộ đội có thứ vũ khí đánh được xe tăng, cơ giới địch, Cục Quân giới đã sản xuất và hướng dẫn cách dùng chai cháy[1]. Một tuần trước ngày toàn quốc kháng chiến, hàng nghìn chai cháy đã được đưa về các đơn vị chiến đấu bảo vệ Hà Nội. Trên các đường phố, bằng các loại súng, gươm, mã tấu và bom, mìn, lựu đạn, chai cháy... do quân giới chế tạo, các lực lượng vũ trang đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe cơ giới của địch. Cuộc chiến đấu bảo vệ Hà Nội diễn ra hơn 60 ngày là nguồn động viên cổ vũ rất lớn tinh thần quyết tâm kháng chiến của quân dân cả nước.

---

1. Chai xăng-crếp, xung quanh bọc kaliclorat. Đây là loại vũ khí thô sơ đánh chiến xa có hiệu quả trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Trong khi chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất "vũ khí căn bản", Đảng hết sức chú trọng chỉ đạo phát triển "vũ khí tối tân". Để làm được điều này, cùng với việc phát huy sức sáng tạo của quần chúng, thì công tác tuyển chọn, bố trí cán bộ có trình độ nghiên cứu khoa học kỹ thuật, có hiểu biết về vũ khí trang bị được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm. Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng họp ngày 19 tháng 10 năm 1946 đã xác định phương hướng công tác sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị và chỉ rõ một công tác quan trọng là *"phải thu hút những nhân tài chuyên môn"*. Sau chuyến thăm Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác đã đưa một số trí thức Việt kiều tại Pháp về nước tham gia kháng chiến. Trong đó, kỹ sư Trần Đại Nghĩa (tức Phạm Quang Lễ) đã được Bác bổ nhiệm làm Cục trưởng Cục Quân giới. Với chủ trương trên, Ngành Quân giới đã thu hút được nhiều nhân tài chuyên môn, tập hợp được nhiều trí thức yêu nước. Sau khi được Bộ Quốc phòng điều động bổ sung một số cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật và cán bộ quân sự về tăng cường, tới năm 1947, Cục Quân giới có gần 100 người, hình thành các nha trực thuộc: Nha Nghiên cứu kỹ thuật, Nha Giám đốc các xưởng quân giới và Nha Mậu dịch. Những cán bộ, trí thức này đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền kỹ thuật quân sự non trẻ của nước nhà.

Thời gian đầu, hoạt động nghiên cứu và sản xuất vũ khí trang bị không tách rời nhau, người sản xuất cũng là người thiết kế. Phần lớn các xưởng chỉ rèn được dao găm, mã tấu, mác, lao, kiếm, cung; sửa chữa các loại súng trường, súng máy; chế tạo lựu đạn kiểu Nhật, kiểu Pháp, kiểu Mỹ, lựu đạn đuôi tôm; các loại mìn bí đao, mìn đĩa, nhồi đạn súng trường... Từ khi thành lập cơ quan nghiên cứu (Nha Nghiên cứu kỹ thuật), thì hoạt động nghiên cứu được đẩy mạnh lên, đã giải quyết được những yêu cầu đặt ra của nhiệm vụ chiến đấu. Trước tình hình địch dựa vào ưu thế tuyệt đối của xe tăng, thiết giáp mở những cuộc tiến công ồ ạt, chớp nhoáng, quân giới đã được giao nhiệm vụ chế tạo loại "vũ khí tối tân" để trang bị cho bộ đội, đánh xe tăng, thiết giáp địch. Tháng 2 năm 1947, sau nhiều lần thử nghiệm, trong điều kiện trình độ công nghệ, máy móc còn thô sơ, ta đã chế tạo thành công súng badôca và 10 viên đạn đầu tiên được giao cho bộ đội Liên khu 2. Ngày 5 tháng 3 năm 1947, bộ đội ta ra quân trận đầu dùng badôca bắn cháy 2 chiếc xe tăng địch ở khu vực chùa Trầm khi quân Pháp đánh ra hướng Quốc Oai. Chiến công đó đã động viên, cổ vũ cán bộ, công nhân viên Ngành Quân giới

tự tin vào khả năng, trí tuệ của mình và ra sức nghiên cứu, cải tiến, sản xuất, sửa chữa vũ khí cho bộ đội đánh giặc. Sau đó, súng và đạn badôca đã được các xưởng quân giới đưa vào sản xuất hàng loạt, kịp thời cung cấp cho đơn vị. Cùng thời gian trên, các xưởng quân giới còn nghiên cứu, chế tạo được một số vũ khí chống tăng cỡ nhỏ (AT), súng phóng lựu, cối 51mm... Để đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất vũ khí, khi khả năng khai thác từ các nguồn phế liệu, bom đạn không nổ, xe ô tô hư hỏng, tàu thuyền địch bị đắm và nguồn mua sắm bị hạn chế, với sự năng động, sáng tạo của mình, cán bộ, công nhân quân giới lại lao vào nghiên cứu tìm cách xây dựng lò cao luyện gang, luyện thép, sản xuất axít, các thuốc gợi nổ làm hạt lửa, nụ xoè... Với hướng đi trên, trong các năm 1947-1950, mỗi năm ta sản xuất được hàng trăm súng và hàng nghìn viên đạn badôca, cối các cỡ và AT, SKZ...

Từ việc bảo đảm vũ khí trang bị cho những đơn vị giải phóng quân và du kích nhỏ bé khoảng gần 5.000 người, chỉ sau 16 tháng, khi bước vào toàn quốc kháng chiến, mặc dù trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nhưng với tư tưởng chỉ đạo: *"Động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến... Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc. Hết sức sản xuất vũ khí..."*[1], chúng ta đã bảo đảm vũ khí trang bị, bảo đảm ăn mặc cho các lực lượng vũ trang, trong đó lực lượng Vệ quốc đoàn là 85.000 người, lực lượng du kích khoảng 1 triệu người. Kết quả sản xuất, sửa chữa, mua sắm vũ khí và thu được của địch đã làm tăng tỷ lệ trang bị của các đơn vị chủ lực. Nếu cuối năm 1945, số người mang súng ở mỗi đại đội chưa đạt 1/3 quân số, thì đến cuối năm 1946 đã tăng lên 2/3. Từ các loại vũ khí trang bị thô sơ như giáo mác, cung tên, đến các loại "vũ khí căn bản", "vũ khí tối tân" đã góp phần tạo ra sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân chống lại các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất của đối phương, góp phần quan trọng làm phá sản chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; với phương châm vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa kháng chiến, vừa xây dựng hậu phương, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân dân cả nước từng bước huy động được sức mạnh của dân tộc vào

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr.151-152.

cuộc chiến đấu. Chính vì thế, đến cuối năm 1950, sau 5 năm chiến đấu trong vòng vây của địch, tuy không hề được nhận bất cứ sự trợ giúp vật chất nào từ bên ngoài, song cuộc kháng chiến của quân và dân ta ngày càng phát triển, lực lượng vũ trang ta càng đánh càng mạnh. Điều đó chứng tỏ sự lãnh đạo tài tình và vô cùng sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; chứng tỏ quyết tâm chiến đấu, ý chí tự lực tự cường, vượt mọi khó khăn gian khổ của quân và dân ta. Trong đó, chủ trương và các biện pháp tạo nguồn vũ khí trang bị bảo đảm cho các lực lượng vũ trang chiến đấu là sự sáng tạo phi thường và là bài học quý báu, được Đảng ta áp dụng trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng và trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đến nay, những bài học về giải quyết vũ khí trang bị kỹ thuật trong toàn quốc kháng chiến cách đây 60 năm vẫn còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thấm nhuần những bài học bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật trong toàn quốc kháng chiến, Tổng cục Kỹ thuật luôn nghiên cứu quán triệt những tư tưởng chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Thủ trưởng Bộ Quốc phòng luôn luôn nhắc nhở nhau phải làm theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu: "*Vũ khí là mồ hôi, nước mắt của đồng bào, là xương máu của bộ đội, phải tiết kiệm, ngăn nắp, phải sử dụng hợp lý*"[1]. Với tinh thần đó, Tổng cục Kỹ thuật đã "dũng cảm" giữ gìn vũ khí trang bị kỹ thuật mà đúng ra như các nước phát triển họ đã loại khỏi trang bị từ lâu.

Trong mọi hoàn cảnh, những người làm công tác giữ gìn, bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật sẽ noi gương cha ông và luôn luôn giữ vững, phát huy truyền thống vẻ vang của quân đội cách mạng: "Tận tụy, dũng cảm phục vụ bộ đội chiến thắng mọi kẻ thù".

---

1. Hồ Chí Minh, *Về công tác hậu cần quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, H. 1970, tr. 77.

CÔNG TÁC TIẾP TẾ HẬU CẦN PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU Ở ĐÔ THỊ TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Trung tướng, TS. TRẦN PHƯỚC

Sau hơn 80 năm sống dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng đứng lên tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, giành lại độc lập dân tộc. Tuy nhiên, với dã tâm nô dịch lâu dài đất nước ta, thực dân Pháp đã ráo riết đẩy mạnh các hành động gây chiến tranh xâm lược hòng cướp nước ta một lần nữa. Nguy cơ chiến tranh ngày càng đến gần và trở nên trực tiếp. Trước tình hình đó, ngày 19 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong những ngày đầu chiến tranh, do có vị trí quan trọng nên các đô thị của nước ta là những mục tiêu đánh chiếm chính yếu của quân xâm lược Pháp. Về phía ta, đánh địch, kìm chân chúng trong các đô thị còn có ý nghĩa lớn lao - tạo thuận lợi cho toàn quốc có thêm thời gian chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Chính vì vậy, vào thời điểm này, công tác tiếp tế hậu cần cho chiến đấu thắng lợi trong các đô thị là nhiệm vụ thiêng liêng, khẩn trương và nặng nề, nhất là trong điều kiện nước nhà vừa mới giành được độc lập, nền kinh tế còn quá nghèo nàn, lạc hậu...

*

* *

So với toàn quốc thì thành phố Sài Gòn - Gia Định nói riêng, Nam Bộ nói chung bước vào cuộc kháng chiến sớm hơn. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, dưới sự tiếp tay của quân Anh vào giải giáp quân đội Nhật, thực dân Pháp đã gây hấn ở Sài Gòn. Tiếp đó chúng mở rộng phạm vi xâm lược ra các tỉnh của Nam Bộ, Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ... Trong cuộc chiến đấu với quân xâm lược, ban tiếp tế và cứu thương... của các đô thị và các địa phương nói trên từng bước hình thành, có nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức tiếp tế cho các đơn vị bộ đội và lực lượng vũ trang đánh địch. Ở Sài Gòn - Gia Định, ban tiếp tế của mặt trận Đông và Tây Nam thành phố đã quản lý 62 nhà máy, xưởng xay xát lúa, bên cạnh việc tổ chức tiếp tế cho lực lượng vũ trang chiến đấu còn có nhiệm vụ bảo đảm một phần cho nhân dân ở nội thành và tổ chức vận chuyển một số máy móc, thiết bị vật tư cần thiết ra ngoại vi để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Tại đây, các đoàn thể cứu quốc đã đẩy mạnh vận động quyên góp, nấu cơm, tiếp nước cho bộ đội. Ban cứu thương của mặt trận được thành lập và triển khai ngay một trạm cứu thương để sơ cứu thương binh. Sau đó, thương binh nhẹ được chuyển về chùa Tây Đường, thương binh vừa và nặng được chuyển về bệnh viện Chợ Rẫy để tiếp tục điều trị. Ở mặt trận phía đông Sài Gòn, cũng đã tổ chức ra một ban tiếp tế có nhiệm vụ chủ yếu là tiếp tế cho các đơn vị chiến đấu ở Gia Định, Gò Vấp và tiếp tế cho nhân dân nội thành tản cư ra vùng ven. Ở đây, việc cung ứng lương thực, thực phẩm đều dựa vào sự đóng góp, ủng hộ của nhân dân địa phương và các tỉnh lân cận. Ban tiếp tế mặt trận phía đông Sài Gòn đã tổ chức vận chuyển nguồn lương thực, thực phẩm của các tỉnh bằng đường sông về Bến Cát, sau đó tiếp chuyển về Gò Vấp đến các kho dự trữ ở Thanh Lộc và An Phú Đông. Ban cứu thương của mặt trận được thành lập để sơ cứu thương binh và tiếp đó đưa về điều trị ở bệnh viện Gia Định.

Đến cuối tháng 10 năm 1945, sau khi được tăng viện, quân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng trong thành phố Sài Gòn - Gia Định. Mặt khác, chúng đánh chiếm rộng ra nhiều tỉnh ở Nam Bộ. Các thị xã Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Vĩnh Long, Cần Thơ lần lượt bị địch đánh chiếm. Một số đơn vị vũ trang không đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nhanh chóng bị tan rã. Từ thực tế đó, Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Bộ đã kịp thời chỉ đạo tổ chức lại lực lượng vũ trang, cũng như công tác tiếp tế hậu cần ở Nam Bộ nói chung và thành phố Sài Gòn - Gia Định nói riêng để phù hợp với yêu cầu mới của cuộc kháng chiến.

Tại Nha Trang, cũng trong tháng 10 năm 1945, quân Pháp đã tổ chức đổ bộ và đánh chiếm thành phố. Các lực lượng vũ trang địa phương và một số

chi đội Nam Tiến (từ miền Bắc) vừa vào đến Nha Trang đã phối hợp chặn đánh và tập kích vào một số vị trí của địch trong thành phố. Để phục vụ cho các đơn vị đánh địch, ban quản lý được thành lập bao gồm chủ yếu là cán bộ quân đội. Các cơ quan: Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh cùng các đoàn thể quần chúng của thành phố đã tổ chức tiếp nhận lương thực, thực phẩm do nhân dân ủng hộ hoặc mua từ các nơi khác chuyển về; vận động và tổ chức nhân dân nấu cơm, tiếp nước cho các đơn vị bộ đội và lực lượng vũ trang. Bên cạnh việc huy động tại địa phương, cuộc chiến đấu ở mặt trận Nha Trang còn nhận được sự chi viện về lương thực, thực phẩm thuốc men, vũ khí... của Trung ương từ ngoài Bắc chuyển vào và từ Nam Bộ chuyển ra... Việc sơ cứu thương bệnh binh được tiến hành tại bệnh xá dưới chân đèo Rù Rì và đội phẫu thuật ở Phú Vinh. Sau đó, thương binh được chuyển về bệnh viện mặt trận ở Trường Lạc. Đồng thời, thương binh nặng được chuyển bằng tàu hỏa về bệnh viện Sông Cầu, bệnh viện Quảng Ngãi và bệnh viện Mang Cá (Huế)... Đến tháng 1 năm 1946, chiến sự ở Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ ngày càng mở rộng. Quân Pháp từ Buôn Ma Thuột, Đà Lạt tổ chức đánh xuống; từ Phan Thiết đánh ra, phối hợp với quân đổ bộ từ hướng biển vào, để giải vây cho lực lượng của chúng ở Nha Trang. Trước sức tiến công ồ ạt của địch, mặt trận Nha Trang bị vỡ. Các lực lượng bệnh xá đèo Rù Rì, đội phẫu thuật Phú Vinh đều rút về bệnh viện Trường Lạc. Sau đó, bệnh viện này cũng bị giải tán vì sự uy hiếp mạnh của địch, nên hầu hết thương binh nhẹ đều được gửi nhờ nhân dân địa phương trông nom, chăm sóc. Số thương binh nặng phải dùng thuyền đưa về bệnh viện Tuy Hòa...

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, cuộc chiến đấu giữa ta và Pháp trở nên quyết liệt hơn. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở thành phố Huế, nhân dân nội thị cùng với nông dân các vùng Hưng Trà, Hưng Thủy, Phú Vang... đã khẩn trương huy động lương thực, thực phẩm phục vụ chiến đấu. Tại thành phố Đà Nẵng, nhân dân đã cung cấp, tiếp tế cho bộ đội bao vây ghìm chân gần một vạn quân địch.

Tại thành phố Nam Định, địa phương đã tổ chức đánh đắm hàng chục chuyến tàu, thuyền chở đầy đất đá và dùng gỗ, tre làm rào chắn, ngăn chặn sự tiến công của địch bằng đường sông. Nhân dân trong thành phố cùng với bà con nông dân các huyện Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh... tích cực ủng hộ lương thực, thực phẩm, tổ chức nấu ăn cho bộ đội và tự vệ. Trong quá trình chiến đấu đánh địch trong thành phố, ta đã tổ chức đào một đường hầm dài hơn 400m ở khu vực Hàng Khay, Vị Xuyên, phía Nam khu Đinh Tiên Hoàng, phục vụ cho một trung đội (khoảng 30 đội viên) sinh hoạt và chiến

đấu tiêu diệt các toán địch đi tuần, phục kích, tập kích các vị trí đóng quân của địch... vào ban đêm. Việc tiếp tế cho trung đội này và lực lượng vũ trang hoạt động chiến đấu kìm chân địch hoàn toàn dựa vào dân. Đặc biệt, trung đội ở đường hầm đã được nhân dân nội thị trực tiếp tổ chức làm bánh chưng, bánh giầy, chè lam, thịt kho sấy... tiếp tế hết sức bí mật. Đến cuối tháng 3 năm 1947, sau nhiều ngày đêm liên tục chiến đấu kìm chân địch trong nội thị, theo sự chỉ đạo của Đảng, các đơn vị vũ trang tạm rút ra ngoại vi để củng cố lực lượng cho kháng chiến lâu dài.

Thủ đô Hà Nội đi đầu trong cuộc chiến đấu kìm chân địch. Quân Pháp coi Hà Nội là mục tiêu trọng yếu nhất cần phải nhanh chóng đánh chiếm trong vòng 24 giờ, từ đó làm bàn đạp mở rộng tiến công đánh chiếm các thành phố, thị xã khác ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, thực hiện âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh, chiếm đóng hoàn toàn Việt Nam và Đông Dương trong một thời gian ngắn. Đến trước ngày toàn quốc kháng chiến, lực lượng của Pháp ở Hà Nội có khoảng 6.500 quân, trang bị hiện đại, có xe tăng yểm trợ và hỏa lực mạnh đóng ở 45 điểm xen kẽ với ta, trong đó có nhiều điểm án ngữ, ngăn chặn các cửa ô ra vào thành phố. Về phía ta, lúc này có 5 tiểu đoàn Vệ quốc quân và 8.500 tự vệ, công an xung phong... chưa có kinh nghiệm chiến đấu, được trang bị vũ khí thô sơ bao gồm 1.516 khẩu súng trường các loại, 20.000 viên đạn, 1.000 lựu đạn chống tăng, 80 bom ba càng, 200 chai ét xăng-crếp, 1 khẩu súng badôca (Mỹ) với 5 viên đạn, 4 khẩu trung liên, 7 khẩu pháo cao xạ 75mm triển khai ở pháo đài Láng, Xuân Tảo, Xuân Canh, Đào Xuyên... Trong tháng 11 năm 1946, ủy ban bảo vệ thành phố, Đảng ủy và Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội nhanh chóng được thành lập, có nhiệm vụ tổ chức chiến đấu giam chân địch ở thành phố trong một thời gian nhất định. Toàn thành phố được tổ chức thành 3 liên khu để tiện cho công tác chỉ huy, chỉ đạo, tiếp tế hậu cần, trong đó: Liên khu 1 là khu trung tâm (quận Hoàn Kiếm ngày nay), Liên khu 2 (phía nam thành phố) và Liên khu 3 (phía tây và nam thành phố). Để bảo toàn lực lượng và vật chất hậu cần, nhiều bệnh viện, kho tàng, xưởng máy, vật tư... đã được di chuyển ra khỏi nội thành. Nhân dân, trước hết là người già, phụ nữ, trẻ em được vận động tản cư ra vùng ven và về các tỉnh chưa có chiến sự. Những chiến sự tự vệ ở lại tham gia chiến đấu, bình quân mỗi người chuẩn bị sẵn 15kg gạo, một số thực phẩm khô cần thiết. Các gia đình có người thân ở lại nội thành cũng phải chuẩn bị đủ số gạo, muối, thức ăn khô, nhất là tích trữ thêm nước ở các chum, vại... Nhiều gia đình còn đào giếng nước trong nhà, trong sân, trong vườn... để có thêm nguồn nước cung cấp cho chiến đấu. Do ở vị trí trung tâm

của thành phố, nên các lực lượng chiến đấu của Liên khu 1 được lệnh dự trữ ba tháng lương thực, thực phẩm và được phân cấp quản lý sử dụng một nửa số vũ khí, đạn của toàn mặt trận. Các trạm cấp cứu thương binh bao gồm cả dân y và quân y được triển khai ở cả ba liên khu. Riêng Liên khu 1 đã triển khai 2 trạm cấp cứu ở số nhà 26 (phố Hàng Buồm) và rạp Ôlempia (phố Hàng Da). Lực lượng quân giới vừa gấp rút di chuyển vừa tổ chức bộ phận sản xuất lựu đạn, bom ba càng, chai ét xăng-crếp cung cấp cho các đơn vị chiến đấu. Một số tổ kỹ thuật được điều động làm nhiệm vụ kiểm tra, sửa chữa vũ khí đạn dược, nhất là cho số pháo và đạn ở các pháo đài. Cùng với sự chuẩn bị của nội thành, ở các xã, huyện ngoại thành đều thành lập Ban tiếp tế để chi viện và phục vụ cho chiến đấu trong thành phố. Đáng chú ý là, ta còn lập ra các kho lương thực ở Thanh Liệt, Mễ Trì và đặt ở một điểm ven sông Nhuệ. Để tiếp nhận, điều trị thương, bệnh binh, các bệnh viện dân y được triển khai ở Văn Điển, Cự Đà, Khúc Thủy. Quân y viện Trung ương triển khai ở Vân Đình (Hà Đông) là tuyến tiếp nhận chính thương, bệnh binh của mặt trận.

20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946, công nhân Nhà máy điện Yên Phụ phá máy, tắt điện toàn thành phố. Đây là hiệu lệnh nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến ở Thủ đô Hà Nội và kháng chiến toàn quốc. Bộ đội và tự vệ chiến đấu nhất loạt tiến công các vị trí chiếm đóng của quân địch. Trong khói lửa, thêm nhiều chiến lũy được mọc lên. Các đội nữ "hỏa đầu quân" nấu cơm, đem nước uống... đến tận trận địa. Nhiều mẹ, nhiều chị trong "hội úy lạo" thay nhau mang quà thăm hỏi bộ đội, thương binh. Các tổ nuôi quân, ban ngày bảo đảm cơm nước, đêm xuống bí mật vượt vòng vây ra bãi sông Hồng và những cánh đồng lân cận kiếm hái rau xanh, thực phẩm về cho đơn vị.

Từ ngày 23 tháng 12 năm 1946, lực lượng chiến đấu ở Hà Nội đã hình thành thế trận "trong đánh, ngoài vây" quân địch, trong đó cuộc chiến đấu ở Liên khu 1 diễn ra khá quyết liệt. Ở đây, phần lớn là những phố cổ của Hà Nội: phía nam là các phố Hàng Thùng, Cầu Gỗ, Hàng Gai, Hàng Bông; phía tây và bắc là đường Phùng Hưng chạy song song với đường xe lửa vòng đến cầu Long Biên, phía đông là sông Hồng. Đây cũng là khu trung tâm buôn bán của thành phố, có nhiều chợ lớn với nhiều loại hàng hóa như chợ Bắc Qua, chợ Gạo, chợ Hàng Da, chợ Đồng Xuân... Do đó, lực lượng trụ bám ở liên khu đã dựa vào nguồn tiếp tế tại chỗ, trước hết là lương thực, thực phẩm để chiến đấu dài ngày.

Ngày 7 tháng 1 năm 1947, lực lượng chiến đấu của Hà Nội được tổ chức lại, trong đó: Trung đoàn Liên khu 1 đứng chân ở Liên khu 1, Trung đoàn 48

ở Liên khu 2 và Trung đoàn 52 ở Liên khu 3. Cho đến thời điểm này, đường tiếp tế từ ngoại thành vào Liên khu 1 vẫn chủ yếu đi theo men sông Hồng qua cầu Long Biên. Lực lượng vận chuyển chính là dân quân, khi vào thành mang theo lựu đạn, đạn, bom ba càng, thực phẩm tươi; khi ra vừa khênh cáng thương binh, chuyển lên hướng Phúc Yên... Trên đường tiếp tế này, tiểu đội nữ Lãng Bạc đã khéo lợi dụng địa hình, tránh chỗ quét đèn pha của địch để giữ vững đường liên lạc, tổ chức vận chuyển nhiều chuyến hàng bảo đảm an toàn, bí mật.

Ở phía tây và phía nam Hà Nội, các trung đoàn 52 và 48 đã dựa hẳn vào vùng tự do, được nhân dân hết lòng ủng hộ, giúp đỡ. Chỉ trong hai ngày 20 và 21 tháng 12 năm 1946, nhân dân Tả Thanh Oai đã đóng góp hơn 150 tấn thóc ủng hộ bộ đội. Hội phụ nữ các xã ngoại thành còn cử người nấu cơm, tiếp nước cho bộ đội, dân quân, tự vệ. Riêng bảo đảm quân y, sau bước sơ cứu, hầu hết số thương binh vừa và nặng được chuyển về các bệnh viện dân y và nhờ nhân dân chăm sóc.

Đặc biệt, chuẩn bị Tết Nguyên đán Đinh Hợi, các xã ngoại thành còn chuyển vào cho bộ đội và nhân dân nội thành nhiều gạo nếp, bánh chưng, thịt, bánh kẹo, mứt... Đáng chú ý còn có cả cành đào của làng hoa Nhật Tân dành cho bộ đội và tự vệ Liên khu 1. Theo đề nghị ngừng bắn trong dịp Tết của lãnh sự Trung Hoa dân quốc, Ban chỉ huy Trung đoàn Liên khu 1, sau đó được đổi thành Trung đoàn Thủ đô đã tổ chức mở tiệc mời các lãnh sự Anh, Mỹ, Trung Hoa dân quốc... tại Hà Nội. Các món ăn dân tộc và cành đào Nhật Tân trên bàn tiệc ngày Tết đã gây ấn tượng mạnh cho những người nước ngoài đang ở Thủ đô. Đây cũng là công sức của công tác tiếp tế hậu cần, góp phần phủ nhận những lời khoe khoang "chiến thắng" của quân xâm lược.

Đầu tháng 2 năm 1947, sau khi được tăng viện, quân Pháp mở cuộc tiến công lớn vào Liên khu 1. Các đơn vị bộ đội và tự vệ đã anh dũng chiến đấu giành giật từng căn nhà, góc phố với quân địch. Tính đến giữa tháng 2 năm 1947, quân địch bị tiêu diệt ở Hà Nội lên tới hơn 2.000 tên, cùng nhiều phương tiện chiến tranh, trong đó có những xe tăng bị chiến sĩ ta dùng bom ba càng, chai ét xăng-crếp đánh cháy. Về phía ta, thời gian chiến đấu kìm chân địch trong thành phố đã vượt gấp bốn lần dự kiến và quyết tâm ban đầu. Trong khi đó, lực lượng chiến đấu, nhất là ở Liên khu 1 còn đông, song việc tiếp tế lương thực, thực phẩm, đạn dược ngày càng trở nên khó khăn vì các con đường vận chuyển đều bị địch phong tỏa gắt gao. Căn cứ vào thực tế đó, đêm 17 tháng 2 năm 1947, theo chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

các đơn vị bộ đội bí mật tổ chức rút khỏi nội thành trở về hậu phương an toàn.

Như vậy, cuộc chiến đấu ở Hà Nội đã diễn ra liên tục trong 60 ngày đêm. Ở các đô thị khác, quân và dân ta đã anh dũng đánh trả kìm chân địch, nhiều nơi còn đạt và vượt yêu cầu về thời gian như: Huế 50 ngày, Đà Nẵng, Nam Định 90 ngày... Mặc dù còn nhiều bỡ ngỡ, thiếu kinh nghiệm trên tất cả các mặt: Tiếp tế lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược, cứu chữa thương bệnh binh... cho chiến đấu dài ngày ở đô thị, song công tác hậu cần đã góp phần quan trọng và xứng đáng vào chiến công chung của quân và dân ta trong việc kìm chặn được sức mạnh ban đầu của địch, bảo toàn và phát triển lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

*
* *

Kể từ ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đến nay đã tròn 60 năm. Trên chặng đường dài đó, Ngành Hậu cần quân đội đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách để phục vụ cho quân đội cùng toàn dân lập nên những chiến thắng vĩ đại trong các cuộc chiến tranh giải phóng chống Pháp và chống Mỹ, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mặc dù thời gian đã lùi xa, song từ thực tiễn của công tác tiếp tế hậu cần phục vụ chiến đấu ở các đô thị trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược vẫn có thể đúc kết được nhiều bài học kinh nghiệm phong phú, quý báu, trước hết là một số nội dung dưới đây:

Một là, phải nắm vững và quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối quân sự, đường lối kháng chiến và quyết tâm chiến đấu kìm chân địch trong đô thị của Đảng. Từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng và triển khai các kế hoạch cũng như xác định đúng đắn quyết tâm vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp tế bảo đảm hậu cần cho bộ đội và lực lượng vũ trang chiến đấu ở đô thị trong bất kỳ tình huống nào của chiến tranh.

Hai là, công tác tiếp tế hậu cần phục vụ chiến đấu trong đô thị phải biết dựa vào dân, động viên và tổ chức toàn dân, cả nội thành và ngoại thành làm công tác hậu cần. Đây cũng chính là yêu cầu của việc phát huy sức mạnh tổng hợp hậu cần bảo đảm cho chiến đấu ở đô thị trong chiến tranh.

Ba là, tập trung củng cố xây dựng hậu phương - hậu cần tại chỗ trong đô thị, kết hợp chặt chẽ giữa việc huy động và sử dụng nguồn tại chỗ với các nguồn từ các tỉnh, các địa phương lân cận để tiếp tế bảo đảm kịp thời cho chiến đấu trong đô thị.

Bốn là, phải thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức lực lượng, cơ sở vật chất hậu cần quân đội ngày càng vững mạnh, làm nòng cốt cho hậu cần toàn dân phục vụ chiến đấu trong các đô thị giành thắng lợi.

Ngày nay, trong điều kiện hòa bình, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, dựa vào truyền thống và kinh nghiệm từ những cuộc kháng chiến, trong đó có kinh nghiệm của những ngày đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Ngành Hậu cần quân đội càng phải quán triệt đầy đủ và toàn diện các quan điểm đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân của Đảng vào công tác hậu cần. Xuất phát từ xu thế phát triển của tình hình, có thể thấy, chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu và hành động chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Hơn nữa, không loại trừ khả năng chúng còn tiến hành chiến tranh quy mô lớn, kể cả chiến tranh công nghệ cao để xâm lược, thôn tính Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vì thế, nhiệm vụ của quân đội nói chung và của Ngành Hậu cần nói riêng hết sức nặng nề. Toàn Ngành Hậu cần vẫn phải tích cực xây dựng thế trận hậu cần quốc phòng toàn dân trên phạm vi cả nước, trên từng hướng, từng địa bàn chiến lược, cũng như xây dựng thế trận hậu cần khu vực phòng thủ ở các đô thị ngày càng hùng hậu, vững chắc. Đồng thời, phải tập trung xây dựng Ngành Hậu cần quân đội từng bước tiến lên chính quy hiện đại, xứng đáng làm nòng cốt cho hậu cần quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Do vậy, hơn bất cứ lúc nào càng phải tận dụng tốt mọi cơ hội, vượt qua mọi thách thức, khai thác triệt để sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế quốc dân, của quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để xây dựng và phát triển tiềm lực hậu cần, đặc biệt là ở các đô thị... Thực tiễn và kinh nghiệm lịch sử còn cho thấy, chỉ một khi coi trọng đúng mức công cuộc xây dựng hậu cần, đẩy mạnh chuẩn bị về mọi mặt, hậu cần mới đáp ứng được mọi yêu cầu của tình hình, sẵn sàng bảo đảm cho quân đội cùng cả nước đánh thắng mọi hành động xâm lược của kẻ thù nếu chúng liều lĩnh gây ra, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, nhân dân, quân đội giao phó.

Từ những vấn đề đã được khẳng định nêu trên, kỷ niệm 60 năm ngày toàn quốc kháng chiến, ôn lại quá khứ hào hùng đó đã làm cho mỗi cán bộ, chiến sĩ hậu cần thêm trân trọng, tự hào. Điều này càng có ý nghĩa hơn, khi những nội dung lịch sử và kinh nghiệm về công tác tiếp tế hậu cần phục vụ chiến đấu ở các đô thị ngày ấy vẫn còn sống mãi với thời gian, trở thành di sản quý báu để nghiên cứu, vận dụng trong điều kiện mới, kể cả cho hôm nay và mai sau.

CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN
BÀI HỌC MANG TÍNH THỜI SỰ

Thượng tướng NGUYỄN VĂN ĐƯỢC

Trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã phải đương đầu và đánh thắng hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược của những kẻ thù lớn mạnh. Nhân dân ta không có mong muốn gì hơn là được sống trong hoà bình. Nhưng chính kẻ thù xâm lược đã buộc nhân dân ta phải cầm vũ khí chiến đấu để bảo vệ sự sống còn của mình.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là sự tiếp tục của Cách mạng tháng Tám - cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân. Đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa chống xâm lược, cuộc chiến tranh nhân dân đầu tiên trong thời đại Hồ Chí Minh.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp không phải tự nhiên mà có. Nguyên nhân dẫn đến thắng lợi có nhiều, trong đó có một nguyên nhân rất quan trọng là nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đứng đầu đã chủ động chuẩn bị cho cuộc kháng chiến. Quá trình chuẩn bị này đã được tiến hành ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công (tháng 8 năm 1945) đến tháng 12 năm 1946.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa mới ra đời đã đứng trước tình thế hết sức hiểm nghèo. Từ Nam vĩ tuyến 16 trở vào, quân Pháp núp sau bóng quân Anh đánh chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ, âm mưu lập lại ách thống trị thực dân lên đất nước ta một lần nữa. Còn từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra, hai mươi vạn quân Tưởng được Mỹ tiếp tay kéo vào. Trên cả ba miền lúc này vẫn còn khoảng 10 vạn quân Nhật và các tổ chức tay sai phản động như Việt quốc, Việt cách, Đại Việt... Chưa bao giờ dân tộc ta phải đương đầu với nhiều kẻ thù bên ngoài và bên trong như thế. Trong khi đó chính quyền cách mạng của nhân dân ta

vừa mới ra đời; quân đội ta vừa mới được xây dựng, trang bị rất thô sơ, thiếu kinh nghiệm tổ chức, chỉ huy tác chiến; ngân khố quốc gia trống rỗng.

Không chỉ lo đối phó với giặc ngoài thù trong, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng còn phải lo đương đầu với muôn vàn khó khăn do chế độ đế quốc thực dân để lại. Hậu quả của nạn đói đầu năm 1945 còn trĩu nặng, thì đợt bão lũ tháng 8 lại ập tới khiến hàng chục đoạn đê biển, đê sông bị vỡ; gây ngập lụt trên diện rộng ở 6 tỉnh Bắc Bộ. Phần lớn ruộng đất bị bỏ hoang hoá. Các tệ nạn xã hội vẫn tồn tại. Bọn quan lại, địa chủ và các thế lực phản động đang chờ cơ hội ngóc đầu dậy. Thù trong giặc ngoài câu kết với nhau, hàng ngày hàng giờ chống phá cách mạng. Đất nước ta lúc ấy (và 5 năm tiếp sau đó) lại nằm trong tình thế bị bao vây bốn mặt, bị cô lập, chưa có một nước xã hội chủ nghĩa hoặc một nước độc lập tiến bộ nào công nhận, sẵn sàng giúp đỡ.

Để có thể bảo vệ nền độc lập vừa giành được, cùng một lúc, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải giải quyết các vấn đề cốt tử. Đó là: Làm thế nào để giữ vững chính quyền khi có nhiều kẻ thù cùng một lúc có mặt trên đất nước, muốn tiêu diệt chính quyền non trẻ của ta? Làm thế nào để đối phó với những đội quân xâm lược nhà nghề của chủ nghĩa đế quốc và tay sai trong khi chính quyền dân chủ nhân dân mới được xây dựng, chưa có lực lượng vũ trang chính quy? Làm thế nào để giữ được độc lập khi nền độc lập ấy còn đang nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc? Làm thế nào để giữ vững được chính quyền nhân dân trong tình hình kinh tế kiệt quệ?

Đó là những bài toán chiến lược chưa hề có đáp số và cũng ít có tiền lệ trong lịch sử.

Trước những khó khăn chồng chất và những thử thách nghiệt ngã kể trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã rất tỉnh táo và sáng suốt nhận thấy đất nước không phải chỉ có khó khăn mà còn có những thuận lợi cơ bản. Thuận lợi cơ bản nhất là nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người chủ đất nước; tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng và Chính phủ; quyết tâm xây dựng, bảo vệ chính quyền và chế độ mới; quyết tâm chống xâm lược bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Chính nhờ tin tưởng sâu sắc vào lòng yêu nước và sức mạnh của toàn dân, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm đề ra chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc, tạm hòa hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc để tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Ngày 3 tháng 9 năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

đề xuất 6 việc cấp bách: Phát động phong trào tăng gia sản xuất để chống đói; mở phong trào chống nạn mù chữ; sớm tổ chức tổng tuyển cử; mở chiến dịch giáo dục toàn dân thực hiện cần kiệm liêm chính; bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, cấm hút thuốc phiện; tuyên bố tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết. Người nêu ra ba nhiệm vụ lớn: Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, Đảng ta phát động phong trào cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ. Trong thư *Gửi đồng bào Nam Bộ* ngày 26 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân"[1].

Ngày 25 tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến toàn quốc* xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Chỉ thị đề ra các công tác trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, xây dựng Đảng, mở rộng Mặt trận Việt Minh và Mặt trận thống nhất Việt Nam - Lào - Campuchia chống thực dân Pháp xâm lược.

Để sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc giành thắng lợi, nhiệm vụ trung tâm là củng cố chính quyền nhân dân. Trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp, cuộc tổng tuyển cử ngày 6 tháng 1 năm 1946 đã bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là thắng lợi lớn, giáng một đòn mạnh mẽ vào âm mưu chia rẽ, lật đổ, xâm lược của đế quốc và tay sai, khẳng định quyền làm chủ của nhân dân ta.

Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân, Đảng và Chính phủ phát động các phong trào tăng gia sản xuất chống đói, chống nạn mù chữ, tiến hành tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn Việt gian phản động chia cho dân nghèo, chia lại ruộng đất công cho cả nam và nữ, giảm tô 25%, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác. Chính phủ tổ chức Tuần lễ Vàng, lập Ngân hàng quốc gia, phát hành giấy bạc. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng đời sống mới phát triển mạnh mẽ.

Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng. Thực hiện chủ trương quân sự hóa toàn dân, vũ trang hóa toàn dân của Đảng, hàng triệu nam, nữ thanh niên hăng hái

---

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 27.

tham gia dân quân tự vệ, hơn 8 vạn người trong số đó tình nguyện xung phong gia nhập Vệ quốc đoàn. Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, các đoàn thể cứu quốc phát triển khắp các đường phố thôn xã, thu hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia sự nghiệp kháng chiến kiến quốc.

Để tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng và Chính phủ thực hiện sách lược nhân nhượng, hòa hoãn với quân Tưởng. Nhưng sau khi Hiệp ước Pháp - Hoa được ký kết ở Trùng Khánh (28-2-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta lại nhạy bén nắm bắt tình hình, chủ trương tạm hòa hoãn với Pháp để đẩy nhanh quân Tưởng về nước, tránh tình thế phải chiến đấu với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Nhờ tận dụng được khả năng hòa hoãn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta có thêm thời gian đẩy mạnh hơn nữa việc chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho cuộc kháng chiến toàn quốc.

Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng và Chính phủ ta đã nén lòng mà nhân nhượng nhằm tránh chiến tranh, nhưng trước dã tâm muốn cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, những tháng cuối năm 1946, mọi công việc chuẩn bị cho toàn quốc bước vào kháng chiến được xúc tiến hết sức khẩn trương. Ngày 19 tháng 10 năm 1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng được triệu tập. Hội nghị nhận định: "Nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp"[1]. Hội nghị quyết định đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng lực lượng vũ trang, tổ chức lại các chiến khu trong toàn quốc. Nhiều cán bộ ưu tú của Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc phòng - Tổng Chỉ huy do các đồng chí Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng phụ trách được phái lên Việt Bắc chuẩn bị căn cứ địa. Ngoài căn cứ địa của Trung ương ở Việt Bắc, theo chỉ thị của Trung ương và Bộ Quốc phòng mỗi chiến khu, mỗi tỉnh, mỗi huyện trong cả nước đều xây dựng từ một đến hai khu căn cứ kháng chiến của địa phương mình.

Đồng thời với việc chuẩn bị căn cứ địa, công tác di chuyển các máy móc thiết bị, các cơ quan công xưởng được xúc tiến từ tháng 3 năm 1946, và từ tháng 10 năm 1946 đến đầu năm 1947 trở thành một cuộc Tổng di chuyển trên phạm vi cả nước. Theo thống kê chưa đầy đủ trong đợt Tổng di chuyển này chỉ tính từ Khu 5 trở ra, quân và dân ta đã di chuyển ra các vùng căn cứ được khoảng 43.000 tấn máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu quý hiếm. Đây

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr. 133.

quả là một kỳ tích và nhờ đó ta đã xây dựng được gần 200 công binh xưởng phục vụ kháng chiến.

Thực tế đã chứng minh, sau 16 tháng xây dựng và chiến đấu, chính quyền cách mạng của nhân dân ta không những trụ vững mà còn mạnh lên trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, có Quốc hội và Chính phủ hợp pháp, hợp hiến do toàn dân bầu ra. Khối đại đoàn kết toàn dân xung quanh Đảng, Chính phủ và Mặt trận Việt Minh cùng với Mặt trận Liên Việt sau đó, là biểu hiện sức mạnh của cả dân tộc. Lực lượng vũ trang tập trung từ chỗ mới chỉ có khoảng 5.000 người (tháng 8 năm 1945), đến tháng 12 năm 1946 đã có hơn 80.000 cán bộ, chiến sĩ, tăng gấp 16 lần so với lúc Tổng khởi nghĩa mới thành công. Lực lượng vũ trang tập trung kể trên cùng với khoảng hai triệu dân quân du kích và tự vệ đã đóng vai trò nòng cốt cho cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ của dân tộc.

Chính nhờ có sự chủ động và tích cực chuẩn bị kể trên, tình thế của đất nước khi bước vào toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối tháng 12 năm 1946 rõ ràng đã không còn ở tình thế hiểm nghèo như những tháng cuối năm 1945 nữa. Chính nhờ có sự chủ động và tích cực chuẩn bị kháng chiến, nên quân dân ta đã tạo nên một bước ngoặt thần kỳ, từ tình thế ngàn cân treo sợi tóc sang thế đứng vững và ngày càng mạnh lên, có khả năng đánh thắng và đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

*

* *

Chủ động, tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc cách đây 60 năm cũng chính là bài học mang tính thời sự trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay, cùng với các yêu cầu chiến lược chung về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh; ngay từ bây giờ, ngay từ trong thời bình cần phải đáp ứng các yêu cầu ở mức cao nhất (trong khả năng có thể) cho lực lượng vũ trang ba thứ quân; để các đơn vị, các lực lượng có điều kiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ cuộc sống lao động hoà bình của nhân dân; răn đe, ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh; đồng thời sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược ở mọi quy mô (trong đó tất yếu sẽ có đòn tiến công bằng đường không hết sức

ác liệt ngay từ đầu) của kẻ thù. Quan điểm "nuôi quân ba năm dùng một ngày" trước đây, đến nay nhiều nội dung có lẽ không còn phù hợp nữa. Để đánh thắng chiến lược "diễn biến hoà bình", đập tan từ trong trứng mọi âm mưu bạo loạn, lật đổ, xung đột vũ trang, nội chiến phản cách mạng hoặc chiến tranh xâm lược ở mọi quy mô của kẻ thù, quân đội ta phải mạnh ngay từ bây giờ, ngay từ trong thời bình, chứ không phải "đến chiến tranh hãy hay".

Cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục để các cấp, các ngành và toàn dân ngày càng nhận thức rõ nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân hiện nay không phải chỉ để chuẩn bị đối phó với chiến tranh, mà trước hết là nhằm tạo ra sức mạnh cho đất nước ngay trong hoà bình nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc, ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh. Vì thế, ngay từ trong thời bình, ngay từ bây giờ phải đảm bảo cho ba thứ quân, đặc biệt là quân thường trực có sức chiến đấu cao, có sức mạnh hơn bao giờ hết. Muốn vậy, cần phải có đầu tư sản xuất, mua sắm vũ khí, phương tiện, trang bị cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ ngày càng hiện đại để tạo sức mạnh cho các lực lượng bảo vệ vùng trời, vùng biển, thềm lục địa của Tổ quốc. Hơn nữa, quân dân cả nước ta đã và đang phải đối phó với "chiến lược diễn biến hoà bình" của kẻ thù. Khi chiến tranh xảy ra phải đối phó với "chiến tranh mềm", "chiến tranh điện tử", với vũ khí công nghệ cao, với các thủ đoạn tiến công từ ngoài đường chân trời, từ trên vũ trụ của địch... Nghĩa là phải đối phó với những thủ đoạn, vũ khí, phương tiện phá hoại, xâm lược... rất hiện đại. Vì thế không thể xây dựng và bảo đảm cho các lực lượng vũ trang theo kiểu tư duy "chiến tranh đến hẵng hay" mà thiếu quan tâm đúng mức ngay từ thời bình.

Sự phát triển của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trong chừng mực nào đó đã làm thay đổi mục đích và đối tượng đáp ứng của quốc phòng - an ninh. Mục đích, nhiệm vụ cơ bản, chủ yếu của cách mạng Việt Nam hiện nay là chống nghèo nàn lạc hậu, xây dựng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Muốn đạt được mục đích đó phải giữ được hoà bình, có hoà bình mới có thể tập trung sức xây dựng, phát triển đất nước. Trong bối cảnh tình hình quốc tế với những diễn biến phức tạp, với những biến động khôn lường hiện nay, hoà bình không thể đi xin được, đất nước ta phải mạnh mới có hoà bình, quốc phòng - an ninh của đất nước phải mạnh mới ngăn ngừa và đẩy lùi được nguy cơ chiến tranh. Vì thế, các cấp các ngành, các địa phương, các thành phần kinh tế phải góp phần tạo nên sức

mạnh cho các lực lượng vũ trang ba thứ quân ngay từ bây giờ, ngay trong hoà bình. Đương nhiên thực hiện như vậy cũng là thực sự chuẩn bị cho yêu cầu đối phó với chiến tranh xâm lược bằng vũ khí công nghệ cao của kẻ thù.

Một vấn đề cần suy nghĩ là làm thế nào xây dựng, tăng cường khả năng phòng tránh đánh trả ở mức cao nhất (trong khả năng có thể) cho quân và dân ta, trước hết là ở các trung tâm kinh tế chính trị, các địa bàn chiến lược của đất nước trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa? Nhiệm vụ xây dựng, phát triển quân đội, tăng cường tiềm lực quốc phòng đã được quân dân cả nước thực hiện xuất sắc trong nền kinh tế tự túc tự cấp, sản xuất nhỏ, kế hoạch hoá tập trung cao, khép kín, có sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Làm thế nào thực hiện nhiệm vụ trên đây trong nền kinh tế mới?

Nền kinh tế hàng hoá, nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa dẫn đến những tác động mới và lớn đối với nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, tăng cường khả năng phòng tránh đánh trả, bảo vệ Tổ quốc.

Một là: Nền kinh tế ngày càng giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, là nơi tập trung của cải vật chất của đất nước, là nơi sản xuất ra những phương tiện, vật liệu, kỹ thuật hiện đại... trở thành nguồn cung cấp cơ bản và vững chắc cho quân đội. Khác hẳn với trước đây, nguồn này một phần do nhân dân cung cấp, do quân đội tự sản xuất, một phần quan trọng do viện trợ của các nước anh em.

Hai là: Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tất yếu sẽ giảm ưu thế tập trung, theo chỉ tiêu pháp lệnh trong việc xây dựng, phát triển quân đội tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh của nền kinh tế cũ. Vì thế việc xây dựng, phát triển, bảo đảm cho quân đội, cho củng cố quốc phòng - an ninh không thể chiếm vị trí ưu tiên số một như trước đây - mà số một là dân sinh, là đời sống nhân dân.

Ba là: Nền kinh tế mới làm thay đổi mối quan hệ giữa ba lợi ích: Lợi ích xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân. Lợi ích cá nhân trở thành một động lực quan trọng. Điều đó đòi hỏi phải có sự vận dụng phù hợp quan điểm "Dựa vào dân" để xây dựng quân đội, tăng cường khả năng phòng tránh đánh trả bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, biển đảo của Tổ quốc.

Giải pháp chung đối với yêu cầu xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân trong tình hình mới có thể là:

Trước hết, cần xây dựng các giải pháp, các nội dung phòng tránh đánh trả chiến tranh xâm lược ở mọi quy mô của kẻ thù theo hệ thống mở. Nghĩa là việc xây dựng thế trận phòng thủ, tăng cường khả năng phòng tránh đánh trả không chỉ do Bộ Quốc phòng, do kinh tế Nhà nước đảm nhiệm mà còn do kinh tế địa phương, kinh tế tư bản tư nhân (các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, liên doanh) cùng chịu trách nhiệm. Thực hiện được như vậy ngân sách quốc phòng sẽ không lớn, trong khi đó lại tận dụng được các thành tựu mới, hiện đại của nền kinh tế mở, làm cho các ngành, các thành phần kinh tế, các công dân đều thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc ngay trong hoà bình, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong đời sống.

Sau đó, cần thể chế hoá, pháp luật hoá nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng - an ninh, tăng cường khả năng phòng tránh đánh trả. Trước đây, bên cạnh kế hoạch, chỉ tiêu pháp lệnh còn tồn tại các mối quan hệ khác như "thân quen", "thương lượng", "thuyết phục"... để thực hiện các yêu cầu quân sự. Ngày nay cần thiết phải thể chế hoá, pháp luật hoá việc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng - an ninh, tăng cường khả năng phòng tránh đánh trả; trước hết là đòn tiến công hoả lực bằng đường không của địch, bảo vệ các khu vực phòng thủ trọng yếu như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... trong thời kỳ đầu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Ngành nào, thành phần kinh tế nào, địa phương nào, xí nghiệp nào (kể cả xí nghiệp liên doanh) trong địa bàn khu vực phòng thủ phải sản xuất và cung cấp những phương tiện, vật liệu, kỹ thuật gì; phải đóng góp sức người sức của ra sao cho quốc phòng - an ninh?... cần được quy định bằng những văn bản có tính pháp luật.

Đó cũng là những biện pháp cơ bản để huy động sức mạnh của toàn dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, toàn dân có trách nhiệm xây dựng quân đội, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Đó cũng là bước chuẩn bị cơ bản để quân và dân ta sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược ở mọi quy mô của bất cứ kẻ thù nào, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TỪ LỊCH SỬ 30 NĂM CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG CÁC PHƯƠNG THỨC TÁC CHIẾN CHIẾN LƯỢC GIÀNH THẮNG LỢI TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tướng, PGS, TS. VŨ VĂN KIỀU

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta luôn gắn liền với những chiến công oanh liệt, đánh bại các thế lực xâm lược có tiềm lực quân sự, kinh tế lớn mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Thắng lợi ấy bắt nguồn từ sức mạnh của toàn dân, của cả dân tộc, của sự vận dụng linh hoạt các hình thức và phương thức tác chiến chiến lược giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, Đảng ta đã phát triển chiến tranh cách mạng Việt Nam lên một tầm cao mới, lãnh đạo quân và dân ta đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc góp phần xứng đáng vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và sự tiến bộ của nhân dân thế giới.

Lịch sử chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta cho thấy, hoạt động tác chiến chiến lược đã tạo ra những thắng lợi quyết định trên chiến trường, trong từng giai đoạn, hoặc kết thúc chiến tranh. Để có những bước ngoặt thay đổi cục diện trên toàn bộ chiến trường, giành thắng lợi trong chiến tranh, các hoạt động tác chiến chiến lược giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược quân sự, bộ phận chủ đạo trong nghệ thuật quân sự Việt Nam. Nó liên quan đến tiến trình vận động phát triển của chiến tranh, liên quan trực tiếp đến vấn đề thắng, bại trong chiến tranh. Đặc biệt, từ khi có

sự lãnh đạo của Đảng, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân đội và nhân dân ta đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương thức tác chiến chiến lược để thực hiện phương châm "Kiên trì và đẩy mạnh, đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận để tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn".

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, với đối tượng tác chiến chủ yếu là quân đội đế quốc cùng lực lượng đồng minh và tay sai, nếu tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta chúng sẽ tiến hành chiến tranh bằng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, vũ khí công nghệ cao. Ta không thể đối đầu với chúng bằng vũ khí hiện đại mà phải bằng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân trong điều kiện mới. Chúng ta có thế trận của khu vực phòng thủ địa phương, có lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt. Đây là điều kiện thuận lợi để ta tiếp tục vận dụng linh hoạt các phương thức tác chiến chiến lược, tạo sức mạnh tổng hợp giành chiến thắng.

Tác chiến chiến lược là một hoạt động tác chiến lớn, diễn ra trên một không gian rộng, phạm vi toàn quốc, hay trên từng hướng chiến lược, ở một chiến trường lớn hay trên một vài chiến trường, do Bộ Tổng tư lệnh, hoặc Bộ Tư lệnh chiến trường chỉ huy; nhằm: tiêu hao lớn sinh lực, phương tiện chiến tranh và tiêu diệt một bộ phận quan trọng trong những lực lượng chiến lược của địch, để bảo vệ những mục tiêu, địa bàn trọng yếu, hoặc giải phóng những địa bàn trọng yếu có ý nghĩa chiến lược. Tác chiến chiến lược gồm nhiều hoạt động tác chiến hợp thành; điều hành các hoạt động đó một cách khéo léo, phù hợp với tình hình, tạo được sức mạnh chiến thắng địch chính là vận dụng linh hoạt các phương thức tác chiến chiến lược để giành thắng lợi trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Để thực hiện được các phương thức tác chiến trong hoạt động tác chiến chiến lược cần làm tốt một số biện pháp cơ bản sau:

Một là: Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo, toàn diện. Kiên quyết giữ vững các trọng điểm, kết hợp chặt chẽ với phản công, tiến công, giành và giữ quyền chủ động trên chiến trường.

Dựa vào thế trận chiến tranh nhân dân được chuẩn bị chu đáo về mọi mặt từ thời bình, trên cơ sở của các khu vực phòng thủ địa phương, tiến hành các hoạt động tác chiến phòng thủ, phòng ngự để giữ vững các khu vực, mục tiêu trọng điểm, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong thời kỳ

đầu của chiến tranh, nhằm ngăn chặn, tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, làm chậm bước tiến của chúng, buộc chúng phải sa lầy, bị động đối phó, tạo điều kiện, thời cơ cho các hoạt động chiến lược khác, nhất là các hoạt động tác chiến phản công, tiến công nhằm giành và giữ quyền chủ động ngay từ đầu và trong quá trình tổ chức các hoạt động tác chiến chiến lược. Đây là vấn đề lớn của quá trình tổ chức và điều hành các hoạt động tác chiến chiến lược, một trong những yếu tố hàng đầu là phải chuẩn bị tốt về lực, thế, thời, về cách đánh và các mặt bảo đảm khác để đánh chắc thắng, có hiệu suất cao, chiến dịch trước tạo thuận lợi cho chiến dịch sau, thúc đẩy hoạt động tác chiến chiến lược phát triển kết hợp với các mặt đấu tranh khác để kết thúc từng giai đoạn hoặc cả cuộc chiến tranh. Muốn đạt được điều đó phải chuẩn bị tốt, bảo đảm chắc thắng cho chiến dịch mở đầu và chiến dịch - chiến lược mang tính quyết định.

Về mặt vận dụng các hình thức tác chiến, ta chủ trương có tiến công (phản công) và có phòng thủ, phòng ngự. Lấy tiến công, phản công làm chính, đồng thời không phủ nhận sự cần thiết phải tiến hành phòng ngự trong một thời gian nào đó, ở một khu vực nào đó khi ta chưa chuẩn bị được thế và lực, đủ điều kiện chuyển sang phản công và tiến công. Tư tưởng tiến công không loại trừ cách đánh phòng ngự kể cả phòng ngự ở quy mô chiến dịch, chiến lược nhưng phải "phòng ngự ở thế công", phòng ngự để hỗ trợ cho phản công và tiến công.

Hai là: Kết hợp chặt chẽ giữa lập thế, tạo lực và nắm thời cơ, lựa chọn đúng chiến trường. Tiêu diệt, tiêu hao rộng rãi từng bộ phận quan trọng trong tập đoàn lực lượng chiến lược của địch.

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình về mặt chiến lược, để lựa chọn các chiến trường trọng điểm, kết hợp lập thế hiểm, tạo lực mạnh, nắm vững thời cơ, tập trung lực lượng mạnh cho các chiến trường chính. Thực hành tiến công (phản công) liên tục để tiêu diệt, tiêu hao nhiều lực lượng, phương tiện, phá vỡ thế trận chiến lược của địch, đánh thắng địch trong từng chiến dịch, tạo ra thế và thời cơ có lợi nhất để đánh thắng trận quyết chiến chiến lược giành thắng lợi hoàn toàn.

Ba là: Phối hợp chặt chẽ tác chiến của ba thứ quân, lấy bộ đội chủ lực làm nòng cốt ở các chiến trường trọng điểm.

Kiên quyết tạo ra những đột biến về chiến lược trong những thời điểm và giai đoạn quyết định. Trên phạm vi toàn cục cũng như trên từng hướng

chiến trường, trong từng chiến dịch, phải có kế hoạch phối hợp chặt chẽ các hoạt động của mọi lực lượng, của các thứ quân, khu vực phòng thủ và các binh đoàn chủ lực cơ động. Kế hoạch này được tổ chức hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, trong từng chiến dịch, trên từng hướng chiến trường cũng như ở phạm vi toàn cục.

Tác chiến của các binh đoàn cơ động chiến lược phải dựa chắc vào thế trận chiến tranh nhân dân, phối hợp chặt chẽ với lực lượng tại chỗ và lực lượng vũ trang địa phương trên từng hướng chiến trường và trong từng chiến dịch. Thực hiện đánh tiêu diệt những bộ phận quan trọng trong tập đoàn lực lượng chiến dịch của địch tạo ra những thay đổi có lợi cho ta cả về "thế" và "lực", đánh bại các biện pháp tác chiến chiến lược chủ yếu của địch, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trên các hướng phối hợp khác, lực lượng tại chỗ và lực lượng vũ trang địa phương có thể tiến hành các chiến dịch quy mô vừa và nhỏ cùng với các hoạt động tác chiến khác nhau nhằm sát thương lớn, tiêu diệt từng bộ phận lực lượng địch, thu hút, giam chân chủ lực địch, tạo điều kiện cho các binh đoàn cơ động chiến lược thực hiện các đòn đánh, các chiến dịch trên chiến trường đã lựa chọn.

Bốn là: Thực hiện bám trụ, cài xen với địch, chia cắt địch trên từng hướng, từng khu vực.

Từ thực tế của các cuộc chiến tranh chống quân xâm lược của dân tộc ta, đặc biệt là trong điều kiện ngày nay, ta thấy so sánh về lực lượng tác chiến kẻ địch luôn hơn ta về số lượng và vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại và phương tiện chiến tranh, đặc biệt là vũ khí công nghệ cao. Do vậy, bám trụ cài xen kẽ với địch còn phải được gắn liền với việc bố trí các lực lượng một cách hợp lý để tạo ưu thế trong từng khu vực tác chiến, từng trận chiến đấu hay từng chiến dịch để tiêu diệt quân địch; vận dụng linh hoạt các hình thức tác chiến, kết hợp linh hoạt các quy mô hoạt động; không ngừng nâng cao quy mô, trình độ tác chiến tập trung hiệp đồng quân chủng, binh chủng để tiêu diệt gọn từng đơn vị địch trên từng hướng, từng khu vực.

Năm là: Lãnh đạo, chỉ huy sáng suốt, sâu sát, chặt chẽ, thống nhất, toàn diện.

Để đánh thắng kẻ địch có ưu thế về hoả lực và sức cơ động, đặc biệt là ưu thế về vũ khí công nghệ cao, ta phải có cách đánh phù hợp và sáng tạo. Song, phải được bắt đầu bằng sự lãnh đạo đúng đắn, chỉ huy sáng suốt, sâu sát,

chặt chẽ, thống nhất và toàn diện. Như vậy mới phát huy được sức mạnh của mọi lực lượng, mọi thứ vũ khí trang bị mà ta có trong thế trận chiến tranh nhân dân, đánh địch bất ngờ dẫn dắt địch phải hành động theo cách mà ta lựa chọn. Hoạt động tác chiến chiến lược diễn ra trên không gian rộng, nhiều lực lượng tham gia đòi hỏi lãnh đạo, chỉ huy phải kịp thời, sâu sát nắm bắt được những vấn đề then chốt cụ thể trên từng hướng, trong từng giai đoạn để tập trung lãnh đạo giải quyết, nhằm phát huy được sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng tham gia tác chiến.

Sáu là: Kết hợp chặt chẽ quân sự với chính trị, tác chiến với binh vận, địch vận. Tiến công quân sự kết hợp với bảo đảm an ninh trật tự xã hội.

Là hoạt động mang tính tổng hợp cao, hoạt động tác chiến chiến lược là cuộc đọ sức toàn diện cả về sức mạnh vật chất cũng như tinh thần của cả quốc gia và chế độ trong chiến tranh. Điều này được thể hiện bằng sức mạnh tổng hợp về quân sự trên chiến trường và sự bền vững của chế độ trong chiến tranh.

Ta đánh địch trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế... trong đó quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường làm yếu tố quyết định, kết hợp chặt chẽ với các mặt đấu tranh khác tạo thành sức mạnh tổng hợp, ưu thế trên không gian tác chiến chiến lược, đặc biệt là tạo sức mạnh trên hướng, (khu vực) chiến lược chủ yếu và thời cơ quyết định. Tiến công quân sự kết hợp với bảo đảm an ninh, trật tự xã hội nhằm giữ vững ổn định, duy trì sản xuất và đời sống của nhân dân ở những nơi chưa có chiến sự, ngăn chặn và dập tắt bạo loạn, làm thất bại thủ đoạn trong ngoài cùng đánh của kẻ địch là yêu cầu mới của cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Trong quá trình tác chiến hết sức coi trọng công tác binh địch vận cả ở phạm vi chiến lược, chiến dịch và chiến đấu.

Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, có thể xuất hiện các loại hình tác chiến chiến lược sau: Phòng tránh và đánh trả tiến công hoả lực của địch và tác chiến bảo vệ biên giới, biển đảo; phòng thủ chiến lược; phản công, tiến công chiến lược.

Phòng tránh và đánh trả tiến công hoả lực của địch là loại hình tác chiến nhằm phòng tránh, đánh trả tiến công đường không chiến lược của địch bằng lực lượng phòng không quốc gia, phòng không lục quân và phòng không nhân dân rộng rãi của các khu vực phòng thủ địa phương, kết hợp với

không quân nhằm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quan trọng các phương tiện tiến công đường không (bắn rơi máy bay, tên lửa hành trình), tiêu diệt và bắt sống giặc lái; kết hợp với phòng tránh, sơ tán lực lượng, phòng, chống tác chiến điện tử nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và của, bảo tồn được lực lượng chiến lược của ta, làm thất bại ý đồ tiến công đường không chiến lược của địch trên một vùng chiến lược, một chiến trường hoặc trên cả nước. Đây là loại hình tác chiến chiến lược thường hay diễn ra ngay trong thời kỳ đầu chiến tranh. Địch thường tiến hành với âm mưu "làm mềm chiến trường", thử thách khả năng, sức chịu đựng và quyết tâm của ta. Có thể nếu ta đánh bại được cuộc tiến công đường không chiến lược, địch bị tổn thất nặng không thể chịu đựng nổi, buộc chúng phải chịu thất bại, không dám tiếp tục tiến công, phải tìm những giải pháp chính trị để kết thúc chiến tranh.

Tác chiến bảo vệ biển, đảo, chống phong toả đường biển là loại hình tác chiến được diễn ra trên chiến trường biển, đảo nhằm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong các tình huống xảy ra xung đột quân sự, khi địch tiến công bằng lực lượng của hải quân, không quân có thể dẫn tới nguy cơ mất những đảo lớn và chủ quyền trên biển của Tổ quốc. Các trận chiến đấu phòng ngự giữ đảo, các đợt tác chiến đánh trả đòn tiến công của hải quân, không quân địch do lực lượng hải quân làm nòng cốt kết hợp với không quân, lực lượng vũ trang các quân khu ven biển tiến hành dưới sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Tổng tư lệnh. Tác chiến bảo vệ biển, đảo gắn chặt với đấu tranh ngoại giao, đấu tranh chính trị tạo áp lực mạnh của dư luận và luật pháp quốc tế, buộc địch phải ngừng hoạt động quân sự đi đến giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng con đường hoà bình, giữ vững độc lập chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Phòng thủ chiến lược là một loại hình tác chiến chiến lược có tính tổng hợp cao do lực lượng tại chỗ trên từng hướng (khu vực) chiến lược cùng với lực lượng cơ động cấp chiến lược tiến hành, lấy lực lượng vũ trang tại chỗ làm nòng cốt, dựa trên thế trận chiến tranh nhân dân được chuẩn bị sẵn từ thời bình và nền tảng của sự liên kết các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), phòng thủ chiến lược diễn ra bằng các hoạt động đấu tranh trên mọi lĩnh vực, của các lực lượng trên địa bàn của một hoặc hai quân khu (trên một hướng chiến lược) trong đó đấu tranh quân sự là mặt chủ yếu; tiến hành theo một kế hoạch, dưới sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ Tổng tư lệnh

(hoặc cơ quan chỉ huy do Bộ Tổng tư lệnh phái ra) nhằm: Kịp thời chuyển mọi lực lượng từ thời bình sang thời chiến sẵn sàng xử lý kịp thời mọi tình huống tác chiến xảy ra. Đánh trả kịp thời và có hiệu quả các đòn tiến công đường không của địch, giữ vững thế trận của ta. Đánh bại cuộc tiến công chiến lược của địch, sát thương lớn, tiêu hao, tiêu diệt bộ phận sinh lực quan trọng của địch, ngăn chặn làm chậm bước tiến quân của chúng, đánh bại chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, bảo vệ lực lượng ta, giữ vững được những mục tiêu, địa bàn chiến lược trọng yếu, tạo ra thế và lực cho các hoạt động tác chiến chiến lược tiếp theo của ta.

Phản công chiến lược do các binh đoàn cơ động chiến lược làm nòng cốt, kết hợp chặt chẽ với hoạt động tác chiến và các mặt đấu tranh khác của lực lượng tại chỗ trên từng hướng, địa bàn, khu vực chiến lược được tiến hành trên một, hoặc vài chiến trường tác chiến (hướng chiến lược), nhằm đánh bại tập đoàn chiến lược của đối phương đang trong quá trình tiến công, giành thế chủ động chiến lược, tạo điều kiện để chuyển sang tiến công chiến lược, hoặc kết thúc chiến tranh.

Tiến công chiến lược là loại hình cơ bản của hoạt động tác chiến chiến lược, được sử dụng nhằm đạt được những mục đích chính trị - quân sự có ý nghĩa chiến lược trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Được thực hiện bằng cách tiến hành các chiến dịch, chiến dịch - chiến lược tiến công là chủ yếu, kết hợp chặt chẽ với các hình thức hoạt động và đấu tranh khác, lấy hoạt động tác chiến của các binh đoàn cơ động chiến lược làm nòng cốt, diễn ra trên một hoặc một số chiến trường tác chiến (hướng chiến lược) theo một ý định và kế hoạch thống nhất của Bộ. Để đạt được mục đích, tiến công chiến lược phải đánh bại và tiêu diệt một bộ phận quan trọng trong các tập đoàn chiến lược của địch, chiếm lại các địa bàn, khu vực chiến lược xung yếu, làm thay đổi thế và lực có lợi cho ta hoặc kết thúc chiến tranh.

Trong điều kiện hiện nay, để tiến hành thắng lợi các loại hình tác chiến chiến lược, các lực lượng vũ trang của ta phải huấn luyện để đánh giỏi bằng vũ khí trang bị có trong biên chế, đồng thời cũng thành thạo đánh hiệp đồng quân binh chủng ở các quy mô để hoàn thành tốt vai trò làm nòng cốt trong tác chiến chiến lược. Trong huấn luyện phải kết hợp huấn luyện phổ thông đại trà cho tất cả các lực lượng với huấn luyện trọng tâm, trọng điểm và nâng cao cho từng đối tượng cụ thể. Đặc biệt chú trọng huấn luyện cho lực

lượng trực tiếp sẵn sàng chiến đấu, có sức dẻo dai, chịu đựng gian khổ cường độ lớn. Huấn luyện sát thực tế và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa bàn chiến lược. Đồng thời phải gắn huấn luyện với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, địa phương. Huấn luyện trong thời bình phải nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng. Muốn phát huy sức mạnh tổng hợp có nhiều yếu tố, song quan trọng nhất phải có chỉ huy, lãnh đạo thống nhất các lực lượng trong từng khu vực. Cho nên, các vấn đề cơ chế lãnh đạo của Đảng ủy quân sự các cấp, nhất là cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp chiến dịch, chiến thuật... cần nghiên cứu thật hợp lý, khoa học để tập trung được ý chí và hành động khi xử trí tình huống cụ thể của từng loại hình tác chiến và từng giai đoạn chiến tranh.

Lịch sử cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ của nhân dân ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược trong suốt 30 năm qua là lịch sử 30 năm chiến tranh cách mạng của một dân tộc luôn phải đấu tranh với những thế lực ngoại xâm hùng mạnh, lập nên những chiến công oanh liệt, để lại cho nhân dân, cho các thế hệ hôm nay và mai sau truyền thống chống giặc ngoại xâm ngoan cường, bất khuất. Lịch sử đó đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tư tưởng nghệ thuật quân sự Việt Nam đặc sắc "Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", "lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh", "trăm họ đều là binh", "toàn dân đánh giặc".

Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trong cuộc chiến tranh cách mạng 1945-1975 là một tất yếu lịch sử. Điều đó chứng minh một chân lý trong thời đại ngày nay, một cuộc cách mạng muốn giành thắng lợi, tất phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

VẬN DỤNG KINH NGHIỆM TRONG TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN VÀO XÂY DỰNG KHU VỰC PHÒNG THỦ THÀNH PHỐ NGÀY NAY

Trung tướng, TS. NGUYỄN NHƯ HOẠT

Nhân dịp kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến, từ những chiến công oanh liệt của quân và dân Thủ đô qua 60 ngày đêm lịch sử, để tiếp tục tìm hiểu kinh nghiệm chuẩn bị và thực hành kháng chiến, xin nêu lên một số suy nghĩ bước đầu về những vấn đề ngày nay có thể vận dụng trong xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc, góp phần thực hiện thắng lợi hai nghiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Hà Nội trở thành Thủ đô cùng cả nước ra sức xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ. Nhưng lợi dụng danh nghĩa Đồng minh, các thế lực thù địch đã âm mưu nhanh chóng bóp chết Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Được quân Anh giúp đỡ, che chở, thực dân Pháp đã ngang nhiên xâm lược Nam Bộ. Ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch câu kết với bọn phản động (Việt quốc, Việt cách) tiến vào Thủ đô âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng ta.

Trong khi đó, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, thách thức: chính quyền cách mạng mới thành lập, kinh tế tài chính kiệt quệ, thiên tai xảy ra liên tiếp, ruộng đất bỏ hoang, hàng triệu người chết đói. Đảng và Chính phủ vừa phải khắc phục khó khăn về mọi mặt, vừa đấu tranh ngăn chặn những thủ đoạn phá hoại và hành động khiêu khích trắng trợn của kẻ thù, vừa

phải chỉ đạo kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng đã nhận định: "*Không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định phải đánh Pháp*". Do vậy, nhân dân ta phải tranh thủ xây dựng đất nước, đồng thời khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Thủ đô Hà Nội cũng nằm trong tình thế hết sức khó khăn: hàng chục xí nghiệp đóng cửa, công nhân thất nghiệp, hàng hoá khan hiếm, đắt đỏ; 50% ruộng đất ngoại thành bỏ hoang; Chính phủ phải cung cấp lương thực, thực phẩm cho hàng vạn quân Tưởng. Mặt khác, Hà Nội phải đối đầu với các hoạt động khiêu khích, phá hoại ngày càng tăng của các thế lực thù địch. Vì vậy, giữ vững chính quyền Trung ương và khẩn trương chuẩn bị cho toàn quốc kháng chiến là nhiệm vụ trung tâm, có ý nghĩa sống còn đối với quân và dân Thủ đô trong lúc này.

Công tác chuẩn bị kháng chiến của Thủ đô được tiến hành trong thế xen kẽ và quá chênh lệch về tương quan lực lượng. Địch có quân đội nhà nghề, chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt. Ngược lại, bộ máy chính quyền của ta chưa ổn định, tiềm lực còn rất yếu; lực lượng vũ trang mới ra đời, trang bị thô sơ, chưa có kinh nghiệm tác chiến. Thời gian lại quá gấp, mọi việc chuẩn bị chưa đầy 16 tháng kể từ khi ta giành được chính quyền (9-1945 - 12-1946). Nhưng nhờ có sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, có sự giúp đỡ của các cơ quan Trung ương và các địa phương nên công tác chuẩn bị được tiến hành rất khẩn trương và đạt hiệu quả tốt.

Bằng nhiều biện pháp tích cực, thiết thực, kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền giáo dục, đi đôi với củng cố xây dựng cơ sở chính trị, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân... nên ý chí "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" của mọi tầng lớp nhân dân trong chuẩn bị và tham gia kháng chiến đã được động viên mạnh mẽ. Nhờ vậy, sau hơn một năm xây dựng, lực lượng vũ trang Thủ đô đã hình thành bốn lực lượng: Vệ quốc đoàn; Công an xung phong; Tự vệ nội thành và Dân quân tự vệ ngoại thành. Bộ chỉ huy đã khẩn trương chuẩn bị phương án tác chiến, xây dựng công trình, công sự; lập "Vành đai đỏ" hình thành An toàn khu (ATK); thu mua, quyên góp lương thực, may quân trang; thu gom, sửa chữa vũ khí, sản xuất lựu đạn, bom ba càng... Mọi công tác chuẩn bị đều nhằm mục tiêu được giao: "Hà Nội cần giam chân quân địch ít nhất là một tháng; tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang chiến tranh".

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mở đầu cho toàn quốc kháng chiến, quân và dân Thủ đô đã nhất tề đứng lên đánh giặc, cứu nước. Cả thành phố là một mặt trận, không phân biệt trẻ già, trai gái, tôn giáo, dân tộc... mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi đường phố là một chiến lũy, mỗi ngôi nhà, góc phố đều là trận địa diệt thù. Với tinh thần "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh", qua 60 ngày đêm chiến đấu anh dũng, quân và dân Thủ đô đã đánh gần 200 trận; tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu gần 2.000 tên địch, phá hủy, phá hỏng 22 xe tăng và xe thiết giáp; 31 xe vận tải; bắn rơi, bắn hỏng 7 máy bay; bắn chìm 2 ca nô, giam chân địch 2 tháng trời.

Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: Tiêu diệt nhiều sinh lực địch; kìm giữ giam chân đạo quân tinh nhuệ, có ưu thế quân sự gấp ta nhiều lần; làm thất bại hoàn toàn âm mưu của thực dân Pháp; giữ gìn và phát triển lực lượng vũ trang; bảo vệ được cơ quan đầu não kháng chiến; tạo điều kiện thuận lợi để Thủ đô và toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Qua cuộc chiến đấu sinh tử đó, nhìn từ góc độ chuẩn bị về quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân ở địa phương, có thể rút ra một số vấn đề cần nghiên cứu để vận dụng sau đây:

Một là, *về chỉ đạo chiến lược,* ta đã phân tích, dự báo đúng tình hình, sớm phát hiện và có biện pháp đối phó kịp thời với âm mưu, thủ đoạn của địch; nắm vững thời cơ chiến lược, chủ động tiến công khi không thể hoà hoãn; lựa chọn chính xác chiến trường chính và mục tiêu chủ yếu là Hà Nội để mở đầu kháng chiến. Trong thời gian gấp, công tác chuẩn bị đã hết sức chủ động, khẩn trương, toàn diện. Luôn chú trọng nghệ thuật tạo thời, lập thế, trì hoãn, kéo dài thời gian để chuẩn bị, kìm giữ địch ở Hà Nội để các địa phương chuẩn bị và chuyển sang thời chiến.

Hai là, *có đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, sáng tạo,* nắm vững quan điểm vũ trang toàn dân; động viên sức mạnh của nhân dân, coi trọng và phát huy tinh thần yếu tố con người. Tiến hành tốt công tác giáo dục chính trị, tập trung vào những nội dung cơ bản như: giáo dục lòng yêu nước, chí căm thù địch, phát huy độc lập, tự lực, tự cường, lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy yếu đánh mạnh, xây dựng niềm tin, ý chí dám đánh, quyết đánh và tất thắng cho mọi người.

Ba là, *tích cực, chủ động tổ chức chuẩn bị về mọi mặt.* Trong thời gian rất ngắn, công tác chuẩn bị đã tiến hành khẩn trương, chu đáo, động viên được toàn dân tham gia. Chuẩn bị phải toàn diện, cả lực lượng và thế trận, trên các lĩnh vực, với mọi đối tượng cả lực lượng vũ trang và nhân dân, cả

chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nội thành và ngoại thành, tại chỗ và sơ tán, huy động của Nhà nước và quyên góp của nhân dân... Đặc biệt luôn coi trọng chuẩn bị yếu tố chính trị, tinh thần; huấn luyện, bồi dưỡng quân sự cho quân và dân ta.

***Bốn là**, vận dụng nghệ thuật quân sự, phát huy cách đánh thích hợp, tạo dựng thế trận phòng ngự vững chắc*. Trên cơ sở nghệ thuật chiến tranh nhân dân, ta *chủ động xây dựng phương án tác chiến* chặt chẽ, hợp lý. Tổ chức *bố trí các lực lượng tham gia phòng thủ* tạo thành *thế trận vững chắc, liên hoàn* giữa các khu, liên khu trong thành phố, tập trung vào các trọng điểm, được bổ sung, điều chỉnh kịp thời trong quá trình chiến đấu. Bộ chỉ huy đã *xác định cách đánh phòng ngự thích hợp* với khả năng, điều kiện và trình độ của lực lượng vũ trang. Đồng thời biết vận dụng sáng tạo nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu công thủ toàn diện, linh hoạt, bất ngờ, đạt hiệu suất chiến đấu cao.

*

* *

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đất nước ta đang đứng trước những thời cơ, vận hội mới, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình" chống phá các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến tranh thế giới ít có khả năng xảy ra, nhưng xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, bạo loạn ly khai, lật đổ, khủng bố, tranh chấp biên giới lãnh thổ, biển, đảo và tài nguyên thiên nhiên sẽ tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp hơn. Do vậy, nguy cơ chiến tranh xâm lược trên thế giới vẫn chưa thể loại trừ.

Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng đang và sẽ trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới. Nhưng vẫn đang tồn tại nhiều mâu thuẫn về ý thức hệ chính trị, dân tộc, sắc tộc, tôn giáo... Do vậy, các nước trong khu vực này vừa có cơ hội tranh thủ hợp tác, phát triển, vừa phải chấp nhận những thách thức, cạnh tranh quyết liệt trong quá trình xây dựng và bảo vệ lợi ích của mình.

Đất nước ta qua 20 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đó là tiền đề để nước ta tiếp tục vươn lên thực hiện các

mục tiêu chiến lược đến năm 2010. Tuy nhiên, nước ta mới tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trong tình trạng nền kinh tế còn kém phát triển nên vừa đứng trước những thời cơ, vận hội mới, đồng thời phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khó lường. Các thế lực thù địch sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ với những âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Chiến tranh xâm lược đối với nước ta ít có khả năng xảy ra, nhưng xung đột vũ trang trên bộ, trên biển, bạo loạn ly khai, lật đổ và các hoạt động khủng bố có thể diễn ra ở một số nơi, cần phải hết sức cảnh giác đề phòng.

Hà Nội là một thành phố có vị trí chiến lược quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều đó đã được Nghị quyết số 15/BCT của Bộ Chính trị ngày 15 tháng 12 năm 2000 xác định: "Hà Nội là trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế". Hà Nội đồng thời là trọng điểm về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và là mục tiêu các thế lực thù địch luôn tập trung chống phá. Qua 15 năm xây dựng khu vực phòng thủ thành phố, Hà Nội đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần trực tiếp giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và phát triển Thủ đô tiến bộ toàn diện... Tuy nhiên, việc xây dựng của Hà Nội vẫn tồn tại một số vấn đề cả về lý luận và thực tiễn cần phải khắc phục để tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ thành phố đi vào chiều sâu, vững chắc hơn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 8 (khoá IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc và Nghị quyết Đảng bộ Thành phố lần thứ 14, việc xây dựng khu vực phòng thủ ngày nay đang đặt ra những yêu cầu mới cao hơn. Trên cơ sở phát huy thành quả qua 15 năm xây dựng; tiếp tục học tập kinh nghiệm chuẩn bị và thực hành chiến đấu của Thủ đô Hà Nội trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc; qua đó có thể vận dụng một số nội dung sau đây vào xây dựng khu vực phòng thủ thành phố:

***Một là**, vận dụng tư tưởng, quan điểm trong xây dựng và tác chiến*

Trong chiến tranh địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, khu vực phòng thủ thành phố phải xây dựng vững chắc về mọi mặt mới có thể độc lập, tự lực chiến đấu để bảo vệ mình và cùng cả nước đánh thắng kẻ thù xâm lược. Qua thực tiễn từ những ngày đầu kháng chiến, có những tư tưởng, quan điểm vẫn còn nguyên giá trị và có thể vận dụng trong xây dựng khu vực phòng

thủ ngày nay. Đó là, xây dựng cho quân và dân có ý chí quyết tâm *dám đánh, quyết đánh và biết đánh.*

Cuộc chiến tranh trong tương lai sẽ quyết liệt, phức tạp hơn nhiều so với cuộc chiến đấu 60 năm trước. Khu vực phòng thủ thành phố vẫn phải đối phó với kẻ địch có binh khí kỹ thuật hiện đại gấp nhiều lần. Do vậy, muốn chiến đấu giữ vững Thủ đô vẫn phải vận dụng kinh nghiệm xây dựng yếu tố chính trị tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do", "Thà chết không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", với một ý chí sắt đá kiên cường trụ bám, độc lập, tự lực đánh địch, sẵn sàng "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" cho dù chúng có quân đông và vũ khí trang bị mạnh đến đâu. Mặt khác, cần chuẩn bị cho khu vực phòng thủ có ý chí quyết đánh, đánh bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, với mọi đối tượng, trong mọi tình huống. Đối với kẻ địch có ưu thế vượt trội về vũ khí công nghệ cao, khu vực phòng thủ thành phố cần phải "biết đánh", vận dụng tư tưởng lấy thô sơ, kém hiện đại để chống hiện đại, sáng tạo ra cách đánh phù hợp và hiệu quả. Đồng thời coi trọng và vận dụng tốt bài học bảo toàn, giữ gìn lực lượng, hạn chế tối đa uy lực binh khí kỹ thuật hiện đại của địch để càng đánh càng mạnh, càng đánh càng trưởng thành.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp, khu vực phòng thủ thành phố cần tiếp tục vận dụng bài học: dựa vào dân, phát huy sức mạnh tại chỗ, huy động toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện, đánh bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, coi trọng vũ khí thô sơ, tự tạo. Để xây dựng một nền quốc phòng địa phương vững chắc, tạo được sức mạnh tổng hợp của khu vực phòng thủ thành phố, chúng ta cần vận dụng tốt những bài học của quân và dân Thủ đô trong những ngày toàn quốc kháng chiến về tổ chức xây dựng lực lượng, chuẩn bị thế trận, kết hợp tại chỗ với cơ động, phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương...

***Hai là,** tích cực chủ động, tranh thủ thời gian chuẩn bị chu đáo về mọi mặt*

Toàn bộ thời gian chuẩn bị kháng chiến của quân và dân Thủ đô diễn ra chưa đầy 16 tháng kể từ khi giành được chính quyền đến trước giờ nổ súng. Kết quả chuẩn bị đó được minh chứng bằng những chiến công của quân và dân Thủ đô qua 60 ngày đêm lịch sử. Qua đó đã cho chúng ta nhiều bài học quý giá có thể vận dụng trong xây dựng khu vực phòng thủ thành phố ngày nay. Mọi công việc chuẩn bị để đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược được thể hiện trong quá trình xây dựng khu vực phòng thủ thành phố. Đặc điểm,

yêu cầu, nội dung, phương pháp chuẩn bị tuy có khác trước, nhưng có nhiều vấn đề vẫn không thay đổi. Đó là, công tác chuẩn bị phải toàn diện, có trọng điểm; vẫn phải đặc biệt coi trọng xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang làm nòng cốt; đảm bảo chu đáo cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật; tổ chức sơ tán bảo toàn lực lượng, phối hợp hiệp đồng giữa các lực lượng trong khu vực phòng thủ thành phố và các khu vực phòng thủ tỉnh có liên quan... Mọi công việc chuẩn bị phải động viên toàn dân tham gia, hình thành hai bước chuẩn bị trước và chuẩn bị trực tiếp.

Trong xây dựng lực lượng của khu vực phòng thủ, trước hết cần vận dụng bài học về chuẩn bị con người. Bằng nhiều biện pháp tiến hành giáo dục thường xuyên cho toàn dân về mọi mặt, từ trong thời bình. Chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục vận động quần chúng với quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội; xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng; kết hợp huấn luyện lực lượng vũ trang với hoạt động bảo vệ an ninh và vận động quần chúng xây dựng cơ sở... Trong xây dựng khu vực phòng thủ ngày nay, cần coi trọng bài học về chuẩn bị yếu tố chính trị tinh thần; vận dụng kinh nghiệm đã xây dựng thành công ý chí quyết tâm, niềm tin chiến thắng cho quân và dân Thủ đô để có tinh thần chiến đấu anh dũng như ở Nhà hát Lớn, Bắc Bộ Phủ; nhà thương Vọng, chợ Đồng Xuân, Giảng Võ, thôn Tàm Xá, Tứ Tổng... và những gương anh dũng hy sinh như Trần Thành đánh bom ba càng, Nguyễn Ngọc Nại thu hút hỏa lực địch...

Đối với chuẩn bị lực lượng vũ trang, do xác định đúng vai trò nòng cốt cho toàn dân đánh giặc nên chỉ trong thời gian ngắn, Hà Nội đã hình thành các lực lượng là Vệ quốc đoàn, Công an xung phong, Tự vệ chiến đấu cứu quốc, Tự vệ Thành Hoàng Diệu, Tự vệ các xí nghiệp, nhà máy và Dân quân ngoại thành. Ngày nay, những bài học về xây dựng huấn luyện lực lượng vũ trang ba thứ quân; vừa chiến đấu vừa xây dựng trưởng thành; phát động toàn dân chăm lo xây dựng... vẫn có thể vận dụng phù hợp.

Đối với thế trận công trình của khu vực phòng thủ ngày nay, cách triển khai xây dựng sẽ không như những ngày đầu kháng chiến. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể vận dụng được nhiều bài học về quan điểm tổ chức thế trận, nghệ thuật bố trí đội hình và mưu mẹo sử dụng lực lượng... Nhiều bài học vẫn còn nguyên giá trị như dự kiến phương án tác chiến để xác định thế trận công trình; tổ chức bố trí phải liên hoàn, vững chắc, toàn diện cả công trình quân sự và dân sự, công sự chiến đấu và phòng tránh, công trình bảo đảm lãnh đạo, chỉ huy và hậu cần, kỹ thuật. Thế trận phải chuẩn bị sớm ngay từ thời bình và tiếp tục xây dựng bổ sung khi có chiến tranh.

Về chuẩn bị cơ sở vật chất, hậu cần, kỹ thuật, bài học quan trọng nhất là phải dựa vào dân, phát huy sức mạnh toàn dân, khai thác tốt hậu cần nhân dân, hậu cần tại chỗ. Ngày nay, tuy điều kiện kinh tế đã khá hơn, nhưng khu vực phòng thủ vẫn phải khai thác nguồn lực từ trong nhân dân. Trong xây dựng khu vực phòng thủ thành phố, chúng ta có thể vận dụng những kinh nghiệm chuẩn bị cơ sở vật chất trong toàn quốc kháng chiến để xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, kết hợp kinh tế với quốc phòng trong các thành phần kinh tế, tổ chức sản xuất vũ khí trang bị theo hướng lưỡng dụng.

Mặt khác, quá trình chuẩn bị kháng chiến ở Thủ đô trước đây luôn có sự kết hợp chặt chẽ với đấu tranh bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Do vậy, ngày nay đấu tranh chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch cũng là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc.

***Ba là**, vận dụng phù hợp, sáng tạo nghệ thuật tác chiến*

Ngày nay, nếu đất nước bị xâm lược, chúng ta vẫn phải tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong thế không cân sức, kẻ thù vượt trội ta rất xa về trình độ vũ khí trang bị. Kinh nghiệm toàn quốc kháng chiến cho thấy, muốn chiến thắng phải tìm ra cách đánh thích hợp. Quân và dân Thủ đô đã vận dụng sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân độc đáo của Việt Nam, *kết hợp nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu:* phòng ngự, chốt chặn, tiêu hao, kìm giữ kết hợp với tiến công, tập kích, phục kích, đánh giao thông, sân bay, kho tàng với nghệ thuật nghi binh, đánh lừa và rút lui. Chiến đấu luôn đi đôi với bảo vệ, bảo tồn lực lượng, chuẩn bị hậu cứ, ATK; *coi trọng việc tổ chức tản cư, sơ tán dân, sơ tán cơ sở vật chất máy móc, trang thiết bị sản xuất*... Ngày nay, trong tác chiến của khu vực phòng thủ để bảo vệ vững chắc Thủ đô vẫn phải vận dụng sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong điều kiện mới. Tuy nhiên, *khu vực phòng thủ ngày nay muốn đánh thắng chiến tranh địch dùng vũ khí công nghệ cao, phải tìm ra cách đánh mới phù hợp, đi đôi với từng bước hiện đại hoá vũ khí trang bị.*

Chỉ đạo tiến hành xây dựng *thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân ở địa phương trong thời bình, sẵn sàng chuyển thành thế trận chiến tranh nhân dân trong thời chiến,* liên kết thành thế trận khu vực phòng thủ tỉnh, thành và quân khu bao gồm hệ thống công sự trận địa phòng thủ được quy hoạch xây dựng theo từng năm, từng bước, kết hợp với cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải, thông tin và các ngành kinh tế khác, hình

thành các công trình phòng tránh, trú ẩn chiến đấu nhằm bảo toàn lực lượng, phương tiện, hạn chế sát thương khi địch đánh phá với tinh thần độc lập, tự lực bằng các phương pháp hoạt động của khu vực phòng thủ...

Bốn là, vận dụng xây dựng cơ cấu tổ chức, vận hành cơ chế lãnh đạo, điều hành, chỉ huy các lực lượng

Ngày nay, tác chiến của khu vực phòng thủ thành phố sẽ có nhiều lực lượng vũ trang tham gia với nhiều mối quan hệ phức tạp hơn trước đây. Tuy đã có cơ chế, quy chế, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn trong giải quyết những vấn đề liên quan. Cơ cấu tổ chức của Thủ đô đã phát triển, quan hệ ngày càng mở rộng cả trong nước và quốc tế, bao gồm nhiều đối tượng, tầng lớp dân cư, nhiều thành phần kinh tế với mặt bằng dân trí cao. Mọi hoạt động của khu vực phòng thủ thành phố đang được vận hành theo cơ chế Nghị quyết 02/BCT (năm 1986). Song những kinh nghiệm về lãnh đạo, điều hành, chỉ huy tác chiến của Mặt trận Hà Nội trước đây vẫn có nhiều vấn đề cần nghiên cứu vận dụng. Đó là việc phân cấp lãnh đạo, chỉ huy đối với từng lực lượng, hoặc phát huy sự lãnh đạo, chỉ huy tập trung thống nhất của Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội để tạo thành sức mạnh tổng hợp.

Chiến công oanh liệt của quân dân Thủ đô trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc, góp phần làm rạng rỡ thêm truyền thống của Thủ đô nghìn năm văn hiến, toả sáng thêm hào khí của 1.000 năm Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, đồng thời để lại những bài học kinh nghiệm quý báu, có tầm vóc chiến lược cho thế hệ hôm nay. Tuy nhiên, học tập và vận dụng những kinh nghiệm đó vào xây dựng khu vực phòng thủ ngày nay cần phải có sự sáng tạo, sát với thực tiễn của tình hình Thủ đô trong thời kỳ mới. Vận dụng có hiệu quả những kinh nghiệm lịch sử đó sẽ góp phần xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Thủ đô, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

MỤC LỤC

65 NĂM
TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN
(1946 - 2011)

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. PHẠM BÁ TOÀN
Chịu trách nhiệm bản thảo: KIỀU BÁCH TUẤN
Biên tập: ĐẬU XUÂN LUẬN - HOÀNG LAN ANH
Trình bày: HÀ THẢO
Sửa bản in: PHƯƠNG THẢO - THU THỦY
Bìa: QUANG ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
23 Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: http://nxbqdnd.com.vn
Email: nxbqdnd@nxbqdnd.com.vn
ĐT: 04.38455766 - 04.37470780; Fax: 04.37471106

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Số 8 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1
ĐT: 069.667452 - 08.39111563; Fax: 08.39111563

Cơ quan đại diện tại Thành phố Cần Thơ
Phi trường 31 - đường Cách mạng tháng Tám
ĐT: 069.629905 -0710.3814772; Fax: 0710.3814772

Cơ quan đại diện tại Thành phố Đà Nẵng
Số 15A Duy Tân - Quận Hải Châu
ĐT: 0511.6250803; Fax: 0511.6250803

In xong: 9-2011
Khổ sách: 19x27
Số trang: 532
Số xuất bản:
Sắp chữ tại:
In và đóng sách tại: Nhà máy in BTTM

Nộp lưu chiểu: 9- 2011
Số lượng: 1.650
354-2011/CXB/2-61/QĐND
Nxb Quân đội nhân dân
Số in: 1598

65 năm
TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN
(1946 - 2011)